

Số: 28/2024/TB-VPA

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2024

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ CÁC NGÀY
01/4/2024, 02/4/2024, 03/4/2024, 04/4/2024 VÀ 05/4/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô các ngày 01/4/2024, 02/4/2024, 03/4/2024, 04/4/2024 và 05/4/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 01/4/2024: Trước 16h30' ngày 29/3/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trước 16h30' ngày 29/3/2024).

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 02/4/2024: Trước 16h30' ngày 30/3/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trước 16h30' ngày 30/3/2024).

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 03/4/2024: Trước 16h30' ngày 31/3/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trước 16h30' ngày 31/3/2024).

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 04/4/2024: Trước 16h30' ngày 01/4/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trước 16h30' ngày 01/4/2024).

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 05/4/2024: Trước 16h30' ngày 02/4/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trước 16h30' ngày 02/4/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.



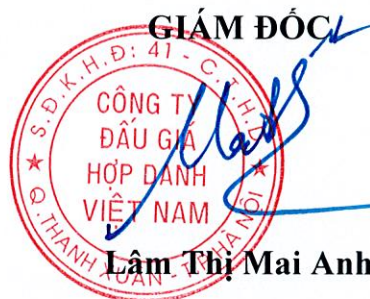
- Thời lượng đấu giá: 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- TK9 - Bộ Công an (Đề B/c);
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 05/4/2024											
Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: trước 16h30p ngày 02/4/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).											
Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	30K-400.66	Hà Nội	1001	30K-405.79	Hà Nội	2001	30K-999.99	Hà Nội	3001	30K-686.89	Hà Nội
2	30K-408.08	Hà Nội	1002	30K-406.89	Hà Nội	2002	30K-405.89	Hà Nội	3002	30K-404.39	Hà Nội
3	30K-409.68	Hà Nội	1003	30K-407.39	Hà Nội	2003	30K-410.66	Hà Nội	3003	30K-404.68	Hà Nội
4	30K-409.79	Hà Nội	1004	30K-410.79	Hà Nội	2004	30K-413.68	Hà Nội	3004	30K-408.79	Hà Nội
5	30K-413.39	Hà Nội	1005	30K-420.88	Hà Nội	2005	30K-414.79	Hà Nội	3005	30K-412.39	Hà Nội
6	30K-415.15	Hà Nội	1006	30K-427.89	Hà Nội	2006	30K-422.39	Hà Nội	3006	30K-412.68	Hà Nội
7	30K-415.88	Hà Nội	1007	30K-431.79	Hà Nội	2007	30K-422.44	Hà Nội	3007	30K-420.66	Hà Nội
8	30K-427.39	Hà Nội	1008	30K-432.79	Hà Nội	2008	30K-427.88	Hà Nội	3008	30K-421.39	Hà Nội
9	30K-435.35	Hà Nội	1009	30K-434.99	Hà Nội	2009	30K-430.89	Hà Nội	3009	30K-437.79	Hà Nội
10	30K-435.99	Hà Nội	1010	30K-435.88	Hà Nội	2010	30K-431.89	Hà Nội	3010	30K-444.79	Hà Nội
11	30K-438.68	Hà Nội	1011	30K-436.39	Hà Nội	2011	30K-432.39	Hà Nội	3011	30K-449.89	Hà Nội
12	30K-441.79	Hà Nội	1012	30K-442.79	Hà Nội	2012	30K-448.48	Hà Nội	3012	30K-451.99	Hà Nội
13	30K-443.66	Hà Nội	1013	30K-443.88	Hà Nội	2013	30K-452.39	Hà Nội	3013	30K-457.39	Hà Nội
14	30K-447.66	Hà Nội	1014	30K-444.00	Hà Nội	2014	30K-481.99	Hà Nội	3014	30K-459.79	Hà Nội
15	30K-451.66	Hà Nội	1015	30K-447.99	Hà Nội	2015	30K-485.79	Hà Nội	3015	30K-461.39	Hà Nội
16	30K-462.79	Hà Nội	1016	30K-453.99	Hà Nội	2016	30K-489.79	Hà Nội	3016	30K-461.68	Hà Nội
17	30K-467.77	Hà Nội	1017	30K-463.79	Hà Nội	2017	30K-493.66	Hà Nội	3017	30K-461.89	Hà Nội
18	30K-469.68	Hà Nội	1018	30K-463.99	Hà Nội	2018	30K-494.89	Hà Nội	3018	30K-466.77	Hà Nội
19	30K-472.99	Hà Nội	1019	30K-481.66	Hà Nội	2019	30K-499.66	Hà Nội	3019	30K-470.66	Hà Nội
20	30K-476.79	Hà Nội	1020	30K-487.66	Hà Nội	2020	30K-505.39	Hà Nội	3020	30K-470.89	Hà Nội
21	30K-481.79	Hà Nội	1021	30K-490.39	Hà Nội	2021	30K-506.39	Hà Nội	3021	30K-471.39	Hà Nội
22	30K-482.66	Hà Nội	1022	30K-497.88	Hà Nội	2022	30K-514.14	Hà Nội	3022	30K-472.68	Hà Nội
23	30K-491.39	Hà Nội	1023	30K-499.68	Hà Nội	2023	30K-540.68	Hà Nội	3023	30K-474.88	Hà Nội
24	30K-491.99	Hà Nội	1024	30K-504.04	Hà Nội	2024	30K-549.39	Hà Nội	3024	30K-483.66	Hà Nội
25	30K-504.69	Hà Nội	1025	30K-504.89	Hà Nội	2025	30K-549.88	Hà Nội	3025	30K-485.88	Hà Nội
26	30K-510.66	Hà Nội	1026	30K-509.39	Hà Nội	2026	30K-550.86	Hà Nội	3026	30K-489.39	Hà Nội
27	30K-517.66	Hà Nội	1027	30K-514.86	Hà Nội	2027	30K-554.79	Hà Nội	3027	30K-491.66	Hà Nội
28	30K-520.86	Hà Nội	1028	30K-520.69	Hà Nội	2028	30K-570.66	Hà Nội	3028	30K-491.89	Hà Nội
29	30K-524.79	Hà Nội	1029	30K-522.44	Hà Nội	2029	30K-580.69	Hà Nội	3029	30K-499.39	Hà Nội
30	30K-524.89	Hà Nội	1030	30K-537.39	Hà Nội	2030	30K-604.66	Hà Nội	3030	30K-500.69	Hà Nội
31	30K-540.69	Hà Nội	1031	30K-537.69	Hà Nội	2031	30K-610.00	Hà Nội	3031	30K-502.86	Hà Nội
32	30K-542.99	Hà Nội	1032	30K-537.88	Hà Nội	2032	30K-613.86	Hà Nội	3032	30K-514.39	Hà Nội
33	30K-544.99	Hà Nội	1033	30K-546.69	Hà Nội	2033	30K-794.99	Hà Nội	3033	30K-524.66	Hà Nội
34	30K-546.68	Hà Nội	1034	30K-546.89	Hà Nội	2034	30K-822.38	Hà Nội	3034	30K-530.66	Hà Nội
35	30K-547.79	Hà Nội	1035	30K-549.49	Hà Nội	2035	30K-823.44	Hà Nội	3035	30K-531.66	Hà Nội
36	30K-574.79	Hà Nội	1036	30K-549.86	Hà Nội	2036	30L-022.09	Hà Nội	3036	30K-540.00	Hà Nội
37	30K-584.99	Hà Nội	1037	30K-554.89	Hà Nội	2037	30L-022.20	Hà Nội	3037	30K-540.39	Hà Nội
38	30K-587.39	Hà Nội	1038	30K-564.39	Hà Nội	2038	30L-121.36	Hà Nội	3038	30K-542.89	Hà Nội
39	30K-795.65	Hà Nội	1039	30K-574.89	Hà Nội	2039	30L-125.65	Hà Nội	3039	30K-543.66	Hà Nội
40	30K-810.77	Hà Nội	1040	30K-580.86	Hà Nội	2040	30L-128.16	Hà Nội	3040	30K-545.89	Hà Nội
41	30K-837.56	Hà Nội	1041	30K-590.79	Hà Nội	2041	30L-130.66	Hà Nội	3041	30K-546.79	Hà Nội
42	30L-121.19	Hà Nội	1042	30K-591.11	Hà Nội	2042	30L-134.00	Hà Nội	3042	30K-547.66	Hà Nội
43	30L-123.55	Hà Nội	1043	30K-602.39	Hà Nội	2043	30L-135.33	Hà Nội	3043	30K-549.66	Hà Nội
44	30L-129.86	Hà Nội	1044	30K-604.89	Hà Nội	2044	30L-135.85	Hà Nội	3044	30K-563.39	Hà Nội
45	30L-132.56	Hà Nội	1045	30K-612.69	Hà Nội	2045	30L-142.77	Hà Nội	3045	30K-574.99	Hà Nội
46	30L-134.65	Hà Nội	1046	30K-614.88	Hà Nội	2046	30L-145.26	Hà Nội	3046	30K-594.68	Hà Nội
47	30L-137.09	Hà Nội	1047	30K-794.95	Hà Nội	2047	30L-145.66	Hà Nội	3047	30K-604.68	Hà Nội
48	30L-137.29	Hà Nội	1048	30K-795.58	Hà Nội	2048	30L-146.35	Hà Nội	3048	30K-604.86	Hà Nội
49	30L-138.25	Hà Nội	1049	30K-796.28	Hà Nội	2049	30L-151.19	Hà Nội	3049	30K-607.86	Hà Nội
50	30L-138.26	Hà Nội	1050	30K-808.95	Hà Nội	2050	30L-151.96	Hà Nội	3050	30K-809.19	Hà Nội
51	30L-146.58	Hà Nội	1051	30K-809.68	Hà Nội	2051	30L-153.44	Hà Nội	3051	30K-810.09	Hà Nội
52	30L-149.83	Hà Nội	1052	30K-822.85	Hà Nội	2052	30L-154.22	Hà Nội	3052	30K-821.95	Hà Nội
53	30L-150.39	Hà Nội	1053	30K-837.66	Hà Nội	2053	30L-155.59	Hà Nội	3053	30K-837.88	Hà Nội
54	30L-152.59	Hà Nội	1054	30K-837.96	Hà Nội	2054	30L-159.86	Hà Nội	3054	30L-022.85	Hà Nội
55	30L-162.00	Hà Nội	1055	30L-121.33	Hà Nội	2055	30L-160.36	Hà Nội	3055	30L-121.29	Hà Nội
56	51K-746.68	Hồ Chí Minh	1056	30L-122.06	Hà Nội	2056	30L-161.95	Hà Nội	3056	30L-122.16	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
57	51K-748.39	Hồ Chí Minh	1057	30L-122.15	Hà Nội	2057	30L-163.23	Hà Nội	3057	30L-127.39	Hà Nội
58	51K-749.66	Hồ Chí Minh	1058	30L-122.26	Hà Nội	2058	30L-163.26	Hà Nội	3058	30L-129.33	Hà Nội
59	51K-750.39	Hồ Chí Minh	1059	30L-124.12	Hà Nội	2059	30L-165.36	Hà Nội	3059	30L-129.65	Hà Nội
60	51K-751.66	Hồ Chí Minh	1060	30L-125.85	Hà Nội	2060	30L-165.61	Hà Nội	3060	30L-130.19	Hà Nội
61	51K-753.89	Hồ Chí Minh	1061	30L-129.95	Hà Nội	2061	30L-166.08	Hà Nội	3061	30L-131.29	Hà Nội
62	51K-757.88	Hồ Chí Minh	1062	30L-131.59	Hà Nội	2062	51K-749.68	Hồ Chí Minh	3062	30L-133.29	Hà Nội
63	51K-758.99	Hồ Chí Minh	1063	30L-132.36	Hà Nội	2063	51K-752.79	Hồ Chí Minh	3063	30L-138.77	Hà Nội
64	51K-762.99	Hồ Chí Minh	1064	30L-135.06	Hà Nội	2064	51K-757.66	Hồ Chí Minh	3064	30L-140.89	Hà Nội
65	51K-771.68	Hồ Chí Minh	1065	30L-136.15	Hà Nội	2065	51K-769.39	Hồ Chí Minh	3065	30L-141.66	Hà Nội
66	51K-775.89	Hồ Chí Minh	1066	30L-138.06	Hà Nội	2066	51K-773.89	Hồ Chí Minh	3066	30L-143.38	Hà Nội
67	51K-781.89	Hồ Chí Minh	1067	30L-141.18	Hà Nội	2067	51K-774.79	Hồ Chí Minh	3067	30L-144.66	Hà Nội
68	51K-790.89	Hồ Chí Minh	1068	30L-141.68	Hà Nội	2068	51K-782.79	Hồ Chí Minh	3068	30L-148.38	Hà Nội
69	51K-803.03	Hồ Chí Minh	1069	30L-142.41	Hà Nội	2069	51K-800.77	Hồ Chí Minh	3069	30L-150.22	Hà Nội
70	51K-804.89	Hồ Chí Minh	1070	30L-143.35	Hà Nội	2070	51K-802.99	Hồ Chí Minh	3070	30L-151.55	Hà Nội
71	51K-812.39	Hồ Chí Minh	1071	30L-148.48	Hà Nội	2071	51K-815.15	Hồ Chí Minh	3071	30L-153.86	Hà Nội
72	51K-812.99	Hồ Chí Minh	1072	30L-153.53	Hà Nội	2072	51K-817.88	Hồ Chí Minh	3072	30L-154.88	Hà Nội
73	51K-813.99	Hồ Chí Minh	1073	30L-154.35	Hà Nội	2073	51K-824.88	Hồ Chí Minh	3073	30L-156.22	Hà Nội
74	51K-816.39	Hồ Chí Minh	1074	30L-155.62	Hà Nội	2074	51K-825.39	Hồ Chí Minh	3074	30L-156.25	Hà Nội
75	51K-817.79	Hồ Chí Minh	1075	30L-162.18	Hà Nội	2075	51K-835.89	Hồ Chí Minh	3075	30L-158.28	Hà Nội
76	51K-839.66	Hồ Chí Minh	1076	30L-162.83	Hà Nội	2076	51K-840.89	Hồ Chí Minh	3076	30L-160.85	Hà Nội
77	51K-843.68	Hồ Chí Minh	1077	30L-164.18	Hà Nội	2077	51K-841.89	Hồ Chí Minh	3077	30L-162.89	Hà Nội
78	51K-843.89	Hồ Chí Minh	1078	30L-164.26	Hà Nội	2078	51K-845.55	Hồ Chí Minh	3078	30L-165.15	Hà Nội
79	51K-845.39	Hồ Chí Minh	1079	51K-745.39	Hồ Chí Minh	2079	51K-848.86	Hồ Chí Minh	3079	51K-744.39	Hồ Chí Minh
80	51K-846.99	Hồ Chí Minh	1080	51K-761.99	Hồ Chí Minh	2080	51K-849.49	Hồ Chí Minh	3080	51K-746.89	Hồ Chí Minh
81	51K-854.66	Hồ Chí Minh	1081	51K-770.39	Hồ Chí Minh	2081	51K-849.89	Hồ Chí Minh	3081	51K-746.99	Hồ Chí Minh
82	51K-855.69	Hồ Chí Minh	1082	51K-771.66	Hồ Chí Minh	2082	51K-850.86	Hồ Chí Minh	3082	51K-750.66	Hồ Chí Minh
83	51K-857.39	Hồ Chí Minh	1083	51K-782.66	Hồ Chí Minh	2083	51K-850.99	Hồ Chí Minh	3083	51K-750.89	Hồ Chí Minh
84	51K-865.66	Hồ Chí Minh	1084	51K-783.66	Hồ Chí Minh	2084	51K-851.86	Hồ Chí Minh	3084	51K-752.89	Hồ Chí Minh
85	51K-865.99	Hồ Chí Minh	1085	51K-783.89	Hồ Chí Minh	2085	51K-852.89	Hồ Chí Minh	3085	51K-752.99	Hồ Chí Minh
86	51K-873.86	Hồ Chí Minh	1086	51K-786.39	Hồ Chí Minh	2086	51K-859.66	Hồ Chí Minh	3086	51K-758.68	Hồ Chí Minh
87	51K-880.69	Hồ Chí Minh	1087	51K-790.99	Hồ Chí Minh	2087	51K-864.89	Hồ Chí Minh	3087	51K-758.79	Hồ Chí Minh
88	51K-880.86	Hồ Chí Minh	1088	51K-792.66	Hồ Chí Minh	2088	51K-871.66	Hồ Chí Minh	3088	51K-760.99	Hồ Chí Minh
89	51K-885.39	Hồ Chí Minh	1089	51K-798.66	Hồ Chí Minh	2089	51K-871.68	Hồ Chí Minh	3089	51K-762.66	Hồ Chí Minh
90	51K-893.66	Hồ Chí Minh	1090	51K-800.39	Hồ Chí Minh	2090	51K-875.39	Hồ Chí Minh	3090	51K-763.79	Hồ Chí Minh
91	51K-893.68	Hồ Chí Minh	1091	51K-803.66	Hồ Chí Minh	2091	51K-876.69	Hồ Chí Minh	3091	51K-764.89	Hồ Chí Minh
92	51K-900.39	Hồ Chí Minh	1092	51K-805.39	Hồ Chí Minh	2092	51K-880.66	Hồ Chí Minh	3092	51K-769.66	Hồ Chí Minh
93	51K-901.88	Hồ Chí Minh	1093	51K-807.68	Hồ Chí Minh	2093	51K-891.66	Hồ Chí Minh	3093	51K-771.79	Hồ Chí Minh
94	51K-902.89	Hồ Chí Minh	1094	51K-810.89	Hồ Chí Minh	2094	51K-894.79	Hồ Chí Minh	3094	51K-771.99	Hồ Chí Minh
95	51K-903.99	Hồ Chí Minh	1095	51K-814.66	Hồ Chí Minh	2095	51K-897.66	Hồ Chí Minh	3095	51K-776.39	Hồ Chí Minh
96	51K-904.39	Hồ Chí Minh	1096	51K-814.68	Hồ Chí Minh	2096	51K-904.69	Hồ Chí Minh	3096	51K-780.89	Hồ Chí Minh
97	51K-906.39	Hồ Chí Minh	1097	51K-816.79	Hồ Chí Minh	2097	51K-918.66	Hồ Chí Minh	3097	51K-781.66	Hồ Chí Minh
98	51K-908.66	Hồ Chí Minh	1098	51K-817.89	Hồ Chí Minh	2098	51K-922.44	Hồ Chí Minh	3098	51K-785.99	Hồ Chí Minh
99	51K-912.22	Hồ Chí Minh	1099	51K-822.44	Hồ Chí Minh	2099	51K-931.66	Hồ Chí Minh	3099	51K-805.89	Hồ Chí Minh
100	51K-916.69	Hồ Chí Minh	1100	51K-831.79	Hồ Chí Minh	2100	51K-932.99	Hồ Chí Minh	3100	51K-807.88	Hồ Chí Minh
101	51K-924.24	Hồ Chí Minh	1101	51K-833.44	Hồ Chí Minh	2101	51K-940.86	Hồ Chí Minh	3101	51K-810.39	Hồ Chí Minh
102	51K-924.79	Hồ Chí Minh	1102	51K-842.89	Hồ Chí Minh	2102	51K-943.86	Hồ Chí Minh	3102	51K-815.79	Hồ Chí Minh
103	51K-924.89	Hồ Chí Minh	1103	51K-843.86	Hồ Chí Minh	2103	51K-944.77	Hồ Chí Minh	3103	51K-820.79	Hồ Chí Minh
104	51K-925.79	Hồ Chí Minh	1104	51K-847.39	Hồ Chí Minh	2104	51K-947.86	Hồ Chí Minh	3104	51K-829.68	Hồ Chí Minh
105	51K-925.89	Hồ Chí Minh	1105	51K-849.88	Hồ Chí Minh	2105	51K-947.88	Hồ Chí Minh	3105	51K-829.88	Hồ Chí Minh
106	51K-927.86	Hồ Chí Minh	1106	51K-850.68	Hồ Chí Minh	2106	51K-949.69	Hồ Chí Minh	3106	51K-841.79	Hồ Chí Minh
107	51K-934.86	Hồ Chí Minh	1107	51K-855.86	Hồ Chí Minh	2107	51K-951.66	Hồ Chí Minh	3107	51K-842.79	Hồ Chí Minh
108	51K-936.69	Hồ Chí Minh	1108	51K-857.69	Hồ Chí Minh	2108	51K-951.86	Hồ Chí Minh	3108	51K-844.69	Hồ Chí Minh
109	51K-940.00	Hồ Chí Minh	1109	51K-857.86	Hồ Chí Minh	2109	51K-955.89	Hồ Chí Minh	3109	51K-844.77	Hồ Chí Minh
110	51K-942.22	Hồ Chí Minh	1110	51K-862.69	Hồ Chí Minh	2110	51K-972.69	Hồ Chí Minh	3110	51K-846.39	Hồ Chí Minh
111	51K-942.89	Hồ Chí Minh	1111	51K-864.99	Hồ Chí Minh	2111	51K-972.86	Hồ Chí Minh	3111	51K-848.66	Hồ Chí Minh
112	51K-943.89	Hồ Chí Minh	1112	51K-870.69	Hồ Chí Minh	2112	51K-975.86	Hồ Chí Minh	3112	51K-848.79	Hồ Chí Minh
113	51K-949.89	Hồ Chí Minh	1113	51K-874.69	Hồ Chí Minh	2113	11A-110.38	Cao Bằng	3113	51K-850.89	Hồ Chí Minh
114	51K-950.79	Hồ Chí Minh	1114	51K-874.86	Hồ Chí Minh	2114	11A-113.82	Cao Bằng	3114	51K-853.99	Hồ Chí Minh
115	51K-960.86	Hồ Chí Minh	1115	51K-876.99	Hồ Chí Minh	2115	11A-114.15	Cao Bằng	3115	51K-854.44	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
116	51K-960.89	Hồ Chí Minh	1116	51K-877.39	Hồ Chí Minh	2116	11A-114.69	Cao Bằng	3116	51K-860.66	Hồ Chí Minh
117	51K-961.89	Hồ Chí Minh	1117	51K-884.66	Hồ Chí Minh	2117	11A-115.06	Cao Bằng	3117	51K-874.88	Hồ Chí Minh
118	51K-967.79	Hồ Chí Minh	1118	51K-895.79	Hồ Chí Minh	2118	12A-228.39	Lạng Sơn	3118	51K-875.79	Hồ Chí Minh
119	51K-970.66	Hồ Chí Minh	1119	51K-900.77	Hồ Chí Minh	2119	12A-234.09	Lạng Sơn	3119	51K-884.86	Hồ Chí Minh
120	51K-971.11	Hồ Chí Minh	1120	51K-902.86	Hồ Chí Minh	2120	12A-234.19	Lạng Sơn	3120	51K-891.79	Hồ Chí Minh
121	51K-971.86	Hồ Chí Minh	1121	51K-905.79	Hồ Chí Minh	2121	12A-234.58	Lạng Sơn	3121	51K-897.86	Hồ Chí Minh
122	51K-971.88	Hồ Chí Minh	1122	51K-915.88	Hồ Chí Minh	2122	12A-235.26	Lạng Sơn	3122	51K-900.69	Hồ Chí Minh
123	51K-974.68	Hồ Chí Minh	1123	51K-920.39	Hồ Chí Minh	2123	12A-237.35	Lạng Sơn	3123	51K-903.86	Hồ Chí Minh
124	51K-975.68	Hồ Chí Minh	1124	51K-925.86	Hồ Chí Minh	2124	12A-239.11	Lạng Sơn	3124	51K-904.44	Hồ Chí Minh
125	51K-975.69	Hồ Chí Minh	1125	51K-930.68	Hồ Chí Minh	2125	12A-241.14	Lạng Sơn	3125	51K-904.89	Hồ Chí Minh
126	51K-976.69	Hồ Chí Minh	1126	51K-940.88	Hồ Chí Minh	2126	12A-241.25	Lạng Sơn	3126	51K-907.69	Hồ Chí Minh
127	51K-978.68	Hồ Chí Minh	1127	51K-941.79	Hồ Chí Minh	2127	12A-241.36	Lạng Sơn	3127	51K-914.14	Hồ Chí Minh
128	11A-111.91	Cao Bằng	1128	51K-943.88	Hồ Chí Minh	2128	12A-241.98	Lạng Sơn	3128	51K-920.86	Hồ Chí Minh
129	11A-112.28	Cao Bằng	1129	51K-945.69	Hồ Chí Minh	2129	12A-242.56	Lạng Sơn	3129	51K-924.39	Hồ Chí Minh
130	11A-113.22	Cao Bằng	1130	51K-948.66	Hồ Chí Minh	2130	12A-242.86	Lạng Sơn	3130	51K-925.69	Hồ Chí Minh
131	11A-115.25	Cao Bằng	1131	51K-953.68	Hồ Chí Minh	2131	12A-243.56	Lạng Sơn	3131	51K-927.69	Hồ Chí Minh
132	12A-221.79	Lạng Sơn	1132	51K-955.39	Hồ Chí Minh	2132	12C-131.99	Lạng Sơn	3132	51K-931.86	Hồ Chí Minh
133	12A-222.24	Lạng Sơn	1133	51K-957.39	Hồ Chí Minh	2133	12C-132.29	Lạng Sơn	3133	51K-931.99	Hồ Chí Minh
134	12A-223.33	Lạng Sơn	1134	51K-961.86	Hồ Chí Minh	2134	12C-132.66	Lạng Sơn	3134	51K-937.86	Hồ Chí Minh
135	12A-234.66	Lạng Sơn	1135	51K-962.39	Hồ Chí Minh	2135	14A-837.79	Quảng Ninh	3135	51K-938.89	Hồ Chí Minh
136	12A-234.79	Lạng Sơn	1136	51K-972.99	Hồ Chí Minh	2136	14A-851.98	Quảng Ninh	3136	51K-943.68	Hồ Chí Minh
137	12A-235.18	Lạng Sơn	1137	51K-974.39	Hồ Chí Minh	2137	14A-852.96	Quảng Ninh	3137	51K-944.89	Hồ Chí Minh
138	12A-235.86	Lạng Sơn	1138	51K-976.86	Hồ Chí Minh	2138	14A-853.53	Quảng Ninh	3138	51K-945.89	Hồ Chí Minh
139	12A-236.89	Lạng Sơn	1139	11A-112.15	Cao Bằng	2139	14A-853.96	Quảng Ninh	3139	51K-946.69	Hồ Chí Minh
140	12A-238.55	Lạng Sơn	1140	11A-113.08	Cao Bằng	2140	14A-857.11	Quảng Ninh	3140	51K-947.39	Hồ Chí Minh
141	12A-240.55	Lạng Sơn	1141	11A-113.63	Cao Bằng	2141	14A-860.79	Quảng Ninh	3141	51K-950.00	Hồ Chí Minh
142	12A-241.35	Lạng Sơn	1142	11A-115.96	Cao Bằng	2142	14A-862.55	Quảng Ninh	3142	51K-951.39	Hồ Chí Minh
143	12A-242.35	Lạng Sơn	1143	11C-070.69	Cao Bằng	2143	14A-862.77	Quảng Ninh	3143	51K-952.69	Hồ Chí Minh
144	12C-128.79	Lạng Sơn	1144	11C-071.56	Cao Bằng	2144	14A-865.35	Quảng Ninh	3144	51K-955.69	Hồ Chí Minh
145	12C-129.39	Lạng Sơn	1145	12A-222.59	Lạng Sơn	2145	14A-865.39	Quảng Ninh	3145	51K-955.86	Hồ Chí Minh
146	12C-131.69	Lạng Sơn	1146	12A-234.00	Lạng Sơn	2146	14A-866.58	Quảng Ninh	3146	51K-961.39	Hồ Chí Minh
147	14A-841.39	Quảng Ninh	1147	12A-235.36	Lạng Sơn	2147	14A-870.58	Quảng Ninh	3147	51K-961.79	Hồ Chí Minh
148	14A-848.58	Quảng Ninh	1148	12A-236.68	Lạng Sơn	2148	14A-870.86	Quảng Ninh	3148	51K-964.79	Hồ Chí Minh
149	14A-850.55	Quảng Ninh	1149	12A-237.29	Lạng Sơn	2149	14A-871.87	Quảng Ninh	3149	51K-970.68	Hồ Chí Minh
150	14A-851.11	Quảng Ninh	1150	12A-242.39	Lạng Sơn	2150	14A-872.11	Quảng Ninh	3150	51K-974.86	Hồ Chí Minh
151	14A-851.52	Quảng Ninh	1151	12A-242.43	Lạng Sơn	2151	14A-873.06	Quảng Ninh	3151	51K-974.89	Hồ Chí Minh
152	14A-852.12	Quảng Ninh	1152	12C-132.99	Lạng Sơn	2152	14A-874.22	Quảng Ninh	3152	51K-977.68	Hồ Chí Minh
153	14A-852.56	Quảng Ninh	1153	12C-133.18	Lạng Sơn	2153	14A-874.77	Quảng Ninh	3153	51K-978.89	Hồ Chí Minh
154	14A-858.95	Quảng Ninh	1154	12C-133.26	Lạng Sơn	2154	14A-875.58	Quảng Ninh	3154	11A-111.23	Cao Bằng
155	14A-859.22	Quảng Ninh	1155	14A-850.79	Quảng Ninh	2155	14A-877.36	Quảng Ninh	3155	11A-111.85	Cao Bằng
156	14A-864.39	Quảng Ninh	1156	14A-851.22	Quảng Ninh	2156	14A-877.58	Quảng Ninh	3156	11A-115.85	Cao Bằng
157	14A-865.77	Quảng Ninh	1157	14A-854.11	Quảng Ninh	2157	14A-882.11	Quảng Ninh	3157	11A-116.44	Cao Bằng
158	14A-867.95	Quảng Ninh	1158	14A-856.57	Quảng Ninh	2158	14A-882.85	Quảng Ninh	3158	11A-116.99	Cao Bằng
159	14A-869.58	Quảng Ninh	1159	14A-857.56	Quảng Ninh	2159	14A-883.56	Quảng Ninh	3159	11C-070.99	Cao Bằng
160	14A-870.18	Quảng Ninh	1160	14A-858.18	Quảng Ninh	2160	14A-886.82	Quảng Ninh	3160	12A-222.11	Lạng Sơn
161	14A-870.85	Quảng Ninh	1161	14A-860.22	Quảng Ninh	2161	14C-389.66	Quảng Ninh	3161	12A-222.78	Lạng Sơn
162	14A-873.36	Quảng Ninh	1162	14A-861.08	Quảng Ninh	2162	14C-390.79	Quảng Ninh	3162	12A-225.86	Lạng Sơn
163	14A-876.06	Quảng Ninh	1163	14A-863.26	Quảng Ninh	2163	14C-399.69	Quảng Ninh	3163	12A-226.62	Lạng Sơn
164	14A-876.96	Quảng Ninh	1164	14A-865.95	Quảng Ninh	2164	14C-402.95	Quảng Ninh	3164	12A-230.69	Lạng Sơn
165	14A-879.65	Quảng Ninh	1165	14A-866.06	Quảng Ninh	2165	14C-403.96	Quảng Ninh	3165	12A-233.93	Lạng Sơn
166	14A-879.95	Quảng Ninh	1166	14A-867.25	Quảng Ninh	2166	15C-452.52	Hải Phòng	3166	12A-235.66	Lạng Sơn
167	14A-879.98	Quảng Ninh	1167	14A-867.65	Quảng Ninh	2167	15C-461.86	Hải Phòng	3167	12A-241.69	Lạng Sơn
168	14A-882.32	Quảng Ninh	1168	14A-867.66	Quảng Ninh	2168	15K-202.39	Hải Phòng	3168	12A-242.99	Lạng Sơn
169	14A-883.65	Quảng Ninh	1169	14A-868.15	Quảng Ninh	2169	15K-202.66	Hải Phòng	3169	14A-841.11	Quảng Ninh
170	14A-884.00	Quảng Ninh	1170	14A-869.29	Quảng Ninh	2170	15K-218.38	Hải Phòng	3170	14A-842.00	Quảng Ninh
171	14A-884.69	Quảng Ninh	1171	14A-872.38	Quảng Ninh	2171	15K-223.59	Hải Phòng	3171	14A-843.09	Quảng Ninh
172	14A-884.86	Quảng Ninh	1172	14A-874.44	Quảng Ninh	2172	15K-225.77	Hải Phòng	3172	14A-844.88	Quảng Ninh
173	14A-884.89	Quảng Ninh	1173	14A-874.66	Quảng Ninh	2173	15K-232.19	Hải Phòng	3173	14A-851.38	Quảng Ninh
174	14A-885.83	Quảng Ninh	1174	14A-877.25	Quảng Ninh	2174	15K-238.59	Hải Phòng	3174	14A-853.44	Quảng Ninh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
175	14A-887.16	Quảng Ninh	1175	14A-877.85	Quảng Ninh	2175	15K-242.66	Hải Phòng	3175	14A-855.96	Quảng Ninh
176	14C-392.22	Quảng Ninh	1176	14A-878.83	Quảng Ninh	2176	15K-243.15	Hải Phòng	3176	14A-856.15	Quảng Ninh
177	14C-401.19	Quảng Ninh	1177	14A-882.08	Quảng Ninh	2177	15K-243.85	Hải Phòng	3177	14A-858.25	Quảng Ninh
178	14C-401.88	Quảng Ninh	1178	14A-882.44	Quảng Ninh	2178	15K-246.39	Hải Phòng	3178	14A-862.11	Quảng Ninh
179	14C-402.58	Quảng Ninh	1179	14A-884.59	Quảng Ninh	2179	15K-247.47	Hải Phòng	3179	14A-864.16	Quảng Ninh
180	14C-403.16	Quảng Ninh	1180	14A-885.19	Quảng Ninh	2180	15K-249.49	Hải Phòng	3180	14A-865.36	Quảng Ninh
181	14C-403.30	Quảng Ninh	1181	14A-885.56	Quảng Ninh	2181	15K-252.18	Hải Phòng	3181	14A-866.00	Quảng Ninh
182	14C-405.29	Quảng Ninh	1182	14A-887.06	Quảng Ninh	2182	15K-255.00	Hải Phòng	3182	14A-866.82	Quảng Ninh
183	14C-406.15	Quảng Ninh	1183	14A-889.56	Quảng Ninh	2183	15K-255.33	Hải Phòng	3183	14A-867.06	Quảng Ninh
184	15C-451.11	Hải Phòng	1184	14C-391.66	Quảng Ninh	2184	15K-258.38	Hải Phòng	3184	14A-869.93	Quảng Ninh
185	15C-458.56	Hải Phòng	1185	14C-395.88	Quảng Ninh	2185	15K-261.00	Hải Phòng	3185	14A-870.22	Quảng Ninh
186	15K-200.11	Hải Phòng	1186	14C-397.59	Quảng Ninh	2186	15K-261.38	Hải Phòng	3186	14A-870.98	Quảng Ninh
187	15K-200.22	Hải Phòng	1187	14C-398.85	Quảng Ninh	2187	15K-264.19	Hải Phòng	3187	14A-871.39	Quảng Ninh
188	15K-221.89	Hải Phòng	1188	14C-399.56	Quảng Ninh	2188	15K-265.99	Hải Phòng	3188	14A-875.39	Quảng Ninh
189	15K-223.69	Hải Phòng	1189	14C-400.86	Quảng Ninh	2189	15K-266.83	Hải Phòng	3189	14A-875.57	Quảng Ninh
190	15K-224.79	Hải Phòng	1190	14C-401.79	Quảng Ninh	2190	15K-269.33	Hải Phòng	3190	14A-880.19	Quảng Ninh
191	15K-226.77	Hải Phòng	1191	14C-402.55	Quảng Ninh	2191	15K-269.88	Hải Phòng	3191	14A-885.08	Quảng Ninh
192	15K-229.69	Hải Phòng	1192	14C-404.15	Quảng Ninh	2192	15K-271.00	Hải Phòng	3192	14A-885.36	Quảng Ninh
193	15K-239.09	Hải Phòng	1193	14C-405.06	Quảng Ninh	2193	15K-271.35	Hải Phòng	3193	14A-888.34	Quảng Ninh
194	15K-239.18	Hải Phòng	1194	14C-405.19	Quảng Ninh	2194	17A-397.68	Thái Bình	3194	14A-890.69	Quảng Ninh
195	15K-240.06	Hải Phòng	1195	14D-025.56	Quảng Ninh	2195	17A-403.39	Thái Bình	3195	14C-395.85	Quảng Ninh
196	15K-242.08	Hải Phòng	1196	15C-457.86	Hải Phòng	2196	17A-409.09	Thái Bình	3196	14C-397.97	Quảng Ninh
197	15K-248.39	Hải Phòng	1197	15C-462.58	Hải Phòng	2197	17A-418.69	Thái Bình	3197	14C-400.09	Quảng Ninh
198	15K-254.58	Hải Phòng	1198	15C-462.68	Hải Phòng	2198	17A-421.55	Thái Bình	3198	14C-400.65	Quảng Ninh
199	15K-256.52	Hải Phòng	1199	15K-218.22	Hải Phòng	2199	17A-421.56	Thái Bình	3199	14C-401.35	Quảng Ninh
200	15K-258.85	Hải Phòng	1200	15K-220.09	Hải Phòng	2200	17A-422.23	Thái Bình	3200	14C-401.68	Quảng Ninh
201	15K-259.52	Hải Phòng	1201	15K-220.69	Hải Phòng	2201	17A-426.66	Thái Bình	3201	14C-402.66	Quảng Ninh
202	15K-262.16	Hải Phòng	1202	15K-221.56	Hải Phòng	2202	17A-429.00	Thái Bình	3202	14C-403.79	Quảng Ninh
203	15K-263.19	Hải Phòng	1203	15K-222.21	Hải Phòng	2203	17A-430.28	Thái Bình	3203	14C-404.65	Quảng Ninh
204	15K-264.66	Hải Phòng	1204	15K-223.36	Hải Phòng	2204	17A-430.34	Thái Bình	3204	14C-405.22	Quảng Ninh
205	15K-265.18	Hải Phòng	1205	15K-232.99	Hải Phòng	2205	17A-430.39	Thái Bình	3205	14C-405.77	Quảng Ninh
206	15K-266.82	Hải Phòng	1206	15K-240.77	Hải Phòng	2206	17A-432.66	Thái Bình	3206	14C-406.38	Quảng Ninh
207	15K-268.16	Hải Phòng	1207	15K-243.08	Hải Phòng	2207	17A-433.19	Thái Bình	3207	14C-406.98	Quảng Ninh
208	15K-270.29	Hải Phòng	1208	15K-246.33	Hải Phòng	2208	17A-437.35	Thái Bình	3208	15C-454.44	Hải Phòng
209	17A-401.99	Thái Bình	1209	15K-246.98	Hải Phòng	2209	17A-438.43	Thái Bình	3209	15K-200.79	Hải Phòng
210	17A-415.98	Thái Bình	1210	15K-247.33	Hải Phòng	2210	17A-439.25	Thái Bình	3210	15K-207.68	Hải Phòng
211	17A-416.29	Thái Bình	1211	15K-247.68	Hải Phòng	2211	17A-439.79	Thái Bình	3211	15K-209.68	Hải Phòng
212	17A-417.68	Thái Bình	1212	15K-248.35	Hải Phòng	2212	17C-196.66	Thái Bình	3212	15K-211.86	Hải Phòng
213	17A-422.15	Thái Bình	1213	15K-250.65	Hải Phòng	2213	17C-198.77	Thái Bình	3213	15K-213.66	Hải Phòng
214	17A-422.42	Thái Bình	1214	15K-250.69	Hải Phòng	2214	17C-200.38	Thái Bình	3214	15K-213.88	Hải Phòng
215	17A-425.99	Thái Bình	1215	15K-252.38	Hải Phòng	2215	17C-200.98	Thái Bình	3215	15K-219.18	Hải Phòng
216	17A-426.08	Thái Bình	1216	15K-252.96	Hải Phòng	2216	17C-201.15	Thái Bình	3216	15K-220.86	Hải Phòng
217	17A-426.86	Thái Bình	1217	15K-253.59	Hải Phòng	2217	17C-202.28	Thái Bình	3217	15K-227.68	Hải Phòng
218	17A-427.25	Thái Bình	1218	15K-257.25	Hải Phòng	2218	18A-405.85	Nam Định	3218	15K-240.04	Hải Phòng
219	17A-427.39	Thái Bình	1219	15K-257.36	Hải Phòng	2219	18A-409.29	Nam Định	3219	15K-248.25	Hải Phòng
220	17A-432.95	Thái Bình	1220	15K-257.55	Hải Phòng	2220	18A-409.36	Nam Định	3220	15K-251.19	Hải Phòng
221	17A-432.99	Thái Bình	1221	15K-258.33	Hải Phòng	2221	18A-410.38	Nam Định	3221	15K-254.38	Hải Phòng
222	17A-434.00	Thái Bình	1222	15K-259.66	Hải Phòng	2222	18A-412.09	Nam Định	3222	15K-254.55	Hải Phòng
223	17A-434.19	Thái Bình	1223	15K-261.58	Hải Phòng	2223	18A-413.15	Nam Định	3223	15K-254.88	Hải Phòng
224	17A-434.79	Thái Bình	1224	15K-263.59	Hải Phòng	2224	18A-413.38	Nam Định	3224	15K-257.57	Hải Phòng
225	17A-435.98	Thái Bình	1225	15K-264.88	Hải Phòng	2225	18A-413.58	Nam Định	3225	15K-263.38	Hải Phòng
226	17A-436.33	Thái Bình	1226	15K-265.26	Hải Phòng	2226	18A-414.55	Nam Định	3226	17A-400.88	Thái Bình
227	17A-436.59	Thái Bình	1227	15K-270.58	Hải Phòng	2227	18A-416.55	Nam Định	3227	17A-409.39	Thái Bình
228	17A-437.89	Thái Bình	1228	15K-271.39	Hải Phòng	2228	18A-417.19	Nam Định	3228	17A-414.85	Thái Bình
229	17A-439.34	Thái Bình	1229	17A-400.69	Thái Bình	2229	18A-417.35	Nam Định	3229	17A-415.79	Thái Bình
230	17A-439.36	Thái Bình	1230	17A-401.86	Thái Bình	2230	18A-418.26	Nam Định	3230	17A-418.28	Thái Bình
231	17A-439.69	Thái Bình	1231	17A-404.88	Thái Bình	2231	18A-418.38	Nam Định	3231	17A-419.25	Thái Bình
232	17A-441.25	Thái Bình	1232	17A-405.69	Thái Bình	2232	18A-418.66	Nam Định	3232	17A-420.99	Thái Bình
233	17C-195.59	Thái Bình	1233	17A-406.89	Thái Bình	2233	18A-421.86	Nam Định	3233	17A-424.89	Thái Bình

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
234	17C-196.38	Thái Bình	1234	17A-407.79	Thái Bình	2234	18A-423.06	Nam Định	3234	17A-425.66	Thái Bình
235	18A-405.18	Nam Định	1235	17A-407.88	Thái Bình	2235	18A-423.56	Nam Định	3235	17A-426.24	Thái Bình
236	18A-406.22	Nam Định	1236	17A-410.56	Thái Bình	2236	18A-425.16	Nam Định	3236	17A-426.42	Thái Bình
237	18A-407.79	Nam Định	1237	17A-415.77	Thái Bình	2237	18A-427.38	Nam Định	3237	17A-428.26	Thái Bình
238	18A-408.56	Nam Định	1238	17A-418.81	Thái Bình	2238	18A-428.09	Nam Định	3238	17A-428.39	Thái Bình
239	18A-409.16	Nam Định	1239	17A-422.66	Thái Bình	2239	18A-429.39	Nam Định	3239	17A-431.58	Thái Bình
240	18A-411.88	Nam Định	1240	17A-424.35	Thái Bình	2240	18A-430.30	Nam Định	3240	17A-432.06	Thái Bình
241	18A-411.95	Nam Định	1241	17A-426.58	Thái Bình	2241	18A-430.68	Nam Định	3241	17A-433.08	Thái Bình
242	18A-417.79	Nam Định	1242	17A-434.11	Thái Bình	2242	18C-157.06	Nam Định	3242	17A-434.08	Thái Bình
243	18A-424.16	Nam Định	1243	17A-436.22	Thái Bình	2243	18C-157.22	Nam Định	3243	17A-434.38	Thái Bình
244	18A-426.86	Nam Định	1244	17A-437.79	Thái Bình	2244	19A-577.58	Phú Thọ	3244	17A-435.83	Thái Bình
245	18A-429.69	Nam Định	1245	17A-439.11	Thái Bình	2245	19A-577.66	Phú Thọ	3245	17A-440.86	Thái Bình
246	18A-430.66	Nam Định	1246	17A-440.08	Thái Bình	2246	19A-578.18	Phú Thọ	3246	17A-441.39	Thái Bình
247	18A-430.86	Nam Định	1247	17C-192.89	Thái Bình	2247	19A-580.38	Phú Thọ	3247	17C-198.39	Thái Bình
248	18A-432.69	Nam Định	1248	17C-193.99	Thái Bình	2248	19A-581.55	Phú Thọ	3248	17C-198.85	Thái Bình
249	18C-156.22	Nam Định	1249	17C-195.66	Thái Bình	2249	19A-582.55	Phú Thọ	3249	17C-199.28	Thái Bình
250	18C-157.56	Nam Định	1250	17C-196.68	Thái Bình	2250	19A-583.58	Phú Thọ	3250	17C-201.59	Thái Bình
251	18C-157.77	Nam Định	1251	17C-198.89	Thái Bình	2251	19A-584.86	Phú Thọ	3251	17C-201.69	Thái Bình
252	18C-158.66	Nam Định	1252	17C-200.83	Thái Bình	2252	19A-591.99	Phú Thọ	3252	18A-400.99	Nam Định
253	18C-158.79	Nam Định	1253	17C-202.35	Thái Bình	2253	19A-594.36	Phú Thọ	3253	18A-406.60	Nam Định
254	19A-563.86	Phú Thọ	1254	18A-409.77	Nam Định	2254	19A-595.19	Phú Thọ	3254	18A-409.22	Nam Định
255	19A-577.00	Phú Thọ	1255	18A-410.69	Nam Định	2255	19A-600.95	Phú Thọ	3255	18A-410.28	Nam Định
256	19A-578.39	Phú Thọ	1256	18A-412.83	Nam Định	2256	19A-601.79	Phú Thọ	3256	18A-411.38	Nam Định
257	19A-582.68	Phú Thọ	1257	18A-413.68	Nam Định	2257	19A-602.29	Phú Thọ	3257	18A-412.00	Nam Định
258	19A-583.16	Phú Thọ	1258	18A-418.89	Nam Định	2258	19A-606.38	Phú Thọ	3258	18A-412.79	Nam Định
259	19A-595.52	Phú Thọ	1259	18A-419.18	Nam Định	2259	19A-609.28	Phú Thọ	3259	18A-414.41	Nam Định
260	19A-595.79	Phú Thọ	1260	18A-420.85	Nam Định	2260	19A-613.00	Phú Thọ	3260	18A-415.39	Nam Định
261	19A-596.77	Phú Thọ	1261	18A-420.88	Nam Định	2261	19A-613.68	Phú Thọ	3261	18A-419.22	Nam Định
262	19A-598.95	Phú Thọ	1262	18A-421.33	Nam Định	2262	19A-614.39	Phú Thọ	3262	18A-421.65	Nam Định
263	19A-605.18	Phú Thọ	1263	18A-422.11	Nam Định	2263	19A-620.38	Phú Thọ	3263	18A-421.69	Nam Định
264	19A-605.59	Phú Thọ	1264	18A-425.19	Nam Định	2264	19C-235.88	Phú Thọ	3264	18A-422.35	Nam Định
265	19A-606.19	Phú Thọ	1265	18A-426.62	Nam Định	2265	20A-703.33	Thái Nguyên	3265	18A-422.68	Nam Định
266	19A-606.86	Phú Thọ	1266	18A-427.83	Nam Định	2266	20A-703.99	Thái Nguyên	3266	18A-423.22	Nam Định
267	19A-606.99	Phú Thọ	1267	18A-428.39	Nam Định	2267	20A-712.39	Thái Nguyên	3267	18A-425.59	Nam Định
268	19A-607.33	Phú Thọ	1268	18A-428.59	Nam Định	2268	20A-721.88	Thái Nguyên	3268	18A-425.98	Nam Định
269	19A-607.69	Phú Thọ	1269	18A-429.26	Nam Định	2269	20A-725.77	Thái Nguyên	3269	18A-428.95	Nam Định
270	19A-608.39	Phú Thọ	1270	18A-429.85	Nam Định	2270	20A-726.08	Thái Nguyên	3270	18A-430.35	Nam Định
271	19A-611.28	Phú Thọ	1271	18C-158.56	Nam Định	2271	20A-729.38	Thái Nguyên	3271	18A-433.83	Nam Định
272	19A-611.29	Phú Thọ	1272	19A-578.56	Phú Thọ	2272	20A-731.36	Thái Nguyên	3272	18A-434.66	Nam Định
273	19A-612.56	Phú Thọ	1273	19A-578.99	Phú Thọ	2273	20A-733.65	Thái Nguyên	3273	18C-152.99	Nam Định
274	19A-613.56	Phú Thọ	1274	19A-579.58	Phú Thọ	2274	20A-734.28	Thái Nguyên	3274	18C-156.56	Nam Định
275	19A-614.85	Phú Thọ	1275	19A-583.89	Phú Thọ	2275	20A-734.38	Thái Nguyên	3275	19A-578.87	Phú Thọ
276	19A-619.65	Phú Thọ	1276	19A-585.38	Phú Thọ	2276	20A-737.69	Thái Nguyên	3276	19A-579.66	Phú Thọ
277	19A-619.96	Phú Thọ	1277	19A-585.66	Phú Thọ	2277	20A-738.19	Thái Nguyên	3277	19A-582.19	Phú Thọ
278	19C-228.28	Phú Thọ	1278	19A-592.56	Phú Thọ	2278	20A-739.65	Thái Nguyên	3278	19A-591.85	Phú Thọ
279	19C-236.58	Phú Thọ	1279	19A-595.36	Phú Thọ	2279	20A-741.38	Thái Nguyên	3279	19A-593.99	Phú Thọ
280	20A-721.26	Thái Nguyên	1280	19A-598.83	Phú Thọ	2280	20A-741.88	Thái Nguyên	3280	19A-595.85	Phú Thọ
281	20A-721.59	Thái Nguyên	1281	19A-600.96	Phú Thọ	2281	20A-744.29	Thái Nguyên	3281	19A-596.83	Phú Thọ
282	20A-732.25	Thái Nguyên	1282	19A-601.77	Phú Thọ	2282	20A-744.39	Thái Nguyên	3282	19A-598.16	Phú Thọ
283	20A-732.96	Thái Nguyên	1283	19A-604.28	Phú Thọ	2283	20A-745.69	Thái Nguyên	3283	19A-599.33	Phú Thọ
284	20A-733.23	Thái Nguyên	1284	19A-604.68	Phú Thọ	2284	20A-745.98	Thái Nguyên	3284	19A-600.38	Phú Thọ
285	20A-733.58	Thái Nguyên	1285	19A-605.68	Phú Thọ	2285	20A-747.68	Thái Nguyên	3285	19A-600.63	Phú Thọ
286	20A-735.29	Thái Nguyên	1286	19A-605.95	Phú Thọ	2286	20A-747.69	Thái Nguyên	3286	19A-600.69	Phú Thọ
287	20A-737.28	Thái Nguyên	1287	19A-606.88	Phú Thọ	2287	20A-748.18	Thái Nguyên	3287	19A-601.21	Phú Thọ
288	20A-737.75	Thái Nguyên	1288	19A-610.15	Phú Thọ	2288	20A-749.55	Thái Nguyên	3288	19A-602.58	Phú Thọ
289	20A-738.78	Thái Nguyên	1289	19A-610.99	Phú Thọ	2289	20A-750.56	Thái Nguyên	3289	19A-604.25	Phú Thọ
290	20A-739.96	Thái Nguyên	1290	19A-611.00	Phú Thọ	2290	20A-754.16	Thái Nguyên	3290	19A-604.38	Phú Thọ
291	20A-742.24	Thái Nguyên	1291	19A-611.33	Phú Thọ	2291	20A-757.16	Thái Nguyên	3291	19A-604.58	Phú Thọ
292	20A-744.83	Thái Nguyên	1292	19A-613.11	Phú Thọ	2292	20A-757.85	Thái Nguyên	3292	19A-606.15	Phú Thọ

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
293	20A-746.26	Thái Nguyên	1293	19A-613.33	Phú Thọ	2293	20A-758.59	Thái Nguyên	3293	19A-609.18	Phú Thọ
294	20A-748.77	Thái Nguyên	1294	19A-614.58	Phú Thọ	2294	20A-759.25	Thái Nguyên	3294	19A-609.36	Phú Thọ
295	20A-749.44	Thái Nguyên	1295	19A-619.63	Phú Thọ	2295	20A-761.98	Thái Nguyên	3295	19A-610.86	Phú Thọ
296	20A-750.05	Thái Nguyên	1296	19C-236.36	Phú Thọ	2296	20A-762.08	Thái Nguyên	3296	19A-611.35	Phú Thọ
297	20A-751.38	Thái Nguyên	1297	20A-713.68	Thái Nguyên	2297	20A-764.44	Thái Nguyên	3297	19A-611.59	Phú Thọ
298	20A-751.86	Thái Nguyên	1298	20A-719.66	Thái Nguyên	2298	20A-764.56	Thái Nguyên	3298	19A-613.44	Phú Thọ
299	20A-753.85	Thái Nguyên	1299	20A-720.08	Thái Nguyên	2299	20B-031.39	Thái Nguyên	3299	19A-614.44	Phú Thọ
300	20A-756.83	Thái Nguyên	1300	20A-725.22	Thái Nguyên	2300	20C-280.66	Thái Nguyên	3300	19A-617.58	Phú Thọ
301	20A-757.08	Thái Nguyên	1301	20A-725.26	Thái Nguyên	2301	20C-280.85	Thái Nguyên	3301	19A-618.98	Phú Thọ
302	20A-757.36	Thái Nguyên	1302	20A-726.38	Thái Nguyên	2302	20C-284.56	Thái Nguyên	3302	19A-620.65	Phú Thọ
303	20A-757.44	Thái Nguyên	1303	20A-728.29	Thái Nguyên	2303	21A-184.98	Yên Bái	3303	19A-620.89	Phú Thọ
304	20A-757.69	Thái Nguyên	1304	20A-729.56	Thái Nguyên	2304	21A-195.16	Yên Bái	3304	19C-231.69	Phú Thọ
305	20A-761.83	Thái Nguyên	1305	20A-729.68	Thái Nguyên	2305	21C-097.68	Yên Bái	3305	19C-237.36	Phú Thọ
306	20C-279.39	Thái Nguyên	1306	20A-730.22	Thái Nguyên	2306	21C-098.38	Yên Bái	3306	20A-717.17	Thái Nguyên
307	20C-280.80	Thái Nguyên	1307	20A-731.89	Thái Nguyên	2307	21C-099.29	Yên Bái	3307	20A-717.77	Thái Nguyên
308	20C-283.93	Thái Nguyên	1308	20A-732.52	Thái Nguyên	2308	21C-099.35	Yên Bái	3308	20A-718.79	Thái Nguyên
309	20C-284.38	Thái Nguyên	1309	20A-733.25	Thái Nguyên	2309	22A-218.16	Tuyên Quang	3309	20A-723.26	Thái Nguyên
310	20C-286.16	Thái Nguyên	1310	20A-733.37	Thái Nguyên	2310	22A-222.85	Tuyên Quang	3310	20A-723.55	Thái Nguyên
311	21A-182.92	Yên Bái	1311	20A-734.35	Thái Nguyên	2311	22A-223.69	Tuyên Quang	3311	20A-728.68	Thái Nguyên
312	21A-186.98	Yên Bái	1312	20A-736.25	Thái Nguyên	2312	22A-225.68	Tuyên Quang	3312	20A-730.33	Thái Nguyên
313	21A-190.35	Yên Bái	1313	20A-736.98	Thái Nguyên	2313	22A-227.56	Tuyên Quang	3313	20A-732.79	Thái Nguyên
314	21A-194.11	Yên Bái	1314	20A-737.36	Thái Nguyên	2314	22A-227.63	Tuyên Quang	3314	20A-733.82	Thái Nguyên
315	21C-098.29	Yên Bái	1315	20A-737.79	Thái Nguyên	2315	22A-230.69	Tuyên Quang	3315	20A-734.25	Thái Nguyên
316	22A-212.88	Tuyên Quang	1316	20A-738.66	Thái Nguyên	2316	22A-230.88	Tuyên Quang	3316	20A-735.18	Thái Nguyên
317	22A-219.95	Tuyên Quang	1317	20A-738.73	Thái Nguyên	2317	22A-233.22	Tuyên Quang	3317	20A-735.79	Thái Nguyên
318	22A-225.75	Tuyên Quang	1318	20A-742.06	Thái Nguyên	2318	23A-135.55	Hà Giang	3318	20A-737.73	Thái Nguyên
319	22A-229.77	Tuyên Quang	1319	20A-742.55	Thái Nguyên	2319	23A-137.08	Hà Giang	3319	20A-742.39	Thái Nguyên
320	22A-230.22	Tuyên Quang	1320	20A-743.26	Thái Nguyên	2320	23A-137.68	Hà Giang	3320	20A-746.46	Thái Nguyên
321	22A-231.63	Tuyên Quang	1321	20A-744.77	Thái Nguyên	2321	23A-139.44	Hà Giang	3321	20A-748.47	Thái Nguyên
322	22A-232.19	Tuyên Quang	1322	20A-744.96	Thái Nguyên	2322	23A-140.88	Hà Giang	3322	20A-751.18	Thái Nguyên
323	22A-232.25	Tuyên Quang	1323	20A-747.11	Thái Nguyên	2323	23A-141.15	Hà Giang	3323	20A-755.63	Thái Nguyên
324	22A-233.66	Tuyên Quang	1324	20A-757.06	Thái Nguyên	2324	23A-141.16	Hà Giang	3324	20C-276.86	Thái Nguyên
325	22A-234.38	Tuyên Quang	1325	20A-757.25	Thái Nguyên	2325	23A-141.79	Hà Giang	3325	20C-283.18	Thái Nguyên
326	22A-235.16	Tuyên Quang	1326	20A-761.85	Thái Nguyên	2326	23A-143.68	Hà Giang	3326	21A-183.26	Yên Bái
327	22A-235.22	Tuyên Quang	1327	20A-761.95	Thái Nguyên	2327	23A-144.56	Hà Giang	3327	21A-184.06	Yên Bái
328	23A-137.59	Hà Giang	1328	20A-762.59	Thái Nguyên	2328	23A-144.85	Hà Giang	3328	21A-185.79	Yên Bái
329	23A-138.79	Hà Giang	1329	20C-270.66	Thái Nguyên	2329	23A-144.88	Hà Giang	3329	21A-189.83	Yên Bái
330	23A-139.89	Hà Giang	1330	20C-279.36	Thái Nguyên	2330	23A-145.44	Hà Giang	3330	21A-190.18	Yên Bái
331	23A-142.33	Hà Giang	1331	20C-286.08	Thái Nguyên	2331	23A-145.59	Hà Giang	3331	21A-190.44	Yên Bái
332	23A-143.38	Hà Giang	1332	21A-187.06	Yên Bái	2332	23A-145.79	Hà Giang	3332	21A-195.00	Yên Bái
333	23A-144.86	Hà Giang	1333	21A-187.81	Yên Bái	2333	23C-080.99	Hà Giang	3333	21A-195.08	Yên Bái
334	23C-079.79	Hà Giang	1334	21A-188.16	Yên Bái	2334	24A-254.86	Lào Cai	3334	21B-009.79	Yên Bái
335	24A-260.86	Lào Cai	1335	21A-188.18	Yên Bái	2335	24A-261.58	Lào Cai	3335	21C-097.16	Yên Bái
336	24A-266.28	Lào Cai	1336	21A-189.69	Yên Bái	2336	24A-261.86	Lào Cai	3336	21C-097.69	Yên Bái
337	24A-267.67	Lào Cai	1337	21A-190.83	Yên Bái	2337	24A-262.00	Lào Cai	3337	22A-218.99	Tuyên Quang
338	24A-268.26	Lào Cai	1338	21A-190.98	Yên Bái	2338	24A-262.16	Lào Cai	3338	22A-223.56	Tuyên Quang
339	24A-271.08	Lào Cai	1339	21A-191.22	Yên Bái	2339	24A-264.65	Lào Cai	3339	22A-224.25	Tuyên Quang
340	24A-271.77	Lào Cai	1340	21A-191.96	Yên Bái	2340	24A-265.19	Lào Cai	3340	22A-226.63	Tuyên Quang
341	24A-272.18	Lào Cai	1341	21C-096.66	Yên Bái	2341	24A-266.19	Lào Cai	3341	22A-226.78	Tuyên Quang
342	24A-272.35	Lào Cai	1342	22A-223.93	Tuyên Quang	2342	24A-266.83	Lào Cai	3342	22A-227.58	Tuyên Quang
343	24A-273.18	Lào Cai	1343	22A-225.32	Tuyên Quang	2343	24A-267.86	Lào Cai	3343	22A-228.55	Tuyên Quang
344	24A-273.69	Lào Cai	1344	22A-225.35	Tuyên Quang	2344	24A-267.96	Lào Cai	3344	22A-231.83	Tuyên Quang
345	24C-149.55	Lào Cai	1345	22A-227.99	Tuyên Quang	2345	24A-269.59	Lào Cai	3345	22A-235.44	Tuyên Quang
346	24C-150.25	Lào Cai	1346	22A-232.23	Tuyên Quang	2346	24A-269.85	Lào Cai	3346	22C-098.66	Tuyên Quang
347	24C-151.26	Lào Cai	1347	22A-232.85	Tuyên Quang	2347	24A-270.69	Lào Cai	3347	22C-099.19	Tuyên Quang
348	24C-151.98	Lào Cai	1348	22A-233.69	Tuyên Quang	2348	24A-271.65	Lào Cai	3348	22C-102.56	Tuyên Quang
349	24C-153.29	Lào Cai	1349	22A-234.39	Tuyên Quang	2349	24A-272.33	Lào Cai	3349	23A-136.63	Hà Giang
350	24C-153.65	Lào Cai	1350	22C-099.69	Tuyên Quang	2350	24A-273.19	Lào Cai	3350	23A-137.11	Hà Giang
351	25A-073.25	Lai Châu	1351	22C-100.33	Tuyên Quang	2351	24A-273.37	Lào Cai	3351	23A-138.89	Hà Giang

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
352	25A-073.98	Lai Châu	1352	23A-136.56	Hà Giang	2352	24A-274.26	Lào Cai	3352	23A-140.26	Hà Giang
353	26A-188.79	Sơn La	1353	23A-137.15	Hà Giang	2353	24A-274.35	Lào Cai	3353	23A-142.35	Hà Giang
354	26A-191.18	Sơn La	1354	23A-139.33	Hà Giang	2354	24C-150.16	Lào Cai	3354	23A-142.58	Hà Giang
355	26A-193.16	Sơn La	1355	23A-142.24	Hà Giang	2355	24C-150.22	Lào Cai	3355	23A-143.26	Hà Giang
356	26A-193.89	Sơn La	1356	23A-143.86	Hà Giang	2356	25A-071.55	Lai Châu	3356	23A-143.95	Hà Giang
357	26A-194.69	Sơn La	1357	23C-079.06	Hà Giang	2357	25A-072.08	Lai Châu	3357	23A-144.26	Hà Giang
358	26A-194.88	Sơn La	1358	23C-079.38	Hà Giang	2358	25A-072.89	Lai Châu	3358	23A-144.28	Hà Giang
359	26A-197.38	Sơn La	1359	23C-081.96	Hà Giang	2359	25A-074.39	Lai Châu	3359	23A-145.58	Hà Giang
360	26A-199.55	Sơn La	1360	24A-254.88	Lào Cai	2360	25D-003.06	Lai Châu	3360	23C-079.99	Hà Giang
361	26A-200.22	Sơn La	1361	24A-259.86	Lào Cai	2361	26A-195.56	Sơn La	3361	24A-259.39	Lào Cai
362	26A-201.82	Sơn La	1362	24A-263.06	Lào Cai	2362	26A-195.85	Sơn La	3362	24A-260.28	Lào Cai
363	26A-202.15	Sơn La	1363	24A-263.09	Lào Cai	2363	26A-196.85	Sơn La	3363	24A-265.35	Lào Cai
364	26A-202.69	Sơn La	1364	24A-263.18	Lào Cai	2364	26A-197.86	Sơn La	3364	24A-265.95	Lào Cai
365	26A-205.00	Sơn La	1365	24A-268.16	Lào Cai	2365	26A-199.58	Sơn La	3365	24A-266.29	Lào Cai
366	26A-206.33	Sơn La	1366	24A-269.88	Lào Cai	2366	26A-203.83	Sơn La	3366	24A-267.06	Lào Cai
367	26C-135.55	Sơn La	1367	24A-270.00	Lào Cai	2367	26A-205.19	Sơn La	3367	24A-269.25	Lào Cai
368	26C-145.85	Sơn La	1368	24A-271.06	Lào Cai	2368	26A-205.22	Sơn La	3368	24A-270.26	Lào Cai
369	26C-146.26	Sơn La	1369	24A-271.88	Lào Cai	2369	26A-205.39	Sơn La	3369	24A-270.36	Lào Cai
370	27A-105.38	Điện Biên	1370	24A-272.16	Lào Cai	2370	26C-139.88	Sơn La	3370	24A-271.29	Lào Cai
371	27A-107.26	Điện Biên	1371	24A-272.26	Lào Cai	2371	26C-141.68	Sơn La	3371	24A-271.58	Lào Cai
372	27A-108.39	Điện Biên	1372	24A-273.66	Lào Cai	2372	27A-107.08	Điện Biên	3372	24A-272.44	Lào Cai
373	27A-110.09	Điện Biên	1373	24C-146.66	Lào Cai	2373	27A-107.68	Điện Biên	3373	24A-273.88	Lào Cai
374	27A-110.86	Điện Biên	1374	24C-148.88	Lào Cai	2374	27A-108.89	Điện Biên	3374	24C-150.85	Lào Cai
375	28A-213.86	Hòa Bình	1375	24C-149.22	Lào Cai	2375	27A-109.90	Điện Biên	3375	24C-151.39	Lào Cai
376	28A-221.58	Hòa Bình	1376	24C-150.86	Lào Cai	2376	27A-110.36	Điện Biên	3376	24C-152.25	Lào Cai
377	28A-221.79	Hòa Bình	1377	24C-152.29	Lào Cai	2377	27A-110.56	Điện Biên	3377	24C-153.15	Lào Cai
378	28A-226.38	Hòa Bình	1378	25A-075.26	Lai Châu	2378	27A-111.01	Điện Biên	3378	24D-005.88	Lào Cai
379	28A-227.38	Hòa Bình	1379	26A-194.58	Sơn La	2379	28A-216.61	Hòa Bình	3379	25A-071.08	Lai Châu
380	28A-231.13	Hòa Bình	1380	26A-198.63	Sơn La	2380	28A-218.89	Hòa Bình	3380	25A-071.22	Lai Châu
381	28A-232.36	Hòa Bình	1381	26A-199.22	Sơn La	2381	28A-220.99	Hòa Bình	3381	25C-050.39	Lai Châu
382	28A-232.39	Hòa Bình	1382	26A-199.95	Sơn La	2382	28A-223.38	Hòa Bình	3382	25C-053.06	Lai Châu
383	28C-105.39	Hòa Bình	1383	26A-200.02	Sơn La	2383	28A-225.16	Hòa Bình	3383	26A-189.66	Sơn La
384	29K-083.86	Hà Nội	1384	26A-200.28	Sơn La	2384	28A-226.85	Hòa Bình	3384	26A-195.39	Sơn La
385	29K-087.87	Hà Nội	1385	26A-201.95	Sơn La	2385	28A-228.18	Hòa Bình	3385	26A-197.36	Sơn La
386	29K-090.69	Hà Nội	1386	26A-202.79	Sơn La	2386	28A-229.22	Hòa Bình	3386	26A-199.36	Sơn La
387	29K-097.66	Hà Nội	1387	26A-202.99	Sơn La	2387	28C-105.58	Hòa Bình	3387	26A-200.01	Sơn La
388	29K-098.68	Hà Nội	1388	26A-204.26	Sơn La	2388	28C-105.79	Hòa Bình	3388	26A-200.68	Sơn La
389	29K-102.99	Hà Nội	1389	26C-141.55	Sơn La	2389	29D-577.06	Hà Nội	3389	26A-202.89	Sơn La
390	29K-115.68	Hà Nội	1390	26C-146.86	Sơn La	2390	29K-087.77	Hà Nội	3390	26A-204.06	Sơn La
391	29K-133.88	Hà Nội	1391	27A-107.18	Điện Biên	2391	29K-089.69	Hà Nội	3391	26C-136.36	Sơn La
392	29K-135.88	Hà Nội	1392	27A-110.18	Điện Biên	2392	29K-089.79	Hà Nội	3392	26C-136.69	Sơn La
393	34A-745.79	Hải Dương	1393	27A-110.39	Điện Biên	2393	29K-096.39	Hà Nội	3393	26C-137.99	Sơn La
394	34A-752.66	Hải Dương	1394	27A-110.77	Điện Biên	2394	29K-098.69	Hà Nội	3394	26C-146.83	Sơn La
395	34A-755.63	Hải Dương	1395	27C-062.89	Điện Biên	2395	29K-099.66	Hà Nội	3395	28A-216.59	Hòa Bình
396	34A-756.98	Hải Dương	1396	28A-222.39	Hòa Bình	2396	29K-106.38	Hà Nội	3396	28A-221.86	Hòa Bình
397	34A-760.44	Hải Dương	1397	28A-224.79	Hòa Bình	2397	29K-109.22	Hà Nội	3397	28A-222.11	Hòa Bình
398	34A-761.29	Hải Dương	1398	28A-229.88	Hòa Bình	2398	29K-126.55	Hà Nội	3398	28A-222.86	Hòa Bình
399	34A-761.86	Hải Dương	1399	28C-102.22	Hòa Bình	2399	29K-127.39	Hà Nội	3399	28A-223.65	Hòa Bình
400	34A-762.08	Hải Dương	1400	28C-106.68	Hòa Bình	2400	29K-128.38	Hà Nội	3400	28A-223.96	Hòa Bình
401	34A-764.99	Hải Dương	1401	29D-576.33	Hà Nội	2401	29K-132.26	Hà Nội	3401	28A-225.11	Hòa Bình
402	34A-766.35	Hải Dương	1402	29K-087.66	Hà Nội	2402	29K-135.39	Hà Nội	3402	28A-225.35	Hòa Bình
403	34A-767.26	Hải Dương	1403	29K-088.79	Hà Nội	2403	29K-137.89	Hà Nội	3403	28A-226.86	Hòa Bình
404	34A-767.76	Hải Dương	1404	29K-103.68	Hà Nội	2404	34A-743.66	Hải Dương	3404	28A-229.11	Hòa Bình
405	34A-768.29	Hải Dương	1405	29K-135.33	Hà Nội	2405	34A-753.66	Hải Dương	3405	28A-230.98	Hòa Bình
406	34A-769.36	Hải Dương	1406	29K-139.88	Hà Nội	2406	34A-754.86	Hải Dương	3406	28A-232.85	Hòa Bình
407	34A-771.96	Hải Dương	1407	29K-141.86	Hà Nội	2407	34A-757.56	Hải Dương	3407	28C-105.08	Hòa Bình
408	34A-772.98	Hải Dương	1408	34A-743.88	Hải Dương	2408	34A-758.68	Hải Dương	3408	28C-105.18	Hòa Bình
409	34A-773.86	Hải Dương	1409	34A-755.65	Hải Dương	2409	34A-759.38	Hải Dương	3409	28C-106.58	Hòa Bình
410	34A-774.00	Hải Dương	1410	34A-756.58	Hải Dương	2410	34A-759.44	Hải Dương	3410	28C-108.08	Hòa Bình

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
411	34A-774.86	Hải Dương	1411	34A-757.19	Hải Dương	2411	34A-760.33	Hải Dương	3411	29K-087.99	Hà Nội
412	34A-775.18	Hải Dương	1412	34A-757.33	Hải Dương	2412	34A-762.28	Hải Dương	3412	29K-093.89	Hà Nội
413	34A-775.69	Hải Dương	1413	34A-758.55	Hải Dương	2413	34A-763.76	Hải Dương	3413	29K-096.88	Hà Nội
414	34A-775.89	Hải Dương	1414	34A-759.26	Hải Dương	2414	34A-770.06	Hải Dương	3414	29K-102.89	Hà Nội
415	34A-777.33	Hải Dương	1415	34A-759.86	Hải Dương	2415	34A-773.83	Hải Dương	3415	29K-111.38	Hà Nội
416	34A-777.39	Hải Dương	1416	34A-760.16	Hải Dương	2416	34A-776.36	Hải Dương	3416	29K-111.58	Hà Nội
417	34A-777.59	Hải Dương	1417	34A-761.25	Hải Dương	2417	34A-776.79	Hải Dương	3417	29K-117.38	Hà Nội
418	34A-780.66	Hải Dương	1418	34A-762.11	Hải Dương	2418	34A-777.12	Hải Dương	3418	29K-118.19	Hà Nội
419	34A-781.16	Hải Dương	1419	34A-762.26	Hải Dương	2419	34A-778.19	Hải Dương	3419	29K-126.62	Hà Nội
420	34A-781.35	Hải Dương	1420	34A-765.56	Hải Dương	2420	34A-778.44	Hải Dương	3420	29K-127.55	Hà Nội
421	34A-782.98	Hải Dương	1421	34A-770.28	Hải Dương	2421	34A-780.15	Hải Dương	3421	29K-128.36	Hà Nội
422	34A-783.68	Hải Dương	1422	34A-771.72	Hải Dương	2422	34A-782.09	Hải Dương	3422	29K-129.85	Hà Nội
423	34A-785.06	Hải Dương	1423	34A-773.65	Hải Dương	2423	34A-782.86	Hải Dương	3423	29K-133.28	Hà Nội
424	34A-786.06	Hải Dương	1424	34A-774.38	Hải Dương	2424	34A-783.39	Hải Dương	3424	29K-138.18	Hà Nội
425	34A-787.78	Hải Dương	1425	34A-774.68	Hải Dương	2425	34A-785.39	Hải Dương	3425	29K-138.89	Hà Nội
426	34A-788.77	Hải Dương	1426	34A-775.68	Hải Dương	2426	34A-786.88	Hải Dương	3426	29K-139.95	Hà Nội
427	34A-789.59	Hải Dương	1427	34A-777.56	Hải Dương	2427	34A-787.55	Hải Dương	3427	34A-737.88	Hải Dương
428	34A-789.93	Hải Dương	1428	34A-777.65	Hải Dương	2428	34A-790.66	Hải Dương	3428	34A-739.39	Hải Dương
429	34A-792.26	Hải Dương	1429	34A-778.83	Hải Dương	2429	34A-791.97	Hải Dương	3429	34A-750.69	Hải Dương
430	34A-793.97	Hải Dương	1430	34A-779.38	Hải Dương	2430	34A-792.68	Hải Dương	3430	34A-757.59	Hải Dương
431	34A-795.11	Hải Dương	1431	34A-780.26	Hải Dương	2431	34A-792.69	Hải Dương	3431	34A-758.29	Hải Dương
432	34A-797.25	Hải Dương	1432	34A-781.65	Hải Dương	2432	34A-793.55	Hải Dương	3432	34A-759.82	Hải Dương
433	34A-797.89	Hải Dương	1433	34A-784.48	Hải Dương	2433	34A-794.95	Hải Dương	3433	34A-761.77	Hải Dương
434	34A-797.96	Hải Dương	1434	34A-784.65	Hải Dương	2434	34A-796.38	Hải Dương	3434	34A-763.08	Hải Dương
435	34A-798.09	Hải Dương	1435	34A-785.29	Hải Dương	2435	34A-798.85	Hải Dương	3435	34A-764.79	Hải Dương
436	34A-798.56	Hải Dương	1436	34A-786.35	Hải Dương	2436	34A-799.35	Hải Dương	3436	34A-765.99	Hải Dương
437	34A-800.56	Hải Dương	1437	34A-787.68	Hải Dương	2437	34A-800.25	Hải Dương	3437	34A-767.36	Hải Dương
438	34A-802.58	Hải Dương	1438	34A-788.39	Hải Dương	2438	34A-800.59	Hải Dương	3438	34A-768.16	Hải Dương
439	34A-802.79	Hải Dương	1439	34A-788.69	Hải Dương	2439	34A-801.28	Hải Dương	3439	34A-769.69	Hải Dương
440	34C-387.38	Hải Dương	1440	34A-792.58	Hải Dương	2440	34C-388.98	Hải Dương	3440	34A-770.00	Hải Dương
441	34C-387.87	Hải Dương	1441	34A-793.65	Hải Dương	2441	34C-391.83	Hải Dương	3441	34A-770.07	Hải Dương
442	34C-390.16	Hải Dương	1442	34A-797.65	Hải Dương	2442	34C-392.58	Hải Dương	3442	34A-770.66	Hải Dương
443	34C-390.55	Hải Dương	1443	34A-799.58	Hải Dương	2443	34C-393.69	Hải Dương	3443	34A-770.70	Hải Dương
444	34C-391.95	Hải Dương	1444	34A-800.18	Hải Dương	2444	34C-394.99	Hải Dương	3444	34A-773.22	Hải Dương
445	34C-391.96	Hải Dương	1445	34A-800.98	Hải Dương	2445	34C-397.83	Hải Dương	3445	34A-777.16	Hải Dương
446	35A-393.16	Ninh Bình	1446	34A-802.59	Hải Dương	2446	35A-391.86	Ninh Bình	3446	34A-781.22	Hải Dương
447	35A-393.59	Ninh Bình	1447	34A-803.28	Hải Dương	2447	35A-393.29	Ninh Bình	3447	34A-782.11	Hải Dương
448	35A-398.00	Ninh Bình	1448	34A-803.79	Hải Dương	2448	35A-400.36	Ninh Bình	3448	34A-783.78	Hải Dương
449	35A-398.29	Ninh Bình	1449	34A-803.86	Hải Dương	2449	35A-401.00	Ninh Bình	3449	34A-786.29	Hải Dương
450	35A-400.29	Ninh Bình	1450	34C-389.06	Hải Dương	2450	35A-402.29	Ninh Bình	3450	34A-786.44	Hải Dương
451	35A-401.18	Ninh Bình	1451	34C-389.82	Hải Dương	2451	35A-405.66	Ninh Bình	3451	34A-787.39	Hải Dương
452	35A-401.59	Ninh Bình	1452	34C-390.06	Hải Dương	2452	35A-406.56	Ninh Bình	3452	34A-787.98	Hải Dương
453	35A-405.98	Ninh Bình	1453	34C-392.19	Hải Dương	2453	35A-407.16	Ninh Bình	3453	34A-789.26	Hải Dương
454	35A-410.01	Ninh Bình	1454	34C-398.66	Hải Dương	2454	35A-407.89	Ninh Bình	3454	34A-789.38	Hải Dương
455	35A-411.83	Ninh Bình	1455	35A-382.79	Ninh Bình	2455	35A-408.96	Ninh Bình	3455	34A-789.69	Hải Dương
456	35A-412.14	Ninh Bình	1456	35A-389.86	Ninh Bình	2456	35A-409.08	Ninh Bình	3456	34A-790.09	Hải Dương
457	35C-160.77	Ninh Bình	1457	35A-394.66	Ninh Bình	2457	35A-410.16	Ninh Bình	3457	34A-790.89	Hải Dương
458	35C-161.15	Ninh Bình	1458	35A-395.09	Ninh Bình	2458	35A-412.35	Ninh Bình	3458	34A-798.55	Hải Dương
459	36C-452.22	Thanh Hóa	1459	35A-396.25	Ninh Bình	2459	35C-158.66	Ninh Bình	3459	34A-801.80	Hải Dương
460	36C-457.79	Thanh Hóa	1460	35A-396.55	Ninh Bình	2460	35C-160.56	Ninh Bình	3460	34A-802.16	Hải Dương
461	36C-458.39	Thanh Hóa	1461	35A-401.35	Ninh Bình	2461	36C-450.88	Thanh Hóa	3461	34A-803.25	Hải Dương
462	36C-461.11	Thanh Hóa	1462	35A-404.77	Ninh Bình	2462	36C-457.69	Thanh Hóa	3462	34A-804.33	Hải Dương
463	36K-019.18	Thanh Hóa	1463	35A-406.00	Ninh Bình	2463	36C-458.35	Thanh Hóa	3463	34C-386.66	Hải Dương
464	36K-019.39	Thanh Hóa	1464	35A-406.39	Ninh Bình	2464	36C-459.79	Thanh Hóa	3464	34C-391.25	Hải Dương
465	36K-022.85	Thanh Hóa	1465	35A-409.89	Ninh Bình	2465	36C-459.89	Thanh Hóa	3465	34C-392.96	Hải Dương
466	36K-025.16	Thanh Hóa	1466	35A-410.28	Ninh Bình	2466	36K-006.86	Thanh Hóa	3466	34C-393.65	Hải Dương
467	36K-027.27	Thanh Hóa	1467	35A-412.08	Ninh Bình	2467	36K-015.86	Thanh Hóa	3467	34C-394.19	Hải Dương
468	36K-029.26	Thanh Hóa	1468	35A-412.69	Ninh Bình	2468	36K-016.89	Thanh Hóa	3468	34C-394.93	Hải Dương
469	36K-031.26	Thanh Hóa	1469	35A-413.25	Ninh Bình	2469	36K-021.69	Thanh Hóa	3469	34C-397.19	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
470	36K-035.16	Thanh Hóa	1470	35C-155.66	Ninh Bình	2470	36K-030.86	Thanh Hóa	3470	34C-397.44	Hải Dương
471	36K-035.26	Thanh Hóa	1471	35C-161.59	Ninh Bình	2471	36K-031.39	Thanh Hóa	3471	34C-397.97	Hải Dương
472	36K-035.59	Thanh Hóa	1472	36C-457.22	Thanh Hóa	2472	36K-033.26	Thanh Hóa	3472	34D-033.38	Hải Dương
473	36K-036.00	Thanh Hóa	1473	36C-460.11	Thanh Hóa	2473	36K-036.06	Thanh Hóa	3473	35A-378.78	Ninh Bình
474	36K-036.16	Thanh Hóa	1474	36C-460.25	Thanh Hóa	2474	36K-037.38	Thanh Hóa	3474	35A-378.89	Ninh Bình
475	36K-036.25	Thanh Hóa	1475	36C-460.96	Thanh Hóa	2475	36K-038.00	Thanh Hóa	3475	35A-393.96	Ninh Bình
476	36K-038.11	Thanh Hóa	1476	36K-010.66	Thanh Hóa	2476	36K-038.89	Thanh Hóa	3476	35A-396.18	Ninh Bình
477	36K-039.56	Thanh Hóa	1477	36K-011.99	Thanh Hóa	2477	36K-039.09	Thanh Hóa	3477	35A-397.15	Ninh Bình
478	37C-494.89	Nghệ An	1478	36K-021.99	Thanh Hóa	2478	36K-039.92	Thanh Hóa	3478	35A-400.68	Ninh Bình
479	37C-495.68	Nghệ An	1479	36K-022.11	Thanh Hóa	2479	36K-040.28	Thanh Hóa	3479	35A-401.29	Ninh Bình
480	37C-502.50	Nghệ An	1480	36K-022.59	Thanh Hóa	2480	36K-042.29	Thanh Hóa	3480	35A-403.26	Ninh Bình
481	37C-503.26	Nghệ An	1481	36K-025.69	Thanh Hóa	2481	37C-502.08	Nghệ An	3481	35A-404.29	Ninh Bình
482	37C-503.36	Nghệ An	1482	36K-027.09	Thanh Hóa	2482	37C-503.19	Nghệ An	3482	35A-408.86	Ninh Bình
483	37C-503.86	Nghệ An	1483	36K-027.38	Thanh Hóa	2483	37C-505.85	Nghệ An	3483	35A-409.38	Ninh Bình
484	37C-506.11	Nghệ An	1484	36K-027.55	Thanh Hóa	2484	37C-506.25	Nghệ An	3484	35A-410.56	Ninh Bình
485	37C-506.55	Nghệ An	1485	36K-029.09	Thanh Hóa	2485	37C-506.88	Nghệ An	3485	35A-410.69	Ninh Bình
486	37C-507.70	Nghệ An	1486	36K-032.33	Thanh Hóa	2486	37C-508.25	Nghệ An	3486	35A-411.14	Ninh Bình
487	37C-507.83	Nghệ An	1487	36K-036.08	Thanh Hóa	2487	37C-508.85	Nghệ An	3487	35A-412.58	Ninh Bình
488	37C-508.06	Nghệ An	1488	36K-037.83	Thanh Hóa	2488	37C-513.08	Nghệ An	3488	35A-413.15	Ninh Bình
489	37C-509.19	Nghệ An	1489	36K-038.83	Thanh Hóa	2489	37C-514.15	Nghệ An	3489	35C-158.38	Ninh Bình
490	37C-509.26	Nghệ An	1490	37C-502.68	Nghệ An	2490	37K-251.86	Nghệ An	3490	35C-161.44	Ninh Bình
491	37C-510.26	Nghệ An	1491	37C-503.33	Nghệ An	2491	37K-254.68	Nghệ An	3491	35C-162.26	Ninh Bình
492	37C-510.44	Nghệ An	1492	37C-504.83	Nghệ An	2492	37K-259.86	Nghệ An	3492	35C-162.28	Ninh Bình
493	37C-512.69	Nghệ An	1493	37C-505.86	Nghệ An	2493	37K-261.89	Nghệ An	3493	35C-162.58	Ninh Bình
494	37C-513.28	Nghệ An	1494	37C-505.88	Nghệ An	2494	37K-262.39	Nghệ An	3494	36C-455.22	Thanh Hóa
495	37D-037.39	Nghệ An	1495	37C-508.58	Nghệ An	2495	37K-273.29	Nghệ An	3495	36C-457.58	Thanh Hóa
496	37D-038.86	Nghệ An	1496	37C-508.65	Nghệ An	2496	37K-277.36	Nghệ An	3496	36K-017.89	Thanh Hóa
497	37K-271.68	Nghệ An	1497	37C-510.16	Nghệ An	2497	37K-278.27	Nghệ An	3497	36K-026.08	Thanh Hóa
498	37K-272.58	Nghệ An	1498	37C-510.86	Nghệ An	2498	37K-279.00	Nghệ An	3498	36K-027.06	Thanh Hóa
499	37K-275.55	Nghệ An	1499	37C-512.35	Nghệ An	2499	37K-280.79	Nghệ An	3499	36K-029.08	Thanh Hóa
500	37K-278.83	Nghệ An	1500	37C-514.51	Nghệ An	2500	37K-281.98	Nghệ An	3500	36K-032.56	Thanh Hóa
501	37K-282.36	Nghệ An	1501	37K-251.68	Nghệ An	2501	37K-284.79	Nghệ An	3501	36K-034.16	Thanh Hóa
502	37K-284.25	Nghệ An	1502	37K-258.39	Nghệ An	2502	37K-284.83	Nghệ An	3502	36K-035.08	Thanh Hóa
503	37K-284.66	Nghệ An	1503	37K-274.16	Nghệ An	2503	37K-288.16	Nghệ An	3503	36K-035.55	Thanh Hóa
504	37K-289.59	Nghệ An	1504	37K-274.68	Nghệ An	2504	37K-289.09	Nghệ An	3504	36K-035.56	Thanh Hóa
505	37K-289.77	Nghệ An	1505	37K-275.28	Nghệ An	2505	37K-291.22	Nghệ An	3505	36K-036.65	Thanh Hóa
506	37K-291.36	Nghệ An	1506	37K-281.00	Nghệ An	2506	37K-291.28	Nghệ An	3506	36K-038.25	Thanh Hóa
507	37K-292.09	Nghệ An	1507	37K-281.06	Nghệ An	2507	37K-294.83	Nghệ An	3507	36K-038.55	Thanh Hóa
508	37K-292.28	Nghệ An	1508	37K-281.96	Nghệ An	2508	37K-295.99	Nghệ An	3508	36K-038.66	Thanh Hóa
509	37K-294.79	Nghệ An	1509	37K-283.69	Nghệ An	2509	37K-298.36	Nghệ An	3509	36K-038.86	Thanh Hóa
510	37K-295.96	Nghệ An	1510	37K-285.22	Nghệ An	2510	37K-300.30	Nghệ An	3510	36K-039.96	Thanh Hóa
511	37K-296.55	Nghệ An	1511	37K-289.16	Nghệ An	2511	37K-300.38	Nghệ An	3511	36K-040.08	Thanh Hóa
512	37K-296.92	Nghệ An	1512	37K-289.33	Nghệ An	2512	37K-301.15	Nghệ An	3512	36K-040.65	Thanh Hóa
513	37K-300.39	Nghệ An	1513	37K-290.33	Nghệ An	2513	37K-301.38	Nghệ An	3513	36K-041.36	Thanh Hóa
514	37K-303.15	Nghệ An	1514	37K-291.09	Nghệ An	2514	37K-307.39	Nghệ An	3514	36K-041.41	Thanh Hóa
515	37K-303.44	Nghệ An	1515	37K-291.86	Nghệ An	2515	37K-310.29	Nghệ An	3515	37C-503.88	Nghệ An
516	37K-304.03	Nghệ An	1516	37K-293.55	Nghệ An	2516	37K-311.28	Nghệ An	3516	37C-504.95	Nghệ An
517	37K-308.08	Nghệ An	1517	37K-293.83	Nghệ An	2517	37K-312.77	Nghệ An	3517	37C-504.99	Nghệ An
518	37K-308.30	Nghệ An	1518	37K-295.00	Nghệ An	2518	37K-313.26	Nghệ An	3518	37C-506.59	Nghệ An
519	37K-308.38	Nghệ An	1519	37K-295.59	Nghệ An	2519	37K-313.28	Nghệ An	3519	37C-508.15	Nghệ An
520	37K-308.59	Nghệ An	1520	37K-295.66	Nghệ An	2520	37K-313.98	Nghệ An	3520	37C-508.55	Nghệ An
521	37K-311.19	Nghệ An	1521	37K-297.85	Nghệ An	2521	37K-314.55	Nghệ An	3521	37C-509.65	Nghệ An
522	37K-312.22	Nghệ An	1522	37K-301.36	Nghệ An	2522	37K-317.00	Nghệ An	3522	37C-510.22	Nghệ An
523	37K-312.65	Nghệ An	1523	37K-302.30	Nghệ An	2523	37K-317.08	Nghệ An	3523	37C-512.15	Nghệ An
524	37K-315.29	Nghệ An	1524	37K-304.85	Nghệ An	2524	37K-319.09	Nghệ An	3524	37C-512.25	Nghệ An
525	37K-315.69	Nghệ An	1525	37K-304.95	Nghệ An	2525	37K-319.31	Nghệ An	3525	37C-512.99	Nghệ An
526	37K-316.85	Nghệ An	1526	37K-308.26	Nghệ An	2526	37K-320.32	Nghệ An	3526	37C-513.18	Nghệ An
527	37K-320.22	Nghệ An	1527	37K-309.68	Nghệ An	2527	37K-321.59	Nghệ An	3527	37C-513.26	Nghệ An
528	37K-320.88	Nghệ An	1528	37K-309.79	Nghệ An	2528	38A-571.79	Hà Tĩnh	3528	37C-513.59	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
529	37K-321.06	Nghệ An	1529	37K-310.18	Nghệ An	2529	38A-572.79	Hà Tĩnh	3529	37D-038.38	Nghệ An
530	37K-321.65	Nghệ An	1530	37K-310.89	Nghệ An	2530	38A-573.69	Hà Tĩnh	3530	37K-266.39	Nghệ An
531	37K-322.86	Nghệ An	1531	37K-313.69	Nghệ An	2531	38A-575.56	Hà Tĩnh	3531	37K-274.74	Nghệ An
532	38A-584.84	Hà Tĩnh	1532	37K-313.86	Nghệ An	2532	38A-576.85	Hà Tĩnh	3532	37K-276.16	Nghệ An
533	38A-586.85	Hà Tĩnh	1533	37K-314.98	Nghệ An	2533	38A-578.39	Hà Tĩnh	3533	37K-276.35	Nghệ An
534	38A-592.79	Hà Tĩnh	1534	37K-315.09	Nghệ An	2534	38A-579.59	Hà Tĩnh	3534	37K-278.68	Nghệ An
535	38A-593.86	Hà Tĩnh	1535	37K-316.77	Nghệ An	2535	38A-580.28	Hà Tĩnh	3535	37K-281.35	Nghệ An
536	38A-594.22	Hà Tĩnh	1536	37K-316.93	Nghệ An	2536	38A-581.56	Hà Tĩnh	3536	37K-282.56	Nghệ An
537	38A-594.88	Hà Tĩnh	1537	37K-319.06	Nghệ An	2537	38A-581.98	Hà Tĩnh	3537	37K-282.96	Nghệ An
538	38A-596.58	Hà Tĩnh	1538	38A-574.22	Hà Tĩnh	2538	38A-582.39	Hà Tĩnh	3538	37K-286.16	Nghệ An
539	38A-597.19	Hà Tĩnh	1539	38A-576.15	Hà Tĩnh	2539	38A-583.95	Hà Tĩnh	3539	37K-286.87	Nghệ An
540	38A-598.00	Hà Tĩnh	1540	38A-576.95	Hà Tĩnh	2540	38A-584.25	Hà Tĩnh	3540	37K-287.18	Nghệ An
541	38A-601.44	Hà Tĩnh	1541	38A-579.22	Hà Tĩnh	2541	38A-585.19	Hà Tĩnh	3541	37K-288.35	Nghệ An
542	38A-603.11	Hà Tĩnh	1542	38A-580.11	Hà Tĩnh	2542	38A-586.06	Hà Tĩnh	3542	37K-289.55	Nghệ An
543	38C-210.79	Hà Tĩnh	1543	38A-580.29	Hà Tĩnh	2543	38A-586.69	Hà Tĩnh	3543	37K-295.39	Nghệ An
544	43A-805.88	Đà Nẵng	1544	38A-580.66	Hà Tĩnh	2544	38A-587.59	Hà Tĩnh	3544	37K-297.09	Nghệ An
545	43A-814.79	Đà Nẵng	1545	38A-581.08	Hà Tĩnh	2545	38A-587.96	Hà Tĩnh	3545	37K-297.92	Nghệ An
546	43A-816.68	Đà Nẵng	1546	38A-582.18	Hà Tĩnh	2546	38A-590.19	Hà Tĩnh	3546	37K-298.55	Nghệ An
547	43A-817.36	Đà Nẵng	1547	38A-583.28	Hà Tĩnh	2547	38A-591.36	Hà Tĩnh	3547	37K-298.77	Nghệ An
548	43A-822.38	Đà Nẵng	1548	38A-589.66	Hà Tĩnh	2548	38A-591.38	Hà Tĩnh	3548	37K-299.38	Nghệ An
549	43A-828.82	Đà Nẵng	1549	38A-590.25	Hà Tĩnh	2549	38A-592.18	Hà Tĩnh	3549	37K-299.85	Nghệ An
550	43A-828.85	Đà Nẵng	1550	38A-590.69	Hà Tĩnh	2550	38A-593.29	Hà Tĩnh	3550	37K-301.66	Nghệ An
551	43A-837.63	Đà Nẵng	1551	38A-592.29	Hà Tĩnh	2551	38A-597.55	Hà Tĩnh	3551	37K-304.15	Nghệ An
552	43A-838.89	Đà Nẵng	1552	38A-592.38	Hà Tĩnh	2552	38A-599.77	Hà Tĩnh	3552	37K-304.22	Nghệ An
553	43A-841.68	Đà Nẵng	1553	38A-594.94	Hà Tĩnh	2553	38A-599.85	Hà Tĩnh	3553	37K-304.88	Nghệ An
554	43A-842.39	Đà Nẵng	1554	38A-597.35	Hà Tĩnh	2554	38A-601.38	Hà Tĩnh	3554	37K-306.16	Nghệ An
555	43A-844.55	Đà Nẵng	1555	38A-600.99	Hà Tĩnh	2555	38A-601.96	Hà Tĩnh	3555	37K-306.79	Nghệ An
556	43A-844.83	Đà Nẵng	1556	38A-603.19	Hà Tĩnh	2556	38A-603.08	Hà Tĩnh	3556	37K-306.98	Nghệ An
557	43A-845.29	Đà Nẵng	1557	38C-211.35	Hà Tĩnh	2557	38C-209.69	Hà Tĩnh	3557	37K-312.12	Nghệ An
558	43A-847.39	Đà Nẵng	1558	38C-212.13	Hà Tĩnh	2558	38C-211.77	Hà Tĩnh	3558	37K-312.19	Nghệ An
559	43A-847.44	Đà Nẵng	1559	38C-214.28	Hà Tĩnh	2559	43A-804.86	Đà Nẵng	3559	37K-313.83	Nghệ An
560	43C-288.55	Đà Nẵng	1560	43A-803.86	Đà Nẵng	2560	43A-832.77	Đà Nẵng	3560	37K-314.96	Nghệ An
561	43C-290.66	Đà Nẵng	1561	43A-808.86	Đà Nẵng	2561	43A-833.58	Đà Nẵng	3561	37K-317.33	Nghệ An
562	47A-632.39	Đắk Lắk	1562	43A-816.16	Đà Nẵng	2562	43A-833.66	Đà Nẵng	3562	37K-317.83	Nghệ An
563	47A-636.69	Đắk Lắk	1563	43A-816.55	Đà Nẵng	2563	43A-836.93	Đà Nẵng	3563	37K-318.00	Nghệ An
564	47A-641.79	Đắk Lắk	1564	43A-816.66	Đà Nẵng	2564	43A-837.09	Đà Nẵng	3564	38A-569.86	Hà Tĩnh
565	47A-672.26	Đắk Lắk	1565	43A-817.19	Đà Nẵng	2565	43A-837.65	Đà Nẵng	3565	38A-571.69	Hà Tĩnh
566	47A-672.86	Đắk Lắk	1566	43A-820.39	Đà Nẵng	2566	43A-837.68	Đà Nẵng	3566	38A-577.09	Hà Tĩnh
567	47A-684.33	Đắk Lắk	1567	43A-820.89	Đà Nẵng	2567	43A-841.08	Đà Nẵng	3567	38A-579.44	Hà Tĩnh
568	47A-684.66	Đắk Lắk	1568	43A-821.22	Đà Nẵng	2568	43A-845.45	Đà Nẵng	3568	38A-580.99	Hà Tĩnh
569	47A-685.56	Đắk Lắk	1569	43A-821.89	Đà Nẵng	2569	43A-849.77	Đà Nẵng	3569	38A-582.29	Hà Tĩnh
570	47A-698.06	Đắk Lắk	1570	43A-825.16	Đà Nẵng	2570	43A-850.83	Đà Nẵng	3570	38A-587.08	Hà Tĩnh
571	47A-700.01	Đắk Lắk	1571	43A-825.88	Đà Nẵng	2571	43A-852.08	Đà Nẵng	3571	38A-587.38	Hà Tĩnh
572	51D-911.33	Hồ Chí Minh	1572	43A-826.85	Đà Nẵng	2572	43C-288.00	Đà Nẵng	3572	38A-587.44	Hà Tĩnh
573	51D-911.66	Hồ Chí Minh	1573	43A-830.22	Đà Nẵng	2573	43C-288.44	Đà Nẵng	3573	38A-587.55	Hà Tĩnh
574	51D-911.79	Hồ Chí Minh	1574	43A-841.39	Đà Nẵng	2574	47A-627.79	Đắk Lắk	3574	38A-588.08	Hà Tĩnh
575	51D-914.39	Hồ Chí Minh	1575	43A-841.48	Đà Nẵng	2575	47A-632.79	Đắk Lắk	3575	38A-590.08	Hà Tĩnh
576	51D-915.88	Hồ Chí Minh	1576	43A-841.59	Đà Nẵng	2576	47A-635.79	Đắk Lắk	3576	38A-591.33	Hà Tĩnh
577	51D-917.17	Hồ Chí Minh	1577	43A-842.58	Đà Nẵng	2577	47A-672.56	Đắk Lắk	3577	38A-593.16	Hà Tĩnh
578	51D-918.89	Hồ Chí Minh	1578	43A-842.85	Đà Nẵng	2578	47A-698.29	Đắk Lắk	3578	38A-593.98	Hà Tĩnh
579	51D-920.68	Hồ Chí Minh	1579	43A-844.22	Đà Nẵng	2579	51B-702.66	Hồ Chí Minh	3579	38A-594.33	Hà Tĩnh
580	51D-922.88	Hồ Chí Minh	1580	43A-844.58	Đà Nẵng	2580	51B-702.68	Hồ Chí Minh	3580	38A-596.16	Hà Tĩnh
581	51D-923.39	Hồ Chí Minh	1581	43A-845.46	Đà Nẵng	2581	51B-703.69	Hồ Chí Minh	3581	38A-598.58	Hà Tĩnh
582	51D-924.89	Hồ Chí Minh	1582	43A-845.55	Đà Nẵng	2582	51B-704.44	Hồ Chí Minh	3582	38A-603.30	Hà Tĩnh
583	51D-928.86	Hồ Chí Minh	1583	43A-846.46	Đà Nẵng	2583	51D-910.99	Hồ Chí Minh	3583	38C-215.22	Hà Tĩnh
584	51D-928.89	Hồ Chí Minh	1584	43A-850.86	Đà Nẵng	2584	51D-913.79	Hồ Chí Minh	3584	43A-813.88	Đà Nẵng
585	51D-931.99	Hồ Chí Minh	1585	43C-290.86	Đà Nẵng	2585	51D-915.39	Hồ Chí Minh	3585	43A-817.09	Đà Nẵng
586	51D-934.44	Hồ Chí Minh	1586	43C-291.16	Đà Nẵng	2586	51D-915.89	Hồ Chí Minh	3586	43A-817.44	Đà Nẵng
587	51D-934.69	Hồ Chí Minh	1587	47A-635.99	Đắk Lắk	2587	51D-917.79	Hồ Chí Minh	3587	43A-823.38	Đà Nẵng

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
588	51D-935.69	Hồ Chí Minh	1588	47A-672.27	Đắk Lắk	2588	51D-918.66	Hồ Chí Minh	3588	43A-837.88	Đà Nẵng
589	51D-937.86	Hồ Chí Minh	1589	47A-684.15	Đắk Lắk	2589	51D-920.88	Hồ Chí Minh	3589	43A-838.25	Đà Nẵng
590	51D-941.88	Hồ Chí Minh	1590	47A-684.56	Đắk Lắk	2590	51D-920.99	Hồ Chí Minh	3590	43A-839.83	Đà Nẵng
591	51D-942.89	Hồ Chí Minh	1591	47A-698.09	Đắk Lắk	2591	51D-924.44	Hồ Chí Minh	3591	43A-839.86	Đà Nẵng
592	51D-943.79	Hồ Chí Minh	1592	51B-703.86	Hồ Chí Minh	2592	51D-925.25	Hồ Chí Minh	3592	43A-840.16	Đà Nẵng
593	62A-392.99	Long An	1593	51D-912.99	Hồ Chí Minh	2593	51D-927.68	Hồ Chí Minh	3593	43A-841.14	Đà Nẵng
594	62C-188.39	Long An	1594	51D-913.13	Hồ Chí Minh	2594	51D-928.69	Hồ Chí Minh	3594	43A-841.33	Đà Nẵng
595	62C-189.38	Long An	1595	51D-914.68	Hồ Chí Minh	2595	51D-928.79	Hồ Chí Minh	3595	43A-845.09	Đà Nẵng
596	62C-189.99	Long An	1596	51D-915.15	Hồ Chí Minh	2596	51D-930.39	Hồ Chí Minh	3596	43A-845.19	Đà Nẵng
597	62C-194.08	Long An	1597	51D-915.66	Hồ Chí Minh	2597	51D-931.69	Hồ Chí Minh	3597	43A-845.88	Đà Nẵng
598	62C-194.26	Long An	1598	51D-916.16	Hồ Chí Minh	2598	51D-937.66	Hồ Chí Minh	3598	43A-846.28	Đà Nẵng
599	63A-271.89	Tiền Giang	1599	51D-916.68	Hồ Chí Minh	2599	51D-940.69	Hồ Chí Minh	3599	43A-846.79	Đà Nẵng
600	63A-272.79	Tiền Giang	1600	51D-918.68	Hồ Chí Minh	2600	51D-941.86	Hồ Chí Minh	3600	43A-848.22	Đà Nẵng
601	63A-274.68	Tiền Giang	1601	51D-922.66	Hồ Chí Minh	2601	51D-943.88	Hồ Chí Minh	3601	43A-848.59	Đà Nẵng
602	63A-280.65	Tiền Giang	1602	51D-924.68	Hồ Chí Minh	2602	62A-418.22	Long An	3602	43A-848.96	Đà Nẵng
603	63A-282.15	Tiền Giang	1603	51D-925.86	Hồ Chí Minh	2603	62A-420.42	Long An	3603	43A-850.28	Đà Nẵng
604	63A-283.55	Tiền Giang	1604	51D-926.86	Hồ Chí Minh	2604	62C-189.68	Long An	3604	43C-289.38	Đà Nẵng
605	63A-285.19	Tiền Giang	1605	51D-927.88	Hồ Chí Minh	2605	62C-190.98	Long An	3605	43C-290.68	Đà Nẵng
606	63A-286.36	Tiền Giang	1606	51D-932.66	Hồ Chí Minh	2606	62C-191.55	Long An	3606	43C-292.18	Đà Nẵng
607	63A-286.98	Tiền Giang	1607	51D-932.79	Hồ Chí Minh	2607	62C-193.56	Long An	3607	47A-661.19	Đắk Lắk
608	63A-287.00	Tiền Giang	1608	51D-933.55	Hồ Chí Minh	2608	62C-194.15	Long An	3608	47A-672.33	Đắk Lắk
609	63A-287.66	Tiền Giang	1609	51D-934.34	Hồ Chí Minh	2609	63A-276.58	Tiền Giang	3609	47A-672.69	Đắk Lắk
610	63A-291.35	Tiền Giang	1610	51D-935.55	Hồ Chí Minh	2610	63A-278.28	Tiền Giang	3610	47A-684.28	Đắk Lắk
611	63A-293.28	Tiền Giang	1611	51D-935.68	Hồ Chí Minh	2611	63A-280.33	Tiền Giang	3611	47A-684.83	Đắk Lắk
612	63A-293.95	Tiền Giang	1612	51D-936.99	Hồ Chí Minh	2612	63A-281.19	Tiền Giang	3612	47A-685.35	Đắk Lắk
613	63C-203.09	Tiền Giang	1613	51D-937.68	Hồ Chí Minh	2613	63A-285.16	Tiền Giang	3613	47A-698.16	Đắk Lắk
614	63C-204.15	Tiền Giang	1614	51D-939.89	Hồ Chí Minh	2614	63A-285.25	Tiền Giang	3614	51B-702.88	Hồ Chí Minh
615	63C-204.19	Tiền Giang	1615	51D-941.39	Hồ Chí Minh	2615	63A-288.89	Tiền Giang	3615	51D-912.12	Hồ Chí Minh
616	63C-205.68	Tiền Giang	1616	51D-942.66	Hồ Chí Minh	2616	63A-288.96	Tiền Giang	3616	51D-912.79	Hồ Chí Minh
617	63C-207.22	Tiền Giang	1617	62A-417.99	Long An	2617	63A-293.16	Tiền Giang	3617	51D-913.99	Hồ Chí Minh
618	63C-207.29	Tiền Giang	1618	62A-420.44	Long An	2618	63C-202.98	Tiền Giang	3618	51D-919.89	Hồ Chí Minh
619	63C-207.95	Tiền Giang	1619	62B-027.89	Long An	2619	63C-203.35	Tiền Giang	3619	51D-922.77	Hồ Chí Minh
620	63C-209.06	Tiền Giang	1620	62C-189.22	Long An	2620	63C-205.33	Tiền Giang	3620	51D-926.26	Hồ Chí Minh
621	64A-172.88	Vĩnh Long	1621	62C-194.09	Long An	2621	63C-207.33	Tiền Giang	3621	51D-928.39	Hồ Chí Minh
622	64A-173.68	Vĩnh Long	1622	63A-275.89	Tiền Giang	2622	63C-208.20	Tiền Giang	3622	51D-928.99	Hồ Chí Minh
623	64A-176.33	Vĩnh Long	1623	63A-276.68	Tiền Giang	2623	63C-209.00	Tiền Giang	3623	51D-931.39	Hồ Chí Minh
624	64A-177.09	Vĩnh Long	1624	63A-277.09	Tiền Giang	2624	63D-008.56	Tiền Giang	3624	51D-931.79	Hồ Chí Minh
625	64A-177.71	Vĩnh Long	1625	63A-277.72	Tiền Giang	2625	64A-175.28	Vĩnh Long	3625	51D-932.86	Hồ Chí Minh
626	64A-178.87	Vĩnh Long	1626	63A-279.16	Tiền Giang	2626	64A-175.98	Vĩnh Long	3626	51D-934.79	Hồ Chí Minh
627	64A-179.85	Vĩnh Long	1627	63A-279.58	Tiền Giang	2627	64A-176.29	Vĩnh Long	3627	51D-934.99	Hồ Chí Minh
628	64A-180.00	Vĩnh Long	1628	63A-279.96	Tiền Giang	2628	64A-177.35	Vĩnh Long	3628	51D-942.86	Hồ Chí Minh
629	64A-180.98	Vĩnh Long	1629	63A-282.00	Tiền Giang	2629	64A-181.00	Vĩnh Long	3629	51D-942.88	Hồ Chí Minh
630	64A-181.88	Vĩnh Long	1630	63A-282.16	Tiền Giang	2630	64A-183.18	Vĩnh Long	3630	62A-420.35	Long An
631	64A-183.77	Vĩnh Long	1631	63A-282.55	Tiền Giang	2631	65A-407.86	Cần Thơ	3631	62C-190.38	Long An
632	64A-184.06	Vĩnh Long	1632	63A-285.18	Tiền Giang	2632	65A-411.68	Cần Thơ	3632	62C-192.00	Long An
633	64C-109.89	Vĩnh Long	1633	63A-288.18	Tiền Giang	2633	65A-415.99	Cần Thơ	3633	62C-192.29	Long An
634	64C-111.00	Vĩnh Long	1634	63A-289.11	Tiền Giang	2634	65A-426.18	Cần Thơ	3634	62C-192.39	Long An
635	64C-111.46	Vĩnh Long	1635	63A-289.85	Tiền Giang	2635	65A-427.27	Cần Thơ	3635	62C-192.83	Long An
636	64C-114.56	Vĩnh Long	1636	63A-290.44	Tiền Giang	2636	65A-427.69	Cần Thơ	3636	62C-193.55	Long An
637	65A-408.86	Cần Thơ	1637	63A-290.68	Tiền Giang	2637	65C-211.38	Cần Thơ	3637	62C-193.96	Long An
638	65A-410.66	Cần Thơ	1638	63A-292.09	Tiền Giang	2638	66A-244.88	Đồng Tháp	3638	62C-194.16	Long An
639	65A-417.33	Cần Thơ	1639	63C-202.77	Tiền Giang	2639	66A-248.35	Đồng Tháp	3639	62C-195.29	Long An
640	65A-420.68	Cần Thơ	1640	63C-202.88	Tiền Giang	2640	66A-249.22	Đồng Tháp	3640	62C-195.44	Long An
641	65A-420.86	Cần Thơ	1641	63C-203.89	Tiền Giang	2641	66A-255.15	Đồng Tháp	3641	63A-275.66	Tiền Giang
642	65A-426.86	Cần Thơ	1642	63C-204.79	Tiền Giang	2642	66A-259.98	Đồng Tháp	3642	63A-277.15	Tiền Giang
643	65C-209.58	Cần Thơ	1643	64A-174.89	Vĩnh Long	2643	66A-260.15	Đồng Tháp	3643	63A-277.88	Tiền Giang
644	65C-211.16	Cần Thơ	1644	64A-175.39	Vĩnh Long	2644	66A-261.68	Đồng Tháp	3644	63A-278.78	Tiền Giang
645	66A-242.99	Đồng Tháp	1645	64A-177.88	Vĩnh Long	2645	66A-263.08	Đồng Tháp	3645	63A-279.22	Tiền Giang
646	66A-248.33	Đồng Tháp	1646	64A-180.26	Vĩnh Long	2646	66A-263.28	Đồng Tháp	3646	63A-279.69	Tiền Giang

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
647	66A-249.11	Đồng Tháp	1647	64A-181.77	Vĩnh Long	2647	66A-263.69	Đồng Tháp	3647	63A-280.36	Tiền Giang
648	66A-251.58	Đồng Tháp	1648	64C-111.78	Vĩnh Long	2648	66C-163.89	Đồng Tháp	3648	63A-280.39	Tiền Giang
649	66A-253.29	Đồng Tháp	1649	64C-112.09	Vĩnh Long	2649	66C-164.58	Đồng Tháp	3649	63A-281.33	Tiền Giang
650	66A-254.35	Đồng Tháp	1650	64C-113.31	Vĩnh Long	2650	66C-166.35	Đồng Tháp	3650	63A-281.83	Tiền Giang
651	66A-254.36	Đồng Tháp	1651	65A-419.85	Cần Thơ	2651	66C-168.06	Đồng Tháp	3651	63A-283.19	Tiền Giang
652	66A-254.55	Đồng Tháp	1652	65A-434.69	Cần Thơ	2652	67A-281.86	An Giang	3652	63A-283.56	Tiền Giang
653	66A-256.16	Đồng Tháp	1653	66A-249.83	Đồng Tháp	2653	67A-284.35	An Giang	3653	63A-284.19	Tiền Giang
654	66A-256.85	Đồng Tháp	1654	66A-250.50	Đồng Tháp	2654	67A-286.06	An Giang	3654	63A-287.77	Tiền Giang
655	66A-257.98	Đồng Tháp	1655	66A-250.58	Đồng Tháp	2655	67A-288.96	An Giang	3655	63C-203.69	Tiền Giang
656	66A-259.25	Đồng Tháp	1656	66A-250.98	Đồng Tháp	2656	67A-290.99	An Giang	3656	63C-205.16	Tiền Giang
657	66A-263.56	Đồng Tháp	1657	66A-251.77	Đồng Tháp	2657	67A-291.06	An Giang	3657	63C-206.58	Tiền Giang
658	66A-264.19	Đồng Tháp	1658	66A-257.77	Đồng Tháp	2658	67A-291.28	An Giang	3658	63C-207.59	Tiền Giang
659	66A-264.59	Đồng Tháp	1659	66A-259.29	Đồng Tháp	2659	67A-293.36	An Giang	3659	64A-175.16	Vĩnh Long
660	66A-265.39	Đồng Tháp	1660	66A-261.38	Đồng Tháp	2660	67A-293.88	An Giang	3660	64A-175.57	Vĩnh Long
661	66A-266.11	Đồng Tháp	1661	66A-263.39	Đồng Tháp	2661	67A-300.15	An Giang	3661	64A-175.59	Vĩnh Long
662	66A-266.15	Đồng Tháp	1662	66C-165.93	Đồng Tháp	2662	67A-301.19	An Giang	3662	64A-178.35	Vĩnh Long
663	66C-164.55	Đồng Tháp	1663	66C-165.95	Đồng Tháp	2663	67C-173.19	An Giang	3663	64A-179.00	Vĩnh Long
664	66C-165.83	Đồng Tháp	1664	66C-166.29	Đồng Tháp	2664	67C-173.73	An Giang	3664	64A-180.79	Vĩnh Long
665	67A-283.69	An Giang	1665	66C-166.69	Đồng Tháp	2665	68A-314.18	Kiên Giang	3665	64A-184.26	Vĩnh Long
666	67A-284.29	An Giang	1666	66C-166.82	Đồng Tháp	2666	68A-315.19	Kiên Giang	3666	64C-109.69	Vĩnh Long
667	67A-286.44	An Giang	1667	67A-284.36	An Giang	2667	68A-317.27	Kiên Giang	3667	64C-111.26	Vĩnh Long
668	67A-287.69	An Giang	1668	67A-287.33	An Giang	2668	68A-317.69	Kiên Giang	3668	64C-111.38	Vĩnh Long
669	67A-289.00	An Giang	1669	67A-287.65	An Giang	2669	68A-318.98	Kiên Giang	3669	64C-114.41	Vĩnh Long
670	67A-289.65	An Giang	1670	67A-288.85	An Giang	2670	68A-320.56	Kiên Giang	3670	65A-416.11	Cần Thơ
671	67A-293.09	An Giang	1671	67A-288.98	An Giang	2671	68A-320.88	Kiên Giang	3671	65A-422.16	Cần Thơ
672	67A-294.25	An Giang	1672	67A-290.22	An Giang	2672	68A-321.36	Kiên Giang	3672	65A-422.55	Cần Thơ
673	67A-294.28	An Giang	1673	67A-290.59	An Giang	2673	68A-321.39	Kiên Giang	3673	65A-426.08	Cần Thơ
674	67A-299.95	An Giang	1674	67A-292.22	An Giang	2674	68A-321.59	Kiên Giang	3674	65A-428.86	Cần Thơ
675	67A-300.83	An Giang	1675	67A-292.83	An Giang	2675	68A-324.29	Kiên Giang	3675	65A-429.86	Cần Thơ
676	67C-172.11	An Giang	1676	67A-293.08	An Giang	2676	68A-325.38	Kiên Giang	3676	66A-247.77	Đồng Tháp
677	67C-173.85	An Giang	1677	67A-293.77	An Giang	2677	68A-329.85	Kiên Giang	3677	66A-252.53	Đồng Tháp
678	67C-174.11	An Giang	1678	67A-294.38	An Giang	2678	68C-166.26	Kiên Giang	3678	66A-252.96	Đồng Tháp
679	67C-174.38	An Giang	1679	67A-295.25	An Giang	2679	69A-151.69	Cà Mau	3679	66A-253.66	Đồng Tháp
680	68A-315.59	Kiên Giang	1680	67A-295.77	An Giang	2680	69C-094.00	Cà Mau	3680	66A-254.59	Đồng Tháp
681	68A-316.35	Kiên Giang	1681	67A-295.99	An Giang	2681	69C-094.44	Cà Mau	3681	66A-255.89	Đồng Tháp
682	68A-316.62	Kiên Giang	1682	67A-300.06	An Giang	2682	69C-095.65	Cà Mau	3682	66A-259.44	Đồng Tháp
683	68A-317.18	Kiên Giang	1683	67C-173.09	An Giang	2683	70A-520.68	Tây Ninh	3683	66A-261.25	Đồng Tháp
684	68A-318.19	Kiên Giang	1684	68A-318.11	Kiên Giang	2684	71A-181.79	Bến Tre	3684	66A-262.25	Đồng Tháp
685	68A-319.77	Kiên Giang	1685	68A-319.83	Kiên Giang	2685	71A-185.83	Bến Tre	3685	66A-262.35	Đồng Tháp
686	68A-322.32	Kiên Giang	1686	68A-320.17	Kiên Giang	2686	71A-187.11	Bến Tre	3686	66A-264.44	Đồng Tháp
687	68A-323.69	Kiên Giang	1687	68A-320.79	Kiên Giang	2687	71A-190.29	Bến Tre	3687	66A-264.56	Đồng Tháp
688	68A-326.33	Kiên Giang	1688	68A-321.89	Kiên Giang	2688	71A-191.09	Bến Tre	3688	66A-265.96	Đồng Tháp
689	68A-326.79	Kiên Giang	1689	68A-323.36	Kiên Giang	2689	71A-191.22	Bến Tre	3689	66C-164.85	Đồng Tháp
690	68A-329.06	Kiên Giang	1690	68A-323.39	Kiên Giang	2690	71C-119.99	Bến Tre	3690	66C-166.00	Đồng Tháp
691	68C-166.33	Kiên Giang	1691	68A-328.00	Kiên Giang	2691	73A-323.69	Quảng Bình	3691	67A-284.19	An Giang
692	69A-151.00	Cà Mau	1692	68A-329.83	Kiên Giang	2692	73A-327.28	Quảng Bình	3692	67A-284.98	An Giang
693	69A-151.65	Cà Mau	1693	68C-162.77	Kiên Giang	2693	73A-329.00	Quảng Bình	3693	67A-287.25	An Giang
694	69A-154.69	Cà Mau	1694	68C-163.58	Kiên Giang	2694	73A-331.89	Quảng Bình	3694	67A-288.55	An Giang
695	69A-155.85	Cà Mau	1695	68C-164.58	Kiên Giang	2695	73A-332.79	Quảng Bình	3695	67A-288.95	An Giang
696	69A-156.29	Cà Mau	1696	68C-166.09	Kiên Giang	2696	73A-332.95	Quảng Bình	3696	67A-289.25	An Giang
697	69C-094.22	Cà Mau	1697	68C-166.29	Kiên Giang	2697	73A-333.26	Quảng Bình	3697	67A-290.83	An Giang
698	69C-094.68	Cà Mau	1698	69A-142.39	Cà Mau	2698	73A-334.55	Quảng Bình	3698	67A-301.00	An Giang
699	69C-095.06	Cà Mau	1699	69A-148.96	Cà Mau	2699	73A-335.85	Quảng Bình	3699	67C-170.58	An Giang
700	69C-096.68	Cà Mau	1700	69A-152.32	Cà Mau	2700	73A-336.37	Quảng Bình	3700	68A-312.55	Kiên Giang
701	71A-183.59	Bến Tre	1701	69A-153.59	Cà Mau	2701	73C-172.22	Quảng Bình	3701	68A-314.88	Kiên Giang
702	71A-184.59	Bến Tre	1702	69A-154.56	Cà Mau	2702	73C-173.86	Quảng Bình	3702	68A-317.96	Kiên Giang
703	71A-184.83	Bến Tre	1703	69A-155.79	Cà Mau	2703	74A-243.15	Quảng Trị	3703	68A-319.82	Kiên Giang
704	71A-187.29	Bến Tre	1704	69C-093.59	Cà Mau	2704	74A-243.33	Quảng Trị	3704	68A-322.34	Kiên Giang
705	71A-187.81	Bến Tre	1705	70A-520.23	Tây Ninh	2705	74A-245.22	Quảng Trị	3705	68A-325.19	Kiên Giang

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
706	71A-188.83	Bến Tre	1706	71A-185.79	Bến Tre	2706	74A-246.65	Quảng Trị	3706	68A-325.29	Kiên Giang
707	71A-189.33	Bến Tre	1707	71A-186.25	Bến Tre	2707	74A-246.85	Quảng Trị	3707	68A-328.11	Kiên Giang
708	71A-190.77	Bến Tre	1708	71A-189.58	Bến Tre	2708	74A-247.35	Quảng Trị	3708	68A-329.56	Kiên Giang
709	71A-190.98	Bến Tre	1709	71A-191.15	Bến Tre	2709	74A-248.09	Quảng Trị	3709	68C-165.19	Kiên Giang
710	71A-191.66	Bến Tre	1710	73A-328.69	Quảng Bình	2710	74A-248.96	Quảng Trị	3710	69A-145.55	Cà Mau
711	71A-192.16	Bến Tre	1711	73A-330.08	Quảng Bình	2711	74A-249.39	Quảng Trị	3711	69A-145.68	Cà Mau
712	71A-192.65	Bến Tre	1712	73A-330.38	Quảng Bình	2712	74A-252.35	Quảng Trị	3712	69A-148.29	Cà Mau
713	71A-193.06	Bến Tre	1713	73A-332.23	Quảng Bình	2713	74A-254.08	Quảng Trị	3713	69A-148.44	Cà Mau
714	71C-121.79	Bến Tre	1714	73A-333.46	Quảng Bình	2714	74C-128.22	Quảng Trị	3714	69A-151.15	Cà Mau
715	71C-122.16	Bến Tre	1715	73A-334.29	Quảng Bình	2715	74C-128.95	Quảng Trị	3715	69A-152.38	Cà Mau
716	73A-321.39	Quảng Bình	1716	73C-171.85	Quảng Bình	2716	74C-130.66	Quảng Trị	3716	69A-152.51	Cà Mau
717	73A-329.08	Quảng Bình	1717	74A-242.22	Quảng Trị	2717	75A-340.66	Thừa Thiên Huế	3717	69A-153.95	Cà Mau
718	73A-330.98	Quảng Bình	1718	74A-242.66	Quảng Trị	2718	75A-341.88	Thừa Thiên Huế	3718	69A-156.22	Cà Mau
719	73A-334.89	Quảng Bình	1719	74A-243.95	Quảng Trị	2719	75A-342.22	Thừa Thiên Huế	3719	69C-094.98	Cà Mau
720	74A-244.42	Quảng Trị	1720	74A-244.22	Quảng Trị	2720	75A-342.89	Thừa Thiên Huế	3720	69C-095.85	Cà Mau
721	74A-245.09	Quảng Trị	1721	74A-244.77	Quảng Trị	2721	75A-350.00	Thừa Thiên Huế	3721	69C-095.98	Cà Mau
722	74A-247.88	Quảng Trị	1722	74A-245.24	Quảng Trị	2722	75A-350.05	Thừa Thiên Huế	3722	69C-096.35	Cà Mau
723	74A-249.29	Quảng Trị	1723	74A-248.29	Quảng Trị	2723	75A-350.08	Thừa Thiên Huế	3723	71A-183.39	Bến Tre
724	74A-250.88	Quảng Trị	1724	74A-250.08	Quảng Trị	2724	75A-350.16	Thừa Thiên Huế	3724	71A-184.26	Bến Tre
725	74A-250.96	Quảng Trị	1725	74A-251.36	Quảng Trị	2725	75A-353.89	Thừa Thiên Huế	3725	71A-185.15	Bến Tre
726	74A-251.33	Quảng Trị	1726	74A-253.98	Quảng Trị	2726	75A-354.19	Thừa Thiên Huế	3726	71A-186.06	Bến Tre
727	74A-251.52	Quảng Trị	1727	74A-253.99	Quảng Trị	2727	75A-356.15	Thừa Thiên Huế	3727	71A-186.11	Bến Tre
728	74A-253.66	Quảng Trị	1728	74C-128.66	Quảng Trị	2728	75A-356.29	Thừa Thiên Huế	3728	71A-186.16	Bến Tre
729	74C-127.28	Quảng Trị	1729	74C-129.58	Quảng Trị	2729	75A-358.22	Thừa Thiên Huế	3729	71A-186.89	Bến Tre
730	74C-127.85	Quảng Trị	1730	74C-129.85	Quảng Trị	2730	75A-361.16	Thừa Thiên Huế	3730	71A-186.98	Bến Tre
731	74C-128.77	Quảng Trị	1731	75A-338.86	Thừa Thiên Huế	2731	75A-362.83	Thừa Thiên Huế	3731	71A-192.69	Bến Tre
732	75A-339.68	Thừa Thiên Huế	1732	75A-349.36	Thừa Thiên Huế	2732	75A-362.95	Thừa Thiên Huế	3732	71A-193.08	Bến Tre
733	75A-349.18	Thừa Thiên Huế	1733	75A-349.59	Thừa Thiên Huế	2733	75A-363.22	Thừa Thiên Huế	3733	71C-121.85	Bến Tre
734	75A-351.69	Thừa Thiên Huế	1734	75A-350.28	Thừa Thiên Huế	2734	75A-363.89	Thừa Thiên Huế	3734	71C-123.16	Bến Tre
735	75A-353.88	Thừa Thiên Huế	1735	75A-354.44	Thừa Thiên Huế	2735	75A-364.33	Thừa Thiên Huế	3735	73A-327.72	Quảng Bình
736	75A-353.93	Thừa Thiên Huế	1736	75A-356.99	Thừa Thiên Huế	2736	75C-150.35	Thừa Thiên Huế	3736	73A-332.66	Quảng Bình
737	75A-357.06	Thừa Thiên Huế	1737	75A-358.18	Thừa Thiên Huế	2737	76A-288.95	Quảng Ngãi	3737	73A-333.34	Quảng Bình
738	75A-359.83	Thừa Thiên Huế	1738	75A-359.95	Thừa Thiên Huế	2738	76A-291.99	Quảng Ngãi	3738	73A-334.15	Quảng Bình
739	75A-362.79	Thừa Thiên Huế	1739	75A-361.18	Thừa Thiên Huế	2739	76A-292.89	Quảng Ngãi	3739	73A-334.18	Quảng Bình
740	75A-363.39	Thừa Thiên Huế	1740	75A-362.00	Thừa Thiên Huế	2740	76A-293.26	Quảng Ngãi	3740	73A-334.44	Quảng Bình
741	75C-147.26	Thừa Thiên Huế	1741	75A-362.33	Thừa Thiên Huế	2741	76A-294.16	Quảng Ngãi	3741	73A-334.88	Quảng Bình
742	75C-150.44	Thừa Thiên Huế	1742	75A-362.65	Thừa Thiên Huế	2742	76A-294.29	Quảng Ngãi	3742	73A-335.25	Quảng Bình
743	76A-286.99	Quảng Ngãi	1743	75A-364.55	Thừa Thiên Huế	2743	76A-296.95	Quảng Ngãi	3743	73A-335.98	Quảng Bình
744	76A-289.19	Quảng Ngãi	1744	75C-147.08	Thừa Thiên Huế	2744	76C-163.66	Quảng Ngãi	3744	74A-243.06	Quảng Trị
745	76A-293.88	Quảng Ngãi	1745	76A-288.82	Quảng Ngãi	2745	76C-171.28	Quảng Ngãi	3745	74A-245.16	Quảng Trị
746	76A-294.39	Quảng Ngãi	1746	76A-289.35	Quảng Ngãi	2746	76C-171.95	Quảng Ngãi	3746	74A-246.35	Quảng Trị
747	76A-294.89	Quảng Ngãi	1747	76A-291.09	Quảng Ngãi	2747	76C-171.98	Quảng Ngãi	3747	74A-249.19	Quảng Trị
748	76A-295.88	Quảng Ngãi	1748	76A-291.16	Quảng Ngãi	2748	76C-172.28	Quảng Ngãi	3748	74C-127.18	Quảng Trị
749	76A-296.58	Quảng Ngãi	1749	76A-293.22	Quảng Ngãi	2749	77A-300.98	Bình Định	3749	75A-341.66	Thừa Thiên Huế
750	76A-300.16	Quảng Ngãi	1750	76A-294.55	Quảng Ngãi	2750	77A-301.58	Bình Định	3750	75A-352.39	Thừa Thiên Huế
751	76A-300.69	Quảng Ngãi	1751	76A-294.86	Quảng Ngãi	2751	77A-302.06	Bình Định	3751	75A-353.39	Thừa Thiên Huế
752	76A-300.86	Quảng Ngãi	1752	76A-295.22	Quảng Ngãi	2752	77A-307.35	Bình Định	3752	75A-353.68	Thừa Thiên Huế
753	76C-161.69	Quảng Ngãi	1753	76A-295.28	Quảng Ngãi	2753	77A-307.95	Bình Định	3753	75A-356.83	Thừa Thiên Huế
754	76C-170.89	Quảng Ngãi	1754	76A-296.85	Quảng Ngãi	2754	77A-310.25	Bình Định	3754	75A-358.33	Thừa Thiên Huế
755	76C-171.71	Quảng Ngãi	1755	76A-299.44	Quảng Ngãi	2755	77A-312.00	Bình Định	3755	75A-360.44	Thừa Thiên Huế
756	77A-300.58	Bình Định	1756	76A-299.55	Quảng Ngãi	2756	77A-312.83	Bình Định	3756	75A-361.95	Thừa Thiên Huế
757	77A-300.69	Bình Định	1757	76A-300.35	Quảng Ngãi	2757	77A-312.89	Bình Định	3757	75C-147.88	Thừa Thiên Huế
758	77A-303.03	Bình Định	1758	76C-162.22	Quảng Ngãi	2758	77A-313.39	Bình Định	3758	75C-148.06	Thừa Thiên Huế
759	77A-304.79	Bình Định	1759	76C-171.79	Quảng Ngãi	2759	77A-314.08	Bình Định	3759	75C-149.58	Thừa Thiên Huế
760	77A-309.03	Bình Định	1760	77A-296.69	Bình Định	2760	77A-315.26	Bình Định	3760	76A-285.88	Quảng Ngãi
761	77A-309.26	Bình Định	1761	77A-301.00	Bình Định	2761	77A-316.28	Bình Định	3761	76A-286.95	Quảng Ngãi
762	77A-313.95	Bình Định	1762	77A-301.38	Bình Định	2762	77A-316.95	Bình Định	3762	76A-289.39	Quảng Ngãi
763	77A-314.96	Bình Định	1763	77A-304.04	Bình Định	2763	77A-317.36	Bình Định	3763	76A-290.98	Quảng Ngãi
764	77A-315.06	Bình Định	1764	77A-310.59	Bình Định	2764	77A-317.69	Bình Định	3764	76A-293.95	Quảng Ngãi

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
765	77A-316.31	Bình Định	1765	77A-313.26	Bình Định	2765	77C-242.68	Bình Định	3765	76A-294.95	Quảng Ngãi
766	77C-245.79	Bình Định	1766	77A-316.00	Bình Định	2766	77C-245.09	Bình Định	3766	76A-295.83	Quảng Ngãi
767	78A-186.55	Phú Yên	1767	77C-240.79	Bình Định	2767	78A-186.18	Phú Yên	3767	76A-296.00	Quảng Ngãi
768	78A-190.26	Phú Yên	1768	77C-242.42	Bình Định	2768	78A-187.39	Phú Yên	3768	76A-298.65	Quảng Ngãi
769	78A-193.69	Phú Yên	1769	77C-242.88	Bình Định	2769	78A-187.83	Phú Yên	3769	76A-299.98	Quảng Ngãi
770	78A-195.69	Phú Yên	1770	77C-243.08	Bình Định	2770	78A-187.85	Phú Yên	3770	76C-170.69	Quảng Ngãi
771	78C-742.15	Phú Yên	1771	77C-245.38	Bình Định	2771	78A-187.88	Phú Yên	3771	76C-170.77	Quảng Ngãi
772	78C-742.99	Phú Yên	1772	78A-185.69	Phú Yên	2772	78A-189.00	Phú Yên	3772	76C-171.33	Quảng Ngãi
773	79A-502.68	Khánh Hòa	1773	78A-186.87	Phú Yên	2773	78A-190.55	Phú Yên	3773	76C-171.96	Quảng Ngãi
774	79A-503.09	Khánh Hòa	1774	78A-187.86	Phú Yên	2774	78A-194.33	Phú Yên	3774	77A-300.68	Bình Định
775	79A-505.09	Khánh Hòa	1775	78A-188.85	Phú Yên	2775	78C-741.68	Phú Yên	3775	77A-304.26	Bình Định
776	79A-507.50	Khánh Hòa	1776	78A-188.98	Phú Yên	2776	78C-742.68	Phú Yên	3776	77A-309.77	Bình Định
777	79A-508.58	Khánh Hòa	1777	78A-189.15	Phú Yên	2777	78C-742.88	Phú Yên	3777	77A-309.79	Bình Định
778	79A-509.08	Khánh Hòa	1778	78A-189.95	Phú Yên	2778	79A-501.01	Khánh Hòa	3778	77A-312.69	Bình Định
779	79A-509.88	Khánh Hòa	1779	78A-191.36	Phú Yên	2779	79A-503.03	Khánh Hòa	3779	77A-312.86	Bình Định
780	79A-510.00	Khánh Hòa	1780	78A-194.26	Phú Yên	2780	79A-503.89	Khánh Hòa	3780	77A-313.35	Bình Định
781	79A-514.25	Khánh Hòa	1781	78A-194.58	Phú Yên	2781	79A-506.55	Khánh Hòa	3781	77A-314.55	Bình Định
782	79A-515.92	Khánh Hòa	1782	78A-195.38	Phú Yên	2782	79A-508.44	Khánh Hòa	3782	77A-317.17	Bình Định
783	79A-517.00	Khánh Hòa	1783	78C-741.77	Phú Yên	2783	79A-509.59	Khánh Hòa	3783	77C-240.00	Bình Định
784	79A-522.96	Khánh Hòa	1784	78C-743.22	Phú Yên	2784	79A-510.39	Khánh Hòa	3784	78A-185.29	Phú Yên
785	79A-523.59	Khánh Hòa	1785	78C-743.85	Phú Yên	2785	79A-512.35	Khánh Hòa	3785	78A-192.38	Phú Yên
786	79A-523.66	Khánh Hòa	1786	78D-003.18	Phú Yên	2786	79A-512.95	Khánh Hòa	3786	78A-192.65	Phú Yên
787	83A-168.83	Sóc Trăng	1787	79A-500.66	Khánh Hòa	2787	79A-513.28	Khánh Hòa	3787	78A-193.26	Phú Yên
788	83A-169.86	Sóc Trăng	1788	79A-503.59	Khánh Hòa	2788	79A-516.77	Khánh Hòa	3788	78C-743.89	Phú Yên
789	83A-169.88	Sóc Trăng	1789	79A-510.01	Khánh Hòa	2789	79A-516.96	Khánh Hòa	3789	79A-502.08	Khánh Hòa
790	83A-170.77	Sóc Trăng	1790	79A-510.44	Khánh Hòa	2790	79A-518.25	Khánh Hòa	3790	79A-503.30	Khánh Hòa
791	83A-171.89	Sóc Trăng	1791	79A-512.79	Khánh Hòa	2791	79A-519.15	Khánh Hòa	3791	79A-504.40	Khánh Hòa
792	83A-172.69	Sóc Trăng	1792	79A-513.83	Khánh Hòa	2792	79A-521.19	Khánh Hòa	3792	79A-505.08	Khánh Hòa
793	83A-173.00	Sóc Trăng	1793	79A-513.85	Khánh Hòa	2793	79A-521.28	Khánh Hòa	3793	79A-505.66	Khánh Hòa
794	83C-122.58	Sóc Trăng	1794	79A-514.89	Khánh Hòa	2794	79A-523.29	Khánh Hòa	3794	79A-508.95	Khánh Hòa
795	83C-124.77	Sóc Trăng	1795	79A-516.11	Khánh Hòa	2795	79A-523.44	Khánh Hòa	3795	79A-511.15	Khánh Hòa
796	84A-127.95	Trà Vinh	1796	79A-516.16	Khánh Hòa	2796	79A-524.52	Khánh Hòa	3796	79A-511.95	Khánh Hòa
797	84A-131.66	Trà Vinh	1797	79A-521.85	Khánh Hòa	2797	79C-210.86	Khánh Hòa	3797	79A-519.85	Khánh Hòa
798	84A-131.85	Trà Vinh	1798	79A-522.11	Khánh Hòa	2798	79C-210.88	Khánh Hòa	3798	79A-520.20	Khánh Hòa
799	84A-132.15	Trà Vinh	1799	79C-209.33	Khánh Hòa	2799	79C-211.66	Khánh Hòa	3799	79A-521.09	Khánh Hòa
800	84A-132.29	Trà Vinh	1800	83A-169.77	Sóc Trăng	2800	83A-170.18	Sóc Trăng	3800	79A-521.11	Khánh Hòa
801	84A-132.88	Trà Vinh	1801	83A-171.17	Sóc Trăng	2801	83A-170.33	Sóc Trăng	3801	79A-521.21	Khánh Hòa
802	84A-133.08	Trà Vinh	1802	83A-172.38	Sóc Trăng	2802	83A-171.25	Sóc Trăng	3802	79A-523.11	Khánh Hòa
803	84A-134.00	Trà Vinh	1803	83A-172.77	Sóc Trăng	2803	83A-171.55	Sóc Trăng	3803	79A-524.33	Khánh Hòa
804	84C-114.79	Trà Vinh	1804	83A-174.17	Sóc Trăng	2804	83A-173.65	Sóc Trăng	3804	79A-525.11	Khánh Hòa
805	84C-118.28	Trà Vinh	1805	83A-174.47	Sóc Trăng	2805	83A-176.17	Sóc Trăng	3805	83A-167.67	Sóc Trăng
806	85A-120.69	Ninh Thuận	1806	83A-175.95	Sóc Trăng	2806	83A-176.62	Sóc Trăng	3806	83A-169.79	Sóc Trăng
807	85A-127.69	Ninh Thuận	1807	83A-176.08	Sóc Trăng	2807	83C-122.32	Sóc Trăng	3807	83A-170.19	Sóc Trăng
808	85A-128.39	Ninh Thuận	1808	83C-123.29	Sóc Trăng	2808	83C-123.39	Sóc Trăng	3808	83A-171.16	Sóc Trăng
809	85A-128.69	Ninh Thuận	1809	83C-124.58	Sóc Trăng	2809	83C-125.58	Sóc Trăng	3809	83A-171.88	Sóc Trăng
810	85A-135.83	Ninh Thuận	1810	83C-124.95	Sóc Trăng	2810	84A-125.25	Trà Vinh	3810	83A-172.22	Sóc Trăng
811	85A-135.88	Ninh Thuận	1811	84A-122.89	Trà Vinh	2811	84A-125.69	Trà Vinh	3811	83A-173.25	Sóc Trăng
812	85B-010.58	Ninh Thuận	1812	84A-126.85	Trà Vinh	2812	84A-129.26	Trà Vinh	3812	83A-174.65	Sóc Trăng
813	85C-079.33	Ninh Thuận	1813	84A-126.95	Trà Vinh	2813	84A-130.79	Trà Vinh	3813	83C-124.06	Sóc Trăng
814	86A-280.19	Bình Thuận	1814	84A-128.08	Trà Vinh	2814	84A-131.65	Trà Vinh	3814	83D-004.69	Sóc Trăng
815	86A-280.58	Bình Thuận	1815	84A-129.06	Trà Vinh	2815	84A-132.23	Trà Vinh	3815	84A-128.96	Trà Vinh
816	86A-281.35	Bình Thuận	1816	84A-130.89	Trà Vinh	2816	84A-132.28	Trà Vinh	3816	84A-129.15	Trà Vinh
817	88A-651.86	Vĩnh Phúc	1817	84A-132.26	Trà Vinh	2817	84A-132.95	Trà Vinh	3817	84A-129.68	Trà Vinh
818	88A-653.33	Vĩnh Phúc	1818	84C-118.79	Trà Vinh	2818	84A-133.68	Trà Vinh	3818	84A-130.55	Trà Vinh
819	88A-664.88	Vĩnh Phúc	1819	85A-126.69	Ninh Thuận	2819	84C-112.86	Trà Vinh	3819	84A-132.36	Trà Vinh
820	88A-666.45	Vĩnh Phúc	1820	85A-131.00	Ninh Thuận	2820	84C-115.88	Trà Vinh	3820	84A-132.68	Trà Vinh
821	88A-666.48	Vĩnh Phúc	1821	85A-133.31	Ninh Thuận	2821	84C-118.69	Trà Vinh	3821	84C-116.08	Trà Vinh
822	88A-667.83	Vĩnh Phúc	1822	85A-134.86	Ninh Thuận	2822	85A-121.99	Ninh Thuận	3822	84C-118.98	Trà Vinh
823	88A-669.19	Vĩnh Phúc	1823	85C-079.11	Ninh Thuận	2823	85A-122.99	Ninh Thuận	3823	84C-119.25	Trà Vinh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
824	88A-672.58	Vĩnh Phúc	1824	86A-280.00	Bình Thuận	2824	85A-135.95	Ninh Thuận	3824	85A-128.79	Ninh Thuận
825	88A-679.33	Vĩnh Phúc	1825	86A-280.77	Bình Thuận	2825	85C-079.29	Ninh Thuận	3825	85A-129.22	Ninh Thuận
826	88A-679.55	Vĩnh Phúc	1826	86A-280.83	Bình Thuận	2826	86A-281.33	Bình Thuận	3826	85A-130.55	Ninh Thuận
827	88A-682.26	Vĩnh Phúc	1827	88A-657.66	Vĩnh Phúc	2827	88A-661.39	Vĩnh Phúc	3827	85A-131.36	Ninh Thuận
828	88A-683.35	Vĩnh Phúc	1828	88A-662.18	Vĩnh Phúc	2828	88A-665.09	Vĩnh Phúc	3828	85A-131.79	Ninh Thuận
829	88A-685.66	Vĩnh Phúc	1829	88A-664.25	Vĩnh Phúc	2829	88A-665.33	Vĩnh Phúc	3829	85A-134.98	Ninh Thuận
830	88A-685.69	Vĩnh Phúc	1830	88A-668.00	Vĩnh Phúc	2830	88A-667.00	Vĩnh Phúc	3830	85A-135.00	Ninh Thuận
831	88A-687.36	Vĩnh Phúc	1831	88A-669.22	Vĩnh Phúc	2831	88A-667.56	Vĩnh Phúc	3831	85A-135.35	Ninh Thuận
832	88A-690.55	Vĩnh Phúc	1832	88A-669.92	Vĩnh Phúc	2832	88A-671.36	Vĩnh Phúc	3832	85A-135.58	Ninh Thuận
833	88A-691.11	Vĩnh Phúc	1833	88A-671.65	Vĩnh Phúc	2833	88A-671.77	Vĩnh Phúc	3833	85C-078.09	Ninh Thuận
834	88A-691.91	Vĩnh Phúc	1834	88A-676.16	Vĩnh Phúc	2834	88A-672.29	Vĩnh Phúc	3834	85C-080.09	Ninh Thuận
835	88A-692.86	Vĩnh Phúc	1835	88A-676.38	Vĩnh Phúc	2835	88A-672.36	Vĩnh Phúc	3835	86A-280.08	Bình Thuận
836	88A-694.39	Vĩnh Phúc	1836	88A-676.59	Vĩnh Phúc	2836	88A-673.76	Vĩnh Phúc	3836	86A-280.80	Bình Thuận
837	88A-694.49	Vĩnh Phúc	1837	88A-678.11	Vĩnh Phúc	2837	88A-680.85	Vĩnh Phúc	3837	88A-647.39	Vĩnh Phúc
838	88A-696.77	Vĩnh Phúc	1838	88A-679.08	Vĩnh Phúc	2838	88A-682.69	Vĩnh Phúc	3838	88A-664.26	Vĩnh Phúc
839	88A-698.56	Vĩnh Phúc	1839	88A-681.77	Vĩnh Phúc	2839	88A-684.26	Vĩnh Phúc	3839	88A-668.56	Vĩnh Phúc
840	88A-698.58	Vĩnh Phúc	1840	88A-684.65	Vĩnh Phúc	2840	88A-684.66	Vĩnh Phúc	3840	88A-668.63	Vĩnh Phúc
841	88A-698.63	Vĩnh Phúc	1841	88A-691.00	Vĩnh Phúc	2841	88A-685.08	Vĩnh Phúc	3841	88A-675.26	Vĩnh Phúc
842	88A-698.93	Vĩnh Phúc	1842	88A-691.83	Vĩnh Phúc	2842	88A-685.09	Vĩnh Phúc	3842	88A-676.22	Vĩnh Phúc
843	88A-699.22	Vĩnh Phúc	1843	88A-694.00	Vĩnh Phúc	2843	88A-685.28	Vĩnh Phúc	3843	88A-676.28	Vĩnh Phúc
844	88A-699.63	Vĩnh Phúc	1844	88A-694.16	Vĩnh Phúc	2844	88A-685.98	Vĩnh Phúc	3844	88A-677.56	Vĩnh Phúc
845	88A-699.95	Vĩnh Phúc	1845	88A-694.55	Vĩnh Phúc	2845	88A-688.36	Vĩnh Phúc	3845	88A-680.96	Vĩnh Phúc
846	88A-700.95	Vĩnh Phúc	1846	88A-696.06	Vĩnh Phúc	2846	88A-689.55	Vĩnh Phúc	3846	88A-681.69	Vĩnh Phúc
847	88A-702.16	Vĩnh Phúc	1847	88A-696.65	Vĩnh Phúc	2847	88A-693.66	Vĩnh Phúc	3847	88A-682.38	Vĩnh Phúc
848	88C-269.69	Vĩnh Phúc	1848	88A-697.66	Vĩnh Phúc	2848	88A-694.08	Vĩnh Phúc	3848	88A-686.29	Vĩnh Phúc
849	88C-272.33	Vĩnh Phúc	1849	88A-700.11	Vĩnh Phúc	2849	88A-694.19	Vĩnh Phúc	3849	88A-690.26	Vĩnh Phúc
850	88C-273.89	Vĩnh Phúc	1850	88A-700.88	Vĩnh Phúc	2850	88A-697.09	Vĩnh Phúc	3850	88A-691.09	Vĩnh Phúc
851	88C-276.99	Vĩnh Phúc	1851	88A-701.83	Vĩnh Phúc	2851	88A-698.09	Vĩnh Phúc	3851	88A-692.35	Vĩnh Phúc
852	88C-278.15	Vĩnh Phúc	1852	88C-269.96	Vĩnh Phúc	2852	88A-700.39	Vĩnh Phúc	3852	88A-695.96	Vĩnh Phúc
853	89A-428.99	Hưng Yên	1853	88C-272.69	Vĩnh Phúc	2853	88A-701.36	Vĩnh Phúc	3853	88A-696.35	Vĩnh Phúc
854	89A-431.99	Hưng Yên	1854	88C-275.69	Vĩnh Phúc	2854	88C-272.27	Vĩnh Phúc	3854	88A-697.85	Vĩnh Phúc
855	89A-432.89	Hưng Yên	1855	88C-277.89	Vĩnh Phúc	2855	88C-272.72	Vĩnh Phúc	3855	88A-698.06	Vĩnh Phúc
856	89A-437.66	Hưng Yên	1856	88C-278.58	Vĩnh Phúc	2856	88C-273.86	Vĩnh Phúc	3856	88A-699.39	Vĩnh Phúc
857	89A-445.55	Hưng Yên	1857	88C-279.25	Vĩnh Phúc	2857	88C-277.00	Vĩnh Phúc	3857	88A-700.15	Vĩnh Phúc
858	89A-446.56	Hưng Yên	1858	88C-280.00	Vĩnh Phúc	2858	88C-278.65	Vĩnh Phúc	3858	88A-702.18	Vĩnh Phúc
859	89A-446.96	Hưng Yên	1859	89A-439.33	Hưng Yên	2859	88C-279.29	Vĩnh Phúc	3859	88C-272.19	Vĩnh Phúc
860	89A-449.11	Hưng Yên	1860	89A-441.55	Hưng Yên	2860	89A-437.86	Hưng Yên	3860	88C-272.22	Vĩnh Phúc
861	89A-451.79	Hưng Yên	1861	89A-443.95	Hưng Yên	2861	89A-440.99	Hưng Yên	3861	88C-274.69	Vĩnh Phúc
862	89A-452.44	Hưng Yên	1862	89A-448.22	Hưng Yên	2862	89A-441.22	Hưng Yên	3862	88C-276.77	Vĩnh Phúc
863	89A-453.29	Hưng Yên	1863	89A-450.44	Hưng Yên	2863	89A-442.19	Hưng Yên	3863	89A-443.22	Hưng Yên
864	89A-453.98	Hưng Yên	1864	89A-450.55	Hưng Yên	2864	89A-442.66	Hưng Yên	3864	89A-443.79	Hưng Yên
865	89A-457.29	Hưng Yên	1865	89A-453.45	Hưng Yên	2865	89A-442.77	Hưng Yên	3865	89A-444.92	Hưng Yên
866	89A-463.58	Hưng Yên	1866	89A-454.68	Hưng Yên	2866	89A-443.96	Hưng Yên	3866	89A-448.48	Hưng Yên
867	89A-464.06	Hưng Yên	1867	89A-459.06	Hưng Yên	2867	89A-445.58	Hưng Yên	3867	89A-450.99	Hưng Yên
868	89A-464.25	Hưng Yên	1868	89A-459.68	Hưng Yên	2868	89A-446.98	Hưng Yên	3868	89A-451.68	Hưng Yên
869	89A-465.83	Hưng Yên	1869	89A-461.00	Hưng Yên	2869	89A-448.09	Hưng Yên	3869	89A-453.88	Hưng Yên
870	89C-319.08	Hưng Yên	1870	89A-462.22	Hưng Yên	2870	89A-448.56	Hưng Yên	3870	89A-454.22	Hưng Yên
871	89C-319.97	Hưng Yên	1871	89A-462.58	Hưng Yên	2871	89A-448.83	Hưng Yên	3871	89A-455.22	Hưng Yên
872	89C-320.39	Hưng Yên	1872	89A-464.99	Hưng Yên	2872	89A-449.85	Hưng Yên	3872	89A-457.19	Hưng Yên
873	89C-320.55	Hưng Yên	1873	89C-315.55	Hưng Yên	2873	89A-450.89	Hưng Yên	3873	89A-457.88	Hưng Yên
874	89C-323.56	Hưng Yên	1874	89C-321.29	Hưng Yên	2874	89A-452.89	Hưng Yên	3874	89A-460.09	Hưng Yên
875	89C-324.44	Hưng Yên	1875	89D-018.16	Hưng Yên	2875	89A-458.08	Hưng Yên	3875	89A-461.36	Hưng Yên
876	89C-324.68	Hưng Yên	1876	89D-018.58	Hưng Yên	2876	89A-462.62	Hưng Yên	3876	89A-465.69	Hưng Yên
877	89C-325.38	Hưng Yên	1877	90A-239.68	Hà Nam	2877	89A-466.38	Hưng Yên	3877	89C-316.19	Hưng Yên
878	90A-247.26	Hà Nam	1878	90A-239.86	Hà Nam	2878	89A-467.39	Hưng Yên	3878	89C-316.79	Hưng Yên
879	90A-251.13	Hà Nam	1879	90A-242.36	Hà Nam	2879	89C-311.86	Hưng Yên	3879	89C-322.95	Hưng Yên
880	90A-251.59	Hà Nam	1880	90A-246.95	Hà Nam	2880	89C-314.88	Hưng Yên	3880	90A-245.45	Hà Nam
881	90A-251.88	Hà Nam	1881	90A-246.96	Hà Nam	2881	89C-319.59	Hưng Yên	3881	90A-250.19	Hà Nam
882	90A-252.25	Hà Nam	1882	90A-250.08	Hà Nam	2882	89C-321.89	Hưng Yên	3882	90A-251.86	Hà Nam

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
883	90A-252.99	Hà Nam	1883	90A-252.09	Hà Nam	2883	89C-322.19	Hưng Yên	3883	90A-252.36	Hà Nam
884	90A-255.11	Hà Nam	1884	90A-252.56	Hà Nam	2884	89C-323.96	Hưng Yên	3884	90A-253.18	Hà Nam
885	90A-256.59	Hà Nam	1885	90A-256.69	Hà Nam	2885	90A-248.08	Hà Nam	3885	90A-255.39	Hà Nam
886	90A-257.36	Hà Nam	1886	90A-259.38	Hà Nam	2886	90A-248.85	Hà Nam	3886	90A-255.50	Hà Nam
887	90A-257.68	Hà Nam	1887	90A-259.65	Hà Nam	2887	90A-248.99	Hà Nam	3887	90A-257.26	Hà Nam
888	90A-259.29	Hà Nam	1888	90C-141.18	Hà Nam	2888	90A-250.66	Hà Nam	3888	90A-257.38	Hà Nam
889	90A-259.66	Hà Nam	1889	92A-371.88	Quảng Nam	2889	90A-250.77	Hà Nam	3889	90A-257.75	Hà Nam
890	90C-139.39	Hà Nam	1890	92A-374.19	Quảng Nam	2890	90A-253.35	Hà Nam	3890	90A-258.98	Hà Nam
891	92A-374.15	Quảng Nam	1891	92A-375.11	Quảng Nam	2891	90A-254.88	Hà Nam	3891	90C-138.18	Hà Nam
892	92A-377.66	Quảng Nam	1892	92A-376.22	Quảng Nam	2892	90A-254.99	Hà Nam	3892	90C-138.36	Hà Nam
893	92A-378.35	Quảng Nam	1893	92A-377.59	Quảng Nam	2893	90A-259.28	Hà Nam	3893	90C-141.26	Hà Nam
894	92A-378.99	Quảng Nam	1894	92A-380.15	Quảng Nam	2894	92A-375.79	Quảng Nam	3894	92A-379.08	Quảng Nam
895	92A-383.25	Quảng Nam	1895	92A-380.59	Quảng Nam	2895	92A-375.95	Quảng Nam	3895	92A-383.26	Quảng Nam
896	92A-383.86	Quảng Nam	1896	92A-384.79	Quảng Nam	2896	92A-379.37	Quảng Nam	3896	92A-389.56	Quảng Nam
897	92A-384.65	Quảng Nam	1897	92A-385.79	Quảng Nam	2897	92A-381.09	Quảng Nam	3897	92A-389.98	Quảng Nam
898	92A-385.06	Quảng Nam	1898	92A-385.83	Quảng Nam	2898	92A-381.36	Quảng Nam	3898	92A-392.56	Quảng Nam
899	92A-385.18	Quảng Nam	1899	92A-387.25	Quảng Nam	2899	92A-381.55	Quảng Nam	3899	92A-392.85	Quảng Nam
900	92A-390.08	Quảng Nam	1900	92A-392.65	Quảng Nam	2900	92A-383.16	Quảng Nam	3900	92A-394.00	Quảng Nam
901	92A-390.85	Quảng Nam	1901	92A-395.58	Quảng Nam	2901	92A-387.36	Quảng Nam	3901	92A-394.83	Quảng Nam
902	92A-390.90	Quảng Nam	1902	92C-234.66	Quảng Nam	2902	92A-390.68	Quảng Nam	3902	92C-233.36	Quảng Nam
903	92A-392.89	Quảng Nam	1903	92C-236.95	Quảng Nam	2903	92A-391.83	Quảng Nam	3903	92C-233.59	Quảng Nam
904	92A-393.00	Quảng Nam	1904	92C-237.22	Quảng Nam	2904	92A-393.25	Quảng Nam	3904	92C-235.35	Quảng Nam
905	92C-235.26	Quảng Nam	1905	92C-237.55	Quảng Nam	2905	92A-393.79	Quảng Nam	3905	92C-236.88	Quảng Nam
906	92C-235.88	Quảng Nam	1906	92C-237.88	Quảng Nam	2906	92A-394.33	Quảng Nam	3906	92C-238.08	Quảng Nam
907	92C-237.06	Quảng Nam	1907	94A-098.89	Bạc Liêu	2907	92A-395.16	Quảng Nam	3907	92C-238.19	Quảng Nam
908	94A-100.69	Bạc Liêu	1908	94A-101.19	Bạc Liêu	2908	92A-395.55	Quảng Nam	3908	92C-238.68	Quảng Nam
909	94A-101.06	Bạc Liêu	1909	94A-101.35	Bạc Liêu	2909	92C-235.33	Quảng Nam	3909	92C-239.28	Quảng Nam
910	95A-112.55	Hậu Giang	1910	95A-112.08	Hậu Giang	2910	92C-236.09	Quảng Nam	3910	95A-112.38	Hậu Giang
911	95A-112.79	Hậu Giang	1911	95A-118.15	Hậu Giang	2911	92C-237.18	Quảng Nam	3911	95A-112.93	Hậu Giang
912	95A-112.82	Hậu Giang	1912	95C-078.33	Hậu Giang	2912	92C-237.66	Quảng Nam	3912	95A-114.11	Hậu Giang
913	95A-113.99	Hậu Giang	1913	95C-079.19	Hậu Giang	2913	92C-238.29	Quảng Nam	3913	95A-114.85	Hậu Giang
914	95A-119.65	Hậu Giang	1914	95C-080.66	Hậu Giang	2914	95A-114.33	Hậu Giang	3914	95A-116.61	Hậu Giang
915	95C-078.78	Hậu Giang	1915	95C-080.98	Hậu Giang	2915	95A-115.26	Hậu Giang	3915	95A-119.28	Hậu Giang
916	95C-078.85	Hậu Giang	1916	97A-077.79	Bắc Kạn	2916	95A-115.36	Hậu Giang	3916	95C-079.22	Hậu Giang
917	95C-079.09	Hậu Giang	1917	97A-079.08	Bắc Kạn	2917	95A-116.09	Hậu Giang	3917	95C-079.98	Hậu Giang
918	95C-080.85	Hậu Giang	1918	97A-079.86	Bắc Kạn	2918	95A-116.86	Hậu Giang	3918	95C-080.44	Hậu Giang
919	97A-080.59	Bắc Kạn	1919	97A-081.83	Bắc Kạn	2919	95A-117.88	Hậu Giang	3919	97A-076.79	Bắc Kạn
920	97A-081.81	Bắc Kạn	1920	97A-082.35	Bắc Kạn	2920	95C-080.26	Hậu Giang	3920	97A-078.38	Bắc Kạn
921	97C-038.09	Bắc Kạn	1921	97C-037.22	Bắc Kạn	2921	97A-076.66	Bắc Kạn	3921	97A-079.88	Bắc Kạn
922	98A-680.88	Bắc Giang	1922	97C-037.69	Bắc Kạn	2922	97A-076.88	Bắc Kạn	3922	97A-082.96	Bắc Kạn
923	98A-684.84	Bắc Giang	1923	97C-037.79	Bắc Kạn	2923	97A-079.55	Bắc Kạn	3923	97C-038.19	Bắc Kạn
924	98A-694.58	Bắc Giang	1924	98A-670.86	Bắc Giang	2924	97A-080.22	Bắc Kạn	3924	98A-672.22	Bắc Giang
925	98A-700.07	Bắc Giang	1925	98A-680.66	Bắc Giang	2925	97A-080.25	Bắc Kạn	3925	98A-680.80	Bắc Giang
926	98A-704.85	Bắc Giang	1926	98A-688.18	Bắc Giang	2926	98A-670.66	Bắc Giang	3926	98A-686.56	Bắc Giang
927	98A-706.96	Bắc Giang	1927	98A-691.85	Bắc Giang	2927	98A-679.88	Bắc Giang	3927	98A-690.56	Bắc Giang
928	98A-707.08	Bắc Giang	1928	98A-699.77	Bắc Giang	2928	98A-685.18	Bắc Giang	3928	98A-693.66	Bắc Giang
929	98A-707.16	Bắc Giang	1929	98A-702.16	Bắc Giang	2929	98A-688.19	Bắc Giang	3929	98A-697.36	Bắc Giang
930	98A-707.25	Bắc Giang	1930	98A-702.77	Bắc Giang	2930	98A-689.19	Bắc Giang	3930	98A-699.22	Bắc Giang
931	98A-707.85	Bắc Giang	1931	98A-705.36	Bắc Giang	2931	98A-696.39	Bắc Giang	3931	98A-700.16	Bắc Giang
932	98A-709.00	Bắc Giang	1932	98A-705.85	Bắc Giang	2932	98A-699.92	Bắc Giang	3932	98A-701.16	Bắc Giang
933	98A-710.55	Bắc Giang	1933	98A-706.28	Bắc Giang	2933	98A-704.36	Bắc Giang	3933	98A-702.05	Bắc Giang
934	98A-712.15	Bắc Giang	1934	98A-706.55	Bắc Giang	2934	98A-705.58	Bắc Giang	3934	98A-702.26	Bắc Giang
935	98A-713.28	Bắc Giang	1935	98A-707.29	Bắc Giang	2935	98A-708.25	Bắc Giang	3935	98A-702.29	Bắc Giang
936	98A-715.19	Bắc Giang	1936	98A-708.65	Bắc Giang	2936	98A-711.26	Bắc Giang	3936	98A-702.69	Bắc Giang
937	98A-717.18	Bắc Giang	1937	98A-709.11	Bắc Giang	2937	98A-711.38	Bắc Giang	3937	98A-703.68	Bắc Giang
938	98A-718.35	Bắc Giang	1938	98A-711.11	Bắc Giang	2938	98A-711.88	Bắc Giang	3938	98A-707.22	Bắc Giang
939	98A-719.25	Bắc Giang	1939	98A-711.59	Bắc Giang	2939	98A-715.39	Bắc Giang	3939	98A-708.19	Bắc Giang
940	98A-719.66	Bắc Giang	1940	98A-712.28	Bắc Giang	2940	98A-716.11	Bắc Giang	3940	98A-713.36	Bắc Giang
941	98A-720.15	Bắc Giang	1941	98A-712.95	Bắc Giang	2941	98A-718.36	Bắc Giang	3941	98A-715.17	Bắc Giang

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
942	98A-720.58	Bắc Giang	942	98A-713.13	Bắc Giang	2942	98A-718.59	Bắc Giang	3942	98A-715.22	Bắc Giang
943	98A-720.86	Bắc Giang	943	98A-716.85	Bắc Giang	2943	98A-720.83	Bắc Giang	3943	98A-715.96	Bắc Giang
944	98A-721.35	Bắc Giang	944	98A-718.29	Bắc Giang	2944	98A-727.69	Bắc Giang	3944	98A-719.06	Bắc Giang
945	98A-722.19	Bắc Giang	945	98A-718.98	Bắc Giang	2945	98A-728.96	Bắc Giang	3945	98A-724.96	Bắc Giang
946	98A-722.26	Bắc Giang	946	98A-719.65	Bắc Giang	2946	98A-729.55	Bắc Giang	3946	98A-727.19	Bắc Giang
947	98A-722.83	Bắc Giang	947	98A-720.65	Bắc Giang	2947	98A-730.03	Bắc Giang	3947	98A-728.89	Bắc Giang
948	98A-723.24	Bắc Giang	948	98A-723.08	Bắc Giang	2948	98A-730.09	Bắc Giang	3948	98A-729.85	Bắc Giang
949	98A-723.98	Bắc Giang	949	98A-723.16	Bắc Giang	2949	98A-732.11	Bắc Giang	3949	98A-731.55	Bắc Giang
950	98A-725.55	Bắc Giang	950	98A-724.28	Bắc Giang	2950	98A-732.95	Bắc Giang	3950	98A-734.43	Bắc Giang
951	98A-727.59	Bắc Giang	951	98A-726.68	Bắc Giang	2951	98A-733.09	Bắc Giang	3951	98A-735.33	Bắc Giang
952	98A-732.16	Bắc Giang	952	98A-726.89	Bắc Giang	2952	98A-734.00	Bắc Giang	3952	98A-737.73	Bắc Giang
953	98A-736.88	Bắc Giang	953	98A-727.08	Bắc Giang	2953	98A-734.88	Bắc Giang	3953	98C-331.36	Bắc Giang
954	98A-737.79	Bắc Giang	954	98A-727.16	Bắc Giang	2954	98A-734.95	Bắc Giang	3954	98C-333.22	Bắc Giang
955	98A-738.00	Bắc Giang	955	98A-729.68	Bắc Giang	2955	98A-735.38	Bắc Giang	3955	98C-333.32	Bắc Giang
956	98C-332.79	Bắc Giang	956	98A-735.95	Bắc Giang	2956	98A-736.22	Bắc Giang	3956	98C-333.56	Bắc Giang
957	99A-711.88	Bắc Ninh	957	98C-327.58	Bắc Giang	2957	98A-736.35	Bắc Giang	3957	98C-335.36	Bắc Giang
958	99A-714.68	Bắc Ninh	958	98C-328.99	Bắc Giang	2958	98A-737.85	Bắc Giang	3958	99A-690.68	Bắc Ninh
959	99A-715.15	Bắc Ninh	959	98C-331.86	Bắc Giang	2959	98C-326.88	Bắc Giang	3959	99A-690.86	Bắc Ninh
960	99A-715.51	Bắc Ninh	960	99A-685.39	Bắc Ninh	2960	98C-328.08	Bắc Giang	3960	99A-694.86	Bắc Ninh
961	99A-715.68	Bắc Ninh	961	99A-691.79	Bắc Ninh	2961	98C-333.09	Bắc Giang	3961	99A-708.80	Bắc Ninh
962	99A-721.16	Bắc Ninh	962	99A-703.86	Bắc Ninh	2962	99A-691.11	Bắc Ninh	3962	99A-714.86	Bắc Ninh
963	99A-721.99	Bắc Ninh	963	99A-707.88	Bắc Ninh	2963	99A-692.22	Bắc Ninh	3963	99A-725.56	Bắc Ninh
964	99A-725.36	Bắc Ninh	964	99A-715.89	Bắc Ninh	2964	99A-695.66	Bắc Ninh	3964	99A-726.79	Bắc Ninh
965	99A-729.66	Bắc Ninh	965	99A-722.11	Bắc Ninh	2965	99A-707.39	Bắc Ninh	3965	99A-731.33	Bắc Ninh
966	99A-730.08	Bắc Ninh	966	99A-727.19	Bắc Ninh	2966	99A-711.68	Bắc Ninh	3966	99A-733.83	Bắc Ninh
967	99A-730.16	Bắc Ninh	967	99A-729.69	Bắc Ninh	2967	99A-713.86	Bắc Ninh	3967	99A-734.09	Bắc Ninh
968	99A-731.06	Bắc Ninh	968	99A-730.30	Bắc Ninh	2968	99A-721.18	Bắc Ninh	3968	99A-734.25	Bắc Ninh
969	99A-731.99	Bắc Ninh	969	99A-730.55	Bắc Ninh	2969	99A-730.11	Bắc Ninh	3969	99A-734.43	Bắc Ninh
970	99A-736.65	Bắc Ninh	970	99A-730.88	Bắc Ninh	2970	99A-732.77	Bắc Ninh	3970	99A-735.65	Bắc Ninh
971	99A-737.99	Bắc Ninh	971	99A-733.68	Bắc Ninh	2971	99A-733.89	Bắc Ninh	3971	99A-736.98	Bắc Ninh
972	99A-738.11	Bắc Ninh	972	99A-734.33	Bắc Ninh	2972	99A-737.96	Bắc Ninh	3972	99A-740.26	Bắc Ninh
973	99A-740.56	Bắc Ninh	973	99A-736.95	Bắc Ninh	2973	99A-737.98	Bắc Ninh	3973	99A-740.35	Bắc Ninh
974	99A-740.88	Bắc Ninh	974	99A-737.65	Bắc Ninh	2974	99A-738.15	Bắc Ninh	3974	99A-743.65	Bắc Ninh
975	99A-741.77	Bắc Ninh	975	99A-738.35	Bắc Ninh	2975	99A-739.66	Bắc Ninh	3975	99A-744.00	Bắc Ninh
976	99A-743.19	Bắc Ninh	976	99A-741.19	Bắc Ninh	2976	99A-740.36	Bắc Ninh	3976	99A-744.58	Bắc Ninh
977	99A-744.25	Bắc Ninh	977	99A-742.22	Bắc Ninh	2977	99A-740.86	Bắc Ninh	3977	99A-744.88	Bắc Ninh
978	99A-745.35	Bắc Ninh	978	99A-742.89	Bắc Ninh	2978	99A-741.25	Bắc Ninh	3978	99A-745.00	Bắc Ninh
979	99A-748.39	Bắc Ninh	979	99A-743.11	Bắc Ninh	2979	99A-742.69	Bắc Ninh	3979	99A-745.77	Bắc Ninh
980	99A-748.77	Bắc Ninh	980	99A-743.26	Bắc Ninh	2980	99A-744.68	Bắc Ninh	3980	99A-745.99	Bắc Ninh
981	99A-750.96	Bắc Ninh	981	99A-744.66	Bắc Ninh	2981	99A-744.69	Bắc Ninh	3981	99A-746.35	Bắc Ninh
982	99A-752.33	Bắc Ninh	982	99A-747.38	Bắc Ninh	2982	99A-746.33	Bắc Ninh	3982	99A-746.96	Bắc Ninh
983	99A-752.58	Bắc Ninh	983	99A-749.19	Bắc Ninh	2983	99A-746.89	Bắc Ninh	3983	99A-748.26	Bắc Ninh
984	99A-754.95	Bắc Ninh	984	99A-749.33	Bắc Ninh	2984	99A-747.00	Bắc Ninh	3984	99A-749.39	Bắc Ninh
985	99A-755.18	Bắc Ninh	985	99A-751.77	Bắc Ninh	2985	99A-747.19	Bắc Ninh	3985	99A-749.66	Bắc Ninh
986	99A-755.59	Bắc Ninh	986	99A-751.79	Bắc Ninh	2986	99A-748.44	Bắc Ninh	3986	99A-750.36	Bắc Ninh
987	99A-756.83	Bắc Ninh	987	99A-752.95	Bắc Ninh	2987	99A-749.79	Bắc Ninh	3987	99A-750.56	Bắc Ninh
988	99A-759.39	Bắc Ninh	988	99A-759.18	Bắc Ninh	2988	99A-750.58	Bắc Ninh	3988	99A-751.66	Bắc Ninh
989	99A-763.85	Bắc Ninh	989	99A-761.69	Bắc Ninh	2989	99A-751.83	Bắc Ninh	3989	99A-756.44	Bắc Ninh
990	99A-764.59	Bắc Ninh	990	99A-762.98	Bắc Ninh	2990	99A-752.69	Bắc Ninh	3990	99A-757.75	Bắc Ninh
991	99A-765.08	Bắc Ninh	991	99A-765.68	Bắc Ninh	2991	99A-753.35	Bắc Ninh	3991	99A-758.86	Bắc Ninh
992	99A-765.59	Bắc Ninh	992	99A-765.77	Bắc Ninh	2992	99A-754.26	Bắc Ninh	3992	99A-763.35	Bắc Ninh
993	99C-300.99	Bắc Ninh	993	99A-765.83	Bắc Ninh	2993	99A-756.35	Bắc Ninh	3993	99A-766.38	Bắc Ninh
994	99C-304.68	Bắc Ninh	994	99A-766.98	Bắc Ninh	2994	99A-758.56	Bắc Ninh	3994	99C-300.88	Bắc Ninh
995	99C-305.00	Bắc Ninh	995	99C-303.26	Bắc Ninh	2995	99A-760.44	Bắc Ninh	3995	99C-303.06	Bắc Ninh
996	99C-307.03	Bắc Ninh	996	99C-303.59	Bắc Ninh	2996	99A-760.68	Bắc Ninh	3996	99C-304.55	Bắc Ninh
997	99C-307.30	Bắc Ninh	997	99C-303.66	Bắc Ninh	2997	99A-765.55	Bắc Ninh	3997	99C-307.38	Bắc Ninh
998	99C-307.59	Bắc Ninh	998	99C-305.33	Bắc Ninh	2998	99C-303.09	Bắc Ninh	3998	99C-307.44	Bắc Ninh
999	99C-307.69	Bắc Ninh	999	99C-305.66	Bắc Ninh	2999	99C-305.58	Bắc Ninh	3999	99C-307.65	Bắc Ninh
1000	99C-307.83	Bắc Ninh	2000	99C-308.93	Bắc Ninh	3000	99C-306.96	Bắc Ninh	4000	99C-308.79	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4001	99A-655.55	Bắc Ninh	5001	30L-089.89	Hà Nội	6001	30K-409.09	Hà Nội			
4002	30K-406.99	Hà Nội	5002	30K-402.66	Hà Nội	6002	30K-410.39	Hà Nội			
4003	30K-413.66	Hà Nội	5003	30K-402.68	Hà Nội	6003	30K-420.89	Hà Nội			
4004	30K-413.99	Hà Nội	5004	30K-404.66	Hà Nội	6004	30K-423.68	Hà Nội			
4005	30K-415.68	Hà Nội	5005	30K-405.88	Hà Nội	6005	30K-425.66	Hà Nội			
4006	30K-415.89	Hà Nội	5006	30K-408.39	Hà Nội	6006	30K-432.88	Hà Nội			
4007	30K-417.66	Hà Nội	5007	30K-414.39	Hà Nội	6007	30K-433.44	Hà Nội			
4008	30K-418.89	Hà Nội	5008	30K-414.88	Hà Nội	6008	30K-436.68	Hà Nội			
4009	30K-419.66	Hà Nội	5009	30K-418.66	Hà Nội	6009	30K-437.37	Hà Nội			
4010	30K-424.99	Hà Nội	5010	30K-421.99	Hà Nội	6010	30K-451.39	Hà Nội			
4011	30K-427.66	Hà Nội	5011	30K-428.66	Hà Nội	6011	30K-454.89	Hà Nội			
4012	30K-430.39	Hà Nội	5012	30K-430.66	Hà Nội	6012	30K-457.68	Hà Nội			
4013	30K-434.88	Hà Nội	5013	30K-431.99	Hà Nội	6013	30K-463.88	Hà Nội			
4014	30K-441.89	Hà Nội	5014	30K-434.68	Hà Nội	6014	30K-473.89	Hà Nội			
4015	30K-443.79	Hà Nội	5015	30K-436.79	Hà Nội	6015	30K-476.89	Hà Nội			
4016	30K-463.66	Hà Nội	5016	30K-442.89	Hà Nội	6016	30K-480.39	Hà Nội			
4017	30K-467.39	Hà Nội	5017	30K-450.39	Hà Nội	6017	30K-482.68	Hà Nội			
4018	30K-469.39	Hà Nội	5018	30K-450.88	Hà Nội	6018	30K-493.79	Hà Nội			
4019	30K-474.68	Hà Nội	5019	30K-452.88	Hà Nội	6019	30K-495.39	Hà Nội			
4020	30K-487.79	Hà Nội	5020	30K-461.79	Hà Nội	6020	30K-496.89	Hà Nội			
4021	30K-494.66	Hà Nội	5021	30K-461.99	Hà Nội	6021	30K-500.77	Hà Nội			
4022	30K-501.39	Hà Nội	5022	30K-471.66	Hà Nội	6022	30K-501.66	Hà Nội			
4023	30K-503.39	Hà Nội	5023	30K-481.89	Hà Nội	6023	30K-507.39	Hà Nội			
4024	30K-504.39	Hà Nội	5024	30K-482.79	Hà Nội	6024	30K-510.39	Hà Nội			
4025	30K-504.68	Hà Nội	5025	30K-483.79	Hà Nội	6025	30K-524.88	Hà Nội			
4026	30K-518.39	Hà Nội	5026	30K-484.89	Hà Nội	6026	30K-527.69	Hà Nội			
4027	30K-531.79	Hà Nội	5027	30K-485.89	Hà Nội	6027	30K-530.86	Hà Nội			
4028	30K-532.79	Hà Nội	5028	30K-491.88	Hà Nội	6028	30K-534.79	Hà Nội			
4029	30K-534.34	Hà Nội	5029	30K-492.66	Hà Nội	6029	30K-541.39	Hà Nội			
4030	30K-534.39	Hà Nội	5030	30K-492.89	Hà Nội	6030	30K-546.39	Hà Nội			
4031	30K-537.66	Hà Nội	5031	30K-498.66	Hà Nội	6031	30K-557.69	Hà Nội			
4032	30K-541.86	Hà Nội	5032	30K-507.66	Hà Nội	6032	30K-564.99	Hà Nội			
4033	30K-544.77	Hà Nội	5033	30K-507.86	Hà Nội	6033	30K-571.68	Hà Nội			
4034	30K-544.89	Hà Nội	5034	30K-507.99	Hà Nội	6034	30K-580.39	Hà Nội			
4035	30K-547.99	Hà Nội	5035	30K-524.39	Hà Nội	6035	30K-590.68	Hà Nội			
4036	30K-549.89	Hà Nội	5036	30K-540.86	Hà Nội	6036	30K-594.79	Hà Nội			
4037	30K-550.69	Hà Nội	5037	30K-541.68	Hà Nội	6037	30K-601.86	Hà Nội			
4038	30K-555.10	Hà Nội	5038	30K-542.66	Hà Nội	6038	30K-614.69	Hà Nội			
4039	30K-560.39	Hà Nội	5039	30K-543.86	Hà Nội	6039	30K-614.99	Hà Nội			
4040	30K-564.89	Hà Nội	5040	30K-544.86	Hà Nội	6040	30K-794.25	Hà Nội			
4041	30K-572.79	Hà Nội	5041	30K-547.39	Hà Nội	6041	30K-809.59	Hà Nội			
4042	30K-573.69	Hà Nội	5042	30K-554.86	Hà Nội	6042	30K-837.25	Hà Nội			
4043	30K-573.79	Hà Nội	5043	30K-570.39	Hà Nội	6043	30L-040.44	Hà Nội			
4044	30K-573.89	Hà Nội	5044	30K-571.79	Hà Nội	6044	30L-123.32	Hà Nội			
4045	30K-584.66	Hà Nội	5045	30K-574.39	Hà Nội	6045	30L-124.11	Hà Nội			
4046	30K-594.39	Hà Nội	5046	30K-577.39	Hà Nội	6046	30L-126.18	Hà Nội			
4047	30K-597.86	Hà Nội	5047	30K-590.69	Hà Nội	6047	30L-130.79	Hà Nội			
4048	30K-613.13	Hà Nội	5048	30K-600.77	Hà Nội	6048	30L-132.39	Hà Nội			
4049	30K-614.86	Hà Nội	5049	30K-617.69	Hà Nội	6049	30L-133.18	Hà Nội			
4050	30K-617.66	Hà Nội	5050	30K-794.49	Hà Nội	6050	30L-133.96	Hà Nội			
4051	30K-795.26	Hà Nội	5051	30K-823.56	Hà Nội	6051	30L-136.85	Hà Nội			
4052	30K-795.56	Hà Nội	5052	30L-021.44	Hà Nội	6052	30L-137.25	Hà Nội			
4053	30K-808.63	Hà Nội	5053	30L-122.25	Hà Nội	6053	30L-139.11	Hà Nội			
4054	30K-809.69	Hà Nội	5054	30L-124.15	Hà Nội	6054	30L-140.15	Hà Nội			
4055	30L-022.00	Hà Nội	5055	30L-126.35	Hà Nội	6055	30L-142.24	Hà Nội			
4056	30L-120.85	Hà Nội	5056	30L-127.06	Hà Nội	6056	30L-147.59	Hà Nội			
4057	30L-121.06	Hà Nội	5057	30L-130.36	Hà Nội	6057	30L-148.18	Hà Nội			
4058	30L-121.85	Hà Nội	5058	30L-130.89	Hà Nội	6058	30L-149.49	Hà Nội			
4059	30L-122.86	Hà Nội	5059	30L-131.08	Hà Nội	6059	30L-151.85	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4060	30L-123.08	Hà Nội	5060	30L-132.38	Hà Nội	6060	30L-153.95	Hà Nội			
4061	30L-124.56	Hà Nội	5061	30L-132.86	Hà Nội	6061	30L-160.58	Hà Nội			
4062	30L-125.56	Hà Nội	5062	30L-134.26	Hà Nội	6062	30L-161.09	Hà Nội			
4063	30L-128.59	Hà Nội	5063	30L-134.44	Hà Nội	6063	30L-162.85	Hà Nội			
4064	30L-130.55	Hà Nội	5064	30L-134.96	Hà Nội	6064	30L-164.22	Hà Nội			
4065	30L-132.33	Hà Nội	5065	30L-135.08	Hà Nội	6065	30L-165.09	Hà Nội			
4066	30L-132.95	Hà Nội	5066	30L-136.09	Hà Nội	6066	51K-744.55	Hồ Chí Minh			
4067	30L-134.98	Hà Nội	5067	30L-139.09	Hà Nội	6067	51K-744.99	Hồ Chí Minh			
4068	30L-135.59	Hà Nội	5068	30L-141.86	Hà Nội	6068	51K-746.46	Hồ Chí Minh			
4069	30L-137.59	Hà Nội	5069	30L-141.99	Hà Nội	6069	51K-747.99	Hồ Chí Minh			
4070	30L-137.69	Hà Nội	5070	30L-142.25	Hà Nội	6070	51K-749.39	Hồ Chí Minh			
4071	30L-138.33	Hà Nội	5071	30L-152.82	Hà Nội	6071	51K-750.68	Hồ Chí Minh			
4072	30L-140.44	Hà Nội	5072	30L-153.66	Hà Nội	6072	51K-751.39	Hồ Chí Minh			
4073	30L-142.79	Hà Nội	5073	30L-156.55	Hà Nội	6073	51K-751.89	Hồ Chí Minh			
4074	30L-143.77	Hà Nội	5074	30L-157.95	Hà Nội	6074	51K-760.66	Hồ Chí Minh			
4075	30L-143.79	Hà Nội	5075	30L-158.11	Hà Nội	6075	51K-760.89	Hồ Chí Minh			
4076	30L-143.99	Hà Nội	5076	30L-161.83	Hà Nội	6076	51K-765.89	Hồ Chí Minh			
4077	30L-148.55	Hà Nội	5077	30L-164.28	Hà Nội	6077	51K-774.66	Hồ Chí Minh			
4078	30L-148.99	Hà Nội	5078	30L-165.38	Hà Nội	6078	51K-774.88	Hồ Chí Minh			
4079	30L-149.88	Hà Nội	5079	51K-743.88	Hồ Chí Minh	6079	51K-780.66	Hồ Chí Minh			
4080	30L-150.26	Hà Nội	5080	51K-744.66	Hồ Chí Minh	6080	51K-802.88	Hồ Chí Minh			
4081	30L-152.16	Hà Nội	5081	51K-745.88	Hồ Chí Minh	6081	51K-807.79	Hồ Chí Minh			
4082	30L-153.36	Hà Nội	5082	51K-749.88	Hồ Chí Minh	6082	51K-810.99	Hồ Chí Minh			
4083	30L-155.29	Hà Nội	5083	51K-757.39	Hồ Chí Minh	6083	51K-813.66	Hồ Chí Minh			
4084	30L-158.96	Hà Nội	5084	51K-758.39	Hồ Chí Minh	6084	51K-815.39	Hồ Chí Minh			
4085	30L-159.38	Hà Nội	5085	51K-763.99	Hồ Chí Minh	6085	51K-819.66	Hồ Chí Minh			
4086	30L-162.06	Hà Nội	5086	51K-784.39	Hồ Chí Minh	6086	51K-820.39	Hồ Chí Minh			
4087	30L-162.19	Hà Nội	5087	51K-787.66	Hồ Chí Minh	6087	51K-821.39	Hồ Chí Minh			
4088	30L-163.61	Hà Nội	5088	51K-793.66	Hồ Chí Minh	6088	51K-823.39	Hồ Chí Minh			
4089	51K-748.99	Hồ Chí Minh	5089	51K-794.89	Hồ Chí Minh	6089	51K-824.89	Hồ Chí Minh			
4090	51K-758.66	Hồ Chí Minh	5090	51K-805.68	Hồ Chí Minh	6090	51K-826.79	Hồ Chí Minh			
4091	51K-760.39	Hồ Chí Minh	5091	51K-812.66	Hồ Chí Minh	6091	51K-831.39	Hồ Chí Minh			
4092	51K-764.99	Hồ Chí Minh	5092	51K-817.99	Hồ Chí Minh	6092	51K-831.66	Hồ Chí Minh			
4093	51K-765.39	Hồ Chí Minh	5093	51K-820.89	Hồ Chí Minh	6093	51K-834.79	Hồ Chí Minh			
4094	51K-771.89	Hồ Chí Minh	5094	51K-820.99	Hồ Chí Minh	6094	51K-836.69	Hồ Chí Minh			
4095	51K-778.66	Hồ Chí Minh	5095	51K-821.89	Hồ Chí Minh	6095	51K-840.39	Hồ Chí Minh			
4096	51K-782.39	Hồ Chí Minh	5096	51K-837.39	Hồ Chí Minh	6096	51K-840.99	Hồ Chí Minh			
4097	51K-783.68	Hồ Chí Minh	5097	51K-837.77	Hồ Chí Minh	6097	51K-846.66	Hồ Chí Minh			
4098	51K-784.68	Hồ Chí Minh	5098	51K-838.69	Hồ Chí Minh	6098	51K-848.69	Hồ Chí Minh			
4099	51K-785.66	Hồ Chí Minh	5099	51K-841.86	Hồ Chí Minh	6099	51K-849.86	Hồ Chí Minh			
4100	51K-790.66	Hồ Chí Minh	5100	51K-843.66	Hồ Chí Minh	6100	51K-853.33	Hồ Chí Minh			
4101	51K-805.99	Hồ Chí Minh	5101	51K-843.99	Hồ Chí Minh	6101	51K-853.68	Hồ Chí Minh			
4102	51K-814.99	Hồ Chí Minh	5102	51K-845.99	Hồ Chí Minh	6102	51K-853.89	Hồ Chí Minh			
4103	51K-815.99	Hồ Chí Minh	5103	51K-848.89	Hồ Chí Minh	6103	51K-854.68	Hồ Chí Minh			
4104	51K-825.79	Hồ Chí Minh	5104	51K-849.39	Hồ Chí Minh	6104	51K-862.39	Hồ Chí Minh			
4105	51K-829.66	Hồ Chí Minh	5105	51K-849.69	Hồ Chí Minh	6105	51K-869.66	Hồ Chí Minh			
4106	51K-834.89	Hồ Chí Minh	5106	51K-850.39	Hồ Chí Minh	6106	51K-875.69	Hồ Chí Minh			
4107	51K-835.99	Hồ Chí Minh	5107	51K-852.69	Hồ Chí Minh	6107	51K-879.66	Hồ Chí Minh			
4108	51K-837.66	Hồ Chí Minh	5108	51K-854.79	Hồ Chí Minh	6108	51K-887.69	Hồ Chí Minh			
4109	51K-844.39	Hồ Chí Minh	5109	51K-858.69	Hồ Chí Minh	6109	51K-891.86	Hồ Chí Minh			
4110	51K-844.66	Hồ Chí Minh	5110	51K-859.86	Hồ Chí Minh	6110	51K-901.68	Hồ Chí Minh			
4111	51K-851.39	Hồ Chí Minh	5111	51K-861.69	Hồ Chí Minh	6111	51K-914.68	Hồ Chí Minh			
4112	51K-852.86	Hồ Chí Minh	5112	51K-867.66	Hồ Chí Minh	6112	51K-918.39	Hồ Chí Minh			
4113	51K-854.39	Hồ Chí Minh	5113	51K-870.39	Hồ Chí Minh	6113	51K-920.66	Hồ Chí Minh			
4114	51K-855.39	Hồ Chí Minh	5114	51K-871.79	Hồ Chí Minh	6114	51K-921.68	Hồ Chí Minh			
4115	51K-856.69	Hồ Chí Minh	5115	51K-871.89	Hồ Chí Minh	6115	51K-921.86	Hồ Chí Minh			
4116	51K-859.39	Hồ Chí Minh	5116	51K-871.99	Hồ Chí Minh	6116	51K-923.39	Hồ Chí Minh			
4117	51K-873.89	Hồ Chí Minh	5117	51K-872.22	Hồ Chí Minh	6117	51K-923.88	Hồ Chí Minh			
4118	51K-879.69	Hồ Chí Minh	5118	51K-873.69	Hồ Chí Minh	6118	51K-924.69	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4119	51K-884.39	Hồ Chí Minh	5119	51K-875.86	Hồ Chí Minh	6119	51K-928.86	Hồ Chí Minh			
4120	51K-887.66	Hồ Chí Minh	5120	51K-878.66	Hồ Chí Minh	6120	51K-929.66	Hồ Chí Minh			
4121	51K-891.69	Hồ Chí Minh	5121	51K-892.86	Hồ Chí Minh	6121	51K-930.66	Hồ Chí Minh			
4122	51K-895.86	Hồ Chí Minh	5122	51K-900.44	Hồ Chí Minh	6122	51K-930.86	Hồ Chí Minh			
4123	51K-901.39	Hồ Chí Minh	5123	51K-901.89	Hồ Chí Minh	6123	51K-934.69	Hồ Chí Minh			
4124	51K-902.22	Hồ Chí Minh	5124	51K-903.68	Hồ Chí Minh	6124	51K-934.89	Hồ Chí Minh			
4125	51K-904.68	Hồ Chí Minh	5125	51K-905.89	Hồ Chí Minh	6125	51K-934.99	Hồ Chí Minh			
4126	51K-906.89	Hồ Chí Minh	5126	51K-905.99	Hồ Chí Minh	6126	51K-937.68	Hồ Chí Minh			
4127	51K-913.66	Hồ Chí Minh	5127	51K-906.88	Hồ Chí Minh	6127	51K-940.89	Hồ Chí Minh			
4128	51K-913.69	Hồ Chí Minh	5128	51K-907.66	Hồ Chí Minh	6128	51K-940.99	Hồ Chí Minh			
4129	51K-913.89	Hồ Chí Minh	5129	51K-913.13	Hồ Chí Minh	6129	51K-942.86	Hồ Chí Minh			
4130	51K-914.69	Hồ Chí Minh	5130	51K-914.66	Hồ Chí Minh	6130	51K-945.88	Hồ Chí Minh			
4131	51K-918.69	Hồ Chí Minh	5131	51K-917.99	Hồ Chí Minh	6131	51K-946.86	Hồ Chí Minh			
4132	51K-920.69	Hồ Chí Minh	5132	51K-920.79	Hồ Chí Minh	6132	51K-948.69	Hồ Chí Minh			
4133	51K-921.66	Hồ Chí Minh	5133	51K-924.88	Hồ Chí Minh	6133	51K-951.89	Hồ Chí Minh			
4134	51K-923.86	Hồ Chí Minh	5134	51K-926.69	Hồ Chí Minh	6134	51K-952.86	Hồ Chí Minh			
4135	51K-927.39	Hồ Chí Minh	5135	51K-935.69	Hồ Chí Minh	6135	51K-954.66	Hồ Chí Minh			
4136	51K-930.69	Hồ Chí Minh	5136	51K-937.88	Hồ Chí Minh	6136	51K-954.89	Hồ Chí Minh			
4137	51K-930.88	Hồ Chí Minh	5137	51K-938.66	Hồ Chí Minh	6137	51K-957.57	Hồ Chí Minh			
4138	51K-932.69	Hồ Chí Minh	5138	51K-942.66	Hồ Chí Minh	6138	51K-963.89	Hồ Chí Minh			
4139	51K-934.88	Hồ Chí Minh	5139	51K-943.69	Hồ Chí Minh	6139	51K-965.39	Hồ Chí Minh			
4140	51K-935.66	Hồ Chí Minh	5140	51K-952.66	Hồ Chí Minh	6140	51K-970.89	Hồ Chí Minh			
4141	51K-941.69	Hồ Chí Minh	5141	51K-953.86	Hồ Chí Minh	6141	51K-971.79	Hồ Chí Minh			
4142	51K-941.86	Hồ Chí Minh	5142	51K-956.69	Hồ Chí Minh	6142	51K-974.88	Hồ Chí Minh			
4143	51K-944.39	Hồ Chí Minh	5143	51K-960.66	Hồ Chí Minh	6143	51K-977.39	Hồ Chí Minh			
4144	51K-945.99	Hồ Chí Minh	5144	51K-961.11	Hồ Chí Minh	6144	11A-111.59	Cao Bằng			
4145	51K-948.39	Hồ Chí Minh	5145	51K-971.66	Hồ Chí Minh	6145	12A-226.79	Lạng Sơn			
4146	51K-948.99	Hồ Chí Minh	5146	51K-973.66	Hồ Chí Minh	6146	12A-227.72	Lạng Sơn			
4147	51K-951.69	Hồ Chí Minh	5147	51K-975.88	Hồ Chí Minh	6147	12A-234.28	Lạng Sơn			
4148	51K-957.68	Hồ Chí Minh	5148	51K-978.66	Hồ Chí Minh	6148	12A-235.89	Lạng Sơn			
4149	51K-962.86	Hồ Chí Minh	5149	11A-112.35	Cao Bằng	6149	12A-237.96	Lạng Sơn			
4150	51K-977.86	Hồ Chí Minh	5150	11A-113.39	Cao Bằng	6150	12A-238.23	Lạng Sơn			
4151	11A-108.68	Cao Bằng	5151	11C-071.99	Cao Bằng	6151	12A-238.89	Lạng Sơn			
4152	11A-110.88	Cao Bằng	5152	11C-072.16	Cao Bằng	6152	12A-241.18	Lạng Sơn			
4153	11A-112.65	Cao Bằng	5153	12A-222.48	Lạng Sơn	6153	12A-241.24	Lạng Sơn			
4154	11A-113.15	Cao Bằng	5154	12A-230.89	Lạng Sơn	6154	12C-131.79	Lạng Sơn			
4155	11A-113.18	Cao Bằng	5155	12A-236.35	Lạng Sơn	6155	12C-132.88	Lạng Sơn			
4156	11A-113.56	Cao Bằng	5156	12A-238.83	Lạng Sơn	6156	12C-133.36	Lạng Sơn			
4157	11A-113.95	Cao Bằng	5157	12A-240.11	Lạng Sơn	6157	14A-842.08	Quảng Ninh			
4158	11A-114.22	Cao Bằng	5158	12A-240.65	Lạng Sơn	6158	14A-843.38	Quảng Ninh			
4159	11A-114.86	Cao Bằng	5159	12A-241.89	Lạng Sơn	6159	14A-850.08	Quảng Ninh			
4160	11A-116.69	Cao Bằng	5160	12A-242.29	Lạng Sơn	6160	14A-850.33	Quảng Ninh			
4161	11C-071.11	Cao Bằng	5161	12A-243.66	Lạng Sơn	6161	14A-854.00	Quảng Ninh			
4162	11C-071.55	Cao Bằng	5162	12C-128.82	Lạng Sơn	6162	14A-854.56	Quảng Ninh			
4163	12A-224.69	Lạng Sơn	5163	12C-132.69	Lạng Sơn	6163	14A-855.25	Quảng Ninh			
4164	12A-224.86	Lạng Sơn	5164	12C-133.22	Lạng Sơn	6164	14A-856.92	Quảng Ninh			
4165	12A-229.69	Lạng Sơn	5165	14A-840.86	Quảng Ninh	6165	14A-859.08	Quảng Ninh			
4166	12A-235.22	Lạng Sơn	5166	14A-841.88	Quảng Ninh	6166	14A-859.29	Quảng Ninh			
4167	12A-235.85	Lạng Sơn	5167	14A-842.09	Quảng Ninh	6167	14A-859.85	Quảng Ninh			
4168	12A-237.15	Lạng Sơn	5168	14A-850.36	Quảng Ninh	6168	14A-862.08	Quảng Ninh			
4169	12A-239.59	Lạng Sơn	5169	14A-851.09	Quảng Ninh	6169	14A-863.58	Quảng Ninh			
4170	14A-850.59	Quảng Ninh	5170	14A-851.19	Quảng Ninh	6170	14A-863.65	Quảng Ninh			
4171	14A-851.51	Quảng Ninh	5171	14A-852.58	Quảng Ninh	6171	14A-867.08	Quảng Ninh			
4172	14A-851.69	Quảng Ninh	5172	14A-853.26	Quảng Ninh	6172	14A-867.76	Quảng Ninh			
4173	14A-853.09	Quảng Ninh	5173	14A-859.69	Quảng Ninh	6173	14A-869.09	Quảng Ninh			
4174	14A-853.66	Quảng Ninh	5174	14A-861.77	Quảng Ninh	6174	14A-870.96	Quảng Ninh			
4175	14A-854.06	Quảng Ninh	5175	14A-863.55	Quảng Ninh	6175	14A-871.00	Quảng Ninh			
4176	14A-854.99	Quảng Ninh	5176	14A-864.96	Quảng Ninh	6176	14A-872.55	Quảng Ninh			
4177	14A-855.95	Quảng Ninh	5177	14A-869.33	Quảng Ninh	6177	14A-872.66	Quảng Ninh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4178	14A-857.08	Quảng Ninh	5178	14A-869.44	Quảng Ninh	6178	14A-873.38	Quảng Ninh			
4179	14A-857.15	Quảng Ninh	5179	14A-871.08	Quảng Ninh	6179	14A-874.74	Quảng Ninh			
4180	14A-857.66	Quảng Ninh	5180	14A-871.78	Quảng Ninh	6180	14A-879.93	Quảng Ninh			
4181	14A-868.77	Quảng Ninh	5181	14A-873.55	Quảng Ninh	6181	14A-882.56	Quảng Ninh			
4182	14A-868.95	Quảng Ninh	5182	14A-873.89	Quảng Ninh	6182	14A-885.00	Quảng Ninh			
4183	14A-869.82	Quảng Ninh	5183	14A-874.15	Quảng Ninh	6183	14A-885.59	Quảng Ninh			
4184	14A-870.39	Quảng Ninh	5184	14A-874.47	Quảng Ninh	6184	14A-887.11	Quảng Ninh			
4185	14A-873.95	Quảng Ninh	5185	14A-875.22	Quảng Ninh	6185	14A-889.93	Quảng Ninh			
4186	14A-875.85	Quảng Ninh	5186	14A-875.89	Quảng Ninh	6186	14C-392.89	Quảng Ninh			
4187	14A-885.35	Quảng Ninh	5187	14A-877.69	Quảng Ninh	6187	14C-392.99	Quảng Ninh			
4188	14A-885.95	Quảng Ninh	5188	14A-881.65	Quảng Ninh	6188	14C-393.69	Quảng Ninh			
4189	14A-888.24	Quảng Ninh	5189	14A-883.06	Quảng Ninh	6189	14C-398.66	Quảng Ninh			
4190	14A-888.45	Quảng Ninh	5190	14A-887.59	Quảng Ninh	6190	14C-401.09	Quảng Ninh			
4191	14A-888.57	Quảng Ninh	5191	14A-887.83	Quảng Ninh	6191	14C-402.98	Quảng Ninh			
4192	14C-390.68	Quảng Ninh	5192	14A-888.25	Quảng Ninh	6192	14C-404.05	Quảng Ninh			
4193	14C-396.08	Quảng Ninh	5193	14A-888.47	Quảng Ninh	6193	14C-406.08	Quảng Ninh			
4194	14C-397.39	Quảng Ninh	5194	14A-889.18	Quảng Ninh	6194	14C-406.28	Quảng Ninh			
4195	14C-398.83	Quảng Ninh	5195	14A-890.16	Quảng Ninh	6195	14C-407.40	Quảng Ninh			
4196	14C-401.36	Quảng Ninh	5196	14B-048.88	Quảng Ninh	6196	15C-456.69	Hải Phòng			
4197	14C-401.98	Quảng Ninh	5197	14C-398.55	Quảng Ninh	6197	15K-226.08	Hải Phòng			
4198	14C-402.03	Quảng Ninh	5198	14C-401.18	Quảng Ninh	6198	15K-227.66	Hải Phòng			
4199	14C-402.86	Quảng Ninh	5199	14C-401.77	Quảng Ninh	6199	15K-229.26	Hải Phòng			
4200	14C-405.56	Quảng Ninh	5200	14C-403.66	Quảng Ninh	6200	15K-235.39	Hải Phòng			
4201	14C-407.04	Quảng Ninh	5201	14C-404.56	Quảng Ninh	6201	15K-240.59	Hải Phòng			
4202	15C-444.58	Hải Phòng	5202	14C-406.79	Quảng Ninh	6202	15K-241.09	Hải Phòng			
4203	15C-444.99	Hải Phòng	5203	15C-447.74	Hải Phòng	6203	15K-241.41	Hải Phòng			
4204	15C-448.88	Hải Phòng	5204	15C-457.89	Hải Phòng	6204	15K-243.26	Hải Phòng			
4205	15C-455.44	Hải Phòng	5205	15C-458.68	Hải Phòng	6205	15K-244.69	Hải Phòng			
4206	15C-456.68	Hải Phòng	5206	15C-459.59	Hải Phòng	6206	15K-246.36	Hải Phòng			
4207	15C-456.86	Hải Phòng	5207	15C-461.79	Hải Phòng	6207	15K-247.96	Hải Phòng			
4208	15D-044.44	Hải Phòng	5208	15C-462.09	Hải Phòng	6208	15K-248.36	Hải Phòng			
4209	15K-207.77	Hải Phòng	5209	15K-201.88	Hải Phòng	6209	15K-249.56	Hải Phòng			
4210	15K-210.39	Hải Phòng	5210	15K-221.19	Hải Phòng	6210	15K-251.66	Hải Phòng			
4211	15K-219.11	Hải Phòng	5211	15K-221.26	Hải Phòng	6211	15K-253.25	Hải Phòng			
4212	15K-223.77	Hải Phòng	5212	15K-221.99	Hải Phòng	6212	15K-253.77	Hải Phòng			
4213	15K-233.86	Hải Phòng	5213	15K-225.16	Hải Phòng	6213	15K-256.28	Hải Phòng			
4214	15K-236.08	Hải Phòng	5214	15K-227.55	Hải Phòng	6214	15K-256.33	Hải Phòng			
4215	15K-237.09	Hải Phòng	5215	15K-227.58	Hải Phòng	6215	15K-256.95	Hải Phòng			
4216	15K-239.55	Hải Phòng	5216	15K-227.85	Hải Phòng	6216	15K-257.38	Hải Phòng			
4217	15K-243.18	Hải Phòng	5217	15K-236.38	Hải Phòng	6217	15K-258.29	Hải Phòng			
4218	15K-244.79	Hải Phòng	5218	15K-237.68	Hải Phòng	6218	15K-264.26	Hải Phòng			
4219	15K-245.28	Hải Phòng	5219	15K-238.19	Hải Phòng	6219	15K-264.29	Hải Phòng			
4220	15K-247.08	Hải Phòng	5220	15K-240.09	Hải Phòng	6220	15K-264.36	Hải Phòng			
4221	15K-247.66	Hải Phòng	5221	15K-240.66	Hải Phòng	6221	15K-265.08	Hải Phòng			
4222	15K-248.42	Hải Phòng	5222	15K-242.44	Hải Phòng	6222	15K-267.18	Hải Phòng			
4223	15K-249.85	Hải Phòng	5223	15K-242.85	Hải Phòng	6223	15K-267.38	Hải Phòng			
4224	15K-249.94	Hải Phòng	5224	15K-243.83	Hải Phòng	6224	15K-267.95	Hải Phòng			
4225	15K-252.83	Hải Phòng	5225	15K-246.79	Hải Phòng	6225	15K-268.15	Hải Phòng			
4226	15K-253.29	Hải Phòng	5226	15K-247.55	Hải Phòng	6226	15K-269.15	Hải Phòng			
4227	15K-253.58	Hải Phòng	5227	15K-251.96	Hải Phòng	6227	15K-270.38	Hải Phòng			
4228	15K-257.26	Hải Phòng	5228	15K-254.89	Hải Phòng	6228	15K-271.06	Hải Phòng			
4229	15K-257.65	Hải Phòng	5229	15K-255.83	Hải Phòng	6229	15K-271.71	Hải Phòng			
4230	15K-258.15	Hải Phòng	5230	15K-257.75	Hải Phòng	6230	17A-402.22	Thái Bình			
4231	15K-261.44	Hải Phòng	5231	15K-258.65	Hải Phòng	6231	17A-404.69	Thái Bình			
4232	15K-264.55	Hải Phòng	5232	15K-259.35	Hải Phòng	6232	17A-411.58	Thái Bình			
4233	15K-266.09	Hải Phòng	5233	15K-260.60	Hải Phòng	6233	17A-412.38	Thái Bình			
4234	15K-270.66	Hải Phòng	5234	15K-260.85	Hải Phòng	6234	17A-416.86	Thái Bình			
4235	15K-271.11	Hải Phòng	5235	15K-260.95	Hải Phòng	6235	17A-416.95	Thái Bình			
4236	15K-271.33	Hải Phòng	5236	15K-263.56	Hải Phòng	6236	17A-420.28	Thái Bình			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4237	15K-271.44	Hải Phòng	5237	15K-264.56	Hải Phòng	6237	17A-421.25	Thái Bình			
4238	15K-271.66	Hải Phòng	5238	15K-264.77	Hải Phòng	6238	17A-424.96	Thái Bình			
4239	17A-408.88	Thái Bình	5239	15K-265.65	Hải Phòng	6239	17A-426.36	Thái Bình			
4240	17A-412.39	Thái Bình	5240	15K-267.55	Hải Phòng	6240	17A-426.65	Thái Bình			
4241	17A-416.98	Thái Bình	5241	15K-268.26	Hải Phòng	6241	17A-429.09	Thái Bình			
4242	17A-417.58	Thái Bình	5242	15K-271.27	Hải Phòng	6242	17A-431.89	Thái Bình			
4243	17A-420.38	Thái Bình	5243	17A-413.19	Thái Bình	6243	17A-432.56	Thái Bình			
4244	17A-422.95	Thái Bình	5244	17A-415.75	Thái Bình	6244	17A-435.68	Thái Bình			
4245	17A-424.69	Thái Bình	5245	17A-415.95	Thái Bình	6245	17A-437.16	Thái Bình			
4246	17A-425.55	Thái Bình	5246	17A-418.35	Thái Bình	6246	17A-439.98	Thái Bình			
4247	17A-426.22	Thái Bình	5247	17A-418.83	Thái Bình	6247	17A-440.36	Thái Bình			
4248	17A-428.69	Thái Bình	5248	17A-418.96	Thái Bình	6248	18A-402.69	Nam Định			
4249	17A-429.28	Thái Bình	5249	17A-422.00	Thái Bình	6249	18A-406.08	Nam Định			
4250	17A-429.98	Thái Bình	5250	17A-423.06	Thái Bình	6250	18A-408.39	Nam Định			
4251	17A-430.30	Thái Bình	5251	17A-429.06	Thái Bình	6251	18A-409.96	Nam Định			
4252	17A-430.36	Thái Bình	5252	17A-429.08	Thái Bình	6252	18A-410.56	Nam Định			
4253	17A-432.22	Thái Bình	5253	17A-429.26	Thái Bình	6253	18A-412.13	Nam Định			
4254	17A-432.58	Thái Bình	5254	17A-429.35	Thái Bình	6254	18A-413.25	Nam Định			
4255	17A-434.59	Thái Bình	5255	17A-429.79	Thái Bình	6255	18A-415.08	Nam Định			
4256	17A-435.26	Thái Bình	5256	17A-431.25	Thái Bình	6256	18A-415.25	Nam Định			
4257	17A-437.98	Thái Bình	5257	17A-431.95	Thái Bình	6257	18A-415.38	Nam Định			
4258	17A-438.15	Thái Bình	5258	17A-432.00	Thái Bình	6258	18A-416.29	Nam Định			
4259	17A-439.59	Thái Bình	5259	17A-433.96	Thái Bình	6259	18A-417.08	Nam Định			
4260	17A-441.55	Thái Bình	5260	17A-434.36	Thái Bình	6260	18A-417.25	Nam Định			
4261	17C-192.79	Thái Bình	5261	17A-435.18	Thái Bình	6261	18A-421.68	Nam Định			
4262	17C-202.20	Thái Bình	5262	17A-436.96	Thái Bình	6262	18A-423.38	Nam Định			
4263	18A-400.55	Nam Định	5263	17C-195.88	Thái Bình	6263	18A-425.26	Nam Định			
4264	18A-405.09	Nam Định	5264	17C-199.39	Thái Bình	6264	18A-425.44	Nam Định			
4265	18A-409.26	Nam Định	5265	17C-199.94	Thái Bình	6265	18A-425.86	Nam Định			
4266	18A-409.90	Nam Định	5266	17C-202.36	Thái Bình	6266	18A-426.98	Nam Định			
4267	18A-410.83	Nam Định	5267	18A-402.09	Nam Định	6267	18A-430.39	Nam Định			
4268	18A-417.28	Nam Định	5268	18A-407.16	Nam Định	6268	18A-431.96	Nam Định			
4269	18A-417.71	Nam Định	5269	18A-408.08	Nam Định	6269	18A-432.00	Nam Định			
4270	18A-420.95	Nam Định	5270	18A-410.15	Nam Định	6270	18A-432.26	Nam Định			
4271	18A-423.69	Nam Định	5271	18A-411.15	Nam Định	6271	18A-432.39	Nam Định			
4272	18A-424.06	Nam Định	5272	18A-411.68	Nam Định	6272	18A-433.38	Nam Định			
4273	18A-427.36	Nam Định	5273	18A-411.69	Nam Định	6273	18C-152.18	Nam Định			
4274	18A-427.98	Nam Định	5274	18A-413.18	Nam Định	6274	18C-156.19	Nam Định			
4275	18A-428.99	Nam Định	5275	18A-416.96	Nam Định	6275	19A-562.66	Phú Thọ			
4276	18A-429.33	Nam Định	5276	18A-417.38	Nam Định	6276	19A-574.66	Phú Thọ			
4277	18A-429.38	Nam Định	5277	18A-417.85	Nam Định	6277	19A-576.69	Phú Thọ			
4278	18A-429.83	Nam Định	5278	18A-417.98	Nam Định	6278	19A-579.36	Phú Thọ			
4279	18A-433.22	Nam Định	5279	18A-419.89	Nam Định	6279	19A-581.86	Phú Thọ			
4280	18A-433.55	Nam Định	5280	18A-420.33	Nam Định	6280	19A-586.33	Phú Thọ			
4281	18A-434.68	Nam Định	5281	18A-423.08	Nam Định	6281	19A-590.38	Phú Thọ			
4282	18C-151.11	Nam Định	5282	18A-424.08	Nam Định	6282	19A-597.28	Phú Thọ			
4283	18C-151.89	Nam Định	5283	18A-424.88	Nam Định	6283	19A-599.96	Phú Thọ			
4284	18C-155.99	Nam Định	5284	18A-426.25	Nam Định	6284	19A-601.19	Phú Thọ			
4285	19A-562.88	Phú Thọ	5285	18A-428.29	Nam Định	6285	19A-602.86	Phú Thọ			
4286	19A-580.16	Phú Thọ	5286	18A-429.66	Nam Định	6286	19A-604.85	Phú Thọ			
4287	19A-583.09	Phú Thọ	5287	18A-429.95	Nam Định	6287	19A-604.89	Phú Thọ			
4288	19A-586.08	Phú Thọ	5288	18A-431.98	Nam Định	6288	19A-608.29	Phú Thọ			
4289	19A-590.18	Phú Thọ	5289	18A-435.28	Nam Định	6289	19A-608.44	Phú Thọ			
4290	19A-590.68	Phú Thọ	5290	18A-435.36	Nam Định	6290	19A-609.86	Phú Thọ			
4291	19A-592.39	Phú Thọ	5291	18C-156.59	Nam Định	6291	19A-611.79	Phú Thọ			
4292	19A-593.39	Phú Thọ	5292	18C-157.89	Nam Định	6292	19A-611.98	Phú Thọ			
4293	19A-596.22	Phú Thọ	5293	18C-158.59	Nam Định	6293	19A-612.79	Phú Thọ			
4294	19A-598.22	Phú Thọ	5294	19A-574.79	Phú Thọ	6294	19A-613.59	Phú Thọ			
4295	19A-599.63	Phú Thọ	5295	19A-579.56	Phú Thọ	6295	19A-614.14	Phú Thọ			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4296	19A-600.80	Phú Thọ	5296	19A-593.85	Phú Thọ	6296	19A-615.44	Phú Thọ			
4297	19A-602.00	Phú Thọ	5297	19A-599.18	Phú Thọ	6297	19A-619.72	Phú Thọ			
4298	19A-603.03	Phú Thọ	5298	19A-600.22	Phú Thọ	6298	19A-619.95	Phú Thọ			
4299	19A-605.28	Phú Thọ	5299	19A-602.15	Phú Thọ	6299	19C-235.69	Phú Thọ			
4300	19A-605.29	Phú Thọ	5300	19A-602.79	Phú Thọ	6300	20A-715.89	Thái Nguyên			
4301	19A-606.85	Phú Thọ	5301	19A-603.00	Phú Thọ	6301	20A-719.16	Thái Nguyên			
4302	19A-612.35	Phú Thọ	5302	19A-603.85	Phú Thọ	6302	20A-728.82	Thái Nguyên			
4303	19A-613.16	Phú Thọ	5303	19A-605.66	Phú Thọ	6303	20A-729.22	Thái Nguyên			
4304	19A-615.15	Phú Thọ	5304	19A-605.98	Phú Thọ	6304	20A-731.59	Thái Nguyên			
4305	19A-617.39	Phú Thọ	5305	19A-606.16	Phú Thọ	6305	20A-732.65	Thái Nguyên			
4306	19A-618.11	Phú Thọ	5306	19A-610.28	Phú Thọ	6306	20A-733.92	Thái Nguyên			
4307	19A-618.33	Phú Thọ	5307	19A-612.55	Phú Thọ	6307	20A-734.88	Thái Nguyên			
4308	19A-618.39	Phú Thọ	5308	19A-613.65	Phú Thọ	6308	20A-736.68	Thái Nguyên			
4309	19A-618.89	Phú Thọ	5309	19A-615.79	Phú Thọ	6309	20A-740.08	Thái Nguyên			
4310	19C-232.88	Phú Thọ	5310	19A-618.59	Phú Thọ	6310	20A-740.77	Thái Nguyên			
4311	19C-236.63	Phú Thọ	5311	19A-620.62	Phú Thọ	6311	20A-742.89	Thái Nguyên			
4312	19C-236.79	Phú Thọ	5312	20A-720.99	Thái Nguyên	6312	20A-742.95	Thái Nguyên			
4313	20A-715.39	Thái Nguyên	5313	20A-727.99	Thái Nguyên	6313	20A-748.99	Thái Nguyên			
4314	20A-735.36	Thái Nguyên	5314	20A-730.09	Thái Nguyên	6314	20A-749.68	Thái Nguyên			
4315	20A-737.33	Thái Nguyên	5315	20A-737.06	Thái Nguyên	6315	20A-751.44	Thái Nguyên			
4316	20A-740.79	Thái Nguyên	5316	20A-737.78	Thái Nguyên	6316	20A-751.83	Thái Nguyên			
4317	20A-742.69	Thái Nguyên	5317	20A-737.88	Thái Nguyên	6317	20A-752.59	Thái Nguyên			
4318	20A-743.11	Thái Nguyên	5318	20A-738.16	Thái Nguyên	6318	20A-752.85	Thái Nguyên			
4319	20A-743.79	Thái Nguyên	5319	20A-739.08	Thái Nguyên	6319	20A-753.39	Thái Nguyên			
4320	20A-745.83	Thái Nguyên	5320	20A-741.85	Thái Nguyên	6320	20A-755.44	Thái Nguyên			
4321	20A-746.89	Thái Nguyên	5321	20A-744.47	Thái Nguyên	6321	20A-755.58	Thái Nguyên			
4322	20A-749.74	Thái Nguyên	5322	20A-745.54	Thái Nguyên	6322	20A-758.83	Thái Nguyên			
4323	20A-751.26	Thái Nguyên	5323	20A-745.58	Thái Nguyên	6323	20A-762.00	Thái Nguyên			
4324	20A-751.69	Thái Nguyên	5324	20A-746.59	Thái Nguyên	6324	20C-273.86	Thái Nguyên			
4325	20A-752.33	Thái Nguyên	5325	20A-746.99	Thái Nguyên	6325	20C-281.85	Thái Nguyên			
4326	20A-752.52	Thái Nguyên	5326	20A-750.00	Thái Nguyên	6326	20C-282.22	Thái Nguyên			
4327	20A-752.55	Thái Nguyên	5327	20A-751.59	Thái Nguyên	6327	20C-283.38	Thái Nguyên			
4328	20A-755.00	Thái Nguyên	5328	20A-755.83	Thái Nguyên	6328	20C-286.79	Thái Nguyên			
4329	20A-758.33	Thái Nguyên	5329	20A-756.77	Thái Nguyên	6329	21A-182.79	Yên Bái			
4330	20A-759.77	Thái Nguyên	5330	20A-757.68	Thái Nguyên	6330	21A-183.77	Yên Bái			
4331	20A-763.25	Thái Nguyên	5331	20A-758.38	Thái Nguyên	6331	21A-186.83	Yên Bái			
4332	20A-763.88	Thái Nguyên	5332	20A-761.99	Thái Nguyên	6332	21A-190.15	Yên Bái			
4333	20A-764.18	Thái Nguyên	5333	20A-762.28	Thái Nguyên	6333	21A-192.93	Yên Bái			
4334	20C-279.09	Thái Nguyên	5334	20A-763.36	Thái Nguyên	6334	21A-193.58	Yên Bái			
4335	20C-279.97	Thái Nguyên	5335	20A-763.85	Thái Nguyên	6335	21C-098.16	Yên Bái			
4336	20C-280.56	Thái Nguyên	5336	20C-269.68	Thái Nguyên	6336	22A-221.11	Tuyên Quang			
4337	20C-281.33	Thái Nguyên	5337	20C-275.89	Thái Nguyên	6337	22A-222.95	Tuyên Quang			
4338	20C-283.69	Thái Nguyên	5338	20C-280.79	Thái Nguyên	6338	22A-224.68	Tuyên Quang			
4339	20C-284.88	Thái Nguyên	5339	20C-280.99	Thái Nguyên	6339	22A-227.16	Tuyên Quang			
4340	21A-184.86	Yên Bái	5340	20C-281.56	Thái Nguyên	6340	22A-227.39	Tuyên Quang			
4341	21A-190.66	Yên Bái	5341	20C-283.06	Thái Nguyên	6341	22A-228.65	Tuyên Quang			
4342	21A-191.08	Yên Bái	5342	20C-284.33	Thái Nguyên	6342	22A-229.86	Tuyên Quang			
4343	21A-192.25	Yên Bái	5343	20C-284.84	Thái Nguyên	6343	22A-229.93	Tuyên Quang			
4344	21A-193.09	Yên Bái	5344	20C-285.69	Thái Nguyên	6344	22A-234.18	Tuyên Quang			
4345	21C-096.59	Yên Bái	5345	20C-286.55	Thái Nguyên	6345	22C-099.58	Tuyên Quang			
4346	21C-097.09	Yên Bái	5346	21A-182.69	Yên Bái	6346	22C-101.89	Tuyên Quang			
4347	21C-099.22	Yên Bái	5347	21A-183.93	Yên Bái	6347	23A-135.88	Hà Giang			
4348	22A-212.79	Tuyên Quang	5348	21A-187.15	Yên Bái	6348	23A-135.99	Hà Giang			
4349	22A-214.69	Tuyên Quang	5349	21A-188.35	Yên Bái	6349	23A-137.36	Hà Giang			
4350	22A-219.55	Tuyên Quang	5350	21A-189.15	Yên Bái	6350	23A-139.58	Hà Giang			
4351	22A-220.77	Tuyên Quang	5351	21A-189.19	Yên Bái	6351	23A-139.83	Hà Giang			
4352	22A-230.06	Tuyên Quang	5352	21A-194.88	Yên Bái	6352	23A-143.83	Hà Giang			
4353	22A-233.44	Tuyên Quang	5353	21A-194.94	Yên Bái	6353	24A-260.09	Lào Cai			
4354	22A-234.88	Tuyên Quang	5354	21C-099.08	Yên Bái	6354	24A-261.61	Lào Cai			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4355	22A-235.15	Tuyên Quang	5355	21C-099.15	Yên Bái	6355	24A-263.26	Lào Cai			
4356	22A-235.28	Tuyên Quang	5356	22A-213.89	Tuyên Quang	6356	24A-263.39	Lào Cai			
4357	22C-099.38	Tuyên Quang	5357	22A-216.99	Tuyên Quang	6357	24A-264.36	Lào Cai			
4358	22C-100.00	Tuyên Quang	5358	22A-218.59	Tuyên Quang	6358	24A-264.58	Lào Cai			
4359	22C-100.79	Tuyên Quang	5359	22A-221.56	Tuyên Quang	6359	24A-265.26	Lào Cai			
4360	23A-137.88	Hà Giang	5360	22A-223.29	Tuyên Quang	6360	24A-266.08	Lào Cai			
4361	23A-137.95	Hà Giang	5361	22A-225.99	Tuyên Quang	6361	24A-266.39	Lào Cai			
4362	23A-140.18	Hà Giang	5362	22A-226.23	Tuyên Quang	6362	24A-267.33	Lào Cai			
4363	23A-140.22	Hà Giang	5363	22A-226.33	Tuyên Quang	6363	24A-270.25	Lào Cai			
4364	23A-141.29	Hà Giang	5364	22A-228.79	Tuyên Quang	6364	24A-272.15	Lào Cai			
4365	23A-144.41	Hà Giang	5365	22A-231.79	Tuyên Quang	6365	24A-274.25	Lào Cai			
4366	23A-144.68	Hà Giang	5366	22A-235.86	Tuyên Quang	6366	24C-147.47	Lào Cai			
4367	23A-145.55	Hà Giang	5367	23A-137.00	Hà Giang	6367	24C-148.89	Lào Cai			
4368	23A-146.11	Hà Giang	5368	23A-137.66	Hà Giang	6368	24C-149.98	Lào Cai			
4369	23C-079.19	Hà Giang	5369	23A-137.79	Hà Giang	6369	24C-152.55	Lào Cai			
4370	23C-080.22	Hà Giang	5370	23A-137.83	Hà Giang	6370	24C-152.89	Lào Cai			
4371	24A-260.06	Lào Cai	5371	23A-138.22	Hà Giang	6371	24C-153.00	Lào Cai			
4372	24A-261.00	Lào Cai	5372	23A-138.86	Hà Giang	6372	24C-153.35	Lào Cai			
4373	24A-262.18	Lào Cai	5373	23A-139.59	Hà Giang	6373	25A-071.86	Lai Châu			
4374	24A-265.09	Lào Cai	5374	23A-141.68	Hà Giang	6374	25A-072.09	Lai Châu			
4375	24A-266.55	Lào Cai	5375	23A-142.99	Hà Giang	6375	25A-072.38	Lai Châu			
4376	24A-267.58	Lào Cai	5376	23A-143.33	Hà Giang	6376	25A-073.86	Lai Châu			
4377	24A-269.06	Lào Cai	5377	23A-144.14	Hà Giang	6377	26A-191.88	Sơn La			
4378	24A-269.83	Lào Cai	5378	23A-144.19	Hà Giang	6378	26A-195.33	Sơn La			
4379	24A-272.59	Lào Cai	5379	23A-145.65	Hà Giang	6379	26A-195.98	Sơn La			
4380	24A-273.68	Lào Cai	5380	23A-145.77	Hà Giang	6380	26A-196.16	Sơn La			
4381	24A-274.27	Lào Cai	5381	23C-080.36	Hà Giang	6381	26A-198.33	Sơn La			
4382	24C-147.68	Lào Cai	5382	23C-080.95	Hà Giang	6382	26A-198.59	Sơn La			
4383	24C-147.79	Lào Cai	5383	24A-260.83	Lào Cai	6383	26A-200.25	Sơn La			
4384	24C-148.39	Lào Cai	5384	24A-261.18	Lào Cai	6384	26A-200.38	Sơn La			
4385	24C-149.44	Lào Cai	5385	24A-262.28	Lào Cai	6385	26A-202.09	Sơn La			
4386	24C-151.18	Lào Cai	5386	24A-263.86	Lào Cai	6386	26A-204.56	Sơn La			
4387	24C-151.56	Lào Cai	5387	24A-266.16	Lào Cai	6387	26A-204.58	Sơn La			
4388	24C-152.22	Lào Cai	5388	24A-268.08	Lào Cai	6388	27A-105.22	Điện Biên			
4389	24C-152.33	Lào Cai	5389	24A-268.33	Lào Cai	6389	27A-106.33	Điện Biên			
4390	24C-152.59	Lào Cai	5390	24A-270.88	Lào Cai	6390	27A-107.89	Điện Biên			
4391	25A-072.72	Lai Châu	5391	24A-272.36	Lào Cai	6391	27C-065.38	Điện Biên			
4392	25A-074.69	Lai Châu	5392	24C-147.89	Lào Cai	6392	28A-216.88	Hòa Bình			
4393	26A-187.69	Sơn La	5393	24C-150.15	Lào Cai	6393	28A-218.59	Hòa Bình			
4394	26A-193.69	Sơn La	5394	24C-150.26	Lào Cai	6394	28A-219.29	Hòa Bình			
4395	26A-196.93	Sơn La	5395	25A-074.18	Lai Châu	6395	28A-220.85	Hòa Bình			
4396	26A-198.66	Sơn La	5396	26A-193.22	Sơn La	6396	28A-225.05	Hòa Bình			
4397	26A-199.09	Sơn La	5397	26A-200.06	Sơn La	6397	28A-227.85	Hòa Bình			
4398	26A-200.69	Sơn La	5398	26A-202.58	Sơn La	6398	28A-229.89	Hòa Bình			
4399	26A-201.09	Sơn La	5399	26A-203.86	Sơn La	6399	28A-230.58	Hòa Bình			
4400	26A-203.39	Sơn La	5400	26C-145.86	Sơn La	6400	28A-230.89	Hòa Bình			
4401	26A-203.66	Sơn La	5401	27A-106.36	Điện Biên	6401	28A-232.98	Hòa Bình			
4402	26A-203.77	Sơn La	5402	28A-221.16	Hòa Bình	6402	28C-102.69	Hòa Bình			
4403	26A-203.88	Sơn La	5403	28A-222.77	Hòa Bình	6403	28C-107.19	Hòa Bình			
4404	26A-204.08	Sơn La	5404	28A-226.59	Hòa Bình	6404	28C-107.22	Hòa Bình			
4405	26A-205.18	Sơn La	5405	28A-228.56	Hòa Bình	6405	28C-107.85	Hòa Bình			
4406	26A-205.25	Sơn La	5406	28A-228.69	Hòa Bình	6406	29K-085.89	Hà Nội			
4407	26A-205.33	Sơn La	5407	28A-228.98	Hòa Bình	6407	29K-088.00	Hà Nội			
4408	26A-206.39	Sơn La	5408	28A-229.56	Hòa Bình	6408	29K-090.09	Hà Nội			
4409	26C-137.89	Sơn La	5409	28A-229.59	Hòa Bình	6409	29K-101.66	Hà Nội			
4410	26C-145.39	Sơn La	5410	28A-231.38	Hòa Bình	6410	29K-101.89	Hà Nội			
4411	26C-146.18	Sơn La	5411	28A-231.83	Hòa Bình	6411	29K-102.86	Hà Nội			
4412	27A-108.22	Điện Biên	5412	28C-101.86	Hòa Bình	6412	29K-115.55	Hà Nội			
4413	27A-109.93	Điện Biên	5413	28C-103.77	Hòa Bình	6413	29K-115.88	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4414	27C-063.39	Điện Biên	5414	28C-105.26	Hòa Bình	6414	29K-118.36	Hà Nội			
4415	28A-216.86	Hòa Bình	5415	28C-105.33	Hòa Bình	6415	29K-121.69	Hà Nội			
4416	28A-222.89	Hòa Bình	5416	28C-106.96	Hòa Bình	6416	29K-123.68	Hà Nội			
4417	28A-227.55	Hòa Bình	5417	29K-083.88	Hà Nội	6417	29K-127.66	Hà Nội			
4418	28A-227.65	Hòa Bình	5418	29K-092.86	Hà Nội	6418	29K-130.22	Hà Nội			
4419	28A-229.82	Hòa Bình	5419	29K-095.39	Hà Nội	6419	29K-131.79	Hà Nội			
4420	28A-230.15	Hòa Bình	5420	29K-096.86	Hà Nội	6420	29K-138.68	Hà Nội			
4421	28A-232.29	Hòa Bình	5421	29K-097.99	Hà Nội	6421	29K-143.33	Hà Nội			
4422	28C-106.77	Hòa Bình	5422	29K-103.66	Hà Nội	6422	34A-736.88	Hải Dương			
4423	29D-577.16	Hà Nội	5423	29K-108.99	Hà Nội	6423	34A-740.79	Hải Dương			
4424	29K-084.44	Hà Nội	5424	29K-113.06	Hà Nội	6424	34A-744.68	Hải Dương			
4425	29K-085.86	Hà Nội	5425	29K-113.99	Hà Nội	6425	34A-748.68	Hải Dương			
4426	29K-091.86	Hà Nội	5426	29K-117.26	Hà Nội	6426	34A-753.33	Hải Dương			
4427	29K-102.79	Hà Nội	5427	29K-118.68	Hà Nội	6427	34A-755.69	Hải Dương			
4428	29K-111.22	Hà Nội	5428	29K-119.19	Hà Nội	6428	34A-759.63	Hải Dương			
4429	29K-117.17	Hà Nội	5429	29K-129.58	Hà Nội	6429	34A-763.25	Hải Dương			
4430	29K-119.08	Hà Nội	5430	29K-129.69	Hà Nội	6430	34A-763.56	Hải Dương			
4431	29K-122.88	Hà Nội	5431	29K-130.86	Hà Nội	6431	34A-765.16	Hải Dương			
4432	29K-125.16	Hà Nội	5432	29K-136.19	Hà Nội	6432	34A-766.16	Hải Dương			
4433	29K-125.18	Hà Nội	5433	34A-744.66	Hải Dương	6433	34A-770.86	Hải Dương			
4434	29K-125.29	Hà Nội	5434	34A-755.96	Hải Dương	6434	34A-771.95	Hải Dương			
4435	29K-135.69	Hà Nội	5435	34A-757.39	Hải Dương	6435	34A-772.26	Hải Dương			
4436	29K-139.19	Hà Nội	5436	34A-758.98	Hải Dương	6436	34A-772.73	Hải Dương			
4437	34A-742.86	Hải Dương	5437	34A-759.09	Hải Dương	6437	34A-777.46	Hải Dương			
4438	34A-759.16	Hải Dương	5438	34A-760.09	Hải Dương	6438	34A-778.16	Hải Dương			
4439	34A-759.18	Hải Dương	5439	34A-762.18	Hải Dương	6439	34A-781.09	Hải Dương			
4440	34A-760.65	Hải Dương	5440	34A-762.66	Hải Dương	6440	34A-781.88	Hải Dương			
4441	34A-767.28	Hải Dương	5441	34A-763.06	Hải Dương	6441	34A-782.59	Hải Dương			
4442	34A-769.25	Hải Dương	5442	34A-764.18	Hải Dương	6442	34A-784.29	Hải Dương			
4443	34A-771.22	Hải Dương	5443	34A-764.85	Hải Dương	6443	34A-785.35	Hải Dương			
4444	34A-773.18	Hải Dương	5444	34A-764.89	Hải Dương	6444	34A-786.63	Hải Dương			
4445	34A-773.88	Hải Dương	5445	34A-765.66	Hải Dương	6445	34A-787.65	Hải Dương			
4446	34A-777.44	Hải Dương	5446	34A-767.29	Hải Dương	6446	34A-790.55	Hải Dương			
4447	34A-779.29	Hải Dương	5447	34A-769.00	Hải Dương	6447	34A-793.79	Hải Dương			
4448	34A-782.35	Hải Dương	5448	34A-771.99	Hải Dương	6448	34A-796.44	Hải Dương			
4449	34A-785.99	Hải Dương	5449	34A-775.75	Hải Dương	6449	34A-796.83	Hải Dương			
4450	34A-788.68	Hải Dương	5450	34A-776.18	Hải Dương	6450	34A-798.82	Hải Dương			
4451	34A-789.06	Hải Dương	5451	34A-778.09	Hải Dương	6451	34A-799.09	Hải Dương			
4452	34A-789.44	Hải Dương	5452	34A-778.36	Hải Dương	6452	34A-802.20	Hải Dương			
4453	34A-790.00	Hải Dương	5453	34A-778.59	Hải Dương	6453	34A-803.63	Hải Dương			
4454	34A-791.44	Hải Dương	5454	34A-779.83	Hải Dương	6454	34C-392.28	Hải Dương			
4455	34A-791.69	Hải Dương	5455	34A-781.82	Hải Dương	6455	34C-394.38	Hải Dương			
4456	34A-792.56	Hải Dương	5456	34A-784.83	Hải Dương	6456	34C-394.96	Hải Dương			
4457	34A-793.58	Hải Dương	5457	34A-786.55	Hải Dương	6457	34C-398.88	Hải Dương			
4458	34A-795.28	Hải Dương	5458	34A-788.96	Hải Dương	6458	35A-381.88	Ninh Bình			
4459	34A-796.85	Hải Dương	5459	34A-790.68	Hải Dương	6459	35A-390.68	Ninh Bình			
4460	34A-796.96	Hải Dương	5460	34A-792.11	Hải Dương	6460	35A-397.11	Ninh Bình			
4461	34A-797.00	Hải Dương	5461	34A-793.29	Hải Dương	6461	35A-397.22	Ninh Bình			
4462	34A-797.16	Hải Dương	5462	34A-796.33	Hải Dương	6462	35A-397.26	Ninh Bình			
4463	34A-801.02	Hải Dương	5463	34C-389.98	Hải Dương	6463	35A-397.98	Ninh Bình			
4464	34A-801.56	Hải Dương	5464	34C-391.19	Hải Dương	6464	35A-401.55	Ninh Bình			
4465	34A-801.77	Hải Dương	5465	34C-392.85	Hải Dương	6465	35A-402.58	Ninh Bình			
4466	34A-801.98	Hải Dương	5466	34C-394.33	Hải Dương	6466	35A-402.65	Ninh Bình			
4467	34C-390.09	Hải Dương	5467	34C-395.25	Hải Dương	6467	35A-402.89	Ninh Bình			
4468	34C-390.39	Hải Dương	5468	34C-395.66	Hải Dương	6468	35A-405.56	Ninh Bình			
4469	34C-393.77	Hải Dương	5469	34C-397.95	Hải Dương	6469	35A-408.38	Ninh Bình			
4470	34C-394.16	Hải Dương	5470	34C-398.65	Hải Dương	6470	35A-408.77	Ninh Bình			
4471	34C-394.35	Hải Dương	5471	34C-398.85	Hải Dương	6471	35A-409.68	Ninh Bình			
4472	34C-394.39	Hải Dương	5472	35A-385.79	Ninh Bình	6472	35A-410.26	Ninh Bình			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4473	34C-394.86	Hải Dương	5473	35A-389.39	Ninh Bình	6473	35A-411.19	Ninh Bình			
4474	34C-395.28	Hải Dương	5474	35A-392.16	Ninh Bình	6474	35A-411.36	Ninh Bình			
4475	34C-395.36	Hải Dương	5475	35A-392.58	Ninh Bình	6475	35C-157.99	Ninh Bình			
4476	34C-396.11	Hải Dương	5476	35A-395.98	Ninh Bình	6476	35C-158.36	Ninh Bình			
4477	35A-381.86	Ninh Bình	5477	35A-396.26	Ninh Bình	6477	35C-160.26	Ninh Bình			
4478	35A-386.69	Ninh Bình	5478	35A-397.68	Ninh Bình	6478	35C-162.39	Ninh Bình			
4479	35A-391.92	Ninh Bình	5479	35A-398.36	Ninh Bình	6479	36C-456.38	Thanh Hóa			
4480	35A-392.19	Ninh Bình	5480	35A-399.56	Ninh Bình	6480	36C-456.59	Thanh Hóa			
4481	35A-394.08	Ninh Bình	5481	35A-405.18	Ninh Bình	6481	36C-459.69	Thanh Hóa			
4482	35A-394.16	Ninh Bình	5482	35A-406.11	Ninh Bình	6482	36K-025.86	Thanh Hóa			
4483	35A-394.59	Ninh Bình	5483	35A-407.44	Ninh Bình	6483	36K-027.16	Thanh Hóa			
4484	35A-395.16	Ninh Bình	5484	35A-410.19	Ninh Bình	6484	36K-027.33	Thanh Hóa			
4485	35A-395.36	Ninh Bình	5485	35A-410.22	Ninh Bình	6485	36K-028.77	Thanh Hóa			
4486	35A-396.44	Ninh Bình	5486	35A-411.79	Ninh Bình	6486	36K-029.86	Thanh Hóa			
4487	35A-401.06	Ninh Bình	5487	35A-412.96	Ninh Bình	6487	36K-038.65	Thanh Hóa			
4488	35A-401.28	Ninh Bình	5488	35C-155.88	Ninh Bình	6488	36K-041.89	Thanh Hóa			
4489	35A-403.59	Ninh Bình	5489	35C-159.19	Ninh Bình	6489	36K-042.44	Thanh Hóa			
4490	35A-403.98	Ninh Bình	5490	35C-159.86	Ninh Bình	6490	37C-506.26	Nghệ An			
4491	35A-406.59	Ninh Bình	5491	35C-162.61	Ninh Bình	6491	37C-512.21	Nghệ An			
4492	35A-412.44	Ninh Bình	5492	36C-457.75	Thanh Hóa	6492	37C-514.08	Nghệ An			
4493	36C-455.56	Thanh Hóa	5493	36K-023.38	Thanh Hóa	6493	37K-250.86	Nghệ An			
4494	36C-458.85	Thanh Hóa	5494	36K-026.39	Thanh Hóa	6494	37K-253.79	Nghệ An			
4495	36C-459.15	Thanh Hóa	5495	36K-027.79	Thanh Hóa	6495	37K-254.66	Nghệ An			
4496	36K-023.86	Thanh Hóa	5496	36K-029.36	Thanh Hóa	6496	37K-261.39	Nghệ An			
4497	36K-025.96	Thanh Hóa	5497	36K-029.56	Thanh Hóa	6497	37K-262.69	Nghệ An			
4498	36K-025.99	Thanh Hóa	5498	36K-031.89	Thanh Hóa	6498	37K-270.70	Nghệ An			
4499	36K-030.93	Thanh Hóa	5499	36K-033.85	Thanh Hóa	6499	37K-275.09	Nghệ An			
4500	36K-032.96	Thanh Hóa	5500	36K-034.22	Thanh Hóa	6500	37K-275.85	Nghệ An			
4501	36K-033.59	Thanh Hóa	5501	36K-035.77	Thanh Hóa	6501	37K-278.09	Nghệ An			
4502	36K-033.86	Thanh Hóa	5502	36K-035.98	Thanh Hóa	6502	37K-278.80	Nghệ An			
4503	36K-034.83	Thanh Hóa	5503	36K-036.55	Thanh Hóa	6503	37K-283.38	Nghệ An			
4504	36K-036.85	Thanh Hóa	5504	36K-038.06	Thanh Hóa	6504	37K-285.39	Nghệ An			
4505	36K-038.26	Thanh Hóa	5505	36K-039.82	Thanh Hóa	6505	37K-286.82	Nghệ An			
4506	36K-039.93	Thanh Hóa	5506	36K-040.58	Thanh Hóa	6506	37K-286.95	Nghệ An			
4507	36K-040.39	Thanh Hóa	5507	36K-041.59	Thanh Hóa	6507	37K-288.33	Nghệ An			
4508	37C-505.11	Nghệ An	5508	37C-504.28	Nghệ An	6508	37K-289.65	Nghệ An			
4509	37C-507.22	Nghệ An	5509	37C-506.44	Nghệ An	6509	37K-290.19	Nghệ An			
4510	37C-508.79	Nghệ An	5510	37C-507.15	Nghệ An	6510	37K-291.26	Nghệ An			
4511	37C-509.66	Nghệ An	5511	37C-508.28	Nghệ An	6511	37K-292.44	Nghệ An			
4512	37C-512.98	Nghệ An	5512	37C-509.05	Nghệ An	6512	37K-293.69	Nghệ An			
4513	37D-036.69	Nghệ An	5513	37C-512.51	Nghệ An	6513	37K-294.44	Nghệ An			
4514	37K-251.66	Nghệ An	5514	37C-513.35	Nghệ An	6514	37K-296.00	Nghệ An			
4515	37K-272.56	Nghệ An	5515	37C-513.69	Nghệ An	6515	37K-298.95	Nghệ An			
4516	37K-272.79	Nghệ An	5516	37D-034.43	Nghệ An	6516	37K-300.08	Nghệ An			
4517	37K-273.28	Nghệ An	5517	37K-262.79	Nghệ An	6517	37K-300.29	Nghệ An			
4518	37K-276.28	Nghệ An	5518	37K-275.35	Nghệ An	6518	37K-300.68	Nghệ An			
4519	37K-281.89	Nghệ An	5519	37K-277.72	Nghệ An	6519	37K-302.44	Nghệ An			
4520	37K-283.09	Nghệ An	5520	37K-280.11	Nghệ An	6520	37K-302.58	Nghệ An			
4521	37K-285.98	Nghệ An	5521	37K-280.29	Nghệ An	6521	37K-303.93	Nghệ An			
4522	37K-286.38	Nghệ An	5522	37K-281.82	Nghệ An	6522	37K-304.26	Nghệ An			
4523	37K-286.65	Nghệ An	5523	37K-282.39	Nghệ An	6523	37K-305.65	Nghệ An			
4524	37K-287.22	Nghệ An	5524	37K-283.99	Nghệ An	6524	37K-306.28	Nghệ An			
4525	37K-289.18	Nghệ An	5525	37K-287.96	Nghệ An	6525	37K-310.13	Nghệ An			
4526	37K-292.00	Nghệ An	5526	37K-288.36	Nghệ An	6526	37K-314.16	Nghệ An			
4527	37K-292.35	Nghệ An	5527	37K-291.16	Nghệ An	6527	37K-314.33	Nghệ An			
4528	37K-294.95	Nghệ An	5528	37K-295.44	Nghệ An	6528	37K-315.16	Nghệ An			
4529	37K-295.92	Nghệ An	5529	37K-295.68	Nghệ An	6529	37K-316.98	Nghệ An			
4530	37K-296.08	Nghệ An	5530	37K-296.86	Nghệ An	6530	37K-317.26	Nghệ An			
4531	37K-299.28	Nghệ An	5531	37K-298.33	Nghệ An	6531	37K-317.88	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4532	37K-301.77	Nghệ An	5532	37K-299.00	Nghệ An	6532	38A-572.89	Hà Tĩnh			
4533	37K-306.44	Nghệ An	5533	37K-301.02	Nghệ An	6533	38A-579.38	Hà Tĩnh			
4534	37K-307.85	Nghệ An	5534	37K-301.69	Nghệ An	6534	38A-579.58	Hà Tĩnh			
4535	37K-308.28	Nghệ An	5535	37K-301.86	Nghệ An	6535	38A-579.77	Hà Tĩnh			
4536	37K-309.06	Nghệ An	5536	37K-303.56	Nghệ An	6536	38A-583.18	Hà Tĩnh			
4537	37K-313.00	Nghệ An	5537	37K-303.63	Nghệ An	6537	38A-585.22	Hà Tĩnh			
4538	37K-313.93	Nghệ An	5538	37K-303.85	Nghệ An	6538	38A-586.18	Hà Tĩnh			
4539	37K-314.41	Nghệ An	5539	37K-305.68	Nghệ An	6539	38A-586.55	Hà Tĩnh			
4540	37K-314.95	Nghệ An	5540	37K-305.79	Nghệ An	6540	38A-586.87	Hà Tĩnh			
4541	37K-317.18	Nghệ An	5541	37K-312.35	Nghệ An	6541	38A-588.39	Hà Tĩnh			
4542	37K-317.71	Nghệ An	5542	37K-316.18	Nghệ An	6542	38A-592.26	Hà Tĩnh			
4543	37K-318.77	Nghệ An	5543	37K-317.68	Nghệ An	6543	38A-593.96	Hà Tĩnh			
4544	37K-319.78	Nghệ An	5544	37K-323.15	Nghệ An	6544	38A-594.83	Hà Tĩnh			
4545	37K-321.08	Nghệ An	5545	38A-573.89	Hà Tĩnh	6545	38A-599.65	Hà Tĩnh			
4546	37K-321.55	Nghệ An	5546	38A-575.93	Hà Tĩnh	6546	38A-599.98	Hà Tĩnh			
4547	37K-322.00	Nghệ An	5547	38A-576.08	Hà Tĩnh	6547	38A-600.06	Hà Tĩnh			
4548	37K-322.39	Nghệ An	5548	38A-578.38	Hà Tĩnh	6548	38A-600.16	Hà Tĩnh			
4549	37K-323.22	Nghệ An	5549	38A-579.18	Hà Tĩnh	6549	38A-600.33	Hà Tĩnh			
4550	38A-575.92	Hà Tĩnh	5550	38A-581.59	Hà Tĩnh	6550	38A-601.66	Hà Tĩnh			
4551	38A-576.56	Hà Tĩnh	5551	38A-587.66	Hà Tĩnh	6551	38C-209.26	Hà Tĩnh			
4552	38A-578.33	Hà Tĩnh	5552	38A-588.96	Hà Tĩnh	6552	38C-209.38	Hà Tĩnh			
4553	38A-582.56	Hà Tĩnh	5553	38A-589.19	Hà Tĩnh	6553	38C-213.08	Hà Tĩnh			
4554	38A-586.08	Hà Tĩnh	5554	38A-589.39	Hà Tĩnh	6554	38C-213.31	Hà Tĩnh			
4555	38A-588.44	Hà Tĩnh	5555	38A-590.79	Hà Tĩnh	6555	38C-215.68	Hà Tĩnh			
4556	38A-589.44	Hà Tĩnh	5556	38A-592.06	Hà Tĩnh	6556	43A-820.88	Đà Nẵng			
4557	38A-590.77	Hà Tĩnh	5557	38A-592.99	Hà Tĩnh	6557	43A-821.11	Đà Nẵng			
4558	38A-590.86	Hà Tĩnh	5558	38A-593.09	Hà Tĩnh	6558	43A-823.58	Đà Nẵng			
4559	38A-591.59	Hà Tĩnh	5559	38A-600.29	Hà Tĩnh	6559	43A-829.08	Đà Nẵng			
4560	38A-591.85	Hà Tĩnh	5560	38C-211.88	Hà Tĩnh	6560	43A-829.69	Đà Nẵng			
4561	38A-598.35	Hà Tĩnh	5561	38C-212.00	Hà Tĩnh	6561	43A-829.89	Đà Nẵng			
4562	38A-600.28	Hà Tĩnh	5562	38C-212.16	Hà Tĩnh	6562	43A-830.33	Đà Nẵng			
4563	38C-210.08	Hà Tĩnh	5563	38C-212.25	Hà Tĩnh	6563	43A-832.79	Đà Nẵng			
4564	38C-210.69	Hà Tĩnh	5564	38C-213.58	Hà Tĩnh	6564	43A-833.36	Đà Nẵng			
4565	38C-214.14	Hà Tĩnh	5565	38C-215.15	Hà Tĩnh	6565	43A-835.33	Đà Nẵng			
4566	38C-214.86	Hà Tĩnh	5566	43A-815.15	Đà Nẵng	6566	43A-838.85	Đà Nẵng			
4567	43A-800.77	Đà Nẵng	5567	43A-818.38	Đà Nẵng	6567	43A-840.18	Đà Nẵng			
4568	43A-804.66	Đà Nẵng	5568	43A-820.19	Đà Nẵng	6568	43A-841.19	Đà Nẵng			
4569	43A-812.12	Đà Nẵng	5569	43A-822.99	Đà Nẵng	6569	43A-843.22	Đà Nẵng			
4570	43A-812.39	Đà Nẵng	5570	43A-826.38	Đà Nẵng	6570	43A-844.35	Đà Nẵng			
4571	43A-816.38	Đà Nẵng	5571	43A-827.18	Đà Nẵng	6571	43A-845.66	Đà Nẵng			
4572	43A-816.78	Đà Nẵng	5572	43A-828.08	Đà Nẵng	6572	43A-846.56	Đà Nẵng			
4573	43A-819.00	Đà Nẵng	5573	43A-833.79	Đà Nẵng	6573	43A-846.86	Đà Nẵng			
4574	43A-821.33	Đà Nẵng	5574	43A-837.85	Đà Nẵng	6574	43A-847.25	Đà Nẵng			
4575	43A-821.58	Đà Nẵng	5575	43A-839.06	Đà Nẵng	6575	43A-849.68	Đà Nẵng			
4576	43A-822.69	Đà Nẵng	5576	43A-842.00	Đà Nẵng	6576	43A-851.44	Đà Nẵng			
4577	43A-826.19	Đà Nẵng	5577	43A-842.84	Đà Nẵng	6577	43A-851.68	Đà Nẵng			
4578	43A-827.39	Đà Nẵng	5578	43A-843.85	Đà Nẵng	6578	43A-852.56	Đà Nẵng			
4579	43A-831.09	Đà Nẵng	5579	43A-844.16	Đà Nẵng	6579	43C-291.19	Đà Nẵng			
4580	43A-835.99	Đà Nẵng	5580	43A-844.84	Đà Nẵng	6580	43C-292.19	Đà Nẵng			
4581	43A-838.56	Đà Nẵng	5581	43A-850.22	Đà Nẵng	6581	47A-630.99	Đắk Lắk			
4582	43A-840.79	Đà Nẵng	5582	43A-852.39	Đà Nẵng	6582	47A-638.99	Đắk Lắk			
4583	43A-841.56	Đà Nẵng	5583	43C-288.33	Đà Nẵng	6583	47A-698.08	Đắk Lắk			
4584	43A-842.19	Đà Nẵng	5584	43C-292.39	Đà Nẵng	6584	51B-703.79	Hồ Chí Minh			
4585	43A-842.59	Đà Nẵng	5585	47A-631.79	Đắk Lắk	6585	51D-911.77	Hồ Chí Minh			
4586	43A-842.88	Đà Nẵng	5586	47A-641.99	Đắk Lắk	6586	51D-916.79	Hồ Chí Minh			
4587	43A-843.55	Đà Nẵng	5587	47A-656.69	Đắk Lắk	6587	51D-917.66	Hồ Chí Minh			
4588	43A-844.59	Đà Nẵng	5588	47A-661.09	Đắk Lắk	6588	51D-918.88	Hồ Chí Minh			
4589	43A-847.00	Đà Nẵng	5589	47A-661.36	Đắk Lắk	6589	51D-923.23	Hồ Chí Minh			
4590	43A-849.96	Đà Nẵng	5590	47A-671.33	Đắk Lắk	6590	51D-924.24	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4591	43A-851.95	Đà Nẵng	5591	47A-671.65	Đắk Lắk	6591	51D-924.66	Hồ Chí Minh			
4592	43A-852.11	Đà Nẵng	5592	47A-685.28	Đắk Lắk	6592	51D-926.89	Hồ Chí Minh			
4593	43A-852.66	Đà Nẵng	5593	47A-699.28	Đắk Lắk	6593	51D-927.89	Hồ Chí Minh			
4594	43C-291.26	Đà Nẵng	5594	47A-699.56	Đắk Lắk	6594	51D-929.66	Hồ Chí Minh			
4595	47A-633.44	Đắk Lắk	5595	51B-702.79	Hồ Chí Minh	6595	51D-929.86	Hồ Chí Minh			
4596	47A-653.86	Đắk Lắk	5596	51B-703.03	Hồ Chí Minh	6596	51D-932.39	Hồ Chí Minh			
4597	47A-698.95	Đắk Lắk	5597	51D-921.99	Hồ Chí Minh	6597	51D-933.79	Hồ Chí Minh			
4598	47A-700.09	Đắk Lắk	5598	51D-922.86	Hồ Chí Minh	6598	51D-935.99	Hồ Chí Minh			
4599	51B-703.99	Hồ Chí Minh	5599	51D-925.79	Hồ Chí Minh	6599	51D-940.00	Hồ Chí Minh			
4600	51D-910.66	Hồ Chí Minh	5600	51D-925.88	Hồ Chí Minh	6600	51D-940.79	Hồ Chí Minh			
4601	51D-911.55	Hồ Chí Minh	5601	51D-931.86	Hồ Chí Minh	6601	62A-392.88	Long An			
4602	51D-912.39	Hồ Chí Minh	5602	51D-938.66	Hồ Chí Minh	6602	62A-420.22	Long An			
4603	51D-913.68	Hồ Chí Minh	5603	51D-939.66	Hồ Chí Minh	6603	62C-191.26	Long An			
4604	51D-915.68	Hồ Chí Minh	5604	51D-940.39	Hồ Chí Minh	6604	62C-191.39	Long An			
4605	51D-922.89	Hồ Chí Minh	5605	51D-941.68	Hồ Chí Minh	6605	62C-191.98	Long An			
4606	51D-923.88	Hồ Chí Minh	5606	51D-941.79	Hồ Chí Minh	6606	62C-192.26	Long An			
4607	51D-923.89	Hồ Chí Minh	5607	51D-942.69	Hồ Chí Minh	6607	62C-193.11	Long An			
4608	51D-926.68	Hồ Chí Minh	5608	51D-942.99	Hồ Chí Minh	6608	62C-193.69	Long An			
4609	51D-929.79	Hồ Chí Minh	5609	51D-943.86	Hồ Chí Minh	6609	62D-011.08	Long An			
4610	51D-932.69	Hồ Chí Minh	5610	62A-391.88	Long An	6610	63A-272.68	Tiền Giang			
4611	51D-933.44	Hồ Chí Minh	5611	62A-418.79	Long An	6611	63A-276.89	Tiền Giang			
4612	51D-933.66	Hồ Chí Minh	5612	62A-418.88	Long An	6612	63A-277.69	Tiền Giang			
4613	51D-933.77	Hồ Chí Minh	5613	62A-419.09	Long An	6613	63A-284.82	Tiền Giang			
4614	51D-933.86	Hồ Chí Minh	5614	62C-188.79	Long An	6614	63A-285.15	Tiền Giang			
4615	51D-934.89	Hồ Chí Minh	5615	62C-190.90	Long An	6615	63A-285.26	Tiền Giang			
4616	51D-935.35	Hồ Chí Minh	5616	62C-192.91	Long An	6616	63A-286.39	Tiền Giang			
4617	51D-936.86	Hồ Chí Minh	5617	63A-269.89	Tiền Giang	6617	63A-288.79	Tiền Giang			
4618	51D-937.89	Hồ Chí Minh	5618	63A-278.00	Tiền Giang	6618	63A-291.08	Tiền Giang			
4619	51D-941.89	Hồ Chí Minh	5619	63A-278.16	Tiền Giang	6619	63A-292.79	Tiền Giang			
4620	51D-942.39	Hồ Chí Minh	5620	63A-278.69	Tiền Giang	6620	63A-293.59	Tiền Giang			
4621	62A-393.88	Long An	5621	63A-279.44	Tiền Giang	6621	63C-204.35	Tiền Giang			
4622	62A-420.96	Long An	5622	63A-281.59	Tiền Giang	6622	63C-205.05	Tiền Giang			
4623	62C-191.33	Long An	5623	63A-282.69	Tiền Giang	6623	63C-207.09	Tiền Giang			
4624	62C-193.29	Long An	5624	63A-283.82	Tiền Giang	6624	63C-207.85	Tiền Giang			
4625	62C-193.93	Long An	5625	63A-283.99	Tiền Giang	6625	64A-171.11	Vĩnh Long			
4626	62C-194.65	Long An	5626	63A-284.00	Tiền Giang	6626	64A-173.89	Vĩnh Long			
4627	62D-011.16	Long An	5627	63A-285.09	Tiền Giang	6627	64A-174.16	Vĩnh Long			
4628	63A-275.39	Tiền Giang	5628	63A-286.44	Tiền Giang	6628	64A-178.77	Vĩnh Long			
4629	63A-277.68	Tiền Giang	5629	63A-288.59	Tiền Giang	6629	64A-181.28	Vĩnh Long			
4630	63A-280.86	Tiền Giang	5630	63A-289.66	Tiền Giang	6630	64A-182.77	Vĩnh Long			
4631	63A-283.68	Tiền Giang	5631	63A-290.89	Tiền Giang	6631	64A-183.16	Vĩnh Long			
4632	63A-283.86	Tiền Giang	5632	63A-291.83	Tiền Giang	6632	64A-183.35	Vĩnh Long			
4633	63A-287.58	Tiền Giang	5633	63B-029.56	Tiền Giang	6633	64A-183.88	Vĩnh Long			
4634	63A-288.38	Tiền Giang	5634	63C-202.36	Tiền Giang	6634	64C-111.19	Vĩnh Long			
4635	63A-288.86	Tiền Giang	5635	63C-203.86	Tiền Giang	6635	64C-113.69	Vĩnh Long			
4636	63A-289.98	Tiền Giang	5636	63C-204.29	Tiền Giang	6636	64C-113.85	Vĩnh Long			
4637	63A-291.09	Tiền Giang	5637	63C-204.77	Tiền Giang	6637	64C-113.99	Vĩnh Long			
4638	63A-291.38	Tiền Giang	5638	63C-208.86	Tiền Giang	6638	65A-407.66	Cần Thơ			
4639	63A-294.86	Tiền Giang	5639	64A-172.68	Vĩnh Long	6639	65A-414.41	Cần Thơ			
4640	63C-204.85	Tiền Giang	5640	64A-177.33	Vĩnh Long	6640	65A-415.89	Cần Thơ			
4641	63C-204.98	Tiền Giang	5641	64A-178.59	Vĩnh Long	6641	65A-416.00	Cần Thơ			
4642	63C-207.65	Tiền Giang	5642	64A-179.18	Vĩnh Long	6642	65A-426.16	Cần Thơ			
4643	63C-207.98	Tiền Giang	5643	64A-180.66	Vĩnh Long	6643	65A-428.38	Cần Thơ			
4644	64A-179.44	Vĩnh Long	5644	64A-180.96	Vĩnh Long	6644	65A-431.38	Cần Thơ			
4645	64A-181.66	Vĩnh Long	5645	64A-181.81	Vĩnh Long	6645	65A-433.58	Cần Thơ			
4646	64A-183.00	Vĩnh Long	5646	64A-182.22	Vĩnh Long	6646	65A-434.59	Cần Thơ			
4647	64C-109.68	Vĩnh Long	5647	64C-111.56	Vĩnh Long	6647	66A-249.79	Đồng Tháp			
4648	64C-111.35	Vĩnh Long	5648	65A-419.16	Cần Thơ	6648	66A-250.44	Đồng Tháp			
4649	64C-111.58	Vĩnh Long	5649	65A-425.39	Cần Thơ	6649	66A-251.55	Đồng Tháp			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4650	64C-111.69	Vĩnh Long	5650	65A-425.69	Cần Thơ	6650	66A-252.89	Đồng Tháp			
4651	64C-114.85	Vĩnh Long	5651	65A-431.79	Cần Thơ	6651	66A-254.26	Đồng Tháp			
4652	65A-411.79	Cần Thơ	5652	65C-211.56	Cần Thơ	6652	66A-254.29	Đồng Tháp			
4653	65A-411.88	Cần Thơ	5653	66A-249.00	Đồng Tháp	6653	66A-255.16	Đồng Tháp			
4654	65A-416.36	Cần Thơ	5654	66A-249.25	Đồng Tháp	6654	66A-257.35	Đồng Tháp			
4655	65A-428.55	Cần Thơ	5655	66A-250.33	Đồng Tháp	6655	66A-257.52	Đồng Tháp			
4656	65A-434.38	Cần Thơ	5656	66A-254.08	Đồng Tháp	6656	66A-260.16	Đồng Tháp			
4657	66A-249.06	Đồng Tháp	5657	66A-254.15	Đồng Tháp	6657	66A-263.55	Đồng Tháp			
4658	66A-249.94	Đồng Tháp	5658	66A-254.79	Đồng Tháp	6658	66C-164.89	Đồng Tháp			
4659	66A-251.83	Đồng Tháp	5659	66A-256.39	Đồng Tháp	6659	66C-167.88	Đồng Tháp			
4660	66A-254.52	Đồng Tháp	5660	66A-256.56	Đồng Tháp	6660	66C-167.99	Đồng Tháp			
4661	66A-255.98	Đồng Tháp	5661	66A-261.09	Đồng Tháp	6661	66C-168.55	Đồng Tháp			
4662	66A-261.56	Đồng Tháp	5662	66A-262.06	Đồng Tháp	6662	67A-281.36	An Giang			
4663	66A-263.26	Đồng Tháp	5663	66A-262.59	Đồng Tháp	6663	67A-283.68	An Giang			
4664	66A-264.36	Đồng Tháp	5664	66A-262.83	Đồng Tháp	6664	67A-284.83	An Giang			
4665	66C-166.23	Đồng Tháp	5665	66A-264.64	Đồng Tháp	6665	67A-286.96	An Giang			
4666	66C-167.06	Đồng Tháp	5666	66C-162.68	Đồng Tháp	6666	67A-287.26	An Giang			
4667	66C-167.09	Đồng Tháp	5667	66C-165.33	Đồng Tháp	6667	67A-290.18	An Giang			
4668	66C-168.08	Đồng Tháp	5668	66C-166.93	Đồng Tháp	6668	67A-290.86	An Giang			
4669	66C-168.18	Đồng Tháp	5669	66C-167.00	Đồng Tháp	6669	67A-293.86	An Giang			
4670	67A-279.68	An Giang	5670	66C-167.38	Đồng Tháp	6670	67A-295.56	An Giang			
4671	67A-282.59	An Giang	5671	66C-167.59	Đồng Tháp	6671	67A-295.68	An Giang			
4672	67A-284.68	An Giang	5672	67A-280.66	An Giang	6672	67A-296.08	An Giang			
4673	67A-284.89	An Giang	5673	67A-281.68	An Giang	6673	67A-296.83	An Giang			
4674	67A-286.09	An Giang	5674	67A-282.39	An Giang	6674	67A-298.56	An Giang			
4675	67A-287.78	An Giang	5675	67A-282.86	An Giang	6675	67C-171.83	An Giang			
4676	67A-291.56	An Giang	5676	67A-284.48	An Giang	6676	67C-172.00	An Giang			
4677	67A-293.26	An Giang	5677	67A-285.15	An Giang	6677	67C-174.59	An Giang			
4678	67A-294.56	An Giang	5678	67A-291.19	An Giang	6678	68A-315.99	Kiên Giang			
4679	67A-296.15	An Giang	5679	67A-291.26	An Giang	6679	68A-321.33	Kiên Giang			
4680	67A-296.63	An Giang	5680	67A-291.59	An Giang	6680	68A-321.96	Kiên Giang			
4681	67A-297.08	An Giang	5681	67A-291.65	An Giang	6681	68A-323.59	Kiên Giang			
4682	67A-297.15	An Giang	5682	67A-293.59	An Giang	6682	68A-323.63	Kiên Giang			
4683	67A-298.08	An Giang	5683	67A-294.09	An Giang	6683	68A-326.89	Kiên Giang			
4684	67A-298.83	An Giang	5684	67A-297.11	An Giang	6684	68A-330.26	Kiên Giang			
4685	67A-299.08	An Giang	5685	67A-297.36	An Giang	6685	68C-162.86	Kiên Giang			
4686	67C-169.86	An Giang	5686	67A-299.66	An Giang	6686	68C-163.36	Kiên Giang			
4687	67C-173.95	An Giang	5687	67C-172.89	An Giang	6687	68C-163.56	Kiên Giang			
4688	68A-316.85	Kiên Giang	5688	68A-308.79	Kiên Giang	6688	69A-147.66	Cà Mau			
4689	68A-321.56	Kiên Giang	5689	68A-315.15	Kiên Giang	6689	69A-149.94	Cà Mau			
4690	68A-323.28	Kiên Giang	5690	68A-317.06	Kiên Giang	6690	69A-150.95	Cà Mau			
4691	68A-325.33	Kiên Giang	5691	68A-318.56	Kiên Giang	6691	69A-153.26	Cà Mau			
4692	68A-326.35	Kiên Giang	5692	68A-319.58	Kiên Giang	6692	69A-155.26	Cà Mau			
4693	68A-326.68	Kiên Giang	5693	68A-319.85	Kiên Giang	6693	69A-156.65	Cà Mau			
4694	68A-326.95	Kiên Giang	5694	68A-319.92	Kiên Giang	6694	70A-519.56	Tây Ninh			
4695	68A-329.28	Kiên Giang	5695	68A-322.69	Kiên Giang	6695	71A-181.59	Bến Tre			
4696	68A-329.98	Kiên Giang	5696	68A-324.66	Kiên Giang	6696	71A-181.77	Bến Tre			
4697	68C-163.09	Kiên Giang	5697	68A-326.11	Kiên Giang	6697	71A-183.18	Bến Tre			
4698	68C-163.86	Kiên Giang	5698	68A-326.36	Kiên Giang	6698	71A-185.18	Bến Tre			
4699	69A-153.19	Cà Mau	5699	68A-328.19	Kiên Giang	6699	71A-187.86	Bến Tre			
4700	69A-154.08	Cà Mau	5700	68C-165.59	Kiên Giang	6700	71A-188.95	Bến Tre			
4701	69A-155.00	Cà Mau	5701	68C-165.89	Kiên Giang	6701	71A-189.66	Bến Tre			
4702	69B-010.06	Cà Mau	5702	69A-150.99	Cà Mau	6702	71A-190.89	Bến Tre			
4703	69C-095.69	Cà Mau	5703	69A-151.35	Cà Mau	6703	71A-193.38	Bến Tre			
4704	70A-519.62	Tây Ninh	5704	69A-153.00	Cà Mau	6704	73A-320.66	Quảng Bình			
4705	70A-520.25	Tây Ninh	5705	69A-153.36	Cà Mau	6705	73A-325.36	Quảng Bình			
4706	71A-188.26	Bến Tre	5706	69A-153.98	Cà Mau	6706	73A-325.39	Quảng Bình			
4707	71A-189.88	Bến Tre	5707	69A-154.66	Cà Mau	6707	73A-327.16	Quảng Bình			
4708	71A-191.11	Bến Tre	5708	69A-155.16	Cà Mau	6708	73A-327.44	Quảng Bình			

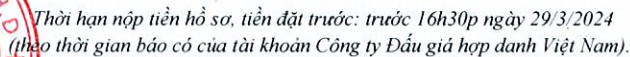
Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4709	71C-122.83	Bến Tre	5709	69C-094.16	Cà Mau	6709	73A-331.39	Quảng Bình			
4710	73A-321.86	Quảng Bình	5710	69C-094.58	Cà Mau	6710	73A-332.44	Quảng Bình			
4711	73A-330.06	Quảng Bình	5711	69C-094.99	Cà Mau	6711	73A-332.89	Quảng Bình			
4712	73A-330.88	Quảng Bình	5712	69C-096.39	Cà Mau	6712	73C-171.09	Quảng Bình			
4713	73A-331.19	Quảng Bình	5713	71A-183.85	Bến Tre	6713	73C-172.68	Quảng Bình			
4714	73A-331.31	Quảng Bình	5714	71A-184.11	Bến Tre	6714	74A-244.99	Quảng Trị			
4715	73A-333.59	Quảng Bình	5715	71A-185.89	Bến Tre	6715	74A-245.65	Quảng Trị			
4716	73A-333.83	Quảng Bình	5716	71A-188.15	Bến Tre	6716	74A-248.66	Quảng Trị			
4717	73A-334.69	Quảng Bình	5717	71A-188.19	Bến Tre	6717	74A-250.98	Quảng Trị			
4718	73A-335.36	Quảng Bình	5718	71A-188.96	Bến Tre	6718	74A-252.95	Quảng Trị			
4719	73C-173.89	Quảng Bình	5719	71A-193.58	Bến Tre	6719	74A-254.33	Quảng Trị			
4720	74A-244.98	Quảng Trị	5720	71C-121.88	Bến Tre	6720	74A-254.88	Quảng Trị			
4721	74A-245.39	Quảng Trị	5721	71C-122.58	Bến Tre	6721	74B-013.55	Quảng Trị			
4722	74C-127.06	Quảng Trị	5722	73A-328.83	Quảng Bình	6722	74C-127.26	Quảng Trị			
4723	74C-129.88	Quảng Trị	5723	73A-330.77	Quảng Bình	6723	74C-127.27	Quảng Trị			
4724	74C-130.56	Quảng Trị	5724	73A-331.36	Quảng Bình	6724	74C-127.33	Quảng Trị			
4725	74C-130.58	Quảng Trị	5725	73A-332.29	Quảng Bình	6725	74C-128.44	Quảng Trị			
4726	74C-131.36	Quảng Trị	5726	73A-334.98	Quảng Bình	6726	75A-351.05	Thừa Thiên Huế			
4727	74D-008.06	Quảng Trị	5727	73A-336.65	Quảng Bình	6727	75A-353.28	Thừa Thiên Huế			
4728	75A-336.99	Thừa Thiên Huế	5728	73C-174.09	Quảng Bình	6728	75A-355.29	Thừa Thiên Huế			
4729	75A-350.68	Thừa Thiên Huế	5729	74A-242.18	Quảng Trị	6729	75A-356.65	Thừa Thiên Huế			
4730	75A-353.00	Thừa Thiên Huế	5730	74A-242.63	Quảng Trị	6730	75A-357.68	Thừa Thiên Huế			
4731	75A-353.98	Thừa Thiên Huế	5731	74A-246.47	Quảng Trị	6731	75A-357.95	Thừa Thiên Huế			
4732	75A-354.25	Thừa Thiên Huế	5732	74A-248.08	Quảng Trị	6732	75A-359.38	Thừa Thiên Huế			
4733	75A-355.18	Thừa Thiên Huế	5733	74A-250.25	Quảng Trị	6733	75A-360.09	Thừa Thiên Huế			
4734	75A-358.28	Thừa Thiên Huế	5734	74A-251.38	Quảng Trị	6734	75A-361.19	Thừa Thiên Huế			
4735	75A-360.19	Thừa Thiên Huế	5735	74A-254.96	Quảng Trị	6735	75A-361.63	Thừa Thiên Huế			
4736	75A-362.66	Thừa Thiên Huế	5736	74C-127.69	Quảng Trị	6736	75A-362.08	Thừa Thiên Huế			
4737	75A-362.96	Thừa Thiên Huế	5737	74C-128.29	Quảng Trị	6737	75A-362.36	Thừa Thiên Huế			
4738	75A-363.35	Thừa Thiên Huế	5738	74C-128.38	Quảng Trị	6738	75A-362.58	Thừa Thiên Huế			
4739	75A-363.98	Thừa Thiên Huế	5739	74C-129.06	Quảng Trị	6739	75C-148.85	Thừa Thiên Huế			
4740	75C-150.09	Thừa Thiên Huế	5740	74C-129.83	Quảng Trị	6740	76A-286.09	Quảng Ngãi			
4741	75C-150.36	Thừa Thiên Huế	5741	75A-337.86	Thừa Thiên Huế	6741	76A-286.38	Quảng Ngãi			
4742	76A-286.59	Quảng Ngãi	5742	75A-349.19	Thừa Thiên Huế	6742	76A-291.39	Quảng Ngãi			
4743	76A-286.62	Quảng Ngãi	5743	75A-350.83	Thừa Thiên Huế	6743	76A-295.25	Quảng Ngãi			
4744	76A-288.22	Quảng Ngãi	5744	75A-351.44	Thừa Thiên Huế	6744	76A-295.39	Quảng Ngãi			
4745	76A-288.86	Quảng Ngãi	5745	75A-352.08	Thừa Thiên Huế	6745	76A-296.86	Quảng Ngãi			
4746	76A-290.65	Quảng Ngãi	5746	75A-352.68	Thừa Thiên Huế	6746	76A-297.19	Quảng Ngãi			
4747	76A-290.96	Quảng Ngãi	5747	75A-354.00	Thừa Thiên Huế	6747	76A-298.38	Quảng Ngãi			
4748	76A-290.99	Quảng Ngãi	5748	75A-355.69	Thừa Thiên Huế	6748	76A-299.16	Quảng Ngãi			
4749	76A-291.88	Quảng Ngãi	5749	75A-357.38	Thừa Thiên Huế	6749	76A-299.68	Quảng Ngãi			
4750	76A-292.09	Quảng Ngãi	5750	75A-359.08	Thừa Thiên Huế	6750	76A-300.77	Quảng Ngãi			
4751	76A-292.33	Quảng Ngãi	5751	75A-361.98	Thừa Thiên Huế	6751	76C-160.86	Quảng Ngãi			
4752	76A-295.16	Quảng Ngãi	5752	75A-363.06	Thừa Thiên Huế	6752	76C-166.99	Quảng Ngãi			
4753	76A-297.97	Quảng Ngãi	5753	75A-363.65	Thừa Thiên Huế	6753	76C-170.66	Quảng Ngãi			
4754	76A-299.92	Quảng Ngãi	5754	75A-363.95	Thừa Thiên Huế	6754	76C-172.00	Quảng Ngãi			
4755	76A-300.98	Quảng Ngãi	5755	76A-287.68	Quảng Ngãi	6755	76D-008.68	Quảng Ngãi			
4756	76C-163.36	Quảng Ngãi	5756	76A-288.11	Quảng Ngãi	6756	77A-300.93	Bình Định			
4757	76C-167.39	Quảng Ngãi	5757	76A-288.39	Quảng Ngãi	6757	77A-301.25	Bình Định			
4758	76C-171.19	Quảng Ngãi	5758	76A-290.91	Quảng Ngãi	6758	77A-301.39	Bình Định			
4759	77A-296.88	Bình Định	5759	76A-294.26	Quảng Ngãi	6759	77A-301.66	Bình Định			
4760	77A-302.83	Bình Định	5760	76A-297.22	Quảng Ngãi	6760	77A-304.40	Bình Định			
4761	77A-305.88	Bình Định	5761	76A-297.59	Quảng Ngãi	6761	77A-304.95	Bình Định			
4762	77A-307.86	Bình Định	5762	76A-300.85	Quảng Ngãi	6762	77A-305.25	Bình Định			
4763	77A-309.68	Bình Định	5763	76C-162.86	Quảng Ngãi	6763	77A-308.06	Bình Định			
4764	77A-310.38	Bình Định	5764	76C-169.39	Quảng Ngãi	6764	77A-311.08	Bình Định			
4765	77A-312.44	Bình Định	5765	77A-301.69	Bình Định	6765	77A-313.65	Bình Định			
4766	77A-313.83	Bình Định	5766	77A-303.65	Bình Định	6766	77C-243.44	Bình Định			
4767	77C-242.86	Bình Định	5767	77A-303.98	Bình Định	6767	77D-003.26	Bình Định			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4768	77C-243.26	Bình Định	5768	77A-305.16	Bình Định	6768	78A-183.68	Phú Yên			
4769	77C-243.28	Bình Định	5769	77A-306.28	Bình Định	6769	78A-192.15	Phú Yên			
4770	77C-244.86	Bình Định	5770	77A-307.44	Bình Định	6770	78A-192.66	Phú Yên			
4771	77C-245.08	Bình Định	5771	77A-310.08	Bình Định	6771	78A-193.28	Phú Yên			
4772	77C-246.18	Bình Định	5772	77A-312.11	Bình Định	6772	78A-193.93	Phú Yên			
4773	78A-184.44	Phú Yên	5773	77A-313.09	Bình Định	6773	78A-195.66	Phú Yên			
4774	78A-185.09	Phú Yên	5774	77A-313.18	Bình Định	6774	78A-196.08	Phú Yên			
4775	78A-185.38	Phú Yên	5775	77A-315.11	Bình Định	6775	78A-196.16	Phú Yên			
4776	78A-186.69	Phú Yên	5776	77A-315.96	Bình Định	6776	78C-742.38	Phú Yên			
4777	78A-191.44	Phú Yên	5777	77A-316.25	Bình Định	6777	78C-744.00	Phú Yên			
4778	78A-191.89	Phú Yên	5778	77A-316.38	Bình Định	6778	79A-508.06	Khánh Hòa			
4779	78A-192.69	Phú Yên	5779	77A-317.65	Bình Định	6779	79A-508.62	Khánh Hòa			
4780	78A-193.29	Phú Yên	5780	77A-317.79	Bình Định	6780	79A-510.68	Khánh Hòa			
4781	78A-193.95	Phú Yên	5781	77C-242.58	Bình Định	6781	79A-511.65	Khánh Hòa			
4782	78A-194.22	Phú Yên	5782	77C-244.00	Bình Định	6782	79A-511.86	Khánh Hòa			
4783	78A-194.36	Phú Yên	5783	77C-244.22	Bình Định	6783	79A-512.00	Khánh Hòa			
4784	78A-194.66	Phú Yên	5784	77C-244.24	Bình Định	6784	79A-512.29	Khánh Hòa			
4785	78A-195.98	Phú Yên	5785	77C-245.86	Bình Định	6785	79A-516.33	Khánh Hòa			
4786	78C-741.41	Phú Yên	5786	78A-185.95	Phú Yên	6786	79A-516.56	Khánh Hòa			
4787	78C-742.11	Phú Yên	5787	78A-192.09	Phú Yên	6787	79A-517.19	Khánh Hòa			
4788	78C-743.28	Phú Yên	5788	78A-192.92	Phú Yên	6788	79A-519.18	Khánh Hòa			
4789	78C-743.83	Phú Yên	5789	78A-195.59	Phú Yên	6789	79A-522.85	Khánh Hòa			
4790	79A-497.77	Khánh Hòa	5790	78A-196.69	Phú Yên	6790	79A-523.99	Khánh Hòa			
4791	79A-498.68	Khánh Hòa	5791	78C-741.16	Phú Yên	6791	79A-524.09	Khánh Hòa			
4792	79A-504.15	Khánh Hòa	5792	78C-741.44	Phú Yên	6792	79A-524.35	Khánh Hòa			
4793	79A-505.26	Khánh Hòa	5793	78C-741.86	Phú Yên	6793	79A-525.59	Khánh Hòa			
4794	79A-506.59	Khánh Hòa	5794	79A-502.16	Khánh Hòa	6794	79A-525.69	Khánh Hòa			
4795	79A-507.38	Khánh Hòa	5795	79A-505.89	Khánh Hòa	6795	79C-209.06	Khánh Hòa			
4796	79A-507.39	Khánh Hòa	5796	79A-509.33	Khánh Hòa	6796	79C-209.08	Khánh Hòa			
4797	79A-509.89	Khánh Hòa	5797	79A-510.98	Khánh Hòa	6797	79C-210.79	Khánh Hòa			
4798	79A-510.59	Khánh Hòa	5798	79A-511.28	Khánh Hòa	6798	79C-212.44	Khánh Hòa			
4799	79A-511.19	Khánh Hòa	5799	79A-511.56	Khánh Hòa	6799	83A-169.11	Sóc Trăng			
4800	79A-514.98	Khánh Hòa	5800	79A-511.69	Khánh Hòa	6800	83A-169.44	Sóc Trăng			
4801	79A-515.39	Khánh Hòa	5801	79A-512.26	Khánh Hòa	6801	83A-172.55	Sóc Trăng			
4802	79A-516.09	Khánh Hòa	5802	79A-512.58	Khánh Hòa	6802	83A-174.69	Sóc Trăng			
4803	79A-516.55	Khánh Hòa	5803	79A-514.77	Khánh Hòa	6803	83A-174.77	Sóc Trăng			
4804	79A-522.16	Khánh Hòa	5804	79A-515.25	Khánh Hòa	6804	83A-175.19	Sóc Trăng			
4805	79A-525.15	Khánh Hòa	5805	79A-517.69	Khánh Hòa	6805	83A-175.57	Sóc Trăng			
4806	79C-208.99	Khánh Hòa	5806	79A-523.18	Khánh Hòa	6806	83A-175.75	Sóc Trăng			
4807	79C-209.22	Khánh Hòa	5807	79C-208.88	Khánh Hòa	6807	83A-175.79	Sóc Trăng			
4808	83A-175.08	Sóc Trăng	5808	79C-211.89	Khánh Hòa	6808	83A-176.19	Sóc Trăng			
4809	84A-127.79	Trà Vinh	5809	83A-168.96	Sóc Trăng	6809	83A-176.22	Sóc Trăng			
4810	84A-128.19	Trà Vinh	5810	83A-169.56	Sóc Trăng	6810	83C-122.99	Sóc Trăng			
4811	84A-130.99	Trà Vinh	5811	83A-169.96	Sóc Trăng	6811	83D-004.59	Sóc Trăng			
4812	84A-131.26	Trà Vinh	5812	83A-170.28	Sóc Trăng	6812	84A-125.89	Trà Vinh			
4813	84A-132.33	Trà Vinh	5813	83A-175.65	Sóc Trăng	6813	84A-126.69	Trà Vinh			
4814	84A-133.96	Trà Vinh	5814	83C-122.85	Sóc Trăng	6814	84A-129.79	Trà Vinh			
4815	84B-016.06	Trà Vinh	5815	83C-125.44	Sóc Trăng	6815	84A-131.33	Trà Vinh			
4816	84C-118.86	Trà Vinh	5816	84A-121.68	Trà Vinh	6816	84A-132.18	Trà Vinh			
4817	85A-127.99	Ninh Thuận	5817	84A-126.79	Trà Vinh	6817	84A-133.28	Trà Vinh			
4818	85A-129.56	Ninh Thuận	5818	84A-127.69	Trà Vinh	6818	84A-134.13	Trà Vinh			
4819	85A-130.36	Ninh Thuận	5819	84A-129.29	Trà Vinh	6819	84C-113.69	Trà Vinh			
4820	85A-131.06	Ninh Thuận	5820	84A-130.19	Trà Vinh	6820	85A-125.25	Ninh Thuận			
4821	85A-132.96	Ninh Thuận	5821	84A-133.38	Trà Vinh	6821	85A-129.25	Ninh Thuận			
4822	85C-078.15	Ninh Thuận	5822	84B-016.16	Trà Vinh	6822	85A-132.13	Ninh Thuận			
4823	85C-078.77	Ninh Thuận	5823	84B-016.19	Trà Vinh	6823	85A-135.56	Ninh Thuận			
4824	85C-078.79	Ninh Thuận	5824	84C-112.99	Trà Vinh	6824	85C-078.39	Ninh Thuận			
4825	85C-078.88	Ninh Thuận	5825	84C-114.89	Trà Vinh	6825	85C-079.28	Ninh Thuận			
4826	85C-078.89	Ninh Thuận	5826	84C-118.58	Trà Vinh	6826	86A-277.89	Bình Thuận			

Ca đấu buổi chiều										
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'				
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố		
4827	86A-278.69	Bình Thuận	5827	84C-118.88	Trà Vinh	6827	86A-280.33	Bình Thuận		
4828	86A-280.35	Bình Thuận	5828	85A-124.79	Ninh Thuận	6828	88A-660.26	Vĩnh Phúc		
4829	88A-649.66	Vĩnh Phúc	5829	85A-130.06	Ninh Thuận	6829	88A-660.69	Vĩnh Phúc		
4830	88A-657.57	Vĩnh Phúc	5830	85A-130.99	Ninh Thuận	6830	88A-663.79	Vĩnh Phúc		
4831	88A-663.06	Vĩnh Phúc	5831	85A-131.39	Ninh Thuận	6831	88A-663.95	Vĩnh Phúc		
4832	88A-668.93	Vĩnh Phúc	5832	85A-134.65	Ninh Thuận	6832	88A-664.18	Vĩnh Phúc		
4833	88A-670.70	Vĩnh Phúc	5833	85C-079.77	Ninh Thuận	6833	88A-664.98	Vĩnh Phúc		
4834	88A-671.06	Vĩnh Phúc	5834	88A-657.68	Vĩnh Phúc	6834	88A-665.15	Vĩnh Phúc		
4835	88A-672.77	Vĩnh Phúc	5835	88A-660.99	Vĩnh Phúc	6835	88A-666.57	Vĩnh Phúc		
4836	88A-673.37	Vĩnh Phúc	5836	88A-665.22	Vĩnh Phúc	6836	88A-667.16	Vĩnh Phúc		
4837	88A-674.39	Vĩnh Phúc	5837	88A-666.03	Vĩnh Phúc	6837	88A-667.85	Vĩnh Phúc		
4838	88A-675.09	Vĩnh Phúc	5838	88A-667.59	Vĩnh Phúc	6838	88A-670.16	Vĩnh Phúc		
4839	88A-676.19	Vĩnh Phúc	5839	88A-668.36	Vĩnh Phúc	6839	88A-670.99	Vĩnh Phúc		
4840	88A-679.83	Vĩnh Phúc	5840	88A-668.85	Vĩnh Phúc	6840	88A-672.09	Vĩnh Phúc		
4841	88A-686.25	Vĩnh Phúc	5841	88A-670.00	Vĩnh Phúc	6841	88A-672.39	Vĩnh Phúc		
4842	88A-690.08	Vĩnh Phúc	5842	88A-679.65	Vĩnh Phúc	6842	88A-672.86	Vĩnh Phúc		
4843	88A-692.39	Vĩnh Phúc	5843	88A-680.35	Vĩnh Phúc	6843	88A-675.76	Vĩnh Phúc		
4844	88A-693.89	Vĩnh Phúc	5844	88A-682.16	Vĩnh Phúc	6844	88A-677.44	Vĩnh Phúc		
4845	88A-697.56	Vĩnh Phúc	5845	88A-685.33	Vĩnh Phúc	6845	88A-677.98	Vĩnh Phúc		
4846	88A-700.79	Vĩnh Phúc	5846	88A-686.33	Vĩnh Phúc	6846	88A-678.66	Vĩnh Phúc		
4847	88A-701.26	Vĩnh Phúc	5847	88A-686.77	Vĩnh Phúc	6847	88A-679.06	Vĩnh Phúc		
4848	88A-701.65	Vĩnh Phúc	5848	88A-687.09	Vĩnh Phúc	6848	88A-680.33	Vĩnh Phúc		
4849	88C-271.86	Vĩnh Phúc	5849	88A-689.15	Vĩnh Phúc	6849	88A-682.25	Vĩnh Phúc		
4850	88C-273.59	Vĩnh Phúc	5850	88A-690.83	Vĩnh Phúc	6850	88A-682.29	Vĩnh Phúc		
4851	88C-273.88	Vĩnh Phúc	5851	88A-690.95	Vĩnh Phúc	6851	88A-684.16	Vĩnh Phúc		
4852	88C-274.16	Vĩnh Phúc	5852	88A-690.98	Vĩnh Phúc	6852	88A-690.28	Vĩnh Phúc		
4853	88C-274.19	Vĩnh Phúc	5853	88A-691.65	Vĩnh Phúc	6853	88A-690.56	Vĩnh Phúc		
4854	88C-278.95	Vĩnh Phúc	5854	88A-691.92	Vĩnh Phúc	6854	88A-690.99	Vĩnh Phúc		
4855	88C-279.08	Vĩnh Phúc	5855	88A-694.25	Vĩnh Phúc	6855	88A-691.85	Vĩnh Phúc		
4856	89A-439.38	Hưng Yên	5856	88A-695.25	Vĩnh Phúc	6856	88A-694.85	Vĩnh Phúc		
4857	89A-445.29	Hưng Yên	5857	88C-270.66	Vĩnh Phúc	6857	88A-694.96	Vĩnh Phúc		
4858	89A-447.56	Hưng Yên	5858	88C-276.00	Vĩnh Phúc	6858	88A-698.33	Vĩnh Phúc		
4859	89A-448.77	Hưng Yên	5859	88C-276.58	Vĩnh Phúc	6859	88A-698.65	Vĩnh Phúc		
4860	89A-449.49	Hưng Yên	5860	88C-276.66	Vĩnh Phúc	6860	88A-700.98	Vĩnh Phúc		
4861	89A-450.00	Hưng Yên	5861	89A-434.86	Hưng Yên	6861	88A-701.33	Vĩnh Phúc		
4862	89A-450.06	Hưng Yên	5862	89A-438.69	Hưng Yên	6862	88C-273.55	Vĩnh Phúc		
4863	89A-450.15	Hưng Yên	5863	89A-438.79	Hưng Yên	6863	88C-275.08	Vĩnh Phúc		
4864	89A-452.58	Hưng Yên	5864	89A-438.85	Hưng Yên	6864	88C-275.56	Vĩnh Phúc		
4865	89A-453.58	Hưng Yên	5865	89A-439.88	Hưng Yên	6865	88C-279.59	Vĩnh Phúc		
4866	89A-453.79	Hưng Yên	5866	89A-441.77	Hưng Yên	6866	88D-017.17	Vĩnh Phúc		
4867	89A-454.19	Hưng Yên	5867	89A-442.99	Hưng Yên	6867	89A-437.89	Hưng Yên		
4868	89A-454.83	Hưng Yên	5868	89A-445.56	Hưng Yên	6868	89A-445.15	Hưng Yên		
4869	89A-454.95	Hưng Yên	5869	89A-445.86	Hưng Yên	6869	89A-447.36	Hưng Yên		
4870	89A-458.28	Hưng Yên	5870	89A-450.59	Hưng Yên	6870	89A-448.00	Hưng Yên		
4871	89A-458.39	Hưng Yên	5871	89A-453.08	Hưng Yên	6871	89A-448.79	Hưng Yên		
4872	89A-460.96	Hưng Yên	5872	89A-454.36	Hưng Yên	6872	89A-452.36	Hưng Yên		
4873	89A-461.98	Hưng Yên	5873	89A-457.16	Hưng Yên	6873	89A-453.96	Hưng Yên		
4874	89A-463.63	Hưng Yên	5874	89A-457.25	Hưng Yên	6874	89A-454.33	Hưng Yên		
4875	89A-463.68	Hưng Yên	5875	89A-459.35	Hưng Yên	6875	89A-458.26	Hưng Yên		
4876	89A-464.38	Hưng Yên	5876	89A-460.26	Hưng Yên	6876	89A-459.44	Hưng Yên		
4877	89A-464.65	Hưng Yên	5877	89A-462.33	Hưng Yên	6877	89A-460.25	Hưng Yên		
4878	89A-467.16	Hưng Yên	5878	89A-463.46	Hưng Yên	6878	89A-460.69	Hưng Yên		
4879	89A-467.33	Hưng Yên	5879	89A-463.86	Hưng Yên	6879	89A-462.88	Hưng Yên		
4880	89B-021.59	Hưng Yên	5880	89C-313.66	Hưng Yên	6880	89A-464.64	Hưng Yên		
4881	89C-312.69	Hưng Yên	5881	89C-313.79	Hưng Yên	6881	89A-466.28	Hưng Yên		
4882	89C-320.59	Hưng Yên	5882	89C-317.79	Hưng Yên	6882	89A-466.36	Hưng Yên		
4883	89C-320.99	Hưng Yên	5883	89C-324.18	Hưng Yên	6883	89C-308.99	Hưng Yên		
4884	89C-324.89	Hưng Yên	5884	89C-324.36	Hưng Yên	6884	89C-313.88	Hưng Yên		
4885	90A-235.89	Hà Nam	5885	90A-243.39	Hà Nam	6885	89C-314.89	Hưng Yên		

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4886	90A-246.98	Hà Nam	5886	90A-245.55	Hà Nam	6886	89C-315.15	Hưng Yên			
4887	90A-248.06	Hà Nam	5887	90A-247.18	Hà Nam	6887	89C-315.88	Hưng Yên			
4888	90A-250.79	Hà Nam	5888	90A-248.68	Hà Nam	6888	89C-319.33	Hưng Yên			
4889	90A-252.79	Hà Nam	5889	90A-249.99	Hà Nam	6889	89C-319.91	Hưng Yên			
4890	90A-254.55	Hà Nam	5890	90A-252.62	Hà Nam	6890	90A-243.33	Hà Nam			
4891	90A-258.79	Hà Nam	5891	90A-252.95	Hà Nam	6891	90A-247.47	Hà Nam			
4892	90A-259.06	Hà Nam	5892	90A-255.79	Hà Nam	6892	90A-250.22	Hà Nam			
4893	90C-135.89	Hà Nam	5893	90A-255.98	Hà Nam	6893	90A-256.96	Hà Nam			
4894	90C-136.36	Hà Nam	5894	90A-257.35	Hà Nam	6894	90A-257.66	Hà Nam			
4895	92A-375.99	Quảng Nam	5895	90A-258.22	Hà Nam	6895	90A-258.28	Hà Nam			
4896	92A-378.73	Quảng Nam	5896	90A-258.95	Hà Nam	6896	90A-258.77	Hà Nam			
4897	92A-378.79	Quảng Nam	5897	90C-137.39	Hà Nam	6897	90A-259.77	Hà Nam			
4898	92A-378.98	Quảng Nam	5898	90C-139.93	Hà Nam	6898	90C-139.85	Hà Nam			
4899	92A-382.77	Quảng Nam	5899	92A-370.89	Quảng Nam	6899	90C-140.88	Hà Nam			
4900	92A-384.16	Quảng Nam	5900	92A-376.19	Quảng Nam	6900	90C-141.06	Hà Nam			
4901	92A-385.69	Quảng Nam	5901	92A-376.38	Quảng Nam	6901	92A-370.86	Quảng Nam			
4902	92A-390.95	Quảng Nam	5902	92A-379.11	Quảng Nam	6902	92A-374.29	Quảng Nam			
4903	92A-391.91	Quảng Nam	5903	92A-381.39	Quảng Nam	6903	92A-375.96	Quảng Nam			
4904	92A-393.11	Quảng Nam	5904	92A-382.22	Quảng Nam	6904	92A-376.65	Quảng Nam			
4905	92A-393.16	Quảng Nam	5905	92A-384.44	Quảng Nam	6905	92A-377.35	Quảng Nam			
4906	92A-395.11	Quảng Nam	5906	92A-384.58	Quảng Nam	6906	92A-377.38	Quảng Nam			
4907	92A-395.65	Quảng Nam	5907	92A-386.38	Quảng Nam	6907	92A-379.26	Quảng Nam			
4908	92C-233.35	Quảng Nam	5908	92A-386.56	Quảng Nam	6908	92A-379.55	Quảng Nam			
4909	92C-237.38	Quảng Nam	5909	92A-387.44	Quảng Nam	6909	92A-382.55	Quảng Nam			
4910	92C-239.44	Quảng Nam	5910	92A-388.35	Quảng Nam	6910	92A-385.66	Quảng Nam			
4911	94A-101.15	Bạc Liêu	5911	92A-391.06	Quảng Nam	6911	92A-387.18	Quảng Nam			
4912	94C-075.38	Bạc Liêu	5912	92A-391.98	Quảng Nam	6912	92A-394.18	Quảng Nam			
4913	94C-075.55	Bạc Liêu	5913	92B-031.31	Quảng Nam	6913	92A-394.58	Quảng Nam			
4914	95C-079.66	Hậu Giang	5914	92C-233.66	Quảng Nam	6914	92C-232.39	Quảng Nam			
4915	95C-080.00	Hậu Giang	5915	92C-238.00	Quảng Nam	6915	92C-232.79	Quảng Nam			
4916	97A-080.26	Bắc Kạn	5916	94A-097.77	Bạc Liêu	6916	92C-234.88	Quảng Nam			
4917	97A-080.82	Bắc Kạn	5917	94A-097.88	Bạc Liêu	6917	92C-236.06	Quảng Nam			
4918	97A-081.35	Bắc Kạn	5918	94A-100.83	Bạc Liêu	6918	92C-237.68	Quảng Nam			
4919	97A-082.22	Bắc Kạn	5919	95A-112.96	Hậu Giang	6919	94A-099.86	Bạc Liêu			
4920	98A-679.86	Bắc Giang	5920	95A-115.69	Hậu Giang	6920	94A-100.22	Bạc Liêu			
4921	98A-684.09	Bắc Giang	5921	95A-119.77	Hậu Giang	6921	94C-075.59	Bạc Liêu			
4922	98A-685.77	Bắc Giang	5922	95B-009.88	Hậu Giang	6922	95A-113.38	Hậu Giang			
4923	98A-692.56	Bắc Giang	5923	97A-076.86	Bắc Kạn	6923	95A-114.06	Hậu Giang			
4924	98A-694.16	Bắc Giang	5924	97A-078.85	Bắc Kạn	6924	95A-118.66	Hậu Giang			
4925	98A-705.89	Bắc Giang	5925	97A-082.38	Bắc Kạn	6925	95B-009.86	Hậu Giang			
4926	98A-708.38	Bắc Giang	5926	97A-082.85	Bắc Kạn	6926	95C-079.28	Hậu Giang			
4927	98A-709.56	Bắc Giang	5927	97C-038.08	Bắc Kạn	6927	95C-080.99	Hậu Giang			
4928	98A-711.69	Bắc Giang	5928	98A-675.68	Bắc Giang	6928	97A-078.33	Bắc Kạn			
4929	98A-712.79	Bắc Giang	5929	98A-675.88	Bắc Giang	6929	97A-078.78	Bắc Kạn			
4930	98A-714.44	Bắc Giang	5930	98A-685.89	Bắc Giang	6930	97C-037.18	Bắc Kạn			
4931	98A-714.85	Bắc Giang	5931	98A-689.85	Bắc Giang	6931	98A-670.00	Bắc Giang			
4932	98A-715.25	Bắc Giang	5932	98A-690.06	Bắc Giang	6932	98A-674.39	Bắc Giang			
4933	98A-716.29	Bắc Giang	5933	98A-692.19	Bắc Giang	6933	98A-683.78	Bắc Giang			
4934	98A-720.19	Bắc Giang	5934	98A-693.58	Bắc Giang	6934	98A-688.36	Bắc Giang			
4935	98A-723.55	Bắc Giang	5935	98A-699.36	Bắc Giang	6935	98A-690.66	Bắc Giang			
4936	98A-727.55	Bắc Giang	5936	98A-700.33	Bắc Giang	6936	98A-690.69	Bắc Giang			
4937	98A-728.28	Bắc Giang	5937	98A-700.70	Bắc Giang	6937	98A-691.09	Bắc Giang			
4938	98A-729.08	Bắc Giang	5938	98A-701.25	Bắc Giang	6938	98A-692.38	Bắc Giang			
4939	98A-731.56	Bắc Giang	5939	98A-701.88	Bắc Giang	6939	98A-698.59	Bắc Giang			
4940	98A-732.37	Bắc Giang	5940	98A-702.20	Bắc Giang	6940	98A-700.86	Bắc Giang			
4941	98A-732.88	Bắc Giang	5941	98A-704.04	Bắc Giang	6941	98A-703.00	Bắc Giang			
4942	98A-733.99	Bắc Giang	5942	98A-704.89	Bắc Giang	6942	98A-705.77	Bắc Giang			
4943	98A-735.96	Bắc Giang	5943	98A-706.18	Bắc Giang	6943	98A-706.79	Bắc Giang			
4944	98A-736.38	Bắc Giang	5944	98A-709.68	Bắc Giang	6944	98A-709.77	Bắc Giang			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4945	98A-736.68	Bắc Giang	5945	98A-712.98	Bắc Giang	6945	98A-710.17	Bắc Giang			
4946	98A-736.79	Bắc Giang	5946	98A-713.77	Bắc Giang	6946	98A-712.44	Bắc Giang			
4947	98A-738.19	Bắc Giang	5947	98A-714.15	Bắc Giang	6947	98A-713.83	Bắc Giang			
4948	98C-327.88	Bắc Giang	5948	98A-716.26	Bắc Giang	6948	98A-713.95	Bắc Giang			
4949	98C-331.26	Bắc Giang	5949	98A-717.79	Bắc Giang	6949	98A-715.66	Bắc Giang			
4950	98C-332.32	Bắc Giang	5950	98A-718.69	Bắc Giang	6950	98A-716.55	Bắc Giang			
4951	99A-694.39	Bắc Ninh	5951	98A-722.72	Bắc Giang	6951	98A-716.65	Bắc Giang			
4952	99A-700.33	Bắc Ninh	5952	98A-727.86	Bắc Giang	6952	98A-716.99	Bắc Giang			
4953	99A-712.68	Bắc Ninh	5953	98A-728.95	Bắc Giang	6953	98A-721.29	Bắc Giang			
4954	99A-716.79	Bắc Ninh	5954	98A-730.55	Bắc Giang	6954	98A-723.39	Bắc Giang			
4955	99A-718.18	Bắc Ninh	5955	98A-732.69	Bắc Giang	6955	98A-727.06	Bắc Giang			
4956	99A-726.33	Bắc Ninh	5956	98A-733.18	Bắc Giang	6956	98A-728.38	Bắc Giang			
4957	99A-726.66	Bắc Ninh	5957	98A-734.26	Bắc Giang	6957	98A-728.68	Bắc Giang			
4958	99A-727.38	Bắc Ninh	5958	98A-735.39	Bắc Giang	6958	98A-732.08	Bắc Giang			
4959	99A-728.69	Bắc Ninh	5959	98A-736.85	Bắc Giang	6959	98A-732.99	Bắc Giang			
4960	99A-730.00	Bắc Ninh	5960	98A-736.86	Bắc Giang	6960	98A-735.89	Bắc Giang			
4961	99A-730.31	Bắc Ninh	5961	98C-333.15	Bắc Giang	6961	98A-737.89	Bắc Giang			
4962	99A-730.65	Bắc Ninh	5962	99A-690.39	Bắc Ninh	6962	98A-737.98	Bắc Giang			
4963	99A-730.66	Bắc Ninh	5963	99A-695.79	Bắc Ninh	6963	98A-737.99	Bắc Giang			
4964	99A-730.83	Bắc Ninh	5964	99A-701.88	Bắc Ninh	6964	98C-332.89	Bắc Giang			
4965	99A-730.95	Bắc Ninh	5965	99A-718.86	Bắc Ninh	6965	99A-690.00	Bắc Ninh			
4966	99A-732.38	Bắc Ninh	5966	99A-726.38	Bắc Ninh	6966	99A-690.88	Bắc Ninh			
4967	99A-733.58	Bắc Ninh	5967	99A-726.69	Bắc Ninh	6967	99A-710.66	Bắc Ninh			
4968	99A-735.16	Bắc Ninh	5968	99A-728.58	Bắc Ninh	6968	99A-716.68	Bắc Ninh			
4969	99A-735.88	Bắc Ninh	5969	99A-730.29	Bắc Ninh	6969	99A-730.25	Bắc Ninh			
4970	99A-736.15	Bắc Ninh	5970	99A-730.35	Bắc Ninh	6970	99A-730.58	Bắc Ninh			
4971	99A-738.98	Bắc Ninh	5971	99A-735.38	Bắc Ninh	6971	99A-732.99	Bắc Ninh			
4972	99A-741.88	Bắc Ninh	5972	99A-735.56	Bắc Ninh	6972	99A-733.15	Bắc Ninh			
4973	99A-746.06	Bắc Ninh	5973	99A-736.19	Bắc Ninh	6973	99A-735.66	Bắc Ninh			
4974	99A-746.11	Bắc Ninh	5974	99A-737.38	Bắc Ninh	6974	99A-737.26	Bắc Ninh			
4975	99A-747.18	Bắc Ninh	5975	99A-738.77	Bắc Ninh	6975	99A-739.25	Bắc Ninh			
4976	99A-747.33	Bắc Ninh	5976	99A-739.08	Bắc Ninh	6976	99A-739.73	Bắc Ninh			
4977	99A-748.38	Bắc Ninh	5977	99A-739.26	Bắc Ninh	6977	99A-741.06	Bắc Ninh			
4978	99A-749.44	Bắc Ninh	5978	99A-744.11	Bắc Ninh	6978	99A-744.09	Bắc Ninh			
4979	99A-750.05	Bắc Ninh	5979	99A-744.39	Bắc Ninh	6979	99A-744.85	Bắc Ninh			
4980	99A-751.28	Bắc Ninh	5980	99A-746.68	Bắc Ninh	6980	99A-745.19	Bắc Ninh			
4981	99A-751.69	Bắc Ninh	5981	99A-749.47	Bắc Ninh	6981	99A-746.22	Bắc Ninh			
4982	99A-751.75	Bắc Ninh	5982	99A-749.58	Bắc Ninh	6982	99A-747.25	Bắc Ninh			
4983	99A-751.95	Bắc Ninh	5983	99A-751.56	Bắc Ninh	6983	99A-749.36	Bắc Ninh			
4984	99A-753.69	Bắc Ninh	5984	99A-752.68	Bắc Ninh	6984	99A-751.57	Bắc Ninh			
4985	99A-754.19	Bắc Ninh	5985	99A-752.99	Bắc Ninh	6985	99A-752.06	Bắc Ninh			
4986	99A-756.00	Bắc Ninh	5986	99A-753.59	Bắc Ninh	6986	99A-754.11	Bắc Ninh			
4987	99A-756.36	Bắc Ninh	5987	99A-754.06	Bắc Ninh	6987	99A-756.58	Bắc Ninh			
4988	99A-756.79	Bắc Ninh	5988	99A-759.28	Bắc Ninh	6988	99A-757.25	Bắc Ninh			
4989	99A-758.25	Bắc Ninh	5989	99A-759.68	Bắc Ninh	6989	99A-757.98	Bắc Ninh			
4990	99A-758.36	Bắc Ninh	5990	99A-760.19	Bắc Ninh	6990	99A-759.15	Bắc Ninh			
4991	99A-759.11	Bắc Ninh	5991	99A-761.86	Bắc Ninh	6991	99A-762.39	Bắc Ninh			
4992	99A-759.16	Bắc Ninh	5992	99A-762.76	Bắc Ninh	6992	99A-764.89	Bắc Ninh			
4993	99A-760.22	Bắc Ninh	5993	99A-763.98	Bắc Ninh	6993	99A-765.18	Bắc Ninh			
4994	99A-761.98	Bắc Ninh	5994	99A-764.46	Bắc Ninh	6994	99A-765.29	Bắc Ninh			
4995	99A-763.15	Bắc Ninh	5995	99A-765.33	Bắc Ninh	6995	99A-765.66	Bắc Ninh			
4996	99A-763.64	Bắc Ninh	5996	99C-303.58	Bắc Ninh	6996	99C-301.11	Bắc Ninh			
4997	99C-301.19	Bắc Ninh	5997	99C-305.30	Bắc Ninh	6997	99C-302.66	Bắc Ninh			
4998	99C-305.55	Bắc Ninh	5998	99C-305.99	Bắc Ninh	6998	99C-303.55	Bắc Ninh			
4999	99C-306.36	Bắc Ninh	5999	99C-306.55	Bắc Ninh	6999	99C-304.98	Bắc Ninh			
5000	99C-308.16	Bắc Ninh	6000	99C-308.69	Bắc Ninh	7000	99C-305.05	Bắc Ninh			



Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'

Trang 1/17

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
57	30K-871.65	Hà Nội	1057	30K-887.18	Hà Nội	2057	30K-869.16	Hà Nội	3057	30K-860.01	Hà Nội
58	30K-872.58	Hà Nội	1058	30K-887.55	Hà Nội	2058	30K-870.77	Hà Nội	3058	30K-860.65	Hà Nội
59	30K-875.66	Hà Nội	1059	30K-890.66	Hà Nội	2059	30K-873.66	Hà Nội	3059	30K-862.00	Hà Nội
60	30K-880.77	Hà Nội	1060	30K-895.36	Hà Nội	2060	30K-880.98	Hà Nội	3060	30K-862.16	Hà Nội
61	30K-885.44	Hà Nội	1061	30K-897.19	Hà Nội	2061	30K-881.69	Hà Nội	3061	30K-865.22	Hà Nội
62	30K-885.69	Hà Nội	1062	30K-902.06	Hà Nội	2062	30K-885.38	Hà Nội	3062	30K-873.19	Hà Nội
63	30K-886.25	Hà Nội	1063	30K-902.55	Hà Nội	2063	30K-885.56	Hà Nội	3063	30K-873.38	Hà Nội
64	30K-887.00	Hà Nội	1064	30K-907.07	Hà Nội	2064	30K-887.33	Hà Nội	3064	30K-874.18	Hà Nội
65	30K-889.36	Hà Nội	1065	30K-907.69	Hà Nội	2065	30K-887.96	Hà Nội	3065	30K-875.59	Hà Nội
66	30K-890.35	Hà Nội	1066	30K-915.15	Hà Nội	2066	30K-889.08	Hà Nội	3066	30K-875.83	Hà Nội
67	30K-890.85	Hà Nội	1067	30K-916.55	Hà Nội	2067	30K-890.22	Hà Nội	3067	30K-875.98	Hà Nội
68	30K-892.58	Hà Nội	1068	30K-916.56	Hà Nội	2068	30K-893.09	Hà Nội	3068	30K-880.06	Hà Nội
69	30K-894.09	Hà Nội	1069	30K-917.26	Hà Nội	2069	30K-896.08	Hà Nội	3069	30K-881.96	Hà Nội
70	30K-895.00	Hà Nội	1070	30K-917.55	Hà Nội	2070	30K-896.22	Hà Nội	3070	30K-882.16	Hà Nội
71	30K-904.05	Hà Nội	1071	30K-918.81	Hà Nội	2071	30K-900.58	Hà Nội	3071	30K-886.08	Hà Nội
72	30K-908.26	Hà Nội	1072	30K-918.98	Hà Nội	2072	30K-900.89	Hà Nội	3072	30K-886.18	Hà Nội
73	30K-910.10	Hà Nội	1073	30K-920.21	Hà Nội	2073	30K-902.18	Hà Nội	3073	30K-887.09	Hà Nội
74	30K-915.66	Hà Nội	1074	30K-924.77	Hà Nội	2074	30K-904.04	Hà Nội	3074	30K-891.25	Hà Nội
75	30K-916.00	Hà Nội	1075	30K-927.33	Hà Nội	2075	30K-904.65	Hà Nội	3075	30K-895.33	Hà Nội
76	30K-916.59	Hà Nội	1076	30K-930.44	Hà Nội	2076	30K-906.38	Hà Nội	3076	30K-896.36	Hà Nội
77	30K-917.06	Hà Nội	1077	30K-931.15	Hà Nội	2077	30K-910.55	Hà Nội	3077	30K-899.44	Hà Nội
78	30K-917.15	Hà Nội	1078	30K-932.23	Hà Nội	2078	30K-910.66	Hà Nội	3078	30K-903.19	Hà Nội
79	30K-917.68	Hà Nội	1079	30K-934.36	Hà Nội	2079	30K-913.83	Hà Nội	3079	30K-903.22	Hà Nội
80	30K-921.33	Hà Nội	1080	30K-934.65	Hà Nội	2080	30K-916.35	Hà Nội	3080	30K-903.77	Hà Nội
81	30K-921.98	Hà Nội	1081	30K-935.09	Hà Nội	2081	30K-917.65	Hà Nội	3081	30K-905.06	Hà Nội
82	30K-922.95	Hà Nội	1082	30K-935.96	Hà Nội	2082	30K-918.69	Hà Nội	3082	30K-905.36	Hà Nội
83	30K-923.36	Hà Nội	1083	30K-936.16	Hà Nội	2083	30K-919.56	Hà Nội	3083	30K-906.28	Hà Nội
84	30K-924.58	Hà Nội	1084	30K-942.49	Hà Nội	2084	30K-921.65	Hà Nội	3084	30K-906.90	Hà Nội
85	30K-927.92	Hà Nội	1085	30K-946.88	Hà Nội	2085	30K-923.77	Hà Nội	3085	30K-907.44	Hà Nội
86	30K-931.59	Hà Nội	1086	30K-950.11	Hà Nội	2086	30K-924.69	Hà Nội	3086	30K-908.59	Hà Nội
87	30K-933.29	Hà Nội	1087	30K-952.16	Hà Nội	2087	30K-925.86	Hà Nội	3087	30K-910.33	Hà Nội
88	30K-934.96	Hà Nội	1088	30K-952.69	Hà Nội	2088	30K-928.55	Hà Nội	3088	30K-911.59	Hà Nội
89	30K-935.36	Hà Nội	1089	30K-954.06	Hà Nội	2089	30K-930.22	Hà Nội	3089	30K-922.18	Hà Nội
90	30K-936.35	Hà Nội	1090	30K-954.16	Hà Nội	2090	30K-932.36	Hà Nội	3090	30K-924.25	Hà Nội
91	30K-937.19	Hà Nội	1091	30K-959.25	Hà Nội	2091	30K-934.95	Hà Nội	3091	30K-929.18	Hà Nội
92	30K-937.73	Hà Nội	1092	30K-959.35	Hà Nội	2092	30K-937.22	Hà Nội	3092	30K-932.15	Hà Nội
93	30K-938.00	Hà Nội	1093	30K-960.22	Hà Nội	2093	30K-939.15	Hà Nội	3093	30K-932.88	Hà Nội
94	30K-938.22	Hà Nội	1094	30K-962.06	Hà Nội	2094	30K-940.11	Hà Nội	3094	30K-939.65	Hà Nội
95	30K-939.44	Hà Nội	1095	30K-962.98	Hà Nội	2095	30K-940.77	Hà Nội	3095	30K-940.49	Hà Nội
96	30K-943.69	Hà Nội	1096	30K-963.65	Hà Nội	2096	30K-944.19	Hà Nội	3096	30K-940.55	Hà Nội
97	30K-951.65	Hà Nội	1097	30K-966.39	Hà Nội	2097	30K-945.77	Hà Nội	3097	30K-941.94	Hà Nội
98	30K-953.77	Hà Nội	1098	30K-967.56	Hà Nội	2098	30K-948.18	Hà Nội	3098	30K-944.29	Hà Nội
99	30K-954.45	Hà Nội	1099	30K-968.00	Hà Nội	2099	30K-948.39	Hà Nội	3099	30K-944.65	Hà Nội
100	30K-958.15	Hà Nội	1100	30K-969.36	Hà Nội	2100	30K-950.68	Hà Nội	3100	30K-947.48	Hà Nội
101	30K-958.82	Hà Nội	1101	30K-972.38	Hà Nội	2101	30K-950.86	Hà Nội	3101	30K-947.56	Hà Nội
102	30K-960.16	Hà Nội	1102	30K-975.25	Hà Nội	2102	30K-951.51	Hà Nội	3102	30K-947.77	Hà Nội
103	30K-962.56	Hà Nội	1103	30K-975.35	Hà Nội	2103	30K-952.36	Hà Nội	3103	30K-953.11	Hà Nội
104	30K-965.95	Hà Nội	1104	30K-976.16	Hà Nội	2104	30K-957.19	Hà Nội	3104	30K-953.65	Hà Nội
105	30K-971.36	Hà Nội	1105	30K-976.39	Hà Nội	2105	30K-959.98	Hà Nội	3105	30K-957.08	Hà Nội
106	30K-972.11	Hà Nội	1106	30K-978.16	Hà Nội	2106	30K-960.29	Hà Nội	3106	30K-957.99	Hà Nội
107	30K-972.66	Hà Nội	1107	30K-982.06	Hà Nội	2107	30K-961.15	Hà Nội	3107	30K-959.11	Hà Nội
108	30K-974.66	Hà Nội	1108	30K-985.28	Hà Nội	2108	30K-961.26	Hà Nội	3108	30K-961.35	Hà Nội
109	30K-975.19	Hà Nội	1109	30K-986.15	Hà Nội	2109	30K-963.93	Hà Nội	3109	30K-965.18	Hà Nội
110	30K-976.69	Hà Nội	1110	30K-987.06	Hà Nội	2110	30K-969.22	Hà Nội	3110	30K-966.26	Hà Nội
111	30K-977.26	Hà Nội	1111	30K-987.08	Hà Nội	2111	30K-971.35	Hà Nội	3111	30K-968.11	Hà Nội
112	30K-979.25	Hà Nội	1112	30K-990.44	Hà Nội	2112	30K-972.77	Hà Nội	3112	30K-969.65	Hà Nội
113	30K-980.25	Hà Nội	1113	30K-991.44	Hà Nội	2113	30K-974.75	Hà Nội	3113	30K-974.38	Hà Nội
114	30K-980.85	Hà Nội	1114	30K-994.00	Hà Nội	2114	30K-974.89	Hà Nội	3114	30K-975.56	Hà Nội
115	30K-981.65	Hà Nội	1115	30L-007.33	Hà Nội	2115	30K-978.56	Hà Nội	3115	30K-975.98	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
116	30K-982.79	Hà Nội	1116	30L-008.55	Hà Nội	2116	30K-978.58	Hà Nội	3116	30K-976.06	Hà Nội
117	30K-985.08	Hà Nội	1117	30L-013.95	Hà Nội	2117	30K-983.55	Hà Nội	3117	30K-983.16	Hà Nội
118	30K-985.59	Hà Nội	1118	30L-014.14	Hà Nội	2118	30K-987.15	Hà Nội	3118	30K-985.36	Hà Nội
119	30K-989.09	Hà Nội	1119	30L-015.18	Hà Nội	2119	30K-988.16	Hà Nội	3119	30K-985.69	Hà Nội
120	30K-991.33	Hà Nội	1120	30L-015.85	Hà Nội	2120	30K-990.22	Hà Nội	3120	30K-986.36	Hà Nội
121	30K-991.69	Hà Nội	1121	30L-015.88	Hà Nội	2121	30K-995.29	Hà Nội	3121	30K-988.00	Hà Nội
122	30K-992.55	Hà Nội	1122	30L-017.15	Hà Nội	2122	30K-996.19	Hà Nội	3122	30K-995.08	Hà Nội
123	30K-994.44	Hà Nội	1123	30L-018.85	Hà Nội	2123	30K-996.28	Hà Nội	3123	30L-003.11	Hà Nội
124	30K-996.35	Hà Nội	1124	30L-021.55	Hà Nội	2124	30K-996.85	Hà Nội	3124	30L-008.79	Hà Nội
125	30K-998.00	Hà Nội	1125	30L-022.08	Hà Nội	2125	30K-999.37	Hà Nội	3125	30L-011.86	Hà Nội
126	30L-002.44	Hà Nội	1126	30L-024.25	Hà Nội	2126	30L-001.55	Hà Nội	3126	30L-012.65	Hà Nội
127	30L-004.79	Hà Nội	1127	30L-024.85	Hà Nội	2127	30L-002.29	Hà Nội	3127	30L-018.11	Hà Nội
128	30L-005.06	Hà Nội	1128	30L-025.11	Hà Nội	2128	30L-002.33	Hà Nội	3128	30L-020.68	Hà Nội
129	30L-005.56	Hà Nội	1129	30L-031.86	Hà Nội	2129	30L-003.35	Hà Nội	3129	30L-022.65	Hà Nội
130	30L-009.08	Hà Nội	1130	30L-032.99	Hà Nội	2130	30L-005.33	Hà Nội	3130	30L-023.06	Hà Nội
131	30L-009.55	Hà Nội	1131	30L-034.77	Hà Nội	2131	30L-005.98	Hà Nội	3131	30L-023.86	Hà Nội
132	30L-010.26	Hà Nội	1132	30L-035.86	Hà Nội	2132	30L-008.56	Hà Nội	3132	30L-024.08	Hà Nội
133	30L-011.25	Hà Nội	1133	30L-038.36	Hà Nội	2133	30L-010.66	Hà Nội	3133	30L-027.65	Hà Nội
134	30L-012.25	Hà Nội	1134	30L-045.28	Hà Nội	2134	30L-011.44	Hà Nội	3134	30L-028.20	Hà Nội
135	30L-013.96	Hà Nội	1135	30L-049.33	Hà Nội	2135	30L-012.38	Hà Nội	3135	30L-033.65	Hà Nội
136	30L-014.86	Hà Nội	1136	30L-049.65	Hà Nội	2136	30L-016.58	Hà Nội	3136	30L-034.03	Hà Nội
137	30L-015.28	Hà Nội	1137	30L-049.86	Hà Nội	2137	30L-020.16	Hà Nội	3137	30L-035.03	Hà Nội
138	30L-017.17	Hà Nội	1138	30L-050.16	Hà Nội	2138	30L-022.95	Hà Nội	3138	30L-036.28	Hà Nội
139	30L-019.17	Hà Nội	1139	30L-050.29	Hà Nội	2139	30L-027.58	Hà Nội	3139	30L-038.25	Hà Nội
140	30L-019.73	Hà Nội	1140	30L-053.00	Hà Nội	2140	30L-028.92	Hà Nội	3140	30L-041.09	Hà Nội
141	30L-019.94	Hà Nội	1141	30L-054.89	Hà Nội	2141	30L-030.77	Hà Nội	3141	30L-041.22	Hà Nội
142	30L-020.09	Hà Nội	1142	30L-057.57	Hà Nội	2142	30L-031.77	Hà Nội	3142	30L-042.68	Hà Nội
143	30L-020.28	Hà Nội	1143	30L-057.96	Hà Nội	2143	30L-031.98	Hà Nội	3143	30L-043.96	Hà Nội
144	30L-022.19	Hà Nội	1144	30L-061.44	Hà Nội	2144	30L-032.65	Hà Nội	3144	30L-045.44	Hà Nội
145	30L-022.38	Hà Nội	1145	30L-061.77	Hà Nội	2145	30L-033.06	Hà Nội	3145	30L-046.18	Hà Nội
146	30L-022.69	Hà Nội	1146	30L-062.16	Hà Nội	2146	30L-039.98	Hà Nội	3146	30L-048.29	Hà Nội
147	30L-023.96	Hà Nội	1147	30L-064.64	Hà Nội	2147	30L-041.65	Hà Nội	3147	30L-051.35	Hà Nội
148	30L-027.88	Hà Nội	1148	30L-065.29	Hà Nội	2148	30L-044.45	Hà Nội	3148	30L-052.38	Hà Nội
149	30L-030.55	Hà Nội	1149	30L-065.96	Hà Nội	2149	30L-044.79	Hà Nội	3149	30L-053.68	Hà Nội
150	30L-032.25	Hà Nội	1150	30L-068.60	Hà Nội	2150	30L-044.85	Hà Nội	3150	30L-057.56	Hà Nội
151	30L-035.15	Hà Nội	1151	30L-069.06	Hà Nội	2151	30L-044.95	Hà Nội	3151	30L-057.66	Hà Nội
152	30L-036.98	Hà Nội	1152	30L-069.59	Hà Nội	2152	30L-047.22	Hà Nội	3152	30L-059.08	Hà Nội
153	30L-037.33	Hà Nội	1153	30L-070.22	Hà Nội	2153	30L-047.29	Hà Nội	3153	30L-059.86	Hà Nội
154	30L-038.26	Hà Nội	1154	30L-070.28	Hà Nội	2154	30L-047.38	Hà Nội	3154	30L-061.29	Hà Nội
155	30L-039.16	Hà Nội	1155	30L-073.00	Hà Nội	2155	30L-048.44	Hà Nội	3155	30L-062.44	Hà Nội
156	30L-040.04	Hà Nội	1156	30L-074.75	Hà Nội	2156	30L-049.39	Hà Nội	3156	30L-064.06	Hà Nội
157	30L-041.14	Hà Nội	1157	30L-074.86	Hà Nội	2157	30L-049.85	Hà Nội	3157	30L-066.28	Hà Nội
158	30L-044.40	Hà Nội	1158	30L-077.33	Hà Nội	2158	30L-051.44	Hà Nội	3158	30L-068.15	Hà Nội
159	30L-047.55	Hà Nội	1159	30L-078.89	Hà Nội	2159	30L-051.85	Hà Nội	3159	30L-069.58	Hà Nội
160	30L-049.04	Hà Nội	1160	30L-079.58	Hà Nội	2160	30L-051.89	Hà Nội	3160	30L-070.35	Hà Nội
161	30L-049.11	Hà Nội	1161	30L-083.69	Hà Nội	2161	30L-053.66	Hà Nội	3161	30L-070.58	Hà Nội
162	30L-053.19	Hà Nội	1162	30L-087.25	Hà Nội	2162	30L-055.28	Hà Nội	3162	30L-071.11	Hà Nội
163	30L-055.29	Hà Nội	1163	30L-089.06	Hà Nội	2163	30L-058.05	Hà Nội	3163	30L-072.69	Hà Nội
164	30L-056.86	Hà Nội	1164	30L-090.88	Hà Nội	2164	30L-058.69	Hà Nội	3164	30L-073.08	Hà Nội
165	30L-057.88	Hà Nội	1165	30L-094.16	Hà Nội	2165	30L-061.00	Hà Nội	3165	30L-073.74	Hà Nội
166	30L-060.83	Hà Nội	1166	30L-094.88	Hà Nội	2166	30L-061.58	Hà Nội	3166	30L-073.79	Hà Nội
167	30L-061.95	Hà Nội	1167	30L-102.01	Hà Nội	2167	30L-062.85	Hà Nội	3167	30L-074.33	Hà Nội
168	30L-065.16	Hà Nội	1168	30L-102.98	Hà Nội	2168	30L-066.98	Hà Nội	3168	30L-075.76	Hà Nội
169	30L-065.77	Hà Nội	1169	30L-103.22	Hà Nội	2169	30L-068.23	Hà Nội	3169	30L-082.09	Hà Nội
170	30L-066.38	Hà Nội	1170	30L-103.44	Hà Nội	2170	30L-070.71	Hà Nội	3170	30L-082.77	Hà Nội
171	30L-070.44	Hà Nội	1171	30L-103.59	Hà Nội	2171	30L-072.89	Hà Nội	3171	30L-084.65	Hà Nội
172	30L-070.83	Hà Nội	1172	30L-106.08	Hà Nội	2172	30L-072.98	Hà Nội	3172	30L-087.68	Hà Nội
173	30L-076.06	Hà Nội	1173	30L-108.68	Hà Nội	2173	30L-074.08	Hà Nội	3173	30L-087.80	Hà Nội
174	30L-076.22	Hà Nội	1174	30L-112.18	Hà Nội	2174	30L-079.09	Hà Nội	3174	30L-088.26	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
175	30L-076.79	Hà Nội	1175	30L-113.95	Hà Nội	2175	30L-081.95	Hà Nội	3175	30L-092.16	Hà Nội
176	30L-077.29	Hà Nội	1176	30L-118.11	Hà Nội	2176	30L-084.11	Hà Nội	3176	30L-092.28	Hà Nội
177	30L-080.26	Hà Nội	1177	30L-119.77	Hà Nội	2177	30L-086.25	Hà Nội	3177	30L-094.15	Hà Nội
178	30L-083.65	Hà Nội	1178	30L-122.11	Hà Nội	2178	30L-088.16	Hà Nội	3178	30L-094.59	Hà Nội
179	30L-083.66	Hà Nội	1179	30L-123.98	Hà Nội	2179	30L-088.28	Hà Nội	3179	30L-097.15	Hà Nội
180	30L-087.35	Hà Nội	1180	30L-124.08	Hà Nội	2180	30L-088.58	Hà Nội	3180	30L-100.98	Hà Nội
181	30L-088.36	Hà Nội	1181	30L-131.58	Hà Nội	2181	30L-090.26	Hà Nội	3181	30L-103.03	Hà Nội
182	30L-090.35	Hà Nội	1182	30L-132.13	Hà Nội	2182	30L-090.38	Hà Nội	3182	30L-103.65	Hà Nội
183	30L-090.58	Hà Nội	1183	30L-132.66	Hà Nội	2183	30L-091.26	Hà Nội	3183	30L-106.35	Hà Nội
184	30L-093.55	Hà Nội	1184	30L-136.16	Hà Nội	2184	30L-091.29	Hà Nội	3184	30L-106.79	Hà Nội
185	30L-094.22	Hà Nội	1185	30L-136.55	Hà Nội	2185	30L-092.86	Hà Nội	3185	30L-107.25	Hà Nội
186	30L-095.66	Hà Nội	1186	30L-136.58	Hà Nội	2186	30L-101.77	Hà Nội	3186	30L-107.56	Hà Nội
187	30L-096.29	Hà Nội	1187	30L-137.96	Hà Nội	2187	30L-104.15	Hà Nội	3187	30L-108.22	Hà Nội
188	30L-097.90	Hà Nội	1188	30L-139.96	Hà Nội	2188	30L-106.38	Hà Nội	3188	30L-113.83	Hà Nội
189	30L-101.83	Hà Nội	1189	30L-140.41	Hà Nội	2189	30L-108.18	Hà Nội	3189	30L-113.85	Hà Nội
190	30L-102.06	Hà Nội	1190	30L-143.36	Hà Nội	2190	30L-112.21	Hà Nội	3190	30L-115.89	Hà Nội
191	30L-107.77	Hà Nội	1191	30L-146.16	Hà Nội	2191	30L-114.35	Hà Nội	3191	30L-118.38	Hà Nội
192	30L-108.35	Hà Nội	1192	30L-149.96	Hà Nội	2192	30L-118.16	Hà Nội	3192	30L-121.56	Hà Nội
193	30L-112.44	Hà Nội	1193	30L-150.29	Hà Nội	2193	30L-118.39	Hà Nội	3193	30L-122.95	Hà Nội
194	30L-114.33	Hà Nội	1194	30L-151.59	Hà Nội	2194	30L-118.56	Hà Nội	3194	30L-123.24	Hà Nội
195	30L-114.66	Hà Nội	1195	30L-154.55	Hà Nội	2195	30L-124.89	Hà Nội	3195	30L-124.24	Hà Nội
196	30L-118.22	Hà Nội	1196	30L-154.79	Hà Nội	2196	30L-125.19	Hà Nội	3196	30L-127.12	Hà Nội
197	30L-119.15	Hà Nội	1197	30L-155.65	Hà Nội	2197	30L-129.89	Hà Nội	3197	30L-127.83	Hà Nội
198	30L-120.21	Hà Nội	1198	30L-156.15	Hà Nội	2198	30L-131.09	Hà Nội	3198	30L-130.39	Hà Nội
199	30L-121.44	Hà Nội	1199	30L-157.88	Hà Nội	2199	30L-131.26	Hà Nội	3199	30L-132.00	Hà Nội
200	30L-126.25	Hà Nội	1200	30L-159.63	Hà Nội	2200	30L-133.22	Hà Nội	3200	30L-133.00	Hà Nội
201	30L-130.15	Hà Nội	1201	30L-163.29	Hà Nội	2201	30L-136.38	Hà Nội	3201	30L-134.11	Hà Nội
202	30L-131.19	Hà Nội	1202	30L-172.58	Hà Nội	2202	30L-138.08	Hà Nội	3202	30L-139.38	Hà Nội
203	30L-136.06	Hà Nội	1203	30L-174.28	Hà Nội	2203	30L-142.68	Hà Nội	3203	30L-143.26	Hà Nội
204	30L-138.69	Hà Nội	1204	51L-071.69	Hồ Chí Minh	2204	30L-142.88	Hà Nội	3204	30L-143.43	Hà Nội
205	30L-142.66	Hà Nội	1205	51L-073.68	Hồ Chí Minh	2205	30L-145.11	Hà Nội	3205	30L-145.86	Hà Nội
206	30L-143.18	Hà Nội	1206	51L-074.88	Hồ Chí Minh	2206	30L-145.88	Hà Nội	3206	30L-146.26	Hà Nội
207	30L-143.85	Hà Nội	1207	51L-076.39	Hồ Chí Minh	2207	30L-147.85	Hà Nội	3207	30L-146.98	Hà Nội
208	30L-149.15	Hà Nội	1208	51L-079.33	Hồ Chí Minh	2208	30L-147.98	Hà Nội	3208	30L-147.19	Hà Nội
209	30L-149.66	Hà Nội	1209	51L-086.39	Hồ Chí Minh	2209	30L-153.22	Hà Nội	3209	30L-147.56	Hà Nội
210	30L-150.83	Hà Nội	1210	51L-087.33	Hồ Chí Minh	2210	30L-156.16	Hà Nội	3210	30L-150.15	Hà Nội
211	30L-152.11	Hà Nội	1211	51L-087.78	Hồ Chí Minh	2211	30L-156.28	Hà Nội	3211	30L-150.44	Hà Nội
212	30L-152.28	Hà Nội	1212	51L-087.99	Hồ Chí Minh	2212	30L-156.59	Hà Nội	3212	30L-150.69	Hà Nội
213	30L-153.58	Hà Nội	1213	51L-088.29	Hồ Chí Minh	2213	30L-156.63	Hà Nội	3213	30L-153.51	Hà Nội
214	30L-154.15	Hà Nội	1214	51L-091.08	Hồ Chí Minh	2214	30L-157.44	Hà Nội	3214	30L-154.08	Hà Nội
215	30L-154.26	Hà Nội	1215	51L-098.68	Hồ Chí Minh	2215	30L-160.77	Hà Nội	3215	30L-154.56	Hà Nội
216	30L-155.16	Hà Nội	1216	51L-099.25	Hồ Chí Minh	2216	30L-161.59	Hà Nội	3216	30L-156.33	Hà Nội
217	30L-159.16	Hà Nội	1217	51L-101.86	Hồ Chí Minh	2217	30L-163.38	Hà Nội	3217	30L-157.29	Hà Nội
218	30L-160.68	Hà Nội	1218	51L-102.06	Hồ Chí Minh	2218	30L-169.92	Hà Nội	3218	30L-157.39	Hà Nội
219	30L-161.55	Hà Nội	1219	51L-106.00	Hồ Chí Minh	2219	30L-170.96	Hà Nội	3219	30L-158.22	Hà Nội
220	30L-165.19	Hà Nội	1220	51L-106.15	Hồ Chí Minh	2220	30L-171.06	Hà Nội	3220	30L-165.88	Hà Nội
221	30L-165.25	Hà Nội	1221	51L-106.16	Hồ Chí Minh	2221	30L-171.55	Hà Nội	3221	30L-166.55	Hà Nội
222	30L-167.86	Hà Nội	1222	51L-107.68	Hồ Chí Minh	2222	30L-171.66	Hà Nội	3222	30L-168.23	Hà Nội
223	30L-168.11	Hà Nội	1223	51L-109.26	Hồ Chí Minh	2223	30L-173.56	Hà Nội	3223	30L-168.85	Hà Nội
224	30L-171.25	Hà Nội	1224	51L-110.29	Hồ Chí Minh	2224	30L-174.18	Hà Nội	3224	30L-169.68	Hà Nội
225	30L-172.66	Hà Nội	1225	51L-111.29	Hồ Chí Minh	2225	30L-174.95	Hà Nội	3225	30L-173.18	Hà Nội
226	30L-173.36	Hà Nội	1226	51L-116.61	Hồ Chí Minh	2226	51L-073.56	Hồ Chí Minh	3226	51L-073.99	Hồ Chí Minh
227	30L-173.58	Hà Nội	1227	51L-125.88	Hồ Chí Minh	2227	51L-081.88	Hồ Chí Minh	3227	51L-075.00	Hồ Chí Minh
228	30L-173.95	Hà Nội	1228	51L-129.28	Hồ Chí Minh	2228	51L-083.18	Hồ Chí Minh	3228	51L-075.99	Hồ Chí Minh
229	51L-074.16	Hồ Chí Minh	1229	51L-130.18	Hồ Chí Minh	2229	51L-085.86	Hồ Chí Minh	3229	51L-076.33	Hồ Chí Minh
230	51L-075.36	Hồ Chí Minh	1230	51L-131.15	Hồ Chí Minh	2230	51L-088.79	Hồ Chí Minh	3230	51L-084.26	Hồ Chí Minh
231	51L-078.56	Hồ Chí Minh	1231	51L-135.56	Hồ Chí Minh	2231	51L-096.85	Hồ Chí Minh	3231	51L-085.69	Hồ Chí Minh
232	51L-083.98	Hồ Chí Minh	1232	51L-136.56	Hồ Chí Minh	2232	51L-100.09	Hồ Chí Minh	3232	51L-089.95	Hồ Chí Minh
233	51L-084.88	Hồ Chí Minh	1233	51L-137.68	Hồ Chí Minh	2233	51L-101.22	Hồ Chí Minh	3233	51L-091.06	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
234	51L-085.29	Hồ Chí Minh	1234	51L-142.41	Hồ Chí Minh	2234	51L-101.77	Hồ Chí Minh	3234	51L-091.29	Hồ Chí Minh
235	51L-085.35	Hồ Chí Minh	1235	51L-142.56	Hồ Chí Minh	2235	51L-105.29	Hồ Chí Minh	3235	51L-091.58	Hồ Chí Minh
236	51L-092.36	Hồ Chí Minh	1236	51L-145.19	Hồ Chí Minh	2236	51L-111.85	Hồ Chí Minh	3236	51L-092.26	Hồ Chí Minh
237	51L-092.39	Hồ Chí Minh	1237	51L-145.98	Hồ Chí Minh	2237	51L-112.69	Hồ Chí Minh	3237	51L-096.56	Hồ Chí Minh
238	51L-103.66	Hồ Chí Minh	1238	51L-146.19	Hồ Chí Minh	2238	51L-113.96	Hồ Chí Minh	3238	51L-099.06	Hồ Chí Minh
239	51L-104.69	Hồ Chí Minh	1239	51L-147.29	Hồ Chí Minh	2239	51L-114.09	Hồ Chí Minh	3239	51L-104.56	Hồ Chí Minh
240	51L-105.68	Hồ Chí Minh	1240	51L-149.39	Hồ Chí Minh	2240	51L-115.33	Hồ Chí Minh	3240	51L-106.95	Hồ Chí Minh
241	51L-112.26	Hồ Chí Minh	1241	51L-150.06	Hồ Chí Minh	2241	51L-115.66	Hồ Chí Minh	3241	51L-109.16	Hồ Chí Minh
242	51L-114.33	Hồ Chí Minh	1242	51L-150.58	Hồ Chí Minh	2242	51L-121.35	Hồ Chí Minh	3242	51L-111.07	Hồ Chí Minh
243	51L-116.09	Hồ Chí Minh	1243	51L-150.86	Hồ Chí Minh	2243	51L-121.44	Hồ Chí Minh	3243	51L-113.25	Hồ Chí Minh
244	51L-116.44	Hồ Chí Minh	1244	51L-150.98	Hồ Chí Minh	2244	51L-124.69	Hồ Chí Minh	3244	51L-116.83	Hồ Chí Minh
245	51L-116.69	Hồ Chí Minh	1245	51L-156.88	Hồ Chí Minh	2245	51L-126.15	Hồ Chí Minh	3245	51L-127.95	Hồ Chí Minh
246	51L-124.95	Hồ Chí Minh	1246	51L-158.36	Hồ Chí Minh	2246	51L-126.63	Hồ Chí Minh	3246	51L-128.19	Hồ Chí Minh
247	51L-126.35	Hồ Chí Minh	1247	51L-159.22	Hồ Chí Minh	2247	51L-127.08	Hồ Chí Minh	3247	51L-128.82	Hồ Chí Minh
248	51L-128.38	Hồ Chí Minh	1248	51L-161.28	Hồ Chí Minh	2248	51L-129.36	Hồ Chí Minh	3248	51L-129.56	Hồ Chí Minh
249	51L-128.39	Hồ Chí Minh	1249	51L-170.65	Hồ Chí Minh	2249	51L-129.58	Hồ Chí Minh	3249	51L-134.86	Hồ Chí Minh
250	51L-129.22	Hồ Chí Minh	1250	51L-171.66	Hồ Chí Minh	2250	51L-130.03	Hồ Chí Minh	3250	51L-136.08	Hồ Chí Minh
251	51L-129.35	Hồ Chí Minh	1251	51L-172.86	Hồ Chí Minh	2251	51L-130.96	Hồ Chí Minh	3251	51L-141.77	Hồ Chí Minh
252	51L-132.66	Hồ Chí Minh	1252	51L-173.09	Hồ Chí Minh	2252	51L-132.15	Hồ Chí Minh	3252	51L-142.08	Hồ Chí Minh
253	51L-132.85	Hồ Chí Minh	1253	51L-174.85	Hồ Chí Minh	2253	51L-132.35	Hồ Chí Minh	3253	51L-143.89	Hồ Chí Minh
254	51L-132.99	Hồ Chí Minh	1254	51L-176.00	Hồ Chí Minh	2254	51L-145.46	Hồ Chí Minh	3254	51L-151.26	Hồ Chí Minh
255	51L-133.25	Hồ Chí Minh	1255	51L-240.40	Hồ Chí Minh	2255	51L-146.06	Hồ Chí Minh	3255	51L-158.09	Hồ Chí Minh
256	51L-137.06	Hồ Chí Minh	1256	51L-241.00	Hồ Chí Minh	2256	51L-147.18	Hồ Chí Minh	3256	51L-159.85	Hồ Chí Minh
257	51L-141.65	Hồ Chí Minh	1257	51L-243.38	Hồ Chí Minh	2257	51L-147.19	Hồ Chí Minh	3257	51L-171.98	Hồ Chí Minh
258	51L-143.14	Hồ Chí Minh	1258	51L-244.24	Hồ Chí Minh	2258	51L-149.44	Hồ Chí Minh	3258	51L-172.22	Hồ Chí Minh
259	51L-145.66	Hồ Chí Minh	1259	51L-244.33	Hồ Chí Minh	2259	51L-152.00	Hồ Chí Minh	3259	51L-173.18	Hồ Chí Minh
260	51L-147.14	Hồ Chí Minh	1260	51L-244.83	Hồ Chí Minh	2260	51L-154.99	Hồ Chí Minh	3260	51L-173.39	Hồ Chí Minh
261	51L-148.29	Hồ Chí Minh	1261	51L-246.64	Hồ Chí Minh	2261	51L-156.08	Hồ Chí Minh	3261	51L-175.25	Hồ Chí Minh
262	51L-150.08	Hồ Chí Minh	1262	51L-247.36	Hồ Chí Minh	2262	51L-156.16	Hồ Chí Minh	3262	51L-176.26	Hồ Chí Minh
263	51L-150.44	Hồ Chí Minh	1263	51L-247.89	Hồ Chí Minh	2263	51L-158.44	Hồ Chí Minh	3263	51L-176.85	Hồ Chí Minh
264	51L-151.39	Hồ Chí Minh	1264	51L-249.09	Hồ Chí Minh	2264	51L-158.66	Hồ Chí Minh	3264	51L-242.33	Hồ Chí Minh
265	51L-155.08	Hồ Chí Minh	1265	51L-249.59	Hồ Chí Minh	2265	51L-158.89	Hồ Chí Minh	3265	51L-242.85	Hồ Chí Minh
266	51L-157.95	Hồ Chí Minh	1266	51L-251.26	Hồ Chí Minh	2266	51L-161.26	Hồ Chí Minh	3266	51L-245.33	Hồ Chí Minh
267	51L-174.44	Hồ Chí Minh	1267	51L-251.55	Hồ Chí Minh	2267	51L-162.59	Hồ Chí Minh	3267	51L-248.18	Hồ Chí Minh
268	51L-174.66	Hồ Chí Minh	1268	51L-252.15	Hồ Chí Minh	2268	51L-174.36	Hồ Chí Minh	3268	51L-249.66	Hồ Chí Minh
269	51L-179.71	Hồ Chí Minh	1269	51L-252.66	Hồ Chí Minh	2269	51L-175.36	Hồ Chí Minh	3269	51L-254.39	Hồ Chí Minh
270	51L-242.28	Hồ Chí Minh	1270	51L-257.52	Hồ Chí Minh	2270	51L-178.44	Hồ Chí Minh	3270	51L-255.18	Hồ Chí Minh
271	51L-247.08	Hồ Chí Minh	1271	51L-257.55	Hồ Chí Minh	2271	51L-179.33	Hồ Chí Minh	3271	51L-255.22	Hồ Chí Minh
272	51L-247.33	Hồ Chí Minh	1272	51L-257.69	Hồ Chí Minh	2272	51L-179.83	Hồ Chí Minh	3272	51L-257.06	Hồ Chí Minh
273	51L-250.38	Hồ Chí Minh	1273	51L-258.26	Hồ Chí Minh	2273	51L-246.55	Hồ Chí Minh	3273	51L-257.79	Hồ Chí Minh
274	51L-250.86	Hồ Chí Minh	1274	51L-260.77	Hồ Chí Minh	2274	51L-248.69	Hồ Chí Minh	3274	51L-257.98	Hồ Chí Minh
275	51L-253.19	Hồ Chí Minh	1275	51L-262.36	Hồ Chí Minh	2275	51L-252.95	Hồ Chí Minh	3275	51L-261.25	Hồ Chí Minh
276	51L-257.09	Hồ Chí Minh	1276	51L-263.36	Hồ Chí Minh	2276	51L-254.95	Hồ Chí Minh	3276	51L-261.26	Hồ Chí Minh
277	51L-259.22	Hồ Chí Minh	1277	51L-265.68	Hồ Chí Minh	2277	51L-255.08	Hồ Chí Minh	3277	51L-261.85	Hồ Chí Minh
278	51L-259.44	Hồ Chí Minh	1278	51L-265.88	Hồ Chí Minh	2278	51L-255.96	Hồ Chí Minh	3278	51L-263.26	Hồ Chí Minh
279	51L-259.52	Hồ Chí Minh	1279	51L-268.28	Hồ Chí Minh	2279	51L-257.96	Hồ Chí Minh	3279	51L-270.88	Hồ Chí Minh
280	51L-260.56	Hồ Chí Minh	1280	51L-271.38	Hồ Chí Minh	2280	51L-258.83	Hồ Chí Minh	3280	51L-272.96	Hồ Chí Minh
281	51L-260.99	Hồ Chí Minh	1281	51L-273.00	Hồ Chí Minh	2281	51L-262.16	Hồ Chí Minh	3281	51L-281.77	Hồ Chí Minh
282	51L-262.65	Hồ Chí Minh	1282	51L-273.96	Hồ Chí Minh	2282	51L-263.18	Hồ Chí Minh	3282	51L-281.82	Hồ Chí Minh
283	51L-266.09	Hồ Chí Minh	1283	51L-275.79	Hồ Chí Minh	2283	51L-263.95	Hồ Chí Minh	3283	51L-284.86	Hồ Chí Minh
284	51L-266.95	Hồ Chí Minh	1284	51L-278.86	Hồ Chí Minh	2284	51L-264.44	Hồ Chí Minh	3284	51L-284.96	Hồ Chí Minh
285	51L-273.22	Hồ Chí Minh	1285	51L-278.95	Hồ Chí Minh	2285	51L-265.28	Hồ Chí Minh	3285	51L-285.99	Hồ Chí Minh
286	51L-276.44	Hồ Chí Minh	1286	51L-280.80	Hồ Chí Minh	2286	51L-266.92	Hồ Chí Minh	3286	51L-286.22	Hồ Chí Minh
287	51L-280.15	Hồ Chí Minh	1287	51L-286.39	Hồ Chí Minh	2287	51L-267.99	Hồ Chí Minh	3287	51L-290.83	Hồ Chí Minh
288	51L-281.22	Hồ Chí Minh	1288	51L-289.26	Hồ Chí Minh	2288	51L-271.09	Hồ Chí Minh	3288	51L-292.68	Hồ Chí Minh
289	51L-282.66	Hồ Chí Minh	1289	51L-290.69	Hồ Chí Minh	2289	51L-271.25	Hồ Chí Minh	3289	51L-293.08	Hồ Chí Minh
290	51L-284.39	Hồ Chí Minh	1290	51L-291.44	Hồ Chí Minh	2290	51L-275.29	Hồ Chí Minh	3290	51L-296.85	Hồ Chí Minh
291	51L-287.28	Hồ Chí Minh	1291	51L-291.92	Hồ Chí Minh	2291	51L-275.76	Hồ Chí Minh	3291	51L-298.11	Hồ Chí Minh
292	51L-287.59	Hồ Chí Minh	1292	51L-294.19	Hồ Chí Minh	2292	51L-276.19	Hồ Chí Minh	3292	51L-301.28	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
293	51L-288.18	Hồ Chí Minh	1293	51L-296.09	Hồ Chí Minh	2293	51L-278.11	Hồ Chí Minh	3293	51L-304.69	Hồ Chí Minh
294	51L-289.44	Hồ Chí Minh	1294	51L-299.28	Hồ Chí Minh	2294	51L-278.26	Hồ Chí Minh	3294	51L-306.29	Hồ Chí Minh
295	51L-290.59	Hồ Chí Minh	1295	51L-301.26	Hồ Chí Minh	2295	51L-278.98	Hồ Chí Minh	3295	51L-307.22	Hồ Chí Minh
296	51L-291.69	Hồ Chí Minh	1296	51L-307.00	Hồ Chí Minh	2296	51L-278.99	Hồ Chí Minh	3296	51L-307.58	Hồ Chí Minh
297	51L-294.11	Hồ Chí Minh	1297	51L-310.15	Hồ Chí Minh	2297	51L-279.22	Hồ Chí Minh	3297	51L-308.38	Hồ Chí Minh
298	51L-296.77	Hồ Chí Minh	1298	51L-311.25	Hồ Chí Minh	2298	51L-283.69	Hồ Chí Minh	3298	51L-310.26	Hồ Chí Minh
299	51L-300.65	Hồ Chí Minh	1299	51L-313.25	Hồ Chí Minh	2299	51L-284.44	Hồ Chí Minh	3299	51L-310.29	Hồ Chí Minh
300	51L-300.79	Hồ Chí Minh	1300	51L-317.11	Hồ Chí Minh	2300	51L-284.83	Hồ Chí Minh	3300	51L-310.86	Hồ Chí Minh
301	51L-302.65	Hồ Chí Minh	1301	51L-320.25	Hồ Chí Minh	2301	51L-285.77	Hồ Chí Minh	3301	51L-311.33	Hồ Chí Minh
302	51L-303.89	Hồ Chí Minh	1302	51L-320.35	Hồ Chí Minh	2302	51L-291.28	Hồ Chí Minh	3302	51L-314.83	Hồ Chí Minh
303	51L-305.15	Hồ Chí Minh	1303	51L-322.15	Hồ Chí Minh	2303	51L-293.33	Hồ Chí Minh	3303	51L-317.06	Hồ Chí Minh
304	51L-306.69	Hồ Chí Minh	1304	51L-322.32	Hồ Chí Minh	2304	51L-294.83	Hồ Chí Minh	3304	51L-317.19	Hồ Chí Minh
305	51L-310.01	Hồ Chí Minh	1305	51L-322.68	Hồ Chí Minh	2305	51L-298.18	Hồ Chí Minh	3305	51L-317.77	Hồ Chí Minh
306	51L-310.33	Hồ Chí Minh	1306	51L-325.88	Hồ Chí Minh	2306	51L-303.95	Hồ Chí Minh	3306	51L-320.36	Hồ Chí Minh
307	51L-314.25	Hồ Chí Minh	1307	51L-327.88	Hồ Chí Minh	2307	51L-310.35	Hồ Chí Minh	3307	51L-323.79	Hồ Chí Minh
308	51L-316.09	Hồ Chí Minh	1308	51L-328.98	Hồ Chí Minh	2308	51L-311.19	Hồ Chí Minh	3308	51L-326.22	Hồ Chí Minh
309	51L-316.26	Hồ Chí Minh	1309	51L-330.19	Hồ Chí Minh	2309	51L-311.77	Hồ Chí Minh	3309	51L-330.98	Hồ Chí Minh
310	51L-317.08	Hồ Chí Minh	1310	51L-331.22	Hồ Chí Minh	2310	51L-313.89	Hồ Chí Minh	3310	51L-332.28	Hồ Chí Minh
311	51L-319.22	Hồ Chí Minh	1311	51L-332.00	Hồ Chí Minh	2311	51L-314.65	Hồ Chí Minh	3311	51L-332.59	Hồ Chí Minh
312	51L-319.43	Hồ Chí Minh	1312	51L-332.95	Hồ Chí Minh	2312	51L-315.25	Hồ Chí Minh	3312	51L-334.83	Hồ Chí Minh
313	51L-320.22	Hồ Chí Minh	1313	51L-333.56	Hồ Chí Minh	2313	51L-315.85	Hồ Chí Minh	3313	51L-336.22	Hồ Chí Minh
314	51L-322.08	Hồ Chí Minh	1314	51L-335.58	Hồ Chí Minh	2314	51L-316.33	Hồ Chí Minh	3314	51L-336.25	Hồ Chí Minh
315	51L-322.77	Hồ Chí Minh	1315	51L-340.88	Hồ Chí Minh	2315	51L-319.35	Hồ Chí Minh	3315	51L-338.59	Hồ Chí Minh
316	51L-323.29	Hồ Chí Minh	1316	51L-341.55	Hồ Chí Minh	2316	51L-320.95	Hồ Chí Minh	3316	51L-340.44	Hồ Chí Minh
317	51L-325.00	Hồ Chí Minh	1317	51L-342.16	Hồ Chí Minh	2317	51L-321.39	Hồ Chí Minh	3317	51L-345.18	Hồ Chí Minh
318	51L-325.39	Hồ Chí Minh	1318	51L-343.39	Hồ Chí Minh	2318	51L-321.77	Hồ Chí Minh	3318	51L-347.25	Hồ Chí Minh
319	51L-330.58	Hồ Chí Minh	1319	51L-343.68	Hồ Chí Minh	2319	51L-331.09	Hồ Chí Minh	3319	51L-350.09	Hồ Chí Minh
320	51L-332.77	Hồ Chí Minh	1320	51L-344.34	Hồ Chí Minh	2320	51L-331.38	Hồ Chí Minh	3320	51L-350.65	Hồ Chí Minh
321	51L-333.15	Hồ Chí Minh	1321	51L-344.65	Hồ Chí Minh	2321	51L-331.55	Hồ Chí Minh	3321	51L-353.89	Hồ Chí Minh
322	51L-335.77	Hồ Chí Minh	1322	51L-347.47	Hồ Chí Minh	2322	51L-332.16	Hồ Chí Minh	3322	51L-354.16	Hồ Chí Minh
323	51L-343.16	Hồ Chí Minh	1323	51L-347.79	Hồ Chí Minh	2323	51L-332.39	Hồ Chí Minh	3323	51L-354.38	Hồ Chí Minh
324	51L-343.28	Hồ Chí Minh	1324	51L-352.83	Hồ Chí Minh	2324	51L-339.36	Hồ Chí Minh	3324	51L-354.54	Hồ Chí Minh
325	51L-344.96	Hồ Chí Minh	1325	51L-355.19	Hồ Chí Minh	2325	51L-340.09	Hồ Chí Minh	3325	51L-357.53	Hồ Chí Minh
326	51L-346.44	Hồ Chí Minh	1326	51L-355.39	Hồ Chí Minh	2326	51L-340.16	Hồ Chí Minh	3326	51L-360.60	Hồ Chí Minh
327	51L-347.11	Hồ Chí Minh	1327	51L-357.95	Hồ Chí Minh	2327	51L-340.43	Hồ Chí Minh	3327	51L-360.99	Hồ Chí Minh
328	51L-354.06	Hồ Chí Minh	1328	51L-358.95	Hồ Chí Minh	2328	51L-340.99	Hồ Chí Minh	3328	51L-362.58	Hồ Chí Minh
329	51L-355.66	Hồ Chí Minh	1329	51L-362.86	Hồ Chí Minh	2329	51L-341.98	Hồ Chí Minh	3329	51L-364.56	Hồ Chí Minh
330	51L-356.09	Hồ Chí Minh	1330	51L-363.83	Hồ Chí Minh	2330	51L-341.99	Hồ Chí Minh	3330	51L-368.18	Hồ Chí Minh
331	51L-357.25	Hồ Chí Minh	1331	51L-363.89	Hồ Chí Minh	2331	51L-345.46	Hồ Chí Minh	3331	51L-368.29	Hồ Chí Minh
332	51L-359.38	Hồ Chí Minh	1332	51L-364.66	Hồ Chí Minh	2332	51L-346.47	Hồ Chí Minh	3332	51L-369.18	Hồ Chí Minh
333	51L-362.85	Hồ Chí Minh	1333	51L-365.15	Hồ Chí Minh	2333	51L-349.28	Hồ Chí Minh	3333	51L-370.44	Hồ Chí Minh
334	51L-363.79	Hồ Chí Minh	1334	51L-366.29	Hồ Chí Minh	2334	51L-352.38	Hồ Chí Minh	3334	51L-371.44	Hồ Chí Minh
335	51L-364.35	Hồ Chí Minh	1335	51L-367.55	Hồ Chí Minh	2335	51L-353.06	Hồ Chí Minh	3335	51L-373.00	Hồ Chí Minh
336	51L-364.58	Hồ Chí Minh	1336	51L-369.25	Hồ Chí Minh	2336	51L-355.06	Hồ Chí Minh	3336	51L-374.86	Hồ Chí Minh
337	51L-366.18	Hồ Chí Minh	1337	51L-374.06	Hồ Chí Minh	2337	51L-360.22	Hồ Chí Minh	3337	51L-378.25	Hồ Chí Minh
338	51L-367.36	Hồ Chí Minh	1338	51L-374.98	Hồ Chí Minh	2338	51L-361.44	Hồ Chí Minh	3338	51L-380.55	Hồ Chí Minh
339	51L-369.33	Hồ Chí Minh	1339	51L-375.98	Hồ Chí Minh	2339	51L-363.28	Hồ Chí Minh	3339	51L-382.36	Hồ Chí Minh
340	51L-371.79	Hồ Chí Minh	1340	51L-376.26	Hồ Chí Minh	2340	51L-363.35	Hồ Chí Minh	3340	51L-382.82	Hồ Chí Minh
341	51L-373.25	Hồ Chí Minh	1341	51L-378.18	Hồ Chí Minh	2341	51L-364.69	Hồ Chí Minh	3341	51L-384.11	Hồ Chí Minh
342	51L-373.83	Hồ Chí Minh	1342	51L-378.66	Hồ Chí Minh	2342	51L-365.19	Hồ Chí Minh	3342	51L-384.44	Hồ Chí Minh
343	51L-374.75	Hồ Chí Minh	1343	51L-380.09	Hồ Chí Minh	2343	51L-366.39	Hồ Chí Minh	3343	51L-393.36	Hồ Chí Minh
344	51L-376.56	Hồ Chí Minh	1344	51L-380.86	Hồ Chí Minh	2344	51L-367.25	Hồ Chí Minh	3344	51L-394.86	Hồ Chí Minh
345	51L-378.83	Hồ Chí Minh	1345	51L-384.89	Hồ Chí Minh	2345	51L-368.77	Hồ Chí Minh	3345	18A-409.25	Nam Định
346	51L-380.68	Hồ Chí Minh	1346	51L-386.69	Hồ Chí Minh	2346	51L-371.69	Hồ Chí Minh	3346	18A-412.77	Nam Định
347	51L-386.99	Hồ Chí Minh	1347	51L-388.00	Hồ Chí Minh	2347	51L-375.85	Hồ Chí Minh	3347	18A-413.99	Nam Định
348	51L-387.99	Hồ Chí Minh	1348	51L-389.00	Hồ Chí Minh	2348	51L-376.11	Hồ Chí Minh	3348	18A-415.33	Nam Định
349	18A-411.00	Nam Định	1349	51L-389.11	Hồ Chí Minh	2349	51L-379.22	Hồ Chí Minh	3349	18A-415.86	Nam Định
350	18A-413.09	Nam Định	1350	51L-393.59	Hồ Chí Minh	2350	51L-380.80	Hồ Chí Minh	3350	18A-418.19	Nam Định
351	18A-413.19	Nam Định	1351	51L-394.59	Hồ Chí Minh	2351	51L-380.83	Hồ Chí Minh	3351	18A-418.25	Nam Định

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
352	18A-415.88	Nam Định	1352	51L-394.68	Hồ Chí Minh	2352	51L-383.59	Hồ Chí Minh	3352	18A-418.44	Nam Định
353	18A-416.33	Nam Định	1353	51L-394.93	Hồ Chí Minh	2353	51L-387.39	Hồ Chí Minh	3353	18A-420.28	Nam Định
354	18A-416.77	Nam Định	1354	18A-411.16	Nam Định	2354	51L-390.38	Hồ Chí Minh	3354	18A-421.15	Nam Định
355	18A-420.18	Nam Định	1355	18A-412.11	Nam Định	2355	51L-393.25	Hồ Chí Minh	3355	18A-425.55	Nam Định
356	18A-421.98	Nam Định	1356	18A-412.26	Nam Định	2356	51L-393.85	Hồ Chí Minh	3356	18A-427.29	Nam Định
357	18A-422.56	Nam Định	1357	18A-413.08	Nam Định	2357	51L-395.08	Hồ Chí Minh	3357	18A-429.11	Nam Định
358	18A-423.58	Nam Định	1358	18A-413.22	Nam Định	2358	14C-406.44	Quảng Ninh	3358	18A-432.96	Nam Định
359	18A-423.85	Nam Định	1359	18A-413.28	Nam Định	2359	17A-409.69	Thái Bình	3359	18C-156.08	Nam Định
360	18A-425.95	Nam Định	1360	18A-414.11	Nam Định	2360	18A-407.89	Nam Định	3360	18C-157.68	Nam Định
361	18A-427.06	Nam Định	1361	18A-416.18	Nam Định	2361	18A-407.99	Nam Định	3361	18C-158.39	Nam Định
362	18A-427.09	Nam Định	1362	18A-416.85	Nam Định	2362	18A-412.35	Nam Định	3362	18C-158.86	Nam Định
363	18A-429.09	Nam Định	1363	18A-419.69	Nam Định	2363	18A-416.99	Nam Định	3363	29K-088.22	Hà Nội
364	18A-429.29	Nam Định	1364	18A-419.77	Nam Định	2364	18A-420.16	Nam Định	3364	29K-088.39	Hà Nội
365	18A-431.00	Nam Định	1365	18A-420.35	Nam Định	2365	18A-427.26	Nam Định	3365	29K-089.68	Hà Nội
366	18A-434.89	Nam Định	1366	18A-420.77	Nam Định	2366	18A-432.25	Nam Định	3366	29K-105.79	Hà Nội
367	18A-435.55	Nam Định	1367	18A-421.79	Nam Định	2367	18A-432.59	Nam Định	3367	29K-141.69	Hà Nội
368	18C-154.86	Nam Định	1368	18A-422.39	Nam Định	2368	18C-151.15	Nam Định	3368	35A-378.39	Ninh Bình
369	18C-155.19	Nam Định	1369	18A-423.42	Nam Định	2369	18C-154.69	Nam Định	3369	35A-394.22	Ninh Bình
370	29K-088.86	Hà Nội	1370	18A-423.96	Nam Định	2370	18C-155.68	Nam Định	3370	35A-394.44	Ninh Bình
371	29K-090.88	Hà Nội	1371	18A-425.09	Nam Định	2371	18C-157.09	Nam Định	3371	35A-394.89	Ninh Bình
372	35A-372.88	Ninh Bình	1372	18A-427.18	Nam Định	2372	18C-157.16	Nam Định	3372	35A-394.99	Ninh Bình
373	35A-376.66	Ninh Bình	1373	18A-430.79	Nam Định	2373	18C-157.69	Nam Định	3373	35A-398.19	Ninh Bình
374	35A-391.36	Ninh Bình	1374	18A-430.85	Nam Định	2374	18C-158.25	Nam Định	3374	35A-399.65	Ninh Bình
375	35A-391.83	Ninh Bình	1375	18A-431.58	Nam Định	2375	29K-088.68	Hà Nội	3375	35A-401.16	Ninh Bình
376	35A-392.00	Ninh Bình	1376	18C-156.86	Nam Định	2376	35A-376.88	Ninh Bình	3376	35A-402.28	Ninh Bình
377	35A-393.77	Ninh Bình	1377	29K-105.69	Hà Nội	2377	35A-381.66	Ninh Bình	3377	35A-402.44	Ninh Bình
378	35A-396.35	Ninh Bình	1378	35A-372.66	Ninh Bình	2378	35A-390.86	Ninh Bình	3378	35A-403.83	Ninh Bình
379	35A-396.93	Ninh Bình	1379	35A-379.86	Ninh Bình	2379	35A-393.69	Ninh Bình	3379	35A-404.38	Ninh Bình
380	35A-397.09	Ninh Bình	1380	35A-394.39	Ninh Bình	2380	35A-393.83	Ninh Bình	3380	35A-405.15	Ninh Bình
381	35A-401.33	Ninh Bình	1381	35A-396.77	Ninh Bình	2381	35A-395.44	Ninh Bình	3381	35A-407.29	Ninh Bình
382	35A-401.69	Ninh Bình	1382	35A-396.88	Ninh Bình	2382	35A-396.58	Ninh Bình	3382	35A-408.55	Ninh Bình
383	35A-402.56	Ninh Bình	1383	35A-398.44	Ninh Bình	2383	35A-396.95	Ninh Bình	3383	35A-409.40	Ninh Bình
384	35A-403.00	Ninh Bình	1384	35A-402.99	Ninh Bình	2384	35A-398.56	Ninh Bình	3384	37C-500.08	Nghệ An
385	35A-405.88	Ninh Bình	1385	35A-403.44	Ninh Bình	2385	35A-398.82	Ninh Bình	3385	37C-502.16	Nghệ An
386	35A-408.39	Ninh Bình	1386	35A-403.65	Ninh Bình	2386	35A-398.85	Ninh Bình	3386	37C-503.08	Nghệ An
387	35A-408.40	Ninh Bình	1387	35A-403.96	Ninh Bình	2387	35A-400.88	Ninh Bình	3387	37C-505.09	Nghệ An
388	37C-504.44	Nghệ An	1388	35A-407.36	Ninh Bình	2388	35A-401.08	Ninh Bình	3388	37C-505.58	Nghệ An
389	37C-505.56	Nghệ An	1389	35A-408.16	Ninh Bình	2389	35A-402.20	Ninh Bình	3389	37C-506.56	Nghệ An
390	37C-505.66	Nghệ An	1390	35A-408.85	Ninh Bình	2390	35A-402.25	Ninh Bình	3390	37C-510.29	Nghệ An
391	37C-507.65	Nghệ An	1391	37C-501.22	Nghệ An	2391	35A-403.18	Ninh Bình	3391	37C-510.96	Nghệ An
392	37C-507.69	Nghệ An	1392	37C-501.79	Nghệ An	2392	35A-404.55	Ninh Bình	3392	37C-511.66	Nghệ An
393	37C-508.08	Nghệ An	1393	37C-507.18	Nghệ An	2393	35A-405.36	Ninh Bình	3393	37C-511.68	Nghệ An
394	37C-508.50	Nghệ An	1394	37C-508.19	Nghệ An	2394	35A-405.59	Ninh Bình	3394	37C-512.33	Nghệ An
395	37C-508.66	Nghệ An	1395	37C-509.36	Nghệ An	2395	35A-405.86	Ninh Bình	3395	37C-512.58	Nghệ An
396	37C-511.98	Nghệ An	1396	37C-512.79	Nghệ An	2396	37C-502.69	Nghệ An	3396	37K-281.56	Nghệ An
397	37D-036.66	Nghệ An	1397	37C-513.13	Nghệ An	2397	37C-502.99	Nghệ An	3397	37K-287.44	Nghệ An
398	37D-037.66	Nghệ An	1398	37D-037.69	Nghệ An	2398	37C-504.58	Nghệ An	3398	37K-289.83	Nghệ An
399	37K-280.69	Nghệ An	1399	37K-282.35	Nghệ An	2399	37C-507.35	Nghệ An	3399	37K-290.28	Nghệ An
400	37K-284.65	Nghệ An	1400	37K-288.85	Nghệ An	2400	37C-508.96	Nghệ An	3400	37K-292.11	Nghệ An
401	37K-286.15	Nghệ An	1401	37K-292.08	Nghệ An	2401	37C-509.06	Nghệ An	3401	37K-293.08	Nghệ An
402	37K-292.55	Nghệ An	1402	37K-292.77	Nghệ An	2402	37C-513.77	Nghệ An	3402	37K-293.44	Nghệ An
403	37K-299.62	Nghệ An	1403	37K-292.86	Nghệ An	2403	37C-513.86	Nghệ An	3403	37K-294.15	Nghệ An
404	37K-300.69	Nghệ An	1404	37K-293.86	Nghệ An	2404	37K-282.19	Nghệ An	3404	37K-298.56	Nghệ An
405	37K-301.09	Nghệ An	1405	37K-294.99	Nghệ An	2405	37K-283.66	Nghệ An	3405	37K-301.22	Nghệ An
406	37K-301.65	Nghệ An	1406	37K-296.33	Nghệ An	2406	37K-283.82	Nghệ An	3406	37K-302.55	Nghệ An
407	37K-301.96	Nghệ An	1407	37K-298.19	Nghệ An	2407	37K-283.95	Nghệ An	3407	37K-305.88	Nghệ An
408	37K-302.35	Nghệ An	1408	37K-303.36	Nghệ An	2408	37K-284.08	Nghệ An	3408	37K-306.65	Nghệ An
409	37K-305.36	Nghệ An	1409	37K-304.77	Nghệ An	2409	37K-284.98	Nghệ An	3409	37K-308.00	Nghệ An
410	37K-307.26	Nghệ An	1410	37K-305.44	Nghệ An	2410	37K-285.19	Nghệ An	3410	37K-308.33	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
411	37K-308.86	Nghệ An	1411	37K-306.77	Nghệ An	2411	37K-286.29	Nghệ An	3411	37K-309.09	Nghệ An
412	37K-309.28	Nghệ An	1412	37K-307.28	Nghệ An	2412	37K-288.15	Nghệ An	3412	37K-313.19	Nghệ An
413	37K-311.85	Nghệ An	1413	37K-307.86	Nghệ An	2413	37K-289.19	Nghệ An	3413	37K-316.22	Nghệ An
414	37K-312.16	Nghệ An	1414	37K-309.83	Nghệ An	2414	37K-289.26	Nghệ An	3414	37K-316.68	Nghệ An
415	37K-313.14	Nghệ An	1415	37K-310.06	Nghệ An	2415	37K-289.36	Nghệ An	3415	37K-320.08	Nghệ An
416	37K-314.14	Nghệ An	1416	37K-310.26	Nghệ An	2416	37K-289.79	Nghệ An	3416	37K-320.09	Nghệ An
417	37K-315.15	Nghệ An	1417	37K-310.98	Nghệ An	2417	37K-290.91	Nghệ An	3417	38A-567.39	Hà Tĩnh
418	37K-315.18	Nghệ An	1418	37K-313.15	Nghệ An	2418	37K-292.33	Nghệ An	3418	38A-573.66	Hà Tĩnh
419	37K-315.19	Nghệ An	1419	37K-313.56	Nghệ An	2419	37K-293.09	Nghệ An	3419	38A-577.69	Hà Tĩnh
420	37K-316.08	Nghệ An	1420	37K-314.08	Nghệ An	2420	37K-293.85	Nghệ An	3420	38A-582.09	Hà Tĩnh
421	37K-316.11	Nghệ An	1421	37K-316.99	Nghệ An	2421	37K-294.22	Nghệ An	3421	38A-582.88	Hà Tĩnh
422	37K-316.61	Nghệ An	1422	37K-320.06	Nghệ An	2422	37K-295.11	Nghệ An	3422	38A-586.25	Hà Tĩnh
423	37K-317.44	Nghệ An	1423	37K-321.58	Nghệ An	2423	37K-295.15	Nghệ An	3423	38A-586.95	Hà Tĩnh
424	37K-318.63	Nghệ An	1424	38A-576.77	Hà Tĩnh	2424	37K-295.33	Nghệ An	3424	38A-587.79	Hà Tĩnh
425	37K-319.87	Nghệ An	1425	38A-577.11	Hà Tĩnh	2425	37K-302.59	Nghệ An	3425	38A-588.09	Hà Tĩnh
426	37K-320.33	Nghệ An	1426	38A-582.35	Hà Tĩnh	2426	37K-304.33	Nghệ An	3426	38A-594.11	Hà Tĩnh
427	37K-322.25	Nghệ An	1427	38A-582.79	Hà Tĩnh	2427	37K-304.65	Nghệ An	3427	38A-603.00	Hà Tĩnh
428	38A-567.76	Hà Tĩnh	1428	38A-583.11	Hà Tĩnh	2428	37K-305.58	Nghệ An	3428	38A-603.03	Hà Tĩnh
429	38A-577.44	Hà Tĩnh	1429	38A-585.62	Hà Tĩnh	2429	37K-310.77	Nghệ An	3429	38C-212.08	Hà Tĩnh
430	38A-579.57	Hà Tĩnh	1430	38A-586.26	Hà Tĩnh	2430	37K-311.35	Nghệ An	3430	38C-213.19	Hà Tĩnh
431	38A-579.75	Hà Tĩnh	1431	38A-587.83	Hà Tĩnh	2431	37K-317.59	Nghệ An	3431	38C-214.65	Hà Tĩnh
432	38A-581.85	Hà Tĩnh	1432	38A-588.06	Hà Tĩnh	2432	37K-318.31	Nghệ An	3432	38C-215.66	Hà Tĩnh
433	38A-583.77	Hà Tĩnh	1433	38A-588.19	Hà Tĩnh	2433	37K-318.59	Nghệ An	3433	43A-800.22	Đà Nẵng
434	38A-584.65	Hà Tĩnh	1434	38A-590.28	Hà Tĩnh	2434	37K-318.81	Nghệ An	3434	43A-820.85	Đà Nẵng
435	38A-584.96	Hà Tĩnh	1435	38A-591.77	Hà Tĩnh	2435	37K-319.26	Nghệ An	3435	43A-821.85	Đà Nẵng
436	38A-587.69	Hà Tĩnh	1436	38A-592.96	Hà Tĩnh	2436	37K-319.63	Nghệ An	3436	43A-827.72	Đà Nẵng
437	38A-592.09	Hà Tĩnh	1437	38A-596.09	Hà Tĩnh	2437	37K-319.68	Nghệ An	3437	43A-840.19	Đà Nẵng
438	38A-595.69	Hà Tĩnh	1438	38A-600.86	Hà Tĩnh	2438	37K-323.32	Nghệ An	3438	43A-840.28	Đà Nẵng
439	38A-596.00	Hà Tĩnh	1439	38A-602.65	Hà Tĩnh	2439	38A-564.88	Hà Tĩnh	3439	43A-840.77	Đà Nẵng
440	38A-597.59	Hà Tĩnh	1440	38C-211.65	Hà Tĩnh	2440	38A-575.18	Hà Tĩnh	3440	43A-842.28	Đà Nẵng
441	38A-598.95	Hà Tĩnh	1441	38C-214.69	Hà Tĩnh	2441	38A-575.57	Hà Tĩnh	3441	43A-842.69	Đà Nẵng
442	38A-602.26	Hà Tĩnh	1442	38C-215.79	Hà Tĩnh	2442	38A-577.75	Hà Tĩnh	3442	43A-843.86	Đà Nẵng
443	38A-602.68	Hà Tĩnh	1443	43A-809.86	Đà Nẵng	2443	38A-578.18	Hà Tĩnh	3443	43A-845.15	Đà Nẵng
444	38C-212.58	Hà Tĩnh	1444	43A-817.59	Đà Nẵng	2444	38A-591.66	Hà Tĩnh	3444	43A-845.38	Đà Nẵng
445	38C-213.98	Hà Tĩnh	1445	43A-820.00	Đà Nẵng	2445	38A-593.35	Hà Tĩnh	3445	43A-847.68	Đà Nẵng
446	43A-808.66	Đà Nẵng	1446	43A-829.79	Đà Nẵng	2446	38A-598.66	Hà Tĩnh	3446	43A-849.36	Đà Nẵng
447	43A-812.86	Đà Nẵng	1447	43A-835.96	Đà Nẵng	2447	38A-601.08	Hà Tĩnh	3447	43A-851.58	Đà Nẵng
448	43A-813.39	Đà Nẵng	1448	43A-837.62	Đà Nẵng	2448	38A-602.56	Hà Tĩnh	3448	47A-632.89	Đắk Lắk
449	43A-829.66	Đà Nẵng	1449	43A-837.98	Đà Nẵng	2449	38C-210.86	Hà Tĩnh	3449	47A-654.44	Đắk Lắk
450	43A-833.89	Đà Nẵng	1450	43A-839.44	Đà Nẵng	2450	38C-211.33	Hà Tĩnh	3450	47A-658.79	Đắk Lắk
451	43A-838.00	Đà Nẵng	1451	43A-841.44	Đà Nẵng	2451	38C-213.06	Hà Tĩnh	3451	47A-661.95	Đắk Lắk
452	43A-839.29	Đà Nẵng	1452	43A-842.08	Đà Nẵng	2452	38C-213.83	Hà Tĩnh	3452	47A-666.02	Đắk Lắk
453	43A-839.69	Đà Nẵng	1453	43A-842.35	Đà Nẵng	2453	38C-214.19	Hà Tĩnh	3453	47A-668.11	Đắk Lắk
454	43A-841.42	Đà Nẵng	1454	43A-844.56	Đà Nẵng	2454	43A-800.99	Đà Nẵng	3454	47A-669.59	Đắk Lắk
455	43A-841.89	Đà Nẵng	1455	43A-845.18	Đà Nẵng	2455	43A-802.88	Đà Nẵng	3455	47A-670.19	Đắk Lắk
456	43A-841.99	Đà Nẵng	1456	43A-850.89	Đà Nẵng	2456	43A-811.86	Đà Nẵng	3456	47A-670.39	Đắk Lắk
457	43A-842.55	Đà Nẵng	1457	47A-628.28	Đắk Lắk	2457	43A-817.55	Đà Nẵng	3457	47A-670.99	Đắk Lắk
458	43A-842.68	Đà Nẵng	1458	47A-630.89	Đắk Lắk	2458	43A-819.86	Đà Nẵng	3458	47A-671.56	Đắk Lắk
459	43A-844.06	Đà Nẵng	1459	47A-640.39	Đắk Lắk	2459	43A-825.86	Đà Nẵng	3459	47A-671.69	Đắk Lắk
460	43A-846.88	Đà Nẵng	1460	47A-655.88	Đắk Lắk	2460	43A-826.08	Đà Nẵng	3460	47A-671.89	Đắk Lắk
461	43A-846.96	Đà Nẵng	1461	47A-661.82	Đắk Lắk	2461	43A-828.86	Đà Nẵng	3461	47A-672.11	Đắk Lắk
462	43A-849.19	Đà Nẵng	1462	47A-664.85	Đắk Lắk	2462	43A-829.36	Đà Nẵng	3462	47A-674.25	Đắk Lắk
463	43A-850.29	Đà Nẵng	1463	47A-670.70	Đắk Lắk	2463	43A-829.92	Đà Nẵng	3463	47A-674.86	Đắk Lắk
464	43A-851.06	Đà Nẵng	1464	47A-672.35	Đắk Lắk	2464	43A-840.29	Đà Nẵng	3464	47A-679.66	Đắk Lắk
465	43A-852.26	Đà Nẵng	1465	47A-674.06	Đắk Lắk	2465	43A-841.55	Đà Nẵng	3465	47A-680.38	Đắk Lắk
466	43A-852.38	Đà Nẵng	1466	47A-677.95	Đắk Lắk	2466	43A-843.66	Đà Nẵng	3466	47A-680.83	Đắk Lắk
467	43A-852.53	Đà Nẵng	1467	47A-678.29	Đắk Lắk	2467	43A-845.11	Đà Nẵng	3467	47A-681.58	Đắk Lắk
468	43C-289.77	Đà Nẵng	1468	47A-680.44	Đắk Lắk	2468	43A-847.15	Đà Nẵng	3468	47A-684.95	Đắk Lắk
469	47A-625.68	Đắk Lắk	1469	47A-681.09	Đắk Lắk	2469	43A-848.11	Đà Nẵng	3469	47A-687.09	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
470	47A-627.68	Đắk Lắk	1470	47A-681.65	Đắk Lắk	2470	43A-852.09	Đà Nẵng	3470	47A-690.68	Đắk Lắk
471	47A-638.89	Đắk Lắk	1471	47A-682.25	Đắk Lắk	2471	43A-852.25	Đà Nẵng	3471	47A-692.22	Đắk Lắk
472	47A-643.33	Đắk Lắk	1472	47A-684.29	Đắk Lắk	2472	43C-287.87	Đà Nẵng	3472	47A-692.85	Đắk Lắk
473	47A-655.33	Đắk Lắk	1473	47A-684.84	Đắk Lắk	2473	47A-641.89	Đắk Lắk	3473	47A-695.44	Đắk Lắk
474	47A-655.77	Đắk Lắk	1474	47A-685.99	Đắk Lắk	2474	47A-651.15	Đắk Lắk	3474	47A-697.28	Đắk Lắk
475	47A-662.44	Đắk Lắk	1475	47A-686.29	Đắk Lắk	2475	47A-653.33	Đắk Lắk	3475	47A-699.65	Đắk Lắk
476	47A-663.28	Đắk Lắk	1476	47A-686.87	Đắk Lắk	2476	47A-653.89	Đắk Lắk	3476	47A-702.56	Đắk Lắk
477	47A-663.55	Đắk Lắk	1477	47A-689.15	Đắk Lắk	2477	47A-662.88	Đắk Lắk	3477	47A-704.00	Đắk Lắk
478	47A-665.11	Đắk Lắk	1478	47A-691.11	Đắk Lắk	2478	47A-664.38	Đắk Lắk	3478	47A-706.55	Đắk Lắk
479	47A-668.35	Đắk Lắk	1479	47A-693.28	Đắk Lắk	2479	47A-666.29	Đắk Lắk	3479	47A-708.55	Đắk Lắk
480	47A-675.98	Đắk Lắk	1480	47A-694.59	Đắk Lắk	2480	47A-667.09	Đắk Lắk	3480	47A-708.69	Đắk Lắk
481	47A-679.28	Đắk Lắk	1481	47A-697.88	Đắk Lắk	2481	47A-668.98	Đắk Lắk	3481	47A-709.85	Đắk Lắk
482	47A-679.56	Đắk Lắk	1482	47A-698.44	Đắk Lắk	2482	47A-670.59	Đắk Lắk	3482	47C-321.11	Đắk Lắk
483	47A-680.18	Đắk Lắk	1483	47A-703.39	Đắk Lắk	2483	47A-670.76	Đắk Lắk	3483	47C-323.88	Đắk Lắk
484	47A-680.95	Đắk Lắk	1484	47A-704.70	Đắk Lắk	2484	47A-670.89	Đắk Lắk	3484	47C-336.16	Đắk Lắk
485	47A-681.18	Đắk Lắk	1485	47A-705.68	Đắk Lắk	2485	47A-674.26	Đắk Lắk	3485	47C-338.09	Đắk Lắk
486	47A-682.65	Đắk Lắk	1486	47A-707.22	Đắk Lắk	2486	47A-676.99	Đắk Lắk	3486	47C-344.25	Đắk Lắk
487	47A-683.38	Đắk Lắk	1487	47C-329.66	Đắk Lắk	2487	47A-677.68	Đắk Lắk	3487	47C-344.56	Đắk Lắk
488	47A-685.33	Đắk Lắk	1488	47C-331.86	Đắk Lắk	2488	47A-678.77	Đắk Lắk	3488	47C-346.25	Đắk Lắk
489	47A-687.88	Đắk Lắk	1489	47C-333.89	Đắk Lắk	2489	47A-682.11	Đắk Lắk	3489	47C-346.33	Đắk Lắk
490	47A-688.28	Đắk Lắk	1490	47C-337.73	Đắk Lắk	2490	47A-682.63	Đắk Lắk	3490	48A-210.10	Đắk Nông
491	47A-688.92	Đắk Lắk	1491	47C-338.00	Đắk Lắk	2491	47A-682.83	Đắk Lắk	3491	48A-211.18	Đắk Nông
492	47A-692.25	Đắk Lắk	1492	47C-339.36	Đắk Lắk	2492	47A-682.88	Đắk Lắk	3492	48A-212.08	Đắk Nông
493	47A-695.38	Đắk Lắk	1493	47C-340.04	Đắk Lắk	2493	47A-683.59	Đắk Lắk	3493	48A-212.59	Đắk Nông
494	47A-696.36	Đắk Lắk	1494	47C-341.35	Đắk Lắk	2494	47A-686.11	Đắk Lắk	3494	48A-216.99	Đắk Nông
495	47A-697.68	Đắk Lắk	1495	47C-342.79	Đắk Lắk	2495	47A-686.33	Đắk Lắk	3495	48C-098.09	Đắk Nông
496	47A-698.00	Đắk Lắk	1496	47C-343.22	Đắk Lắk	2496	47A-686.56	Đắk Lắk	3496	48C-100.77	Đắk Nông
497	47A-698.26	Đắk Lắk	1497	47C-344.34	Đắk Lắk	2497	47A-686.95	Đắk Lắk	3497	49A-633.66	Lâm Đồng
498	47A-701.69	Đắk Lắk	1498	47C-344.89	Đắk Lắk	2498	47A-689.33	Đắk Lắk	3498	49A-637.86	Lâm Đồng
499	47A-702.86	Đắk Lắk	1499	47C-344.98	Đắk Lắk	2499	47A-691.83	Đắk Lắk	3499	49A-639.86	Lâm Đồng
500	47A-703.07	Đắk Lắk	1500	47C-347.44	Đắk Lắk	2500	47A-691.92	Đắk Lắk	3500	49A-639.88	Lâm Đồng
501	47A-705.05	Đắk Lắk	1501	47C-347.96	Đắk Lắk	2501	47A-692.83	Đắk Lắk	3501	49A-641.15	Lâm Đồng
502	47A-705.39	Đắk Lắk	1502	48A-209.18	Đắk Nông	2502	47A-694.83	Đắk Lắk	3502	49A-641.33	Lâm Đồng
503	47A-707.26	Đắk Lắk	1503	48A-209.89	Đắk Nông	2503	47A-697.56	Đắk Lắk	3503	49A-642.43	Lâm Đồng
504	47A-708.29	Đắk Lắk	1504	48A-210.33	Đắk Nông	2504	47A-700.33	Đắk Lắk	3504	49A-645.11	Lâm Đồng
505	47A-709.38	Đắk Lắk	1505	48A-211.65	Đắk Nông	2505	47A-701.85	Đắk Lắk	3505	49A-646.59	Lâm Đồng
506	47C-337.19	Đắk Lắk	1506	48A-212.35	Đắk Nông	2506	47A-702.77	Đắk Lắk	3506	49A-646.88	Lâm Đồng
507	47C-338.56	Đắk Lắk	1507	48A-214.35	Đắk Nông	2507	47A-703.04	Đắk Lắk	3507	49A-649.66	Lâm Đồng
508	47C-342.26	Đắk Lắk	1508	48A-215.33	Đắk Nông	2508	47A-703.79	Đắk Lắk	3508	49A-650.36	Lâm Đồng
509	48A-210.29	Đắk Nông	1509	48A-218.18	Đắk Nông	2509	47A-706.35	Đắk Lắk	3509	49A-652.95	Lâm Đồng
510	48A-212.36	Đắk Nông	1510	48A-219.44	Đắk Nông	2510	47A-707.89	Đắk Lắk	3510	49A-652.99	Lâm Đồng
511	48A-212.69	Đắk Nông	1511	49A-636.22	Lâm Đồng	2511	47C-322.66	Đắk Lắk	3511	49A-653.77	Lâm Đồng
512	48A-212.89	Đắk Nông	1512	49A-641.09	Lâm Đồng	2512	47C-332.88	Đắk Lắk	3512	49A-654.00	Lâm Đồng
513	48A-214.41	Đắk Nông	1513	49A-641.39	Lâm Đồng	2513	47C-333.69	Đắk Lắk	3513	49A-654.36	Lâm Đồng
514	48A-215.16	Đắk Nông	1514	49A-644.16	Lâm Đồng	2514	47C-341.38	Đắk Lắk	3514	49A-654.79	Lâm Đồng
515	48A-218.55	Đắk Nông	1515	49A-644.35	Lâm Đồng	2515	47C-343.11	Đắk Lắk	3515	49A-657.39	Lâm Đồng
516	48A-218.58	Đắk Nông	1516	49A-645.06	Lâm Đồng	2516	47C-343.26	Đắk Lắk	3516	49A-658.22	Lâm Đồng
517	48C-097.58	Đắk Nông	1517	49A-648.98	Lâm Đồng	2517	47C-343.95	Đắk Lắk	3517	49A-658.33	Lâm Đồng
518	48C-098.16	Đắk Nông	1518	49A-649.18	Lâm Đồng	2518	47C-344.16	Đắk Lắk	3518	49A-658.86	Lâm Đồng
519	48C-100.26	Đắk Nông	1519	49A-650.19	Lâm Đồng	2519	47C-347.55	Đắk Lắk	3519	49A-659.59	Lâm Đồng
520	48C-100.65	Đắk Nông	1520	49A-650.95	Lâm Đồng	2520	47C-348.98	Đắk Lắk	3520	49A-659.98	Lâm Đồng
521	49A-638.98	Lâm Đồng	1521	49A-651.08	Lâm Đồng	2521	47C-349.08	Đắk Lắk	3521	49A-660.15	Lâm Đồng
522	49A-641.29	Lâm Đồng	1522	49A-652.18	Lâm Đồng	2522	47C-349.43	Đắk Lắk	3522	49A-661.55	Lâm Đồng
523	49A-647.64	Lâm Đồng	1523	49A-652.22	Lâm Đồng	2523	48A-208.55	Đắk Nông	3523	49A-663.59	Lâm Đồng
524	49A-651.09	Lâm Đồng	1524	49A-653.96	Lâm Đồng	2524	48A-208.66	Đắk Nông	3524	49A-663.99	Lâm Đồng
525	49A-652.15	Lâm Đồng	1525	49A-654.29	Lâm Đồng	2525	48A-210.26	Đắk Nông	3525	49A-664.39	Lâm Đồng
526	49A-652.33	Lâm Đồng	1526	49A-654.38	Lâm Đồng	2526	48A-210.39	Đắk Nông	3526	49A-666.13	Lâm Đồng
527	49A-652.86	Lâm Đồng	1527	49A-654.88	Lâm Đồng	2527	48A-211.21	Đắk Nông	3527	49A-669.28	Lâm Đồng
528	49A-653.88	Lâm Đồng	1528	49A-655.06	Lâm Đồng	2528	48A-213.33	Đắk Nông	3528	49A-669.55	Lâm Đồng

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
529	49A-656.77	Lâm Đồng	1529	49A-655.26	Lâm Đồng	2529	48A-213.77	Đắk Nông	3529	49A-671.69	Lâm Đồng
530	49A-659.96	Lâm Đồng	1530	49A-655.96	Lâm Đồng	2530	48A-214.89	Đắk Nông	3530	49A-671.76	Lâm Đồng
531	49A-660.58	Lâm Đồng	1531	49A-656.25	Lâm Đồng	2531	48A-215.29	Đắk Nông	3531	49A-671.85	Lâm Đồng
532	49A-661.86	Lâm Đồng	1532	49A-657.69	Lâm Đồng	2532	48A-215.58	Đắk Nông	3532	49A-671.89	Lâm Đồng
533	49A-661.96	Lâm Đồng	1533	49A-662.33	Lâm Đồng	2533	48A-215.95	Đắk Nông	3533	49A-672.59	Lâm Đồng
534	49A-663.08	Lâm Đồng	1534	49A-662.85	Lâm Đồng	2534	48A-219.99	Đắk Nông	3534	49C-343.22	Lâm Đồng
535	49A-664.58	Lâm Đồng	1535	49A-663.19	Lâm Đồng	2535	48C-099.55	Đắk Nông	3535	49C-343.86	Lâm Đồng
536	49A-665.95	Lâm Đồng	1536	49A-667.19	Lâm Đồng	2536	49A-628.66	Lâm Đồng	3536	49C-344.43	Lâm Đồng
537	49A-666.16	Lâm Đồng	1537	49A-671.96	Lâm Đồng	2537	49A-637.16	Lâm Đồng	3537	49C-345.59	Lâm Đồng
538	49A-666.19	Lâm Đồng	1538	49C-342.77	Lâm Đồng	2538	49A-643.88	Lâm Đồng	3538	49C-345.89	Lâm Đồng
539	49A-669.29	Lâm Đồng	1539	49C-343.09	Lâm Đồng	2539	49A-645.25	Lâm Đồng	3539	49C-347.09	Lâm Đồng
540	49A-671.25	Lâm Đồng	1540	49C-344.06	Lâm Đồng	2540	49A-657.68	Lâm Đồng	3540	49C-349.95	Lâm Đồng
541	49A-672.76	Lâm Đồng	1541	49C-347.06	Lâm Đồng	2541	49A-659.33	Lâm Đồng	3541	51D-951.66	Hồ Chí Minh
542	49C-343.79	Lâm Đồng	1542	49C-348.29	Lâm Đồng	2542	49A-660.16	Lâm Đồng	3542	51D-955.68	Hồ Chí Minh
543	49C-344.98	Lâm Đồng	1543	49C-349.59	Lâm Đồng	2543	49A-662.19	Lâm Đồng	3543	51D-959.36	Hồ Chí Minh
544	49C-345.39	Lâm Đồng	1544	49C-351.65	Lâm Đồng	2544	49A-663.35	Lâm Đồng	3544	51D-960.79	Hồ Chí Minh
545	49C-346.33	Lâm Đồng	1545	51D-954.39	Hồ Chí Minh	2545	49A-668.95	Lâm Đồng	3545	51E-211.55	Hồ Chí Minh
546	49C-346.46	Lâm Đồng	1546	51D-956.16	Hồ Chí Minh	2546	49A-669.11	Lâm Đồng	3546	51E-212.22	Hồ Chí Minh
547	49C-349.98	Lâm Đồng	1547	51D-956.85	Hồ Chí Minh	2547	49A-669.65	Lâm Đồng	3547	51E-310.66	Hồ Chí Minh
548	49C-350.18	Lâm Đồng	1548	51D-959.79	Hồ Chí Minh	2548	49A-670.28	Lâm Đồng	3548	51E-310.68	Hồ Chí Minh
549	49C-350.55	Lâm Đồng	1549	51D-975.79	Hồ Chí Minh	2549	49C-343.83	Lâm Đồng	3549	51E-310.99	Hồ Chí Minh
550	51D-955.11	Hồ Chí Minh	1550	51D-976.66	Hồ Chí Minh	2550	49C-345.25	Lâm Đồng	3550	60C-706.68	Đồng Nai
551	51D-958.06	Hồ Chí Minh	1551	51D-981.33	Hồ Chí Minh	2551	49C-345.83	Lâm Đồng	3551	60C-708.86	Đồng Nai
552	51D-962.55	Hồ Chí Minh	1552	51E-213.31	Hồ Chí Minh	2552	49C-346.96	Lâm Đồng	3552	60C-709.00	Đồng Nai
553	51D-963.86	Hồ Chí Minh	1553	60C-699.88	Đồng Nai	2553	49C-347.68	Lâm Đồng	3553	60C-712.08	Đồng Nai
554	51D-966.18	Hồ Chí Minh	1554	60C-702.69	Đồng Nai	2554	49C-348.25	Lâm Đồng	3554	60C-713.14	Đồng Nai
555	51D-972.72	Hồ Chí Minh	1555	60C-705.09	Đồng Nai	2555	49C-348.34	Lâm Đồng	3555	60K-441.39	Đồng Nai
556	51D-976.56	Hồ Chí Minh	1556	60C-705.58	Đồng Nai	2556	49C-349.00	Lâm Đồng	3556	60K-442.36	Đồng Nai
557	51D-978.26	Hồ Chí Minh	1557	60C-706.89	Đồng Nai	2557	49C-349.39	Lâm Đồng	3557	60K-442.39	Đồng Nai
558	51D-979.39	Hồ Chí Minh	1558	60C-708.80	Đồng Nai	2558	49C-350.36	Lâm Đồng	3558	60K-442.89	Đồng Nai
559	51D-979.86	Hồ Chí Minh	1559	60C-709.28	Đồng Nai	2559	49C-350.98	Lâm Đồng	3559	60K-451.66	Đồng Nai
560	51D-982.58	Hồ Chí Minh	1560	60C-709.55	Đồng Nai	2560	49C-351.86	Lâm Đồng	3560	60K-451.89	Đồng Nai
561	51D-982.59	Hồ Chí Minh	1561	60C-709.95	Đồng Nai	2561	49C-352.11	Lâm Đồng	3561	60K-456.06	Đồng Nai
562	51D-982.79	Hồ Chí Minh	1562	60C-710.85	Đồng Nai	2562	51D-961.99	Hồ Chí Minh	3562	60K-456.95	Đồng Nai
563	51E-304.40	Hồ Chí Minh	1563	60C-711.95	Đồng Nai	2563	51D-966.85	Hồ Chí Minh	3563	60K-457.85	Đồng Nai
564	51E-304.44	Hồ Chí Minh	1564	60K-429.29	Đồng Nai	2564	51D-967.58	Hồ Chí Minh	3564	60K-458.59	Đồng Nai
565	60C-699.33	Đồng Nai	1565	60K-430.39	Đồng Nai	2565	51D-970.56	Hồ Chí Minh	3565	60K-459.16	Đồng Nai
566	60C-699.55	Đồng Nai	1566	60K-437.68	Đồng Nai	2566	51D-970.99	Hồ Chí Minh	3566	60K-459.98	Đồng Nai
567	60C-704.06	Đồng Nai	1567	60K-438.38	Đồng Nai	2567	51D-975.58	Hồ Chí Minh	3567	60K-463.89	Đồng Nai
568	60C-709.36	Đồng Nai	1568	60K-442.19	Đồng Nai	2568	51D-979.66	Hồ Chí Minh	3568	60K-464.95	Đồng Nai
569	60C-713.00	Đồng Nai	1569	60K-443.69	Đồng Nai	2569	51D-980.85	Hồ Chí Minh	3569	60K-465.44	Đồng Nai
570	60K-424.86	Đồng Nai	1570	60K-448.68	Đồng Nai	2570	51D-981.88	Hồ Chí Minh	3570	60K-467.86	Đồng Nai
571	60K-425.68	Đồng Nai	1571	60K-451.79	Đồng Nai	2571	51E-308.69	Hồ Chí Minh	3571	60K-468.95	Đồng Nai
572	60K-426.88	Đồng Nai	1572	60K-451.99	Đồng Nai	2572	60C-691.11	Đồng Nai	3572	60K-474.11	Đồng Nai
573	60K-431.13	Đồng Nai	1573	60K-456.19	Đồng Nai	2573	60C-702.86	Đồng Nai	3573	60K-474.39	Đồng Nai
574	60K-431.79	Đồng Nai	1574	60K-460.16	Đồng Nai	2574	60C-703.33	Đồng Nai	3574	60K-476.67	Đồng Nai
575	60K-441.14	Đồng Nai	1575	60K-464.36	Đồng Nai	2575	60C-710.28	Đồng Nai	3575	60K-479.33	Đồng Nai
576	60K-444.56	Đồng Nai	1576	60K-467.44	Đồng Nai	2576	60C-711.86	Đồng Nai	3576	60K-483.08	Đồng Nai
577	60K-457.11	Đồng Nai	1577	60K-469.58	Đồng Nai	2577	60C-713.83	Đồng Nai	3577	60K-483.22	Đồng Nai
578	60K-461.35	Đồng Nai	1578	60K-470.36	Đồng Nai	2578	60C-714.09	Đồng Nai	3578	60K-484.08	Đồng Nai
579	60K-461.38	Đồng Nai	1579	60K-471.15	Đồng Nai	2579	60C-714.56	Đồng Nai	3579	60K-484.39	Đồng Nai
580	60K-464.26	Đồng Nai	1580	60K-473.19	Đồng Nai	2580	60K-423.39	Đồng Nai	3580	60K-487.78	Đồng Nai
581	60K-471.99	Đồng Nai	1581	60K-473.26	Đồng Nai	2581	60K-440.89	Đồng Nai	3581	60K-487.85	Đồng Nai
582	60K-473.85	Đồng Nai	1582	60K-474.66	Đồng Nai	2582	60K-443.33	Đồng Nai	3582	60K-488.15	Đồng Nai
583	60K-476.00	Đồng Nai	1583	60K-480.68	Đồng Nai	2583	60K-451.15	Đồng Nai	3583	60K-488.56	Đồng Nai
584	60K-477.33	Đồng Nai	1584	60K-482.19	Đồng Nai	2584	60K-456.44	Đồng Nai	3584	60K-488.96	Đồng Nai
585	60K-477.65	Đồng Nai	1585	60K-482.86	Đồng Nai	2585	60K-460.33	Đồng Nai	3585	60K-489.56	Đồng Nai
586	60K-480.80	Đồng Nai	1586	60K-484.84	Đồng Nai	2586	60K-461.18	Đồng Nai	3586	60K-490.28	Đồng Nai
587	60K-481.06	Đồng Nai	1587	60K-485.29	Đồng Nai	2587	60K-463.00	Đồng Nai	3587	60K-491.11	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
588	60K-482.15	Đồng Nai	1588	60K-489.84	Đồng Nai	2588	60K-463.38	Đồng Nai	3588	60K-491.58	Đồng Nai
589	60K-482.39	Đồng Nai	1589	60K-490.38	Đồng Nai	2589	60K-464.96	Đồng Nai	3589	60K-496.11	Đồng Nai
590	60K-482.68	Đồng Nai	1590	60K-490.98	Đồng Nai	2590	60K-469.16	Đồng Nai	3590	60K-496.15	Đồng Nai
591	60K-484.79	Đồng Nai	1591	60K-491.99	Đồng Nai	2591	60K-469.28	Đồng Nai	3591	61C-555.69	Bình Dương
592	60K-488.82	Đồng Nai	1592	60K-495.44	Đồng Nai	2592	60K-471.19	Đồng Nai	3592	61C-564.46	Bình Dương
593	60K-489.55	Đồng Nai	1593	60K-495.94	Đồng Nai	2593	60K-476.79	Đồng Nai	3593	61C-566.22	Bình Dương
594	60K-494.38	Đồng Nai	1594	60K-496.19	Đồng Nai	2594	60K-480.09	Đồng Nai	3594	61C-568.98	Bình Dương
595	60K-494.55	Đồng Nai	1595	61C-556.68	Bình Dương	2595	60K-485.35	Đồng Nai	3595	61C-570.68	Bình Dương
596	61C-562.88	Bình Dương	1596	61C-561.88	Bình Dương	2596	60K-486.15	Đồng Nai	3596	61C-572.38	Bình Dương
597	61C-563.79	Bình Dương	1597	61C-563.89	Bình Dương	2597	60K-486.22	Đồng Nai	3597	61K-310.89	Bình Dương
598	61C-563.88	Bình Dương	1598	61C-565.09	Bình Dương	2598	60K-487.06	Đồng Nai	3598	61K-320.99	Bình Dương
599	61C-564.99	Bình Dương	1599	61C-565.68	Bình Dương	2599	60K-487.84	Đồng Nai	3599	61K-342.79	Bình Dương
600	61C-569.66	Bình Dương	1600	61K-316.68	Bình Dương	2600	60K-488.06	Đồng Nai	3600	61K-344.88	Bình Dương
601	61C-571.16	Bình Dương	1601	61K-335.35	Bình Dương	2601	60K-490.11	Đồng Nai	3601	61K-350.38	Bình Dương
602	61K-318.18	Bình Dương	1602	61K-350.16	Bình Dương	2602	61C-557.39	Bình Dương	3602	61K-351.09	Bình Dương
603	61K-323.99	Bình Dương	1603	61K-351.18	Bình Dương	2603	61C-560.88	Bình Dương	3603	61K-356.83	Bình Dương
604	61K-327.27	Bình Dương	1604	61K-352.09	Bình Dương	2604	61C-561.68	Bình Dương	3604	61K-357.09	Bình Dương
605	61K-343.39	Bình Dương	1605	61K-352.88	Bình Dương	2605	61C-561.69	Bình Dương	3605	61K-357.83	Bình Dương
606	61K-346.66	Bình Dương	1606	61K-354.06	Bình Dương	2606	61C-565.58	Bình Dương	3606	61K-359.22	Bình Dương
607	61K-351.11	Bình Dương	1607	61K-357.55	Bình Dương	2607	61C-566.09	Bình Dương	3607	61K-359.28	Bình Dương
608	61K-351.39	Bình Dương	1608	61K-359.66	Bình Dương	2608	61C-567.66	Bình Dương	3608	61K-359.32	Bình Dương
609	61K-351.69	Bình Dương	1609	61K-359.96	Bình Dương	2609	61K-310.39	Bình Dương	3609	61K-360.58	Bình Dương
610	61K-353.22	Bình Dương	1610	61K-360.88	Bình Dương	2610	61K-310.79	Bình Dương	3610	61K-360.96	Bình Dương
611	61K-354.22	Bình Dương	1611	61K-362.33	Bình Dương	2611	61K-323.79	Bình Dương	3611	61K-361.59	Bình Dương
612	61K-354.33	Bình Dương	1612	61K-362.66	Bình Dương	2612	61K-325.79	Bình Dương	3612	61K-367.35	Bình Dương
613	61K-355.26	Bình Dương	1613	61K-362.82	Bình Dương	2613	61K-330.89	Bình Dương	3613	61K-370.66	Bình Dương
614	61K-356.82	Bình Dương	1614	61K-372.68	Bình Dương	2614	61K-350.36	Bình Dương	3614	61K-372.39	Bình Dương
615	61K-359.08	Bình Dương	1615	61K-374.77	Bình Dương	2615	61K-350.59	Bình Dương	3615	61K-373.00	Bình Dương
616	61K-359.15	Bình Dương	1616	61K-375.11	Bình Dương	2616	61K-352.18	Bình Dương	3616	61K-374.08	Bình Dương
617	61K-365.36	Bình Dương	1617	61K-375.59	Bình Dương	2617	61K-355.79	Bình Dương	3617	61K-376.19	Bình Dương
618	61K-369.28	Bình Dương	1618	61K-376.18	Bình Dương	2618	61K-357.38	Bình Dương	3618	61K-380.28	Bình Dương
619	61K-369.59	Bình Dương	1619	61K-377.11	Bình Dương	2619	61K-358.86	Bình Dương	3619	61K-381.85	Bình Dương
620	61K-369.92	Bình Dương	1620	61K-377.19	Bình Dương	2620	61K-359.77	Bình Dương	3620	61K-382.99	Bình Dương
621	61K-372.18	Bình Dương	1621	61K-379.06	Bình Dương	2621	61K-360.55	Bình Dương	3621	61K-389.22	Bình Dương
622	61K-372.66	Bình Dương	1622	61K-379.33	Bình Dương	2622	61K-364.66	Bình Dương	3622	61K-389.79	Bình Dương
623	61K-375.28	Bình Dương	1623	61K-379.36	Bình Dương	2623	61K-369.35	Bình Dương	3623	61K-389.88	Bình Dương
624	61K-377.26	Bình Dương	1624	61K-382.09	Bình Dương	2624	61K-369.96	Bình Dương	3624	61K-390.08	Bình Dương
625	61K-378.73	Bình Dương	1625	61K-384.18	Bình Dương	2625	61K-370.70	Bình Dương	3625	61K-390.68	Bình Dương
626	61K-382.68	Bình Dương	1626	61K-384.38	Bình Dương	2626	61K-375.68	Bình Dương	3626	61K-391.86	Bình Dương
627	61K-383.26	Bình Dương	1627	61K-384.83	Bình Dương	2627	61K-381.28	Bình Dương	3627	61K-395.33	Bình Dương
628	61K-383.98	Bình Dương	1628	61K-385.09	Bình Dương	2628	61K-382.11	Bình Dương	3628	61K-397.86	Bình Dương
629	61K-384.08	Bình Dương	1629	61K-392.16	Bình Dương	2629	61K-382.36	Bình Dương	3629	62A-383.86	Long An
630	61K-384.48	Bình Dương	1630	61K-392.44	Bình Dương	2630	61K-384.00	Bình Dương	3630	62A-390.86	Long An
631	61K-386.36	Bình Dương	1631	61K-392.59	Bình Dương	2631	61K-384.36	Bình Dương	3631	62A-393.86	Long An
632	61K-390.55	Bình Dương	1632	61K-393.63	Bình Dương	2632	61K-387.29	Bình Dương	3632	62A-396.36	Long An
633	61K-391.08	Bình Dương	1633	62A-389.79	Long An	2633	61K-388.79	Bình Dương	3633	62A-396.68	Long An
634	61K-392.65	Bình Dương	1634	62A-394.39	Long An	2634	61K-389.08	Bình Dương	3634	62A-396.86	Long An
635	61K-394.49	Bình Dương	1635	62A-397.08	Long An	2635	61K-391.33	Bình Dương	3635	62A-396.95	Long An
636	62A-392.66	Long An	1636	62A-400.79	Long An	2636	61K-396.38	Bình Dương	3636	62A-399.44	Long An
637	62A-392.89	Long An	1637	62A-401.36	Long An	2637	61K-396.58	Bình Dương	3637	62A-401.86	Long An
638	62A-399.58	Long An	1638	62A-402.36	Long An	2638	61K-398.11	Bình Dương	3638	62A-401.99	Long An
639	62A-400.56	Long An	1639	62A-403.36	Long An	2639	62A-398.69	Long An	3639	62A-403.89	Long An
640	62A-400.86	Long An	1640	62A-408.29	Long An	2640	62A-399.38	Long An	3640	62A-403.98	Long An
641	62A-402.79	Long An	1641	62A-408.80	Long An	2641	62A-400.08	Long An	3641	62A-405.36	Long An
642	62A-405.19	Long An	1642	62A-409.95	Long An	2642	62A-405.05	Long An	3642	62A-410.35	Long An
643	62A-405.96	Long An	1643	62A-410.09	Long An	2643	62A-406.07	Long An	3643	62A-410.38	Long An
644	62A-406.08	Long An	1644	62A-410.56	Long An	2644	62A-406.09	Long An	3644	62A-410.88	Long An
645	62A-408.96	Long An	1645	62A-415.18	Long An	2645	62A-410.25	Long An	3645	62A-413.68	Long An
646	62A-410.08	Long An	1646	62A-416.69	Long An	2646	62A-411.28	Long An	3646	62A-414.77	Long An

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
647	62A-410.96	Long An	1647	62A-417.00	Long An	2647	62A-412.95	Long An	3647	62A-414.83	Long An
648	62A-410.99	Long An	1648	62C-189.09	Long An	2648	62A-413.99	Long An	3648	62A-414.95	Long An
649	62A-411.22	Long An	1649	62C-189.65	Long An	2649	62A-415.38	Long An	3649	62A-416.99	Long An
650	62A-414.28	Long An	1650	62C-190.69	Long An	2650	62A-417.17	Long An	3650	62A-417.22	Long An
651	62A-420.66	Long An	1651	62C-192.98	Long An	2651	62A-417.39	Long An	3651	62A-417.38	Long An
652	62A-420.98	Long An	1652	62C-193.59	Long An	2652	62A-419.69	Long An	3652	62A-418.98	Long An
653	62C-189.77	Long An	1653	62C-194.96	Long An	2653	62C-191.68	Long An	3653	62A-420.38	Long An
654	62C-191.77	Long An	1654	63A-271.88	Tiền Giang	2654	62C-193.44	Long An	3654	62C-189.59	Long An
655	62C-192.25	Long An	1655	63A-275.68	Tiền Giang	2655	62C-193.89	Long An	3655	62C-192.77	Long An
656	62C-193.98	Long An	1656	63A-276.26	Tiền Giang	2656	63A-270.39	Tiền Giang	3656	62C-195.28	Long An
657	62D-011.09	Long An	1657	63A-277.29	Tiền Giang	2657	63A-271.68	Tiền Giang	3657	62C-195.56	Long An
658	63A-272.99	Tiền Giang	1658	63A-277.95	Tiền Giang	2658	63A-278.66	Tiền Giang	3658	63A-274.79	Tiền Giang
659	63A-275.79	Tiền Giang	1659	63A-278.25	Tiền Giang	2659	63A-280.22	Tiền Giang	3659	63A-275.55	Tiền Giang
660	63A-276.76	Tiền Giang	1660	63A-280.77	Tiền Giang	2660	63A-281.18	Tiền Giang	3660	63A-276.39	Tiền Giang
661	63A-278.56	Tiền Giang	1661	63A-281.06	Tiền Giang	2661	63A-281.28	Tiền Giang	3661	63A-276.98	Tiền Giang
662	63A-279.36	Tiền Giang	1662	63A-282.39	Tiền Giang	2662	63A-282.29	Tiền Giang	3662	63A-277.16	Tiền Giang
663	63A-279.65	Tiền Giang	1663	63A-284.33	Tiền Giang	2663	63A-282.33	Tiền Giang	3663	63A-277.18	Tiền Giang
664	63A-279.72	Tiền Giang	1664	63A-286.22	Tiền Giang	2664	63A-286.09	Tiền Giang	3664	63A-279.55	Tiền Giang
665	63A-279.77	Tiền Giang	1665	63A-288.26	Tiền Giang	2665	63A-286.88	Tiền Giang	3665	63A-281.68	Tiền Giang
666	63A-281.44	Tiền Giang	1666	63A-292.16	Tiền Giang	2666	63A-287.69	Tiền Giang	3666	63A-286.00	Tiền Giang
667	63A-281.55	Tiền Giang	1667	63A-294.69	Tiền Giang	2667	63A-288.82	Tiền Giang	3667	63A-287.28	Tiền Giang
668	63A-283.66	Tiền Giang	1668	63B-029.66	Tiền Giang	2668	63A-289.86	Tiền Giang	3668	63A-287.65	Tiền Giang
669	63A-284.95	Tiền Giang	1669	63C-203.77	Tiền Giang	2669	63A-290.26	Tiền Giang	3669	63A-288.69	Tiền Giang
670	63A-287.55	Tiền Giang	1670	63C-205.06	Tiền Giang	2670	63A-290.33	Tiền Giang	3670	63A-289.25	Tiền Giang
671	63A-288.85	Tiền Giang	1671	63C-206.06	Tiền Giang	2671	63A-290.83	Tiền Giang	3671	63A-289.28	Tiền Giang
672	63A-289.35	Tiền Giang	1672	63C-206.55	Tiền Giang	2672	63A-292.19	Tiền Giang	3672	63A-289.95	Tiền Giang
673	63A-289.36	Tiền Giang	1673	63C-206.69	Tiền Giang	2673	63A-292.56	Tiền Giang	3673	63A-292.29	Tiền Giang
674	63A-289.59	Tiền Giang	1674	63C-207.86	Tiền Giang	2674	63A-292.96	Tiền Giang	3674	63A-292.55	Tiền Giang
675	63A-289.88	Tiền Giang	1675	63C-208.08	Tiền Giang	2675	63A-293.15	Tiền Giang	3675	63A-292.83	Tiền Giang
676	63A-291.99	Tiền Giang	1676	64A-170.99	Vĩnh Long	2676	63C-202.79	Tiền Giang	3676	63A-293.66	Tiền Giang
677	63A-292.68	Tiền Giang	1677	64A-175.79	Vĩnh Long	2677	63C-204.56	Tiền Giang	3677	63A-293.79	Tiền Giang
678	63C-202.85	Tiền Giang	1678	64A-176.85	Vĩnh Long	2678	63C-204.68	Tiền Giang	3678	63C-203.00	Tiền Giang
679	63C-206.65	Tiền Giang	1679	64A-177.79	Vĩnh Long	2679	63C-205.96	Tiền Giang	3679	63C-205.69	Tiền Giang
680	63C-207.70	Tiền Giang	1680	64A-178.11	Vĩnh Long	2680	63C-207.06	Tiền Giang	3680	63C-206.20	Tiền Giang
681	63C-208.39	Tiền Giang	1681	64A-179.88	Vĩnh Long	2681	63C-207.89	Tiền Giang	3681	63C-206.95	Tiền Giang
682	64A-176.28	Vĩnh Long	1682	64A-180.36	Vĩnh Long	2682	63C-208.79	Tiền Giang	3682	63C-207.02	Tiền Giang
683	64A-181.89	Vĩnh Long	1683	64A-180.39	Vĩnh Long	2683	64A-172.99	Vĩnh Long	3683	63C-209.15	Tiền Giang
684	64A-182.08	Vĩnh Long	1684	64A-183.59	Vĩnh Long	2684	64A-173.88	Vĩnh Long	3684	64A-170.68	Vĩnh Long
685	64A-182.98	Vĩnh Long	1685	64C-110.88	Vĩnh Long	2685	64A-180.38	Vĩnh Long	3685	64A-175.96	Vĩnh Long
686	64C-111.10	Vĩnh Long	1686	64C-112.00	Vĩnh Long	2686	64A-181.79	Vĩnh Long	3686	64A-177.66	Vĩnh Long
687	64C-112.59	Vĩnh Long	1687	64C-112.38	Vĩnh Long	2687	64A-181.85	Vĩnh Long	3687	64A-177.86	Vĩnh Long
688	64C-114.26	Vĩnh Long	1688	65A-412.12	Cần Thơ	2688	64A-182.25	Vĩnh Long	3688	64A-180.25	Vĩnh Long
689	64D-002.33	Vĩnh Long	1689	65A-414.68	Cần Thơ	2689	64A-183.56	Vĩnh Long	3689	64A-182.38	Vĩnh Long
690	65A-414.39	Cần Thơ	1690	65A-415.00	Cần Thơ	2690	64C-111.34	Vĩnh Long	3690	64A-182.88	Vĩnh Long
691	65A-425.79	Cần Thơ	1691	65A-416.09	Cần Thơ	2691	64C-114.36	Vĩnh Long	3691	64C-111.27	Vĩnh Long
692	65A-427.09	Cần Thơ	1692	65A-416.39	Cần Thơ	2692	65A-413.68	Cần Thơ	3692	64C-111.99	Vĩnh Long
693	65A-428.68	Cần Thơ	1693	65A-416.44	Cần Thơ	2693	65A-425.66	Cần Thơ	3693	65A-409.09	Cần Thơ
694	65A-429.16	Cần Thơ	1694	65A-418.86	Cần Thơ	2694	65A-429.18	Cần Thơ	3694	65A-414.86	Cần Thơ
695	65A-429.29	Cần Thơ	1695	65A-431.09	Cần Thơ	2695	65A-433.19	Cần Thơ	3695	65A-415.78	Cần Thơ
696	65A-429.88	Cần Thơ	1696	65A-434.55	Cần Thơ	2696	65A-434.33	Cần Thơ	3696	65A-421.89	Cần Thơ
697	65A-432.66	Cần Thơ	1697	66A-249.69	Đồng Tháp	2697	66A-251.09	Đồng Tháp	3697	65A-425.68	Cần Thơ
698	65A-434.77	Cần Thơ	1698	66A-250.09	Đồng Tháp	2698	66A-253.77	Đồng Tháp	3698	65A-427.68	Cần Thơ
699	66A-247.89	Đồng Tháp	1699	66A-255.28	Đồng Tháp	2699	66A-257.33	Đồng Tháp	3699	65A-434.68	Cần Thơ
700	66A-249.16	Đồng Tháp	1700	66A-256.59	Đồng Tháp	2700	66A-257.39	Đồng Tháp	3700	66A-247.88	Đồng Tháp
701	66A-251.88	Đồng Tháp	1701	66A-256.77	Đồng Tháp	2701	66A-257.88	Đồng Tháp	3701	66A-248.55	Đồng Tháp
702	66A-252.85	Đồng Tháp	1702	66A-258.56	Đồng Tháp	2702	66A-257.96	Đồng Tháp	3702	66A-250.69	Đồng Tháp
703	66A-254.44	Đồng Tháp	1703	66A-259.08	Đồng Tháp	2703	66A-258.38	Đồng Tháp	3703	66A-251.69	Đồng Tháp
704	66A-257.58	Đồng Tháp	1704	66A-259.28	Đồng Tháp	2704	66A-261.79	Đồng Tháp	3704	66A-255.22	Đồng Tháp
705	66A-259.33	Đồng Tháp	1705	66A-260.83	Đồng Tháp	2705	66A-265.18	Đồng Tháp	3705	66A-257.56	Đồng Tháp

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
706	66A-259.58	Đồng Tháp	1706	66A-263.96	Đồng Tháp	2706	66C-163.66	Đồng Tháp	3706	66A-258.08	Đồng Tháp
707	66A-260.65	Đồng Tháp	1707	66C-164.59	Đồng Tháp	2707	66C-167.85	Đồng Tháp	3707	66A-258.33	Đồng Tháp
708	66A-261.06	Đồng Tháp	1708	66C-165.38	Đồng Tháp	2708	66D-008.55	Đồng Tháp	3708	66A-259.85	Đồng Tháp
709	66A-261.33	Đồng Tháp	1709	66C-168.16	Đồng Tháp	2709	67A-279.66	An Giang	3709	66A-260.26	Đồng Tháp
710	66A-261.83	Đồng Tháp	1710	66C-168.19	Đồng Tháp	2710	67A-285.66	An Giang	3710	66A-260.61	Đồng Tháp
711	66A-261.96	Đồng Tháp	1711	67A-280.86	An Giang	2711	67A-286.56	An Giang	3711	66A-260.85	Đồng Tháp
712	66A-262.86	Đồng Tháp	1712	67A-286.35	An Giang	2712	67A-286.83	An Giang	3712	66A-261.08	Đồng Tháp
713	66C-166.68	Đồng Tháp	1713	67A-287.68	An Giang	2713	67A-286.88	An Giang	3713	66A-261.59	Đồng Tháp
714	66C-169.18	Đồng Tháp	1714	67A-288.65	An Giang	2714	67A-288.82	An Giang	3714	66A-262.98	Đồng Tháp
715	67A-284.88	An Giang	1715	67A-289.77	An Giang	2715	67A-290.15	An Giang	3715	66A-263.66	Đồng Tháp
716	67A-285.25	An Giang	1716	67A-289.93	An Giang	2716	67A-293.22	An Giang	3716	66A-265.06	Đồng Tháp
717	67A-286.00	An Giang	1717	67A-292.35	An Giang	2717	67A-293.66	An Giang	3717	66C-163.79	Đồng Tháp
718	67A-286.33	An Giang	1718	67A-296.59	An Giang	2718	67A-296.55	An Giang	3718	66C-163.99	Đồng Tháp
719	67A-287.87	An Giang	1719	67A-298.65	An Giang	2719	67A-298.85	An Giang	3719	66C-164.79	Đồng Tháp
720	67A-288.19	An Giang	1720	67A-298.68	An Giang	2720	67A-299.38	An Giang	3720	66C-166.22	Đồng Tháp
721	67A-288.86	An Giang	1721	67A-300.69	An Giang	2721	67A-300.33	An Giang	3721	66C-169.95	Đồng Tháp
722	67A-289.59	An Giang	1722	67A-300.88	An Giang	2722	67C-174.33	An Giang	3722	67A-285.28	An Giang
723	67A-292.18	An Giang	1723	67C-172.09	An Giang	2723	68A-308.66	Kiên Giang	3723	67A-287.19	An Giang
724	67A-292.85	An Giang	1724	67C-172.56	An Giang	2724	68A-311.38	Kiên Giang	3724	67A-287.96	An Giang
725	67A-293.85	An Giang	1725	68A-307.88	Kiên Giang	2725	68A-311.39	Kiên Giang	3725	67A-288.83	An Giang
726	67A-296.00	An Giang	1726	68A-312.21	Kiên Giang	2726	68A-312.33	Kiên Giang	3726	67A-290.39	An Giang
727	67A-298.82	An Giang	1727	68A-319.26	Kiên Giang	2727	68A-313.58	Kiên Giang	3727	67A-290.79	An Giang
728	67A-299.77	An Giang	1728	68A-324.55	Kiên Giang	2728	68A-314.56	Kiên Giang	3728	67A-291.39	An Giang
729	67A-300.77	An Giang	1729	68A-324.83	Kiên Giang	2729	68A-316.93	Kiên Giang	3729	67A-291.44	An Giang
730	67C-172.33	An Giang	1730	68A-325.36	Kiên Giang	2730	68A-317.19	Kiên Giang	3730	67A-292.44	An Giang
731	67C-172.68	An Giang	1731	68A-325.85	Kiên Giang	2731	68A-318.95	Kiên Giang	3731	67A-296.19	An Giang
732	67C-173.33	An Giang	1732	68A-328.26	Kiên Giang	2732	68A-321.11	Kiên Giang	3732	67A-296.65	An Giang
733	67C-173.96	An Giang	1733	68C-163.69	Kiên Giang	2733	68A-321.15	Kiên Giang	3733	67A-296.92	An Giang
734	67C-174.58	An Giang	1734	68C-166.59	Kiên Giang	2734	68A-321.26	Kiên Giang	3734	67A-296.96	An Giang
735	68A-316.56	Kiên Giang	1735	68C-167.19	Kiên Giang	2735	68A-322.38	Kiên Giang	3735	67A-297.89	An Giang
736	68A-316.95	Kiên Giang	1736	69A-142.69	Cà Mau	2736	68A-323.55	Kiên Giang	3736	67A-298.06	An Giang
737	68A-319.94	Kiên Giang	1737	69A-142.88	Cà Mau	2737	68A-323.86	Kiên Giang	3737	67A-299.44	An Giang
738	68A-320.15	Kiên Giang	1738	69A-148.09	Cà Mau	2738	68A-325.15	Kiên Giang	3738	67A-299.83	An Giang
739	68A-324.08	Kiên Giang	1739	70A-486.39	Tây Ninh	2739	68A-329.79	Kiên Giang	3739	67A-301.02	An Giang
740	68A-324.24	Kiên Giang	1740	70A-488.39	Tây Ninh	2740	70A-489.68	Tây Ninh	3740	67C-172.19	An Giang
741	68A-325.83	Kiên Giang	1741	70A-490.88	Tây Ninh	2741	70A-495.59	Tây Ninh	3741	67C-172.72	An Giang
742	68A-329.86	Kiên Giang	1742	70A-492.58	Tây Ninh	2742	70A-502.09	Tây Ninh	3742	68A-315.65	Kiên Giang
743	68A-330.15	Kiên Giang	1743	70A-493.56	Tây Ninh	2743	70A-506.06	Tây Ninh	3743	68A-316.19	Kiên Giang
744	68C-162.19	Kiên Giang	1744	70A-498.59	Tây Ninh	2744	70A-507.33	Tây Ninh	3744	68A-317.22	Kiên Giang
745	68C-163.79	Kiên Giang	1745	70A-499.77	Tây Ninh	2745	70A-509.08	Tây Ninh	3745	68A-321.06	Kiên Giang
746	68C-164.68	Kiên Giang	1746	70A-500.33	Tây Ninh	2746	70A-510.19	Tây Ninh	3746	68A-321.23	Kiên Giang
747	69A-142.66	Cà Mau	1747	70A-501.55	Tây Ninh	2747	70A-512.58	Tây Ninh	3747	68A-324.58	Kiên Giang
748	69A-142.68	Cà Mau	1748	70A-501.68	Tây Ninh	2748	70A-514.09	Tây Ninh	3748	68A-325.69	Kiên Giang
749	69A-142.99	Cà Mau	1749	70A-505.06	Tây Ninh	2749	70A-514.59	Tây Ninh	3749	68A-326.16	Kiên Giang
750	70A-497.39	Tây Ninh	1750	70A-510.09	Tây Ninh	2750	70A-515.63	Tây Ninh	3750	68A-326.28	Kiên Giang
751	70A-503.77	Tây Ninh	1751	70A-517.99	Tây Ninh	2751	70A-520.24	Tây Ninh	3751	68A-326.83	Kiên Giang
752	70A-504.68	Tây Ninh	1752	70A-521.93	Tây Ninh	2752	70A-521.21	Tây Ninh	3752	68C-162.58	Kiên Giang
753	70A-506.58	Tây Ninh	1753	71A-186.38	Bến Tre	2753	70C-190.79	Tây Ninh	3753	68C-162.99	Kiên Giang
754	70A-510.77	Tây Ninh	1754	71A-191.35	Bến Tre	2754	70C-190.88	Tây Ninh	3754	68C-165.65	Kiên Giang
755	70A-512.95	Tây Ninh	1755	71A-191.38	Bến Tre	2755	70C-196.68	Tây Ninh	3755	69A-147.39	Cà Mau
756	70A-518.06	Tây Ninh	1756	71A-191.95	Bến Tre	2756	71A-181.58	Bến Tre	3756	70A-493.39	Tây Ninh
757	70A-519.83	Tây Ninh	1757	71C-123.25	Bến Tre	2757	71A-182.85	Bến Tre	3757	70A-502.56	Tây Ninh
758	70A-519.92	Tây Ninh	1758	72A-748.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	2758	71A-182.89	Bến Tre	3758	70A-504.39	Tây Ninh
759	70A-520.22	Tây Ninh	1759	72A-752.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2759	71A-185.25	Bến Tre	3759	70A-505.29	Tây Ninh
760	70A-520.35	Tây Ninh	1760	72A-752.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2760	71A-189.79	Bến Tre	3760	70A-505.65	Tây Ninh
761	70C-195.56	Tây Ninh	1761	72A-758.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	2761	71A-190.06	Bến Tre	3761	70A-506.66	Tây Ninh
762	70C-195.77	Tây Ninh	1762	72A-758.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	2762	71A-191.83	Bến Tre	3762	70A-506.86	Tây Ninh
763	71A-181.56	Bến Tre	1763	72A-760.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	2763	71A-192.29	Bến Tre	3763	70A-507.68	Tây Ninh
764	71A-184.15	Bến Tre	1764	72A-762.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	2764	71C-122.79	Bến Tre	3764	70A-508.82	Tây Ninh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
765	71A-184.38	Bến Tre	1765	72A-766.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	2765	71C-123.32	Bến Tre	3765	70A-510.22	Tây Ninh
766	71A-186.55	Bến Tre	1766	72A-769.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	2766	72A-749.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	3766	70A-511.28	Tây Ninh
767	71A-189.15	Bến Tre	1767	72A-770.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	2767	72A-750.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	3767	70A-511.89	Tây Ninh
768	71A-189.18	Bến Tre	1768	72A-770.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	2768	72A-751.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	3768	70A-513.26	Tây Ninh
769	71A-190.08	Bến Tre	1769	72A-770.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	2769	72A-754.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3769	70A-519.67	Tây Ninh
770	72A-750.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	1770	72A-771.72	Bà Rịa - Vũng Tàu	2770	72A-754.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	3770	70A-520.11	Tây Ninh
771	72A-751.23	Bà Rịa - Vũng Tàu	1771	72A-775.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	2771	72A-762.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	3771	70A-520.29	Tây Ninh
772	72A-753.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	1772	72A-775.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2772	72A-762.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3772	70A-522.62	Tây Ninh
773	72A-753.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	1773	72A-779.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	2773	72A-764.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3773	70C-193.58	Tây Ninh
774	72A-754.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	1774	72A-780.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2774	72A-766.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	3774	71A-183.99	Bến Tre
775	72A-754.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	1775	72A-780.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	2775	72A-767.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	3775	71A-185.16	Bến Tre
776	72A-757.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	1776	72A-781.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	2776	72A-768.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	3776	71A-186.44	Bến Tre
777	72A-757.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	1777	72A-781.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	2777	72A-769.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	3777	71A-186.59	Bến Tre
778	72A-757.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	1778	72A-782.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	2778	72A-770.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	3778	71A-189.77	Bến Tre
779	72A-757.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	1779	72C-223.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2779	72A-770.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3779	71A-192.56	Bến Tre
780	72A-758.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	1780	72C-223.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	2780	72A-771.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	3780	71A-192.98	Bến Tre
781	72A-759.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	1781	72C-224.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	2781	72A-773.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	3781	71C-120.88	Bến Tre
782	72A-759.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	1782	73A-320.86	Quảng Bình	2782	72A-774.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	3782	71C-122.86	Bến Tre
783	72A-760.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	1783	73A-323.06	Quảng Bình	2783	72A-774.74	Bà Rịa - Vũng Tàu	3783	72A-751.09	Bà Rịa - Vũng Tàu
784	72A-763.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	1784	73A-325.86	Quảng Bình	2784	72A-779.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	3784	72A-751.36	Bà Rịa - Vũng Tàu
785	72A-765.76	Bà Rịa - Vũng Tàu	1785	73A-330.59	Quảng Bình	2785	72A-780.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	3785	72A-757.77	Bà Rịa - Vũng Tàu
786	72A-765.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	1786	73A-334.95	Quảng Bình	2786	72A-781.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	3786	72A-759.16	Bà Rịa - Vũng Tàu
787	72A-767.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	1787	73A-335.66	Quảng Bình	2787	72A-781.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	3787	72A-759.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
788	72A-768.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	1788	73C-173.36	Quảng Bình	2788	72A-782.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3788	72A-760.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
789	72A-774.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	1789	74A-241.39	Quảng Trị	2789	72A-783.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	3789	72A-761.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
790	72A-775.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	1790	74A-241.89	Quảng Trị	2790	72C-222.93	Bà Rịa - Vũng Tàu	3790	72A-761.61	Bà Rịa - Vũng Tàu
791	72A-782.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	1791	74A-242.99	Quảng Trị	2791	72C-224.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	3791	72A-762.58	Bà Rịa - Vũng Tàu
792	72A-784.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	1792	74A-243.56	Quảng Trị	2792	72C-224.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	3792	72A-763.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
793	72C-223.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	1793	74A-245.00	Quảng Trị	2793	73A-325.95	Quảng Bình	3793	72A-763.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
794	72C-223.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	1794	74A-247.38	Quảng Trị	2794	73A-327.06	Quảng Bình	3794	72A-766.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
795	72C-224.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	1795	74A-247.59	Quảng Trị	2795	73A-329.22	Quảng Bình	3795	72A-767.19	Bà Rịa - Vũng Tàu
796	72C-225.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	1796	74A-247.79	Quảng Trị	2796	73A-330.11	Quảng Bình	3796	72A-771.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
797	73A-328.99	Quảng Bình	1797	74A-250.18	Quảng Trị	2797	73A-330.95	Quảng Bình	3797	72A-774.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
798	73A-329.28	Quảng Bình	1798	74A-250.39	Quảng Trị	2798	73A-333.22	Quảng Bình	3798	72A-776.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
799	73A-330.16	Quảng Bình	1799	74A-252.39	Quảng Trị	2799	73A-334.11	Quảng Bình	3799	72A-776.67	Bà Rịa - Vũng Tàu
800	73A-331.25	Quảng Bình	1800	74C-127.96	Quảng Trị	2800	73A-334.22	Quảng Bình	3800	72A-777.36	Bà Rịa - Vũng Tàu
801	73A-331.32	Quảng Bình	1801	74C-128.86	Quảng Trị	2801	73A-334.85	Quảng Bình	3801	72A-777.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
802	73A-333.02	Quảng Bình	1802	74C-130.79	Quảng Trị	2802	73A-335.86	Quảng Bình	3802	72A-778.55	Bà Rịa - Vũng Tàu
803	73A-333.05	Quảng Bình	1803	75A-341.99	Thừa Thiên Huế	2803	73A-336.95	Quảng Bình	3803	72A-780.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
804	73A-333.30	Quảng Bình	1804	75A-349.38	Thừa Thiên Huế	2804	73C-169.89	Quảng Bình	3804	72A-781.87	Bà Rịa - Vũng Tàu
805	73A-333.31	Quảng Bình	1805	75A-353.56	Thừa Thiên Huế	2805	73C-173.79	Quảng Bình	3805	72C-221.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
806	73A-333.47	Quảng Bình	1806	75A-354.98	Thừa Thiên Huế	2806	74A-241.88	Quảng Trị	3806	72C-222.59	Bà Rịa - Vũng Tàu
807	73A-336.44	Quảng Bình	1807	75A-355.15	Thừa Thiên Huế	2807	74A-244.45	Quảng Trị	3807	72C-222.95	Bà Rịa - Vũng Tàu
808	74A-242.06	Quảng Trị	1808	75A-355.65	Thừa Thiên Huế	2808	74A-246.00	Quảng Trị	3808	72C-223.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
809	74A-242.19	Quảng Trị	1809	75A-356.56	Thừa Thiên Huế	2809	74A-249.56	Quảng Trị	3809	72C-224.38	Bà Rịa - Vũng Tàu
810	74A-250.05	Quảng Trị	1810	75A-358.06	Thừa Thiên Huế	2810	74A-249.69	Quảng Trị	3810	72C-224.59	Bà Rịa - Vũng Tàu
811	74A-250.09	Quảng Trị	1811	75A-358.44	Thừa Thiên Huế	2811	74A-250.06	Quảng Trị	3811	72C-224.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
812	74A-251.18	Quảng Trị	1812	75A-360.22	Thừa Thiên Huế	2812	74A-251.15	Quảng Trị	3812	72C-226.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
813	74A-252.29	Quảng Trị	1813	75A-360.63	Thừa Thiên Huế	2813	74A-251.16	Quảng Trị	3813	73A-321.88	Quảng Bình
814	74C-129.98	Quảng Trị	1814	75A-363.69	Thừa Thiên Huế	2814	74A-251.44	Quảng Trị	3814	73A-327.08	Quảng Bình
815	75A-338.99	Thừa Thiên Huế	1815	75A-364.46	Thừa Thiên Huế	2815	74A-253.95	Quảng Trị	3815	73A-327.58	Quảng Bình
816	75A-344.88	Thừa Thiên Huế	1816	76A-286.19	Quảng Ngãi	2816	74A-254.38	Quảng Trị	3816	73A-330.56	Quảng Bình
817	75A-348.09	Thừa Thiên Huế	1817	76A-286.87	Quảng Ngãi	2817	74A-254.65	Quảng Trị	3817	73A-331.95	Quảng Bình
818	75A-349.26	Thừa Thiên Huế	1818	76A-288.83	Quảng Ngãi	2818	74A-254.66	Quảng Trị	3818	73A-331.96	Quảng Bình
819	75A-352.99	Thừa Thiên Huế	1819	76A-290.90	Quảng Ngãi	2819	74A-255.15	Quảng Trị	3819	73A-332.58	Quảng Bình
820	75A-353.55	Thừa Thiên Huế	1820	76A-292.29	Quảng Ngãi	2820	75A-348.55	Thừa Thiên Huế	3820	73C-171.39	Quảng Bình
821	75A-355.83	Thừa Thiên Huế	1821	76A-294.92	Quảng Ngãi	2821	75A-354.16	Thừa Thiên Huế	3821	73C-172.08	Quảng Bình
822	75A-358.65	Thừa Thiên Huế	1822	76A-296.44	Quảng Ngãi	2822	75A-356.11	Thừa Thiên Huế	3822	73C-172.36	Quảng Bình
823	75A-359.56	Thừa Thiên Huế	1823	76C-171.08	Quảng Ngãi	2823	75A-357.18	Thừa Thiên Huế	3823	74A-244.29	Quảng Trị

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
824	75A-360.08	Thừa Thiên Huế	1824	76C-172.25	Quảng Ngãi	2824	75A-360.28	Thừa Thiên Huế	3824	74A-245.06	Quảng Trị
825	75A-362.25	Thừa Thiên Huế	1825	76D-008.77	Quảng Ngãi	2825	75A-360.96	Thừa Thiên Huế	3825	74A-249.88	Quảng Trị
826	75C-148.84	Thừa Thiên Huế	1826	77A-302.68	Bình Định	2826	75A-361.11	Thừa Thiên Huế	3826	74A-249.98	Quảng Trị
827	75C-149.09	Thừa Thiên Huế	1827	77A-304.88	Bình Định	2827	75A-362.77	Thừa Thiên Huế	3827	74A-250.16	Quảng Trị
828	75C-149.56	Thừa Thiên Huế	1828	77A-304.89	Bình Định	2828	75A-364.63	Thừa Thiên Huế	3828	74A-250.36	Quảng Trị
829	76A-286.18	Quảng Ngãi	1829	77A-305.39	Bình Định	2829	75C-148.56	Thừa Thiên Huế	3829	74C-129.00	Quảng Trị
830	76A-287.26	Quảng Ngãi	1830	77A-308.09	Bình Định	2830	76A-286.06	Quảng Ngãi	3830	74C-129.39	Quảng Trị
831	76A-288.96	Quảng Ngãi	1831	77A-309.56	Bình Định	2831	76A-289.83	Quảng Ngãi	3831	74C-130.18	Quảng Trị
832	76A-294.58	Quảng Ngãi	1832	77A-309.83	Bình Định	2832	76A-290.56	Quảng Ngãi	3832	75A-337.99	Thừa Thiên Huế
833	76A-295.35	Quảng Ngãi	1833	77A-310.11	Bình Định	2833	76A-293.68	Quảng Ngãi	3833	75A-342.79	Thừa Thiên Huế
834	76C-166.88	Quảng Ngãi	1834	77A-312.88	Bình Định	2834	76A-294.35	Quảng Ngãi	3834	75A-349.79	Thừa Thiên Huế
835	76C-168.66	Quảng Ngãi	1835	77A-313.15	Bình Định	2835	76A-296.25	Quảng Ngãi	3835	75A-352.52	Thừa Thiên Huế
836	76C-169.89	Quảng Ngãi	1836	77A-313.29	Bình Định	2836	76A-296.79	Quảng Ngãi	3836	75A-352.56	Thừa Thiên Huế
837	76C-172.19	Quảng Ngãi	1837	77A-313.31	Bình Định	2837	76A-297.26	Quảng Ngãi	3837	75A-352.98	Thừa Thiên Huế
838	77A-297.68	Bình Định	1838	77A-316.39	Bình Định	2838	76A-300.65	Quảng Ngãi	3838	75A-353.29	Thừa Thiên Huế
839	77A-299.86	Bình Định	1839	77A-316.56	Bình Định	2839	76C-170.83	Quảng Ngãi	3839	75A-354.22	Thừa Thiên Huế
840	77A-300.60	Bình Định	1840	77C-241.83	Bình Định	2840	76C-171.06	Quảng Ngãi	3840	75A-354.45	Thừa Thiên Huế
841	77A-302.96	Bình Định	1841	77C-241.86	Bình Định	2841	76C-171.36	Quảng Ngãi	3841	75A-355.25	Thừa Thiên Huế
842	77A-303.95	Bình Định	1842	77C-243.06	Bình Định	2842	76C-171.58	Quảng Ngãi	3842	75A-356.89	Thừa Thiên Huế
843	77A-304.19	Bình Định	1843	77C-243.34	Bình Định	2843	77A-297.39	Bình Định	3843	75A-356.96	Thừa Thiên Huế
844	77A-304.85	Bình Định	1844	77C-244.26	Bình Định	2844	77A-301.33	Bình Định	3844	75A-357.29	Thừa Thiên Huế
845	77A-305.58	Bình Định	1845	77C-245.16	Bình Định	2845	77A-301.59	Bình Định	3845	75A-359.96	Thừa Thiên Huế
846	77A-306.89	Bình Định	1846	77C-245.88	Bình Định	2846	77A-302.29	Bình Định	3846	75A-363.77	Thừa Thiên Huế
847	77A-310.65	Bình Định	1847	78A-184.22	Phú Yên	2847	77A-302.98	Bình Định	3847	75A-363.99	Thừa Thiên Huế
848	77A-312.25	Bình Định	1848	78A-185.83	Phú Yên	2848	77A-303.18	Bình Định	3848	75A-364.08	Thừa Thiên Huế
849	77A-315.86	Bình Định	1849	78A-185.85	Phú Yên	2849	77A-305.38	Bình Định	3849	75C-148.55	Thừa Thiên Huế
850	77A-316.11	Bình Định	1850	78A-186.19	Phú Yên	2850	77A-307.83	Bình Định	3850	75C-149.83	Thừa Thiên Huế
851	77C-242.11	Bình Định	1851	78A-190.35	Phú Yên	2851	77A-309.19	Bình Định	3851	75C-150.26	Thừa Thiên Huế
852	77C-242.29	Bình Định	1852	78A-190.56	Phú Yên	2852	77A-309.33	Bình Định	3852	76A-286.36	Quảng Ngãi
853	77C-242.83	Bình Định	1853	78A-190.98	Phú Yên	2853	77A-309.96	Bình Định	3853	76A-290.29	Quảng Ngãi
854	77C-243.18	Bình Định	1854	78A-191.22	Phú Yên	2854	77A-310.86	Bình Định	3854	76A-291.25	Quảng Ngãi
855	77C-243.35	Bình Định	1855	78A-191.98	Phú Yên	2855	77A-314.18	Bình Định	3855	76A-291.83	Quảng Ngãi
856	78A-189.11	Phú Yên	1856	78A-193.09	Phú Yên	2856	77A-316.66	Bình Định	3856	76A-292.16	Quảng Ngãi
857	78A-189.18	Phú Yên	1857	78A-194.59	Phú Yên	2857	77C-240.39	Bình Định	3857	76A-294.25	Quảng Ngãi
858	78A-189.35	Phú Yên	1858	78A-195.91	Phú Yên	2858	77C-243.42	Bình Định	3858	76A-297.00	Quảng Ngãi
859	78A-191.65	Phú Yên	1859	78A-196.18	Phú Yên	2859	77C-244.79	Bình Định	3859	76A-297.16	Quảng Ngãi
860	78A-192.98	Phú Yên	1860	78C-741.55	Phú Yên	2860	78A-185.86	Phú Yên	3860	76A-299.35	Quảng Ngãi
861	78A-193.00	Phú Yên	1861	78C-743.26	Phú Yên	2861	78A-187.11	Phú Yên	3861	76C-170.00	Quảng Ngãi
862	78A-193.18	Phú Yên	1862	79A-500.55	Khánh Hòa	2862	78A-190.88	Phú Yên	3862	77A-300.90	Bình Định
863	78A-194.88	Phú Yên	1863	79A-504.35	Khánh Hòa	2863	78A-192.96	Phú Yên	3863	77A-301.85	Bình Định
864	78A-196.95	Phú Yên	1864	79A-506.98	Khánh Hòa	2864	78A-193.89	Phú Yên	3864	77A-306.07	Bình Định
865	78C-741.28	Phú Yên	1865	79A-507.27	Khánh Hòa	2865	78A-196.68	Phú Yên	3865	77A-306.60	Bình Định
866	78C-741.85	Phú Yên	1866	79A-508.26	Khánh Hòa	2866	78A-197.00	Phú Yên	3866	77A-307.39	Bình Định
867	78C-742.83	Phú Yên	1867	79A-510.66	Khánh Hòa	2867	78C-743.55	Phú Yên	3867	77A-307.59	Bình Định
868	79A-501.11	Khánh Hòa	1868	79A-510.77	Khánh Hòa	2868	79A-498.69	Khánh Hòa	3868	77A-307.99	Bình Định
869	79A-503.15	Khánh Hòa	1869	79A-513.22	Khánh Hòa	2869	79A-500.99	Khánh Hòa	3869	77A-309.85	Bình Định
870	79A-504.08	Khánh Hòa	1870	79A-513.25	Khánh Hòa	2870	79A-501.16	Khánh Hòa	3870	77A-310.10	Bình Định
871	79A-504.66	Khánh Hòa	1871	79A-513.56	Khánh Hòa	2871	79A-503.35	Khánh Hòa	3871	77A-310.69	Bình Định
872	79A-505.16	Khánh Hòa	1872	79A-515.33	Khánh Hòa	2872	79A-508.11	Khánh Hòa	3872	77A-312.99	Bình Định
873	79A-510.19	Khánh Hòa	1873	79A-518.08	Khánh Hòa	2873	79A-509.16	Khánh Hòa	3873	77A-314.86	Bình Định
874	79A-515.66	Khánh Hòa	1874	79A-519.95	Khánh Hòa	2874	79A-509.39	Khánh Hòa	3874	77A-316.36	Bình Định
875	79A-517.25	Khánh Hòa	1875	79A-520.39	Khánh Hòa	2875	79A-510.36	Khánh Hòa	3875	77A-316.58	Bình Định
876	79A-518.95	Khánh Hòa	1876	79A-521.25	Khánh Hòa	2876	79A-510.69	Khánh Hòa	3876	77C-241.98	Bình Định
877	79A-519.22	Khánh Hòa	1877	79A-521.52	Khánh Hòa	2877	79A-511.96	Khánh Hòa	3877	77C-242.77	Bình Định
878	79A-519.26	Khánh Hòa	1878	79A-523.36	Khánh Hòa	2878	79A-512.13	Khánh Hòa	3878	78A-186.83	Phú Yên
879	79A-520.11	Khánh Hòa	1879	79A-523.86	Khánh Hòa	2879	79A-513.95	Khánh Hòa	3879	78A-188.26	Phú Yên
880	79A-523.00	Khánh Hòa	1880	79A-524.15	Khánh Hòa	2880	79A-516.83	Khánh Hòa	3880	78A-189.16	Phú Yên
881	79A-523.69	Khánh Hòa	1881	79A-525.09	Khánh Hòa	2881	79A-517.22	Khánh Hòa	3881	78A-189.28	Phú Yên
882	79A-523.98	Khánh Hòa	1882	81A-380.36	Gia Lai	2882	79A-522.09	Khánh Hòa	3882	78A-189.29	Phú Yên

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
883	79C-208.80	Khánh Hòa	1883	81A-380.68	Gia Lai	2883	79A-523.35	Khánh Hòa	3883	78A-191.29	Phú Yên
884	79C-212.38	Khánh Hòa	1884	81A-384.55	Gia Lai	2884	79C-208.58	Khánh Hòa	3884	78A-191.58	Phú Yên
885	81A-389.59	Gia Lai	1885	81A-386.82	Gia Lai	2885	81A-387.38	Gia Lai	3885	78A-193.19	Phú Yên
886	81A-389.86	Gia Lai	1886	81A-388.26	Gia Lai	2886	81A-389.35	Gia Lai	3886	78A-194.11	Phú Yên
887	81A-390.83	Gia Lai	1887	81A-388.93	Gia Lai	2887	81A-393.58	Gia Lai	3887	78C-741.29	Phú Yên
888	81A-392.35	Gia Lai	1888	81A-390.16	Gia Lai	2888	81A-395.66	Gia Lai	3888	78C-743.08	Phú Yên
889	81A-392.63	Gia Lai	1889	81A-394.11	Gia Lai	2889	81A-396.11	Gia Lai	3889	78C-743.66	Phú Yên
890	81A-394.18	Gia Lai	1890	81A-396.93	Gia Lai	2890	81A-397.65	Gia Lai	3890	79A-501.56	Khánh Hòa
891	81A-394.26	Gia Lai	1891	81A-396.97	Gia Lai	2891	81A-400.01	Gia Lai	3891	79A-505.36	Khánh Hòa
892	81C-245.55	Gia Lai	1892	81A-397.08	Gia Lai	2892	81A-400.09	Gia Lai	3892	79A-506.26	Khánh Hòa
893	81C-252.39	Gia Lai	1893	81A-397.56	Gia Lai	2893	81C-248.68	Gia Lai	3893	79A-506.69	Khánh Hòa
894	81C-252.58	Gia Lai	1894	81A-399.06	Gia Lai	2894	81C-259.77	Gia Lai	3894	79A-508.96	Khánh Hòa
895	81C-255.19	Gia Lai	1895	81A-399.33	Gia Lai	2895	82A-134.44	Kon Tum	3895	79A-510.55	Khánh Hòa
896	81C-255.79	Gia Lai	1896	81A-400.38	Gia Lai	2896	82A-135.99	Kon Tum	3896	79A-511.44	Khánh Hòa
897	81C-255.85	Gia Lai	1897	81A-400.79	Gia Lai	2897	82A-139.55	Kon Tum	3897	79A-514.68	Khánh Hòa
898	81C-256.76	Gia Lai	1898	81A-401.00	Gia Lai	2898	82A-140.58	Kon Tum	3898	79A-514.69	Khánh Hòa
899	81C-257.99	Gia Lai	1899	81A-402.09	Gia Lai	2899	82A-141.96	Kon Tum	3899	79A-517.86	Khánh Hòa
900	81C-259.55	Gia Lai	1900	81C-245.45	Gia Lai	2900	82A-142.11	Kon Tum	3900	79A-522.35	Khánh Hòa
901	81C-259.79	Gia Lai	1901	81C-256.16	Gia Lai	2901	82A-143.22	Kon Tum	3901	79A-523.83	Khánh Hòa
902	81C-260.56	Gia Lai	1902	81C-258.28	Gia Lai	2902	82A-143.33	Kon Tum	3902	81A-384.33	Gia Lai
903	82A-131.89	Kon Tum	1903	81C-259.19	Gia Lai	2903	82A-143.68	Kon Tum	3903	81A-394.35	Gia Lai
904	82A-139.08	Kon Tum	1904	81C-260.98	Gia Lai	2904	82A-145.46	Kon Tum	3904	81A-396.77	Gia Lai
905	82A-141.06	Kon Tum	1905	82A-129.66	Kon Tum	2905	82C-087.66	Kon Tum	3905	81A-398.08	Gia Lai
906	82A-141.58	Kon Tum	1906	82A-133.55	Kon Tum	2906	82C-087.77	Kon Tum	3906	81A-398.11	Gia Lai
907	82A-141.99	Kon Tum	1907	82A-140.88	Kon Tum	2907	82C-087.99	Kon Tum	3907	81A-400.99	Gia Lai
908	82A-142.69	Kon Tum	1908	82A-142.41	Kon Tum	2908	82C-088.77	Kon Tum	3908	81A-401.02	Gia Lai
909	82C-079.39	Kon Tum	1909	82A-143.16	Kon Tum	2909	82D-003.89	Kon Tum	3909	81C-252.56	Gia Lai
910	82C-081.79	Kon Tum	1910	82A-145.59	Kon Tum	2910	82D-005.39	Kon Tum	3910	82A-130.99	Kon Tum
911	82C-086.68	Kon Tum	1911	82C-076.68	Kon Tum	2911	82D-006.79	Kon Tum	3911	82A-134.34	Kon Tum
912	83A-168.95	Sóc Trăng	1912	82C-086.99	Kon Tum	2912	83A-168.80	Sóc Trăng	3912	82A-137.77	Kon Tum
913	83A-171.11	Sóc Trăng	1913	82C-087.88	Kon Tum	2913	83A-170.22	Sóc Trăng	3913	82A-143.66	Kon Tum
914	83A-172.95	Sóc Trăng	1914	82C-088.95	Kon Tum	2914	83A-171.85	Sóc Trăng	3914	82A-144.08	Kon Tum
915	83A-173.38	Sóc Trăng	1915	82C-089.11	Kon Tum	2915	83A-172.65	Sóc Trăng	3915	82A-145.14	Kon Tum
916	83A-173.73	Sóc Trăng	1916	82C-089.22	Kon Tum	2916	83A-173.22	Sóc Trăng	3916	82A-145.45	Kon Tum
917	83A-173.77	Sóc Trăng	1917	82C-089.36	Kon Tum	2917	83A-174.00	Sóc Trăng	3917	82C-076.99	Kon Tum
918	83A-174.25	Sóc Trăng	1918	82C-089.65	Kon Tum	2918	83A-175.35	Sóc Trăng	3918	82D-003.33	Kon Tum
919	83A-174.44	Sóc Trăng	1919	82D-004.88	Kon Tum	2919	83A-175.98	Sóc Trăng	3919	82D-006.68	Kon Tum
920	83A-174.71	Sóc Trăng	1920	83A-168.25	Sóc Trăng	2920	83A-176.77	Sóc Trăng	3920	83A-169.19	Sóc Trăng
921	83A-175.56	Sóc Trăng	1921	83A-170.25	Sóc Trăng	2921	83B-019.58	Sóc Trăng	3921	83A-169.55	Sóc Trăng
922	83C-123.18	Sóc Trăng	1922	83A-176.33	Sóc Trăng	2922	83C-124.88	Sóc Trăng	3922	83C-123.35	Sóc Trăng
923	83C-123.88	Sóc Trăng	1923	83C-123.56	Sóc Trăng	2923	84A-121.69	Trà Vinh	3923	84A-122.39	Trà Vinh
924	83C-124.89	Sóc Trăng	1924	83C-124.33	Sóc Trăng	2924	84A-122.69	Trà Vinh	3924	84A-123.79	Trà Vinh
925	83C-125.66	Sóc Trăng	1925	83D-004.55	Sóc Trăng	2925	84A-122.86	Trà Vinh	3925	84A-127.44	Trà Vinh
926	84A-123.69	Trà Vinh	1926	84A-126.89	Trà Vinh	2926	84A-123.88	Trà Vinh	3926	84A-128.25	Trà Vinh
927	84A-128.55	Trà Vinh	1927	84A-128.12	Trà Vinh	2927	84A-123.89	Trà Vinh	3927	84A-129.65	Trà Vinh
928	84A-130.11	Trà Vinh	1928	84A-133.19	Trà Vinh	2928	84A-126.19	Trà Vinh	3928	84A-130.16	Trà Vinh
929	84C-118.00	Trà Vinh	1929	84A-134.25	Trà Vinh	2929	84A-128.22	Trà Vinh	3929	84A-133.16	Trà Vinh
930	84C-118.66	Trà Vinh	1930	84C-118.83	Trà Vinh	2930	84A-128.29	Trà Vinh	3930	84C-117.17	Trà Vinh
931	85A-125.66	Ninh Thuận	1931	85A-122.33	Ninh Thuận	2931	84A-129.11	Trà Vinh	3931	84C-117.19	Trà Vinh
932	85A-131.16	Ninh Thuận	1932	85A-135.13	Ninh Thuận	2932	84A-129.77	Trà Vinh	3932	84C-118.44	Trà Vinh
933	85A-132.69	Ninh Thuận	1933	85A-135.65	Ninh Thuận	2933	84A-132.56	Trà Vinh	3933	84C-118.77	Trà Vinh
934	85A-132.79	Ninh Thuận	1934	85C-078.28	Ninh Thuận	2934	84A-132.98	Trà Vinh	3934	84C-119.19	Trà Vinh
935	85A-133.69	Ninh Thuận	1935	85C-079.38	Ninh Thuận	2935	84A-133.62	Trà Vinh	3935	85A-121.79	Ninh Thuận
936	85A-134.22	Ninh Thuận	1936	85C-079.83	Ninh Thuận	2936	84C-116.09	Trà Vinh	3936	85A-133.06	Ninh Thuận
937	85A-134.58	Ninh Thuận	1937	86A-280.69	Bình Thuận	2937	84C-116.26	Trà Vinh	3937	85A-133.44	Ninh Thuận
938	85B-010.56	Ninh Thuận	1938	86A-281.06	Bình Thuận	2938	84C-117.08	Trà Vinh	3938	85C-078.22	Ninh Thuận
939	86A-277.66	Bình Thuận	1939	86A-285.11	Bình Thuận	2939	84C-118.16	Trà Vinh	3939	86A-278.86	Bình Thuận
940	86A-280.25	Bình Thuận	1940	86A-285.26	Bình Thuận	2940	84C-118.85	Trà Vinh	3940	86A-284.11	Bình Thuận
941	86A-281.38	Bình Thuận	1941	86A-287.22	Bình Thuận	2941	85A-134.36	Ninh Thuận	3941	86A-284.68	Bình Thuận

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
942	86A-283.83	Bình Thuận	942	86A-291.09	Bình Thuận	2942	85A-134.96	Ninh Thuận	3942	86A-285.25	Bình Thuận
943	86A-283.84	Bình Thuận	943	86A-292.28	Bình Thuận	2943	85A-135.96	Ninh Thuận	3943	86A-286.00	Bình Thuận
944	86A-285.06	Bình Thuận	944	86A-292.89	Bình Thuận	2944	85C-078.18	Ninh Thuận	3944	86A-286.95	Bình Thuận
945	86A-286.83	Bình Thuận	945	86A-293.26	Bình Thuận	2945	86A-281.81	Bình Thuận	3945	86A-287.77	Bình Thuận
946	86A-288.44	Bình Thuận	946	86A-294.58	Bình Thuận	2946	86A-282.85	Bình Thuận	3946	86A-289.08	Bình Thuận
947	86A-290.36	Bình Thuận	947	86C-189.99	Bình Thuận	2947	86A-288.16	Bình Thuận	3947	86A-291.98	Bình Thuận
948	86A-291.77	Bình Thuận	948	86C-191.29	Bình Thuận	2948	86A-288.22	Bình Thuận	3948	86A-293.22	Bình Thuận
949	86A-292.55	Bình Thuận	949	86C-192.19	Bình Thuận	2949	86A-288.85	Bình Thuận	3949	86A-293.38	Bình Thuận
950	86A-294.06	Bình Thuận	950	86C-193.95	Bình Thuận	2950	86A-290.96	Bình Thuận	3950	86A-294.83	Bình Thuận
951	86A-296.35	Bình Thuận	951	86C-194.99	Bình Thuận	2951	86A-291.11	Bình Thuận	3951	86A-294.89	Bình Thuận
952	86C-188.68	Bình Thuận	952	92A-374.11	Quảng Nam	2952	86A-293.19	Bình Thuận	3952	86A-295.95	Bình Thuận
953	86C-188.89	Bình Thuận	953	92A-375.00	Quảng Nam	2953	86A-294.09	Bình Thuận	3953	86C-193.08	Bình Thuận
954	86C-189.69	Bình Thuận	954	92A-376.26	Quảng Nam	2954	86A-295.66	Bình Thuận	3954	86C-194.09	Bình Thuận
955	86C-191.58	Bình Thuận	955	92A-379.38	Quảng Nam	2955	86C-191.28	Bình Thuận	3955	86C-194.55	Bình Thuận
956	86C-192.44	Bình Thuận	956	92A-380.09	Quảng Nam	2956	86C-192.77	Bình Thuận	3956	86C-195.28	Bình Thuận
957	86C-193.11	Bình Thuận	957	92A-380.89	Quảng Nam	2957	86C-195.09	Bình Thuận	3957	92A-374.06	Quảng Nam
958	86C-193.93	Bình Thuận	958	92A-380.98	Quảng Nam	2958	92A-371.11	Quảng Nam	3958	92A-376.29	Quảng Nam
959	86C-195.16	Bình Thuận	959	92A-383.89	Quảng Nam	2959	92A-372.79	Quảng Nam	3959	92A-376.37	Quảng Nam
960	92A-378.00	Quảng Nam	960	92A-384.77	Quảng Nam	2960	92A-373.68	Quảng Nam	3960	92A-378.19	Quảng Nam
961	92A-382.06	Quảng Nam	961	92A-384.98	Quảng Nam	2961	92A-373.86	Quảng Nam	3961	92A-379.19	Quảng Nam
962	92A-386.18	Quảng Nam	962	92A-385.11	Quảng Nam	2962	92A-377.58	Quảng Nam	3962	92A-379.39	Quảng Nam
963	92A-390.35	Quảng Nam	963	92A-385.25	Quảng Nam	2963	92A-378.15	Quảng Nam	3963	92A-384.19	Quảng Nam
964	92A-390.69	Quảng Nam	964	92A-388.16	Quảng Nam	2964	92A-378.59	Quảng Nam	3964	92A-387.66	Quảng Nam
965	92A-391.36	Quảng Nam	965	92A-390.59	Quảng Nam	2965	92A-381.44	Quảng Nam	3965	92A-387.69	Quảng Nam
966	92A-392.08	Quảng Nam	966	92A-394.16	Quảng Nam	2966	92A-381.68	Quảng Nam	3966	92A-392.98	Quảng Nam
967	92A-392.16	Quảng Nam	967	92C-236.36	Quảng Nam	2967	92A-381.79	Quảng Nam	3967	92C-236.65	Quảng Nam
968	92A-394.29	Quảng Nam	968	92C-236.63	Quảng Nam	2968	92A-382.83	Quảng Nam	3968	93A-438.65	Bình Phước
969	92C-234.58	Quảng Nam	969	92C-237.86	Quảng Nam	2969	92A-383.56	Quảng Nam	3969	93A-438.99	Bình Phước
970	92C-234.69	Quảng Nam	970	93A-438.66	Bình Phước	2970	92A-384.36	Quảng Nam	3970	93A-440.98	Bình Phước
971	92C-236.33	Quảng Nam	971	93A-440.22	Bình Phước	2971	92A-385.85	Quảng Nam	3971	93A-441.28	Bình Phước
972	92C-237.73	Quảng Nam	972	93A-441.11	Bình Phước	2972	92A-388.36	Quảng Nam	3972	93A-442.15	Bình Phước
973	92C-237.85	Quảng Nam	973	93A-441.42	Bình Phước	2973	92A-393.83	Quảng Nam	3973	93A-442.96	Bình Phước
974	92C-238.39	Quảng Nam	974	93A-444.48	Bình Phước	2974	92C-233.86	Quảng Nam	3974	93A-445.22	Bình Phước
975	93A-439.88	Bình Phước	975	93A-447.85	Bình Phước	2975	92C-234.43	Quảng Nam	3975	93A-446.00	Bình Phước
976	93A-443.38	Bình Phước	976	93A-449.85	Bình Phước	2976	92C-235.00	Quảng Nam	3976	93A-446.15	Bình Phước
977	93A-443.86	Bình Phước	977	93A-450.33	Bình Phước	2977	92C-237.32	Quảng Nam	3977	93A-446.33	Bình Phước
978	93A-444.25	Bình Phước	978	93A-451.06	Bình Phước	2978	92C-237.39	Quảng Nam	3978	93A-447.55	Bình Phước
979	93A-445.88	Bình Phước	979	93A-454.54	Bình Phước	2979	92C-238.56	Quảng Nam	3979	93A-448.39	Bình Phước
980	93A-448.55	Bình Phước	980	93A-454.88	Bình Phước	2980	92C-238.99	Quảng Nam	3980	93A-451.83	Bình Phước
981	93A-449.66	Bình Phước	981	93A-455.45	Bình Phước	2981	93A-441.09	Bình Phước	3981	93A-452.45	Bình Phước
982	93A-450.59	Bình Phước	982	93A-455.89	Bình Phước	2982	93A-444.57	Bình Phước	3982	93A-455.00	Bình Phước
983	93A-454.85	Bình Phước	983	93A-457.88	Bình Phước	2983	93A-445.59	Bình Phước	3983	93C-179.09	Bình Phước
984	93A-455.22	Bình Phước	984	93A-458.25	Bình Phước	2984	93A-446.86	Bình Phước	3984	93C-179.26	Bình Phước
985	93A-455.28	Bình Phước	985	93A-458.36	Bình Phước	2985	93A-451.69	Bình Phước	3985	93C-180.28	Bình Phước
986	93A-458.89	Bình Phước	986	93A-458.98	Bình Phước	2986	93A-453.58	Bình Phước	3986	93C-181.06	Bình Phước
987	93A-459.39	Bình Phước	987	93C-180.69	Bình Phước	2987	93A-455.68	Bình Phước	3987	93C-184.16	Bình Phước
988	93A-459.98	Bình Phước	988	93C-180.77	Bình Phước	2988	93A-455.96	Bình Phước	3988	94A-097.39	Bạc Liêu
989	93C-179.88	Bình Phước	989	93C-182.38	Bình Phước	2989	93A-458.08	Bình Phước	3989	94A-101.02	Bạc Liêu
990	93C-182.81	Bình Phước	990	93C-182.85	Bình Phước	2990	93A-459.22	Bình Phước	3990	94C-075.69	Bạc Liêu
991	93C-183.06	Bình Phước	991	93C-183.77	Bình Phước	2991	93C-184.18	Bình Phước	3991	95A-112.18	Hậu Giang
992	93C-183.58	Bình Phước	992	93C-183.88	Bình Phước	2992	93D-003.88	Bình Phước	3992	95A-112.59	Hậu Giang
993	94A-097.68	Bạc Liêu	993	94A-098.86	Bạc Liêu	2993	95A-112.12	Hậu Giang	3993	95A-112.68	Hậu Giang
994	94A-102.25	Bạc Liêu	994	95A-114.44	Hậu Giang	2994	95A-114.56	Hậu Giang	3994	95A-114.19	Hậu Giang
995	94C-075.56	Bạc Liêu	995	95A-115.22	Hậu Giang	2995	95A-118.33	Hậu Giang	3995	95A-115.59	Hậu Giang
996	95A-112.86	Hậu Giang	996	95A-118.58	Hậu Giang	2996	95A-119.06	Hậu Giang	3996	95A-115.98	Hậu Giang
997	95A-117.83	Hậu Giang	997	95A-119.00	Hậu Giang	2997	95B-009.89	Hậu Giang	3997	95A-117.22	Hậu Giang
998	95A-118.86	Hậu Giang	998	95C-078.55	Hậu Giang	2998	95C-078.16	Hậu Giang	3998	95A-117.36	Hậu Giang
999	95A-118.88	Hậu Giang	999	95C-079.16	Hậu Giang	2999	95C-079.95	Hậu Giang	3999	95A-118.38	Hậu Giang
1000	95C-080.56	Hậu Giang	2000	95C-079.85	Hậu Giang	3000	95C-080.68	Hậu Giang	4000	95A-119.55	Hậu Giang

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4001	19A-616.66	Phú Thọ	5001	30K-898.68	Hà Nội	6001	30K-671.85	Hà Nội			
4002	30K-679.38	Hà Nội	5002	30K-679.09	Hà Nội	6002	30K-675.88	Hà Nội			
4003	30K-682.69	Hà Nội	5003	30K-679.22	Hà Nội	6003	30K-683.55	Hà Nội			
4004	30K-692.59	Hà Nội	5004	30K-709.88	Hà Nội	6004	30K-685.26	Hà Nội			
4005	30K-716.16	Hà Nội	5005	30K-717.79	Hà Nội	6005	30K-688.59	Hà Nội			
4006	30K-718.86	Hà Nội	5006	30K-718.68	Hà Nội	6006	30K-713.86	Hà Nội			
4007	30K-773.66	Hà Nội	5007	30K-728.82	Hà Nội	6007	30K-764.88	Hà Nội			
4008	30K-773.68	Hà Nội	5008	30K-746.88	Hà Nội	6008	30K-765.56	Hà Nội			
4009	30K-790.18	Hà Nội	5009	30K-751.99	Hà Nội	6009	30K-782.66	Hà Nội			
4010	30K-792.66	Hà Nội	5010	30K-752.86	Hà Nội	6010	30K-783.68	Hà Nội			
4011	30K-792.96	Hà Nội	5011	30K-757.69	Hà Nội	6011	30K-786.39	Hà Nội			
4012	30K-793.86	Hà Nội	5012	30K-773.69	Hà Nội	6012	30K-787.39	Hà Nội			
4013	30K-800.18	Hà Nội	5013	30K-791.22	Hà Nội	6013	30K-790.00	Hà Nội			
4014	30K-801.26	Hà Nội	5014	30K-793.29	Hà Nội	6014	30K-790.85	Hà Nội			
4015	30K-803.16	Hà Nội	5015	30K-800.26	Hà Nội	6015	30K-791.58	Hà Nội			
4016	30K-804.44	Hà Nội	5016	30K-802.85	Hà Nội	6016	30K-796.18	Hà Nội			
4017	30K-806.58	Hà Nội	5017	30K-808.69	Hà Nội	6017	30K-800.36	Hà Nội			
4018	30K-809.85	Hà Nội	5018	30K-812.21	Hà Nội	6018	30K-800.77	Hà Nội			
4019	30K-813.15	Hà Nội	5019	30K-814.99	Hà Nội	6019	30K-801.86	Hà Nội			
4020	30K-815.56	Hà Nội	5020	30K-816.09	Hà Nội	6020	30K-805.29	Hà Nội			
4021	30K-815.83	Hà Nội	5021	30K-816.19	Hà Nội	6021	30K-806.07	Hà Nội			
4022	30K-817.99	Hà Nội	5022	30K-818.22	Hà Nội	6022	30K-809.65	Hà Nội			
4023	30K-818.08	Hà Nội	5023	30K-820.09	Hà Nội	6023	30K-814.86	Hà Nội			
4024	30K-820.99	Hà Nội	5024	30K-820.20	Hà Nội	6024	30K-815.26	Hà Nội			
4025	30K-821.98	Hà Nội	5025	30K-821.58	Hà Nội	6025	30K-815.99	Hà Nội			
4026	30K-824.35	Hà Nội	5026	30K-824.28	Hà Nội	6026	30K-816.11	Hà Nội			
4027	30K-824.99	Hà Nội	5027	30K-824.44	Hà Nội	6027	30K-817.11	Hà Nội			
4028	30K-825.06	Hà Nội	5028	30K-826.44	Hà Nội	6028	30K-817.96	Hà Nội			
4029	30K-830.68	Hà Nội	5029	30K-827.72	Hà Nội	6029	30K-819.36	Hà Nội			
4030	30K-831.58	Hà Nội	5030	30K-829.19	Hà Nội	6030	30K-820.08	Hà Nội			
4031	30K-833.22	Hà Nội	5031	30K-830.08	Hà Nội	6031	30K-820.95	Hà Nội			
4032	30K-845.83	Hà Nội	5032	30K-830.22	Hà Nội	6032	30K-823.19	Hà Nội			
4033	30K-847.35	Hà Nội	5033	30K-830.95	Hà Nội	6033	30K-830.31	Hà Nội			
4034	30K-850.38	Hà Nội	5034	30K-833.69	Hà Nội	6034	30K-832.95	Hà Nội			
4035	30K-854.56	Hà Nội	5035	30K-835.00	Hà Nội	6035	30K-833.15	Hà Nội			
4036	30K-854.83	Hà Nội	5036	30K-835.25	Hà Nội	6036	30K-833.28	Hà Nội			
4037	30K-855.92	Hà Nội	5037	30K-838.00	Hà Nội	6037	30K-834.00	Hà Nội			
4038	30K-857.25	Hà Nội	5038	30K-839.44	Hà Nội	6038	30K-834.59	Hà Nội			
4039	30K-862.11	Hà Nội	5039	30K-840.06	Hà Nội	6039	30K-839.28	Hà Nội			
4040	30K-862.79	Hà Nội	5040	30K-840.18	Hà Nội	6040	30K-841.08	Hà Nội			
4041	30K-863.26	Hà Nội	5041	30K-841.00	Hà Nội	6041	30K-843.68	Hà Nội			
4042	30K-864.55	Hà Nội	5042	30K-843.86	Hà Nội	6042	30K-844.83	Hà Nội			
4043	30K-868.19	Hà Nội	5043	30K-844.99	Hà Nội	6043	30K-848.25	Hà Nội			
4044	30K-871.99	Hà Nội	5044	30K-846.22	Hà Nội	6044	30K-848.49	Hà Nội			
4045	30K-872.19	Hà Nội	5045	30K-846.35	Hà Nội	6045	30K-849.88	Hà Nội			
4046	30K-872.38	Hà Nội	5046	30K-848.55	Hà Nội	6046	30K-850.25	Hà Nội			
4047	30K-873.22	Hà Nội	5047	30K-852.77	Hà Nội	6047	30K-851.38	Hà Nội			
4048	30K-873.59	Hà Nội	5048	30K-852.85	Hà Nội	6048	30K-854.44	Hà Nội			
4049	30K-875.11	Hà Nội	5049	30K-853.19	Hà Nội	6049	30K-856.62	Hà Nội			
4050	30K-877.11	Hà Nội	5050	30K-855.26	Hà Nội	6050	30K-857.35	Hà Nội			
4051	30K-881.36	Hà Nội	5051	30K-856.08	Hà Nội	6051	30K-857.68	Hà Nội			
4052	30K-887.39	Hà Nội	5052	30K-856.22	Hà Nội	6052	30K-859.28	Hà Nội			
4053	30K-887.44	Hà Nội	5053	30K-858.16	Hà Nội	6053	30K-861.33	Hà Nội			
4054	30K-887.56	Hà Nội	5054	30K-858.28	Hà Nội	6054	30K-861.77	Hà Nội			
4055	30K-893.35	Hà Nội	5055	30K-860.03	Hà Nội	6055	30K-861.85	Hà Nội			
4056	30K-894.83	Hà Nội	5056	30K-860.29	Hà Nội	6056	30K-862.29	Hà Nội			
4057	30K-897.83	Hà Nội	5057	30K-860.55	Hà Nội	6057	30K-862.39	Hà Nội			
4058	30K-899.35	Hà Nội	5058	30K-860.95	Hà Nội	6058	30K-868.23	Hà Nội			
4059	30K-900.06	Hà Nội	5059	30K-864.26	Hà Nội	6059	30K-870.98	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4060	30K-904.58	Hà Nội	5060	30K-865.26	Hà Nội	6060	30K-874.09	Hà Nội			
4061	30K-905.35	Hà Nội	5061	30K-865.39	Hà Nội	6061	30K-875.77	Hà Nội			
4062	30K-906.88	Hà Nội	5062	30K-865.96	Hà Nội	6062	30K-876.89	Hà Nội			
4063	30K-907.35	Hà Nội	5063	30K-868.08	Hà Nội	6063	30K-877.06	Hà Nội			
4064	30K-908.38	Hà Nội	5064	30K-869.01	Hà Nội	6064	30K-877.18	Hà Nội			
4065	30K-908.89	Hà Nội	5065	30K-869.09	Hà Nội	6065	30K-878.59	Hà Nội			
4066	30K-912.09	Hà Nội	5066	30K-869.83	Hà Nội	6066	30K-879.44	Hà Nội			
4067	30K-912.25	Hà Nội	5067	30K-869.95	Hà Nội	6067	30K-879.77	Hà Nội			
4068	30K-913.69	Hà Nội	5068	30K-871.26	Hà Nội	6068	30K-883.44	Hà Nội			
4069	30K-913.95	Hà Nội	5069	30K-873.96	Hà Nội	6069	30K-885.36	Hà Nội			
4070	30K-920.08	Hà Nội	5070	30K-875.29	Hà Nội	6070	30K-891.39	Hà Nội			
4071	30K-922.44	Hà Nội	5071	30K-877.55	Hà Nội	6071	30K-897.33	Hà Nội			
4072	30K-923.69	Hà Nội	5072	30K-878.00	Hà Nội	6072	30K-901.83	Hà Nội			
4073	30K-924.26	Hà Nội	5073	30K-878.11	Hà Nội	6073	30K-902.33	Hà Nội			
4074	30K-925.89	Hà Nội	5074	30K-881.25	Hà Nội	6074	30K-903.29	Hà Nội			
4075	30K-928.65	Hà Nội	5075	30K-881.83	Hà Nội	6075	30K-904.69	Hà Nội			
4076	30K-928.66	Hà Nội	5076	30K-882.38	Hà Nội	6076	30K-905.28	Hà Nội			
4077	30K-929.33	Hà Nội	5077	30K-882.59	Hà Nội	6077	30K-906.15	Hà Nội			
4078	30K-931.33	Hà Nội	5078	30K-883.18	Hà Nội	6078	30K-908.77	Hà Nội			
4079	30K-934.08	Hà Nội	5079	30K-884.44	Hà Nội	6079	30K-915.58	Hà Nội			
4080	30K-941.16	Hà Nội	5080	30K-884.56	Hà Nội	6080	30K-916.11	Hà Nội			
4081	30K-944.85	Hà Nội	5081	30K-886.65	Hà Nội	6081	30K-918.77	Hà Nội			
4082	30K-945.11	Hà Nội	5082	30K-887.86	Hà Nội	6082	30K-920.95	Hà Nội			
4083	30K-947.16	Hà Nội	5083	30K-889.56	Hà Nội	6083	30K-921.08	Hà Nội			
4084	30K-949.79	Hà Nội	5084	30K-893.19	Hà Nội	6084	30K-921.26	Hà Nội			
4085	30K-950.95	Hà Nội	5085	30K-895.58	Hà Nội	6085	30K-922.69	Hà Nội			
4086	30K-951.08	Hà Nội	5086	30K-902.77	Hà Nội	6086	30K-926.15	Hà Nội			
4087	30K-951.89	Hà Nội	5087	30K-906.44	Hà Nội	6087	30K-927.96	Hà Nội			
4088	30K-951.98	Hà Nội	5088	30K-908.55	Hà Nội	6088	30K-930.33	Hà Nội			
4089	30K-952.88	Hà Nội	5089	30K-908.65	Hà Nội	6089	30K-932.08	Hà Nội			
4090	30K-952.95	Hà Nội	5090	30K-914.33	Hà Nội	6090	30K-934.22	Hà Nội			
4091	30K-956.16	Hà Nội	5091	30K-914.91	Hà Nội	6091	30K-936.29	Hà Nội			
4092	30K-957.98	Hà Nội	5092	30K-915.91	Hà Nội	6092	30K-936.85	Hà Nội			
4093	30K-958.36	Hà Nội	5093	30K-915.96	Hà Nội	6093	30K-938.69	Hà Nội			
4094	30K-959.83	Hà Nội	5094	30K-923.55	Hà Nội	6094	30K-942.56	Hà Nội			
4095	30K-962.85	Hà Nội	5095	30K-926.36	Hà Nội	6095	30K-943.08	Hà Nội			
4096	30K-965.16	Hà Nội	5096	30K-927.26	Hà Nội	6096	30K-943.59	Hà Nội			
4097	30K-968.19	Hà Nội	5097	30K-934.43	Hà Nội	6097	30K-943.68	Hà Nội			
4098	30K-968.44	Hà Nội	5098	30K-935.08	Hà Nội	6098	30K-945.65	Hà Nội			
4099	30K-969.06	Hà Nội	5099	30K-936.11	Hà Nội	6099	30K-946.47	Hà Nội			
4100	30K-970.19	Hà Nội	5100	30K-939.77	Hà Nội	6100	30K-947.15	Hà Nội			
4101	30K-972.18	Hà Nội	5101	30K-940.06	Hà Nội	6101	30K-949.36	Hà Nội			
4102	30K-972.36	Hà Nội	5102	30K-940.15	Hà Nội	6102	30K-950.44	Hà Nội			
4103	30K-973.69	Hà Nội	5103	30K-942.18	Hà Nội	6103	30K-950.79	Hà Nội			
4104	30K-974.44	Hà Nội	5104	30K-944.25	Hà Nội	6104	30K-951.52	Hà Nội			
4105	30K-975.96	Hà Nội	5105	30K-944.49	Hà Nội	6105	30K-953.44	Hà Nội			
4106	30K-979.44	Hà Nội	5106	30K-946.29	Hà Nội	6106	30K-953.85	Hà Nội			
4107	30K-983.18	Hà Nội	5107	30K-946.64	Hà Nội	6107	30K-960.08	Hà Nội			
4108	30K-983.96	Hà Nội	5108	30K-948.25	Hà Nội	6108	30K-960.15	Hà Nội			
4109	30K-984.15	Hà Nội	5109	30K-951.29	Hà Nội	6109	30K-961.56	Hà Nội			
4110	30K-984.28	Hà Nội	5110	30K-952.26	Hà Nội	6110	30K-962.38	Hà Nội			
4111	30K-985.26	Hà Nội	5111	30K-952.89	Hà Nội	6111	30K-962.83	Hà Nội			
4112	30K-986.56	Hà Nội	5112	30K-957.59	Hà Nội	6112	30K-964.08	Hà Nội			
4113	30K-991.06	Hà Nội	5113	30K-959.85	Hà Nội	6113	30K-964.58	Hà Nội			
4114	30K-993.36	Hà Nội	5114	30K-963.11	Hà Nội	6114	30K-967.68	Hà Nội			
4115	30K-993.59	Hà Nội	5115	30K-963.55	Hà Nội	6115	30K-968.29	Hà Nội			
4116	30L-004.09	Hà Nội	5116	30K-964.69	Hà Nội	6116	30K-970.28	Hà Nội			
4117	30L-006.98	Hà Nội	5117	30K-968.22	Hà Nội	6117	30K-971.89	Hà Nội			
4118	30L-007.36	Hà Nội	5118	30K-971.16	Hà Nội	6118	30K-972.68	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4119	30L-008.06	Hà Nội	5119	30K-972.86	Hà Nội	6119	30K-978.19	Hà Nội			
4120	30L-008.95	Hà Nội	5120	30K-972.98	Hà Nội	6120	30K-978.33	Hà Nội			
4121	30L-010.25	Hà Nội	5121	30K-976.15	Hà Nội	6121	30K-982.08	Hà Nội			
4122	30L-010.56	Hà Nội	5122	30K-976.35	Hà Nội	6122	30K-984.06	Hà Nội			
4123	30L-010.59	Hà Nội	5123	30K-976.44	Hà Nội	6123	30K-992.33	Hà Nội			
4124	30L-012.36	Hà Nội	5124	30K-976.77	Hà Nội	6124	30K-992.65	Hà Nội			
4125	30L-015.58	Hà Nội	5125	30K-980.55	Hà Nội	6125	30K-998.06	Hà Nội			
4126	30L-016.18	Hà Nội	5126	30K-984.68	Hà Nội	6126	30K-998.26	Hà Nội			
4127	30L-017.68	Hà Nội	5127	30K-988.35	Hà Nội	6127	30L-000.85	Hà Nội			
4128	30L-020.65	Hà Nội	5128	30K-990.29	Hà Nội	6128	30L-003.19	Hà Nội			
4129	30L-021.36	Hà Nội	5129	30K-990.59	Hà Nội	6129	30L-004.22	Hà Nội			
4130	30L-023.20	Hà Nội	5130	30K-991.00	Hà Nội	6130	30L-008.16	Hà Nội			
4131	30L-024.65	Hà Nội	5131	30L-004.15	Hà Nội	6131	30L-009.22	Hà Nội			
4132	30L-024.98	Hà Nội	5132	30L-006.38	Hà Nội	6132	30L-010.44	Hà Nội			
4133	30L-028.66	Hà Nội	5133	30L-007.55	Hà Nội	6133	30L-012.06	Hà Nội			
4134	30L-030.88	Hà Nội	5134	30L-012.85	Hà Nội	6134	30L-019.69	Hà Nội			
4135	30L-032.33	Hà Nội	5135	30L-015.56	Hà Nội	6135	30L-021.35	Hà Nội			
4136	30L-032.95	Hà Nội	5136	30L-018.10	Hà Nội	6136	30L-022.39	Hà Nội			
4137	30L-037.11	Hà Nội	5137	30L-018.28	Hà Nội	6137	30L-023.55	Hà Nội			
4138	30L-037.86	Hà Nội	5138	30L-018.55	Hà Nội	6138	30L-026.62	Hà Nội			
4139	30L-042.79	Hà Nội	5139	30L-018.58	Hà Nội	6139	30L-027.20	Hà Nội			
4140	30L-044.19	Hà Nội	5140	30L-021.26	Hà Nội	6140	30L-032.88	Hà Nội			
4141	30L-044.29	Hà Nội	5141	30L-021.33	Hà Nội	6141	30L-035.28	Hà Nội			
4142	30L-046.06	Hà Nội	5142	30L-021.86	Hà Nội	6142	30L-037.73	Hà Nội			
4143	30L-046.11	Hà Nội	5143	30L-023.36	Hà Nội	6143	30L-038.95	Hà Nội			
4144	30L-048.38	Hà Nội	5144	30L-023.98	Hà Nội	6144	30L-039.30	Hà Nội			
4145	30L-049.69	Hà Nội	5145	30L-024.88	Hà Nội	6145	30L-040.00	Hà Nội			
4146	30L-050.79	Hà Nội	5146	30L-029.59	Hà Nội	6146	30L-040.98	Hà Nội			
4147	30L-051.39	Hà Nội	5147	30L-029.63	Hà Nội	6147	30L-041.86	Hà Nội			
4148	30L-052.29	Hà Nội	5148	30L-029.65	Hà Nội	6148	30L-041.88	Hà Nội			
4149	30L-054.16	Hà Nội	5149	30L-031.00	Hà Nội	6149	30L-043.38	Hà Nội			
4150	30L-055.16	Hà Nội	5150	30L-031.11	Hà Nội	6150	30L-043.86	Hà Nội			
4151	30L-057.08	Hà Nội	5151	30L-032.38	Hà Nội	6151	30L-044.88	Hà Nội			
4152	30L-057.55	Hà Nội	5152	30L-033.19	Hà Nội	6152	30L-050.88	Hà Nội			
4153	30L-059.22	Hà Nội	5153	30L-036.26	Hà Nội	6153	30L-051.22	Hà Nội			
4154	30L-059.68	Hà Nội	5154	30L-038.59	Hà Nội	6154	30L-057.16	Hà Nội			
4155	30L-060.69	Hà Nội	5155	30L-040.77	Hà Nội	6155	30L-061.89	Hà Nội			
4156	30L-060.92	Hà Nội	5156	30L-044.69	Hà Nội	6156	30L-063.86	Hà Nội			
4157	30L-064.22	Hà Nội	5157	30L-049.95	Hà Nội	6157	30L-065.60	Hà Nội			
4158	30L-064.39	Hà Nội	5158	30L-052.65	Hà Nội	6158	30L-071.83	Hà Nội			
4159	30L-067.99	Hà Nội	5159	30L-053.88	Hà Nội	6159	30L-072.18	Hà Nội			
4160	30L-069.89	Hà Nội	5160	30L-060.22	Hà Nội	6160	30L-072.38	Hà Nội			
4161	30L-072.22	Hà Nội	5161	30L-061.39	Hà Nội	6161	30L-072.55	Hà Nội			
4162	30L-072.58	Hà Nội	5162	30L-069.66	Hà Nội	6162	30L-072.66	Hà Nội			
4163	30L-076.83	Hà Nội	5163	30L-069.86	Hà Nội	6163	30L-073.66	Hà Nội			
4164	30L-078.59	Hà Nội	5164	30L-070.18	Hà Nội	6164	30L-075.96	Hà Nội			
4165	30L-081.89	Hà Nội	5165	30L-071.17	Hà Nội	6165	30L-078.36	Hà Nội			
4166	30L-086.98	Hà Nội	5166	30L-075.07	Hà Nội	6166	30L-079.29	Hà Nội			
4167	30L-090.11	Hà Nội	5167	30L-075.36	Hà Nội	6167	30L-080.66	Hà Nội			
4168	30L-093.15	Hà Nội	5168	30L-075.70	Hà Nội	6168	30L-080.83	Hà Nội			
4169	30L-094.25	Hà Nội	5169	30L-075.98	Hà Nội	6169	30L-080.99	Hà Nội			
4170	30L-095.19	Hà Nội	5170	30L-078.28	Hà Nội	6170	30L-084.18	Hà Nội			
4171	30L-097.36	Hà Nội	5171	30L-081.11	Hà Nội	6171	30L-085.44	Hà Nội			
4172	30L-101.18	Hà Nội	5172	30L-081.85	Hà Nội	6172	30L-087.89	Hà Nội			
4173	30L-102.15	Hà Nội	5173	30L-083.18	Hà Nội	6173	30L-090.08	Hà Nội			
4174	30L-103.04	Hà Nội	5174	30L-086.65	Hà Nội	6174	30L-091.59	Hà Nội			
4175	30L-106.65	Hà Nội	5175	30L-092.93	Hà Nội	6175	30L-091.99	Hà Nội			
4176	30L-108.01	Hà Nội	5176	30L-094.28	Hà Nội	6176	30L-092.77	Hà Nội			
4177	30L-112.98	Hà Nội	5177	30L-103.06	Hà Nội	6177	30L-094.56	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4178	30L-113.39	Hà Nội	5178	30L-108.39	Hà Nội	6178	30L-094.94	Hà Nội			
4179	30L-115.26	Hà Nội	5179	30L-108.79	Hà Nội	6179	30L-106.83	Hà Nội			
4180	30L-124.59	Hà Nội	5180	30L-109.39	Hà Nội	6180	30L-108.11	Hà Nội			
4181	30L-124.99	Hà Nội	5181	30L-109.55	Hà Nội	6181	30L-112.65	Hà Nội			
4182	30L-126.22	Hà Nội	5182	30L-113.44	Hà Nội	6182	30L-114.44	Hà Nội			
4183	30L-126.83	Hà Nội	5183	30L-115.22	Hà Nội	6183	30L-114.88	Hà Nội			
4184	30L-128.83	Hà Nội	5184	30L-119.66	Hà Nội	6184	30L-115.79	Hà Nội			
4185	30L-129.68	Hà Nội	5185	30L-123.00	Hà Nội	6185	30L-120.12	Hà Nội			
4186	30L-130.03	Hà Nội	5186	30L-124.26	Hà Nội	6186	30L-120.77	Hà Nội			
4187	30L-132.79	Hà Nội	5187	30L-126.98	Hà Nội	6187	30L-120.96	Hà Nội			
4188	30L-134.83	Hà Nội	5188	30L-129.09	Hà Nội	6188	30L-121.25	Hà Nội			
4189	30L-141.83	Hà Nội	5189	30L-134.19	Hà Nội	6189	30L-123.11	Hà Nội			
4190	30L-142.96	Hà Nội	5190	30L-134.77	Hà Nội	6190	30L-124.79	Hà Nội			
4191	30L-144.33	Hà Nội	5191	30L-135.28	Hà Nội	6191	30L-124.85	Hà Nội			
4192	30L-146.77	Hà Nội	5192	30L-136.28	Hà Nội	6192	30L-125.66	Hà Nội			
4193	30L-151.09	Hà Nội	5193	30L-144.96	Hà Nội	6193	30L-125.96	Hà Nội			
4194	30L-159.92	Hà Nội	5194	30L-144.99	Hà Nội	6194	30L-134.39	Hà Nội			
4195	30L-163.58	Hà Nội	5195	30L-145.59	Hà Nội	6195	30L-134.79	Hà Nội			
4196	30L-166.23	Hà Nội	5196	30L-146.29	Hà Nội	6196	30L-137.22	Hà Nội			
4197	30L-168.29	Hà Nội	5197	30L-150.08	Hà Nội	6197	30L-138.19	Hà Nội			
4198	30L-169.15	Hà Nội	5198	30L-151.26	Hà Nội	6198	30L-142.22	Hà Nội			
4199	30L-171.08	Hà Nội	5199	30L-153.19	Hà Nội	6199	30L-142.65	Hà Nội			
4200	30L-171.99	Hà Nội	5200	30L-154.11	Hà Nội	6200	30L-143.39	Hà Nội			
4201	30L-174.88	Hà Nội	5201	30L-154.83	Hà Nội	6201	30L-151.00	Hà Nội			
4202	51L-079.58	Hồ Chí Minh	5202	30L-161.06	Hà Nội	6202	30L-153.25	Hà Nội			
4203	51L-081.39	Hồ Chí Minh	5203	30L-164.19	Hà Nội	6203	30L-155.35	Hà Nội			
4204	51L-082.19	Hồ Chí Minh	5204	30L-174.83	Hà Nội	6204	30L-156.96	Hà Nội			
4205	51L-091.09	Hồ Chí Minh	5205	51L-071.33	Hồ Chí Minh	6205	30L-157.33	Hà Nội			
4206	51L-095.88	Hồ Chí Minh	5206	51L-075.86	Hồ Chí Minh	6206	30L-157.36	Hà Nội			
4207	51L-096.16	Hồ Chí Minh	5207	51L-081.33	Hồ Chí Minh	6207	30L-157.68	Hà Nội			
4208	51L-097.59	Hồ Chí Minh	5208	51L-081.38	Hồ Chí Minh	6208	30L-164.46	Hà Nội			
4209	51L-100.36	Hồ Chí Minh	5209	51L-082.25	Hồ Chí Minh	6209	30L-164.61	Hà Nội			
4210	51L-100.98	Hồ Chí Minh	5210	51L-083.95	Hồ Chí Minh	6210	30L-167.66	Hà Nội			
4211	51L-101.36	Hồ Chí Minh	5211	51L-085.65	Hồ Chí Minh	6211	30L-167.96	Hà Nội			
4212	51L-105.15	Hồ Chí Minh	5212	51L-088.55	Hồ Chí Minh	6212	30L-168.09	Hà Nội			
4213	51L-105.85	Hồ Chí Minh	5213	51L-089.66	Hồ Chí Minh	6213	30L-168.36	Hà Nội			
4214	51L-107.59	Hồ Chí Minh	5214	51L-090.89	Hồ Chí Minh	6214	30L-169.65	Hà Nội			
4215	51L-107.77	Hồ Chí Minh	5215	51L-092.55	Hồ Chí Minh	6215	51L-071.59	Hồ Chí Minh			
4216	51L-110.77	Hồ Chí Minh	5216	51L-095.69	Hồ Chí Minh	6216	51L-073.73	Hồ Chí Minh			
4217	51L-117.33	Hồ Chí Minh	5217	51L-096.88	Hồ Chí Minh	6217	51L-074.28	Hồ Chí Minh			
4218	51L-120.25	Hồ Chí Minh	5218	51L-097.55	Hồ Chí Minh	6218	51L-074.66	Hồ Chí Minh			
4219	51L-120.55	Hồ Chí Minh	5219	51L-097.68	Hồ Chí Minh	6219	51L-075.26	Hồ Chí Minh			
4220	51L-125.09	Hồ Chí Minh	5220	51L-102.88	Hồ Chí Minh	6220	51L-086.55	Hồ Chí Minh			
4221	51L-125.25	Hồ Chí Minh	5221	51L-106.58	Hồ Chí Minh	6221	51L-087.55	Hồ Chí Minh			
4222	51L-126.29	Hồ Chí Minh	5222	51L-107.99	Hồ Chí Minh	6222	51L-101.89	Hồ Chí Minh			
4223	51L-127.88	Hồ Chí Minh	5223	51L-116.56	Hồ Chí Minh	6223	51L-105.99	Hồ Chí Minh			
4224	51L-131.00	Hồ Chí Minh	5224	51L-116.95	Hồ Chí Minh	6224	51L-107.25	Hồ Chí Minh			
4225	51L-132.29	Hồ Chí Minh	5225	51L-117.44	Hồ Chí Minh	6225	51L-109.15	Hồ Chí Minh			
4226	51L-133.63	Hồ Chí Minh	5226	51L-120.44	Hồ Chí Minh	6226	51L-110.39	Hồ Chí Minh			
4227	51L-133.79	Hồ Chí Minh	5227	51L-124.00	Hồ Chí Minh	6227	51L-110.58	Hồ Chí Minh			
4228	51L-134.96	Hồ Chí Minh	5228	51L-124.08	Hồ Chí Minh	6228	51L-114.22	Hồ Chí Minh			
4229	51L-136.35	Hồ Chí Minh	5229	51L-124.96	Hồ Chí Minh	6229	51L-119.18	Hồ Chí Minh			
4230	51L-136.55	Hồ Chí Minh	5230	51L-127.06	Hồ Chí Minh	6230	51L-121.08	Hồ Chí Minh			
4231	51L-148.08	Hồ Chí Minh	5231	51L-130.09	Hồ Chí Minh	6231	51L-123.18	Hồ Chí Minh			
4232	51L-148.15	Hồ Chí Minh	5232	51L-130.36	Hồ Chí Minh	6232	51L-125.11	Hồ Chí Minh			
4233	51L-149.19	Hồ Chí Minh	5233	51L-131.11	Hồ Chí Minh	6233	51L-125.16	Hồ Chí Minh			
4234	51L-149.29	Hồ Chí Minh	5234	51L-133.36	Hồ Chí Minh	6234	51L-128.55	Hồ Chí Minh			
4235	51L-150.65	Hồ Chí Minh	5235	51L-133.82	Hồ Chí Minh	6235	51L-131.58	Hồ Chí Minh			
4236	51L-151.83	Hồ Chí Minh	5236	51L-134.59	Hồ Chí Minh	6236	51L-133.98	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4237	51L-155.26	Hồ Chí Minh	5237	51L-137.11	Hồ Chí Minh	6237	51L-135.65	Hồ Chí Minh			
4238	51L-156.09	Hồ Chí Minh	5238	51L-137.55	Hồ Chí Minh	6238	51L-135.66	Hồ Chí Minh			
4239	51L-157.22	Hồ Chí Minh	5239	51L-144.06	Hồ Chí Minh	6239	51L-136.28	Hồ Chí Minh			
4240	51L-160.35	Hồ Chí Minh	5240	51L-149.26	Hồ Chí Minh	6240	51L-141.66	Hồ Chí Minh			
4241	51L-162.98	Hồ Chí Minh	5241	51L-152.08	Hồ Chí Minh	6241	51L-143.16	Hồ Chí Minh			
4242	51L-171.89	Hồ Chí Minh	5242	51L-156.15	Hồ Chí Minh	6242	51L-143.36	Hồ Chí Minh			
4243	51L-172.28	Hồ Chí Minh	5243	51L-156.77	Hồ Chí Minh	6243	51L-144.66	Hồ Chí Minh			
4244	51L-172.85	Hồ Chí Minh	5244	51L-160.36	Hồ Chí Minh	6244	51L-145.69	Hồ Chí Minh			
4245	51L-173.71	Hồ Chí Minh	5245	51L-160.65	Hồ Chí Minh	6245	51L-146.00	Hồ Chí Minh			
4246	51L-174.16	Hồ Chí Minh	5246	51L-161.15	Hồ Chí Minh	6246	51L-148.26	Hồ Chí Minh			
4247	51L-176.36	Hồ Chí Minh	5247	51L-171.39	Hồ Chí Minh	6247	51L-149.58	Hồ Chí Minh			
4248	51L-177.33	Hồ Chí Minh	5248	51L-172.39	Hồ Chí Minh	6248	51L-151.88	Hồ Chí Minh			
4249	51L-240.00	Hồ Chí Minh	5249	51L-174.75	Hồ Chí Minh	6249	51L-152.09	Hồ Chí Minh			
4250	51L-241.56	Hồ Chí Minh	5250	51L-175.77	Hồ Chí Minh	6250	51L-152.25	Hồ Chí Minh			
4251	51L-244.22	Hồ Chí Minh	5251	51L-178.16	Hồ Chí Minh	6251	51L-156.65	Hồ Chí Minh			
4252	51L-244.36	Hồ Chí Minh	5252	51L-178.33	Hồ Chí Minh	6252	51L-158.15	Hồ Chí Minh			
4253	51L-245.54	Hồ Chí Minh	5253	51L-179.35	Hồ Chí Minh	6253	51L-160.11	Hồ Chí Minh			
4254	51L-245.89	Hồ Chí Minh	5254	51L-179.66	Hồ Chí Minh	6254	51L-172.36	Hồ Chí Minh			
4255	51L-246.77	Hồ Chí Minh	5255	51L-241.88	Hồ Chí Minh	6255	51L-172.56	Hồ Chí Minh			
4256	51L-246.83	Hồ Chí Minh	5256	51L-242.11	Hồ Chí Minh	6256	51L-173.15	Hồ Chí Minh			
4257	51L-247.69	Hồ Chí Minh	5257	51L-242.24	Hồ Chí Minh	6257	51L-175.86	Hồ Chí Minh			
4258	51L-249.06	Hồ Chí Minh	5258	51L-243.15	Hồ Chí Minh	6258	51L-176.39	Hồ Chí Minh			
4259	51L-249.25	Hồ Chí Minh	5259	51L-243.16	Hồ Chí Minh	6259	51L-177.19	Hồ Chí Minh			
4260	51L-251.09	Hồ Chí Minh	5260	51L-244.58	Hồ Chí Minh	6260	51L-240.06	Hồ Chí Minh			
4261	51L-253.83	Hồ Chí Minh	5261	51L-245.00	Hồ Chí Minh	6261	51L-243.42	Hồ Chí Minh			
4262	51L-254.11	Hồ Chí Minh	5262	51L-245.09	Hồ Chí Minh	6262	51L-245.19	Hồ Chí Minh			
4263	51L-255.83	Hồ Chí Minh	5263	51L-245.96	Hồ Chí Minh	6263	51L-247.06	Hồ Chí Minh			
4264	51L-256.58	Hồ Chí Minh	5264	51L-246.29	Hồ Chí Minh	6264	51L-253.98	Hồ Chí Minh			
4265	51L-259.36	Hồ Chí Minh	5265	51L-246.47	Hồ Chí Minh	6265	51L-257.26	Hồ Chí Minh			
4266	51L-259.66	Hồ Chí Minh	5266	51L-247.77	Hồ Chí Minh	6266	51L-260.35	Hồ Chí Minh			
4267	51L-260.62	Hồ Chí Minh	5267	51L-248.16	Hồ Chí Minh	6267	51L-263.39	Hồ Chí Minh			
4268	51L-262.56	Hồ Chí Minh	5268	51L-250.09	Hồ Chí Minh	6268	51L-263.59	Hồ Chí Minh			
4269	51L-262.96	Hồ Chí Minh	5269	51L-256.26	Hồ Chí Minh	6269	51L-264.69	Hồ Chí Minh			
4270	51L-265.56	Hồ Chí Minh	5270	51L-256.65	Hồ Chí Minh	6270	51L-266.96	Hồ Chí Minh			
4271	51L-266.00	Hồ Chí Minh	5271	51L-257.75	Hồ Chí Minh	6271	51L-266.98	Hồ Chí Minh			
4272	51L-267.09	Hồ Chí Minh	5272	51L-260.88	Hồ Chí Minh	6272	51L-268.11	Hồ Chí Minh			
4273	51L-268.18	Hồ Chí Minh	5273	51L-261.62	Hồ Chí Minh	6273	51L-269.59	Hồ Chí Minh			
4274	51L-273.09	Hồ Chí Minh	5274	51L-265.89	Hồ Chí Minh	6274	51L-270.79	Hồ Chí Minh			
4275	51L-273.74	Hồ Chí Minh	5275	51L-270.33	Hồ Chí Minh	6275	51L-271.88	Hồ Chí Minh			
4276	51L-278.83	Hồ Chí Minh	5276	51L-271.29	Hồ Chí Minh	6276	51L-273.33	Hồ Chí Minh			
4277	51L-279.38	Hồ Chí Minh	5277	51L-272.39	Hồ Chí Minh	6277	51L-276.36	Hồ Chí Minh			
4278	51L-279.85	Hồ Chí Minh	5278	51L-272.65	Hồ Chí Minh	6278	51L-281.16	Hồ Chí Minh			
4279	51L-282.79	Hồ Chí Minh	5279	51L-272.69	Hồ Chí Minh	6279	51L-284.38	Hồ Chí Minh			
4280	51L-293.58	Hồ Chí Minh	5280	51L-276.29	Hồ Chí Minh	6280	51L-284.69	Hồ Chí Minh			
4281	51L-295.86	Hồ Chí Minh	5281	51L-277.59	Hồ Chí Minh	6281	51L-285.66	Hồ Chí Minh			
4282	51L-297.36	Hồ Chí Minh	5282	51L-277.85	Hồ Chí Minh	6282	51L-285.82	Hồ Chí Minh			
4283	51L-298.00	Hồ Chí Minh	5283	51L-278.22	Hồ Chí Minh	6283	51L-287.65	Hồ Chí Minh			
4284	51L-298.26	Hồ Chí Minh	5284	51L-278.39	Hồ Chí Minh	6284	51L-288.25	Hồ Chí Minh			
4285	51L-299.35	Hồ Chí Minh	5285	51L-281.99	Hồ Chí Minh	6285	51L-290.96	Hồ Chí Minh			
4286	51L-299.38	Hồ Chí Minh	5286	51L-282.06	Hồ Chí Minh	6286	51L-292.44	Hồ Chí Minh			
4287	51L-299.58	Hồ Chí Minh	5287	51L-283.88	Hồ Chí Minh	6287	51L-298.96	Hồ Chí Minh			
4288	51L-300.86	Hồ Chí Minh	5288	51L-284.15	Hồ Chí Minh	6288	51L-299.95	Hồ Chí Minh			
4289	51L-302.02	Hồ Chí Minh	5289	51L-285.68	Hồ Chí Minh	6289	51L-301.06	Hồ Chí Minh			
4290	51L-302.26	Hồ Chí Minh	5290	51L-286.33	Hồ Chí Minh	6290	51L-302.03	Hồ Chí Minh			
4291	51L-302.89	Hồ Chí Minh	5291	51L-286.87	Hồ Chí Minh	6291	51L-303.88	Hồ Chí Minh			
4292	51L-303.96	Hồ Chí Minh	5292	51L-290.22	Hồ Chí Minh	6292	51L-306.55	Hồ Chí Minh			
4293	51L-308.11	Hồ Chí Minh	5293	51L-290.29	Hồ Chí Minh	6293	51L-307.18	Hồ Chí Minh			
4294	51L-310.10	Hồ Chí Minh	5294	51L-301.77	Hồ Chí Minh	6294	51L-310.79	Hồ Chí Minh			
4295	51L-311.69	Hồ Chí Minh	5295	51L-303.25	Hồ Chí Minh	6295	51L-312.06	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4296	51L-312.95	Hồ Chí Minh	5296	51L-303.83	Hồ Chí Minh	6296	51L-312.99	Hồ Chí Minh			
4297	51L-313.06	Hồ Chí Minh	5297	51L-303.98	Hồ Chí Minh	6297	51L-313.79	Hồ Chí Minh			
4298	51L-313.19	Hồ Chí Minh	5298	51L-306.33	Hồ Chí Minh	6298	51L-318.89	Hồ Chí Minh			
4299	51L-314.44	Hồ Chí Minh	5299	51L-306.88	Hồ Chí Minh	6299	51L-324.23	Hồ Chí Minh			
4300	51L-314.96	Hồ Chí Minh	5300	51L-308.33	Hồ Chí Minh	6300	51L-324.33	Hồ Chí Minh			
4301	51L-315.35	Hồ Chí Minh	5301	51L-309.22	Hồ Chí Minh	6301	51L-325.09	Hồ Chí Minh			
4302	51L-317.66	Hồ Chí Minh	5302	51L-311.55	Hồ Chí Minh	6302	51L-326.32	Hồ Chí Minh			
4303	51L-318.08	Hồ Chí Minh	5303	51L-312.82	Hồ Chí Minh	6303	51L-328.29	Hồ Chí Minh			
4304	51L-320.39	Hồ Chí Minh	5304	51L-314.85	Hồ Chí Minh	6304	51L-329.28	Hồ Chí Minh			
4305	51L-320.66	Hồ Chí Minh	5305	51L-315.89	Hồ Chí Minh	6305	51L-330.83	Hồ Chí Minh			
4306	51L-326.27	Hồ Chí Minh	5306	51L-318.13	Hồ Chí Minh	6306	51L-331.99	Hồ Chí Minh			
4307	51L-326.29	Hồ Chí Minh	5307	51L-319.27	Hồ Chí Minh	6307	51L-337.95	Hồ Chí Minh			
4308	51L-326.38	Hồ Chí Minh	5308	51L-319.54	Hồ Chí Minh	6308	51L-338.28	Hồ Chí Minh			
4309	51L-327.79	Hồ Chí Minh	5309	51L-322.28	Hồ Chí Minh	6309	51L-344.26	Hồ Chí Minh			
4310	51L-327.86	Hồ Chí Minh	5310	51L-322.83	Hồ Chí Minh	6310	51L-344.56	Hồ Chí Minh			
4311	51L-328.22	Hồ Chí Minh	5311	51L-322.86	Hồ Chí Minh	6311	51L-345.58	Hồ Chí Minh			
4312	51L-332.33	Hồ Chí Minh	5312	51L-326.68	Hồ Chí Minh	6312	51L-345.89	Hồ Chí Minh			
4313	51L-334.38	Hồ Chí Minh	5313	51L-330.96	Hồ Chí Minh	6313	51L-346.34	Hồ Chí Minh			
4314	51L-334.68	Hồ Chí Minh	5314	51L-331.85	Hồ Chí Minh	6314	51L-349.16	Hồ Chí Minh			
4315	51L-342.88	Hồ Chí Minh	5315	51L-334.36	Hồ Chí Minh	6315	51L-350.29	Hồ Chí Minh			
4316	51L-343.65	Hồ Chí Minh	5316	51L-338.66	Hồ Chí Minh	6316	51L-351.11	Hồ Chí Minh			
4317	51L-344.55	Hồ Chí Minh	5317	51L-339.18	Hồ Chí Minh	6317	51L-352.85	Hồ Chí Minh			
4318	51L-345.06	Hồ Chí Minh	5318	51L-341.58	Hồ Chí Minh	6318	51L-355.62	Hồ Chí Minh			
4319	51L-346.06	Hồ Chí Minh	5319	51L-343.66	Hồ Chí Minh	6319	51L-365.35	Hồ Chí Minh			
4320	51L-346.98	Hồ Chí Minh	5320	51L-345.19	Hồ Chí Minh	6320	51L-365.44	Hồ Chí Minh			
4321	51L-352.28	Hồ Chí Minh	5321	51L-352.19	Hồ Chí Minh	6321	51L-368.06	Hồ Chí Minh			
4322	51L-353.08	Hồ Chí Minh	5322	51L-352.77	Hồ Chí Minh	6322	51L-371.33	Hồ Chí Minh			
4323	51L-353.65	Hồ Chí Minh	5323	51L-353.29	Hồ Chí Minh	6323	51L-376.29	Hồ Chí Minh			
4324	51L-357.77	Hồ Chí Minh	5324	51L-353.44	Hồ Chí Minh	6324	51L-376.85	Hồ Chí Minh			
4325	51L-364.00	Hồ Chí Minh	5325	51L-353.95	Hồ Chí Minh	6325	51L-377.09	Hồ Chí Minh			
4326	51L-364.44	Hồ Chí Minh	5326	51L-354.88	Hồ Chí Minh	6326	51L-378.06	Hồ Chí Minh			
4327	51L-365.58	Hồ Chí Minh	5327	51L-355.15	Hồ Chí Minh	6327	51L-378.29	Hồ Chí Minh			
4328	51L-371.35	Hồ Chí Minh	5328	51L-355.58	Hồ Chí Minh	6328	51L-380.28	Hồ Chí Minh			
4329	51L-373.06	Hồ Chí Minh	5329	51L-358.00	Hồ Chí Minh	6329	51L-381.00	Hồ Chí Minh			
4330	51L-374.33	Hồ Chí Minh	5330	51L-359.98	Hồ Chí Minh	6330	51L-381.81	Hồ Chí Minh			
4331	51L-374.99	Hồ Chí Minh	5331	51L-361.11	Hồ Chí Minh	6331	51L-382.19	Hồ Chí Minh			
4332	51L-377.37	Hồ Chí Minh	5332	51L-367.09	Hồ Chí Minh	6332	51L-384.88	Hồ Chí Minh			
4333	51L-379.69	Hồ Chí Minh	5333	51L-369.95	Hồ Chí Minh	6333	51L-385.88	Hồ Chí Minh			
4334	51L-382.26	Hồ Chí Minh	5334	51L-371.17	Hồ Chí Minh	6334	51L-385.93	Hồ Chí Minh			
4335	51L-382.28	Hồ Chí Minh	5335	51L-378.08	Hồ Chí Minh	6335	51L-389.29	Hồ Chí Minh			
4336	51L-382.44	Hồ Chí Minh	5336	51L-379.19	Hồ Chí Minh	6336	51L-390.99	Hồ Chí Minh			
4337	51L-383.56	Hồ Chí Minh	5337	51L-381.85	Hồ Chí Minh	6337	51L-394.69	Hồ Chí Minh			
4338	51L-385.18	Hồ Chí Minh	5338	51L-386.44	Hồ Chí Minh	6338	14C-406.40	Quảng Ninh			
4339	51L-385.65	Hồ Chí Minh	5339	51L-388.92	Hồ Chí Minh	6339	17A-408.66	Thái Bình			
4340	51L-386.95	Hồ Chí Minh	5340	51L-389.18	Hồ Chí Minh	6340	18A-410.44	Nam Định			
4341	51L-387.55	Hồ Chí Minh	5341	51L-391.18	Hồ Chí Minh	6341	18A-410.89	Nam Định			
4342	51L-388.93	Hồ Chí Minh	5342	51L-391.85	Hồ Chí Minh	6342	18A-413.44	Nam Định			
4343	51L-389.16	Hồ Chí Minh	5343	51L-391.93	Hồ Chí Minh	6343	18A-415.55	Nam Định			
4344	51L-390.19	Hồ Chí Minh	5344	51L-392.08	Hồ Chí Minh	6344	18A-416.14	Nam Định			
4345	51L-390.98	Hồ Chí Minh	5345	51L-392.09	Hồ Chí Minh	6345	18A-417.11	Nam Định			
4346	17A-408.79	Thái Bình	5346	14C-406.00	Quảng Ninh	6346	18A-418.06	Nam Định			
4347	17A-410.16	Thái Bình	5347	18A-414.14	Nam Định	6347	18A-418.15	Nam Định			
4348	18A-408.19	Nam Định	5348	18A-417.00	Nam Định	6348	18A-419.55	Nam Định			
4349	18A-410.95	Nam Định	5349	18A-420.59	Nam Định	6349	18A-422.69	Nam Định			
4350	18A-412.14	Nam Định	5350	18A-420.98	Nam Định	6350	18A-424.68	Nam Định			
4351	18A-416.19	Nam Định	5351	18A-422.18	Nam Định	6351	18A-425.29	Nam Định			
4352	18A-419.99	Nam Định	5352	18A-422.59	Nam Định	6352	18A-425.89	Nam Định			
4353	18A-420.66	Nam Định	5353	18A-424.18	Nam Định	6353	18A-426.27	Nam Định			
4354	18A-421.08	Nam Định	5354	18A-424.79	Nam Định	6354	18A-427.85	Nam Định			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4355	18A-421.29	Nam Định	5355	18A-426.15	Nam Định	6355	18A-428.22	Nam Định			
4356	18A-423.25	Nam Định	5356	18A-427.77	Nam Định	6356	18A-431.25	Nam Định			
4357	18A-425.22	Nam Định	5357	18A-428.65	Nam Định	6357	29K-087.89	Hà Nội			
4358	18A-427.11	Nam Định	5358	18A-429.42	Nam Định	6358	29K-090.89	Hà Nội			
4359	18A-427.27	Nam Định	5359	18A-431.15	Nam Định	6359	35A-375.66	Ninh Bình			
4360	18A-429.58	Nam Định	5360	18A-431.55	Nam Định	6360	35A-400.06	Ninh Bình			
4361	18A-430.36	Nam Định	5361	18A-431.56	Nam Định	6361	35A-400.19	Ninh Bình			
4362	18A-430.99	Nam Định	5362	18C-154.59	Nam Định	6362	35A-409.15	Ninh Bình			
4363	18A-434.43	Nam Định	5363	18C-157.36	Nam Định	6363	35A-409.33	Ninh Bình			
4364	18C-158.22	Nam Định	5364	29K-115.38	Hà Nội	6364	35A-409.36	Ninh Bình			
4365	35A-391.98	Ninh Bình	5365	29K-141.56	Hà Nội	6365	37C-501.08	Nghệ An			
4366	35A-394.06	Ninh Bình	5366	35A-391.96	Ninh Bình	6366	37C-503.59	Nghệ An			
4367	35A-395.89	Ninh Bình	5367	35A-392.88	Ninh Bình	6367	37C-504.26	Nghệ An			
4368	35A-396.28	Ninh Bình	5368	35A-393.56	Ninh Bình	6368	37C-505.19	Nghệ An			
4369	35A-397.83	Ninh Bình	5369	35A-397.44	Ninh Bình	6369	37C-507.11	Nghệ An			
4370	35A-404.65	Ninh Bình	5370	35A-400.01	Ninh Bình	6370	37C-507.44	Nghệ An			
4371	35A-406.09	Ninh Bình	5371	35A-400.39	Ninh Bình	6371	37C-507.55	Nghệ An			
4372	35A-408.59	Ninh Bình	5372	35A-400.89	Ninh Bình	6372	37C-510.35	Nghệ An			
4373	35A-409.16	Ninh Bình	5373	35A-402.22	Ninh Bình	6373	37C-514.33	Nghệ An			
4374	37C-501.39	Nghệ An	5374	35A-402.35	Ninh Bình	6374	37K-281.59	Nghệ An			
4375	37C-505.22	Nghệ An	5375	35A-407.79	Ninh Bình	6375	37K-282.00	Nghệ An			
4376	37C-505.68	Nghệ An	5376	35A-408.00	Ninh Bình	6376	37K-283.39	Nghệ An			
4377	37C-507.33	Nghệ An	5377	35A-408.09	Ninh Bình	6377	37K-284.06	Nghệ An			
4378	37C-508.36	Nghệ An	5378	37C-503.38	Nghệ An	6378	37K-284.44	Nghệ An			
4379	37C-510.10	Nghệ An	5379	37C-504.04	Nghệ An	6379	37K-288.98	Nghệ An			
4380	37C-513.25	Nghệ An	5380	37C-509.35	Nghệ An	6380	37K-291.29	Nghệ An			
4381	37C-513.38	Nghệ An	5381	37C-510.09	Nghệ An	6381	37K-291.88	Nghệ An			
4382	37D-036.39	Nghệ An	5382	37C-510.19	Nghệ An	6382	37K-293.38	Nghệ An			
4383	37D-039.88	Nghệ An	5383	37D-039.99	Nghệ An	6383	37K-294.18	Nghệ An			
4384	37K-281.09	Nghệ An	5384	37K-280.81	Nghệ An	6384	37K-297.38	Nghệ An			
4385	37K-281.36	Nghệ An	5385	37K-281.55	Nghệ An	6385	37K-299.19	Nghệ An			
4386	37K-283.00	Nghệ An	5386	37K-288.26	Nghệ An	6386	37K-301.59	Nghệ An			
4387	37K-287.86	Nghệ An	5387	37K-288.77	Nghệ An	6387	37K-302.36	Nghệ An			
4388	37K-291.96	Nghệ An	5388	37K-290.83	Nghệ An	6388	37K-303.98	Nghệ An			
4389	37K-293.16	Nghệ An	5389	37K-293.11	Nghệ An	6389	37K-304.11	Nghệ An			
4390	37K-295.88	Nghệ An	5390	37K-293.93	Nghệ An	6390	37K-305.26	Nghệ An			
4391	37K-298.58	Nghệ An	5391	37K-294.39	Nghệ An	6391	37K-307.18	Nghệ An			
4392	37K-299.09	Nghệ An	5392	37K-296.85	Nghệ An	6392	37K-307.98	Nghệ An			
4393	37K-302.08	Nghệ An	5393	37K-300.89	Nghệ An	6393	37K-309.59	Nghệ An			
4394	37K-303.26	Nghệ An	5394	37K-301.00	Nghệ An	6394	37K-309.69	Nghệ An			
4395	37K-303.35	Nghệ An	5395	37K-301.26	Nghệ An	6395	37K-311.66	Nghệ An			
4396	37K-306.99	Nghệ An	5396	37K-303.69	Nghệ An	6396	37K-312.56	Nghệ An			
4397	37K-309.89	Nghệ An	5397	37K-309.15	Nghệ An	6397	37K-314.18	Nghệ An			
4398	37K-309.93	Nghệ An	5398	37K-311.58	Nghệ An	6398	37K-318.68	Nghệ An			
4399	37K-310.65	Nghệ An	5399	37K-311.99	Nghệ An	6399	37K-318.86	Nghệ An			
4400	37K-313.44	Nghệ An	5400	37K-312.36	Nghệ An	6400	37K-320.96	Nghệ An			
4401	37K-315.59	Nghệ An	5401	37K-315.99	Nghệ An	6401	37K-321.36	Nghệ An			
4402	37K-315.86	Nghệ An	5402	37K-317.19	Nghệ An	6402	37K-322.19	Nghệ An			
4403	37K-316.29	Nghệ An	5403	37K-317.98	Nghệ An	6403	37K-322.26	Nghệ An			
4404	37K-318.19	Nghệ An	5404	37K-318.56	Nghệ An	6404	37K-323.19	Nghệ An			
4405	37K-319.00	Nghệ An	5405	37K-321.88	Nghệ An	6405	38A-577.38	Hà Tĩnh			
4406	37K-322.09	Nghệ An	5406	37K-321.89	Nghệ An	6406	38A-577.55	Hà Tĩnh			
4407	37K-323.28	Nghệ An	5407	38A-575.39	Hà Tĩnh	6407	38A-579.19	Hà Tĩnh			
4408	38A-568.39	Hà Tĩnh	5408	38A-575.98	Hà Tĩnh	6408	38A-579.69	Hà Tĩnh			
4409	38A-571.88	Hà Tĩnh	5409	38A-577.97	Hà Tĩnh	6409	38A-580.81	Hà Tĩnh			
4410	38A-575.62	Hà Tĩnh	5410	38A-580.59	Hà Tĩnh	6410	38A-582.58	Hà Tĩnh			
4411	38A-576.69	Hà Tĩnh	5411	38A-584.99	Hà Tĩnh	6411	38A-585.56	Hà Tĩnh			
4412	38A-579.08	Hà Tĩnh	5412	38A-588.92	Hà Tĩnh	6412	38A-587.29	Hà Tĩnh			
4413	38A-579.36	Hà Tĩnh	5413	38A-588.93	Hà Tĩnh	6413	38A-587.95	Hà Tĩnh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4414	38A-581.77	Hà Tĩnh	5414	38A-591.55	Hà Tĩnh	6414	38A-592.65	Hà Tĩnh			
4415	38A-582.00	Hà Tĩnh	5415	38A-591.88	Hà Tĩnh	6415	38A-593.33	Hà Tĩnh			
4416	38A-582.11	Hà Tĩnh	5416	38A-593.44	Hà Tĩnh	6416	38A-593.38	Hà Tĩnh			
4417	38A-582.69	Hà Tĩnh	5417	38A-595.29	Hà Tĩnh	6417	38A-593.56	Hà Tĩnh			
4418	38A-582.95	Hà Tĩnh	5418	38A-596.39	Hà Tĩnh	6418	38A-594.85	Hà Tĩnh			
4419	38A-587.33	Hà Tĩnh	5419	38A-601.58	Hà Tĩnh	6419	38A-603.29	Hà Tĩnh			
4420	38A-588.25	Hà Tĩnh	5420	38A-603.22	Hà Tĩnh	6420	38C-204.44	Hà Tĩnh			
4421	38A-592.95	Hà Tĩnh	5421	38C-211.18	Hà Tĩnh	6421	38C-214.29	Hà Tĩnh			
4422	38A-595.18	Hà Tĩnh	5422	38C-215.18	Hà Tĩnh	6422	38C-214.55	Hà Tĩnh			
4423	38A-595.96	Hà Tĩnh	5423	43A-801.66	Đà Nẵng	6423	43A-811.68	Đà Nẵng			
4424	38A-596.22	Hà Tĩnh	5424	43A-805.05	Đà Nẵng	6424	43A-815.39	Đà Nẵng			
4425	38A-598.28	Hà Tĩnh	5425	43A-809.39	Đà Nẵng	6425	43A-816.89	Đà Nẵng			
4426	38A-601.79	Hà Tĩnh	5426	43A-810.66	Đà Nẵng	6426	43A-817.00	Đà Nẵng			
4427	38A-602.35	Hà Tĩnh	5427	43A-810.68	Đà Nẵng	6427	43A-826.06	Đà Nẵng			
4428	38A-602.77	Hà Tĩnh	5428	43A-810.79	Đà Nẵng	6428	43A-828.39	Đà Nẵng			
4429	38C-209.16	Hà Tĩnh	5429	43A-811.66	Đà Nẵng	6429	43A-835.93	Đà Nẵng			
4430	38C-209.66	Hà Tĩnh	5430	43A-817.68	Đà Nẵng	6430	43A-839.88	Đà Nẵng			
4431	38C-210.99	Hà Tĩnh	5431	43A-817.77	Đà Nẵng	6431	43A-840.69	Đà Nẵng			
4432	38C-214.35	Hà Tĩnh	5432	43A-818.66	Đà Nẵng	6432	43A-840.89	Đà Nẵng			
4433	43A-816.36	Đà Nẵng	5433	43A-819.09	Đà Nẵng	6433	43A-842.36	Đà Nẵng			
4434	43A-821.26	Đà Nẵng	5434	43A-827.85	Đà Nẵng	6434	43A-847.56	Đà Nẵng			
4435	43A-829.86	Đà Nẵng	5435	43A-827.89	Đà Nẵng	6435	43A-847.77	Đà Nẵng			
4436	43A-837.15	Đà Nẵng	5436	43A-829.85	Đà Nẵng	6436	43A-848.98	Đà Nẵng			
4437	43A-839.98	Đà Nẵng	5437	43A-835.56	Đà Nẵng	6437	43A-850.98	Đà Nẵng			
4438	43A-842.95	Đà Nẵng	5438	43A-836.86	Đà Nẵng	6438	43A-851.56	Đà Nẵng			
4439	43A-843.16	Đà Nẵng	5439	43A-837.35	Đà Nẵng	6439	43C-292.22	Đà Nẵng			
4440	43A-843.39	Đà Nẵng	5440	43A-838.15	Đà Nẵng	6440	47A-631.68	Đắk Lắk			
4441	43A-843.95	Đà Nẵng	5441	43A-840.66	Đà Nẵng	6441	47A-638.86	Đắk Lắk			
4442	43A-845.00	Đà Nẵng	5442	43A-843.33	Đà Nẵng	6442	47A-654.99	Đắk Lắk			
4443	43A-846.64	Đà Nẵng	5443	43A-843.58	Đà Nẵng	6443	47A-662.39	Đắk Lắk			
4444	43A-848.09	Đà Nẵng	5444	43A-845.25	Đà Nẵng	6444	47A-664.25	Đắk Lắk			
4445	43A-849.33	Đà Nẵng	5445	43A-845.65	Đà Nẵng	6445	47A-664.65	Đắk Lắk			
4446	43A-850.05	Đà Nẵng	5446	43A-845.77	Đà Nẵng	6446	47A-665.33	Đắk Lắk			
4447	43A-851.65	Đà Nẵng	5447	43A-846.58	Đà Nẵng	6447	47A-665.36	Đắk Lắk			
4448	43C-291.99	Đà Nẵng	5448	43A-850.39	Đà Nẵng	6448	47A-665.58	Đắk Lắk			
4449	43C-292.29	Đà Nẵng	5449	43A-850.96	Đà Nẵng	6449	47A-667.44	Đắk Lắk			
4450	47A-627.39	Đắk Lắk	5450	47A-629.66	Đắk Lắk	6450	47A-667.98	Đắk Lắk			
4451	47A-639.86	Đắk Lắk	5451	47A-631.88	Đắk Lắk	6451	47A-673.18	Đắk Lắk			
4452	47A-661.83	Đắk Lắk	5452	47A-637.99	Đắk Lắk	6452	47A-673.35	Đắk Lắk			
4453	47A-663.18	Đắk Lắk	5453	47A-650.79	Đắk Lắk	6453	47A-674.65	Đắk Lắk			
4454	47A-664.18	Đắk Lắk	5454	47A-655.69	Đắk Lắk	6454	47A-675.16	Đắk Lắk			
4455	47A-664.55	Đắk Lắk	5455	47A-662.96	Đắk Lắk	6455	47A-675.29	Đắk Lắk			
4456	47A-664.59	Đắk Lắk	5456	47A-663.69	Đắk Lắk	6456	47A-678.18	Đắk Lắk			
4457	47A-666.83	Đắk Lắk	5457	47A-664.16	Đắk Lắk	6457	47A-678.35	Đắk Lắk			
4458	47A-667.86	Đắk Lắk	5458	47A-664.83	Đắk Lắk	6458	47A-679.77	Đắk Lắk			
4459	47A-668.25	Đắk Lắk	5459	47A-664.89	Đắk Lắk	6459	47A-679.95	Đắk Lắk			
4460	47A-668.56	Đắk Lắk	5460	47A-666.27	Đắk Lắk	6460	47A-680.56	Đắk Lắk			
4461	47A-671.08	Đắk Lắk	5461	47A-667.59	Đắk Lắk	6461	47A-682.44	Đắk Lắk			
4462	47A-671.19	Đắk Lắk	5462	47A-667.88	Đắk Lắk	6462	47A-682.58	Đắk Lắk			
4463	47A-677.35	Đắk Lắk	5463	47A-672.55	Đắk Lắk	6463	47A-684.25	Đắk Lắk			
4464	47A-678.66	Đắk Lắk	5464	47A-675.38	Đắk Lắk	6464	47A-684.36	Đắk Lắk			
4465	47A-682.39	Đắk Lắk	5465	47A-675.58	Đắk Lắk	6465	47A-688.39	Đắk Lắk			
4466	47A-684.55	Đắk Lắk	5466	47A-680.16	Đắk Lắk	6466	47A-689.86	Đắk Lắk			
4467	47A-686.22	Đắk Lắk	5467	47A-680.99	Đắk Lắk	6467	47A-693.22	Đắk Lắk			
4468	47A-687.19	Đắk Lắk	5468	47A-682.69	Đắk Lắk	6468	47A-693.99	Đắk Lắk			
4469	47A-689.55	Đắk Lắk	5469	47A-683.25	Đắk Lắk	6469	47A-695.99	Đắk Lắk			
4470	47A-691.88	Đắk Lắk	5470	47A-683.79	Đắk Lắk	6470	47A-698.56	Đắk Lắk			
4471	47A-692.68	Đắk Lắk	5471	47A-684.06	Đắk Lắk	6471	47A-699.06	Đắk Lắk			
4472	47A-692.69	Đắk Lắk	5472	47A-684.18	Đắk Lắk	6472	47A-701.06	Đắk Lắk			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4473	47A-694.00	Đắk Lắk	5473	47A-684.19	Đắk Lắk	6473	47A-701.19	Đắk Lắk			
4474	47A-694.11	Đắk Lắk	5474	47A-685.16	Đắk Lắk	6474	47A-701.88	Đắk Lắk			
4475	47A-695.98	Đắk Lắk	5475	47A-685.19	Đắk Lắk	6475	47A-702.83	Đắk Lắk			
4476	47A-699.88	Đắk Lắk	5476	47A-685.26	Đắk Lắk	6476	47A-703.06	Đắk Lắk			
4477	47A-703.03	Đắk Lắk	5477	47A-687.56	Đắk Lắk	6477	47A-703.88	Đắk Lắk			
4478	47A-707.68	Đắk Lắk	5478	47A-688.83	Đắk Lắk	6478	47A-706.77	Đắk Lắk			
4479	47A-707.79	Đắk Lắk	5479	47A-690.91	Đắk Lắk	6479	47A-708.09	Đắk Lắk			
4480	47A-707.88	Đắk Lắk	5480	47A-691.18	Đắk Lắk	6480	47A-708.65	Đắk Lắk			
4481	47A-708.16	Đắk Lắk	5481	47A-692.96	Đắk Lắk	6481	47C-322.55	Đắk Lắk			
4482	47A-708.38	Đắk Lắk	5482	47A-692.98	Đắk Lắk	6482	47C-339.66	Đắk Lắk			
4483	47C-328.68	Đắk Lắk	5483	47A-701.07	Đắk Lắk	6483	47C-340.88	Đắk Lắk			
4484	47C-335.33	Đắk Lắk	5484	47A-703.65	Đắk Lắk	6484	47C-342.15	Đắk Lắk			
4485	47C-336.25	Đắk Lắk	5485	47A-703.83	Đắk Lắk	6485	47C-342.98	Đắk Lắk			
4486	47C-336.85	Đắk Lắk	5486	47A-705.50	Đắk Lắk	6486	47C-345.22	Đắk Lắk			
4487	47C-336.88	Đắk Lắk	5487	47A-706.22	Đắk Lắk	6487	47C-346.34	Đắk Lắk			
4488	47C-338.86	Đắk Lắk	5488	47A-707.06	Đắk Lắk	6488	47C-346.69	Đắk Lắk			
4489	47C-339.83	Đắk Lắk	5489	47C-337.77	Đắk Lắk	6489	47C-347.69	Đắk Lắk			
4490	47C-340.11	Đắk Lắk	5490	47C-339.29	Đắk Lắk	6490	47C-348.09	Đắk Lắk			
4491	47C-345.11	Đắk Lắk	5491	47C-339.38	Đắk Lắk	6491	48A-208.20	Đắk Nông			
4492	47C-345.98	Đắk Lắk	5492	47C-340.65	Đắk Lắk	6492	48A-212.18	Đắk Nông			
4493	47C-349.00	Đắk Lắk	5493	47C-341.15	Đắk Lắk	6493	48A-213.31	Đắk Nông			
4494	48A-205.69	Đắk Nông	5494	47C-341.41	Đắk Lắk	6494	48A-218.00	Đắk Nông			
4495	48A-209.35	Đắk Nông	5495	47C-341.89	Đắk Lắk	6495	48A-219.16	Đắk Nông			
4496	48A-210.38	Đắk Nông	5496	47C-342.22	Đắk Lắk	6496	48C-099.28	Đắk Nông			
4497	48A-213.86	Đắk Nông	5497	47C-342.38	Đắk Lắk	6497	48C-100.28	Đắk Nông			
4498	48A-215.19	Đắk Nông	5498	47C-345.59	Đắk Lắk	6498	49A-636.00	Lâm Đồng			
4499	48A-217.59	Đắk Nông	5499	47C-345.77	Đắk Lắk	6499	49A-637.36	Lâm Đồng			
4500	48C-097.44	Đắk Nông	5500	47C-345.99	Đắk Lắk	6500	49A-640.36	Lâm Đồng			
4501	48C-098.98	Đắk Nông	5501	47C-346.86	Đắk Lắk	6501	49A-640.56	Lâm Đồng			
4502	49A-633.99	Lâm Đồng	5502	47C-347.77	Đắk Lắk	6502	49A-642.68	Lâm Đồng			
4503	49A-638.16	Lâm Đồng	5503	48A-207.07	Đắk Nông	6503	49A-644.26	Lâm Đồng			
4504	49A-639.08	Lâm Đồng	5504	48A-210.69	Đắk Nông	6504	49A-645.18	Lâm Đồng			
4505	49A-639.19	Lâm Đồng	5505	48A-210.89	Đắk Nông	6505	49A-647.18	Lâm Đồng			
4506	49A-643.68	Lâm Đồng	5506	48A-214.69	Đắk Nông	6506	49A-648.26	Lâm Đồng			
4507	49A-644.55	Lâm Đồng	5507	48A-215.85	Đắk Nông	6507	49A-648.58	Lâm Đồng			
4508	49A-644.58	Lâm Đồng	5508	48A-216.38	Đắk Nông	6508	49A-649.29	Lâm Đồng			
4509	49A-644.86	Lâm Đồng	5509	48A-216.65	Đắk Nông	6509	49A-652.19	Lâm Đồng			
4510	49A-646.96	Lâm Đồng	5510	48A-217.38	Đắk Nông	6510	49A-654.19	Lâm Đồng			
4511	49A-647.74	Lâm Đồng	5511	48A-217.58	Đắk Nông	6511	49A-659.19	Lâm Đồng			
4512	49A-649.64	Lâm Đồng	5512	48A-218.86	Đắk Nông	6512	49A-659.89	Lâm Đồng			
4513	49A-649.68	Lâm Đồng	5513	48A-219.18	Đắk Nông	6513	49A-663.69	Lâm Đồng			
4514	49A-650.55	Lâm Đồng	5514	49A-635.39	Lâm Đồng	6514	49A-665.98	Lâm Đồng			
4515	49A-650.66	Lâm Đồng	5515	49A-638.99	Lâm Đồng	6515	49A-667.15	Lâm Đồng			
4516	49A-651.22	Lâm Đồng	5516	49A-639.33	Lâm Đồng	6516	49A-670.15	Lâm Đồng			
4517	49A-652.53	Lâm Đồng	5517	49A-640.58	Lâm Đồng	6517	49A-672.88	Lâm Đồng			
4518	49A-653.36	Lâm Đồng	5518	49A-641.69	Lâm Đồng	6518	49C-345.45	Lâm Đồng			
4519	49A-658.18	Lâm Đồng	5519	49A-643.44	Lâm Đồng	6519	49C-345.54	Lâm Đồng			
4520	49A-658.59	Lâm Đồng	5520	49A-644.25	Lâm Đồng	6520	49C-346.09	Lâm Đồng			
4521	49A-659.88	Lâm Đồng	5521	49A-645.79	Lâm Đồng	6521	49C-347.44	Lâm Đồng			
4522	49A-661.77	Lâm Đồng	5522	49A-648.88	Lâm Đồng	6522	49C-350.88	Lâm Đồng			
4523	49A-664.38	Lâm Đồng	5523	49A-649.06	Lâm Đồng	6523	49C-351.08	Lâm Đồng			
4524	49A-666.35	Lâm Đồng	5524	49A-649.36	Lâm Đồng	6524	49C-351.15	Lâm Đồng			
4525	49A-666.93	Lâm Đồng	5525	49A-649.38	Lâm Đồng	6525	51D-954.26	Hồ Chí Minh			
4526	49A-669.33	Lâm Đồng	5526	49A-649.89	Lâm Đồng	6526	51D-958.89	Hồ Chí Minh			
4527	49A-670.18	Lâm Đồng	5527	49A-651.39	Lâm Đồng	6527	51D-967.79	Hồ Chí Minh			
4528	49A-671.44	Lâm Đồng	5528	49A-655.77	Lâm Đồng	6528	51D-976.18	Hồ Chí Minh			
4529	49A-672.22	Lâm Đồng	5529	49A-658.25	Lâm Đồng	6529	51D-978.38	Hồ Chí Minh			
4530	49A-672.26	Lâm Đồng	5530	49A-658.96	Lâm Đồng	6530	51E-303.33	Hồ Chí Minh			
4531	49C-341.16	Lâm Đồng	5531	49A-661.28	Lâm Đồng	6531	60C-695.59	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4532	49C-342.22	Lâm Đồng	5532	49A-665.22	Lâm Đồng	6532	60C-704.88	Đồng Nai			
4533	49C-342.79	Lâm Đồng	5533	49A-665.28	Lâm Đồng	6533	60C-706.79	Đồng Nai			
4534	49C-343.29	Lâm Đồng	5534	49A-668.55	Lâm Đồng	6534	60C-709.39	Đồng Nai			
4535	49C-345.36	Lâm Đồng	5535	49A-669.68	Lâm Đồng	6535	60C-710.98	Đồng Nai			
4536	49C-346.79	Lâm Đồng	5536	49C-343.18	Lâm Đồng	6536	60C-712.68	Đồng Nai			
4537	49C-347.36	Lâm Đồng	5537	49C-345.16	Lâm Đồng	6537	60C-713.55	Đồng Nai			
4538	49C-347.88	Lâm Đồng	5538	49C-346.86	Lâm Đồng	6538	60C-714.38	Đồng Nai			
4539	49C-352.18	Lâm Đồng	5539	49C-351.16	Lâm Đồng	6539	60C-714.41	Đồng Nai			
4540	51D-955.79	Hồ Chí Minh	5540	49C-352.16	Lâm Đồng	6540	60K-427.66	Đồng Nai			
4541	51D-955.88	Hồ Chí Minh	5541	51D-955.09	Hồ Chí Minh	6541	60K-428.82	Đồng Nai			
4542	51D-961.22	Hồ Chí Minh	5542	51D-955.39	Hồ Chí Minh	6542	60K-429.86	Đồng Nai			
4543	51D-961.39	Hồ Chí Minh	5543	51D-959.66	Hồ Chí Minh	6543	60K-434.39	Đồng Nai			
4544	51D-965.58	Hồ Chí Minh	5544	51D-960.60	Hồ Chí Minh	6544	60K-436.63	Đồng Nai			
4545	51D-968.66	Hồ Chí Minh	5545	51D-963.85	Hồ Chí Minh	6545	60K-438.66	Đồng Nai			
4546	51D-977.69	Hồ Chí Minh	5546	51D-972.08	Hồ Chí Minh	6546	60K-443.18	Đồng Nai			
4547	51D-978.69	Hồ Chí Minh	5547	51D-972.79	Hồ Chí Minh	6547	60K-443.34	Đồng Nai			
4548	51D-978.89	Hồ Chí Minh	5548	51D-975.99	Hồ Chí Minh	6548	60K-443.43	Đồng Nai			
4549	51D-979.89	Hồ Chí Minh	5549	51D-979.88	Hồ Chí Minh	6549	60K-445.99	Đồng Nai			
4550	51D-981.68	Hồ Chí Minh	5550	51D-980.26	Hồ Chí Minh	6550	60K-447.59	Đồng Nai			
4551	51D-981.81	Hồ Chí Minh	5551	51D-980.99	Hồ Chí Minh	6551	60K-455.16	Đồng Nai			
4552	60C-689.89	Đồng Nai	5552	60C-699.77	Đồng Nai	6552	60K-455.56	Đồng Nai			
4553	60C-695.55	Đồng Nai	5553	60C-702.85	Đồng Nai	6553	60K-456.39	Đồng Nai			
4554	60C-708.33	Đồng Nai	5554	60C-703.08	Đồng Nai	6554	60K-461.46	Đồng Nai			
4555	60C-710.06	Đồng Nai	5555	60C-709.79	Đồng Nai	6555	60K-461.79	Đồng Nai			
4556	60C-712.77	Đồng Nai	5556	60K-427.72	Đồng Nai	6556	60K-465.89	Đồng Nai			
4557	60C-714.25	Đồng Nai	5557	60K-427.77	Đồng Nai	6557	60K-466.16	Đồng Nai			
4558	60K-434.79	Đồng Nai	5558	60K-429.68	Đồng Nai	6558	60K-467.09	Đồng Nai			
4559	60K-442.44	Đồng Nai	5559	60K-435.35	Đồng Nai	6559	60K-468.44	Đồng Nai			
4560	60K-448.18	Đồng Nai	5560	60K-440.78	Đồng Nai	6560	60K-469.08	Đồng Nai			
4561	60K-450.69	Đồng Nai	5561	60K-441.58	Đồng Nai	6561	60K-469.66	Đồng Nai			
4562	60K-451.77	Đồng Nai	5562	60K-456.65	Đồng Nai	6562	60K-470.66	Đồng Nai			
4563	60K-452.69	Đồng Nai	5563	60K-458.06	Đồng Nai	6563	60K-472.38	Đồng Nai			
4564	60K-455.36	Đồng Nai	5564	60K-463.58	Đồng Nai	6564	60K-472.88	Đồng Nai			
4565	60K-455.93	Đồng Nai	5565	60K-464.08	Đồng Nai	6565	60K-474.83	Đồng Nai			
4566	60K-459.00	Đồng Nai	5566	60K-465.25	Đồng Nai	6566	60K-475.26	Đồng Nai			
4567	60K-462.36	Đồng Nai	5567	60K-465.68	Đồng Nai	6567	60K-475.44	Đồng Nai			
4568	60K-463.15	Đồng Nai	5568	60K-466.33	Đồng Nai	6568	60K-475.85	Đồng Nai			
4569	60K-466.99	Đồng Nai	5569	60K-469.65	Đồng Nai	6569	60K-477.16	Đồng Nai			
4570	60K-467.85	Đồng Nai	5570	60K-470.06	Đồng Nai	6570	60K-479.35	Đồng Nai			
4571	60K-468.46	Đồng Nai	5571	60K-472.00	Đồng Nai	6571	60K-480.18	Đồng Nai			
4572	60K-469.44	Đồng Nai	5572	60K-476.56	Đồng Nai	6572	60K-481.86	Đồng Nai			
4573	60K-469.95	Đồng Nai	5573	60K-479.56	Đồng Nai	6573	60K-483.96	Đồng Nai			
4574	60K-470.22	Đồng Nai	5574	60K-483.19	Đồng Nai	6574	60K-486.00	Đồng Nai			
4575	60K-470.98	Đồng Nai	5575	60K-483.33	Đồng Nai	6575	60K-487.86	Đồng Nai			
4576	60K-471.00	Đồng Nai	5576	60K-483.56	Đồng Nai	6576	60K-489.11	Đồng Nai			
4577	60K-471.26	Đồng Nai	5577	60K-485.28	Đồng Nai	6577	60K-491.39	Đồng Nai			
4578	60K-471.56	Đồng Nai	5578	60K-485.66	Đồng Nai	6578	60K-492.33	Đồng Nai			
4579	60K-472.18	Đồng Nai	5579	60K-491.65	Đồng Nai	6579	60K-494.15	Đồng Nai			
4580	60K-474.55	Đồng Nai	5580	60K-491.92	Đồng Nai	6580	60K-494.68	Đồng Nai			
4581	60K-475.33	Đồng Nai	5581	60K-492.98	Đồng Nai	6581	61C-561.56	Bình Dương			
4582	60K-475.55	Đồng Nai	5582	60K-494.89	Đồng Nai	6582	61C-562.22	Bình Dương			
4583	60K-476.44	Đồng Nai	5583	61C-560.33	Bình Dương	6583	61C-564.55	Bình Dương			
4584	60K-477.44	Đồng Nai	5584	61C-570.38	Bình Dương	6584	61C-566.11	Bình Dương			
4585	60K-478.66	Đồng Nai	5585	61C-570.69	Bình Dương	6585	61C-569.79	Bình Dương			
4586	60K-480.85	Đồng Nai	5586	61C-572.06	Bình Dương	6586	61C-571.69	Bình Dương			
4587	60K-482.28	Đồng Nai	5587	61K-309.09	Bình Dương	6587	61C-572.26	Bình Dương			
4588	60K-484.48	Đồng Nai	5588	61K-310.69	Bình Dương	6588	61C-572.79	Bình Dương			
4589	60K-484.99	Đồng Nai	5589	61K-315.68	Bình Dương	6589	61K-320.79	Bình Dương			
4590	60K-485.36	Đồng Nai	5590	61K-318.39	Bình Dương	6590	61K-320.89	Bình Dương			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4591	60K-486.06	Đồng Nai	5591	61K-322.79	Bình Dương	6591	61K-323.88	Bình Dương			
4592	60K-486.16	Đồng Nai	5592	61K-324.66	Bình Dương	6592	61K-329.69	Bình Dương			
4593	60K-492.19	Đồng Nai	5593	61K-345.55	Bình Dương	6593	61K-350.09	Bình Dương			
4594	60K-492.77	Đồng Nai	5594	61K-350.58	Bình Dương	6594	61K-350.55	Bình Dương			
4595	60K-493.35	Đồng Nai	5595	61K-352.36	Bình Dương	6595	61K-351.86	Bình Dương			
4596	60K-494.86	Đồng Nai	5596	61K-352.58	Bình Dương	6596	61K-353.06	Bình Dương			
4597	61B-040.77	Bình Dương	5597	61K-352.65	Bình Dương	6597	61K-354.19	Bình Dương			
4598	61C-562.59	Bình Dương	5598	61K-352.79	Bình Dương	6598	61K-355.63	Bình Dương			
4599	61C-570.56	Bình Dương	5599	61K-353.98	Bình Dương	6599	61K-357.08	Bình Dương			
4600	61C-571.36	Bình Dương	5600	61K-353.99	Bình Dương	6600	61K-358.96	Bình Dương			
4601	61K-320.68	Bình Dương	5601	61K-356.22	Bình Dương	6601	61K-358.98	Bình Dương			
4602	61K-322.33	Bình Dương	5602	61K-358.92	Bình Dương	6602	61K-362.99	Bình Dương			
4603	61K-322.88	Bình Dương	5603	61K-364.16	Bình Dương	6603	61K-363.09	Bình Dương			
4604	61K-323.39	Bình Dương	5604	61K-365.28	Bình Dương	6604	61K-364.68	Bình Dương			
4605	61K-325.68	Bình Dương	5605	61K-365.77	Bình Dương	6605	61K-365.08	Bình Dương			
4606	61K-328.99	Bình Dương	5606	61K-367.36	Bình Dương	6606	61K-365.95	Bình Dương			
4607	61K-337.86	Bình Dương	5607	61K-367.88	Bình Dương	6607	61K-366.86	Bình Dương			
4608	61K-341.39	Bình Dương	5608	61K-368.95	Bình Dương	6608	61K-368.11	Bình Dương			
4609	61K-350.19	Bình Dương	5609	61K-369.18	Bình Dương	6609	61K-376.59	Bình Dương			
4610	61K-351.89	Bình Dương	5610	61K-370.69	Bình Dương	6610	61K-377.16	Bình Dương			
4611	61K-353.19	Bình Dương	5611	61K-372.72	Bình Dương	6611	61K-378.65	Bình Dương			
4612	61K-359.92	Bình Dương	5612	61K-375.98	Bình Dương	6612	61K-385.99	Bình Dương			
4613	61K-360.26	Bình Dương	5613	61K-380.11	Bình Dương	6613	61K-386.77	Bình Dương			
4614	61K-362.68	Bình Dương	5614	61K-380.19	Bình Dương	6614	61K-387.26	Bình Dương			
4615	61K-364.83	Bình Dương	5615	61K-380.26	Bình Dương	6615	61K-389.00	Bình Dương			
4616	61K-367.38	Bình Dương	5616	61K-382.98	Bình Dương	6616	61K-389.33	Bình Dương			
4617	61K-367.44	Bình Dương	5617	61K-383.36	Bình Dương	6617	61K-392.36	Bình Dương			
4618	61K-368.65	Bình Dương	5618	61K-385.83	Bình Dương	6618	61K-392.95	Bình Dương			
4619	61K-370.68	Bình Dương	5619	61K-386.18	Bình Dương	6619	61K-393.00	Bình Dương			
4620	61K-372.65	Bình Dương	5620	61K-386.35	Bình Dương	6620	61K-394.19	Bình Dương			
4621	61K-376.39	Bình Dương	5621	61K-388.95	Bình Dương	6621	61K-394.69	Bình Dương			
4622	61K-377.55	Bình Dương	5622	61K-389.39	Bình Dương	6622	61K-396.00	Bình Dương			
4623	61K-379.96	Bình Dương	5623	61K-389.95	Bình Dương	6623	61K-396.63	Bình Dương			
4624	61K-380.65	Bình Dương	5624	61K-390.56	Bình Dương	6624	61K-397.18	Bình Dương			
4625	61K-381.82	Bình Dương	5625	61K-390.69	Bình Dương	6625	62A-392.86	Long An			
4626	61K-383.85	Bình Dương	5626	61K-390.96	Bình Dương	6626	62A-394.86	Long An			
4627	61K-386.69	Bình Dương	5627	61K-391.58	Bình Dương	6627	62A-396.16	Long An			
4628	61K-388.16	Bình Dương	5628	61K-393.95	Bình Dương	6628	62A-397.25	Long An			
4629	61K-391.55	Bình Dương	5629	61K-394.58	Bình Dương	6629	62A-398.06	Long An			
4630	61K-391.91	Bình Dương	5630	62A-381.86	Long An	6630	62A-398.22	Long An			
4631	61K-394.88	Bình Dương	5631	62A-386.89	Long An	6631	62A-398.59	Long An			
4632	61K-395.11	Bình Dương	5632	62A-397.00	Long An	6632	62A-399.98	Long An			
4633	61K-395.28	Bình Dương	5633	62A-401.59	Long An	6633	62A-401.08	Long An			
4634	62A-382.89	Long An	5634	62A-401.77	Long An	6634	62A-401.68	Long An			
4635	62A-395.68	Long An	5635	62A-403.95	Long An	6635	62A-403.19	Long An			
4636	62A-396.35	Long An	5636	62A-403.96	Long An	6636	62A-404.22	Long An			
4637	62A-396.83	Long An	5637	62A-404.98	Long An	6637	62A-404.55	Long An			
4638	62A-396.90	Long An	5638	62A-406.38	Long An	6638	62A-410.18	Long An			
4639	62A-398.86	Long An	5639	62A-407.66	Long An	6639	62A-411.15	Long An			
4640	62A-400.04	Long An	5640	62A-407.70	Long An	6640	62A-411.39	Long An			
4641	62A-400.26	Long An	5641	62A-408.68	Long An	6641	62A-411.68	Long An			
4642	62A-402.20	Long An	5642	62A-409.33	Long An	6642	62A-413.26	Long An			
4643	62A-403.29	Long An	5643	62A-411.14	Long An	6643	62A-413.35	Long An			
4644	62A-405.44	Long An	5644	62A-414.39	Long An	6644	62A-415.14	Long An			
4645	62A-406.88	Long An	5645	62A-414.86	Long An	6645	62A-416.77	Long An			
4646	62A-407.65	Long An	5646	62A-419.11	Long An	6646	62A-417.79	Long An			
4647	62A-408.18	Long An	5647	62A-419.65	Long An	6647	62A-417.98	Long An			
4648	62A-408.85	Long An	5648	62A-420.39	Long An	6648	62A-418.33	Long An			
4649	62A-409.15	Long An	5649	62C-190.08	Long An	6649	62A-418.86	Long An			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4650	62A-409.96	Long An	5650	62C-190.99	Long An	6650	62A-420.20	Long An			
4651	62A-410.59	Long An	5651	62C-191.44	Long An	6651	62C-191.69	Long An			
4652	62A-414.25	Long An	5652	62C-191.96	Long An	6652	62C-191.79	Long An			
4653	62A-414.36	Long An	5653	62C-193.86	Long An	6653	62C-192.36	Long An			
4654	62A-414.98	Long An	5654	63A-272.22	Tiền Giang	6654	62C-194.33	Long An			
4655	62A-416.86	Long An	5655	63A-274.89	Tiền Giang	6655	62C-194.58	Long An			
4656	62A-416.88	Long An	5656	63A-276.99	Tiền Giang	6656	62C-194.77	Long An			
4657	62A-417.08	Long An	5657	63A-278.19	Tiền Giang	6657	62C-195.08	Long An			
4658	62A-417.16	Long An	5658	63A-278.96	Tiền Giang	6658	63A-277.59	Tiền Giang			
4659	62A-417.55	Long An	5659	63A-281.89	Tiền Giang	6659	63A-278.29	Tiền Giang			
4660	62A-417.66	Long An	5660	63A-282.28	Tiền Giang	6660	63A-279.06	Tiền Giang			
4661	62A-419.83	Long An	5661	63A-282.56	Tiền Giang	6661	63A-279.38	Tiền Giang			
4662	62A-420.25	Long An	5662	63A-282.99	Tiền Giang	6662	63A-280.06	Tiền Giang			
4663	62A-421.22	Long An	5663	63A-284.68	Tiền Giang	6663	63A-283.28	Tiền Giang			
4664	62B-027.85	Long An	5664	63A-284.89	Tiền Giang	6664	63A-283.36	Tiền Giang			
4665	62C-192.33	Long An	5665	63A-286.29	Tiền Giang	6665	63A-284.35	Tiền Giang			
4666	62C-193.58	Long An	5666	63A-290.65	Tiền Giang	6666	63A-284.38	Tiền Giang			
4667	62C-194.39	Long An	5667	63A-290.91	Tiền Giang	6667	63A-285.68	Tiền Giang			
4668	63A-272.89	Tiền Giang	5668	63A-294.68	Tiền Giang	6668	63A-288.35	Tiền Giang			
4669	63A-274.99	Tiền Giang	5669	63C-202.25	Tiền Giang	6669	63A-290.36	Tiền Giang			
4670	63A-275.99	Tiền Giang	5670	63C-205.11	Tiền Giang	6670	63A-292.26	Tiền Giang			
4671	63A-276.09	Tiền Giang	5671	63C-207.35	Tiền Giang	6671	63A-293.36	Tiền Giang			
4672	63A-277.85	Tiền Giang	5672	64A-170.39	Vĩnh Long	6672	63A-293.93	Tiền Giang			
4673	63A-278.35	Tiền Giang	5673	64A-174.99	Vĩnh Long	6673	63C-202.95	Tiền Giang			
4674	63A-281.56	Tiền Giang	5674	64A-179.38	Vĩnh Long	6674	63C-204.20	Tiền Giang			
4675	63A-282.09	Tiền Giang	5675	64A-179.56	Vĩnh Long	6675	63C-206.98	Tiền Giang			
4676	63A-282.79	Tiền Giang	5676	64A-181.16	Vĩnh Long	6676	63C-208.29	Tiền Giang			
4677	63A-283.09	Tiền Giang	5677	64B-013.19	Vĩnh Long	6677	64A-182.09	Vĩnh Long			
4678	63A-283.69	Tiền Giang	5678	64C-113.88	Vĩnh Long	6678	64A-182.85	Vĩnh Long			
4679	63A-283.79	Tiền Giang	5679	65A-414.55	Cần Thơ	6679	64A-183.96	Vĩnh Long			
4680	63A-284.36	Tiền Giang	5680	65A-415.86	Cần Thơ	6680	64C-113.35	Vĩnh Long			
4681	63A-284.48	Tiền Giang	5681	65A-416.22	Cần Thơ	6681	64C-113.44	Vĩnh Long			
4682	63A-284.77	Tiền Giang	5682	65A-417.18	Cần Thơ	6682	64C-113.59	Vĩnh Long			
4683	63A-286.15	Tiền Giang	5683	65A-419.33	Cần Thơ	6683	64C-114.33	Vĩnh Long			
4684	63A-286.62	Tiền Giang	5684	65A-427.99	Cần Thơ	6684	65A-413.39	Cần Thơ			
4685	63A-287.16	Tiền Giang	5685	65A-430.09	Cần Thơ	6685	65A-416.55	Cần Thơ			
4686	63A-289.39	Tiền Giang	5686	66A-242.88	Đồng Tháp	6686	65A-419.39	Cần Thơ			
4687	63A-291.44	Tiền Giang	5687	66A-249.09	Đồng Tháp	6687	65A-433.89	Cần Thơ			
4688	63A-292.11	Tiền Giang	5688	66A-249.49	Đồng Tháp	6688	65C-209.88	Cần Thơ			
4689	63C-202.96	Tiền Giang	5689	66A-249.68	Đồng Tháp	6689	66A-247.69	Đồng Tháp			
4690	63C-204.40	Tiền Giang	5690	66A-250.16	Đồng Tháp	6690	66A-248.08	Đồng Tháp			
4691	63C-206.07	Tiền Giang	5691	66A-251.59	Đồng Tháp	6691	66A-248.98	Đồng Tháp			
4692	63C-206.33	Tiền Giang	5692	66A-251.65	Đồng Tháp	6692	66A-250.18	Đồng Tháp			
4693	63C-208.99	Tiền Giang	5693	66A-256.58	Đồng Tháp	6693	66A-250.20	Đồng Tháp			
4694	64A-172.39	Vĩnh Long	5694	66A-256.89	Đồng Tháp	6694	66A-250.65	Đồng Tháp			
4695	64A-174.96	Vĩnh Long	5695	66A-257.75	Đồng Tháp	6695	66A-256.36	Đồng Tháp			
4696	64A-175.35	Vĩnh Long	5696	66A-258.19	Đồng Tháp	6696	66A-256.83	Đồng Tháp			
4697	64A-176.26	Vĩnh Long	5697	66A-259.18	Đồng Tháp	6697	66A-259.68	Đồng Tháp			
4698	64A-176.98	Vĩnh Long	5698	66A-261.36	Đồng Tháp	6698	66A-262.29	Đồng Tháp			
4699	64A-177.29	Vĩnh Long	5699	66A-261.61	Đồng Tháp	6699	66A-262.95	Đồng Tháp			
4700	64A-177.83	Vĩnh Long	5700	66A-262.33	Đồng Tháp	6700	66A-265.58	Đồng Tháp			
4701	64A-177.95	Vĩnh Long	5701	66A-262.38	Đồng Tháp	6701	66A-265.59	Đồng Tháp			
4702	64A-178.36	Vĩnh Long	5702	66A-264.09	Đồng Tháp	6702	66A-265.77	Đồng Tháp			
4703	64A-178.89	Vĩnh Long	5703	66A-264.55	Đồng Tháp	6703	66C-164.39	Đồng Tháp			
4704	64A-179.68	Vĩnh Long	5704	66C-167.22	Đồng Tháp	6704	66C-165.69	Đồng Tháp			
4705	64A-181.68	Vĩnh Long	5705	67A-284.09	An Giang	6705	66C-165.77	Đồng Tháp			
4706	64A-182.36	Vĩnh Long	5706	67A-286.65	An Giang	6706	66C-165.98	Đồng Tháp			
4707	64C-113.16	Vĩnh Long	5707	67A-286.98	An Giang	6707	66C-166.19	Đồng Tháp			
4708	64C-114.19	Vĩnh Long	5708	67A-288.93	An Giang	6708	66C-168.35	Đồng Tháp			

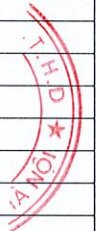
Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4709	64C-114.98	Vĩnh Long	5709	67A-289.39	An Giang	6709	66C-169.65	Đồng Tháp			
4710	65A-414.69	Cần Thơ	5710	67A-290.58	An Giang	6710	67A-278.68	An Giang			
4711	65A-415.44	Cần Thơ	5711	67A-291.09	An Giang	6711	67A-283.59	An Giang			
4712	65A-425.38	Cần Thơ	5712	67A-294.44	An Giang	6712	67A-286.16	An Giang			
4713	65A-427.88	Cần Thơ	5713	67A-294.79	An Giang	6713	67A-287.06	An Giang			
4714	65A-434.29	Cần Thơ	5714	67A-295.38	An Giang	6714	67A-288.39	An Giang			
4715	65A-434.34	Cần Thơ	5715	67A-296.89	An Giang	6715	67A-290.92	An Giang			
4716	66A-252.16	Đồng Tháp	5716	67A-299.79	An Giang	6716	67A-291.33	An Giang			
4717	66A-254.89	Đồng Tháp	5717	67A-301.01	An Giang	6717	67A-291.86	An Giang			
4718	66A-255.99	Đồng Tháp	5718	67C-172.26	An Giang	6718	67A-292.88	An Giang			
4719	66A-258.98	Đồng Tháp	5719	67C-173.89	An Giang	6719	67A-296.62	An Giang			
4720	66A-259.19	Đồng Tháp	5720	68A-308.39	Kiên Giang	6720	67A-297.16	An Giang			
4721	66A-259.69	Đồng Tháp	5721	68A-310.86	Kiên Giang	6721	67A-298.59	An Giang			
4722	66A-261.66	Đồng Tháp	5722	68A-316.33	Kiên Giang	6722	67A-299.85	An Giang			
4723	66A-265.89	Đồng Tháp	5723	68A-316.55	Kiên Giang	6723	67C-172.08	An Giang			
4724	66C-164.56	Đồng Tháp	5724	68A-317.85	Kiên Giang	6724	67C-172.77	An Giang			
4725	66C-164.77	Đồng Tháp	5725	68A-319.39	Kiên Giang	6725	68A-310.79	Kiên Giang			
4726	66C-166.36	Đồng Tháp	5726	68A-322.96	Kiên Giang	6726	68A-314.38	Kiên Giang			
4727	66C-167.36	Đồng Tháp	5727	68A-325.99	Kiên Giang	6727	68A-315.85	Kiên Giang			
4728	66C-167.79	Đồng Tháp	5728	68A-327.66	Kiên Giang	6728	68A-316.36	Kiên Giang			
4729	66C-169.89	Đồng Tháp	5729	68A-329.15	Kiên Giang	6729	68A-317.99	Kiên Giang			
4730	67A-278.86	An Giang	5730	68C-166.22	Kiên Giang	6730	68A-318.55	Kiên Giang			
4731	67A-284.38	An Giang	5731	69A-142.22	Cà Mau	6731	68A-318.96	Kiên Giang			
4732	67A-285.11	An Giang	5732	70A-493.16	Tây Ninh	6732	68A-319.28	Kiên Giang			
4733	67A-285.96	An Giang	5733	70A-503.39	Tây Ninh	6733	68A-319.59	Kiên Giang			
4734	67A-286.36	An Giang	5734	70A-505.86	Tây Ninh	6734	68A-319.96	Kiên Giang			
4735	67A-287.39	An Giang	5735	70A-506.76	Tây Ninh	6735	68A-321.12	Kiên Giang			
4736	67A-288.29	An Giang	5736	70A-507.89	Tây Ninh	6736	68A-321.28	Kiên Giang			
4737	67A-291.11	An Giang	5737	70A-509.28	Tây Ninh	6737	68A-321.66	Kiên Giang			
4738	67A-291.95	An Giang	5738	70A-509.77	Tây Ninh	6738	68A-323.83	Kiên Giang			
4739	67A-292.55	An Giang	5739	70A-512.66	Tây Ninh	6739	68A-327.33	Kiên Giang			
4740	67A-295.08	An Giang	5740	70A-517.58	Tây Ninh	6740	68A-328.38	Kiên Giang			
4741	67A-295.88	An Giang	5741	70A-519.78	Tây Ninh	6741	68A-329.09	Kiên Giang			
4742	67A-301.08	An Giang	5742	70A-520.05	Tây Ninh	6742	68C-166.89	Kiên Giang			
4743	67C-171.36	An Giang	5743	70A-520.17	Tây Ninh	6743	68C-166.98	Kiên Giang			
4744	67C-172.18	An Giang	5744	70A-520.59	Tây Ninh	6744	69A-145.66	Cà Mau			
4745	67C-173.88	An Giang	5745	70C-192.22	Tây Ninh	6745	69A-145.89	Cà Mau			
4746	68A-311.56	Kiên Giang	5746	71A-182.88	Bến Tre	6746	70A-499.58	Tây Ninh			
4747	68A-311.69	Kiên Giang	5747	71A-185.00	Bến Tre	6747	70A-500.18	Tây Ninh			
4748	68A-313.69	Kiên Giang	5748	71A-186.39	Bến Tre	6748	70A-503.30	Tây Ninh			
4749	68A-324.68	Kiên Giang	5749	71A-187.39	Bến Tre	6749	70A-505.69	Tây Ninh			
4750	68A-325.22	Kiên Giang	5750	71A-190.44	Bến Tre	6750	70A-508.15	Tây Ninh			
4751	68A-326.22	Kiên Giang	5751	71A-191.00	Bến Tre	6751	70A-516.06	Tây Ninh			
4752	68A-327.08	Kiên Giang	5752	71A-192.08	Bến Tre	6752	70A-516.36	Tây Ninh			
4753	68A-329.19	Kiên Giang	5753	71A-192.28	Bến Tre	6753	70A-517.06	Tây Ninh			
4754	70A-495.39	Tây Ninh	5754	71C-120.85	Bến Tre	6754	70A-517.25	Tây Ninh			
4755	70A-501.05	Tây Ninh	5755	72A-750.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	6755	70A-519.89	Tây Ninh			
4756	70A-501.88	Tây Ninh	5756	72A-752.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	6756	70A-521.22	Tây Ninh			
4757	70A-502.19	Tây Ninh	5757	72A-753.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	6757	70A-522.56	Tây Ninh			
4758	70A-507.36	Tây Ninh	5758	72A-759.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	6758	70C-196.36	Tây Ninh			
4759	70A-509.22	Tây Ninh	5759	72A-759.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	6759	70C-197.59	Tây Ninh			
4760	70A-511.85	Tây Ninh	5760	72A-760.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	6760	71A-182.56	Bến Tre			
4761	70A-512.69	Tây Ninh	5761	72A-761.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	6761	71A-185.86	Bến Tre			
4762	70A-515.25	Tây Ninh	5762	72A-763.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	6762	71A-186.79	Bến Tre			
4763	70A-516.58	Tây Ninh	5763	72A-766.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	6763	71A-187.87	Bến Tre			
4764	70A-518.85	Tây Ninh	5764	72A-767.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	6764	71A-188.77	Bến Tre			
4765	70A-520.03	Tây Ninh	5765	72A-768.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	6765	71A-190.25	Bến Tre			
4766	70A-521.95	Tây Ninh	5766	72A-770.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	6766	71A-193.44	Bến Tre			
4767	70A-522.28	Tây Ninh	5767	72A-771.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	6767	71C-122.89	Bến Tre			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4768	70C-193.93	Tây Ninh	5768	72A-775.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	6768	71C-122.99	Bến Tre			
4769	70C-197.66	Tây Ninh	5769	72A-777.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	6769	72A-750.56	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4770	71A-184.28	Bến Tre	5770	72A-781.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	6770	72A-751.51	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4771	71A-185.06	Bến Tre	5771	72A-781.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	6771	72A-751.55	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4772	71A-186.99	Bến Tre	5772	72A-782.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	6772	72A-752.11	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4773	71A-187.79	Bến Tre	5773	72A-783.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	6773	72A-752.35	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4774	71A-191.86	Bến Tre	5774	72C-221.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	6774	72A-752.58	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4775	72A-750.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	5775	72C-221.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	6775	72A-755.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4776	72A-755.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	5776	72C-221.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	6776	72A-760.25	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4777	72A-755.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	5777	72C-225.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	6777	72A-762.62	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4778	72A-756.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	5778	72C-225.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	6778	72A-769.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4779	72A-757.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	5779	72C-225.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	6779	72A-770.88	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4780	72A-761.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	5780	73A-325.16	Quảng Bình	6780	72A-771.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4781	72A-761.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	5781	73A-325.75	Quảng Bình	6781	72A-773.29	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4782	72A-763.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	5782	73A-326.38	Quảng Bình	6782	72A-778.09	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4783	72A-764.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	5783	73A-327.27	Quảng Bình	6783	72A-779.83	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4784	72A-766.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	5784	73A-329.33	Quảng Bình	6784	72A-780.38	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4785	72A-767.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	5785	73A-330.69	Quảng Bình	6785	72A-784.08	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4786	72A-767.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	5786	73A-331.11	Quảng Bình	6786	72A-784.11	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4787	72A-770.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	5787	73A-331.59	Quảng Bình	6787	72A-784.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4788	72A-771.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	5788	73A-335.08	Quảng Bình	6788	72C-222.25	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4789	72A-773.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	5789	73C-174.15	Quảng Bình	6789	72C-222.96	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4790	72A-775.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	5790	74A-242.55	Quảng Trị	6790	72C-226.00	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4791	72A-776.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	5791	74A-244.06	Quảng Trị	6791	73A-320.89	Quảng Bình			
4792	72A-778.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	5792	74A-244.68	Quảng Trị	6792	73A-323.38	Quảng Bình			
4793	72A-778.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	5793	74A-244.89	Quảng Trị	6793	73A-326.06	Quảng Bình			
4794	72A-778.87	Bà Rịa - Vũng Tàu	5794	74A-245.11	Quảng Trị	6794	73A-327.18	Quảng Bình			
4795	72A-781.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	5795	74A-245.88	Quảng Trị	6795	73A-327.85	Quảng Bình			
4796	72A-784.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	5796	74A-246.33	Quảng Trị	6796	73A-327.99	Quảng Bình			
4797	72B-041.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	5797	74A-248.38	Quảng Trị	6797	73A-328.82	Quảng Bình			
4798	72C-221.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	5798	74A-248.65	Quảng Trị	6798	73A-330.33	Quảng Bình			
4799	72C-224.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	5799	74A-248.77	Quảng Trị	6799	73A-331.68	Quảng Bình			
4800	72C-225.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	5800	74A-250.59	Quảng Trị	6800	73A-332.39	Quảng Bình			
4801	73A-320.69	Quảng Bình	5801	74A-251.08	Quảng Trị	6801	73A-334.77	Quảng Bình			
4802	73A-327.79	Quảng Bình	5802	74A-251.28	Quảng Trị	6802	73A-334.99	Quảng Bình			
4803	73A-328.16	Quảng Bình	5803	74A-254.89	Quảng Trị	6803	73A-335.65	Quảng Bình			
4804	73A-329.19	Quảng Bình	5804	74C-127.15	Quảng Trị	6804	73A-336.16	Quảng Bình			
4805	73A-332.00	Quảng Bình	5805	74C-127.44	Quảng Trị	6805	73A-336.39	Quảng Bình			
4806	73A-332.09	Quảng Bình	5806	74C-129.92	Quảng Trị	6806	73A-336.96	Quảng Bình			
4807	73A-335.83	Quảng Bình	5807	74C-130.44	Quảng Trị	6807	74A-243.44	Quảng Trị			
4808	73C-173.99	Quảng Bình	5808	74C-130.89	Quảng Trị	6808	74A-244.95	Quảng Trị			
4809	74A-243.16	Quảng Trị	5809	74C-131.15	Quảng Trị	6809	74A-246.29	Quảng Trị			
4810	74A-246.11	Quảng Trị	5810	75A-341.39	Thừa Thiên Huế	6810	74A-246.58	Quảng Trị			
4811	74A-250.19	Quảng Trị	5811	75A-350.09	Thừa Thiên Huế	6811	74A-248.42	Quảng Trị			
4812	74A-253.79	Quảng Trị	5812	75A-350.29	Thừa Thiên Huế	6812	74A-253.38	Quảng Trị			
4813	74A-254.86	Quảng Trị	5813	75A-350.89	Thừa Thiên Huế	6813	74A-254.22	Quảng Trị			
4814	74A-255.11	Quảng Trị	5814	75A-351.55	Thừa Thiên Huế	6814	74C-126.89	Quảng Trị			
4815	74C-128.35	Quảng Trị	5815	75A-352.16	Thừa Thiên Huế	6815	74C-128.09	Quảng Trị			
4816	74C-131.22	Quảng Trị	5816	75A-353.86	Thừa Thiên Huế	6816	74C-130.83	Quảng Trị			
4817	75A-349.88	Thừa Thiên Huế	5817	75A-353.99	Thừa Thiên Huế	6817	75A-352.18	Thừa Thiên Huế			
4818	75C-148.66	Thừa Thiên Huế	5818	75A-354.55	Thừa Thiên Huế	6818	75A-352.58	Thừa Thiên Huế			
4819	76A-288.66	Quảng Ngãi	5819	75A-356.18	Thừa Thiên Huế	6819	75A-355.35	Thừa Thiên Huế			
4820	76A-290.95	Quảng Ngãi	5820	75A-356.53	Thừa Thiên Huế	6820	75A-356.28	Thừa Thiên Huế			
4821	76A-291.91	Quảng Ngãi	5821	75A-357.83	Thừa Thiên Huế	6821	75A-359.15	Thừa Thiên Huế			
4822	76A-294.68	Quảng Ngãi	5822	75A-359.28	Thừa Thiên Huế	6822	75A-359.53	Thừa Thiên Huế			
4823	76A-297.38	Quảng Ngãi	5823	75A-361.58	Thừa Thiên Huế	6823	75A-362.35	Thừa Thiên Huế			
4824	76A-297.58	Quảng Ngãi	5824	75A-362.09	Thừa Thiên Huế	6824	75C-149.08	Thừa Thiên Huế			
4825	76A-298.79	Quảng Ngãi	5825	75C-150.25	Thừa Thiên Huế	6825	75C-149.16	Thừa Thiên Huế			
4826	76C-171.55	Quảng Ngãi	5826	75C-150.66	Thừa Thiên Huế	6826	76A-286.79	Quảng Ngãi			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4827	77A-302.56	Bình Định	5827	76A-286.08	Quảng Ngãi	6827	76A-287.25	Quảng Ngãi			
4828	77A-307.65	Bình Định	5828	76A-287.35	Quảng Ngãi	6828	76A-287.58	Quảng Ngãi			
4829	77A-309.22	Bình Định	5829	76A-287.96	Quảng Ngãi	6829	76A-290.86	Quảng Ngãi			
4830	77A-313.11	Bình Định	5830	76A-290.06	Quảng Ngãi	6830	76A-291.56	Quảng Ngãi			
4831	77A-313.14	Bình Định	5831	76A-290.15	Quảng Ngãi	6831	76A-291.66	Quảng Ngãi			
4832	77A-314.36	Bình Định	5832	76A-290.55	Quảng Ngãi	6832	76A-292.56	Quảng Ngãi			
4833	77A-315.69	Bình Định	5833	76A-291.59	Quảng Ngãi	6833	76A-292.82	Quảng Ngãi			
4834	77A-317.13	Bình Định	5834	76A-292.44	Quảng Ngãi	6834	76A-293.19	Quảng Ngãi			
4835	77A-318.00	Bình Định	5835	76A-294.59	Quảng Ngãi	6835	76A-294.69	Quảng Ngãi			
4836	77C-239.86	Bình Định	5836	76A-295.69	Quảng Ngãi	6836	76A-298.56	Quảng Ngãi			
4837	77C-242.96	Bình Định	5837	76A-297.79	Quảng Ngãi	6837	76A-298.59	Quảng Ngãi			
4838	77C-243.29	Bình Định	5838	76A-298.11	Quảng Ngãi	6838	76A-298.77	Quảng Ngãi			
4839	77C-246.06	Bình Định	5839	76A-298.86	Quảng Ngãi	6839	76A-300.19	Quảng Ngãi			
4840	78A-184.89	Phú Yên	5840	76C-161.66	Quảng Ngãi	6840	76C-171.16	Quảng Ngãi			
4841	78A-185.11	Phú Yên	5841	76C-166.89	Quảng Ngãi	6841	77A-296.86	Bình Định			
4842	78A-187.18	Phú Yên	5842	76D-008.80	Quảng Ngãi	6842	77A-298.39	Bình Định			
4843	78A-193.91	Phú Yên	5843	77A-300.85	Bình Định	6843	77A-299.39	Bình Định			
4844	78A-194.18	Phú Yên	5844	77A-300.89	Bình Định	6844	77A-302.95	Bình Định			
4845	78A-194.29	Phú Yên	5845	77A-305.69	Bình Định	6845	77A-304.66	Bình Định			
4846	78A-196.56	Phú Yên	5846	77A-306.36	Bình Định	6846	77A-310.58	Bình Định			
4847	78A-196.99	Phú Yên	5847	77A-308.86	Bình Định	6847	77A-310.89	Bình Định			
4848	78C-741.08	Phú Yên	5848	77A-308.89	Bình Định	6848	77A-312.56	Bình Định			
4849	78C-742.22	Phú Yên	5849	77A-309.35	Bình Định	6849	77A-312.68	Bình Định			
4850	78C-743.43	Phú Yên	5850	77A-309.59	Bình Định	6850	77A-314.19	Bình Định			
4851	78C-743.86	Phú Yên	5851	77A-311.18	Bình Định	6851	77A-314.98	Bình Định			
4852	79A-500.77	Khánh Hòa	5852	77A-315.19	Bình Định	6852	77A-315.44	Bình Định			
4853	79A-502.86	Khánh Hòa	5853	77A-316.85	Bình Định	6853	77C-240.88	Bình Định			
4854	79A-503.92	Khánh Hòa	5854	77A-317.11	Bình Định	6854	77C-241.58	Bình Định			
4855	79A-504.26	Khánh Hòa	5855	77C-239.69	Bình Định	6855	77C-242.85	Bình Định			
4856	79A-504.29	Khánh Hòa	5856	77C-242.15	Bình Định	6856	77C-245.28	Bình Định			
4857	79A-509.66	Khánh Hòa	5857	77C-244.35	Bình Định	6857	77C-246.36	Bình Định			
4858	79A-509.68	Khánh Hòa	5858	77C-244.38	Bình Định	6858	77D-003.16	Bình Định			
4859	79A-512.68	Khánh Hòa	5859	78A-184.06	Phú Yên	6859	78A-183.79	Phú Yên			
4860	79A-514.59	Khánh Hòa	5860	78A-184.95	Phú Yên	6860	78A-184.33	Phú Yên			
4861	79A-514.99	Khánh Hòa	5861	78A-185.68	Phú Yên	6861	78A-184.96	Phú Yên			
4862	79A-517.83	Khánh Hòa	5862	78A-188.06	Phú Yên	6862	78A-188.18	Phú Yên			
4863	79A-523.28	Khánh Hòa	5863	78A-188.56	Phú Yên	6863	78A-192.19	Phú Yên			
4864	79A-523.52	Khánh Hòa	5864	78A-188.77	Phú Yên	6864	78A-193.11	Phú Yên			
4865	79A-524.66	Khánh Hòa	5865	78A-190.86	Phú Yên	6865	78A-195.89	Phú Yên			
4866	79A-524.86	Khánh Hòa	5866	78A-195.16	Phú Yên	6866	78C-743.15	Phú Yên			
4867	79C-208.38	Khánh Hòa	5867	78C-741.88	Phú Yên	6867	79A-498.66	Khánh Hòa			
4868	79C-210.33	Khánh Hòa	5868	78C-742.28	Phú Yên	6868	79A-502.25	Khánh Hòa			
4869	81A-383.22	Gia Lai	5869	78C-742.35	Phú Yên	6869	79A-502.58	Khánh Hòa			
4870	81A-383.66	Gia Lai	5870	78C-742.86	Phú Yên	6870	79A-502.89	Khánh Hòa			
4871	81A-385.06	Gia Lai	5871	79A-500.39	Khánh Hòa	6871	79A-503.19	Khánh Hòa			
4872	81A-385.63	Gia Lai	5872	79A-501.08	Khánh Hòa	6872	79A-505.15	Khánh Hòa			
4873	81A-385.66	Gia Lai	5873	79A-504.68	Khánh Hòa	6873	79A-508.15	Khánh Hòa			
4874	81A-394.29	Gia Lai	5874	79A-507.68	Khánh Hòa	6874	79A-508.35	Khánh Hòa			
4875	81A-398.22	Gia Lai	5875	79A-510.09	Khánh Hòa	6875	79A-509.26	Khánh Hòa			
4876	81A-398.96	Gia Lai	5876	79A-513.31	Khánh Hòa	6876	79A-509.77	Khánh Hòa			
4877	81A-400.22	Gia Lai	5877	79A-514.36	Khánh Hòa	6877	79A-510.96	Khánh Hòa			
4878	81A-402.35	Gia Lai	5878	79A-519.69	Khánh Hòa	6878	79A-511.29	Khánh Hòa			
4879	81C-252.59	Gia Lai	5879	79A-523.16	Khánh Hòa	6879	79A-511.51	Khánh Hòa			
4880	81C-252.99	Gia Lai	5880	79C-210.09	Khánh Hòa	6880	79A-515.00	Khánh Hòa			
4881	81C-256.08	Gia Lai	5881	79C-211.22	Khánh Hòa	6881	79A-518.69	Khánh Hòa			
4882	81C-256.65	Gia Lai	5882	81A-375.66	Gia Lai	6882	79A-519.35	Khánh Hòa			
4883	81C-260.89	Gia Lai	5883	81A-386.63	Gia Lai	6883	79A-519.66	Khánh Hòa			
4884	82A-139.06	Kon Tum	5884	81A-386.93	Gia Lai	6884	79A-521.55	Khánh Hòa			
4885	82A-139.89	Kon Tum	5885	81A-388.77	Gia Lai	6885	79A-524.56	Khánh Hòa			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4886	82A-140.38	Kon Tum	5886	81A-391.33	Gia Lai	6886	79A-525.08	Khánh Hòa			
4887	82A-143.14	Kon Tum	5887	81A-392.00	Gia Lai	6887	79A-525.35	Khánh Hòa			
4888	82A-144.83	Kon Tum	5888	81A-392.25	Gia Lai	6888	79C-210.59	Khánh Hòa			
4889	82A-145.56	Kon Tum	5889	81A-392.92	Gia Lai	6889	79C-211.26	Khánh Hòa			
4890	82C-078.68	Kon Tum	5890	81A-392.99	Gia Lai	6890	81A-384.06	Gia Lai			
4891	82C-078.69	Kon Tum	5891	81A-393.36	Gia Lai	6891	81A-384.09	Gia Lai			
4892	82C-089.33	Kon Tum	5892	81A-394.06	Gia Lai	6892	81A-387.28	Gia Lai			
4893	83A-168.36	Sóc Trăng	5893	81A-396.58	Gia Lai	6893	81A-389.09	Gia Lai			
4894	83A-168.44	Sóc Trăng	5894	81A-397.15	Gia Lai	6894	81A-392.38	Gia Lai			
4895	83A-168.59	Sóc Trăng	5895	81A-397.95	Gia Lai	6895	81A-394.00	Gia Lai			
4896	83A-168.77	Sóc Trăng	5896	81A-398.15	Gia Lai	6896	81A-394.59	Gia Lai			
4897	83A-169.28	Sóc Trăng	5897	81A-399.15	Gia Lai	6897	81A-396.96	Gia Lai			
4898	83A-169.89	Sóc Trăng	5898	81A-399.59	Gia Lai	6898	81A-398.89	Gia Lai			
4899	83A-171.33	Sóc Trăng	5899	81A-401.19	Gia Lai	6899	81A-398.98	Gia Lai			
4900	83A-173.89	Sóc Trăng	5900	81A-401.25	Gia Lai	6900	81A-399.35	Gia Lai			
4901	83A-173.98	Sóc Trăng	5901	81C-250.99	Gia Lai	6901	81C-243.89	Gia Lai			
4902	83A-174.68	Sóc Trăng	5902	81C-252.08	Gia Lai	6902	81C-250.88	Gia Lai			
4903	83A-174.83	Sóc Trăng	5903	81C-254.69	Gia Lai	6903	81C-257.18	Gia Lai			
4904	83A-174.96	Sóc Trăng	5904	81C-254.99	Gia Lai	6904	81C-260.68	Gia Lai			
4905	83A-175.28	Sóc Trăng	5905	81C-258.39	Gia Lai	6905	82A-131.86	Kon Tum			
4906	83A-175.38	Sóc Trăng	5906	81C-259.09	Gia Lai	6906	82A-138.68	Kon Tum			
4907	83A-175.86	Sóc Trăng	5907	81C-259.86	Gia Lai	6907	82A-142.28	Kon Tum			
4908	83A-176.25	Sóc Trăng	5908	81C-260.59	Gia Lai	6908	82A-143.56	Kon Tum			
4909	83C-124.22	Sóc Trăng	5909	82A-134.69	Kon Tum	6909	82C-083.68	Kon Tum			
4910	83C-124.39	Sóc Trăng	5910	82A-139.68	Kon Tum	6910	82C-085.86	Kon Tum			
4911	83C-124.66	Sóc Trăng	5911	82C-080.79	Kon Tum	6911	82C-088.33	Kon Tum			
4912	83C-125.12	Sóc Trăng	5912	82C-083.69	Kon Tum	6912	82C-088.36	Kon Tum			
4913	84A-125.39	Trà Vinh	5913	82D-003.39	Kon Tum	6913	83A-172.98	Sóc Trăng			
4914	84A-126.59	Trà Vinh	5914	82D-005.69	Kon Tum	6914	83A-176.00	Sóc Trăng			
4915	84A-127.18	Trà Vinh	5915	83A-169.36	Sóc Trăng	6915	84A-122.99	Trà Vinh			
4916	84A-128.69	Trà Vinh	5916	83A-172.59	Sóc Trăng	6916	84A-126.96	Trà Vinh			
4917	84A-130.85	Trà Vinh	5917	83A-173.19	Sóc Trăng	6917	84A-127.16	Trà Vinh			
4918	84A-130.88	Trà Vinh	5918	83A-176.68	Sóc Trăng	6918	84A-129.35	Trà Vinh			
4919	84A-131.68	Trà Vinh	5919	83C-122.28	Sóc Trăng	6919	84A-129.85	Trà Vinh			
4920	84A-133.65	Trà Vinh	5920	83C-124.26	Sóc Trăng	6920	84A-130.28	Trà Vinh			
4921	84A-133.79	Trà Vinh	5921	83C-125.11	Sóc Trăng	6921	84A-130.95	Trà Vinh			
4922	84C-116.85	Trà Vinh	5922	84A-126.15	Trà Vinh	6922	84A-131.56	Trà Vinh			
4923	85A-127.88	Ninh Thuận	5923	84A-127.98	Trà Vinh	6923	84A-131.95	Trà Vinh			
4924	85A-130.29	Ninh Thuận	5924	84A-129.88	Trà Vinh	6924	84A-133.35	Trà Vinh			
4925	85A-131.98	Ninh Thuận	5925	84A-130.26	Trà Vinh	6925	84A-134.11	Trà Vinh			
4926	85A-132.31	Ninh Thuận	5926	84A-131.86	Trà Vinh	6926	84C-117.95	Trà Vinh			
4927	85A-132.55	Ninh Thuận	5927	84A-131.89	Trà Vinh	6927	85A-123.23	Ninh Thuận			
4928	85A-134.55	Ninh Thuận	5928	84A-134.06	Trà Vinh	6928	85A-123.39	Ninh Thuận			
4929	85A-134.88	Ninh Thuận	5929	84C-116.22	Trà Vinh	6929	85A-126.88	Ninh Thuận			
4930	85B-010.68	Ninh Thuận	5930	84C-117.79	Trà Vinh	6930	85A-134.18	Ninh Thuận			
4931	85C-079.16	Ninh Thuận	5931	85A-129.96	Ninh Thuận	6931	85A-135.36	Ninh Thuận			
4932	85C-079.56	Ninh Thuận	5932	85A-130.38	Ninh Thuận	6932	85A-135.89	Ninh Thuận			
4933	85C-079.85	Ninh Thuận	5933	85A-131.69	Ninh Thuận	6933	85C-078.98	Ninh Thuận			
4934	86A-281.16	Bình Thuận	5934	85A-132.28	Ninh Thuận	6934	85C-079.44	Ninh Thuận			
4935	86A-283.89	Bình Thuận	5935	85A-134.69	Ninh Thuận	6935	85C-079.86	Ninh Thuận			
4936	86A-284.56	Bình Thuận	5936	85C-078.29	Ninh Thuận	6936	85C-079.88	Ninh Thuận			
4937	86A-285.69	Bình Thuận	5937	86A-281.99	Bình Thuận	6937	86A-280.21	Bình Thuận			
4938	86A-290.39	Bình Thuận	5938	86A-282.79	Bình Thuận	6938	86A-281.79	Bình Thuận			
4939	86A-290.68	Bình Thuận	5939	86A-282.83	Bình Thuận	6939	86A-283.39	Bình Thuận			
4940	86A-291.86	Bình Thuận	5940	86A-282.92	Bình Thuận	6940	86A-284.66	Bình Thuận			
4941	86A-291.92	Bình Thuận	5941	86A-285.33	Bình Thuận	6941	86A-285.38	Bình Thuận			
4942	86A-295.59	Bình Thuận	5942	86A-291.26	Bình Thuận	6942	86A-286.25	Bình Thuận			
4943	86C-191.59	Bình Thuận	5943	86A-291.59	Bình Thuận	6943	86A-289.98	Bình Thuận			
4944	86C-193.85	Bình Thuận	5944	86A-292.22	Bình Thuận	6944	86A-292.29	Bình Thuận			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4945	86C-194.36	Bình Thuận	5945	86A-293.92	Bình Thuận	6945	86A-293.18	Bình Thuận			
4946	86C-195.19	Bình Thuận	5946	86A-294.29	Bình Thuận	6946	86A-293.86	Bình Thuận			
4947	86D-002.68	Bình Thuận	5947	86A-295.92	Bình Thuận	6947	86A-295.96	Bình Thuận			
4948	92A-374.36	Quảng Nam	5948	86A-296.08	Bình Thuận	6948	86C-193.22	Bình Thuận			
4949	92A-376.00	Quảng Nam	5949	86C-190.88	Bình Thuận	6949	86C-194.33	Bình Thuận			
4950	92A-376.11	Quảng Nam	5950	86C-192.38	Bình Thuận	6950	86C-194.44	Bình Thuận			
4951	92A-376.88	Quảng Nam	5951	86C-194.59	Bình Thuận	6951	86C-196.19	Bình Thuận			
4952	92A-377.15	Quảng Nam	5952	86C-195.91	Bình Thuận	6952	86C-196.33	Bình Thuận			
4953	92A-377.37	Quảng Nam	5953	92A-370.69	Quảng Nam	6953	92A-374.88	Quảng Nam			
4954	92A-377.55	Quảng Nam	5954	92A-376.86	Quảng Nam	6954	92A-375.57	Quảng Nam			
4955	92A-379.35	Quảng Nam	5955	92A-377.99	Quảng Nam	6955	92A-378.83	Quảng Nam			
4956	92A-380.85	Quảng Nam	5956	92A-380.18	Quảng Nam	6956	92A-378.85	Quảng Nam			
4957	92A-381.81	Quảng Nam	5957	92A-380.55	Quảng Nam	6957	92A-382.00	Quảng Nam			
4958	92A-382.58	Quảng Nam	5958	92A-380.58	Quảng Nam	6958	92A-386.66	Quảng Nam			
4959	92A-383.55	Quảng Nam	5959	92A-381.26	Quảng Nam	6959	92A-387.85	Quảng Nam			
4960	92A-385.26	Quảng Nam	5960	92A-383.19	Quảng Nam	6960	92A-388.86	Quảng Nam			
4961	92A-385.88	Quảng Nam	5961	92A-387.78	Quảng Nam	6961	92A-389.06	Quảng Nam			
4962	92A-386.79	Quảng Nam	5962	92A-389.44	Quảng Nam	6962	92A-390.86	Quảng Nam			
4963	92A-388.18	Quảng Nam	5963	92A-391.93	Quảng Nam	6963	92A-393.69	Quảng Nam			
4964	92A-388.82	Quảng Nam	5964	92A-392.29	Quảng Nam	6964	92A-394.28	Quảng Nam			
4965	92B-031.11	Quảng Nam	5965	92A-393.65	Quảng Nam	6965	92A-394.68	Quảng Nam			
4966	92C-233.79	Quảng Nam	5966	92A-394.08	Quảng Nam	6966	92A-395.93	Quảng Nam			
4967	92C-236.68	Quảng Nam	5967	92A-395.09	Quảng Nam	6967	92C-234.44	Quảng Nam			
4968	92C-236.69	Quảng Nam	5968	92A-395.59	Quảng Nam	6968	92C-236.25	Quảng Nam			
4969	92C-239.23	Quảng Nam	5969	92C-234.33	Quảng Nam	6969	93A-438.09	Bình Phước			
4970	93A-439.55	Bình Phước	5970	92C-235.39	Quảng Nam	6970	93A-438.63	Bình Phước			
4971	93A-442.83	Bình Phước	5971	92C-236.19	Quảng Nam	6971	93A-440.09	Bình Phước			
4972	93A-443.34	Bình Phước	5972	92C-236.37	Quảng Nam	6972	93A-440.88	Bình Phước			
4973	93A-445.65	Bình Phước	5973	92C-236.85	Quảng Nam	6973	93A-440.89	Bình Phước			
4974	93A-447.00	Bình Phước	5974	92C-236.86	Quảng Nam	6974	93A-441.96	Bình Phước			
4975	93A-448.09	Bình Phước	5975	92C-238.22	Quảng Nam	6975	93A-443.55	Bình Phước			
4976	93A-451.09	Bình Phước	5976	92C-239.22	Quảng Nam	6976	93A-444.39	Bình Phước			
4977	93A-453.16	Bình Phước	5977	93A-438.69	Bình Phước	6977	93A-445.11	Bình Phước			
4978	93A-454.06	Bình Phước	5978	93A-439.59	Bình Phước	6978	93A-448.08	Bình Phước			
4979	93A-454.33	Bình Phước	5979	93A-440.04	Bình Phước	6979	93A-449.08	Bình Phước			
4980	93A-454.69	Bình Phước	5980	93A-442.29	Bình Phước	6980	93A-451.99	Bình Phước			
4981	93A-456.06	Bình Phước	5981	93A-442.88	Bình Phước	6981	93A-452.11	Bình Phước			
4982	93A-457.54	Bình Phước	5982	93A-448.49	Bình Phước	6982	93A-453.59	Bình Phước			
4983	93C-181.33	Bình Phước	5983	93A-450.89	Bình Phước	6983	93A-456.35	Bình Phước			
4984	93C-183.55	Bình Phước	5984	93A-451.51	Bình Phước	6984	93A-460.28	Bình Phước			
4985	93C-183.79	Bình Phước	5985	93A-452.65	Bình Phước	6985	93A-460.35	Bình Phước			
4986	94A-100.19	Bạc Liêu	5986	93A-452.77	Bình Phước	6986	93C-179.08	Bình Phước			
4987	95A-113.22	Hậu Giang	5987	93A-455.08	Bình Phước	6987	93C-179.69	Bình Phước			
4988	95A-115.15	Hậu Giang	5988	93A-457.15	Bình Phước	6988	93C-183.16	Bình Phước			
4989	95A-115.89	Hậu Giang	5989	93A-459.36	Bình Phước	6989	93C-183.25	Bình Phước			
4990	95A-116.36	Hậu Giang	5990	93C-179.95	Bình Phước	6990	93C-183.39	Bình Phước			
4991	95A-116.68	Hậu Giang	5991	93C-180.68	Bình Phước	6991	93C-183.59	Bình Phước			
4992	95A-117.16	Hậu Giang	5992	93C-181.18	Bình Phước	6992	93C-184.08	Bình Phước			
4993	95A-118.28	Hậu Giang	5993	93C-182.95	Bình Phước	6993	93D-004.00	Bình Phước			
4994	95A-118.98	Hậu Giang	5994	94A-096.68	Bạc Liêu	6994	94A-101.65	Bạc Liêu			
4995	95A-119.16	Hậu Giang	5995	95A-112.89	Hậu Giang	6995	94A-102.06	Bạc Liêu			
4996	95A-119.89	Hậu Giang	5996	95A-113.28	Hậu Giang	6996	95A-112.36	Hậu Giang			
4997	95C-078.29	Hậu Giang	5997	95C-079.35	Hậu Giang	6997	95A-113.26	Hậu Giang			
4998	95C-078.88	Hậu Giang	5998	95C-079.56	Hậu Giang	6998	95A-114.66	Hậu Giang			
4999	95C-079.83	Hậu Giang	5999	95C-080.09	Hậu Giang	6999	95C-079.96	Hậu Giang			
5000	95C-079.86	Hậu Giang	6000	95C-080.86	Hậu Giang	7000	95C-080.35	Hậu Giang			



DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 02/4/2024											
Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: trước 16h30p ngày 30/3/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).											
Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/Thành phố
1	30K-673.69	Hà Nội	1001	30K-673.89	Hà Nội	2001	51K-989.89	Hồ Chí Minh	3001	30K-896.96	Hà Nội
2	30K-685.06	Hà Nội	1002	30K-683.77	Hà Nội	2002	30K-672.58	Hà Nội	3002	30K-675.18	Hà Nội
3	30K-692.09	Hà Nội	1003	30K-687.59	Hà Nội	2003	30K-672.89	Hà Nội	3003	30K-679.26	Hà Nội
4	30K-692.38	Hà Nội	1004	30K-692.19	Hà Nội	2004	30K-676.59	Hà Nội	3004	30K-683.22	Hà Nội
5	30K-693.38	Hà Nội	1005	30K-694.16	Hà Nội	2005	30K-681.56	Hà Nội	3005	30K-687.58	Hà Nội
6	30K-695.56	Hà Nội	1006	30K-695.58	Hà Nội	2006	30K-689.85	Hà Nội	3006	30K-697.59	Hà Nội
7	30K-696.56	Hà Nội	1007	30K-696.22	Hà Nội	2007	30K-695.18	Hà Nội	3007	30K-702.69	Hà Nội
8	30K-697.69	Hà Nội	1008	30K-699.15	Hà Nội	2008	30K-697.19	Hà Nội	3008	30K-715.99	Hà Nội
9	30K-706.68	Hà Nội	1009	30K-703.66	Hà Nội	2009	30K-716.39	Hà Nội	3009	30K-716.89	Hà Nội
10	30K-709.79	Hà Nội	1010	30K-705.69	Hà Nội	2010	30K-723.68	Hà Nội	3010	30K-725.25	Hà Nội
11	30K-712.79	Hà Nội	1011	30K-709.89	Hà Nội	2011	30K-741.66	Hà Nội	3011	30K-727.86	Hà Nội
12	30K-713.88	Hà Nội	1012	30K-714.68	Hà Nội	2012	30K-762.79	Hà Nội	3012	30K-731.79	Hà Nội
13	30K-715.88	Hà Nội	1013	30K-721.86	Hà Nội	2013	30K-766.39	Hà Nội	3013	30K-737.86	Hà Nội
14	30K-720.39	Hà Nội	1014	30K-722.55	Hà Nội	2014	30K-775.39	Hà Nội	3014	30K-738.86	Hà Nội
15	30K-735.89	Hà Nội	1015	30K-730.68	Hà Nội	2015	30K-778.86	Hà Nội	3015	30K-746.99	Hà Nội
16	30K-751.15	Hà Nội	1016	30K-742.86	Hà Nội	2016	30K-781.39	Hà Nội	3016	30K-758.86	Hà Nội
17	30K-754.86	Hà Nội	1017	30K-759.69	Hà Nội	2017	30K-781.86	Hà Nội	3017	30K-760.99	Hà Nội
18	30K-759.86	Hà Nội	1018	30K-764.64	Hà Nội	2018	30K-785.88	Hà Nội	3018	30K-769.39	Hà Nội
19	30K-761.69	Hà Nội	1019	30K-770.69	Hà Nội	2019	30K-787.68	Hà Nội	3019	30K-769.86	Hà Nội
20	30K-782.89	Hà Nội	1020	30K-773.37	Hà Nội	2020	30K-791.33	Hà Nội	3020	30K-776.69	Hà Nội
21	30K-783.86	Hà Nội	1021	30K-781.11	Hà Nội	2021	30K-792.65	Hà Nội	3021	30K-781.69	Hà Nội
22	30K-790.59	Hà Nội	1022	30K-790.22	Hà Nội	2022	30K-794.55	Hà Nội	3022	30K-792.58	Hà Nội
23	30K-799.56	Hà Nội	1023	30K-791.69	Hà Nội	2023	30K-795.18	Hà Nội	3023	30K-798.96	Hà Nội
24	30K-802.99	Hà Nội	1024	30K-793.22	Hà Nội	2024	30K-796.22	Hà Nội	3024	30K-801.33	Hà Nội
25	30K-809.25	Hà Nội	1025	30K-793.94	Hà Nội	2025	30K-797.16	Hà Nội	3025	30K-803.77	Hà Nội
26	30K-810.08	Hà Nội	1026	30K-797.69	Hà Nội	2026	30K-800.29	Hà Nội	3026	30K-806.00	Hà Nội
27	30K-811.22	Hà Nội	1027	30K-798.85	Hà Nội	2027	30K-800.65	Hà Nội	3027	30K-806.08	Hà Nội
28	30K-812.08	Hà Nội	1028	30K-799.85	Hà Nội	2028	30K-800.89	Hà Nội	3028	30K-807.36	Hà Nội
29	30K-814.55	Hà Nội	1029	30K-802.16	Hà Nội	2029	30K-801.79	Hà Nội	3029	30K-807.56	Hà Nội
30	30K-814.83	Hà Nội	1030	30K-804.66	Hà Nội	2030	30K-803.96	Hà Nội	3030	30K-809.79	Hà Nội
31	30K-819.55	Hà Nội	1031	30K-807.09	Hà Nội	2031	30K-808.35	Hà Nội	3031	30K-810.28	Hà Nội
32	30K-821.21	Hà Nội	1032	30K-808.56	Hà Nội	2032	30K-812.26	Hà Nội	3032	30K-813.08	Hà Nội
33	30K-824.89	Hà Nội	1033	30K-812.69	Hà Nội	2033	30K-816.06	Hà Nội	3033	30K-819.11	Hà Nội
34	30K-830.03	Hà Nội	1034	30K-812.83	Hà Nội	2034	30K-817.55	Hà Nội	3034	30K-824.83	Hà Nội
35	30K-830.19	Hà Nội	1035	30K-818.77	Hà Nội	2035	30K-820.29	Hà Nội	3035	30K-830.77	Hà Nội
36	30K-831.29	Hà Nội	1036	30K-824.18	Hà Nội	2036	30K-822.96	Hà Nội	3036	30K-833.08	Hà Nội
37	30K-833.44	Hà Nội	1037	30K-825.22	Hà Nội	2037	30K-823.98	Hà Nội	3037	30K-834.25	Hà Nội
38	30K-834.58	Hà Nội	1038	30K-830.00	Hà Nội	2038	30K-824.79	Hà Nội	3038	30K-835.77	Hà Nội
39	30K-835.98	Hà Nội	1039	30K-830.66	Hà Nội	2039	30K-826.16	Hà Nội	3039	30K-838.06	Hà Nội
40	30K-836.35	Hà Nội	1040	30K-834.55	Hà Nội	2040	30K-828.19	Hà Nội	3040	30K-841.69	Hà Nội
41	30K-837.08	Hà Nội	1041	30K-834.69	Hà Nội	2041	30K-834.19	Hà Nội	3041	30K-842.08	Hà Nội
42	30K-839.00	Hà Nội	1042	30K-835.19	Hà Nội	2042	30K-834.95	Hà Nội	3042	30K-842.56	Hà Nội
43	30K-839.06	Hà Nội	1043	30K-841.14	Hà Nội	2043	30K-835.16	Hà Nội	3043	30K-844.59	Hà Nội
44	30K-841.68	Hà Nội	1044	30K-842.85	Hà Nội	2044	30K-839.09	Hà Nội	3044	30K-844.89	Hà Nội
45	30K-842.28	Hà Nội	1045	30K-847.16	Hà Nội	2045	30K-839.58	Hà Nội	3045	30K-849.58	Hà Nội
46	30K-844.16	Hà Nội	1046	30K-848.58	Hà Nội	2046	30K-842.06	Hà Nội	3046	30K-853.18	Hà Nội
47	30K-845.06	Hà Nội	1047	30K-850.66	Hà Nội	2047	30K-843.84	Hà Nội	3047	30K-854.65	Hà Nội
48	30K-846.48	Hà Nội	1048	30K-850.86	Hà Nội	2048	30K-850.16	Hà Nội	3048	30K-856.39	Hà Nội
49	30K-847.96	Hà Nội	1049	30K-851.25	Hà Nội	2049	30K-850.77	Hà Nội	3049	30K-856.65	Hà Nội
50	30K-848.18	Hà Nội	1050	30K-851.33	Hà Nội	2050	30K-852.56	Hà Nội	3050	30K-856.85	Hà Nội
51	30K-849.19	Hà Nội	1051	30K-854.00	Hà Nội	2051	30K-854.33	Hà Nội	3051	30K-857.36	Hà Nội
52	30K-850.05	Hà Nội	1052	30K-855.79	Hà Nội	2052	30K-855.93	Hà Nội	3052	30K-858.62	Hà Nội
53	30K-850.29	Hà Nội	1053	30K-857.38	Hà Nội	2053	30K-859.38	Hà Nội	3053	30K-860.39	Hà Nội
54	30K-850.96	Hà Nội	1054	30K-858.83	Hà Nội	2054	30K-863.08	Hà Nội	3054	30K-863.64	Hà Nội
55	30K-853.89	Hà Nội	1055	30K-859.93	Hà Nội	2055	30K-863.32	Hà Nội	3055	30K-863.65	Hà Nội
56	30K-854.18	Hà Nội	1056	30K-860.61	Hà Nội	2056	30K-869.55	Hà Nội	3056	30K-863.95	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
57	30K-856.63	Hà Nội	1057	30K-861.99	Hà Nội	2057	30K-873.55	Hà Nội	3057	30K-864.00	Hà Nội
58	30K-857.15	Hà Nội	1058	30K-862.92	Hà Nội	2058	30K-873.83	Hà Nội	3058	30K-866.15	Hà Nội
59	30K-858.00	Hà Nội	1059	30K-867.09	Hà Nội	2059	30K-875.65	Hà Nội	3059	30K-867.58	Hà Nội
60	30K-859.88	Hà Nội	1060	30K-867.33	Hà Nội	2060	30K-875.87	Hà Nội	3060	30K-872.00	Hà Nội
61	30K-861.56	Hà Nội	1061	30K-869.06	Hà Nội	2061	30K-877.16	Hà Nội	3061	30K-876.15	Hà Nội
62	30K-861.69	Hà Nội	1062	30K-869.38	Hà Nội	2062	30K-878.06	Hà Nội	3062	30K-876.26	Hà Nội
63	30K-865.11	Hà Nội	1063	30K-870.08	Hà Nội	2063	30K-878.25	Hà Nội	3063	30K-878.58	Hà Nội
64	30K-866.16	Hà Nội	1064	30K-870.68	Hà Nội	2064	30K-884.39	Hà Nội	3064	30K-881.09	Hà Nội
65	30K-866.18	Hà Nội	1065	30K-871.86	Hà Nội	2065	30K-887.25	Hà Nội	3065	30K-882.15	Hà Nội
66	30K-866.77	Hà Nội	1066	30K-872.77	Hà Nội	2066	30K-893.15	Hà Nội	3066	30K-882.33	Hà Nội
67	30K-867.26	Hà Nội	1067	30K-874.95	Hà Nội	2067	30K-894.98	Hà Nội	3067	30K-883.08	Hà Nội
68	30K-869.44	Hà Nội	1068	30K-875.16	Hà Nội	2068	30K-896.15	Hà Nội	3068	30K-885.98	Hà Nội
69	30K-871.25	Hà Nội	1069	30K-875.96	Hà Nội	2069	30K-897.88	Hà Nội	3069	30K-886.09	Hà Nội
70	30K-871.69	Hà Nội	1070	30K-876.85	Hà Nội	2070	30K-898.06	Hà Nội	3070	30K-888.12	Hà Nội
71	30K-873.39	Hà Nội	1071	30K-877.36	Hà Nội	2071	30K-900.08	Hà Nội	3071	30K-889.35	Hà Nội
72	30K-874.88	Hà Nội	1072	30K-880.19	Hà Nội	2072	30K-904.38	Hà Nội	3072	30K-889.83	Hà Nội
73	30K-879.08	Hà Nội	1073	30K-883.11	Hà Nội	2073	30K-905.05	Hà Nội	3073	30K-891.44	Hà Nội
74	30K-888.14	Hà Nội	1074	30K-883.96	Hà Nội	2074	30K-905.19	Hà Nội	3074	30K-895.15	Hà Nội
75	30K-889.15	Hà Nội	1075	30K-885.18	Hà Nội	2075	30K-905.68	Hà Nội	3075	30K-895.79	Hà Nội
76	30K-890.00	Hà Nội	1076	30K-886.00	Hà Nội	2076	30K-906.55	Hà Nội	3076	30K-899.15	Hà Nội
77	30K-892.16	Hà Nội	1077	30K-887.85	Hà Nội	2077	30K-913.38	Hà Nội	3077	30K-903.89	Hà Nội
78	30K-899.22	Hà Nội	1078	30K-891.35	Hà Nội	2078	30K-916.28	Hà Nội	3078	30K-904.85	Hà Nội
79	30K-902.09	Hà Nội	1079	30K-895.77	Hà Nội	2079	30K-919.15	Hà Nội	3079	30K-905.79	Hà Nội
80	30K-905.89	Hà Nội	1080	30K-902.19	Hà Nội	2080	30K-921.18	Hà Nội	3080	30K-910.09	Hà Nội
81	30K-910.01	Hà Nội	1081	30K-902.89	Hà Nội	2081	30K-923.44	Hà Nội	3081	30K-910.65	Hà Nội
82	30K-915.69	Hà Nội	1082	30K-906.06	Hà Nội	2082	30K-925.69	Hà Nội	3082	30K-912.26	Hà Nội
83	30K-916.89	Hà Nội	1083	30K-906.18	Hà Nội	2083	30K-928.92	Hà Nội	3083	30K-913.98	Hà Nội
84	30K-917.58	Hà Nội	1084	30K-906.25	Hà Nội	2084	30K-929.06	Hà Nội	3084	30K-915.08	Hà Nội
85	30K-917.91	Hà Nội	1085	30K-908.09	Hà Nội	2085	30K-930.29	Hà Nội	3085	30K-918.55	Hà Nội
86	30K-920.22	Hà Nội	1086	30K-910.59	Hà Nội	2086	30K-931.69	Hà Nội	3086	30K-918.91	Hà Nội
87	30K-926.11	Hà Nội	1087	30K-911.26	Hà Nội	2087	30K-932.98	Hà Nội	3087	30K-919.00	Hà Nội
88	30K-926.83	Hà Nội	1088	30K-912.44	Hà Nội	2088	30K-933.98	Hà Nội	3088	30K-919.55	Hà Nội
89	30K-926.85	Hà Nội	1089	30K-913.18	Hà Nội	2089	30K-935.65	Hà Nội	3089	30K-928.18	Hà Nội
90	30K-928.25	Hà Nội	1090	30K-913.58	Hà Nội	2090	30K-937.11	Hà Nội	3090	30K-929.65	Hà Nội
91	30K-928.56	Hà Nội	1091	30K-915.86	Hà Nội	2091	30K-938.15	Hà Nội	3091	30K-933.28	Hà Nội
92	30K-935.06	Hà Nội	1092	30K-916.44	Hà Nội	2092	30K-938.95	Hà Nội	3092	30K-933.59	Hà Nội
93	30K-937.15	Hà Nội	1093	30K-918.59	Hà Nội	2093	30K-942.58	Hà Nội	3093	30K-934.28	Hà Nội
94	30K-937.86	Hà Nội	1094	30K-920.33	Hà Nội	2094	30K-943.25	Hà Nội	3094	30K-936.98	Hà Nội
95	30K-938.08	Hà Nội	1095	30K-920.68	Hà Nội	2095	30K-943.96	Hà Nội	3095	30K-940.36	Hà Nội
96	30K-938.44	Hà Nội	1096	30K-921.56	Hà Nội	2096	30K-944.96	Hà Nội	3096	30K-941.22	Hà Nội
97	30K-940.69	Hà Nội	1097	30K-925.11	Hà Nội	2097	30K-945.33	Hà Nội	3097	30K-941.28	Hà Nội
98	30K-940.99	Hà Nội	1098	30K-926.27	Hà Nội	2098	30K-946.08	Hà Nội	3098	30K-942.55	Hà Nội
99	30K-941.79	Hà Nội	1099	30K-926.35	Hà Nội	2099	30K-951.86	Hà Nội	3099	30K-943.19	Hà Nội
100	30K-943.49	Hà Nội	1100	30K-929.95	Hà Nội	2100	30K-953.39	Hà Nội	3100	30K-947.08	Hà Nội
101	30K-945.49	Hà Nội	1101	30K-934.09	Hà Nội	2101	30K-954.44	Hà Nội	3101	30K-947.25	Hà Nội
102	30K-952.83	Hà Nội	1102	30K-935.53	Hà Nội	2102	30K-955.06	Hà Nội	3102	30K-953.69	Hà Nội
103	30K-954.28	Hà Nội	1103	30K-936.83	Hà Nội	2103	30K-960.95	Hà Nội	3103	30K-955.96	Hà Nội
104	30K-955.38	Hà Nội	1104	30K-944.36	Hà Nội	2104	30K-961.77	Hà Nội	3104	30K-964.11	Hà Nội
105	30K-964.44	Hà Nội	1105	30K-945.22	Hà Nội	2105	30K-966.44	Hà Nội	3105	30K-966.58	Hà Nội
106	30K-967.16	Hà Nội	1106	30K-946.15	Hà Nội	2106	30K-967.77	Hà Nội	3106	30K-967.65	Hà Nội
107	30K-968.15	Hà Nội	1107	30K-947.38	Hà Nội	2107	30K-969.11	Hà Nội	3107	30K-974.85	Hà Nội
108	30K-969.25	Hà Nội	1108	30K-948.94	Hà Nội	2108	30K-973.37	Hà Nội	3108	30K-976.11	Hà Nội
109	30K-970.07	Hà Nội	1109	30K-952.09	Hà Nội	2109	30K-974.06	Hà Nội	3109	30K-977.96	Hà Nội
110	30K-971.66	Hà Nội	1110	30K-958.38	Hà Nội	2110	30K-977.83	Hà Nội	3110	30K-979.59	Hà Nội
111	30K-973.56	Hà Nội	1111	30K-960.00	Hà Nội	2111	30K-978.06	Hà Nội	3111	30K-983.25	Hà Nội
112	30K-975.15	Hà Nội	1112	30K-961.22	Hà Nội	2112	30K-978.59	Hà Nội	3112	30K-983.58	Hà Nội
113	30K-975.97	Hà Nội	1113	30K-961.95	Hà Nội	2113	30K-980.11	Hà Nội	3113	30K-983.59	Hà Nội
114	30K-976.22	Hà Nội	1114	30K-963.39	Hà Nội	2114	30K-987.83	Hà Nội	3114	30K-984.33	Hà Nội
115	30K-978.68	Hà Nội	1115	30K-967.22	Hà Nội	2115	30K-989.16	Hà Nội	3115	30K-986.55	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
116	30K-980.65	Hà Nội	1116	30K-967.95	Hà Nội	2116	30K-991.38	Hà Nội	3116	30K-990.28	Hà Nội
117	30K-984.98	Hà Nội	1117	30K-981.59	Hà Nội	2117	30K-993.58	Hà Nội	3117	30K-991.25	Hà Nội
118	30K-985.22	Hà Nội	1118	30K-983.35	Hà Nội	2118	30K-997.11	Hà Nội	3118	30K-995.65	Hà Nội
119	30K-987.36	Hà Nội	1119	30K-983.56	Hà Nội	2119	30K-997.36	Hà Nội	3119	30K-998.56	Hà Nội
120	30K-997.29	Hà Nội	1120	30K-984.11	Hà Nội	2120	30L-003.28	Hà Nội	3120	30L-005.08	Hà Nội
121	30K-997.33	Hà Nội	1121	30K-984.29	Hà Nội	2121	30L-006.06	Hà Nội	3121	30L-005.50	Hà Nội
122	30L-000.27	Hà Nội	1122	30K-987.29	Hà Nội	2122	30L-006.79	Hà Nội	3122	30L-006.95	Hà Nội
123	30L-002.89	Hà Nội	1123	30K-987.33	Hà Nội	2123	30L-007.66	Hà Nội	3123	30L-007.35	Hà Nội
124	30L-004.08	Hà Nội	1124	30K-987.35	Hà Nội	2124	30L-008.09	Hà Nội	3124	30L-008.58	Hà Nội
125	30L-004.40	Hà Nội	1125	30K-991.09	Hà Nội	2125	30L-008.96	Hà Nội	3125	30L-009.36	Hà Nội
126	30L-006.19	Hà Nội	1126	30K-994.26	Hà Nội	2126	30L-009.56	Hà Nội	3126	30L-009.39	Hà Nội
127	30L-006.29	Hà Nội	1127	30K-997.69	Hà Nội	2127	30L-010.00	Hà Nội	3127	30L-010.36	Hà Nội
128	30L-006.89	Hà Nội	1128	30K-999.57	Hà Nội	2128	30L-013.22	Hà Nội	3128	30L-013.28	Hà Nội
129	30L-008.65	Hà Nội	1129	30L-001.09	Hà Nội	2129	30L-015.77	Hà Nội	3129	30L-014.33	Hà Nội
130	30L-011.39	Hà Nội	1130	30L-005.58	Hà Nội	2130	30L-016.55	Hà Nội	3130	30L-014.79	Hà Nội
131	30L-013.01	Hà Nội	1131	30L-005.88	Hà Nội	2131	30L-019.60	Hà Nội	3131	30L-018.77	Hà Nội
132	30L-013.10	Hà Nội	1132	30L-006.25	Hà Nội	2132	30L-020.55	Hà Nội	3132	30L-020.58	Hà Nội
133	30L-013.38	Hà Nội	1133	30L-008.11	Hà Nội	2133	30L-020.77	Hà Nội	3133	30L-020.66	Hà Nội
134	30L-015.22	Hà Nội	1134	30L-008.35	Hà Nội	2134	30L-024.29	Hà Nội	3134	30L-020.69	Hà Nội
135	30L-016.17	Hà Nội	1135	30L-008.69	Hà Nội	2135	30L-025.77	Hà Nội	3135	30L-021.21	Hà Nội
136	30L-017.85	Hà Nội	1136	30L-009.29	Hà Nội	2136	30L-028.44	Hà Nội	3136	30L-021.85	Hà Nội
137	30L-019.36	Hà Nội	1137	30L-009.38	Hà Nội	2137	30L-033.59	Hà Nội	3137	30L-024.06	Hà Nội
138	30L-019.61	Hà Nội	1138	30L-009.98	Hà Nội	2138	30L-035.09	Hà Nội	3138	30L-024.86	Hà Nội
139	30L-020.08	Hà Nội	1139	30L-010.88	Hà Nội	2139	30L-036.33	Hà Nội	3139	30L-029.09	Hà Nội
140	30L-021.29	Hà Nội	1140	30L-011.15	Hà Nội	2140	30L-037.83	Hà Nội	3140	30L-032.69	Hà Nội
141	30L-022.56	Hà Nội	1141	30L-012.26	Hà Nội	2141	30L-038.18	Hà Nội	3141	30L-033.36	Hà Nội
142	30L-026.85	Hà Nội	1142	30L-016.99	Hà Nội	2142	30L-038.65	Hà Nội	3142	30L-035.29	Hà Nội
143	30L-027.28	Hà Nội	1143	30L-019.27	Hà Nội	2143	30L-039.69	Hà Nội	3143	30L-036.69	Hà Nội
144	30L-030.86	Hà Nội	1144	30L-020.11	Hà Nội	2144	30L-043.18	Hà Nội	3144	30L-039.65	Hà Nội
145	30L-031.18	Hà Nội	1145	30L-020.36	Hà Nội	2145	30L-047.09	Hà Nội	3145	30L-039.85	Hà Nội
146	30L-032.30	Hà Nội	1146	30L-022.98	Hà Nội	2146	30L-047.26	Hà Nội	3146	30L-040.15	Hà Nội
147	30L-036.29	Hà Nội	1147	30L-024.22	Hà Nội	2147	30L-051.16	Hà Nội	3147	30L-040.25	Hà Nội
148	30L-039.25	Hà Nội	1148	30L-025.38	Hà Nội	2148	30L-051.18	Hà Nội	3148	30L-044.06	Hà Nội
149	30L-041.58	Hà Nội	1149	30L-027.26	Hà Nội	2149	30L-051.52	Hà Nội	3149	30L-045.35	Hà Nội
150	30L-041.83	Hà Nội	1150	30L-029.35	Hà Nội	2150	30L-051.59	Hà Nội	3150	30L-046.44	Hà Nội
151	30L-042.00	Hà Nội	1151	30L-030.58	Hà Nội	2151	30L-052.96	Hà Nội	3151	30L-050.83	Hà Nội
152	30L-043.89	Hà Nội	1152	30L-033.56	Hà Nội	2152	30L-054.00	Hà Nội	3152	30L-057.77	Hà Nội
153	30L-044.36	Hà Nội	1153	30L-035.33	Hà Nội	2153	30L-060.19	Hà Nội	3153	30L-058.29	Hà Nội
154	30L-045.77	Hà Nội	1154	30L-036.37	Hà Nội	2154	30L-061.19	Hà Nội	3154	30L-063.88	Hà Nội
155	30L-046.35	Hà Nội	1155	30L-038.96	Hà Nội	2155	30L-066.15	Hà Nội	3155	30L-065.11	Hà Nội
156	30L-048.56	Hà Nội	1156	30L-041.06	Hà Nội	2156	30L-069.38	Hà Nội	3156	30L-066.36	Hà Nội
157	30L-051.95	Hà Nội	1157	30L-045.16	Hà Nội	2157	30L-069.44	Hà Nội	3157	30L-066.79	Hà Nội
158	30L-052.83	Hà Nội	1158	30L-046.88	Hà Nội	2158	30L-074.06	Hà Nội	3158	30L-071.16	Hà Nội
159	30L-055.35	Hà Nội	1159	30L-048.35	Hà Nội	2159	30L-075.99	Hà Nội	3159	30L-073.25	Hà Nội
160	30L-061.99	Hà Nội	1160	30L-051.66	Hà Nội	2160	30L-077.56	Hà Nội	3160	30L-073.26	Hà Nội
161	30L-062.15	Hà Nội	1161	30L-052.39	Hà Nội	2161	30L-077.89	Hà Nội	3161	30L-074.15	Hà Nội
162	30L-063.89	Hà Nội	1162	30L-052.52	Hà Nội	2162	30L-079.08	Hà Nội	3162	30L-076.70	Hà Nội
163	30L-064.60	Hà Nội	1163	30L-052.56	Hà Nội	2163	30L-080.39	Hà Nội	3163	30L-077.98	Hà Nội
164	30L-064.99	Hà Nội	1164	30L-054.86	Hà Nội	2164	30L-081.22	Hà Nội	3164	30L-078.16	Hà Nội
165	30L-066.62	Hà Nội	1165	30L-057.09	Hà Nội	2165	30L-081.35	Hà Nội	3165	30L-081.09	Hà Nội
166	30L-068.29	Hà Nội	1166	30L-062.39	Hà Nội	2166	30L-081.82	Hà Nội	3166	30L-088.19	Hà Nội
167	30L-074.35	Hà Nội	1167	30L-063.22	Hà Nội	2167	30L-085.98	Hà Nội	3167	30L-092.35	Hà Nội
168	30L-075.88	Hà Nội	1168	30L-063.35	Hà Nội	2168	30L-087.00	Hà Nội	3168	30L-092.66	Hà Nội
169	30L-079.65	Hà Nội	1169	30L-066.18	Hà Nội	2169	30L-088.18	Hà Nội	3169	30L-100.28	Hà Nội
170	30L-080.11	Hà Nội	1170	30L-068.58	Hà Nội	2170	30L-095.39	Hà Nội	3170	30L-101.66	Hà Nội
171	30L-080.58	Hà Nội	1171	30L-072.00	Hà Nội	2171	30L-098.56	Hà Nội	3171	30L-105.16	Hà Nội
172	30L-084.25	Hà Nội	1172	30L-072.06	Hà Nội	2172	30L-105.68	Hà Nội	3172	30L-106.59	Hà Nội
173	30L-084.95	Hà Nội	1173	30L-073.22	Hà Nội	2173	30L-114.18	Hà Nội	3173	30L-106.95	Hà Nội
174	30L-087.55	Hà Nội	1174	30L-076.26	Hà Nội	2174	30L-117.11	Hà Nội	3174	30L-109.35	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
175	30L-090.96	Hà Nội	1175	30L-077.83	Hà Nội	2175	30L-119.16	Hà Nội	3175	30L-110.86	Hà Nội
176	30L-091.38	Hà Nội	1176	30L-078.29	Hà Nội	2176	30L-122.36	Hà Nội	3176	30L-111.00	Hà Nội
177	30L-092.26	Hà Nội	1177	30L-078.66	Hà Nội	2177	30L-123.85	Hà Nội	3177	30L-111.45	Hà Nội
178	30L-093.18	Hà Nội	1178	30L-079.19	Hà Nội	2178	30L-126.12	Hà Nội	3178	30L-112.16	Hà Nội
179	30L-100.65	Hà Nội	1179	30L-080.28	Hà Nội	2179	30L-126.27	Hà Nội	3179	30L-112.56	Hà Nội
180	30L-101.16	Hà Nội	1180	30L-083.44	Hà Nội	2180	30L-127.11	Hà Nội	3180	30L-114.59	Hà Nội
181	30L-101.58	Hà Nội	1181	30L-084.06	Hà Nội	2181	30L-128.36	Hà Nội	3181	30L-118.66	Hà Nội
182	30L-101.89	Hà Nội	1182	30L-084.86	Hà Nội	2182	30L-130.11	Hà Nội	3182	30L-119.58	Hà Nội
183	30L-102.58	Hà Nội	1183	30L-085.22	Hà Nội	2183	30L-134.09	Hà Nội	3183	30L-124.42	Hà Nội
184	30L-106.07	Hà Nội	1184	30L-085.65	Hà Nội	2184	30L-135.65	Hà Nội	3184	30L-124.96	Hà Nội
185	30L-107.22	Hà Nội	1185	30L-086.55	Hà Nội	2185	30L-138.65	Hà Nội	3185	30L-126.62	Hà Nội
186	30L-110.06	Hà Nội	1186	30L-086.87	Hà Nội	2186	30L-141.85	Hà Nội	3186	30L-127.38	Hà Nội
187	30L-111.78	Hà Nội	1187	30L-095.11	Hà Nội	2187	30L-142.85	Hà Nội	3187	30L-130.22	Hà Nội
188	30L-115.39	Hà Nội	1188	30L-098.08	Hà Nội	2188	30L-144.14	Hà Nội	3188	30L-131.00	Hà Nội
189	30L-117.58	Hà Nội	1189	30L-098.28	Hà Nội	2189	30L-145.29	Hà Nội	3189	30L-131.11	Hà Nội
190	30L-117.88	Hà Nội	1190	30L-099.11	Hà Nội	2190	30L-145.54	Hà Nội	3190	30L-134.15	Hà Nội
191	30L-118.44	Hà Nội	1191	30L-103.29	Hà Nội	2191	30L-147.66	Hà Nội	3191	30L-138.16	Hà Nội
192	30L-121.26	Hà Nội	1192	30L-104.96	Hà Nội	2192	30L-148.22	Hà Nội	3192	30L-139.26	Hà Nội
193	30L-123.21	Hà Nội	1193	30L-105.99	Hà Nội	2193	30L-149.18	Hà Nội	3193	30L-139.58	Hà Nội
194	30L-127.68	Hà Nội	1194	30L-107.55	Hà Nội	2194	30L-149.79	Hà Nội	3194	30L-139.65	Hà Nội
195	30L-129.18	Hà Nội	1195	30L-109.19	Hà Nội	2195	30L-154.89	Hà Nội	3195	30L-140.77	Hà Nội
196	30L-134.38	Hà Nội	1196	30L-109.79	Hà Nội	2196	30L-156.19	Hà Nội	3196	30L-142.59	Hà Nội
197	30L-138.96	Hà Nội	1197	30L-111.14	Hà Nội	2197	30L-157.79	Hà Nội	3197	30L-145.69	Hà Nội
198	30L-139.44	Hà Nội	1198	30L-120.33	Hà Nội	2198	30L-164.11	Hà Nội	3198	30L-145.77	Hà Nội
199	30L-141.11	Hà Nội	1199	30L-121.99	Hà Nội	2199	30L-164.96	Hà Nội	3199	30L-147.99	Hà Nội
200	30L-144.83	Hà Nội	1200	30L-124.66	Hà Nội	2200	30L-165.35	Hà Nội	3200	30L-149.89	Hà Nội
201	30L-145.95	Hà Nội	1201	30L-126.16	Hà Nội	2201	30L-165.44	Hà Nội	3201	30L-150.16	Hà Nội
202	30L-147.11	Hà Nội	1202	30L-134.88	Hà Nội	2202	30L-167.55	Hà Nội	3202	30L-150.95	Hà Nội
203	30L-147.28	Hà Nội	1203	30L-137.11	Hà Nội	2203	30L-174.86	Hà Nội	3203	30L-154.98	Hà Nội
204	30L-152.99	Hà Nội	1204	30L-138.56	Hà Nội	2204	51L-031.89	Hồ Chí Minh	3204	30L-156.85	Hà Nội
205	30L-153.59	Hà Nội	1205	30L-138.98	Hà Nội	2205	51L-031.99	Hồ Chí Minh	3205	30L-157.00	Hà Nội
206	30L-155.39	Hà Nội	1206	30L-140.18	Hà Nội	2206	51L-036.79	Hồ Chí Minh	3206	30L-157.16	Hà Nội
207	30L-156.92	Hà Nội	1207	30L-140.28	Hà Nội	2207	51L-057.33	Hồ Chí Minh	3207	30L-160.15	Hà Nội
208	30L-165.69	Hà Nội	1208	30L-140.95	Hà Nội	2208	51L-057.66	Hồ Chí Minh	3208	30L-160.83	Hà Nội
209	30L-166.29	Hà Nội	1209	30L-141.98	Hà Nội	2209	51L-058.26	Hồ Chí Minh	3209	30L-164.25	Hà Nội
210	30L-167.16	Hà Nội	1210	30L-145.22	Hà Nội	2210	51L-058.89	Hồ Chí Minh	3210	30L-170.95	Hà Nội
211	30L-173.17	Hà Nội	1211	30L-147.35	Hà Nội	2211	51L-063.16	Hồ Chí Minh	3211	30L-173.33	Hà Nội
212	30L-174.15	Hà Nội	1212	30L-150.58	Hà Nội	2212	51L-067.68	Hồ Chí Minh	3212	30L-173.59	Hà Nội
213	30L-174.26	Hà Nội	1213	30L-151.11	Hà Nội	2213	51L-067.76	Hồ Chí Minh	3213	30L-173.68	Hà Nội
214	51L-037.86	Hồ Chí Minh	1214	30L-151.65	Hà Nội	2214	51L-068.16	Hồ Chí Minh	3214	30L-174.85	Hà Nội
215	51L-058.56	Hồ Chí Minh	1215	30L-153.09	Hà Nội	2215	51L-068.29	Hồ Chí Minh	3215	51L-030.19	Hồ Chí Minh
216	51L-060.16	Hồ Chí Minh	1216	30L-153.83	Hà Nội	2216	51L-080.69	Hồ Chí Minh	3216	51L-039.06	Hồ Chí Minh
217	51L-069.09	Hồ Chí Minh	1217	30L-154.09	Hà Nội	2217	51L-080.86	Hồ Chí Minh	3217	51L-040.66	Hồ Chí Minh
218	51L-069.36	Hồ Chí Minh	1218	30L-156.08	Hà Nội	2218	51L-094.09	Hồ Chí Minh	3218	51L-054.99	Hồ Chí Minh
219	51L-080.22	Hồ Chí Minh	1219	30L-161.79	Hà Nội	2219	51L-095.33	Hồ Chí Minh	3219	51L-061.61	Hồ Chí Minh
220	51L-080.77	Hồ Chí Minh	1220	30L-165.22	Hà Nội	2220	51L-108.89	Hồ Chí Minh	3220	51L-065.09	Hồ Chí Minh
221	51L-122.18	Hồ Chí Minh	1221	30L-166.06	Hà Nội	2221	51L-127.12	Hồ Chí Minh	3221	51L-071.16	Hồ Chí Minh
222	51L-129.19	Hồ Chí Minh	1222	30L-166.96	Hà Nội	2222	51L-127.55	Hồ Chí Minh	3222	51L-079.88	Hồ Chí Minh
223	51L-130.26	Hồ Chí Minh	1223	30L-166.98	Hà Nội	2223	51L-128.58	Hồ Chí Minh	3223	51L-127.28	Hồ Chí Minh
224	51L-135.92	Hồ Chí Minh	1224	30L-169.08	Hà Nội	2224	51L-129.16	Hồ Chí Minh	3224	51L-127.96	Hồ Chí Minh
225	51L-138.18	Hồ Chí Minh	1225	30L-170.68	Hà Nội	2225	51L-130.29	Hồ Chí Minh	3225	51L-128.16	Hồ Chí Minh
226	51L-140.59	Hồ Chí Minh	1226	30L-170.88	Hà Nội	2226	51L-131.08	Hồ Chí Minh	3226	51L-128.35	Hồ Chí Minh
227	51L-141.00	Hồ Chí Minh	1227	30L-171.89	Hà Nội	2227	51L-132.88	Hồ Chí Minh	3227	51L-128.98	Hồ Chí Minh
228	51L-141.18	Hồ Chí Minh	1228	30L-173.39	Hà Nội	2228	51L-134.25	Hồ Chí Minh	3228	51L-135.44	Hồ Chí Minh
229	51L-142.44	Hồ Chí Minh	1229	30L-174.00	Hà Nội	2229	51L-134.77	Hồ Chí Minh	3229	51L-140.58	Hồ Chí Minh
230	51L-144.29	Hồ Chí Minh	1230	51L-031.36	Hồ Chí Minh	2230	51L-134.85	Hồ Chí Minh	3230	51L-140.89	Hồ Chí Minh
231	51L-144.33	Hồ Chí Minh	1231	51L-036.58	Hồ Chí Minh	2231	51L-135.16	Hồ Chí Minh	3231	51L-141.35	Hồ Chí Minh
232	51L-144.85	Hồ Chí Minh	1232	51L-038.89	Hồ Chí Minh	2232	51L-136.00	Hồ Chí Minh	3232	51L-142.28	Hồ Chí Minh
233	51L-147.89	Hồ Chí Minh	1233	51L-055.59	Hồ Chí Minh	2233	51L-138.63	Hồ Chí Minh	3233	51L-143.99	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
234	51L-150.56	Hồ Chí Minh	1234	51L-094.18	Hồ Chí Minh	2234	51L-140.98	Hồ Chí Minh	3234	51L-144.16	Hồ Chí Minh
235	51L-152.88	Hồ Chí Minh	1235	51L-128.12	Hồ Chí Minh	2235	51L-142.11	Hồ Chí Minh	3235	51L-145.28	Hồ Chí Minh
236	51L-153.83	Hồ Chí Minh	1236	51L-129.21	Hồ Chí Minh	2236	51L-143.56	Hồ Chí Minh	3236	51L-146.65	Hồ Chí Minh
237	51L-154.11	Hồ Chí Minh	1237	51L-131.85	Hồ Chí Minh	2237	51L-149.77	Hồ Chí Minh	3237	51L-151.65	Hồ Chí Minh
238	51L-155.28	Hồ Chí Minh	1238	51L-134.00	Hồ Chí Minh	2238	51L-150.95	Hồ Chí Minh	3238	51L-152.59	Hồ Chí Minh
239	51L-155.58	Hồ Chí Minh	1239	51L-135.89	Hồ Chí Minh	2239	51L-152.66	Hồ Chí Minh	3239	51L-153.22	Hồ Chí Minh
240	51L-155.69	Hồ Chí Minh	1240	51L-136.38	Hồ Chí Minh	2240	51L-152.89	Hồ Chí Minh	3240	51L-156.83	Hồ Chí Minh
241	51L-160.29	Hồ Chí Minh	1241	51L-136.78	Hồ Chí Minh	2241	51L-152.93	Hồ Chí Minh	3241	51L-156.85	Hồ Chí Minh
242	51L-160.44	Hồ Chí Minh	1242	51L-137.69	Hồ Chí Minh	2242	51L-153.00	Hồ Chí Minh	3242	51L-156.98	Hồ Chí Minh
243	51L-160.98	Hồ Chí Minh	1243	51L-138.58	Hồ Chí Minh	2243	51L-153.19	Hồ Chí Minh	3243	51L-161.89	Hồ Chí Minh
244	51L-163.68	Hồ Chí Minh	1244	51L-139.33	Hồ Chí Minh	2244	51L-154.69	Hồ Chí Minh	3244	51L-163.00	Hồ Chí Minh
245	51L-164.36	Hồ Chí Minh	1245	51L-148.84	Hồ Chí Minh	2245	51L-159.96	Hồ Chí Minh	3245	51L-163.77	Hồ Chí Minh
246	51L-164.96	Hồ Chí Minh	1246	51L-149.69	Hồ Chí Minh	2246	51L-161.19	Hồ Chí Minh	3246	51L-163.86	Hồ Chí Minh
247	51L-167.85	Hồ Chí Minh	1247	51L-149.96	Hồ Chí Minh	2247	51L-162.06	Hồ Chí Minh	3247	51L-165.15	Hồ Chí Minh
248	51L-168.59	Hồ Chí Minh	1248	51L-150.79	Hồ Chí Minh	2248	51L-163.66	Hồ Chí Minh	3248	51L-165.35	Hồ Chí Minh
249	51L-168.83	Hồ Chí Minh	1249	51L-152.39	Hồ Chí Minh	2249	51L-164.65	Hồ Chí Minh	3249	51L-166.65	Hồ Chí Minh
250	51L-170.36	Hồ Chí Minh	1250	51L-153.08	Hồ Chí Minh	2250	51L-166.61	Hồ Chí Minh	3250	51L-169.38	Hồ Chí Minh
251	51L-176.29	Hồ Chí Minh	1251	51L-154.00	Hồ Chí Minh	2251	51L-171.72	Hồ Chí Minh	3251	51L-173.37	Hồ Chí Minh
252	51L-176.59	Hồ Chí Minh	1252	51L-157.25	Hồ Chí Minh	2252	51L-172.89	Hồ Chí Minh	3252	51L-173.55	Hồ Chí Minh
253	51L-178.11	Hồ Chí Minh	1253	51L-158.29	Hồ Chí Minh	2253	51L-173.65	Hồ Chí Minh	3253	51L-175.69	Hồ Chí Minh
254	51L-180.39	Hồ Chí Minh	1254	51L-158.65	Hồ Chí Minh	2254	51L-173.89	Hồ Chí Minh	3254	51L-176.09	Hồ Chí Minh
255	51L-181.28	Hồ Chí Minh	1255	51L-160.95	Hồ Chí Minh	2255	51L-174.98	Hồ Chí Minh	3255	51L-177.96	Hồ Chí Minh
256	51L-182.11	Hồ Chí Minh	1256	51L-162.86	Hồ Chí Minh	2256	51L-177.17	Hồ Chí Minh	3256	51L-183.08	Hồ Chí Minh
257	51L-183.18	Hồ Chí Minh	1257	51L-172.55	Hồ Chí Minh	2257	51L-177.69	Hồ Chí Minh	3257	51L-187.66	Hồ Chí Minh
258	51L-195.89	Hồ Chí Minh	1258	51L-173.38	Hồ Chí Minh	2258	51L-180.83	Hồ Chí Minh	3258	51L-189.38	Hồ Chí Minh
259	51L-197.22	Hồ Chí Minh	1259	51L-175.83	Hồ Chí Minh	2259	51L-181.98	Hồ Chí Minh	3259	51L-192.68	Hồ Chí Minh
260	51L-198.91	Hồ Chí Minh	1260	51L-176.18	Hồ Chí Minh	2260	51L-183.22	Hồ Chí Minh	3260	51L-193.95	Hồ Chí Minh
261	51L-199.77	Hồ Chí Minh	1261	51L-178.71	Hồ Chí Minh	2261	51L-184.28	Hồ Chí Minh	3261	51L-196.58	Hồ Chí Minh
262	51L-199.85	Hồ Chí Minh	1262	51L-178.86	Hồ Chí Minh	2262	51L-184.29	Hồ Chí Minh	3262	51L-198.35	Hồ Chí Minh
263	51L-201.65	Hồ Chí Minh	1263	51L-179.95	Hồ Chí Minh	2263	51L-185.29	Hồ Chí Minh	3263	51L-199.08	Hồ Chí Minh
264	51L-203.16	Hồ Chí Minh	1264	51L-181.15	Hồ Chí Minh	2264	51L-185.56	Hồ Chí Minh	3264	51L-202.33	Hồ Chí Minh
265	51L-205.18	Hồ Chí Minh	1265	51L-185.28	Hồ Chí Minh	2265	51L-188.11	Hồ Chí Minh	3265	51L-203.83	Hồ Chí Minh
266	51L-206.58	Hồ Chí Minh	1266	51L-187.06	Hồ Chí Minh	2266	51L-189.35	Hồ Chí Minh	3266	51L-204.20	Hồ Chí Minh
267	51L-208.00	Hồ Chí Minh	1267	51L-190.26	Hồ Chí Minh	2267	51L-197.38	Hồ Chí Minh	3267	51L-205.33	Hồ Chí Minh
268	51L-208.02	Hồ Chí Minh	1268	51L-190.89	Hồ Chí Minh	2268	51L-197.44	Hồ Chí Minh	3268	51L-207.18	Hồ Chí Minh
269	51L-211.99	Hồ Chí Minh	1269	51L-194.79	Hồ Chí Minh	2269	51L-197.68	Hồ Chí Minh	3269	51L-207.85	Hồ Chí Minh
270	51L-212.35	Hồ Chí Minh	1270	51L-198.16	Hồ Chí Minh	2270	51L-199.09	Hồ Chí Minh	3270	51L-210.11	Hồ Chí Minh
271	51L-213.25	Hồ Chí Minh	1271	51L-198.85	Hồ Chí Minh	2271	51L-201.01	Hồ Chí Minh	3271	51L-212.13	Hồ Chí Minh
272	51L-214.11	Hồ Chí Minh	1272	51L-203.35	Hồ Chí Minh	2272	51L-210.16	Hồ Chí Minh	3272	51L-213.29	Hồ Chí Minh
273	51L-214.36	Hồ Chí Minh	1273	51L-204.77	Hồ Chí Minh	2273	51L-211.59	Hồ Chí Minh	3273	51L-219.03	Hồ Chí Minh
274	51L-216.25	Hồ Chí Minh	1274	51L-204.79	Hồ Chí Minh	2274	51L-213.09	Hồ Chí Minh	3274	51L-219.05	Hồ Chí Minh
275	51L-217.69	Hồ Chí Minh	1275	51L-206.33	Hồ Chí Minh	2275	51L-218.06	Hồ Chí Minh	3275	51L-223.58	Hồ Chí Minh
276	51L-218.39	Hồ Chí Minh	1276	51L-208.29	Hồ Chí Minh	2276	51L-219.22	Hồ Chí Minh	3276	51L-225.69	Hồ Chí Minh
277	51L-219.39	Hồ Chí Minh	1277	51L-219.51	Hồ Chí Minh	2277	51L-220.02	Hồ Chí Minh	3277	51L-229.29	Hồ Chí Minh
278	51L-219.41	Hồ Chí Minh	1278	51L-219.92	Hồ Chí Minh	2278	51L-221.96	Hồ Chí Minh	3278	51L-229.95	Hồ Chí Minh
279	51L-221.59	Hồ Chí Minh	1279	51L-221.98	Hồ Chí Minh	2279	51L-222.13	Hồ Chí Minh	3279	51L-230.59	Hồ Chí Minh
280	51L-223.25	Hồ Chí Minh	1280	51L-223.16	Hồ Chí Minh	2280	51L-222.62	Hồ Chí Minh	3280	51L-231.22	Hồ Chí Minh
281	51L-225.09	Hồ Chí Minh	1281	51L-225.18	Hồ Chí Minh	2281	51L-222.96	Hồ Chí Minh	3281	51L-235.68	Hồ Chí Minh
282	51L-227.59	Hồ Chí Minh	1282	51L-228.77	Hồ Chí Minh	2282	51L-228.15	Hồ Chí Minh	3282	51L-235.69	Hồ Chí Minh
283	51L-227.72	Hồ Chí Minh	1283	51L-230.00	Hồ Chí Minh	2283	51L-228.16	Hồ Chí Minh	3283	51L-238.77	Hồ Chí Minh
284	51L-229.16	Hồ Chí Minh	1284	51L-230.08	Hồ Chí Minh	2284	51L-229.08	Hồ Chí Minh	3284	51L-240.59	Hồ Chí Minh
285	51L-229.86	Hồ Chí Minh	1285	51L-231.65	Hồ Chí Minh	2285	51L-229.11	Hồ Chí Minh	3285	51L-242.66	Hồ Chí Minh
286	51L-230.98	Hồ Chí Minh	1286	51L-232.36	Hồ Chí Minh	2286	51L-232.44	Hồ Chí Minh	3286	51L-244.66	Hồ Chí Minh
287	51L-230.99	Hồ Chí Minh	1287	51L-234.08	Hồ Chí Minh	2287	51L-233.56	Hồ Chí Minh	3287	51L-247.55	Hồ Chí Minh
288	51L-232.00	Hồ Chí Minh	1288	51L-234.28	Hồ Chí Minh	2288	51L-234.06	Hồ Chí Minh	3288	51L-247.58	Hồ Chí Minh
289	51L-232.09	Hồ Chí Minh	1289	51L-234.66	Hồ Chí Minh	2289	51L-235.16	Hồ Chí Minh	3289	51L-249.00	Hồ Chí Minh
290	51L-232.28	Hồ Chí Minh	1290	51L-235.56	Hồ Chí Minh	2290	51L-240.19	Hồ Chí Minh	3290	51L-252.11	Hồ Chí Minh
291	51L-233.00	Hồ Chí Minh	1291	51L-237.98	Hồ Chí Minh	2291	51L-241.14	Hồ Chí Minh	3291	51L-255.36	Hồ Chí Minh
292	51L-234.98	Hồ Chí Minh	1292	51L-240.36	Hồ Chí Minh	2292	51L-242.29	Hồ Chí Minh	3292	51L-258.06	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
293	51L-235.44	Hồ Chí Minh	1293	51L-240.42	Hồ Chí Minh	2293	51L-244.19	Hồ Chí Minh	3293	51L-261.44	Hồ Chí Minh
294	51L-239.85	Hồ Chí Minh	1294	51L-241.39	Hồ Chí Minh	2294	51L-247.83	Hồ Chí Minh	3294	51L-267.79	Hồ Chí Minh
295	51L-247.26	Hồ Chí Minh	1295	51L-241.65	Hồ Chí Minh	2295	51L-258.86	Hồ Chí Minh	3295	51L-267.85	Hồ Chí Minh
296	51L-249.44	Hồ Chí Minh	1296	51L-243.86	Hồ Chí Minh	2296	51L-259.39	Hồ Chí Minh	3296	51L-271.16	Hồ Chí Minh
297	51L-249.89	Hồ Chí Minh	1297	51L-245.86	Hồ Chí Minh	2297	51L-260.66	Hồ Chí Minh	3297	51L-271.59	Hồ Chí Minh
298	51L-250.16	Hồ Chí Minh	1298	51L-246.59	Hồ Chí Minh	2298	51L-264.77	Hồ Chí Minh	3298	51L-272.77	Hồ Chí Minh
299	51L-254.68	Hồ Chí Minh	1299	51L-249.77	Hồ Chí Minh	2299	51L-267.18	Hồ Chí Minh	3299	51L-273.08	Hồ Chí Minh
300	51L-259.25	Hồ Chí Minh	1300	51L-252.38	Hồ Chí Minh	2300	51L-268.85	Hồ Chí Minh	3300	51L-277.36	Hồ Chí Minh
301	51L-259.86	Hồ Chí Minh	1301	51L-252.96	Hồ Chí Minh	2301	51L-284.26	Hồ Chí Minh	3301	51L-277.72	Hồ Chí Minh
302	51L-261.88	Hồ Chí Minh	1302	51L-253.53	Hồ Chí Minh	2302	51L-284.55	Hồ Chí Minh	3302	51L-279.97	Hồ Chí Minh
303	51L-263.58	Hồ Chí Minh	1303	51L-254.77	Hồ Chí Minh	2303	51L-286.98	Hồ Chí Minh	3303	51L-280.68	Hồ Chí Minh
304	51L-263.89	Hồ Chí Minh	1304	51L-257.83	Hồ Chí Minh	2304	51L-287.86	Hồ Chí Minh	3304	51L-280.96	Hồ Chí Minh
305	51L-264.89	Hồ Chí Minh	1305	51L-258.98	Hồ Chí Minh	2305	51L-291.56	Hồ Chí Minh	3305	51L-282.26	Hồ Chí Minh
306	51L-268.06	Hồ Chí Minh	1306	51L-259.15	Hồ Chí Minh	2306	51L-292.55	Hồ Chí Minh	3306	51L-285.58	Hồ Chí Minh
307	51L-269.28	Hồ Chí Minh	1307	51L-261.06	Hồ Chí Minh	2307	51L-293.19	Hồ Chí Minh	3307	51L-286.65	Hồ Chí Minh
308	51L-271.39	Hồ Chí Minh	1308	51L-262.11	Hồ Chí Minh	2308	51L-295.00	Hồ Chí Minh	3308	51L-288.38	Hồ Chí Minh
309	51L-273.69	Hồ Chí Minh	1309	51L-266.26	Hồ Chí Minh	2309	51L-295.85	Hồ Chí Minh	3309	51L-291.33	Hồ Chí Minh
310	51L-277.06	Hồ Chí Minh	1310	51L-269.93	Hồ Chí Minh	2310	51L-301.38	Hồ Chí Minh	3310	51L-293.29	Hồ Chí Minh
311	51L-282.96	Hồ Chí Minh	1311	51L-271.65	Hồ Chí Minh	2311	51L-302.30	Hồ Chí Minh	3311	51L-293.98	Hồ Chí Minh
312	51L-283.15	Hồ Chí Minh	1312	51L-273.18	Hồ Chí Minh	2312	51L-302.39	Hồ Chí Minh	3312	51L-294.08	Hồ Chí Minh
313	51L-286.29	Hồ Chí Minh	1313	51L-273.79	Hồ Chí Minh	2313	51L-306.07	Hồ Chí Minh	3313	51L-296.15	Hồ Chí Minh
314	51L-290.33	Hồ Chí Minh	1314	51L-275.69	Hồ Chí Minh	2314	51L-307.26	Hồ Chí Minh	3314	51L-297.00	Hồ Chí Minh
315	51L-291.00	Hồ Chí Minh	1315	51L-277.15	Hồ Chí Minh	2315	51L-307.95	Hồ Chí Minh	3315	51L-304.39	Hồ Chí Minh
316	51L-293.56	Hồ Chí Minh	1316	51L-277.25	Hồ Chí Minh	2316	51L-310.16	Hồ Chí Minh	3316	51L-304.55	Hồ Chí Minh
317	51L-293.96	Hồ Chí Minh	1317	51L-279.28	Hồ Chí Minh	2317	51L-312.56	Hồ Chí Minh	3317	51L-308.85	Hồ Chí Minh
318	51L-298.38	Hồ Chí Minh	1318	51L-279.55	Hồ Chí Minh	2318	51L-316.22	Hồ Chí Minh	3318	51L-314.59	Hồ Chí Minh
319	51L-307.30	Hồ Chí Minh	1319	51L-279.77	Hồ Chí Minh	2319	51L-318.39	Hồ Chí Minh	3319	51L-315.96	Hồ Chí Minh
320	51L-307.35	Hồ Chí Minh	1320	51L-280.22	Hồ Chí Minh	2320	51L-319.18	Hồ Chí Minh	3320	51L-317.38	Hồ Chí Minh
321	51L-307.68	Hồ Chí Minh	1321	51L-281.59	Hồ Chí Minh	2321	51L-321.88	Hồ Chí Minh	3321	51L-319.24	Hồ Chí Minh
322	51L-312.19	Hồ Chí Minh	1322	51L-282.36	Hồ Chí Minh	2322	51L-324.44	Hồ Chí Minh	3322	51L-320.09	Hồ Chí Minh
323	51L-313.11	Hồ Chí Minh	1323	51L-285.83	Hồ Chí Minh	2323	51L-328.79	Hồ Chí Minh	3323	51L-320.19	Hồ Chí Minh
324	51L-313.85	Hồ Chí Minh	1324	51L-286.36	Hồ Chí Minh	2324	51L-330.09	Hồ Chí Minh	3324	51L-320.99	Hồ Chí Minh
325	51L-317.39	Hồ Chí Minh	1325	51L-287.00	Hồ Chí Minh	2325	51L-333.19	Hồ Chí Minh	3325	51L-323.25	Hồ Chí Minh
326	51L-318.31	Hồ Chí Minh	1326	51L-287.82	Hồ Chí Minh	2326	51L-336.38	Hồ Chí Minh	3326	51L-324.66	Hồ Chí Minh
327	51L-318.65	Hồ Chí Minh	1327	51L-288.00	Hồ Chí Minh	2327	51L-341.59	Hồ Chí Minh	3327	51L-325.59	Hồ Chí Minh
328	51L-319.13	Hồ Chí Minh	1328	51L-289.25	Hồ Chí Minh	2328	51L-341.86	Hồ Chí Minh	3328	51L-327.35	Hồ Chí Minh
329	51L-319.16	Hồ Chí Minh	1329	51L-289.68	Hồ Chí Minh	2329	51L-342.35	Hồ Chí Minh	3329	51L-328.39	Hồ Chí Minh
330	51L-319.73	Hồ Chí Minh	1330	51L-290.00	Hồ Chí Minh	2330	51L-343.36	Hồ Chí Minh	3330	51L-330.86	Hồ Chí Minh
331	51L-321.12	Hồ Chí Minh	1331	51L-290.88	Hồ Chí Minh	2331	51L-343.99	Hồ Chí Minh	3331	51L-331.08	Hồ Chí Minh
332	51L-322.55	Hồ Chí Minh	1332	51L-291.39	Hồ Chí Minh	2332	51L-347.22	Hồ Chí Minh	3332	51L-333.58	Hồ Chí Minh
333	51L-328.32	Hồ Chí Minh	1333	51L-292.89	Hồ Chí Minh	2333	51L-364.39	Hồ Chí Minh	3333	51L-334.09	Hồ Chí Minh
334	51L-330.66	Hồ Chí Minh	1334	51L-293.69	Hồ Chí Minh	2334	51L-389.96	Hồ Chí Minh	3334	51L-335.98	Hồ Chí Minh
335	51L-335.53	Hồ Chí Minh	1335	51L-293.99	Hồ Chí Minh	2335	51L-390.88	Hồ Chí Minh	3335	51L-337.11	Hồ Chí Minh
336	51L-336.56	Hồ Chí Minh	1336	51L-294.16	Hồ Chí Minh	2336	51L-392.77	Hồ Chí Minh	3336	51L-346.15	Hồ Chí Minh
337	51L-339.15	Hồ Chí Minh	1337	51L-294.55	Hồ Chí Minh	2337	51L-394.19	Hồ Chí Minh	3337	51L-347.83	Hồ Chí Minh
338	51L-339.38	Hồ Chí Minh	1338	51L-295.22	Hồ Chí Minh	2338	11A-112.56	Cao Bằng	3338	51L-349.43	Hồ Chí Minh
339	51L-343.29	Hồ Chí Minh	1339	51L-296.19	Hồ Chí Minh	2339	12A-222.35	Lạng Sơn	3339	51L-349.49	Hồ Chí Minh
340	51L-343.95	Hồ Chí Minh	1340	51L-297.06	Hồ Chí Minh	2340	12A-235.59	Lạng Sơn	3340	51L-349.98	Hồ Chí Minh
341	51L-346.56	Hồ Chí Minh	1341	51L-297.15	Hồ Chí Minh	2341	12A-236.28	Lạng Sơn	3341	51L-351.66	Hồ Chí Minh
342	51L-349.89	Hồ Chí Minh	1342	51L-297.65	Hồ Chí Minh	2342	12A-238.65	Lạng Sơn	3342	51L-364.46	Hồ Chí Minh
343	51L-351.55	Hồ Chí Minh	1343	51L-298.56	Hồ Chí Minh	2343	12A-238.99	Lạng Sơn	3343	51L-377.28	Hồ Chí Minh
344	51L-377.78	Hồ Chí Minh	1344	51L-299.77	Hồ Chí Minh	2344	12A-241.66	Lạng Sơn	3344	51L-389.25	Hồ Chí Minh
345	51L-393.65	Hồ Chí Minh	1345	51L-300.36	Hồ Chí Minh	2345	12A-242.11	Lạng Sơn	3345	51L-389.93	Hồ Chí Minh
346	11A-113.30	Cao Bằng	1346	51L-301.89	Hồ Chí Minh	2346	12A-242.88	Lạng Sơn	3346	51L-390.83	Hồ Chí Minh
347	11A-113.88	Cao Bằng	1347	51L-302.06	Hồ Chí Minh	2347	12A-243.38	Lạng Sơn	3347	51L-391.28	Hồ Chí Minh
348	11A-114.56	Cao Bằng	1348	51L-302.77	Hồ Chí Minh	2348	12C-128.86	Lạng Sơn	3348	11A-109.79	Cao Bằng
349	11A-114.88	Cao Bằng	1349	51L-303.08	Hồ Chí Minh	2349	12C-132.22	Lạng Sơn	3349	11A-110.09	Cao Bằng
350	11A-115.55	Cao Bằng	1350	51L-305.35	Hồ Chí Minh	2350	12C-133.31	Lạng Sơn	3350	11A-114.24	Cao Bằng
351	11C-070.07	Cao Bằng	1351	51L-306.06	Hồ Chí Minh	2351	14A-837.77	Quảng Ninh	3351	11A-115.08	Cao Bằng

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
352	12A-221.86	Lạng Sơn	1352	51L-307.19	Hồ Chí Minh	2352	14A-842.88	Quảng Ninh	3352	11A-116.16	Cao Bằng
353	12A-233.77	Lạng Sơn	1353	51L-308.29	Hồ Chí Minh	2353	14A-852.26	Quảng Ninh	3353	11C-071.71	Cao Bằng
354	12A-234.38	Lạng Sơn	1354	51L-311.22	Hồ Chí Minh	2354	14A-854.66	Quảng Ninh	3354	12A-228.28	Lạng Sơn
355	12A-236.95	Lạng Sơn	1355	51L-311.79	Hồ Chí Minh	2355	14A-855.65	Quảng Ninh	3355	12A-233.92	Lạng Sơn
356	12A-237.18	Lạng Sơn	1356	51L-312.86	Hồ Chí Minh	2356	14A-856.93	Quảng Ninh	3356	12A-234.95	Lạng Sơn
357	12A-238.08	Lạng Sơn	1357	51L-313.38	Hồ Chí Minh	2357	14A-857.18	Quảng Ninh	3357	12A-237.56	Lạng Sơn
358	12A-240.15	Lạng Sơn	1358	51L-313.65	Hồ Chí Minh	2358	14A-857.95	Quảng Ninh	3358	12A-239.44	Lạng Sơn
359	12A-240.39	Lạng Sơn	1359	51L-319.87	Hồ Chí Minh	2359	14A-860.29	Quảng Ninh	3359	12A-240.24	Lạng Sơn
360	12A-240.68	Lạng Sơn	1360	51L-324.85	Hồ Chí Minh	2360	14A-861.09	Quảng Ninh	3360	12A-242.68	Lạng Sơn
361	12A-240.88	Lạng Sơn	1361	51L-325.28	Hồ Chí Minh	2361	14A-862.19	Quảng Ninh	3361	12A-243.18	Lạng Sơn
362	12A-241.26	Lạng Sơn	1362	51L-325.35	Hồ Chí Minh	2362	14A-862.98	Quảng Ninh	3362	12A-243.69	Lạng Sơn
363	12A-243.16	Lạng Sơn	1363	51L-327.16	Hồ Chí Minh	2363	14A-865.09	Quảng Ninh	3363	12C-128.69	Lạng Sơn
364	12C-128.28	Lạng Sơn	1364	51L-328.00	Hồ Chí Minh	2364	14A-866.55	Quảng Ninh	3364	12C-129.69	Lạng Sơn
365	12C-129.68	Lạng Sơn	1365	51L-328.28	Hồ Chí Minh	2365	14A-869.11	Quảng Ninh	3365	12C-133.35	Lạng Sơn
366	12C-133.44	Lạng Sơn	1366	51L-333.24	Hồ Chí Minh	2366	14A-869.38	Quảng Ninh	3366	14A-842.36	Quảng Ninh
367	14A-844.55	Quảng Ninh	1367	51L-333.59	Hồ Chí Minh	2367	14A-872.59	Quảng Ninh	3367	14A-852.15	Quảng Ninh
368	14A-851.62	Quảng Ninh	1368	51L-334.33	Hồ Chí Minh	2368	14A-876.33	Quảng Ninh	3368	14A-852.59	Quảng Ninh
369	14A-852.66	Quảng Ninh	1369	51L-346.18	Hồ Chí Minh	2369	14A-876.66	Quảng Ninh	3369	14A-856.18	Quảng Ninh
370	14A-854.58	Quảng Ninh	1370	51L-348.16	Hồ Chí Minh	2370	14A-878.00	Quảng Ninh	3370	14A-857.85	Quảng Ninh
371	14A-855.35	Quảng Ninh	1371	51L-348.25	Hồ Chí Minh	2371	14A-878.18	Quảng Ninh	3371	14A-859.36	Quảng Ninh
372	14A-857.99	Quảng Ninh	1372	51L-349.55	Hồ Chí Minh	2372	14A-879.19	Quảng Ninh	3372	14A-860.09	Quảng Ninh
373	14A-859.39	Quảng Ninh	1373	51L-350.15	Hồ Chí Minh	2373	14A-880.99	Quảng Ninh	3373	14A-862.26	Quảng Ninh
374	14A-869.36	Quảng Ninh	1374	51L-351.18	Hồ Chí Minh	2374	14A-881.55	Quảng Ninh	3374	14A-866.44	Quảng Ninh
375	14A-869.65	Quảng Ninh	1375	51L-376.88	Hồ Chí Minh	2375	14A-888.59	Quảng Ninh	3375	14A-872.77	Quảng Ninh
376	14A-870.11	Quảng Ninh	1376	51L-388.11	Hồ Chí Minh	2376	14C-399.55	Quảng Ninh	3376	14A-876.98	Quảng Ninh
377	14A-872.15	Quảng Ninh	1377	51L-390.29	Hồ Chí Minh	2377	14C-400.04	Quảng Ninh	3377	14A-877.35	Quảng Ninh
378	14A-875.11	Quảng Ninh	1378	51L-391.35	Hồ Chí Minh	2378	14C-400.99	Quảng Ninh	3378	14A-878.36	Quảng Ninh
379	14A-877.26	Quảng Ninh	1379	51L-392.83	Hồ Chí Minh	2379	14C-401.00	Quảng Ninh	3379	14A-881.95	Quảng Ninh
380	14A-878.25	Quảng Ninh	1380	11A-112.89	Cao Bằng	2380	14C-404.29	Quảng Ninh	3380	14A-882.65	Quảng Ninh
381	14A-882.77	Quảng Ninh	1381	11C-072.06	Cao Bằng	2381	14C-404.79	Quảng Ninh	3381	14A-884.83	Quảng Ninh
382	14A-883.39	Quảng Ninh	1382	12A-225.39	Lạng Sơn	2382	14C-406.04	Quảng Ninh	3382	14A-885.44	Quảng Ninh
383	14A-883.85	Quảng Ninh	1383	12A-225.89	Lạng Sơn	2383	15C-461.16	Hải Phòng	3383	14A-887.39	Quảng Ninh
384	14A-884.29	Quảng Ninh	1384	12A-226.69	Lạng Sơn	2384	15K-222.08	Hải Phòng	3384	14C-389.79	Quảng Ninh
385	14A-885.77	Quảng Ninh	1385	12A-234.22	Lạng Sơn	2385	15K-222.18	Hải Phòng	3385	14C-399.35	Quảng Ninh
386	14A-885.82	Quảng Ninh	1386	12A-237.19	Lạng Sơn	2386	15K-224.26	Hải Phòng	3386	14C-400.11	Quảng Ninh
387	14A-886.44	Quảng Ninh	1387	12A-239.22	Lạng Sơn	2387	15K-229.22	Hải Phòng	3387	14C-401.95	Quảng Ninh
388	14A-888.02	Quảng Ninh	1388	12C-132.33	Lạng Sơn	2388	15K-231.89	Hải Phòng	3388	14C-404.86	Quảng Ninh
389	14C-390.86	Quảng Ninh	1389	14A-850.99	Quảng Ninh	2389	15K-243.16	Hải Phòng	3389	14C-405.26	Quảng Ninh
390	14C-400.98	Quảng Ninh	1390	14A-851.08	Quảng Ninh	2390	15K-244.58	Hải Phòng	3390	15C-449.94	Hải Phòng
391	14C-402.02	Quảng Ninh	1391	14A-852.88	Quảng Ninh	2391	15K-247.83	Hải Phòng	3391	15C-450.00	Hải Phòng
392	14C-404.26	Quảng Ninh	1392	14A-857.58	Quảng Ninh	2392	15K-248.79	Hải Phòng	3392	15K-219.22	Hải Phòng
393	14C-405.04	Quảng Ninh	1393	14A-857.69	Quảng Ninh	2393	15K-250.09	Hải Phòng	3393	15K-220.08	Hải Phòng
394	14C-406.56	Quảng Ninh	1394	14A-860.95	Quảng Ninh	2394	15K-250.18	Hải Phòng	3394	15K-220.59	Hải Phòng
395	14C-406.66	Quảng Ninh	1395	14A-863.59	Quảng Ninh	2395	15K-250.85	Hải Phòng	3395	15K-226.19	Hải Phòng
396	14C-406.99	Quảng Ninh	1396	14A-867.28	Quảng Ninh	2396	15K-251.77	Hải Phòng	3396	15K-226.58	Hải Phòng
397	15C-444.78	Hải Phòng	1397	14A-870.65	Quảng Ninh	2397	15K-251.89	Hải Phòng	3397	15K-235.26	Hải Phòng
398	15K-201.01	Hải Phòng	1398	14A-871.96	Quảng Ninh	2398	15K-252.29	Hải Phòng	3398	15K-236.18	Hải Phòng
399	15K-223.85	Hải Phòng	1399	14A-874.65	Quảng Ninh	2399	15K-252.86	Hải Phòng	3399	15K-247.42	Hải Phòng
400	15K-225.39	Hải Phòng	1400	14A-881.29	Quảng Ninh	2400	15K-254.06	Hải Phòng	3400	15K-249.15	Hải Phòng
401	15K-239.33	Hải Phòng	1401	14A-886.39	Quảng Ninh	2401	15K-254.99	Hải Phòng	3401	15K-250.56	Hải Phòng
402	15K-241.08	Hải Phòng	1402	14A-887.33	Quảng Ninh	2402	15K-257.66	Hải Phòng	3402	15K-255.35	Hải Phòng
403	15K-245.98	Hải Phòng	1403	14A-890.44	Quảng Ninh	2403	15K-260.28	Hải Phòng	3403	15K-256.19	Hải Phòng
404	15K-246.08	Hải Phòng	1404	14C-390.66	Quảng Ninh	2404	15K-260.66	Hải Phòng	3404	15K-258.19	Hải Phòng
405	15K-247.11	Hải Phòng	1405	14C-395.68	Quảng Ninh	2405	15K-263.39	Hải Phòng	3405	15K-262.85	Hải Phòng
406	15K-248.84	Hải Phòng	1406	14C-398.69	Quảng Ninh	2406	15K-263.62	Hải Phòng	3406	15K-263.00	Hải Phòng
407	15K-249.38	Hải Phòng	1407	14C-400.56	Quảng Ninh	2407	15K-265.25	Hải Phòng	3407	15K-264.58	Hải Phòng
408	15K-253.99	Hải Phòng	1408	14C-401.08	Quảng Ninh	2408	15K-267.76	Hải Phòng	3408	15K-264.59	Hải Phòng
409	15K-254.59	Hải Phòng	1409	14C-402.35	Quảng Ninh	2409	15K-267.77	Hải Phòng	3409	15K-270.33	Hải Phòng
410	15K-255.44	Hải Phòng	1410	14C-403.26	Quảng Ninh	2410	17A-401.01	Thái Bình	3410	17A-402.86	Thái Bình

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
411	15K-255.58	Hải Phòng	1411	14D-025.58	Quảng Ninh	2411	17A-401.39	Thái Bình	3411	17A-416.85	Thái Bình
412	15K-257.68	Hải Phòng	1412	15C-448.48	Hải Phòng	2412	17A-410.69	Thái Bình	3412	17A-418.59	Thái Bình
413	15K-258.52	Hải Phòng	1413	15C-457.99	Hải Phòng	2413	17A-411.22	Thái Bình	3413	17A-419.06	Thái Bình
414	15K-260.44	Hải Phòng	1414	15C-462.55	Hải Phòng	2414	17A-418.18	Thái Bình	3414	17A-421.44	Thái Bình
415	15K-261.06	Hải Phòng	1415	15K-200.33	Hải Phòng	2415	17A-418.79	Thái Bình	3415	17A-423.98	Thái Bình
416	15K-261.25	Hải Phòng	1416	15K-200.55	Hải Phòng	2416	17A-418.89	Thái Bình	3416	17A-424.24	Thái Bình
417	15K-261.66	Hải Phòng	1417	15K-201.39	Hải Phòng	2417	17A-420.26	Thái Bình	3417	17A-425.35	Thái Bình
418	15K-264.46	Hải Phòng	1418	15K-211.79	Hải Phòng	2418	17A-427.77	Thái Bình	3418	17A-427.15	Thái Bình
419	15K-266.59	Hải Phòng	1419	15K-216.39	Hải Phòng	2419	17A-429.25	Thái Bình	3419	17A-427.68	Thái Bình
420	15K-270.68	Hải Phòng	1420	15K-218.33	Hải Phòng	2420	17A-430.29	Thái Bình	3420	17A-428.36	Thái Bình
421	15K-271.08	Hải Phòng	1421	15K-220.19	Hải Phòng	2421	17A-432.32	Thái Bình	3421	17A-430.35	Thái Bình
422	17A-405.79	Thái Bình	1422	15K-231.38	Hải Phòng	2422	17A-434.09	Thái Bình	3422	17A-431.79	Thái Bình
423	17A-407.66	Thái Bình	1423	15K-240.79	Hải Phòng	2423	17A-436.11	Thái Bình	3423	17A-433.11	Thái Bình
424	17A-410.79	Thái Bình	1424	15K-242.59	Hải Phòng	2424	17A-439.00	Thái Bình	3424	17A-435.29	Thái Bình
425	17A-412.33	Thái Bình	1425	15K-243.28	Hải Phòng	2425	17A-440.00	Thái Bình	3425	17A-436.08	Thái Bình
426	17A-413.39	Thái Bình	1426	15K-246.29	Hải Phòng	2426	17C-200.66	Thái Bình	3426	17A-440.26	Thái Bình
427	17A-413.99	Thái Bình	1427	15K-247.19	Hải Phòng	2427	17C-202.18	Thái Bình	3427	17C-198.66	Thái Bình
428	17A-414.39	Thái Bình	1428	15K-247.44	Hải Phòng	2428	18A-401.39	Nam Định	3428	17C-199.29	Thái Bình
429	17A-421.11	Thái Bình	1429	15K-248.65	Hải Phòng	2429	18A-402.85	Nam Định	3429	18A-407.08	Nam Định
430	17A-422.88	Thái Bình	1430	15K-249.18	Hải Phòng	2430	18A-407.22	Nam Định	3430	18A-408.18	Nam Định
431	17A-424.65	Thái Bình	1431	15K-250.59	Hải Phòng	2431	18A-408.86	Nam Định	3431	18A-412.12	Nam Định
432	17A-425.15	Thái Bình	1432	15K-253.85	Hải Phòng	2432	18A-410.39	Nam Định	3432	18A-413.33	Nam Định
433	17A-425.77	Thái Bình	1433	15K-256.77	Hải Phòng	2433	18A-410.86	Nam Định	3433	18A-413.65	Nam Định
434	17A-428.79	Thái Bình	1434	15K-256.85	Hải Phòng	2434	18A-412.56	Nam Định	3434	18A-413.83	Nam Định
435	17A-429.44	Thái Bình	1435	15K-259.36	Hải Phòng	2435	18A-413.59	Nam Định	3435	18A-414.06	Nam Định
436	17A-434.22	Thái Bình	1436	15K-259.98	Hải Phòng	2436	18A-418.28	Nam Định	3436	18A-415.51	Nam Định
437	17A-435.06	Thái Bình	1437	15K-260.00	Hải Phòng	2437	18A-418.81	Nam Định	3437	18A-416.79	Nam Định
438	17A-436.89	Thái Bình	1438	15K-260.18	Hải Phòng	2438	18A-419.25	Nam Định	3438	18A-417.96	Nam Định
439	17A-439.33	Thái Bình	1439	15K-263.96	Hải Phòng	2439	18A-419.85	Nam Định	3439	18A-419.44	Nam Định
440	17C-196.22	Thái Bình	1440	15K-264.18	Hải Phòng	2440	18A-420.02	Nam Định	3440	18A-421.38	Nam Định
441	17C-199.55	Thái Bình	1441	15K-267.29	Hải Phòng	2441	18A-420.11	Nam Định	3441	18A-426.65	Nam Định
442	17C-199.78	Thái Bình	1442	15K-271.58	Hải Phòng	2442	18A-422.85	Nam Định	3442	18A-427.08	Nam Định
443	17C-199.91	Thái Bình	1443	17A-397.39	Thái Bình	2443	18A-424.65	Nam Định	3443	18A-427.28	Nam Định
444	17C-201.26	Thái Bình	1444	17A-400.55	Thái Bình	2444	18A-425.52	Nam Định	3444	18A-430.89	Nam Định
445	18A-402.02	Nam Định	1445	17A-412.68	Thái Bình	2445	18A-426.85	Nam Định	3445	18A-431.09	Nam Định
446	18A-407.85	Nam Định	1446	17A-416.15	Thái Bình	2446	18A-430.59	Nam Định	3446	18A-431.19	Nam Định
447	18A-408.16	Nam Định	1447	17A-418.66	Thái Bình	2447	18A-433.99	Nam Định	3447	18A-432.23	Nam Định
448	18A-409.86	Nam Định	1448	17A-418.98	Thái Bình	2448	18A-434.98	Nam Định	3448	18A-432.68	Nam Định
449	18A-410.58	Nam Định	1449	17A-420.55	Thái Bình	2449	18C-151.51	Nam Định	3449	18A-433.89	Nam Định
450	18A-411.83	Nam Định	1450	17A-421.15	Thái Bình	2450	18C-151.79	Nam Định	3450	18C-158.08	Nam Định
451	18A-413.14	Nam Định	1451	17A-422.38	Thái Bình	2451	18C-155.36	Nam Định	3451	18C-158.09	Nam Định
452	18A-414.15	Nam Định	1452	17A-424.06	Thái Bình	2452	19A-562.39	Phú Thọ	3452	19A-562.22	Phú Thọ
453	18A-414.83	Nam Định	1453	17A-426.56	Thái Bình	2453	19A-576.39	Phú Thọ	3453	19A-574.88	Phú Thọ
454	18A-416.22	Nam Định	1454	17A-426.99	Thái Bình	2454	19A-580.08	Phú Thọ	3454	19A-576.78	Phú Thọ
455	18A-417.14	Nam Định	1455	17A-430.99	Thái Bình	2455	19A-583.06	Phú Thọ	3455	19A-592.08	Phú Thọ
456	18A-417.56	Nam Định	1456	17A-432.23	Thái Bình	2456	19A-585.08	Phú Thọ	3456	19A-592.66	Phú Thọ
457	18A-417.88	Nam Định	1457	17A-433.25	Thái Bình	2457	19A-587.68	Phú Thọ	3457	19A-594.66	Phú Thọ
458	18A-422.86	Nam Định	1458	17A-433.68	Thái Bình	2458	19A-592.26	Phú Thọ	3458	19A-596.35	Phú Thọ
459	18A-423.11	Nam Định	1459	17A-434.88	Thái Bình	2459	19A-592.68	Phú Thọ	3459	19A-597.67	Phú Thọ
460	18A-423.98	Nam Định	1460	17A-435.88	Thái Bình	2460	19A-595.16	Phú Thọ	3460	19A-599.93	Phú Thọ
461	18A-424.38	Nam Định	1461	17C-196.56	Thái Bình	2461	19A-596.25	Phú Thọ	3461	19A-600.60	Phú Thọ
462	18A-424.66	Nam Định	1462	17C-197.77	Thái Bình	2462	19A-597.68	Phú Thọ	3462	19A-601.15	Phú Thọ
463	18A-427.16	Nam Định	1463	17C-199.97	Thái Bình	2463	19A-602.66	Phú Thọ	3463	19A-604.08	Phú Thọ
464	18A-430.26	Nam Định	1464	17C-200.36	Thái Bình	2464	19A-603.68	Phú Thọ	3464	19A-606.25	Phú Thọ
465	18A-431.26	Nam Định	1465	18A-402.11	Nam Định	2465	19A-603.79	Phú Thọ	3465	19A-606.60	Phú Thọ
466	18A-435.39	Nam Định	1466	18A-407.65	Nam Định	2466	19A-605.08	Phú Thọ	3466	19A-609.33	Phú Thọ
467	18C-158.15	Nam Định	1467	18A-408.25	Nam Định	2467	19A-606.09	Phú Thọ	3467	19A-609.96	Phú Thọ
468	19A-566.77	Phú Thọ	1468	18A-409.28	Nam Định	2468	19A-608.89	Phú Thọ	3468	19A-611.55	Phú Thọ
469	19A-577.08	Phú Thọ	1469	18A-410.19	Nam Định	2469	19A-610.44	Phú Thọ	3469	19A-611.68	Phú Thọ

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
470	19A-577.33	Phú Thọ	1470	18A-410.99	Nam Định	2470	19A-611.09	Phú Thọ	3470	19A-612.13	Phú Thọ
471	19A-578.55	Phú Thọ	1471	18A-413.06	Nam Định	2471	19A-611.56	Phú Thọ	3471	19A-612.65	Phú Thọ
472	19A-579.11	Phú Thọ	1472	18A-413.29	Nam Định	2472	19A-612.12	Phú Thọ	3472	19A-616.29	Phú Thọ
473	19A-580.11	Phú Thọ	1473	18A-413.41	Nam Định	2473	19A-614.15	Phú Thọ	3473	19A-618.29	Phú Thọ
474	19A-588.18	Phú Thọ	1474	18A-414.36	Nam Định	2474	19A-615.56	Phú Thọ	3474	19A-618.93	Phú Thọ
475	19A-590.09	Phú Thọ	1475	18A-417.09	Nam Định	2475	19A-616.58	Phú Thọ	3475	19A-619.59	Phú Thọ
476	19A-590.66	Phú Thọ	1476	18A-417.77	Nam Định	2476	19A-617.28	Phú Thọ	3476	19C-232.56	Phú Thọ
477	19A-591.18	Phú Thọ	1477	18A-419.35	Nam Định	2477	19A-617.77	Phú Thọ	3477	19C-235.89	Phú Thọ
478	19A-592.77	Phú Thọ	1478	18A-419.91	Nam Định	2478	19A-620.00	Phú Thọ	3478	20A-707.68	Thái Nguyên
479	19A-593.55	Phú Thọ	1479	18A-419.98	Nam Định	2479	20A-703.68	Thái Nguyên	3479	20A-709.39	Thái Nguyên
480	19A-595.33	Phú Thọ	1480	18A-423.28	Nam Định	2480	20A-707.39	Thái Nguyên	3480	20A-720.00	Thái Nguyên
481	19A-595.93	Phú Thọ	1481	18A-423.35	Nam Định	2481	20A-723.69	Thái Nguyên	3481	20A-726.18	Thái Nguyên
482	19A-597.56	Phú Thọ	1482	18A-425.11	Nam Định	2482	20A-725.79	Thái Nguyên	3482	20A-727.06	Thái Nguyên
483	19A-600.16	Phú Thọ	1483	18A-426.33	Nam Định	2483	20A-728.08	Thái Nguyên	3483	20A-727.85	Thái Nguyên
484	19A-600.66	Phú Thọ	1484	18A-426.83	Nam Định	2484	20A-729.92	Thái Nguyên	3484	20A-728.09	Thái Nguyên
485	19A-600.93	Phú Thọ	1485	18A-427.42	Nam Định	2485	20A-732.82	Thái Nguyên	3485	20A-728.86	Thái Nguyên
486	19A-601.13	Phú Thọ	1486	18A-435.25	Nam Định	2486	20A-732.83	Thái Nguyên	3486	20A-733.76	Thái Nguyên
487	19A-602.36	Phú Thọ	1487	18C-152.77	Nam Định	2487	20A-732.89	Thái Nguyên	3487	20A-734.59	Thái Nguyên
488	19A-604.88	Phú Thọ	1488	19A-575.79	Phú Thọ	2488	20A-733.86	Thái Nguyên	3488	20A-734.68	Thái Nguyên
489	19A-606.96	Phú Thọ	1489	19A-580.69	Phú Thọ	2489	20A-734.58	Thái Nguyên	3489	20A-738.08	Thái Nguyên
490	19A-609.09	Phú Thọ	1490	19A-590.89	Phú Thọ	2490	20A-734.98	Thái Nguyên	3490	20A-738.33	Thái Nguyên
491	19A-611.15	Phú Thọ	1491	19A-596.82	Phú Thọ	2491	20A-735.35	Thái Nguyên	3491	20A-738.77	Thái Nguyên
492	19A-617.17	Phú Thọ	1492	19A-597.96	Phú Thọ	2492	20A-735.92	Thái Nguyên	3492	20A-739.77	Thái Nguyên
493	19A-617.85	Phú Thọ	1493	19A-602.68	Phú Thọ	2493	20A-737.29	Thái Nguyên	3493	20A-744.25	Thái Nguyên
494	19A-619.08	Phú Thọ	1494	19A-605.09	Phú Thọ	2494	20A-742.99	Thái Nguyên	3494	20A-745.68	Thái Nguyên
495	19C-230.00	Phú Thọ	1495	19A-606.07	Phú Thọ	2495	20A-743.43	Thái Nguyên	3495	20A-746.64	Thái Nguyên
496	19C-233.39	Phú Thọ	1496	19A-607.44	Phú Thọ	2496	20A-744.44	Thái Nguyên	3496	20A-747.29	Thái Nguyên
497	19C-236.59	Phú Thọ	1497	19A-609.68	Phú Thọ	2497	20A-745.25	Thái Nguyên	3497	20A-749.39	Thái Nguyên
498	20A-704.86	Thái Nguyên	1498	19A-610.00	Phú Thọ	2498	20A-745.36	Thái Nguyên	3498	20A-750.28	Thái Nguyên
499	20A-705.69	Thái Nguyên	1499	19A-610.16	Phú Thọ	2499	20A-749.29	Thái Nguyên	3499	20A-750.68	Thái Nguyên
500	20A-712.88	Thái Nguyên	1500	19A-611.89	Phú Thọ	2500	20A-750.89	Thái Nguyên	3500	20A-751.66	Thái Nguyên
501	20A-720.86	Thái Nguyên	1501	19A-612.39	Phú Thọ	2501	20A-753.89	Thái Nguyên	3501	20A-753.56	Thái Nguyên
502	20A-725.38	Thái Nguyên	1502	19A-614.96	Phú Thọ	2502	20A-755.85	Thái Nguyên	3502	20A-756.86	Thái Nguyên
503	20A-725.69	Thái Nguyên	1503	19A-617.36	Phú Thọ	2503	20A-756.85	Thái Nguyên	3503	20A-764.28	Thái Nguyên
504	20A-727.56	Thái Nguyên	1504	19A-621.08	Phú Thọ	2504	20A-757.22	Thái Nguyên	3504	20A-764.66	Thái Nguyên
505	20A-732.19	Thái Nguyên	1505	19C-233.59	Phú Thọ	2505	20A-757.58	Thái Nguyên	3505	20C-269.39	Thái Nguyên
506	20A-732.63	Thái Nguyên	1506	19C-236.77	Phú Thọ	2506	20A-757.95	Thái Nguyên	3506	20C-279.89	Thái Nguyên
507	20A-735.28	Thái Nguyên	1507	20A-706.99	Thái Nguyên	2507	20A-758.89	Thái Nguyên	3507	20C-280.58	Thái Nguyên
508	20A-737.39	Thái Nguyên	1508	20A-710.99	Thái Nguyên	2508	20A-760.15	Thái Nguyên	3508	20C-281.55	Thái Nguyên
509	20A-738.15	Thái Nguyên	1509	20A-712.66	Thái Nguyên	2509	20A-761.44	Thái Nguyên	3509	20C-285.08	Thái Nguyên
510	20A-744.08	Thái Nguyên	1510	20A-720.59	Thái Nguyên	2510	20C-271.11	Thái Nguyên	3510	20C-285.35	Thái Nguyên
511	20A-746.06	Thái Nguyên	1511	20A-725.68	Thái Nguyên	2511	20C-286.19	Thái Nguyên	3511	20C-285.89	Thái Nguyên
512	20A-747.48	Thái Nguyên	1512	20A-729.09	Thái Nguyên	2512	20C-287.36	Thái Nguyên	3512	20C-287.56	Thái Nguyên
513	20A-748.25	Thái Nguyên	1513	20A-733.83	Thái Nguyên	2513	20D-027.59	Thái Nguyên	3513	20D-027.39	Thái Nguyên
514	20A-749.06	Thái Nguyên	1514	20A-736.19	Thái Nguyên	2514	21A-180.89	Yên Bái	3514	21A-179.66	Yên Bái
515	20A-750.35	Thái Nguyên	1515	20A-736.38	Thái Nguyên	2515	21A-182.66	Yên Bái	3515	21A-183.96	Yên Bái
516	20A-751.36	Thái Nguyên	1516	20A-736.79	Thái Nguyên	2516	21A-185.22	Yên Bái	3516	21A-185.09	Yên Bái
517	20A-752.83	Thái Nguyên	1517	20A-737.22	Thái Nguyên	2517	21A-187.00	Yên Bái	3517	21A-185.50	Yên Bái
518	20A-753.65	Thái Nguyên	1518	20A-738.18	Thái Nguyên	2518	21A-190.36	Yên Bái	3518	21A-185.63	Yên Bái
519	20A-754.08	Thái Nguyên	1519	20A-741.41	Thái Nguyên	2519	21A-192.98	Yên Bái	3519	21A-185.77	Yên Bái
520	20A-754.58	Thái Nguyên	1520	20A-743.85	Thái Nguyên	2520	21A-194.39	Yên Bái	3520	21A-186.15	Yên Bái
521	20A-760.38	Thái Nguyên	1521	20A-747.06	Thái Nguyên	2521	21C-098.26	Yên Bái	3521	21A-188.38	Yên Bái
522	20A-761.00	Thái Nguyên	1522	20A-751.08	Thái Nguyên	2522	21C-098.85	Yên Bái	3522	21A-188.98	Yên Bái
523	20A-761.15	Thái Nguyên	1523	20A-753.98	Thái Nguyên	2523	21D-003.38	Yên Bái	3523	21A-191.29	Yên Bái
524	20A-761.56	Thái Nguyên	1524	20A-757.55	Thái Nguyên	2524	22A-219.08	Tuyên Quang	3524	21A-192.96	Yên Bái
525	20A-761.77	Thái Nguyên	1525	20A-759.11	Thái Nguyên	2525	22A-225.26	Tuyên Quang	3525	21A-193.26	Yên Bái
526	20A-764.09	Thái Nguyên	1526	20A-760.16	Thái Nguyên	2526	22A-227.69	Tuyên Quang	3526	21C-098.11	Yên Bái
527	20C-279.06	Thái Nguyên	1527	20A-761.19	Thái Nguyên	2527	22A-232.12	Tuyên Quang	3527	22A-211.79	Tuyên Quang
528	20C-279.33	Thái Nguyên	1528	20A-762.77	Thái Nguyên	2528	22A-234.29	Tuyên Quang	3528	22A-211.88	Tuyên Quang

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
529	20C-282.55	Thái Nguyên	1529	20A-763.11	Thái Nguyên	2529	22C-101.33	Tuyên Quang	3529	22A-212.39	Tuyên Quang
530	20C-285.16	Thái Nguyên	1530	20A-763.95	Thái Nguyên	2530	23A-140.68	Hà Giang	3530	22A-212.68	Tuyên Quang
531	21A-183.82	Yên Bái	1531	20A-764.64	Thái Nguyên	2531	23A-143.39	Hà Giang	3531	22A-217.79	Tuyên Quang
532	21A-184.77	Yên Bái	1532	20C-276.67	Thái Nguyên	2532	23A-143.99	Hà Giang	3532	22A-220.56	Tuyên Quang
533	21A-187.66	Yên Bái	1533	20C-277.79	Thái Nguyên	2533	23A-146.06	Hà Giang	3533	22A-220.68	Tuyên Quang
534	21A-188.36	Yên Bái	1534	20C-279.38	Thái Nguyên	2534	23B-007.55	Hà Giang	3534	22A-221.59	Tuyên Quang
535	21A-189.79	Yên Bái	1535	20C-281.26	Thái Nguyên	2535	23C-080.16	Hà Giang	3535	22A-222.77	Tuyên Quang
536	21A-190.08	Yên Bái	1536	21A-185.66	Yên Bái	2536	23C-080.28	Hà Giang	3536	22A-224.55	Tuyên Quang
537	21A-191.25	Yên Bái	1537	21A-189.16	Yên Bái	2537	23C-080.33	Hà Giang	3537	22A-229.56	Tuyên Quang
538	21A-192.56	Yên Bái	1538	21A-189.18	Yên Bái	2538	23C-081.55	Hà Giang	3538	22A-234.11	Tuyên Quang
539	21A-193.35	Yên Bái	1539	21A-191.19	Yên Bái	2539	24A-257.57	Lào Cai	3539	22A-235.82	Tuyên Quang
540	21C-096.33	Yên Bái	1540	21A-191.65	Yên Bái	2540	24A-262.98	Lào Cai	3540	23A-135.39	Hà Giang
541	21C-097.66	Yên Bái	1541	21A-194.38	Yên Bái	2541	24A-263.95	Lào Cai	3541	23A-140.96	Hà Giang
542	22A-220.79	Tuyên Quang	1542	21C-097.06	Yên Bái	2542	24A-265.06	Lào Cai	3542	23A-143.35	Hà Giang
543	22A-221.79	Tuyên Quang	1543	21C-097.55	Yên Bái	2543	24A-267.19	Lào Cai	3543	23A-145.09	Hà Giang
544	22A-225.05	Tuyên Quang	1544	21C-098.06	Yên Bái	2544	24A-269.08	Lào Cai	3544	23C-080.56	Hà Giang
545	22A-225.77	Tuyên Quang	1545	21C-098.35	Yên Bái	2545	24A-270.35	Lào Cai	3545	24A-260.98	Lào Cai
546	22A-228.33	Tuyên Quang	1546	21C-098.59	Yên Bái	2546	24A-270.65	Lào Cai	3546	24A-264.08	Lào Cai
547	22A-230.26	Tuyên Quang	1547	22A-217.88	Tuyên Quang	2547	24B-015.59	Lào Cai	3547	24A-269.58	Lào Cai
548	22A-231.31	Tuyên Quang	1548	22A-220.69	Tuyên Quang	2548	24C-147.77	Lào Cai	3548	24A-269.77	Lào Cai
549	22A-231.38	Tuyên Quang	1549	22A-221.33	Tuyên Quang	2549	24C-149.89	Lào Cai	3549	24C-148.69	Lào Cai
550	22C-100.88	Tuyên Quang	1550	22A-222.08	Tuyên Quang	2550	24C-150.50	Lào Cai	3550	24C-151.65	Lào Cai
551	23A-135.86	Hà Giang	1551	22A-226.19	Tuyên Quang	2551	24C-150.55	Lào Cai	3551	25A-074.66	Lai Châu
552	23A-137.89	Hà Giang	1552	22A-229.08	Tuyên Quang	2552	24C-151.68	Lào Cai	3552	25C-052.39	Lai Châu
553	23A-139.98	Hà Giang	1553	22A-232.35	Tuyên Quang	2553	24C-151.95	Lào Cai	3553	26A-185.39	Sơn La
554	23A-140.99	Hà Giang	1554	22A-233.55	Tuyên Quang	2554	24C-151.99	Lào Cai	3554	26A-193.55	Sơn La
555	23A-141.41	Hà Giang	1555	22A-234.09	Tuyên Quang	2555	24C-153.51	Lào Cai	3555	26A-194.19	Sơn La
556	23A-142.26	Hà Giang	1556	23A-141.83	Hà Giang	2556	24C-153.54	Lào Cai	3556	26A-198.96	Sơn La
557	23A-143.11	Hà Giang	1557	23A-142.86	Hà Giang	2557	24D-005.85	Lào Cai	3557	26A-199.93	Sơn La
558	23A-144.15	Hà Giang	1558	23A-144.11	Hà Giang	2558	25C-052.59	Lai Châu	3558	26A-202.66	Sơn La
559	23A-145.54	Hà Giang	1559	23A-144.33	Hà Giang	2559	26A-190.88	Sơn La	3559	26A-205.16	Sơn La
560	23D-004.11	Hà Giang	1560	23A-145.14	Hà Giang	2560	26A-192.19	Sơn La	3560	26A-206.15	Sơn La
561	24A-262.63	Lào Cai	1561	23C-079.97	Hà Giang	2561	26A-195.36	Sơn La	3561	26C-136.66	Sơn La
562	24A-263.38	Lào Cai	1562	23C-080.18	Hà Giang	2562	26A-196.28	Sơn La	3562	26C-138.39	Sơn La
563	24A-267.35	Lào Cai	1563	23D-004.18	Hà Giang	2563	26A-196.88	Sơn La	3563	26C-146.08	Sơn La
564	24A-268.28	Lào Cai	1564	24A-261.35	Lào Cai	2564	26A-197.26	Sơn La	3564	27A-105.85	Điện Biên
565	24A-271.66	Lào Cai	1565	24A-263.77	Lào Cai	2565	26A-199.38	Sơn La	3565	27A-107.88	Điện Biên
566	24A-273.00	Lào Cai	1566	24A-264.64	Lào Cai	2566	26A-200.39	Sơn La	3566	28A-215.79	Hòa Bình
567	24A-273.38	Lào Cai	1567	24A-265.18	Lào Cai	2567	26A-201.19	Sơn La	3567	28A-224.42	Hòa Bình
568	24A-273.72	Lào Cai	1568	24A-265.79	Lào Cai	2568	26A-202.55	Sơn La	3568	28A-224.68	Hòa Bình
569	24C-150.98	Lào Cai	1569	24A-268.59	Lào Cai	2569	26A-206.19	Sơn La	3569	28A-226.35	Hòa Bình
570	24C-152.66	Lào Cai	1570	24A-270.27	Lào Cai	2570	26C-136.39	Sơn La	3570	28A-227.58	Hòa Bình
571	24C-153.19	Lào Cai	1571	24A-271.18	Lào Cai	2571	26C-143.38	Sơn La	3571	28A-231.18	Hòa Bình
572	25C-052.25	Lai Châu	1572	24A-271.72	Lào Cai	2572	27A-105.08	Điện Biên	3572	28C-106.18	Hòa Bình
573	26A-192.38	Sơn La	1573	24B-015.51	Lào Cai	2573	27A-106.55	Điện Biên	3573	29D-575.89	Hà Nội
574	26A-193.99	Sơn La	1574	24C-150.39	Lào Cai	2574	27A-107.85	Điện Biên	3574	29K-083.89	Hà Nội
575	26A-195.66	Sơn La	1575	24C-150.83	Lào Cai	2575	27A-111.02	Điện Biên	3575	29K-084.69	Hà Nội
576	26A-197.08	Sơn La	1576	25A-074.09	Lai Châu	2576	27C-064.85	Điện Biên	3576	29K-087.68	Hà Nội
577	26A-201.11	Sơn La	1577	25A-074.19	Lai Châu	2577	28A-215.89	Hòa Bình	3577	29K-091.68	Hà Nội
578	26A-203.56	Sơn La	1578	25A-074.58	Lai Châu	2578	28A-218.19	Hòa Bình	3578	29K-095.79	Hà Nội
579	26A-204.95	Sơn La	1579	26A-187.79	Sơn La	2579	28A-218.81	Hòa Bình	3579	29K-095.89	Hà Nội
580	26C-138.69	Sơn La	1580	26A-191.66	Sơn La	2580	28A-221.18	Hòa Bình	3580	29K-098.86	Hà Nội
581	26C-141.38	Sơn La	1581	26A-191.91	Sơn La	2581	28A-222.38	Hòa Bình	3581	29K-101.18	Hà Nội
582	26C-145.36	Sơn La	1582	26A-195.26	Sơn La	2582	28A-222.52	Hòa Bình	3582	29K-103.88	Hà Nội
583	27A-107.97	Điện Biên	1583	26A-200.77	Sơn La	2583	28A-222.92	Hòa Bình	3583	29K-108.33	Hà Nội
584	27A-109.77	Điện Biên	1584	26A-201.01	Sơn La	2584	28A-224.24	Hòa Bình	3584	29K-109.58	Hà Nội
585	27A-110.98	Điện Biên	1585	26A-202.18	Sơn La	2585	28A-224.26	Hòa Bình	3585	29K-113.66	Hà Nội
586	27A-111.08	Điện Biên	1586	26A-203.98	Sơn La	2586	28A-227.08	Hòa Bình	3586	29K-116.19	Hà Nội
587	27A-111.14	Điện Biên	1587	26C-135.66	Sơn La	2587	28A-227.57	Hòa Bình	3587	29K-118.16	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
588	27C-065.65	Điện Biên	1588	26C-143.22	Sơn La	2588	28A-227.59	Hòa Bình	3588	29K-118.39	Hà Nội
589	28A-216.77	Hòa Bình	1589	27A-108.98	Điện Biên	2589	28A-229.28	Hòa Bình	3589	29K-125.25	Hà Nội
590	28A-219.16	Hòa Bình	1590	27A-109.09	Điện Biên	2590	28A-231.28	Hòa Bình	3590	29K-127.77	Hà Nội
591	28A-219.88	Hòa Bình	1591	27A-110.99	Điện Biên	2591	28A-231.33	Hòa Bình	3591	29K-128.99	Hà Nội
592	28A-223.23	Hòa Bình	1592	28A-219.59	Hòa Bình	2592	28A-231.35	Hòa Bình	3592	29K-129.18	Hà Nội
593	28A-224.55	Hòa Bình	1593	28A-219.85	Hòa Bình	2593	28A-233.08	Hòa Bình	3593	29K-131.36	Hà Nội
594	28A-227.35	Hòa Bình	1594	28A-222.82	Hòa Bình	2594	28C-108.38	Hòa Bình	3594	29K-133.59	Hà Nội
595	28A-228.55	Hòa Bình	1595	28A-223.28	Hòa Bình	2595	29K-098.39	Hà Nội	3595	29K-135.16	Hà Nội
596	28A-229.90	Hòa Bình	1596	28A-223.88	Hòa Bình	2596	29K-100.58	Hà Nội	3596	29K-136.96	Hà Nội
597	28A-232.00	Hòa Bình	1597	28A-225.26	Hòa Bình	2597	29K-106.26	Hà Nội	3597	29K-139.85	Hà Nội
598	28A-232.44	Hòa Bình	1598	28A-227.89	Hòa Bình	2598	29K-110.88	Hà Nội	3598	29K-142.26	Hà Nội
599	28C-108.28	Hòa Bình	1599	28A-229.38	Hòa Bình	2599	29K-113.31	Hà Nội	3599	29K-142.99	Hà Nội
600	29D-575.56	Hà Nội	1600	28A-229.83	Hòa Bình	2600	29K-113.33	Hà Nội	3600	34A-738.86	Hải Dương
601	29D-575.88	Hà Nội	1601	28A-230.59	Hòa Bình	2601	29K-128.85	Hà Nội	3601	34A-751.39	Hải Dương
602	29D-577.18	Hà Nội	1602	28A-232.33	Hòa Bình	2602	29K-129.26	Hà Nội	3602	34A-755.38	Hải Dương
603	29K-097.97	Hà Nội	1603	28C-106.59	Hòa Bình	2603	29K-137.55	Hà Nội	3603	34A-757.86	Hải Dương
604	29K-111.69	Hà Nội	1604	29K-084.86	Hà Nội	2604	29K-138.77	Hà Nội	3604	34A-759.58	Hải Dương
605	29K-119.16	Hà Nội	1605	29K-097.89	Hà Nội	2605	29K-139.28	Hà Nội	3605	34A-759.88	Hải Dương
606	29K-136.56	Hà Nội	1606	29K-099.69	Hà Nội	2606	29K-141.39	Hà Nội	3606	34A-759.95	Hải Dương
607	29K-141.77	Hà Nội	1607	29K-101.79	Hà Nội	2607	34A-753.89	Hải Dương	3607	34A-760.89	Hải Dương
608	34A-741.88	Hải Dương	1608	29K-108.18	Hà Nội	2608	34A-755.19	Hải Dương	3608	34A-761.59	Hải Dương
609	34A-744.55	Hải Dương	1609	29K-110.99	Hà Nội	2609	34A-756.08	Hải Dương	3609	34A-763.38	Hải Dương
610	34A-750.88	Hải Dương	1610	29K-112.12	Hà Nội	2610	34A-757.26	Hải Dương	3610	34A-764.26	Hải Dương
611	34A-757.98	Hải Dương	1611	29K-121.99	Hà Nội	2611	34A-758.28	Hải Dương	3611	34A-765.95	Hải Dương
612	34A-758.36	Hải Dương	1612	29K-126.77	Hà Nội	2612	34A-759.92	Hải Dương	3612	34A-766.25	Hải Dương
613	34A-758.59	Hải Dương	1613	29K-129.56	Hà Nội	2613	34A-761.55	Hải Dương	3613	34A-766.67	Hải Dương
614	34A-759.08	Hải Dương	1614	34A-755.16	Hải Dương	2614	34A-763.35	Hải Dương	3614	34A-768.26	Hải Dương
615	34A-759.19	Hải Dương	1615	34A-758.33	Hải Dương	2615	34A-763.86	Hải Dương	3615	34A-769.33	Hải Dương
616	34A-759.75	Hải Dương	1616	34A-758.35	Hải Dương	2616	34A-763.95	Hải Dương	3616	34A-770.85	Hải Dương
617	34A-760.29	Hải Dương	1617	34A-760.15	Hải Dương	2617	34A-767.11	Hải Dương	3617	34A-772.19	Hải Dương
618	34A-761.89	Hải Dương	1618	34A-760.68	Hải Dương	2618	34A-769.08	Hải Dương	3618	34A-773.44	Hải Dương
619	34A-763.28	Hải Dương	1619	34A-762.00	Hải Dương	2619	34A-769.68	Hải Dương	3619	34A-773.77	Hải Dương
620	34A-765.39	Hải Dương	1620	34A-764.08	Hải Dương	2620	34A-769.79	Hải Dương	3620	34A-776.83	Hải Dương
621	34A-766.39	Hải Dương	1621	34A-764.76	Hải Dương	2621	34A-769.95	Hải Dương	3621	34A-776.85	Hải Dương
622	34A-769.26	Hải Dương	1622	34A-765.15	Hải Dương	2622	34A-771.71	Hải Dương	3622	34A-777.19	Hải Dương
623	34A-769.85	Hải Dương	1623	34A-770.83	Hải Dương	2623	34A-773.39	Hải Dương	3623	34A-777.47	Hải Dương
624	34A-771.33	Hải Dương	1624	34A-773.69	Hải Dương	2624	34A-775.26	Hải Dương	3624	34A-779.55	Hải Dương
625	34A-773.16	Hải Dương	1625	34A-775.35	Hải Dương	2625	34A-776.86	Hải Dương	3625	34A-779.86	Hải Dương
626	34A-773.59	Hải Dương	1626	34A-777.14	Hải Dương	2626	34A-778.56	Hải Dương	3626	34A-779.95	Hải Dương
627	34A-779.35	Hải Dương	1627	34A-777.22	Hải Dương	2627	34A-779.69	Hải Dương	3627	34A-780.35	Hải Dương
628	34A-781.89	Hải Dương	1628	34A-777.73	Hải Dương	2628	34A-781.33	Hải Dương	3628	34A-781.96	Hải Dương
629	34A-782.95	Hải Dương	1629	34A-779.11	Hải Dương	2629	34A-781.55	Hải Dương	3629	34A-784.95	Hải Dương
630	34A-785.28	Hải Dương	1630	34A-780.11	Hải Dương	2630	34A-781.95	Hải Dương	3630	34A-785.44	Hải Dương
631	34A-785.78	Hải Dương	1631	34A-781.66	Hải Dương	2631	34A-782.58	Hải Dương	3631	34A-785.79	Hải Dương
632	34A-785.86	Hải Dương	1632	34A-781.78	Hải Dương	2632	34A-784.88	Hải Dương	3632	34A-785.83	Hải Dương
633	34A-789.77	Hải Dương	1633	34A-782.22	Hải Dương	2633	34A-786.95	Hải Dương	3633	34A-786.62	Hải Dương
634	34A-791.18	Hải Dương	1634	34A-784.66	Hải Dương	2634	34A-789.68	Hải Dương	3634	34A-788.58	Hải Dương
635	34A-793.69	Hải Dương	1635	34A-784.99	Hải Dương	2635	34A-790.59	Hải Dương	3635	34A-788.82	Hải Dương
636	34A-794.97	Hải Dương	1636	34A-785.63	Hải Dương	2636	34A-791.96	Hải Dương	3636	34A-790.56	Hải Dương
637	34A-795.00	Hải Dương	1637	34A-786.36	Hải Dương	2637	34A-793.28	Hải Dương	3637	34A-795.55	Hải Dương
638	34A-797.11	Hải Dương	1638	34A-789.19	Hải Dương	2638	34A-794.49	Hải Dương	3638	34A-796.06	Hải Dương
639	34A-799.16	Hải Dương	1639	34A-790.06	Hải Dương	2639	34A-796.35	Hải Dương	3639	34A-799.83	Hải Dương
640	34A-799.95	Hải Dương	1640	34A-790.99	Hải Dương	2640	34A-799.00	Hải Dương	3640	34A-799.96	Hải Dương
641	34A-802.66	Hải Dương	1641	34A-792.15	Hải Dương	2641	34A-802.22	Hải Dương	3641	34A-800.35	Hải Dương
642	34C-388.58	Hải Dương	1642	34A-792.59	Hải Dương	2642	34A-802.56	Hải Dương	3642	34A-800.58	Hải Dương
643	34C-389.18	Hải Dương	1643	34A-794.58	Hải Dương	2643	34A-803.09	Hải Dương	3643	34A-802.18	Hải Dương
644	34C-390.26	Hải Dương	1644	34A-795.06	Hải Dương	2644	34C-393.06	Hải Dương	3644	34A-802.89	Hải Dương
645	34C-390.89	Hải Dương	1645	34A-795.86	Hải Dương	2645	34C-393.88	Hải Dương	3645	34C-388.08	Hải Dương
646	34C-391.00	Hải Dương	1646	34A-800.15	Hải Dương	2646	34C-394.49	Hải Dương	3646	34C-392.00	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
647	34C-391.44	Hải Dương	1647	34A-800.36	Hải Dương	2647	34C-394.88	Hải Dương	3647	34C-392.35	Hải Dương
648	34C-394.06	Hải Dương	1648	34A-800.80	Hải Dương	2648	34C-395.65	Hải Dương	3648	34C-392.93	Hải Dương
649	34C-396.00	Hải Dương	1649	34A-801.86	Hải Dương	2649	34C-398.79	Hải Dương	3649	34C-396.09	Hải Dương
650	34C-396.22	Hải Dương	1650	34A-803.65	Hải Dương	2650	35A-377.86	Ninh Bình	3650	34C-397.11	Hải Dương
651	34C-397.08	Hải Dương	1651	34A-803.88	Hải Dương	2651	35A-385.69	Ninh Bình	3651	34C-397.26	Hải Dương
652	34C-397.18	Hải Dương	1652	34C-388.55	Hải Dương	2652	35A-394.35	Ninh Bình	3652	34C-399.15	Hải Dương
653	34C-397.69	Hải Dương	1653	34C-390.69	Hải Dương	2653	35A-402.06	Ninh Bình	3653	34D-033.39	Hải Dương
654	34C-398.38	Hải Dương	1654	34C-391.08	Hải Dương	2654	35A-403.55	Ninh Bình	3654	35A-375.79	Ninh Bình
655	34C-399.18	Hải Dương	1655	34C-392.86	Hải Dương	2655	35A-405.33	Ninh Bình	3655	35A-394.18	Ninh Bình
656	35A-391.08	Ninh Bình	1656	34C-394.55	Hải Dương	2656	35A-406.66	Ninh Bình	3656	35A-398.65	Ninh Bình
657	35A-391.85	Ninh Bình	1657	34C-395.44	Hải Dương	2657	35A-409.29	Ninh Bình	3657	35A-399.08	Ninh Bình
658	35A-392.29	Ninh Bình	1658	34C-395.95	Hải Dương	2658	35A-411.28	Ninh Bình	3658	35A-401.85	Ninh Bình
659	35A-392.85	Ninh Bình	1659	34C-396.95	Hải Dương	2659	35A-412.13	Ninh Bình	3659	35A-401.86	Ninh Bình
660	35A-393.00	Ninh Bình	1660	34C-397.38	Hải Dương	2660	35A-412.79	Ninh Bình	3660	35A-404.25	Ninh Bình
661	35A-393.22	Ninh Bình	1661	34C-397.39	Hải Dương	2661	35A-413.41	Ninh Bình	3661	35A-404.56	Ninh Bình
662	35A-393.55	Ninh Bình	1662	34C-397.96	Hải Dương	2662	35C-160.19	Ninh Bình	3662	35A-406.19	Ninh Bình
663	35A-393.85	Ninh Bình	1663	34C-399.11	Hải Dương	2663	35C-161.08	Ninh Bình	3663	35A-406.38	Ninh Bình
664	35A-394.25	Ninh Bình	1664	35A-374.39	Ninh Bình	2664	35C-161.58	Ninh Bình	3664	35A-406.79	Ninh Bình
665	35A-395.58	Ninh Bình	1665	35A-392.36	Ninh Bình	2665	36C-447.89	Thanh Hóa	3665	35A-407.26	Ninh Bình
666	35A-396.15	Ninh Bình	1666	35A-397.38	Ninh Bình	2666	36C-460.15	Thanh Hóa	3666	35A-408.89	Ninh Bình
667	35A-396.38	Ninh Bình	1667	35A-398.35	Ninh Bình	2667	36K-020.89	Thanh Hóa	3667	35A-409.09	Ninh Bình
668	35A-399.55	Ninh Bình	1668	35A-398.83	Ninh Bình	2668	36K-023.39	Thanh Hóa	3668	35A-411.96	Ninh Bình
669	35A-404.08	Ninh Bình	1669	35A-399.38	Ninh Bình	2669	36K-027.69	Thanh Hóa	3669	35A-412.09	Ninh Bình
670	35A-404.89	Ninh Bình	1670	35A-402.15	Ninh Bình	2670	36K-030.58	Thanh Hóa	3670	35A-412.21	Ninh Bình
671	35C-160.33	Ninh Bình	1671	35A-404.28	Ninh Bình	2671	36K-032.85	Thanh Hóa	3671	35A-412.22	Ninh Bình
672	35C-162.62	Ninh Bình	1672	35A-405.77	Ninh Bình	2672	36K-032.89	Thanh Hóa	3672	35A-413.18	Ninh Bình
673	36C-456.56	Thanh Hóa	1673	35A-407.69	Ninh Bình	2673	36K-033.77	Thanh Hóa	3673	35C-159.95	Ninh Bình
674	36C-461.25	Thanh Hóa	1674	35A-408.80	Ninh Bình	2674	36K-034.18	Thanh Hóa	3674	36C-455.79	Thanh Hóa
675	36C-461.29	Thanh Hóa	1675	35A-410.18	Ninh Bình	2675	36K-038.77	Thanh Hóa	3675	36C-459.08	Thanh Hóa
676	36D-022.77	Thanh Hóa	1676	35A-411.22	Ninh Bình	2676	36K-039.06	Thanh Hóa	3676	36C-460.36	Thanh Hóa
677	36K-010.89	Thanh Hóa	1677	35A-411.44	Ninh Bình	2677	36K-040.22	Thanh Hóa	3677	36C-460.86	Thanh Hóa
678	36K-020.59	Thanh Hóa	1678	35A-411.68	Ninh Bình	2678	36K-040.35	Thanh Hóa	3678	36K-018.68	Thanh Hóa
679	36K-026.69	Thanh Hóa	1679	35A-411.99	Ninh Bình	2679	36K-040.96	Thanh Hóa	3679	36K-018.79	Thanh Hóa
680	36K-029.85	Thanh Hóa	1680	35A-412.83	Ninh Bình	2680	37C-501.11	Nghệ An	3680	36K-019.08	Thanh Hóa
681	36K-030.00	Thanh Hóa	1681	35C-159.89	Ninh Bình	2681	37C-503.39	Nghệ An	3681	36K-029.89	Thanh Hóa
682	36K-032.99	Thanh Hóa	1682	35C-160.18	Ninh Bình	2682	37C-504.19	Nghệ An	3682	36K-035.00	Thanh Hóa
683	36K-033.55	Thanh Hóa	1683	35C-161.00	Ninh Bình	2683	37C-507.09	Nghệ An	3683	36K-037.69	Thanh Hóa
684	36K-034.34	Thanh Hóa	1684	36C-455.69	Thanh Hóa	2684	37C-507.36	Nghệ An	3684	36K-040.09	Thanh Hóa
685	36K-035.30	Thanh Hóa	1685	36C-456.08	Thanh Hóa	2685	37C-508.77	Nghệ An	3685	36K-040.77	Thanh Hóa
686	36K-037.03	Thanh Hóa	1686	36C-457.36	Thanh Hóa	2686	37C-509.39	Nghệ An	3686	36K-041.42	Thanh Hóa
687	36K-037.25	Thanh Hóa	1687	36C-457.55	Thanh Hóa	2687	37C-509.58	Nghệ An	3687	36K-042.04	Thanh Hóa
688	36K-037.66	Thanh Hóa	1688	36C-458.11	Thanh Hóa	2688	37C-509.77	Nghệ An	3688	36K-042.28	Thanh Hóa
689	36K-038.30	Thanh Hóa	1689	36C-460.09	Thanh Hóa	2689	37C-510.28	Nghệ An	3689	36K-042.40	Thanh Hóa
690	37C-502.85	Nghệ An	1690	36K-006.99	Thanh Hóa	2690	37C-513.15	Nghệ An	3690	37C-490.09	Nghệ An
691	37C-502.86	Nghệ An	1691	36K-021.26	Thanh Hóa	2691	37D-033.99	Nghệ An	3691	37C-506.08	Nghệ An
692	37C-503.06	Nghệ An	1692	36K-025.38	Thanh Hóa	2692	37K-272.55	Nghệ An	3692	37C-508.38	Nghệ An
693	37C-506.33	Nghệ An	1693	36K-027.72	Thanh Hóa	2693	37K-275.15	Nghệ An	3693	37C-509.79	Nghệ An
694	37C-506.50	Nghệ An	1694	36K-031.68	Thanh Hóa	2694	37K-279.08	Nghệ An	3694	37C-510.38	Nghệ An
695	37C-506.69	Nghệ An	1695	36K-032.88	Thanh Hóa	2695	37K-279.82	Nghệ An	3695	37C-510.98	Nghệ An
696	37C-507.68	Nghệ An	1696	36K-035.68	Thanh Hóa	2696	37K-280.56	Nghệ An	3696	37C-511.65	Nghệ An
697	37C-508.09	Nghệ An	1697	36K-036.30	Thanh Hóa	2697	37K-281.29	Nghệ An	3697	37C-512.09	Nghệ An
698	37C-510.25	Nghệ An	1698	36K-037.06	Thanh Hóa	2698	37K-287.00	Nghệ An	3698	37C-513.99	Nghệ An
699	37C-512.65	Nghệ An	1699	36K-037.39	Thanh Hóa	2699	37K-287.58	Nghệ An	3699	37K-260.39	Nghệ An
700	37C-512.68	Nghệ An	1700	36K-040.88	Thanh Hóa	2700	37K-289.29	Nghệ An	3700	37K-261.79	Nghệ An
701	37C-514.16	Nghệ An	1701	36K-041.28	Thanh Hóa	2701	37K-291.06	Nghệ An	3701	37K-275.66	Nghệ An
702	37C-514.22	Nghệ An	1702	37C-505.39	Nghệ An	2702	37K-291.08	Nghệ An	3702	37K-275.89	Nghệ An
703	37K-252.66	Nghệ An	1703	37C-508.26	Nghệ An	2703	37K-291.11	Nghệ An	3703	37K-279.59	Nghệ An
704	37K-270.79	Nghệ An	1704	37C-510.88	Nghệ An	2704	37K-292.93	Nghệ An	3704	37K-279.72	Nghệ An
705	37K-274.38	Nghệ An	1705	37C-511.33	Nghệ An	2705	37K-294.96	Nghệ An	3705	37K-280.82	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
706	37K-276.06	Nghệ An	1706	37C-513.44	Nghệ An	2706	37K-296.09	Nghệ An	3706	37K-282.33	Nghệ An
707	37K-276.36	Nghệ An	1707	37D-033.88	Nghệ An	2707	37K-297.29	Nghệ An	3707	37K-286.36	Nghệ An
708	37K-277.19	Nghệ An	1708	37D-037.88	Nghệ An	2708	37K-300.88	Nghệ An	3708	37K-293.95	Nghệ An
709	37K-277.95	Nghệ An	1709	37K-253.39	Nghệ An	2709	37K-301.03	Nghệ An	3709	37K-295.56	Nghệ An
710	37K-278.56	Nghệ An	1710	37K-263.88	Nghệ An	2710	37K-301.18	Nghệ An	3710	37K-299.93	Nghệ An
711	37K-280.01	Nghệ An	1711	37K-271.77	Nghệ An	2711	37K-301.39	Nghệ An	3711	37K-301.56	Nghệ An
712	37K-280.44	Nghệ An	1712	37K-273.59	Nghệ An	2712	37K-303.19	Nghệ An	3712	37K-307.03	Nghệ An
713	37K-283.98	Nghệ An	1713	37K-274.79	Nghệ An	2713	37K-306.86	Nghệ An	3713	37K-307.07	Nghệ An
714	37K-286.19	Nghệ An	1714	37K-275.26	Nghệ An	2714	37K-307.09	Nghệ An	3714	37K-308.85	Nghệ An
715	37K-287.08	Nghệ An	1715	37K-276.96	Nghệ An	2715	37K-307.55	Nghệ An	3715	37K-310.58	Nghệ An
716	37K-287.83	Nghệ An	1716	37K-283.08	Nghệ An	2716	37K-308.16	Nghệ An	3716	37K-313.11	Nghệ An
717	37K-290.26	Nghệ An	1717	37K-285.59	Nghệ An	2717	37K-309.00	Nghệ An	3717	37K-320.00	Nghệ An
718	37K-292.66	Nghệ An	1718	37K-286.08	Nghệ An	2718	37K-309.56	Nghệ An	3718	38A-571.99	Hà Tĩnh
719	37K-292.85	Nghệ An	1719	37K-287.09	Nghệ An	2719	37K-312.83	Nghệ An	3719	38A-575.86	Hà Tĩnh
720	37K-293.26	Nghệ An	1720	37K-287.38	Nghệ An	2720	37K-313.08	Nghệ An	3720	38A-578.09	Hà Tĩnh
721	37K-293.89	Nghệ An	1721	37K-288.38	Nghệ An	2721	37K-313.55	Nghệ An	3721	38A-578.19	Hà Tĩnh
722	37K-296.36	Nghệ An	1722	37K-288.55	Nghệ An	2722	37K-314.35	Nghệ An	3722	38A-578.69	Hà Tĩnh
723	37K-297.26	Nghệ An	1723	37K-289.11	Nghệ An	2723	37K-315.68	Nghệ An	3723	38A-578.86	Hà Tĩnh
724	37K-297.68	Nghệ An	1724	37K-290.98	Nghệ An	2724	37K-316.39	Nghệ An	3724	38A-579.56	Hà Tĩnh
725	37K-300.18	Nghệ An	1725	37K-291.55	Nghệ An	2725	37K-317.85	Nghệ An	3725	38A-584.89	Hà Tĩnh
726	37K-302.06	Nghệ An	1726	37K-294.09	Nghệ An	2726	37K-317.86	Nghệ An	3726	38A-585.11	Hà Tĩnh
727	37K-302.16	Nghệ An	1727	37K-295.19	Nghệ An	2727	37K-319.84	Nghệ An	3727	38A-586.96	Hà Tĩnh
728	37K-303.65	Nghệ An	1728	37K-296.26	Nghệ An	2728	37K-320.66	Nghệ An	3728	38A-587.77	Hà Tĩnh
729	37K-305.11	Nghệ An	1729	37K-301.06	Nghệ An	2729	37K-323.18	Nghệ An	3729	38A-589.26	Hà Tĩnh
730	37K-305.19	Nghệ An	1730	37K-301.89	Nghệ An	2730	38A-564.79	Hà Tĩnh	3730	38A-593.66	Hà Tĩnh
731	37K-308.66	Nghệ An	1731	37K-302.03	Nghệ An	2731	38A-576.00	Hà Tĩnh	3731	38A-600.59	Hà Tĩnh
732	37K-310.15	Nghệ An	1732	37K-303.30	Nghệ An	2732	38A-576.06	Hà Tĩnh	3732	38A-601.06	Hà Tĩnh
733	37K-311.09	Nghệ An	1733	37K-307.65	Nghệ An	2733	38A-576.09	Hà Tĩnh	3733	38A-601.99	Hà Tĩnh
734	37K-315.08	Nghệ An	1734	37K-307.66	Nghệ An	2734	38A-576.18	Hà Tĩnh	3734	38C-211.68	Hà Tĩnh
735	37K-316.25	Nghệ An	1735	37K-307.88	Nghệ An	2735	38A-578.28	Hà Tĩnh	3735	38C-212.77	Hà Tĩnh
736	37K-316.31	Nghệ An	1736	37K-308.11	Nghệ An	2736	38A-583.55	Hà Tĩnh	3736	38C-214.79	Hà Tĩnh
737	37K-317.13	Nghệ An	1737	37K-308.25	Nghệ An	2737	38A-585.25	Hà Tĩnh	3737	38C-214.83	Hà Tĩnh
738	37K-319.11	Nghệ An	1738	37K-309.58	Nghệ An	2738	38A-585.33	Hà Tĩnh	3738	43A-808.79	Đà Nẵng
739	37K-319.65	Nghệ An	1739	37K-310.00	Nghệ An	2739	38A-585.77	Hà Tĩnh	3739	43A-812.68	Đà Nẵng
740	38A-564.68	Hà Tĩnh	1740	37K-314.00	Nghệ An	2740	38A-586.29	Hà Tĩnh	3740	43A-813.33	Đà Nẵng
741	38A-566.39	Hà Tĩnh	1741	37K-314.83	Nghệ An	2741	38A-588.16	Hà Tĩnh	3741	43A-816.33	Đà Nẵng
742	38A-572.86	Hà Tĩnh	1742	37K-320.23	Nghệ An	2742	38A-589.62	Hà Tĩnh	3742	43A-820.16	Đà Nẵng
743	38A-574.68	Hà Tĩnh	1743	37K-320.56	Nghệ An	2743	38A-592.55	Hà Tĩnh	3743	43A-822.66	Đà Nẵng
744	38A-577.76	Hà Tĩnh	1744	37K-320.65	Nghệ An	2744	38A-595.89	Hà Tĩnh	3744	43A-827.69	Đà Nẵng
745	38A-580.89	Hà Tĩnh	1745	37K-323.16	Nghệ An	2745	38A-597.69	Hà Tĩnh	3745	43A-835.86	Đà Nẵng
746	38A-581.28	Hà Tĩnh	1746	38A-576.22	Hà Tĩnh	2746	38A-600.79	Hà Tĩnh	3746	43A-836.62	Đà Nẵng
747	38A-581.29	Hà Tĩnh	1747	38A-582.38	Hà Tĩnh	2747	38A-602.08	Hà Tĩnh	3747	43A-836.98	Đà Nẵng
748	38A-584.79	Hà Tĩnh	1748	38A-585.63	Hà Tĩnh	2748	38A-602.66	Hà Tĩnh	3748	43A-840.99	Đà Nẵng
749	38A-584.83	Hà Tĩnh	1749	38A-589.35	Hà Tĩnh	2749	38A-602.85	Hà Tĩnh	3749	43A-841.84	Đà Nẵng
750	38A-587.98	Hà Tĩnh	1750	38A-593.68	Hà Tĩnh	2750	38A-603.33	Hà Tĩnh	3750	43A-841.86	Đà Nẵng
751	38A-590.55	Hà Tĩnh	1751	38A-596.29	Hà Tĩnh	2751	38C-211.26	Hà Tĩnh	3751	43A-842.26	Đà Nẵng
752	38A-593.85	Hà Tĩnh	1752	38A-596.38	Hà Tĩnh	2752	38C-211.69	Hà Tĩnh	3752	43A-844.99	Đà Nẵng
753	38A-597.33	Hà Tĩnh	1753	38A-596.95	Hà Tĩnh	2753	38C-212.29	Hà Tĩnh	3753	43A-845.44	Đà Nẵng
754	38A-600.95	Hà Tĩnh	1754	38A-597.85	Hà Tĩnh	2754	43A-807.79	Đà Nẵng	3754	43A-845.95	Đà Nẵng
755	38A-601.15	Hà Tĩnh	1755	38A-598.38	Hà Tĩnh	2755	43A-818.69	Đà Nẵng	3755	43A-846.08	Đà Nẵng
756	38A-602.36	Hà Tĩnh	1756	38C-212.18	Hà Tĩnh	2756	43A-819.38	Đà Nẵng	3756	43A-848.84	Đà Nẵng
757	38A-603.35	Hà Tĩnh	1757	38C-215.06	Hà Tĩnh	2757	43A-820.66	Đà Nẵng	3757	43A-850.35	Đà Nẵng
758	38C-209.19	Hà Tĩnh	1758	43A-805.39	Đà Nẵng	2758	43A-822.77	Đà Nẵng	3758	51D-959.55	Hồ Chí Minh
759	38C-212.28	Hà Tĩnh	1759	43A-817.17	Đà Nẵng	2759	43A-831.99	Đà Nẵng	3759	51D-972.09	Hồ Chí Minh
760	38C-212.86	Hà Tĩnh	1760	43A-817.99	Đà Nẵng	2760	43A-839.22	Đà Nẵng	3760	51D-978.79	Hồ Chí Minh
761	38C-212.88	Hà Tĩnh	1761	43A-820.36	Đà Nẵng	2761	43A-840.95	Đà Nẵng	3761	51D-979.26	Hồ Chí Minh
762	38C-214.16	Hà Tĩnh	1762	43A-820.38	Đà Nẵng	2762	43A-845.79	Đà Nẵng	3762	51D-979.59	Hồ Chí Minh
763	43A-804.79	Đà Nẵng	1763	43A-823.86	Đà Nẵng	2763	43A-847.16	Đà Nẵng	3763	51D-981.16	Hồ Chí Minh
764	43A-819.22	Đà Nẵng	1764	43A-829.59	Đà Nẵng	2764	43A-848.95	Đà Nẵng	3764	51E-309.69	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
765	43A-820.56	Đà Nẵng	1765	43A-831.38	Đà Nẵng	2765	43A-849.29	Đà Nẵng	3765	69A-149.38	Cà Mau
766	43A-821.08	Đà Nẵng	1766	43A-831.89	Đà Nẵng	2766	43A-849.89	Đà Nẵng	3766	69A-149.95	Cà Mau
767	43A-824.56	Đà Nẵng	1767	43A-836.08	Đà Nẵng	2767	43A-850.58	Đà Nẵng	3767	69A-153.28	Cà Mau
768	43A-825.59	Đà Nẵng	1768	43A-838.06	Đà Nẵng	2768	43A-850.66	Đà Nẵng	3768	69A-153.86	Cà Mau
769	43A-827.77	Đà Nẵng	1769	43A-838.59	Đà Nẵng	2769	43C-289.16	Đà Nẵng	3769	69A-155.56	Cà Mau
770	43A-837.58	Đà Nẵng	1770	43A-839.38	Đà Nẵng	2770	51D-960.08	Hồ Chí Minh	3770	69A-155.86	Cà Mau
771	43A-840.25	Đà Nẵng	1771	43A-840.96	Đà Nẵng	2771	51D-960.56	Hồ Chí Minh	3771	69C-093.22	Cà Mau
772	43A-842.48	Đà Nẵng	1772	43A-847.88	Đà Nẵng	2772	51D-968.59	Hồ Chí Minh	3772	69C-094.83	Cà Mau
773	43A-843.56	Đà Nẵng	1773	43A-852.00	Đà Nẵng	2773	51D-971.69	Hồ Chí Minh	3773	69C-094.86	Cà Mau
774	43A-845.48	Đà Nẵng	1774	43A-852.35	Đà Nẵng	2774	51D-973.77	Hồ Chí Minh	3774	73A-320.88	Quảng Bình
775	43A-846.15	Đà Nẵng	1775	43A-852.55	Đà Nẵng	2775	51E-308.79	Hồ Chí Minh	3775	73A-325.52	Quảng Bình
776	43A-846.33	Đà Nẵng	1776	43C-288.66	Đà Nẵng	2776	51E-309.09	Hồ Chí Minh	3776	73A-325.58	Quảng Bình
777	43A-847.36	Đà Nẵng	1777	43C-289.66	Đà Nẵng	2777	51E-309.88	Hồ Chí Minh	3777	73A-327.35	Quảng Bình
778	43A-848.19	Đà Nẵng	1778	47A-661.26	Đắk Lắk	2778	69A-150.22	Cà Mau	3778	73A-328.00	Quảng Bình
779	43A-848.79	Đà Nẵng	1779	51D-958.58	Hồ Chí Minh	2779	69A-153.44	Cà Mau	3779	73A-328.35	Quảng Bình
780	43A-849.38	Đà Nẵng	1780	51D-968.16	Hồ Chí Minh	2780	69A-155.18	Cà Mau	3780	73A-329.25	Quảng Bình
781	47A-661.33	Đắk Lắk	1781	51D-970.66	Hồ Chí Minh	2781	69A-156.62	Cà Mau	3781	73A-329.95	Quảng Bình
782	51D-959.88	Hồ Chí Minh	1782	51D-975.08	Hồ Chí Minh	2782	69C-095.16	Cà Mau	3782	73A-330.28	Quảng Bình
783	51D-961.77	Hồ Chí Minh	1783	51D-980.68	Hồ Chí Minh	2783	73A-326.77	Quảng Bình	3783	73A-331.65	Quảng Bình
784	51D-962.85	Hồ Chí Minh	1784	51D-982.88	Hồ Chí Minh	2784	73A-326.82	Quảng Bình	3784	73A-332.25	Quảng Bình
785	51D-971.89	Hồ Chí Minh	1785	51E-310.55	Hồ Chí Minh	2785	73A-329.92	Quảng Bình	3785	73A-333.95	Quảng Bình
786	51D-973.99	Hồ Chí Minh	1786	69A-150.38	Cà Mau	2786	73A-331.98	Quảng Bình	3786	73A-336.08	Quảng Bình
787	51D-976.79	Hồ Chí Minh	1787	69A-150.50	Cà Mau	2787	73A-334.83	Quảng Bình	3787	73C-171.68	Quảng Bình
788	51D-978.58	Hồ Chí Minh	1788	69A-155.22	Cà Mau	2788	73C-172.09	Quảng Bình	3788	73C-172.58	Quảng Bình
789	51D-978.66	Hồ Chí Minh	1789	69B-010.08	Cà Mau	2789	74A-243.34	Quảng Trị	3789	73C-172.66	Quảng Bình
790	51D-979.06	Hồ Chí Minh	1790	69C-096.33	Cà Mau	2790	74A-245.42	Quảng Trị	3790	74A-245.86	Quảng Trị
791	51D-979.56	Hồ Chí Minh	1791	69D-002.08	Cà Mau	2791	74A-247.15	Quảng Trị	3791	74A-246.26	Quảng Trị
792	51D-981.99	Hồ Chí Minh	1792	73A-325.83	Quảng Bình	2792	74A-248.48	Quảng Trị	3792	74A-246.55	Quảng Trị
793	51D-982.56	Hồ Chí Minh	1793	73A-326.25	Quảng Bình	2793	74A-249.00	Quảng Trị	3793	74A-246.79	Quảng Trị
794	51E-308.88	Hồ Chí Minh	1794	73A-327.86	Quảng Bình	2794	74A-249.22	Quảng Trị	3794	74A-253.65	Quảng Trị
795	51E-309.89	Hồ Chí Minh	1795	73A-328.19	Quảng Bình	2795	74A-249.38	Quảng Trị	3795	74A-253.88	Quảng Trị
796	51E-310.86	Hồ Chí Minh	1796	73A-328.44	Quảng Bình	2796	74A-249.77	Quảng Trị	3796	74A-255.19	Quảng Trị
797	69A-149.44	Cà Mau	1797	73A-330.58	Quảng Bình	2797	74A-253.55	Quảng Trị	3797	74C-129.11	Quảng Trị
798	69A-154.96	Cà Mau	1798	73A-334.26	Quảng Bình	2798	74A-254.45	Quảng Trị	3798	74C-129.22	Quảng Trị
799	69D-002.09	Cà Mau	1799	73B-013.38	Quảng Bình	2799	74A-254.55	Quảng Trị	3799	74C-130.22	Quảng Trị
800	73A-327.22	Quảng Bình	1800	74A-242.38	Quảng Trị	2800	74A-254.58	Quảng Trị	3800	74C-131.29	Quảng Trị
801	73A-330.26	Quảng Bình	1801	74A-242.69	Quảng Trị	2801	74A-254.83	Quảng Trị	3801	75A-349.29	Thừa Thiên Huế
802	73A-330.96	Quảng Bình	1802	74A-242.82	Quảng Trị	2802	74C-130.69	Quảng Trị	3802	75A-349.55	Thừa Thiên Huế
803	73C-169.99	Quảng Bình	1803	74A-250.56	Quảng Trị	2803	75A-343.33	Thừa Thiên Huế	3803	75A-350.39	Thừa Thiên Huế
804	73C-170.79	Quảng Bình	1804	74A-251.35	Quảng Trị	2804	75A-353.08	Thừa Thiên Huế	3804	75A-351.18	Thừa Thiên Huế
805	73C-172.19	Quảng Bình	1805	74A-252.98	Quảng Trị	2805	75A-353.11	Thừa Thiên Huế	3805	75A-354.66	Thừa Thiên Huế
806	74A-242.95	Quảng Trị	1806	74C-127.29	Quảng Trị	2806	75A-355.28	Thừa Thiên Huế	3806	75A-354.79	Thừa Thiên Huế
807	74A-243.18	Quảng Trị	1807	74C-128.36	Quảng Trị	2807	75A-355.33	Thừa Thiên Huế	3807	75A-357.88	Thừa Thiên Huế
808	74A-243.86	Quảng Trị	1808	74C-130.26	Quảng Trị	2808	75A-356.09	Thừa Thiên Huế	3808	75A-360.77	Thừa Thiên Huế
809	74A-245.46	Quảng Trị	1809	75A-341.86	Thừa Thiên Huế	2809	75A-356.22	Thừa Thiên Huế	3809	75A-363.44	Thừa Thiên Huế
810	74A-245.95	Quảng Trị	1810	75A-342.39	Thừa Thiên Huế	2810	75A-360.25	Thừa Thiên Huế	3810	75A-363.88	Thừa Thiên Huế
811	74A-248.24	Quảng Trị	1811	75A-349.56	Thừa Thiên Huế	2811	75A-360.58	Thừa Thiên Huế	3811	75A-364.00	Thừa Thiên Huế
812	74A-249.89	Quảng Trị	1812	75A-350.38	Thừa Thiên Huế	2812	75A-362.88	Thừa Thiên Huế	3812	75A-364.36	Thừa Thiên Huế
813	74A-250.51	Quảng Trị	1813	75A-352.00	Thừa Thiên Huế	2813	75A-363.25	Thừa Thiên Huế	3813	75C-149.19	Thừa Thiên Huế
814	74A-250.69	Quảng Trị	1814	75A-352.36	Thừa Thiên Huế	2814	75A-363.86	Thừa Thiên Huế	3814	75C-149.59	Thừa Thiên Huế
815	74A-253.06	Quảng Trị	1815	75A-352.59	Thừa Thiên Huế	2815	75C-148.99	Thừa Thiên Huế	3815	78A-190.38	Phú Yên
816	74A-253.22	Quảng Trị	1816	75A-353.36	Thừa Thiên Huế	2816	75C-150.18	Thừa Thiên Huế	3816	78A-191.35	Phú Yên
817	74C-129.59	Quảng Trị	1817	75A-356.00	Thừa Thiên Huế	2817	76C-165.39	Quảng Ngãi	3817	78A-192.25	Phú Yên
818	74C-131.38	Quảng Trị	1818	75A-356.69	Thừa Thiên Huế	2818	78A-190.15	Phú Yên	3818	78A-192.85	Phú Yên
819	75A-349.98	Thừa Thiên Huế	1819	75A-357.33	Thừa Thiên Huế	2819	78A-190.44	Phú Yên	3819	78A-193.83	Phú Yên
820	75A-354.89	Thừa Thiên Huế	1820	75A-357.65	Thừa Thiên Huế	2820	78A-190.89	Phú Yên	3820	78C-742.85	Phú Yên
821	75A-355.00	Thừa Thiên Huế	1821	75A-358.29	Thừa Thiên Huế	2821	78C-742.79	Phú Yên	3821	78C-742.96	Phú Yên
822	75A-355.95	Thừa Thiên Huế	1822	75A-358.79	Thừa Thiên Huế	2822	78C-742.89	Phú Yên	3822	78C-743.18	Phú Yên
823	75A-357.35	Thừa Thiên Huế	1823	75A-359.09	Thừa Thiên Huế	2823	78C-743.09	Phú Yên	3823	78C-743.58	Phú Yên

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
824	75A-357.69	Thừa Thiên Huế	1824	75A-362.59	Thừa Thiên Huế	2824	79A-500.69	Khánh Hòa	3824	79A-501.22	Khánh Hòa
825	75A-358.55	Thừa Thiên Huế	1825	75A-363.19	Thừa Thiên Huế	2825	79A-501.89	Khánh Hòa	3825	79A-502.19	Khánh Hòa
826	75A-358.98	Thừa Thiên Huế	1826	75C-149.85	Thừa Thiên Huế	2826	79A-504.55	Khánh Hòa	3826	79A-504.99	Khánh Hòa
827	75A-359.29	Thừa Thiên Huế	1827	76C-165.56	Quảng Ngãi	2827	79A-507.26	Khánh Hòa	3827	79A-507.55	Khánh Hòa
828	75A-360.06	Thừa Thiên Huế	1828	78A-190.36	Phú Yên	2828	79A-514.08	Khánh Hòa	3828	79A-513.11	Khánh Hòa
829	75A-361.06	Thừa Thiên Huế	1829	78A-192.39	Phú Yên	2829	79A-515.35	Khánh Hòa	3829	79A-513.29	Khánh Hòa
830	75C-148.88	Thừa Thiên Huế	1830	78A-193.38	Phú Yên	2830	79A-517.18	Khánh Hòa	3830	79A-516.86	Khánh Hòa
831	75D-006.08	Thừa Thiên Huế	1831	78C-743.35	Phú Yên	2831	79A-518.35	Khánh Hòa	3831	79A-521.06	Khánh Hòa
832	76C-165.88	Quảng Ngãi	1832	78C-743.96	Phú Yên	2832	79A-518.83	Khánh Hòa	3832	79A-521.08	Khánh Hòa
833	76C-166.55	Quảng Ngãi	1833	78D-003.08	Phú Yên	2833	79A-518.86	Khánh Hòa	3833	79C-209.82	Khánh Hòa
834	79A-498.99	Khánh Hòa	1834	79A-501.09	Khánh Hòa	2834	79A-520.33	Khánh Hòa	3834	79C-210.18	Khánh Hòa
835	79A-501.55	Khánh Hòa	1835	79A-502.18	Khánh Hòa	2835	79C-209.85	Khánh Hòa	3835	79C-210.19	Khánh Hòa
836	79A-503.36	Khánh Hòa	1836	79A-502.20	Khánh Hòa	2836	79C-210.56	Khánh Hòa	3836	84C-113.66	Trà Vinh
837	79A-503.93	Khánh Hòa	1837	79A-504.36	Khánh Hòa	2837	79C-212.09	Khánh Hòa	3837	85A-122.79	Ninh Thuận
838	79A-504.33	Khánh Hòa	1838	79A-513.86	Khánh Hòa	2838	85A-127.77	Ninh Thuận	3838	85A-125.68	Ninh Thuận
839	79A-504.96	Khánh Hòa	1839	79A-515.69	Khánh Hòa	2839	85A-130.15	Ninh Thuận	3839	85A-126.39	Ninh Thuận
840	79A-506.85	Khánh Hòa	1840	79A-518.96	Khánh Hòa	2840	85A-131.13	Ninh Thuận	3840	85A-130.79	Ninh Thuận
841	79A-512.77	Khánh Hòa	1841	79C-211.08	Khánh Hòa	2841	88A-663.25	Vĩnh Phúc	3841	85A-130.85	Ninh Thuận
842	79A-514.00	Khánh Hòa	1842	85A-129.19	Ninh Thuận	2842	88A-664.19	Vĩnh Phúc	3842	85C-079.68	Ninh Thuận
843	79A-514.29	Khánh Hòa	1843	85A-129.58	Ninh Thuận	2843	88A-664.38	Vĩnh Phúc	3843	86A-279.69	Bình Thuận
844	79A-514.66	Khánh Hòa	1844	85A-130.77	Ninh Thuận	2844	88A-664.79	Vĩnh Phúc	3844	86A-280.98	Bình Thuận
845	79A-515.16	Khánh Hòa	1845	85C-078.96	Ninh Thuận	2845	88A-668.65	Vĩnh Phúc	3845	86A-281.36	Bình Thuận
846	79A-516.06	Khánh Hòa	1846	85C-079.35	Ninh Thuận	2846	88A-668.82	Vĩnh Phúc	3846	88A-659.69	Vĩnh Phúc
847	79A-516.98	Khánh Hòa	1847	85C-079.39	Ninh Thuận	2847	88A-669.56	Vĩnh Phúc	3847	88A-660.58	Vĩnh Phúc
848	79A-518.06	Khánh Hòa	1848	86A-280.65	Bình Thuận	2848	88A-669.93	Vĩnh Phúc	3848	88A-661.58	Vĩnh Phúc
849	79A-518.16	Khánh Hòa	1849	88A-654.39	Vĩnh Phúc	2849	88A-671.76	Vĩnh Phúc	3849	88A-665.16	Vĩnh Phúc
850	79A-520.83	Khánh Hòa	1850	88A-658.89	Vĩnh Phúc	2850	88A-672.25	Vĩnh Phúc	3850	88A-665.18	Vĩnh Phúc
851	79C-209.68	Khánh Hòa	1851	88A-660.22	Vĩnh Phúc	2851	88A-672.85	Vĩnh Phúc	3851	88A-666.07	Vĩnh Phúc
852	79C-209.79	Khánh Hòa	1852	88A-670.76	Vĩnh Phúc	2852	88A-675.83	Vĩnh Phúc	3852	88A-666.34	Vĩnh Phúc
853	79C-210.69	Khánh Hòa	1853	88A-671.67	Vĩnh Phúc	2853	88A-676.58	Vĩnh Phúc	3853	88A-671.18	Vĩnh Phúc
854	79C-212.26	Khánh Hòa	1854	88A-672.96	Vĩnh Phúc	2854	88A-680.95	Vĩnh Phúc	3854	88A-671.26	Vĩnh Phúc
855	84C-113.68	Trà Vinh	1855	88A-674.47	Vĩnh Phúc	2855	88A-682.98	Vĩnh Phúc	3855	88A-671.68	Vĩnh Phúc
856	84C-113.88	Trà Vinh	1856	88A-675.25	Vĩnh Phúc	2856	88A-686.56	Vĩnh Phúc	3856	88A-672.15	Vĩnh Phúc
857	85A-122.86	Ninh Thuận	1857	88A-680.55	Vĩnh Phúc	2857	88A-687.56	Vĩnh Phúc	3857	88A-675.68	Vĩnh Phúc
858	85A-124.88	Ninh Thuận	1858	88A-680.58	Vĩnh Phúc	2858	88A-688.59	Vĩnh Phúc	3858	88A-677.29	Vĩnh Phúc
859	85A-128.86	Ninh Thuận	1859	88A-681.25	Vĩnh Phúc	2859	88A-690.59	Vĩnh Phúc	3859	88A-680.38	Vĩnh Phúc
860	85A-129.15	Ninh Thuận	1860	88A-681.36	Vĩnh Phúc	2860	88A-694.44	Vĩnh Phúc	3860	88A-680.88	Vĩnh Phúc
861	85A-129.28	Ninh Thuận	1861	88A-681.55	Vĩnh Phúc	2861	88A-695.33	Vĩnh Phúc	3861	88A-681.59	Vĩnh Phúc
862	85A-129.29	Ninh Thuận	1862	88A-686.55	Vĩnh Phúc	2862	88A-695.79	Vĩnh Phúc	3862	88A-689.38	Vĩnh Phúc
863	85C-078.66	Ninh Thuận	1863	88A-689.22	Vĩnh Phúc	2863	88A-697.06	Vĩnh Phúc	3863	88A-691.15	Vĩnh Phúc
864	88A-654.44	Vĩnh Phúc	1864	88A-694.35	Vĩnh Phúc	2864	88A-697.19	Vĩnh Phúc	3864	88A-691.25	Vĩnh Phúc
865	88A-661.19	Vĩnh Phúc	1865	88A-696.83	Vĩnh Phúc	2865	88A-701.16	Vĩnh Phúc	3865	88A-692.88	Vĩnh Phúc
866	88A-664.39	Vĩnh Phúc	1866	88A-698.36	Vĩnh Phúc	2866	88A-701.35	Vĩnh Phúc	3866	88A-694.28	Vĩnh Phúc
867	88A-667.15	Vĩnh Phúc	1867	88A-698.39	Vĩnh Phúc	2867	88A-702.03	Vĩnh Phúc	3867	88A-695.58	Vĩnh Phúc
868	88A-671.38	Vĩnh Phúc	1868	88A-701.66	Vĩnh Phúc	2868	88A-702.07	Vĩnh Phúc	3868	88A-696.56	Vĩnh Phúc
869	88A-672.35	Vĩnh Phúc	1869	88C-274.59	Vĩnh Phúc	2869	88A-702.22	Vĩnh Phúc	3869	88A-698.77	Vĩnh Phúc
870	88A-674.11	Vĩnh Phúc	1870	88C-275.59	Vĩnh Phúc	2870	88C-274.77	Vĩnh Phúc	3870	88A-699.35	Vĩnh Phúc
871	88A-674.58	Vĩnh Phúc	1871	88C-275.89	Vĩnh Phúc	2871	88C-274.89	Vĩnh Phúc	3871	88A-701.10	Vĩnh Phúc
872	88A-678.16	Vĩnh Phúc	1872	88C-276.56	Vĩnh Phúc	2872	88C-276.18	Vĩnh Phúc	3872	88C-276.95	Vĩnh Phúc
873	88A-678.19	Vĩnh Phúc	1873	88C-280.18	Vĩnh Phúc	2873	88C-277.22	Vĩnh Phúc	3873	88C-277.11	Vĩnh Phúc
874	88A-678.28	Vĩnh Phúc	1874	89A-430.79	Hưng Yên	2874	88C-279.26	Vĩnh Phúc	3874	88C-279.97	Vĩnh Phúc
875	88A-679.67	Vĩnh Phúc	1875	89A-434.68	Hưng Yên	2875	89A-431.69	Hưng Yên	3875	89A-430.69	Hưng Yên
876	88A-684.08	Vĩnh Phúc	1876	89A-439.86	Hưng Yên	2876	89A-442.56	Hưng Yên	3876	89A-435.35	Hưng Yên
877	88A-684.18	Vĩnh Phúc	1877	89A-445.05	Hưng Yên	2877	89A-443.18	Hưng Yên	3877	89A-436.69	Hưng Yên
878	88A-688.56	Vĩnh Phúc	1878	89A-446.78	Hưng Yên	2878	89A-443.19	Hưng Yên	3878	89A-438.86	Hưng Yên
879	88A-689.92	Vĩnh Phúc	1879	89A-448.44	Hưng Yên	2879	89A-444.14	Hưng Yên	3879	89A-441.36	Hưng Yên
880	88A-692.00	Vĩnh Phúc	1880	89A-448.69	Hưng Yên	2880	89A-444.42	Hưng Yên	3880	89A-441.58	Hưng Yên
881	88A-692.09	Vĩnh Phúc	1881	89A-449.55	Hưng Yên	2881	89A-447.85	Hưng Yên	3881	89A-444.22	Hưng Yên
882	88A-692.65	Vĩnh Phúc	1882	89A-449.96	Hưng Yên	2882	89A-448.18	Hưng Yên	3882	89A-449.39	Hưng Yên

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
883	88A-696.15	Vĩnh Phúc	1883	89A-450.19	Hưng Yên	2883	89A-448.55	Hưng Yên	3883	89A-449.94	Hưng Yên
884	88A-696.22	Vĩnh Phúc	1884	89A-451.66	Hưng Yên	2884	89A-451.16	Hưng Yên	3884	89A-451.06	Hưng Yên
885	88A-701.98	Vĩnh Phúc	1885	89A-453.11	Hưng Yên	2885	89A-452.35	Hưng Yên	3885	89A-451.56	Hưng Yên
886	88A-701.99	Vĩnh Phúc	1886	89A-454.26	Hưng Yên	2886	89A-454.11	Hưng Yên	3886	89A-451.86	Hưng Yên
887	88C-276.09	Vĩnh Phúc	1887	89A-454.66	Hưng Yên	2887	89A-455.79	Hưng Yên	3887	89A-452.06	Hưng Yên
888	88C-278.11	Vĩnh Phúc	1888	89A-457.58	Hưng Yên	2888	89A-456.44	Hưng Yên	3888	89A-452.11	Hưng Yên
889	89A-435.99	Hưng Yên	1889	89A-460.39	Hưng Yên	2889	89A-457.38	Hưng Yên	3889	89A-454.08	Hưng Yên
890	89A-441.99	Hưng Yên	1890	89A-462.79	Hưng Yên	2890	89A-458.95	Hưng Yên	3890	89A-455.26	Hưng Yên
891	89A-442.24	Hưng Yên	1891	89A-464.11	Hưng Yên	2891	89A-461.56	Hưng Yên	3891	89A-455.68	Hưng Yên
892	89A-449.06	Hưng Yên	1892	89A-465.36	Hưng Yên	2892	89A-462.89	Hưng Yên	3892	89A-458.83	Hưng Yên
893	89A-449.18	Hưng Yên	1893	89C-313.39	Hưng Yên	2893	89A-464.88	Hưng Yên	3893	89A-460.58	Hưng Yên
894	89A-449.38	Hưng Yên	1894	89C-323.29	Hưng Yên	2894	89A-466.18	Hưng Yên	3894	89A-461.22	Hưng Yên
895	89A-451.28	Hưng Yên	1895	89C-324.25	Hưng Yên	2895	89A-466.65	Hưng Yên	3895	89A-463.29	Hưng Yên
896	89A-453.85	Hưng Yên	1896	89C-324.83	Hưng Yên	2896	89C-308.88	Hưng Yên	3896	89A-466.96	Hưng Yên
897	89A-456.08	Hưng Yên	1897	90A-237.99	Hà Nam	2897	89C-316.58	Hưng Yên	3897	89A-467.29	Hưng Yên
898	89A-456.83	Hưng Yên	1898	90A-242.58	Hà Nam	2898	89C-322.28	Hưng Yên	3898	89C-316.08	Hưng Yên
899	89A-460.36	Hưng Yên	1899	90A-250.25	Hà Nam	2899	89C-322.77	Hưng Yên	3899	89C-319.90	Hưng Yên
900	89A-462.11	Hưng Yên	1900	90A-252.96	Hà Nam	2900	90A-242.89	Hà Nam	3900	89C-320.09	Hưng Yên
901	89A-463.08	Hưng Yên	1901	90A-255.33	Hà Nam	2901	90A-247.55	Hà Nam	3901	89C-320.33	Hưng Yên
902	89A-463.36	Hưng Yên	1902	90A-257.09	Hà Nam	2902	90A-249.18	Hà Nam	3902	89C-321.85	Hưng Yên
903	89A-464.08	Hưng Yên	1903	90A-258.65	Hà Nam	2903	90A-250.16	Hà Nam	3903	89C-323.44	Hưng Yên
904	89A-465.55	Hưng Yên	1904	90C-139.08	Hà Nam	2904	90A-250.56	Hà Nam	3904	89C-323.99	Hưng Yên
905	89A-465.68	Hưng Yên	1905	92A-374.55	Quảng Nam	2905	90A-251.99	Hà Nam	3905	89C-324.85	Hưng Yên
906	89A-466.58	Hưng Yên	1906	92A-377.00	Quảng Nam	2906	90A-252.59	Hà Nam	3906	89C-325.36	Hưng Yên
907	89A-467.18	Hưng Yên	1907	92A-377.85	Quảng Nam	2907	90A-252.82	Hà Nam	3907	90A-242.59	Hà Nam
908	90A-243.19	Hà Nam	1908	92A-378.38	Quảng Nam	2908	90A-253.09	Hà Nam	3908	90A-248.84	Hà Nam
909	90A-245.56	Hà Nam	1909	92A-378.77	Quảng Nam	2909	90A-255.08	Hà Nam	3909	90A-250.68	Hà Nam
910	90A-247.69	Hà Nam	1910	92A-379.89	Quảng Nam	2910	90C-137.38	Hà Nam	3910	90A-252.34	Hà Nam
911	90A-248.66	Hà Nam	1911	92A-379.96	Quảng Nam	2911	92A-371.89	Quảng Nam	3911	90A-255.58	Hà Nam
912	90A-249.26	Hà Nam	1912	92A-382.11	Quảng Nam	2912	92A-374.22	Quảng Nam	3912	90C-139.58	Hà Nam
913	90A-250.69	Hà Nam	1913	92A-383.68	Quảng Nam	2913	92A-379.95	Quảng Nam	3913	92A-372.66	Quảng Nam
914	90A-253.55	Hà Nam	1914	92A-384.66	Quảng Nam	2914	92A-381.82	Quảng Nam	3914	92A-374.38	Quảng Nam
915	90A-254.36	Hà Nam	1915	92A-384.86	Quảng Nam	2915	92A-381.98	Quảng Nam	3915	92A-375.56	Quảng Nam
916	90A-256.38	Hà Nam	1916	92A-385.36	Quảng Nam	2916	92A-385.08	Quảng Nam	3916	92A-375.83	Quảng Nam
917	90A-257.86	Hà Nam	1917	92A-389.11	Quảng Nam	2917	92A-386.36	Quảng Nam	3917	92A-377.56	Quảng Nam
918	90A-257.88	Hà Nam	1918	92A-390.19	Quảng Nam	2918	92A-388.89	Quảng Nam	3918	92A-378.95	Quảng Nam
919	90B-009.16	Hà Nam	1919	92C-229.86	Quảng Nam	2919	92A-388.96	Quảng Nam	3919	92A-379.56	Quảng Nam
920	90C-135.55	Hà Nam	1920	92C-231.88	Quảng Nam	2920	92A-390.44	Quảng Nam	3920	92A-381.18	Quảng Nam
921	90C-138.22	Hà Nam	1921	97A-080.80	Bắc Kạn	2921	92A-390.99	Quảng Nam	3921	92A-381.22	Quảng Nam
922	90C-138.77	Hà Nam	1922	97A-081.99	Bắc Kạn	2922	92A-392.25	Quảng Nam	3922	92A-381.28	Quảng Nam
923	92A-374.09	Quảng Nam	1923	97A-082.59	Bắc Kạn	2923	97A-078.19	Bắc Kạn	3923	92A-382.26	Quảng Nam
924	92A-374.69	Quảng Nam	1924	98A-670.68	Bắc Giang	2924	97A-079.58	Bắc Kạn	3924	92A-382.39	Quảng Nam
925	92A-381.29	Quảng Nam	1925	98A-672.66	Bắc Giang	2925	97A-080.00	Bắc Kạn	3925	92A-388.09	Quảng Nam
926	92A-384.11	Quảng Nam	1926	98A-675.79	Bắc Giang	2926	97A-080.29	Bắc Kạn	3926	92A-390.38	Quảng Nam
927	92A-386.99	Quảng Nam	1927	98A-675.86	Bắc Giang	2927	97A-082.25	Bắc Kạn	3927	92A-391.09	Quảng Nam
928	92A-389.58	Quảng Nam	1928	98A-683.99	Bắc Giang	2928	97A-082.77	Bắc Kạn	3928	92A-392.68	Quảng Nam
929	92A-389.69	Quảng Nam	1929	98A-684.77	Bắc Giang	2929	97C-039.18	Bắc Kạn	3929	92B-031.38	Quảng Nam
930	97A-077.08	Bắc Kạn	1930	98A-687.85	Bắc Giang	2930	98A-684.08	Bắc Giang	3930	97A-078.79	Bắc Kạn
931	97A-080.69	Bắc Kạn	1931	98A-690.86	Bắc Giang	2931	98A-698.56	Bắc Giang	3931	97A-081.16	Bắc Kạn
932	97A-081.95	Bắc Kạn	1932	98A-697.99	Bắc Giang	2932	98A-699.85	Bắc Giang	3932	97A-081.55	Bắc Kạn
933	97A-082.69	Bắc Kạn	1933	98A-699.59	Bắc Giang	2933	98A-703.86	Bắc Giang	3933	97C-037.89	Bắc Kạn
934	97C-038.79	Bắc Kạn	1934	98A-702.59	Bắc Giang	2934	98A-704.68	Bắc Giang	3934	98A-680.68	Bắc Giang
935	98A-685.38	Bắc Giang	1935	98A-706.59	Bắc Giang	2935	98A-704.99	Bắc Giang	3935	98A-680.79	Bắc Giang
936	98A-689.36	Bắc Giang	1936	98A-707.55	Bắc Giang	2936	98A-705.68	Bắc Giang	3936	98A-697.59	Bắc Giang
937	98A-697.89	Bắc Giang	1937	98A-708.22	Bắc Giang	2937	98A-706.11	Bắc Giang	3937	98A-701.59	Bắc Giang
938	98A-704.88	Bắc Giang	1938	98A-709.36	Bắc Giang	2938	98A-706.95	Bắc Giang	3938	98A-702.56	Bắc Giang
939	98A-705.39	Bắc Giang	1939	98A-710.00	Bắc Giang	2939	98A-708.08	Bắc Giang	3939	98A-703.06	Bắc Giang
940	98A-708.18	Bắc Giang	1940	98A-710.08	Bắc Giang	2940	98A-708.29	Bắc Giang	3940	98A-703.39	Bắc Giang
941	98A-709.85	Bắc Giang	1941	98A-718.81	Bắc Giang	2941	98A-712.69	Bắc Giang	3941	98A-706.16	Bắc Giang

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
942	98A-710.38	Bắc Giang	942	98A-719.26	Bắc Giang	2942	98A-714.09	Bắc Giang	3942	98A-706.89	Bắc Giang
943	98A-710.69	Bắc Giang	943	98A-723.33	Bắc Giang	2943	98A-714.18	Bắc Giang	3943	98A-708.35	Bắc Giang
944	98A-712.22	Bắc Giang	944	98A-726.36	Bắc Giang	2944	98A-715.18	Bắc Giang	3944	98A-708.58	Bắc Giang
945	98A-713.29	Bắc Giang	945	98A-727.79	Bắc Giang	2945	98A-716.00	Bắc Giang	3945	98A-712.12	Bắc Giang
946	98A-714.16	Bắc Giang	946	98A-728.58	Bắc Giang	2946	98A-721.28	Bắc Giang	3946	98A-715.28	Bắc Giang
947	98A-715.09	Bắc Giang	947	98A-729.92	Bắc Giang	2947	98A-721.66	Bắc Giang	3947	98A-715.59	Bắc Giang
948	98A-715.26	Bắc Giang	948	98A-730.29	Bắc Giang	2948	98A-723.29	Bắc Giang	3948	98A-716.15	Bắc Giang
949	98A-718.58	Bắc Giang	949	98A-731.77	Bắc Giang	2949	98A-723.65	Bắc Giang	3949	98A-716.22	Bắc Giang
950	98A-718.85	Bắc Giang	950	98A-731.85	Bắc Giang	2950	98A-724.00	Bắc Giang	3950	98A-716.83	Bắc Giang
951	98A-720.72	Bắc Giang	951	98A-734.37	Bắc Giang	2951	98A-725.38	Bắc Giang	3951	98A-717.33	Bắc Giang
952	98A-723.28	Bắc Giang	952	98A-734.73	Bắc Giang	2952	98A-726.44	Bắc Giang	3952	98A-717.85	Bắc Giang
953	98A-724.42	Bắc Giang	953	98A-735.08	Bắc Giang	2953	98A-726.65	Bắc Giang	3953	98A-718.25	Bắc Giang
954	98A-725.27	Bắc Giang	954	98A-735.79	Bắc Giang	2954	98A-727.25	Bắc Giang	3954	98A-719.58	Bắc Giang
955	98A-726.99	Bắc Giang	955	98A-738.08	Bắc Giang	2955	98A-730.88	Bắc Giang	3955	98A-719.71	Bắc Giang
956	98A-728.19	Bắc Giang	956	98A-738.25	Bắc Giang	2956	98A-731.09	Bắc Giang	3956	98A-722.85	Bắc Giang
957	98A-733.06	Bắc Giang	957	98C-327.18	Bắc Giang	2957	98A-731.26	Bắc Giang	3957	98A-723.44	Bắc Giang
958	98A-734.16	Bắc Giang	958	98C-328.88	Bắc Giang	2958	98A-732.56	Bắc Giang	3958	98A-723.58	Bắc Giang
959	98A-734.28	Bắc Giang	959	98C-329.55	Bắc Giang	2959	98A-732.98	Bắc Giang	3959	98A-730.30	Bắc Giang
960	98A-735.36	Bắc Giang	960	98C-333.16	Bắc Giang	2960	98A-737.86	Bắc Giang	3960	98A-730.95	Bắc Giang
961	98C-327.39	Bắc Giang	961	98C-334.22	Bắc Giang	2961	98A-738.22	Bắc Giang	3961	98A-732.19	Bắc Giang
962	98C-329.89	Bắc Giang	962	99A-694.79	Bắc Ninh	2962	98C-328.85	Bắc Giang	3962	98A-732.39	Bắc Giang
963	98C-331.69	Bắc Giang	963	99A-700.44	Bắc Ninh	2963	98C-333.45	Bắc Giang	3963	98A-733.89	Bắc Giang
964	98C-333.13	Bắc Giang	964	99A-702.79	Bắc Ninh	2964	98C-333.79	Bắc Giang	3964	98A-734.08	Bắc Giang
965	99A-690.79	Bắc Ninh	965	99A-703.79	Bắc Ninh	2965	98C-334.35	Bắc Giang	3965	98C-328.89	Bắc Giang
966	99A-703.88	Bắc Ninh	966	99A-705.05	Bắc Ninh	2966	99A-687.86	Bắc Ninh	3966	98C-332.22	Bắc Giang
967	99A-709.66	Bắc Ninh	967	99A-712.86	Bắc Ninh	2967	99A-703.68	Bắc Ninh	3967	98C-334.11	Bắc Giang
968	99A-711.86	Bắc Ninh	968	99A-717.71	Bắc Ninh	2968	99A-704.79	Bắc Ninh	3968	98C-335.26	Bắc Giang
969	99A-713.99	Bắc Ninh	969	99A-718.68	Bắc Ninh	2969	99A-711.77	Bắc Ninh	3969	99A-718.79	Bắc Ninh
970	99A-720.19	Bắc Ninh	970	99A-720.16	Bắc Ninh	2970	99A-713.33	Bắc Ninh	3970	99A-720.77	Bắc Ninh
971	99A-727.88	Bắc Ninh	971	99A-728.55	Bắc Ninh	2971	99A-715.66	Bắc Ninh	3971	99A-720.89	Bắc Ninh
972	99A-728.06	Bắc Ninh	972	99A-729.16	Bắc Ninh	2972	99A-722.77	Bắc Ninh	3972	99A-721.56	Bắc Ninh
973	99A-733.85	Bắc Ninh	973	99A-730.56	Bắc Ninh	2973	99A-727.09	Bắc Ninh	3973	99A-728.68	Bắc Ninh
974	99A-737.15	Bắc Ninh	974	99A-731.09	Bắc Ninh	2974	99A-727.36	Bắc Ninh	3974	99A-728.79	Bắc Ninh
975	99A-740.40	Bắc Ninh	975	99A-733.11	Bắc Ninh	2975	99A-728.09	Bắc Ninh	3975	99A-736.38	Bắc Ninh
976	99A-740.99	Bắc Ninh	976	99A-737.83	Bắc Ninh	2976	99A-729.26	Bắc Ninh	3976	99A-738.58	Bắc Ninh
977	99A-741.47	Bắc Ninh	977	99A-739.55	Bắc Ninh	2977	99A-732.98	Bắc Ninh	3977	99A-738.66	Bắc Ninh
978	99A-742.42	Bắc Ninh	978	99A-740.59	Bắc Ninh	2978	99A-733.39	Bắc Ninh	3978	99A-740.04	Bắc Ninh
979	99A-743.69	Bắc Ninh	979	99A-744.33	Bắc Ninh	2979	99A-737.73	Bắc Ninh	3979	99A-741.42	Bắc Ninh
980	99A-746.59	Bắc Ninh	980	99A-744.77	Bắc Ninh	2980	99A-742.08	Bắc Ninh	3980	99A-742.00	Bắc Ninh
981	99A-749.98	Bắc Ninh	981	99A-745.54	Bắc Ninh	2981	99A-742.77	Bắc Ninh	3981	99A-743.66	Bắc Ninh
982	99A-752.98	Bắc Ninh	982	99A-746.55	Bắc Ninh	2982	99A-743.34	Bắc Ninh	3982	99A-743.88	Bắc Ninh
983	99A-753.25	Bắc Ninh	983	99A-748.29	Bắc Ninh	2983	99A-744.56	Bắc Ninh	3983	99A-745.11	Bắc Ninh
984	99A-753.29	Bắc Ninh	984	99A-748.59	Bắc Ninh	2984	99A-745.98	Bắc Ninh	3984	99A-746.74	Bắc Ninh
985	99A-753.38	Bắc Ninh	985	99A-749.99	Bắc Ninh	2985	99A-747.29	Bắc Ninh	3985	99A-747.15	Bắc Ninh
986	99A-754.36	Bắc Ninh	986	99A-752.35	Bắc Ninh	2986	99A-747.35	Bắc Ninh	3986	99A-748.11	Bắc Ninh
987	99A-757.11	Bắc Ninh	987	99A-755.11	Bắc Ninh	2987	99A-752.18	Bắc Ninh	3987	99A-748.28	Bắc Ninh
988	99A-757.96	Bắc Ninh	988	99A-757.09	Bắc Ninh	2988	99A-752.66	Bắc Ninh	3988	99A-749.06	Bắc Ninh
989	99A-758.16	Bắc Ninh	989	99A-758.18	Bắc Ninh	2989	99A-755.26	Bắc Ninh	3989	99A-750.15	Bắc Ninh
990	99A-759.19	Bắc Ninh	990	99A-758.95	Bắc Ninh	2990	99A-755.58	Bắc Ninh	3990	99A-751.52	Bắc Ninh
991	99A-759.86	Bắc Ninh	991	99A-763.26	Bắc Ninh	2991	99A-756.39	Bắc Ninh	3991	99A-752.00	Bắc Ninh
992	99A-760.77	Bắc Ninh	992	99A-763.36	Bắc Ninh	2992	99A-760.06	Bắc Ninh	3992	99A-752.08	Bắc Ninh
993	99A-761.08	Bắc Ninh	993	99A-763.93	Bắc Ninh	2993	99A-762.35	Bắc Ninh	3993	99A-753.66	Bắc Ninh
994	99A-765.22	Bắc Ninh	994	99A-764.98	Bắc Ninh	2994	99A-763.33	Bắc Ninh	3994	99A-755.83	Bắc Ninh
995	99A-766.16	Bắc Ninh	995	99A-767.25	Bắc Ninh	2995	99A-763.39	Bắc Ninh	3995	99A-757.22	Bắc Ninh
996	99A-766.86	Bắc Ninh	996	99C-302.28	Bắc Ninh	2996	99A-763.86	Bắc Ninh	3996	99A-758.57	Bắc Ninh
997	99C-302.44	Bắc Ninh	997	99C-305.09	Bắc Ninh	2997	99C-300.79	Bắc Ninh	3997	99A-759.65	Bắc Ninh
998	99C-303.04	Bắc Ninh	998	99C-308.58	Bắc Ninh	2998	99C-302.34	Bắc Ninh	3998	99A-764.69	Bắc Ninh
999	99C-307.06	Bắc Ninh	999	99C-309.00	Bắc Ninh	2999	99C-303.16	Bắc Ninh	3999	99A-767.26	Bắc Ninh
1000	99C-307.35	Bắc Ninh	2000	99C-309.18	Bắc Ninh	3000	99C-305.26	Bắc Ninh	4000	99C-303.18	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4001	30K-797.79	Hà Nội	5001	30K-993.33	Hà Nội	6001	30K-674.79	Hà Nội			
4002	30K-683.16	Hà Nội	5002	30K-690.22	Hà Nội	6002	30K-676.16	Hà Nội			
4003	30K-687.69	Hà Nội	5003	30K-690.59	Hà Nội	6003	30K-677.08	Hà Nội			
4004	30K-689.36	Hà Nội	5004	30K-694.26	Hà Nội	6004	30K-677.86	Hà Nội			
4005	30K-691.36	Hà Nội	5005	30K-701.69	Hà Nội	6005	30K-685.56	Hà Nội			
4006	30K-699.36	Hà Nội	5006	30K-705.55	Hà Nội	6006	30K-686.77	Hà Nội			
4007	30K-703.30	Hà Nội	5007	30K-717.86	Hà Nội	6007	30K-691.08	Hà Nội			
4008	30K-709.66	Hà Nội	5008	30K-726.89	Hà Nội	6008	30K-697.88	Hà Nội			
4009	30K-714.99	Hà Nội	5009	30K-747.89	Hà Nội	6009	30K-704.79	Hà Nội			
4010	30K-716.86	Hà Nội	5010	30K-753.79	Hà Nội	6010	30K-712.21	Hà Nội			
4011	30K-718.81	Hà Nội	5011	30K-760.68	Hà Nội	6011	30K-713.39	Hà Nội			
4012	30K-723.66	Hà Nội	5012	30K-783.99	Hà Nội	6012	30K-714.66	Hà Nội			
4013	30K-753.88	Hà Nội	5013	30K-785.79	Hà Nội	6013	30K-733.22	Hà Nội			
4014	30K-762.39	Hà Nội	5014	30K-793.85	Hà Nội	6014	30K-740.99	Hà Nội			
4015	30K-770.68	Hà Nội	5015	30K-795.25	Hà Nội	6015	30K-753.66	Hà Nội			
4016	30K-780.89	Hà Nội	5016	30K-795.38	Hà Nội	6016	30K-762.26	Hà Nội			
4017	30K-795.08	Hà Nội	5017	30K-796.16	Hà Nội	6017	30K-776.68	Hà Nội			
4018	30K-795.98	Hà Nội	5018	30K-797.83	Hà Nội	6018	30K-780.39	Hà Nội			
4019	30K-799.35	Hà Nội	5019	30K-798.82	Hà Nội	6019	30K-790.96	Hà Nội			
4020	30K-799.65	Hà Nội	5020	30K-800.59	Hà Nội	6020	30K-790.97	Hà Nội			
4021	30K-804.38	Hà Nội	5021	30K-801.36	Hà Nội	6021	30K-792.69	Hà Nội			
4022	30K-809.06	Hà Nội	5022	30K-802.95	Hà Nội	6022	30K-794.58	Hà Nội			
4023	30K-813.65	Hà Nội	5023	30K-804.68	Hà Nội	6023	30K-801.85	Hà Nội			
4024	30K-814.09	Hà Nội	5024	30K-808.25	Hà Nội	6024	30K-802.55	Hà Nội			
4025	30K-814.44	Hà Nội	5025	30K-813.56	Hà Nội	6025	30K-804.40	Hà Nội			
4026	30K-818.26	Hà Nội	5026	30K-814.85	Hà Nội	6026	30K-805.33	Hà Nội			
4027	30K-818.95	Hà Nội	5027	30K-817.09	Hà Nội	6027	30K-808.82	Hà Nội			
4028	30K-820.15	Hà Nội	5028	30K-817.19	Hà Nội	6028	30K-817.36	Hà Nội			
4029	30K-823.09	Hà Nội	5029	30K-824.85	Hà Nội	6029	30K-818.55	Hà Nội			
4030	30K-828.15	Hà Nội	5030	30K-825.35	Hà Nội	6030	30K-819.08	Hà Nội			
4031	30K-830.33	Hà Nội	5031	30K-827.06	Hà Nội	6031	30K-824.39	Hà Nội			
4032	30K-830.89	Hà Nội	5032	30K-827.26	Hà Nội	6032	30K-828.85	Hà Nội			
4033	30K-831.44	Hà Nội	5033	30K-831.31	Hà Nội	6033	30K-843.18	Hà Nội			
4034	30K-834.26	Hà Nội	5034	30K-833.29	Hà Nội	6034	30K-844.35	Hà Nội			
4035	30K-834.36	Hà Nội	5035	30K-834.96	Hà Nội	6035	30K-845.26	Hà Nội			
4036	30K-837.00	Hà Nội	5036	30K-835.26	Hà Nội	6036	30K-851.26	Hà Nội			
4037	30K-840.41	Hà Nội	5037	30K-836.09	Hà Nội	6037	30K-851.85	Hà Nội			
4038	30K-840.83	Hà Nội	5038	30K-838.59	Hà Nội	6038	30K-856.38	Hà Nội			
4039	30K-843.88	Hà Nội	5039	30K-841.96	Hà Nội	6039	30K-859.92	Hà Nội			
4040	30K-848.08	Hà Nội	5040	30K-844.95	Hà Nội	6040	30K-862.23	Hà Nội			
4041	30K-849.86	Hà Nội	5041	30K-845.39	Hà Nội	6041	30K-863.92	Hà Nội			
4042	30K-850.68	Hà Nội	5042	30K-847.11	Hà Nội	6042	30K-867.44	Hà Nội			
4043	30K-851.09	Hà Nội	5043	30K-847.77	Hà Nội	6043	30K-870.39	Hà Nội			
4044	30K-856.29	Hà Nội	5044	30K-849.95	Hà Nội	6044	30K-871.06	Hà Nội			
4045	30K-858.25	Hà Nội	5045	30K-850.19	Hà Nội	6045	30K-872.15	Hà Nội			
4046	30K-859.55	Hà Nội	5046	30K-852.23	Hà Nội	6046	30K-872.66	Hà Nội			
4047	30K-860.99	Hà Nội	5047	30K-853.99	Hà Nội	6047	30K-873.16	Hà Nội			
4048	30K-861.06	Hà Nội	5048	30K-855.65	Hà Nội	6048	30K-876.83	Hà Nội			
4049	30K-866.09	Hà Nội	5049	30K-857.08	Hà Nội	6049	30K-880.28	Hà Nội			
4050	30K-871.28	Hà Nội	5050	30K-858.22	Hà Nội	6050	30K-881.06	Hà Nội			
4051	30K-872.08	Hà Nội	5051	30K-860.15	Hà Nội	6051	30K-884.28	Hà Nội			
4052	30K-878.44	Hà Nội	5052	30K-860.89	Hà Nội	6052	30K-884.89	Hà Nội			
4053	30K-878.83	Hà Nội	5053	30K-862.09	Hà Nội	6053	30K-885.19	Hà Nội			
4054	30K-879.06	Hà Nội	5054	30K-862.65	Hà Nội	6054	30K-886.35	Hà Nội			
4055	30K-880.18	Hà Nội	5055	30K-864.39	Hà Nội	6055	30K-894.66	Hà Nội			
4056	30K-884.09	Hà Nội	5056	30K-867.62	Hà Nội	6056	30K-899.36	Hà Nội			
4057	30K-889.16	Hà Nội	5057	30K-869.35	Hà Nội	6057	30K-899.85	Hà Nội			
4058	30K-895.19	Hà Nội	5058	30K-870.36	Hà Nội	6058	30K-901.96	Hà Nội			
4059	30K-898.58	Hà Nội	5059	30K-871.08	Hà Nội	6059	30K-902.08	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4060	30K-900.86	Hà Nội	5060	30K-872.69	Hà Nội	6060	30K-902.83	Hà Nội			
4061	30K-902.02	Hà Nội	5061	30K-875.28	Hà Nội	6061	30K-903.03	Hà Nội			
4062	30K-903.35	Hà Nội	5062	30K-878.16	Hà Nội	6062	30K-909.16	Hà Nội			
4063	30K-903.36	Hà Nội	5063	30K-878.98	Hà Nội	6063	30K-911.29	Hà Nội			
4064	30K-903.59	Hà Nội	5064	30K-885.06	Hà Nội	6064	30K-912.00	Hà Nội			
4065	30K-904.96	Hà Nội	5065	30K-886.11	Hà Nội	6065	30K-912.12	Hà Nội			
4066	30K-906.11	Hà Nội	5066	30K-890.55	Hà Nội	6066	30K-913.55	Hà Nội			
4067	30K-910.26	Hà Nội	5067	30K-891.83	Hà Nội	6067	30K-916.09	Hà Nội			
4068	30K-914.66	Hà Nội	5068	30K-892.39	Hà Nội	6068	30K-916.17	Hà Nội			
4069	30K-914.79	Hà Nội	5069	30K-892.66	Hà Nội	6069	30K-917.98	Hà Nội			
4070	30K-916.69	Hà Nội	5070	30K-894.65	Hà Nội	6070	30K-918.35	Hà Nội			
4071	30K-917.44	Hà Nội	5071	30K-903.68	Hà Nội	6071	30K-920.65	Hà Nội			
4072	30K-920.85	Hà Nội	5072	30K-906.77	Hà Nội	6072	30K-921.66	Hà Nội			
4073	30K-921.28	Hà Nội	5073	30K-912.91	Hà Nội	6073	30K-921.86	Hà Nội			
4074	30K-927.98	Hà Nội	5074	30K-916.95	Hà Nội	6074	30K-923.92	Hà Nội			
4075	30K-930.93	Hà Nội	5075	30K-918.25	Hà Nội	6075	30K-927.22	Hà Nội			
4076	30K-933.65	Hà Nội	5076	30K-920.11	Hà Nội	6076	30K-930.06	Hà Nội			
4077	30K-935.85	Hà Nội	5077	30K-923.00	Hà Nội	6077	30K-930.25	Hà Nội			
4078	30K-935.93	Hà Nội	5078	30K-926.65	Hà Nội	6078	30K-934.16	Hà Nội			
4079	30K-936.26	Hà Nội	5079	30K-927.35	Hà Nội	6079	30K-936.56	Hà Nội			
4080	30K-944.16	Hà Nội	5080	30K-928.06	Hà Nội	6080	30K-937.38	Hà Nội			
4081	30K-944.83	Hà Nội	5081	30K-930.65	Hà Nội	6081	30K-938.56	Hà Nội			
4082	30K-946.65	Hà Nội	5082	30K-931.38	Hà Nội	6082	30K-939.35	Hà Nội			
4083	30K-949.18	Hà Nội	5083	30K-931.85	Hà Nội	6083	30K-940.66	Hà Nội			
4084	30K-955.86	Hà Nội	5084	30K-932.93	Hà Nội	6084	30K-942.15	Hà Nội			
4085	30K-958.11	Hà Nội	5085	30K-933.77	Hà Nội	6085	30K-942.66	Hà Nội			
4086	30K-960.11	Hà Nội	5086	30K-934.99	Hà Nội	6086	30K-943.94	Hà Nội			
4087	30K-963.29	Hà Nội	5087	30K-935.16	Hà Nội	6087	30K-944.58	Hà Nội			
4088	30K-963.64	Hà Nội	5088	30K-935.83	Hà Nội	6088	30K-946.16	Hà Nội			
4089	30K-965.83	Hà Nội	5089	30K-935.89	Hà Nội	6089	30K-946.96	Hà Nội			
4090	30K-970.70	Hà Nội	5090	30K-937.69	Hà Nội	6090	30K-947.11	Hà Nội			
4091	30K-971.44	Hà Nội	5091	30K-937.83	Hà Nội	6091	30K-948.84	Hà Nội			
4092	30K-972.73	Hà Nội	5092	30K-942.44	Hà Nội	6092	30K-950.22	Hà Nội			
4093	30K-973.85	Hà Nội	5093	30K-944.98	Hà Nội	6093	30K-950.35	Hà Nội			
4094	30K-975.65	Hà Nội	5094	30K-945.09	Hà Nội	6094	30K-950.55	Hà Nội			
4095	30K-977.33	Hà Nội	5095	30K-945.88	Hà Nội	6095	30K-959.18	Hà Nội			
4096	30K-980.26	Hà Nội	5096	30K-946.56	Hà Nội	6096	30K-960.18	Hà Nội			
4097	30K-981.33	Hà Nội	5097	30K-950.96	Hà Nội	6097	30K-962.63	Hà Nội			
4098	30K-982.77	Hà Nội	5098	30K-952.68	Hà Nội	6098	30K-967.39	Hà Nội			
4099	30K-983.84	Hà Nội	5099	30K-954.55	Hà Nội	6099	30K-970.26	Hà Nội			
4100	30K-984.38	Hà Nội	5100	30K-959.93	Hà Nội	6100	30K-974.22	Hà Nội			
4101	30K-987.78	Hà Nội	5101	30K-963.22	Hà Nội	6101	30K-974.65	Hà Nội			
4102	30K-987.96	Hà Nội	5102	30K-964.46	Hà Nội	6102	30K-977.18	Hà Nội			
4103	30K-990.36	Hà Nội	5103	30K-964.55	Hà Nội	6103	30K-978.77	Hà Nội			
4104	30K-990.69	Hà Nội	5104	30K-965.98	Hà Nội	6104	30K-978.83	Hà Nội			
4105	30K-992.09	Hà Nội	5105	30K-968.93	Hà Nội	6105	30K-982.65	Hà Nội			
4106	30K-992.95	Hà Nội	5106	30K-971.17	Hà Nội	6106	30K-984.65	Hà Nội			
4107	30K-994.09	Hà Nội	5107	30K-974.55	Hà Nội	6107	30K-984.96	Hà Nội			
4108	30K-994.16	Hà Nội	5108	30K-976.56	Hà Nội	6108	30K-988.09	Hà Nội			
4109	30K-995.11	Hà Nội	5109	30K-978.08	Hà Nội	6109	30K-990.56	Hà Nội			
4110	30K-995.26	Hà Nội	5110	30K-980.95	Hà Nội	6110	30K-993.65	Hà Nội			
4111	30K-999.05	Hà Nội	5111	30K-983.28	Hà Nội	6111	30K-998.35	Hà Nội			
4112	30L-002.28	Hà Nội	5112	30K-984.66	Hà Nội	6112	30L-002.56	Hà Nội			
4113	30L-002.65	Hà Nội	5113	30K-992.44	Hà Nội	6113	30L-002.66	Hà Nội			
4114	30L-006.16	Hà Nội	5114	30K-992.56	Hà Nội	6114	30L-003.99	Hà Nội			
4115	30L-006.26	Hà Nội	5115	30K-993.28	Hà Nội	6115	30L-007.18	Hà Nội			
4116	30L-007.16	Hà Nội	5116	30K-994.19	Hà Nội	6116	30L-009.58	Hà Nội			
4117	30L-007.69	Hà Nội	5117	30L-000.15	Hà Nội	6117	30L-009.65	Hà Nội			
4118	30L-008.29	Hà Nội	5118	30L-003.56	Hà Nội	6118	30L-014.66	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4119	30L-008.59	Hà Nội	5119	30L-004.77	Hà Nội	6119	30L-016.56	Hà Nội			
4120	30L-009.18	Hà Nội	5120	30L-008.18	Hà Nội	6120	30L-017.59	Hà Nội			
4121	30L-011.58	Hà Nội	5121	30L-008.77	Hà Nội	6121	30L-020.56	Hà Nội			
4122	30L-013.65	Hà Nội	5122	30L-009.16	Hà Nội	6122	30L-021.15	Hà Nội			
4123	30L-018.39	Hà Nội	5123	30L-010.77	Hà Nội	6123	30L-021.18	Hà Nội			
4124	30L-019.14	Hà Nội	5124	30L-013.35	Hà Nội	6124	30L-022.77	Hà Nội			
4125	30L-020.18	Hà Nội	5125	30L-014.55	Hà Nội	6125	30L-023.24	Hà Nội			
4126	30L-020.33	Hà Nội	5126	30L-014.98	Hà Nội	6126	30L-023.93	Hà Nội			
4127	30L-020.79	Hà Nội	5127	30L-017.19	Hà Nội	6127	30L-024.35	Hà Nội			
4128	30L-021.58	Hà Nội	5128	30L-017.22	Hà Nội	6128	30L-029.18	Hà Nội			
4129	30L-021.98	Hà Nội	5129	30L-017.58	Hà Nội	6129	30L-034.59	Hà Nội			
4130	30L-023.25	Hà Nội	5130	30L-019.38	Hà Nội	6130	30L-039.11	Hà Nội			
4131	30L-031.68	Hà Nội	5131	30L-020.44	Hà Nội	6131	30L-039.15	Hà Nội			
4132	30L-031.89	Hà Nội	5132	30L-021.28	Hà Nội	6132	30L-039.59	Hà Nội			
4133	30L-032.28	Hà Nội	5133	30L-022.86	Hà Nội	6133	30L-039.95	Hà Nội			
4134	30L-034.58	Hà Nội	5134	30L-023.22	Hà Nội	6134	30L-040.11	Hà Nội			
4135	30L-035.89	Hà Nội	5135	30L-024.55	Hà Nội	6135	30L-042.33	Hà Nội			
4136	30L-036.03	Hà Nội	5136	30L-026.06	Hà Nội	6136	30L-042.42	Hà Nội			
4137	30L-038.58	Hà Nội	5137	30L-029.00	Hà Nội	6137	30L-052.77	Hà Nội			
4138	30L-040.36	Hà Nội	5138	30L-031.16	Hà Nội	6138	30L-053.15	Hà Nội			
4139	30L-041.28	Hà Nội	5139	30L-031.22	Hà Nội	6139	30L-053.22	Hà Nội			
4140	30L-043.40	Hà Nội	5140	30L-032.26	Hà Nội	6140	30L-054.19	Hà Nội			
4141	30L-045.18	Hà Nội	5141	30L-033.22	Hà Nội	6141	30L-056.69	Hà Nội			
4142	30L-045.19	Hà Nội	5142	30L-035.06	Hà Nội	6142	30L-057.68	Hà Nội			
4143	30L-045.79	Hà Nội	5143	30L-035.44	Hà Nội	6143	30L-057.83	Hà Nội			
4144	30L-046.33	Hà Nội	5144	30L-040.39	Hà Nội	6144	30L-059.36	Hà Nội			
4145	30L-046.46	Hà Nội	5145	30L-041.18	Hà Nội	6145	30L-062.23	Hà Nội			
4146	30L-047.99	Hà Nội	5146	30L-042.66	Hà Nội	6146	30L-063.60	Hà Nội			
4147	30L-048.04	Hà Nội	5147	30L-044.59	Hà Nội	6147	30L-066.96	Hà Nội			
4148	30L-048.25	Hà Nội	5148	30L-047.35	Hà Nội	6148	30L-067.58	Hà Nội			
4149	30L-048.69	Hà Nội	5149	30L-048.16	Hà Nội	6149	30L-069.68	Hà Nội			
4150	30L-048.85	Hà Nội	5150	30L-049.83	Hà Nội	6150	30L-070.65	Hà Nội			
4151	30L-049.29	Hà Nội	5151	30L-053.38	Hà Nội	6151	30L-073.16	Hà Nội			
4152	30L-052.18	Hà Nội	5152	30L-055.15	Hà Nội	6152	30L-079.98	Hà Nội			
4153	30L-055.83	Hà Nội	5153	30L-055.38	Hà Nội	6153	30L-080.25	Hà Nội			
4154	30L-058.36	Hà Nội	5154	30L-058.86	Hà Nội	6154	30L-080.36	Hà Nội			
4155	30L-060.59	Hà Nội	5155	30L-060.00	Hà Nội	6155	30L-081.96	Hà Nội			
4156	30L-062.22	Hà Nội	5156	30L-060.06	Hà Nội	6156	30L-083.95	Hà Nội			
4157	30L-062.92	Hà Nội	5157	30L-062.28	Hà Nội	6157	30L-084.19	Hà Nội			
4158	30L-064.85	Hà Nội	5158	30L-062.96	Hà Nội	6158	30L-086.95	Hà Nội			
4159	30L-065.35	Hà Nội	5159	30L-063.55	Hà Nội	6159	30L-087.59	Hà Nội			
4160	30L-066.83	Hà Nội	5160	30L-065.83	Hà Nội	6160	30L-092.00	Hà Nội			
4161	30L-068.44	Hà Nội	5161	30L-066.26	Hà Nội	6161	30L-092.58	Hà Nội			
4162	30L-068.62	Hà Nội	5162	30L-068.39	Hà Nội	6162	30L-092.90	Hà Nội			
4163	30L-068.83	Hà Nội	5163	30L-069.92	Hà Nội	6163	30L-093.08	Hà Nội			
4164	30L-071.68	Hà Nội	5164	30L-071.22	Hà Nội	6164	30L-100.96	Hà Nội			
4165	30L-073.96	Hà Nội	5165	30L-072.99	Hà Nội	6165	30L-103.95	Hà Nội			
4166	30L-074.99	Hà Nội	5166	30L-073.59	Hà Nội	6166	30L-104.68	Hà Nội			
4167	30L-076.15	Hà Nội	5167	30L-073.70	Hà Nội	6167	30L-104.77	Hà Nội			
4168	30L-077.44	Hà Nội	5168	30L-074.38	Hà Nội	6168	30L-104.88	Hà Nội			
4169	30L-078.70	Hà Nội	5169	30L-077.95	Hà Nội	6169	30L-104.98	Hà Nội			
4170	30L-078.83	Hà Nội	5170	30L-077.96	Hà Nội	6170	30L-105.66	Hà Nội			
4171	30L-078.87	Hà Nội	5171	30L-079.68	Hà Nội	6171	30L-109.29	Hà Nội			
4172	30L-081.44	Hà Nội	5172	30L-082.89	Hà Nội	6172	30L-112.26	Hà Nội			
4173	30L-083.59	Hà Nội	5173	30L-084.79	Hà Nội	6173	30L-113.06	Hà Nội			
4174	30L-086.89	Hà Nội	5174	30L-086.00	Hà Nội	6174	30L-113.28	Hà Nội			
4175	30L-087.19	Hà Nội	5175	30L-088.77	Hà Nội	6175	30L-113.38	Hà Nội			
4176	30L-090.39	Hà Nội	5176	30L-089.79	Hà Nội	6176	30L-113.59	Hà Nội			
4177	30L-092.36	Hà Nội	5177	30L-091.19	Hà Nội	6177	30L-118.09	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4178	30L-101.22	Hà Nội	5178	30L-091.68	Hà Nội	6178	30L-121.98	Hà Nội			
4179	30L-101.36	Hà Nội	5179	30L-097.06	Hà Nội	6179	30L-122.77	Hà Nội			
4180	30L-102.65	Hà Nội	5180	30L-099.26	Hà Nội	6180	30L-125.08	Hà Nội			
4181	30L-103.69	Hà Nội	5181	30L-102.89	Hà Nội	6181	30L-125.29	Hà Nội			
4182	30L-109.93	Hà Nội	5182	30L-104.66	Hà Nội	6182	30L-129.92	Hà Nội			
4183	30L-111.95	Hà Nội	5183	30L-105.38	Hà Nội	6183	30L-130.85	Hà Nội			
4184	30L-112.79	Hà Nội	5184	30L-109.38	Hà Nội	6184	30L-134.35	Hà Nội			
4185	30L-113.79	Hà Nội	5185	30L-113.55	Hà Nội	6185	30L-137.98	Hà Nội			
4186	30L-115.44	Hà Nội	5186	30L-114.41	Hà Nội	6186	30L-139.33	Hà Nội			
4187	30L-115.96	Hà Nội	5187	30L-120.88	Hà Nội	6187	30L-141.42	Hà Nội			
4188	30L-118.36	Hà Nội	5188	30L-121.12	Hà Nội	6188	30L-144.00	Hà Nội			
4189	30L-120.09	Hà Nội	5189	30L-122.09	Hà Nội	6189	30L-145.15	Hà Nội			
4190	30L-120.25	Hà Nội	5190	30L-123.65	Hà Nội	6190	30L-145.25	Hà Nội			
4191	30L-120.83	Hà Nội	5191	30L-124.35	Hà Nội	6191	30L-145.58	Hà Nội			
4192	30L-121.35	Hà Nội	5192	30L-124.36	Hà Nội	6192	30L-150.35	Hà Nội			
4193	30L-127.95	Hà Nội	5193	30L-126.00	Hà Nội	6193	30L-152.06	Hà Nội			
4194	30L-128.06	Hà Nội	5194	30L-127.65	Hà Nội	6194	30L-152.15	Hà Nội			
4195	30L-131.22	Hà Nội	5195	30L-129.08	Hà Nội	6195	30L-153.08	Hà Nội			
4196	30L-138.93	Hà Nội	5196	30L-131.39	Hà Nội	6196	30L-158.92	Hà Nội			
4197	30L-143.09	Hà Nội	5197	30L-131.77	Hà Nội	6197	30L-161.08	Hà Nội			
4198	30L-144.98	Hà Nội	5198	30L-131.86	Hà Nội	6198	30L-163.09	Hà Nội			
4199	30L-145.46	Hà Nội	5199	30L-134.16	Hà Nội	6199	30L-164.08	Hà Nội			
4200	30L-149.25	Hà Nội	5200	30L-134.99	Hà Nội	6200	30L-164.64	Hà Nội			
4201	30L-155.23	Hà Nội	5201	30L-136.18	Hà Nội	6201	30L-164.66	Hà Nội			
4202	30L-157.35	Hà Nội	5202	30L-136.35	Hà Nội	6202	30L-172.79	Hà Nội			
4203	30L-159.44	Hà Nội	5203	30L-137.08	Hà Nội	6203	30L-174.65	Hà Nội			
4204	30L-160.86	Hà Nội	5204	30L-140.04	Hà Nội	6204	51L-035.77	Hồ Chí Minh			
4205	30L-162.16	Hà Nội	5205	30L-141.29	Hà Nội	6205	51L-051.99	Hồ Chí Minh			
4206	30L-162.22	Hà Nội	5206	30L-142.15	Hà Nội	6206	51L-052.59	Hồ Chí Minh			
4207	30L-163.19	Hà Nội	5207	30L-142.19	Hà Nội	6207	51L-056.26	Hồ Chí Minh			
4208	30L-163.39	Hà Nội	5208	30L-142.38	Hà Nội	6208	51L-061.06	Hồ Chí Minh			
4209	30L-163.56	Hà Nội	5209	30L-148.19	Hà Nội	6209	51L-127.33	Hồ Chí Minh			
4210	30L-166.44	Hà Nội	5210	30L-150.36	Hà Nội	6210	51L-128.22	Hồ Chí Minh			
4211	30L-166.62	Hà Nội	5211	30L-150.56	Hà Nội	6211	51L-128.26	Hồ Chí Minh			
4212	30L-173.71	Hà Nội	5212	30L-159.77	Hà Nội	6212	51L-129.88	Hồ Chí Minh			
4213	51L-032.77	Hồ Chí Minh	5213	30L-160.56	Hà Nội	6213	51L-130.19	Hồ Chí Minh			
4214	51L-038.22	Hồ Chí Minh	5214	30L-162.15	Hà Nội	6214	51L-132.18	Hồ Chí Minh			
4215	51L-055.89	Hồ Chí Minh	5215	30L-164.33	Hà Nội	6215	51L-132.83	Hồ Chí Minh			
4216	51L-057.68	Hồ Chí Minh	5216	30L-165.28	Hà Nội	6216	51L-132.98	Hồ Chí Minh			
4217	51L-059.18	Hồ Chí Minh	5217	30L-165.82	Hà Nội	6217	51L-135.11	Hồ Chí Minh			
4218	51L-062.59	Hồ Chí Minh	5218	30L-167.08	Hà Nội	6218	51L-137.19	Hồ Chí Minh			
4219	51L-066.16	Hồ Chí Minh	5219	30L-167.29	Hà Nội	6219	51L-139.95	Hồ Chí Minh			
4220	51L-069.28	Hồ Chí Minh	5220	30L-169.86	Hà Nội	6220	51L-142.39	Hồ Chí Minh			
4221	51L-070.99	Hồ Chí Minh	5221	30L-170.77	Hà Nội	6221	51L-143.86	Hồ Chí Minh			
4222	51L-094.59	Hồ Chí Minh	5222	30L-171.69	Hà Nội	6222	51L-144.00	Hồ Chí Minh			
4223	51L-128.25	Hồ Chí Minh	5223	30L-172.28	Hà Nội	6223	51L-144.59	Hồ Chí Minh			
4224	51L-128.29	Hồ Chí Minh	5224	30L-172.83	Hà Nội	6224	51L-146.08	Hồ Chí Minh			
4225	51L-131.16	Hồ Chí Minh	5225	30L-172.99	Hà Nội	6225	51L-146.89	Hồ Chí Minh			
4226	51L-134.99	Hồ Chí Minh	5226	30L-173.88	Hà Nội	6226	51L-147.26	Hồ Chí Minh			
4227	51L-136.29	Hồ Chí Minh	5227	51L-029.59	Hồ Chí Minh	6227	51L-149.16	Hồ Chí Minh			
4228	51L-136.58	Hồ Chí Minh	5228	51L-051.77	Hồ Chí Minh	6228	51L-154.06	Hồ Chí Minh			
4229	51L-136.59	Hồ Chí Minh	5229	51L-054.86	Hồ Chí Minh	6229	51L-160.18	Hồ Chí Minh			
4230	51L-137.83	Hồ Chí Minh	5230	51L-056.39	Hồ Chí Minh	6230	51L-160.61	Hồ Chí Minh			
4231	51L-139.22	Hồ Chí Minh	5231	51L-056.85	Hồ Chí Minh	6231	51L-162.88	Hồ Chí Minh			
4232	51L-141.15	Hồ Chí Minh	5232	51L-057.88	Hồ Chí Minh	6232	51L-164.26	Hồ Chí Minh			
4233	51L-141.79	Hồ Chí Minh	5233	51L-058.18	Hồ Chí Minh	6233	51L-166.19	Hồ Chí Minh			
4234	51L-142.22	Hồ Chí Minh	5234	51L-059.38	Hồ Chí Minh	6234	51L-167.28	Hồ Chí Minh			
4235	51L-143.08	Hồ Chí Minh	5235	51L-063.38	Hồ Chí Minh	6235	51L-173.11	Hồ Chí Minh			
4236	51L-143.22	Hồ Chí Minh	5236	51L-065.16	Hồ Chí Minh	6236	51L-173.26	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4237	51L-143.68	Hồ Chí Minh	5237	51L-068.96	Hồ Chí Minh	6237	51L-174.35	Hồ Chí Minh			
4238	51L-144.68	Hồ Chí Minh	5238	51L-080.36	Hồ Chí Minh	6238	51L-175.16	Hồ Chí Minh			
4239	51L-146.14	Hồ Chí Minh	5239	51L-095.26	Hồ Chí Minh	6239	51L-175.44	Hồ Chí Minh			
4240	51L-146.83	Hồ Chí Minh	5240	51L-108.77	Hồ Chí Minh	6240	51L-178.69	Hồ Chí Minh			
4241	51L-150.18	Hồ Chí Minh	5241	51L-129.59	Hồ Chí Minh	6241	51L-179.36	Hồ Chí Minh			
4242	51L-151.77	Hồ Chí Minh	5242	51L-131.26	Hồ Chí Minh	6242	51L-183.33	Hồ Chí Minh			
4243	51L-152.44	Hồ Chí Minh	5243	51L-131.69	Hồ Chí Minh	6243	51L-187.15	Hồ Chí Minh			
4244	51L-156.59	Hồ Chí Minh	5244	51L-133.34	Hồ Chí Minh	6244	51L-188.77	Hồ Chí Minh			
4245	51L-157.11	Hồ Chí Minh	5245	51L-134.22	Hồ Chí Minh	6245	51L-190.09	Hồ Chí Minh			
4246	51L-162.68	Hồ Chí Minh	5246	51L-136.23	Hồ Chí Minh	6246	51L-195.69	Hồ Chí Minh			
4247	51L-164.06	Hồ Chí Minh	5247	51L-146.29	Hồ Chí Minh	6247	51L-195.85	Hồ Chí Minh			
4248	51L-164.85	Hồ Chí Minh	5248	51L-146.55	Hồ Chí Minh	6248	51L-198.86	Hồ Chí Minh			
4249	51L-166.98	Hồ Chí Minh	5249	51L-146.66	Hồ Chí Minh	6249	51L-201.55	Hồ Chí Minh			
4250	51L-173.69	Hồ Chí Minh	5250	51L-149.28	Hồ Chí Minh	6250	51L-203.59	Hồ Chí Minh			
4251	51L-173.99	Hồ Chí Minh	5251	51L-149.55	Hồ Chí Minh	6251	51L-206.39	Hồ Chí Minh			
4252	51L-174.83	Hồ Chí Minh	5252	51L-151.93	Hồ Chí Minh	6252	51L-207.68	Hồ Chí Minh			
4253	51L-175.56	Hồ Chí Minh	5253	51L-152.16	Hồ Chí Minh	6253	51L-209.79	Hồ Chí Minh			
4254	51L-176.71	Hồ Chí Minh	5254	51L-152.33	Hồ Chí Minh	6254	51L-210.79	Hồ Chí Minh			
4255	51L-178.83	Hồ Chí Minh	5255	51L-153.35	Hồ Chí Minh	6255	51L-212.44	Hồ Chí Minh			
4256	51L-178.99	Hồ Chí Minh	5256	51L-153.98	Hồ Chí Minh	6256	51L-220.18	Hồ Chí Minh			
4257	51L-180.06	Hồ Chí Minh	5257	51L-154.26	Hồ Chí Minh	6257	51L-220.21	Hồ Chí Minh			
4258	51L-183.25	Hồ Chí Minh	5258	51L-154.59	Hồ Chí Minh	6258	51L-221.00	Hồ Chí Minh			
4259	51L-184.35	Hồ Chí Minh	5259	51L-158.28	Hồ Chí Minh	6259	51L-223.85	Hồ Chí Minh			
4260	51L-192.58	Hồ Chí Minh	5260	51L-163.55	Hồ Chí Minh	6260	51L-224.06	Hồ Chí Minh			
4261	51L-195.29	Hồ Chí Minh	5261	51L-164.09	Hồ Chí Minh	6261	51L-229.66	Hồ Chí Minh			
4262	51L-196.55	Hồ Chí Minh	5262	51L-164.11	Hồ Chí Minh	6262	51L-236.77	Hồ Chí Minh			
4263	51L-196.95	Hồ Chí Minh	5263	51L-167.88	Hồ Chí Minh	6263	51L-239.92	Hồ Chí Minh			
4264	51L-201.20	Hồ Chí Minh	5264	51L-168.56	Hồ Chí Minh	6264	51L-239.96	Hồ Chí Minh			
4265	51L-208.15	Hồ Chí Minh	5265	51L-168.77	Hồ Chí Minh	6265	51L-244.55	Hồ Chí Minh			
4266	51L-208.20	Hồ Chí Minh	5266	51L-169.11	Hồ Chí Minh	6266	51L-244.79	Hồ Chí Minh			
4267	51L-209.58	Hồ Chí Minh	5267	51L-169.44	Hồ Chí Minh	6267	51L-245.11	Hồ Chí Minh			
4268	51L-214.38	Hồ Chí Minh	5268	51L-169.55	Hồ Chí Minh	6268	51L-250.83	Hồ Chí Minh			
4269	51L-214.66	Hồ Chí Minh	5269	51L-170.85	Hồ Chí Minh	6269	51L-251.58	Hồ Chí Minh			
4270	51L-215.35	Hồ Chí Minh	5270	51L-175.22	Hồ Chí Minh	6270	51L-252.85	Hồ Chí Minh			
4271	51L-215.44	Hồ Chí Minh	5271	51L-178.56	Hồ Chí Minh	6271	51L-253.15	Hồ Chí Minh			
4272	51L-215.99	Hồ Chí Minh	5272	51L-178.95	Hồ Chí Minh	6272	51L-255.86	Hồ Chí Minh			
4273	51L-216.63	Hồ Chí Minh	5273	51L-179.86	Hồ Chí Minh	6273	51L-256.35	Hồ Chí Minh			
4274	51L-218.19	Hồ Chí Minh	5274	51L-180.38	Hồ Chí Minh	6274	51L-261.96	Hồ Chí Minh			
4275	51L-218.58	Hồ Chí Minh	5275	51L-181.59	Hồ Chí Minh	6275	51L-263.86	Hồ Chí Minh			
4276	51L-219.58	Hồ Chí Minh	5276	51L-183.66	Hồ Chí Minh	6276	51L-264.95	Hồ Chí Minh			
4277	51L-220.85	Hồ Chí Minh	5277	51L-186.56	Hồ Chí Minh	6277	51L-265.09	Hồ Chí Minh			
4278	51L-221.21	Hồ Chí Minh	5278	51L-188.55	Hồ Chí Minh	6278	51L-269.15	Hồ Chí Minh			
4279	51L-221.55	Hồ Chí Minh	5279	51L-193.06	Hồ Chí Minh	6279	51L-269.22	Hồ Chí Minh			
4280	51L-221.66	Hồ Chí Minh	5280	51L-194.38	Hồ Chí Minh	6280	51L-269.38	Hồ Chí Minh			
4281	51L-222.35	Hồ Chí Minh	5281	51L-196.85	Hồ Chí Minh	6281	51L-269.77	Hồ Chí Minh			
4282	51L-223.23	Hồ Chí Minh	5282	51L-197.11	Hồ Chí Minh	6282	51L-269.98	Hồ Chí Minh			
4283	51L-223.82	Hồ Chí Minh	5283	51L-198.77	Hồ Chí Minh	6283	51L-271.95	Hồ Chí Minh			
4284	51L-225.22	Hồ Chí Minh	5284	51L-201.39	Hồ Chí Minh	6284	51L-277.69	Hồ Chí Minh			
4285	51L-227.65	Hồ Chí Minh	5285	51L-203.25	Hồ Chí Minh	6285	51L-278.16	Hồ Chí Minh			
4286	51L-238.00	Hồ Chí Minh	5286	51L-206.28	Hồ Chí Minh	6286	51L-282.39	Hồ Chí Minh			
4287	51L-238.44	Hồ Chí Minh	5287	51L-210.68	Hồ Chí Minh	6287	51L-282.58	Hồ Chí Minh			
4288	51L-239.18	Hồ Chí Minh	5288	51L-211.77	Hồ Chí Minh	6288	51L-282.69	Hồ Chí Minh			
4289	51L-239.25	Hồ Chí Minh	5289	51L-212.15	Hồ Chí Minh	6289	51L-284.79	Hồ Chí Minh			
4290	51L-240.66	Hồ Chí Minh	5290	51L-212.18	Hồ Chí Minh	6290	51L-285.28	Hồ Chí Minh			
4291	51L-247.24	Hồ Chí Minh	5291	51L-213.89	Hồ Chí Minh	6291	51L-285.29	Hồ Chí Minh			
4292	51L-248.39	Hồ Chí Minh	5292	51L-215.95	Hồ Chí Minh	6292	51L-286.56	Hồ Chí Minh			
4293	51L-249.69	Hồ Chí Minh	5293	51L-216.55	Hồ Chí Minh	6293	51L-288.96	Hồ Chí Minh			
4294	51L-251.00	Hồ Chí Minh	5294	51L-219.63	Hồ Chí Minh	6294	51L-290.55	Hồ Chí Minh			
4295	51L-251.18	Hồ Chí Minh	5295	51L-225.35	Hồ Chí Minh	6295	51L-293.28	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4296	51L-252.00	Hồ Chí Minh	5296	51L-226.09	Hồ Chí Minh	6296	51L-293.35	Hồ Chí Minh			
4297	51L-253.26	Hồ Chí Minh	5297	51L-228.06	Hồ Chí Minh	6297	51L-295.09	Hồ Chí Minh			
4298	51L-258.08	Hồ Chí Minh	5298	51L-228.35	Hồ Chí Minh	6298	51L-297.11	Hồ Chí Minh			
4299	51L-260.36	Hồ Chí Minh	5299	51L-228.95	Hồ Chí Minh	6299	51L-298.25	Hồ Chí Minh			
4300	51L-262.58	Hồ Chí Minh	5300	51L-231.77	Hồ Chí Minh	6300	51L-300.08	Hồ Chí Minh			
4301	51L-264.28	Hồ Chí Minh	5301	51L-231.86	Hồ Chí Minh	6301	51L-300.22	Hồ Chí Minh			
4302	51L-265.00	Hồ Chí Minh	5302	51L-235.19	Hồ Chí Minh	6302	51L-301.56	Hồ Chí Minh			
4303	51L-265.26	Hồ Chí Minh	5303	51L-236.62	Hồ Chí Minh	6303	51L-303.38	Hồ Chí Minh			
4304	51L-267.96	Hồ Chí Minh	5304	51L-236.83	Hồ Chí Minh	6304	51L-306.92	Hồ Chí Minh			
4305	51L-270.35	Hồ Chí Minh	5305	51L-237.66	Hồ Chí Minh	6305	51L-307.66	Hồ Chí Minh			
4306	51L-273.25	Hồ Chí Minh	5306	51L-239.22	Hồ Chí Minh	6306	51L-310.68	Hồ Chí Minh			
4307	51L-274.75	Hồ Chí Minh	5307	51L-240.29	Hồ Chí Minh	6307	51L-311.39	Hồ Chí Minh			
4308	51L-275.08	Hồ Chí Minh	5308	51L-242.08	Hồ Chí Minh	6308	51L-313.09	Hồ Chí Minh			
4309	51L-277.18	Hồ Chí Minh	5309	51L-242.18	Hồ Chí Minh	6309	51L-317.17	Hồ Chí Minh			
4310	51L-278.15	Hồ Chí Minh	5310	51L-243.58	Hồ Chí Minh	6310	51L-318.95	Hồ Chí Minh			
4311	51L-279.58	Hồ Chí Minh	5311	51L-245.79	Hồ Chí Minh	6311	51L-318.98	Hồ Chí Minh			
4312	51L-281.29	Hồ Chí Minh	5312	51L-246.95	Hồ Chí Minh	6312	51L-322.88	Hồ Chí Minh			
4313	51L-282.65	Hồ Chí Minh	5313	51L-248.58	Hồ Chí Minh	6313	51L-325.52	Hồ Chí Minh			
4314	51L-285.38	Hồ Chí Minh	5314	51L-249.56	Hồ Chí Minh	6314	51L-328.66	Hồ Chí Minh			
4315	51L-286.19	Hồ Chí Minh	5315	51L-250.39	Hồ Chí Minh	6315	51L-331.65	Hồ Chí Minh			
4316	51L-288.59	Hồ Chí Minh	5316	51L-251.28	Hồ Chí Minh	6316	51L-335.89	Hồ Chí Minh			
4317	51L-289.79	Hồ Chí Minh	5317	51L-251.38	Hồ Chí Minh	6317	51L-336.96	Hồ Chí Minh			
4318	51L-293.66	Hồ Chí Minh	5318	51L-253.66	Hồ Chí Minh	6318	51L-338.85	Hồ Chí Minh			
4319	51L-293.86	Hồ Chí Minh	5319	51L-254.52	Hồ Chí Minh	6319	51L-340.25	Hồ Chí Minh			
4320	51L-294.98	Hồ Chí Minh	5320	51L-257.00	Hồ Chí Minh	6320	51L-341.14	Hồ Chí Minh			
4321	51L-296.29	Hồ Chí Minh	5321	51L-258.85	Hồ Chí Minh	6321	51L-341.66	Hồ Chí Minh			
4322	51L-300.89	Hồ Chí Minh	5322	51L-259.33	Hồ Chí Minh	6322	51L-351.79	Hồ Chí Minh			
4323	51L-302.55	Hồ Chí Minh	5323	51L-263.00	Hồ Chí Minh	6323	51L-363.38	Hồ Chí Minh			
4324	51L-313.59	Hồ Chí Minh	5324	51L-263.99	Hồ Chí Minh	6324	51L-364.25	Hồ Chí Minh			
4325	51L-313.99	Hồ Chí Minh	5325	51L-264.33	Hồ Chí Minh	6325	51L-393.22	Hồ Chí Minh			
4326	51L-315.11	Hồ Chí Minh	5326	51L-267.06	Hồ Chí Minh	6326	51L-394.36	Hồ Chí Minh			
4327	51L-316.18	Hồ Chí Minh	5327	51L-269.08	Hồ Chí Minh	6327	11A-110.66	Cao Bằng			
4328	51L-316.88	Hồ Chí Minh	5328	51L-271.18	Hồ Chí Minh	6328	11A-111.00	Cao Bằng			
4329	51L-319.77	Hồ Chí Minh	5329	51L-271.28	Hồ Chí Minh	6329	11A-111.28	Cao Bằng			
4330	51L-320.83	Hồ Chí Minh	5330	51L-272.55	Hồ Chí Minh	6330	11A-112.18	Cao Bằng			
4331	51L-324.09	Hồ Chí Minh	5331	51L-272.88	Hồ Chí Minh	6331	11A-116.55	Cao Bằng			
4332	51L-324.29	Hồ Chí Minh	5332	51L-276.27	Hồ Chí Minh	6332	12A-230.66	Lạng Sơn			
4333	51L-327.68	Hồ Chí Minh	5333	51L-278.06	Hồ Chí Minh	6333	12A-232.88	Lạng Sơn			
4334	51L-328.36	Hồ Chí Minh	5334	51L-281.11	Hồ Chí Minh	6334	12A-234.88	Lạng Sơn			
4335	51L-328.69	Hồ Chí Minh	5335	51L-281.44	Hồ Chí Minh	6335	12A-235.77	Lạng Sơn			
4336	51L-330.68	Hồ Chí Minh	5336	51L-281.95	Hồ Chí Minh	6336	12A-236.36	Lạng Sơn			
4337	51L-331.69	Hồ Chí Minh	5337	51L-283.06	Hồ Chí Minh	6337	12A-239.26	Lạng Sơn			
4338	51L-332.22	Hồ Chí Minh	5338	51L-285.11	Hồ Chí Minh	6338	12A-240.95	Lạng Sơn			
4339	51L-333.23	Hồ Chí Minh	5339	51L-286.89	Hồ Chí Minh	6339	12A-242.95	Lạng Sơn			
4340	51L-334.65	Hồ Chí Minh	5340	51L-287.69	Hồ Chí Minh	6340	12A-243.00	Lạng Sơn			
4341	51L-338.95	Hồ Chí Minh	5341	51L-294.15	Hồ Chí Minh	6341	12A-243.06	Lạng Sơn			
4342	51L-342.22	Hồ Chí Minh	5342	51L-295.79	Hồ Chí Minh	6342	12C-132.26	Lạng Sơn			
4343	51L-342.26	Hồ Chí Minh	5343	51L-300.26	Hồ Chí Minh	6343	12C-133.15	Lạng Sơn			
4344	51L-345.29	Hồ Chí Minh	5344	51L-300.66	Hồ Chí Minh	6344	12C-133.25	Lạng Sơn			
4345	51L-346.79	Hồ Chí Minh	5345	51L-301.01	Hồ Chí Minh	6345	12C-133.38	Lạng Sơn			
4346	51L-347.59	Hồ Chí Minh	5346	51L-308.09	Hồ Chí Minh	6346	14A-843.36	Quảng Ninh			
4347	51L-350.28	Hồ Chí Minh	5347	51L-308.39	Hồ Chí Minh	6347	14A-852.25	Quảng Ninh			
4348	51L-350.38	Hồ Chí Minh	5348	51L-309.77	Hồ Chí Minh	6348	14A-853.77	Quảng Ninh			
4349	51L-363.55	Hồ Chí Minh	5349	51L-316.61	Hồ Chí Minh	6349	14A-857.55	Quảng Ninh			
4350	51L-376.99	Hồ Chí Minh	5350	51L-326.11	Hồ Chí Minh	6350	14A-859.65	Quảng Ninh			
4351	51L-377.15	Hồ Chí Minh	5351	51L-327.09	Hồ Chí Minh	6351	14A-860.36	Quảng Ninh			
4352	51L-377.89	Hồ Chí Minh	5352	51L-327.83	Hồ Chí Minh	6352	14A-861.38	Quảng Ninh			
4353	51L-390.22	Hồ Chí Minh	5353	51L-332.08	Hồ Chí Minh	6353	14A-863.96	Quảng Ninh			
4354	51L-394.08	Hồ Chí Minh	5354	51L-335.00	Hồ Chí Minh	6354	14A-864.28	Quảng Ninh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4355	11A-112.23	Cao Bằng	5355	51L-337.09	Hồ Chí Minh	6355	14A-873.26	Quảng Ninh			
4356	11A-114.99	Cao Bằng	5356	51L-341.18	Hồ Chí Minh	6356	14A-876.89	Quảng Ninh			
4357	11A-115.51	Cao Bằng	5357	51L-348.36	Hồ Chí Minh	6357	14A-879.25	Quảng Ninh			
4358	11C-070.88	Cao Bằng	5358	51L-350.66	Hồ Chí Minh	6358	14A-882.23	Quảng Ninh			
4359	11C-072.19	Cao Bằng	5359	51L-351.06	Hồ Chí Minh	6359	14A-883.55	Quảng Ninh			
4360	12A-224.24	Lạng Sơn	5360	51L-351.22	Hồ Chí Minh	6360	14A-884.38	Quảng Ninh			
4361	12A-225.25	Lạng Sơn	5361	51L-351.38	Hồ Chí Minh	6361	14A-885.22	Quảng Ninh			
4362	12A-236.25	Lạng Sơn	5362	51L-363.99	Hồ Chí Minh	6362	14A-886.35	Quảng Ninh			
4363	12A-237.89	Lạng Sơn	5363	51L-391.33	Hồ Chí Minh	6363	14A-888.67	Quảng Ninh			
4364	12A-239.06	Lạng Sơn	5364	11A-108.99	Cao Bằng	6364	14C-393.79	Quảng Ninh			
4365	12A-240.79	Lạng Sơn	5365	11A-112.21	Cao Bằng	6365	14C-399.95	Quảng Ninh			
4366	14A-835.86	Quảng Ninh	5366	11A-112.98	Cao Bằng	6366	14C-401.56	Quảng Ninh			
4367	14A-842.78	Quảng Ninh	5367	11A-115.33	Cao Bằng	6367	14C-403.04	Quảng Ninh			
4368	14A-843.16	Quảng Ninh	5368	11A-115.36	Cao Bằng	6368	14C-403.36	Quảng Ninh			
4369	14A-856.09	Quảng Ninh	5369	11C-071.26	Cao Bằng	6369	14C-405.33	Quảng Ninh			
4370	14A-856.67	Quảng Ninh	5370	11D-005.50	Cao Bằng	6370	14C-405.39	Quảng Ninh			
4371	14A-857.39	Quảng Ninh	5371	12A-222.67	Lạng Sơn	6371	14C-405.88	Quảng Ninh			
4372	14A-859.19	Quảng Ninh	5372	12A-231.79	Lạng Sơn	6372	14C-406.11	Quảng Ninh			
4373	14A-859.96	Quảng Ninh	5373	12A-236.22	Lạng Sơn	6373	14C-406.33	Quảng Ninh			
4374	14A-861.44	Quảng Ninh	5374	12A-239.33	Lạng Sơn	6374	14D-025.55	Quảng Ninh			
4375	14A-861.62	Quảng Ninh	5375	12A-240.41	Lạng Sơn	6375	15C-444.59	Hải Phòng			
4376	14A-861.96	Quảng Ninh	5376	12A-240.77	Lạng Sơn	6376	15K-214.68	Hải Phòng			
4377	14A-864.15	Quảng Ninh	5377	12A-241.38	Lạng Sơn	6377	15K-220.36	Hải Phòng			
4378	14A-867.09	Quảng Ninh	5378	12A-243.68	Lạng Sơn	6378	15K-220.66	Hải Phòng			
4379	14A-870.16	Quảng Ninh	5379	12C-129.89	Lạng Sơn	6379	15K-221.12	Hải Phòng			
4380	14A-870.89	Quảng Ninh	5380	14A-837.66	Quảng Ninh	6380	15K-225.56	Hải Phòng			
4381	14A-872.98	Quảng Ninh	5381	14A-843.22	Quảng Ninh	6381	15K-236.58	Hải Phòng			
4382	14A-873.85	Quảng Ninh	5382	14A-848.36	Quảng Ninh	6382	15K-240.99	Hải Phòng			
4383	14A-874.26	Quảng Ninh	5383	14A-852.69	Quảng Ninh	6383	15K-241.89	Hải Phòng			
4384	14A-874.28	Quảng Ninh	5384	14A-857.75	Quảng Ninh	6384	15K-246.35	Hải Phòng			
4385	14A-875.09	Quảng Ninh	5385	14A-858.38	Quảng Ninh	6385	15K-246.77	Hải Phòng			
4386	14A-876.19	Quảng Ninh	5386	14A-862.33	Quảng Ninh	6386	15K-251.18	Hải Phòng			
4387	14A-878.66	Quảng Ninh	5387	14A-862.58	Quảng Ninh	6387	15K-253.39	Hải Phòng			
4388	14A-880.06	Quảng Ninh	5388	14A-862.83	Quảng Ninh	6388	15K-255.69	Hải Phòng			
4389	14A-880.80	Quảng Ninh	5389	14A-863.98	Quảng Ninh	6389	15K-257.33	Hải Phòng			
4390	14A-885.65	Quảng Ninh	5390	14A-864.29	Quảng Ninh	6390	15K-258.96	Hải Phòng			
4391	14A-886.06	Quảng Ninh	5391	14A-865.33	Quảng Ninh	6391	15K-260.22	Hải Phòng			
4392	14A-886.08	Quảng Ninh	5392	14A-867.44	Quảng Ninh	6392	15K-261.56	Hải Phòng			
4393	14A-888.29	Quảng Ninh	5393	14A-867.83	Quảng Ninh	6393	15K-265.77	Hải Phòng			
4394	14A-890.39	Quảng Ninh	5394	14A-869.55	Quảng Ninh	6394	15K-266.18	Hải Phòng			
4395	14C-402.00	Quảng Ninh	5395	14A-870.08	Quảng Ninh	6395	15K-266.38	Hải Phòng			
4396	14C-404.88	Quảng Ninh	5396	14A-870.25	Quảng Ninh	6396	15K-267.35	Hải Phòng			
4397	14C-405.55	Quảng Ninh	5397	14A-871.09	Quảng Ninh	6397	15K-271.59	Hải Phòng			
4398	15C-445.55	Hải Phòng	5398	14A-873.35	Quảng Ninh	6398	15K-271.69	Hải Phòng			
4399	15C-460.39	Hải Phòng	5399	14A-873.78	Quảng Ninh	6399	17A-406.88	Thái Bình			
4400	15K-211.22	Hải Phòng	5400	14A-875.06	Quảng Ninh	6400	17A-415.19	Thái Bình			
4401	15K-225.38	Hải Phòng	5401	14A-876.87	Quảng Ninh	6401	17A-420.02	Thái Bình			
4402	15K-227.33	Hải Phòng	5402	14A-878.98	Quảng Ninh	6402	17A-420.44	Thái Bình			
4403	15K-238.58	Hải Phòng	5403	14A-879.11	Quảng Ninh	6403	17A-420.59	Thái Bình			
4404	15K-239.82	Hải Phòng	5404	14A-885.09	Quảng Ninh	6404	17A-420.66	Thái Bình			
4405	15K-241.85	Hải Phòng	5405	14A-886.92	Quảng Ninh	6405	17A-422.44	Thái Bình			
4406	15K-242.29	Hải Phòng	5406	14A-889.33	Quảng Ninh	6406	17A-423.86	Thái Bình			
4407	15K-244.26	Hải Phòng	5407	14A-889.63	Quảng Ninh	6407	17A-423.89	Thái Bình			
4408	15K-246.19	Hải Phòng	5408	14A-890.11	Quảng Ninh	6408	17A-428.22	Thái Bình			
4409	15K-246.46	Hải Phòng	5409	14C-398.00	Quảng Ninh	6409	17A-429.77	Thái Bình			
4410	15K-250.51	Hải Phòng	5410	14C-400.22	Quảng Ninh	6410	17A-430.43	Thái Bình			
4411	15K-250.55	Hải Phòng	5411	14C-400.26	Quảng Ninh	6411	17A-430.66	Thái Bình			
4412	15K-250.98	Hải Phòng	5412	14C-404.35	Quảng Ninh	6412	17A-430.69	Thái Bình			
4413	15K-251.36	Hải Phòng	5413	14C-404.96	Quảng Ninh	6413	17A-431.18	Thái Bình			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4414	15K-258.00	Hải Phòng	5414	15C-459.56	Hải Phòng	6414	17A-431.59	Thái Bình			
4415	15K-260.29	Hải Phòng	5415	15D-044.00	Hải Phòng	6415	17A-432.39	Thái Bình			
4416	15K-260.59	Hải Phòng	5416	15K-200.99	Hải Phòng	6416	17A-441.44	Thái Bình			
4417	15K-261.19	Hải Phòng	5417	15K-203.33	Hải Phòng	6417	17C-199.09	Thái Bình			
4418	15K-261.99	Hải Phòng	5418	15K-204.86	Hải Phòng	6418	17C-202.00	Thái Bình			
4419	15K-262.36	Hải Phòng	5419	15K-207.07	Hải Phòng	6419	18A-402.66	Nam Định			
4420	15K-263.85	Hải Phòng	5420	15K-214.66	Hải Phòng	6420	18A-409.33	Nam Định			
4421	15K-266.16	Hải Phòng	5421	15K-223.26	Hải Phòng	6421	18A-409.58	Nam Định			
4422	15K-266.22	Hải Phòng	5422	15K-226.09	Hải Phòng	6422	18A-411.58	Nam Định			
4423	15K-267.58	Hải Phòng	5423	15K-228.85	Hải Phòng	6423	18A-412.33	Nam Định			
4424	15K-269.66	Hải Phòng	5424	15K-230.79	Hải Phòng	6424	18A-412.41	Nam Định			
4425	17A-400.00	Thái Bình	5425	15K-239.66	Hải Phòng	6425	18A-412.55	Nam Định			
4426	17A-403.86	Thái Bình	5426	15K-239.98	Hải Phòng	6426	18A-415.99	Nam Định			
4427	17A-405.99	Thái Bình	5427	15K-240.26	Hải Phòng	6427	18A-420.20	Nam Định			
4428	17A-412.85	Thái Bình	5428	15K-242.16	Hải Phòng	6428	18A-420.96	Nam Định			
4429	17A-416.11	Thái Bình	5429	15K-242.28	Hải Phòng	6429	18A-423.86	Nam Định			
4430	17A-420.18	Thái Bình	5430	15K-244.00	Hải Phòng	6430	18A-427.19	Nam Định			
4431	17A-420.56	Thái Bình	5431	15K-245.96	Hải Phòng	6431	18A-428.06	Nam Định			
4432	17A-422.06	Thái Bình	5432	15K-251.99	Hải Phòng	6432	18A-430.11	Nam Định			
4433	17A-423.18	Thái Bình	5433	15K-253.79	Hải Phòng	6433	18A-430.77	Nam Định			
4434	17A-424.86	Thái Bình	5434	15K-255.28	Hải Phòng	6434	18A-431.13	Nam Định			
4435	17A-425.89	Thái Bình	5435	15K-256.18	Hải Phòng	6435	18A-432.33	Nam Định			
4436	17A-426.18	Thái Bình	5436	15K-256.63	Hải Phòng	6436	18A-434.95	Nam Định			
4437	17A-426.79	Thái Bình	5437	15K-256.96	Hải Phòng	6437	18A-435.33	Nam Định			
4438	17A-427.66	Thái Bình	5438	15K-260.79	Hải Phòng	6438	18A-435.43	Nam Định			
4439	17A-428.24	Thái Bình	5439	15K-260.99	Hải Phòng	6439	18C-155.59	Nam Định			
4440	17A-429.11	Thái Bình	5440	15K-261.62	Hải Phòng	6440	18C-156.98	Nam Định			
4441	17A-430.09	Thái Bình	5441	15K-265.44	Hải Phòng	6441	19A-579.00	Phú Thọ			
4442	17A-431.36	Thái Bình	5442	15K-266.44	Hải Phòng	6442	19A-579.77	Phú Thọ			
4443	17A-432.44	Thái Bình	5443	15K-268.95	Hải Phòng	6443	19A-583.22	Phú Thọ			
4444	17A-432.77	Thái Bình	5444	15K-269.56	Hải Phòng	6444	19A-587.85	Phú Thọ			
4445	17A-436.15	Thái Bình	5445	15K-270.71	Hải Phòng	6445	19A-590.00	Phú Thọ			
4446	17A-436.29	Thái Bình	5446	17A-403.99	Thái Bình	6446	19A-591.33	Phú Thọ			
4447	17A-437.33	Thái Bình	5447	17A-410.99	Thái Bình	6447	19A-595.77	Phú Thọ			
4448	17A-438.25	Thái Bình	5448	17A-414.16	Thái Bình	6448	19A-597.88	Phú Thọ			
4449	17A-440.56	Thái Bình	5449	17A-420.15	Thái Bình	6449	19A-598.68	Phú Thọ			
4450	17A-441.35	Thái Bình	5450	17A-422.35	Thái Bình	6450	19A-599.29	Phú Thọ			
4451	17C-193.88	Thái Bình	5451	17A-422.59	Thái Bình	6451	19A-600.83	Phú Thọ			
4452	17C-197.88	Thái Bình	5452	17A-422.96	Thái Bình	6452	19A-601.05	Phú Thọ			
4453	17C-200.69	Thái Bình	5453	17A-424.25	Thái Bình	6453	19A-602.25	Phú Thọ			
4454	18A-402.68	Nam Định	5454	17A-425.29	Thái Bình	6454	19A-602.59	Phú Thọ			
4455	18A-405.58	Nam Định	5455	17A-426.16	Thái Bình	6455	19A-603.55	Phú Thọ			
4456	18A-406.26	Nam Định	5456	17A-428.66	Thái Bình	6456	19A-605.19	Phú Thọ			
4457	18A-407.55	Nam Định	5457	17A-428.85	Thái Bình	6457	19A-606.33	Phú Thọ			
4458	18A-408.26	Nam Định	5458	17A-431.33	Thái Bình	6458	19A-610.55	Phú Thọ			
4459	18A-412.21	Nam Định	5459	17A-433.56	Thái Bình	6459	19A-611.26	Phú Thọ			
4460	18A-417.99	Nam Định	5460	17A-436.06	Thái Bình	6460	19A-617.18	Phú Thọ			
4461	18A-420.55	Nam Định	5461	17A-437.19	Thái Bình	6461	19A-618.16	Phú Thọ			
4462	18A-420.86	Nam Định	5462	17A-438.65	Thái Bình	6462	19A-618.77	Phú Thọ			
4463	18A-421.28	Nam Định	5463	17A-440.85	Thái Bình	6463	19A-618.82	Phú Thọ			
4464	18A-421.36	Nam Định	5464	17C-200.08	Thái Bình	6464	19A-620.09	Phú Thọ			
4465	18A-423.00	Nam Định	5465	17C-200.09	Thái Bình	6465	20A-705.86	Thái Nguyên			
4466	18A-423.29	Nam Định	5466	17C-200.33	Thái Bình	6466	20A-715.66	Thái Nguyên			
4467	18A-424.19	Nam Định	5467	17C-201.09	Thái Bình	6467	20A-717.99	Thái Nguyên			
4468	18A-424.44	Nam Định	5468	17C-202.02	Thái Bình	6468	20A-733.08	Thái Nguyên			
4469	18A-428.33	Nam Định	5469	18A-404.59	Nam Định	6469	20A-733.79	Thái Nguyên			
4470	18A-428.44	Nam Định	5470	18A-405.38	Nam Định	6470	20A-736.26	Thái Nguyên			
4471	18A-432.18	Nam Định	5471	18A-407.77	Nam Định	6471	20A-740.38	Thái Nguyên			
4472	18A-432.65	Nam Định	5472	18A-409.99	Nam Định	6472	20A-743.98	Thái Nguyên			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4473	18A-433.00	Nam Định	5473	18A-411.59	Nam Định	6473	20A-744.15	Thái Nguyên			
4474	18A-433.18	Nam Định	5474	18A-412.59	Nam Định	6474	20A-745.79	Thái Nguyên			
4475	18A-433.59	Nam Định	5475	18A-414.86	Nam Định	6475	20A-748.98	Thái Nguyên			
4476	18A-435.34	Nam Định	5476	18A-414.96	Nam Định	6476	20A-749.88	Thái Nguyên			
4477	18C-155.85	Nam Định	5477	18A-421.66	Nam Định	6477	20A-750.15	Thái Nguyên			
4478	18C-156.39	Nam Định	5478	18A-421.83	Nam Định	6478	20A-750.18	Thái Nguyên			
4479	19A-562.79	Phú Thọ	5479	18A-422.26	Nam Định	6479	20A-750.86	Thái Nguyên			
4480	19A-577.22	Phú Thọ	5480	18A-427.44	Nam Định	6480	20A-753.33	Thái Nguyên			
4481	19A-582.38	Phú Thọ	5481	18A-428.25	Nam Định	6481	20A-756.28	Thái Nguyên			
4482	19A-589.79	Phú Thọ	5482	18A-429.06	Nam Định	6482	20A-758.18	Thái Nguyên			
4483	19A-591.16	Phú Thọ	5483	18A-435.19	Nam Định	6483	20A-761.16	Thái Nguyên			
4484	19A-592.58	Phú Thọ	5484	18C-157.86	Nam Định	6484	20A-763.63	Thái Nguyên			
4485	19A-594.86	Phú Thọ	5485	18C-158.69	Nam Định	6485	20B-030.79	Thái Nguyên			
4486	19A-597.75	Phú Thọ	5486	19A-577.18	Phú Thọ	6486	20C-272.99	Thái Nguyên			
4487	19A-598.79	Phú Thọ	5487	19A-579.85	Phú Thọ	6487	20C-278.89	Thái Nguyên			
4488	19A-598.96	Phú Thọ	5488	19A-583.33	Phú Thọ	6488	20C-284.22	Thái Nguyên			
4489	19A-599.35	Phú Thọ	5489	19A-588.08	Phú Thọ	6489	20C-286.85	Thái Nguyên			
4490	19A-602.56	Phú Thọ	5490	19A-596.26	Phú Thọ	6490	20C-287.39	Thái Nguyên			
4491	19A-603.59	Phú Thọ	5491	19A-596.95	Phú Thọ	6491	21A-184.19	Yên Bái			
4492	19A-603.66	Phú Thọ	5492	19A-598.36	Phú Thọ	6492	21A-185.88	Yên Bái			
4493	19A-603.98	Phú Thọ	5493	19A-600.03	Phú Thọ	6493	21A-187.56	Yên Bái			
4494	19A-605.11	Phú Thọ	5494	19A-604.09	Phú Thọ	6494	21A-187.85	Yên Bái			
4495	19A-606.26	Phú Thọ	5495	19A-604.99	Phú Thọ	6495	21A-189.65	Yên Bái			
4496	19A-609.58	Phú Thọ	5496	19A-605.50	Phú Thọ	6496	21A-190.86	Yên Bái			
4497	19A-611.83	Phú Thọ	5497	19A-609.89	Phú Thọ	6497	21A-191.38	Yên Bái			
4498	19A-612.59	Phú Thọ	5498	19A-610.69	Phú Thọ	6498	21A-191.86	Yên Bái			
4499	19A-615.66	Phú Thọ	5499	19A-610.77	Phú Thọ	6499	21A-191.98	Yên Bái			
4500	19A-617.11	Phú Thọ	5500	19A-610.95	Phú Thọ	6500	21A-192.66	Yên Bái			
4501	19A-617.96	Phú Thọ	5501	19A-611.44	Phú Thọ	6501	21A-193.18	Yên Bái			
4502	19A-618.38	Phú Thọ	5502	19A-612.44	Phú Thọ	6502	21A-193.22	Yên Bái			
4503	19A-618.65	Phú Thọ	5503	19A-612.77	Phú Thọ	6503	21A-193.98	Yên Bái			
4504	19A-621.25	Phú Thọ	5504	19A-612.96	Phú Thọ	6504	21A-194.55	Yên Bái			
4505	19C-229.92	Phú Thọ	5505	19A-616.08	Phú Thọ	6505	21A-194.66	Yên Bái			
4506	20A-720.16	Thái Nguyên	5506	19A-617.98	Phú Thọ	6506	21C-097.08	Yên Bái			
4507	20A-721.38	Thái Nguyên	5507	19A-619.93	Phú Thọ	6507	21C-098.99	Yên Bái			
4508	20A-722.85	Thái Nguyên	5508	19A-620.35	Phú Thọ	6508	22A-216.79	Tuyên Quang			
4509	20A-729.33	Thái Nguyên	5509	19C-236.68	Phú Thọ	6509	22A-217.86	Tuyên Quang			
4510	20A-732.73	Thái Nguyên	5510	20A-707.77	Thái Nguyên	6510	22A-226.38	Tuyên Quang			
4511	20A-735.82	Thái Nguyên	5511	20A-708.69	Thái Nguyên	6511	22A-226.85	Tuyên Quang			
4512	20A-740.39	Thái Nguyên	5512	20A-719.89	Thái Nguyên	6512	22A-228.77	Tuyên Quang			
4513	20A-742.58	Thái Nguyên	5513	20A-729.58	Thái Nguyên	6513	22A-229.26	Tuyên Quang			
4514	20A-742.68	Thái Nguyên	5514	20A-731.26	Thái Nguyên	6514	22A-229.36	Tuyên Quang			
4515	20A-743.22	Thái Nguyên	5515	20A-732.99	Thái Nguyên	6515	22A-229.66	Tuyên Quang			
4516	20A-749.15	Thái Nguyên	5516	20A-733.38	Thái Nguyên	6516	22A-230.18	Tuyên Quang			
4517	20A-749.86	Thái Nguyên	5517	20A-733.44	Thái Nguyên	6517	22A-233.18	Tuyên Quang			
4518	20A-750.59	Thái Nguyên	5518	20A-735.33	Thái Nguyên	6518	22A-233.28	Tuyên Quang			
4519	20A-750.88	Thái Nguyên	5519	20A-743.28	Thái Nguyên	6519	22A-233.56	Tuyên Quang			
4520	20A-752.16	Thái Nguyên	5520	20A-744.22	Thái Nguyên	6520	22A-233.59	Tuyên Quang			
4521	20A-754.77	Thái Nguyên	5521	20A-745.16	Thái Nguyên	6521	22A-235.89	Tuyên Quang			
4522	20A-759.86	Thái Nguyên	5522	20A-746.11	Thái Nguyên	6522	22C-100.59	Tuyên Quang			
4523	20A-759.89	Thái Nguyên	5523	20A-746.22	Thái Nguyên	6523	23A-137.55	Hà Giang			
4524	20A-760.28	Thái Nguyên	5524	20A-746.44	Thái Nguyên	6524	23A-137.99	Hà Giang			
4525	20A-761.39	Thái Nguyên	5525	20A-748.84	Thái Nguyên	6525	23A-140.11	Hà Giang			
4526	20A-762.95	Thái Nguyên	5526	20A-751.68	Thái Nguyên	6526	23A-140.69	Hà Giang			
4527	20C-271.79	Thái Nguyên	5527	20A-754.68	Thái Nguyên	6527	23A-141.65	Hà Giang			
4528	20C-275.39	Thái Nguyên	5528	20A-754.83	Thái Nguyên	6528	23A-142.39	Hà Giang			
4529	20C-282.39	Thái Nguyên	5529	20A-756.11	Thái Nguyên	6529	23A-142.79	Hà Giang			
4530	20C-282.66	Thái Nguyên	5530	20A-756.55	Thái Nguyên	6530	23A-144.45	Hà Giang			
4531	20C-286.98	Thái Nguyên	5531	20A-758.25	Thái Nguyên	6531	23C-081.11	Hà Giang			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4532	21A-180.66	Yên Bái	5532	20A-761.36	Thái Nguyên	6532	24A-260.99	Lào Cai			
4533	21A-182.99	Yên Bái	5533	20A-762.33	Thái Nguyên	6533	24A-262.38	Lào Cai			
4534	21A-184.26	Yên Bái	5534	20A-763.68	Thái Nguyên	6534	24A-263.98	Lào Cai			
4535	21A-185.36	Yên Bái	5535	20A-763.77	Thái Nguyên	6535	24A-268.19	Lào Cai			
4536	21A-186.28	Yên Bái	5536	20C-273.37	Thái Nguyên	6536	24A-272.29	Lào Cai			
4537	21A-186.33	Yên Bái	5537	20C-276.88	Thái Nguyên	6537	24B-015.68	Lào Cai			
4538	21A-187.38	Yên Bái	5538	20C-279.66	Thái Nguyên	6538	24C-148.66	Lào Cai			
4539	21A-188.55	Yên Bái	5539	20C-283.59	Thái Nguyên	6539	24C-148.86	Lào Cai			
4540	21A-191.15	Yên Bái	5540	20C-286.26	Thái Nguyên	6540	24C-149.99	Lào Cai			
4541	21A-192.91	Yên Bái	5541	21A-180.86	Yên Bái	6541	24C-151.00	Lào Cai			
4542	21A-194.16	Yên Bái	5542	21A-183.68	Yên Bái	6542	24C-151.58	Lào Cai			
4543	21C-097.22	Yên Bái	5543	21A-186.26	Yên Bái	6543	24C-152.19	Lào Cai			
4544	21C-097.33	Yên Bái	5544	21A-187.89	Yên Bái	6544	25A-070.69	Lai Châu			
4545	22A-213.79	Tuyên Quang	5545	21A-189.81	Yên Bái	6545	25A-072.88	Lai Châu			
4546	22A-218.58	Tuyên Quang	5546	21A-190.65	Yên Bái	6546	25A-075.22	Lai Châu			
4547	22A-224.26	Tuyên Quang	5547	21A-191.91	Yên Bái	6547	25C-051.86	Lai Châu			
4548	22A-230.36	Tuyên Quang	5548	21A-194.91	Yên Bái	6548	25C-052.85	Lai Châu			
4549	22A-231.69	Tuyên Quang	5549	21C-096.09	Yên Bái	6549	26A-195.79	Sơn La			
4550	22A-234.85	Tuyên Quang	5550	21C-097.19	Yên Bái	6550	26A-199.92	Sơn La			
4551	22C-101.36	Tuyên Quang	5551	21C-097.77	Yên Bái	6551	26A-200.36	Sơn La			
4552	23A-136.85	Hà Giang	5552	21D-003.22	Yên Bái	6552	26A-201.18	Sơn La			
4553	23A-137.29	Hà Giang	5553	22A-221.89	Tuyên Quang	6553	26A-201.59	Sơn La			
4554	23A-139.68	Hà Giang	5554	22A-222.16	Tuyên Quang	6554	26A-201.62	Sơn La			
4555	23A-139.95	Hà Giang	5555	22A-222.67	Tuyên Quang	6555	26A-201.99	Sơn La			
4556	23A-141.98	Hà Giang	5556	22A-223.82	Tuyên Quang	6556	26C-139.69	Sơn La			
4557	23A-142.88	Hà Giang	5557	22A-225.23	Tuyên Quang	6557	27A-106.22	Điện Biên			
4558	23C-080.83	Hà Giang	5558	22A-225.96	Tuyên Quang	6558	27A-106.86	Điện Biên			
4559	23C-081.56	Hà Giang	5559	22A-226.39	Tuyên Quang	6559	27A-108.65	Điện Biên			
4560	23C-081.59	Hà Giang	5560	22A-226.95	Tuyên Quang	6560	27A-111.07	Điện Biên			
4561	23C-081.77	Hà Giang	5561	22A-226.96	Tuyên Quang	6561	27C-061.79	Điện Biên			
4562	23C-081.85	Hà Giang	5562	22A-227.82	Tuyên Quang	6562	27C-063.56	Điện Biên			
4563	23D-004.15	Hà Giang	5563	22A-229.85	Tuyên Quang	6563	27C-065.36	Điện Biên			
4564	24A-262.19	Lào Cai	5564	22A-231.66	Tuyên Quang	6564	28A-216.79	Hòa Bình			
4565	24A-263.58	Lào Cai	5565	22A-232.26	Tuyên Quang	6565	28A-225.56	Hòa Bình			
4566	24A-263.96	Lào Cai	5566	22A-234.22	Tuyên Quang	6566	28A-225.79	Hòa Bình			
4567	24A-264.22	Lào Cai	5567	22A-235.00	Tuyên Quang	6567	28A-228.25	Hòa Bình			
4568	24A-264.85	Lào Cai	5568	22C-101.66	Tuyên Quang	6568	28A-230.08	Hòa Bình			
4569	24A-264.98	Lào Cai	5569	23A-139.36	Hà Giang	6569	28A-230.66	Hòa Bình			
4570	24A-266.22	Lào Cai	5570	23A-140.86	Hà Giang	6570	28A-232.83	Hòa Bình			
4571	24A-273.16	Lào Cai	5571	23A-142.28	Hà Giang	6571	29K-083.33	Hà Nội			
4572	24C-144.44	Lào Cai	5572	23C-079.63	Hà Giang	6572	29K-107.99	Hà Nội			
4573	24C-149.19	Lào Cai	5573	23C-079.98	Hà Giang	6573	29K-111.86	Hà Nội			
4574	24C-150.96	Lào Cai	5574	23C-081.22	Hà Giang	6574	29K-113.79	Hà Nội			
4575	25A-073.36	Lai Châu	5575	24A-257.77	Lào Cai	6575	29K-116.38	Hà Nội			
4576	25A-073.77	Lai Châu	5576	24A-261.28	Lào Cai	6576	29K-118.26	Hà Nội			
4577	25A-075.08	Lai Châu	5577	24A-262.36	Lào Cai	6577	29K-118.81	Hà Nội			
4578	25C-052.86	Lai Châu	5578	24A-262.86	Lào Cai	6578	29K-122.11	Hà Nội			
4579	26A-191.86	Sơn La	5579	24A-263.33	Lào Cai	6579	29K-122.26	Hà Nội			
4580	26A-192.66	Sơn La	5580	24A-263.69	Lào Cai	6580	29K-126.19	Hà Nội			
4581	26A-195.86	Sơn La	5581	24A-264.15	Lào Cai	6581	29K-129.66	Hà Nội			
4582	26A-196.08	Sơn La	5582	24A-264.38	Lào Cai	6582	29K-133.19	Hà Nội			
4583	26A-197.16	Sơn La	5583	24C-150.79	Lào Cai	6583	29K-133.36	Hà Nội			
4584	26A-200.56	Sơn La	5584	24C-152.79	Lào Cai	6584	29K-137.99	Hà Nội			
4585	26C-146.89	Sơn La	5585	25A-073.56	Lai Châu	6585	29K-138.35	Hà Nội			
4586	27A-108.33	Điện Biên	5586	25C-052.58	Lai Châu	6586	29K-139.26	Hà Nội			
4587	27A-110.35	Điện Biên	5587	26A-192.16	Sơn La	6587	29K-141.41	Hà Nội			
4588	27A-110.55	Điện Biên	5588	26A-194.56	Sơn La	6588	34A-738.79	Hải Dương			
4589	27A-111.12	Điện Biên	5589	26A-197.93	Sơn La	6589	34A-753.79	Hải Dương			
4590	27C-064.88	Điện Biên	5590	26A-198.85	Sơn La	6590	34A-759.68	Hải Dương			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4591	27C-065.18	Điện Biên	5591	26A-200.85	Sơn La	6591	34A-760.98	Hải Dương			
4592	28A-220.89	Hòa Bình	5592	26A-204.18	Sơn La	6592	34A-761.36	Hải Dương			
4593	28A-222.65	Hòa Bình	5593	26A-204.28	Sơn La	6593	34A-762.59	Hải Dương			
4594	28A-224.96	Hòa Bình	5594	26A-204.66	Sơn La	6594	34A-762.86	Hải Dương			
4595	28A-228.36	Hòa Bình	5595	26C-136.68	Sơn La	6595	34A-765.09	Hải Dương			
4596	28A-230.01	Hòa Bình	5596	26C-136.86	Sơn La	6596	34A-765.19	Hải Dương			
4597	28A-232.11	Hòa Bình	5597	26C-139.66	Sơn La	6597	34A-765.65	Hải Dương			
4598	28A-232.56	Hòa Bình	5598	26C-141.16	Sơn La	6598	34A-765.96	Hải Dương			
4599	28C-103.85	Hòa Bình	5599	26D-010.09	Sơn La	6599	34A-766.38	Hải Dương			
4600	29K-091.39	Hà Nội	5600	27A-106.56	Điện Biên	6600	34A-768.77	Hải Dương			
4601	29K-093.99	Hà Nội	5601	27A-108.36	Điện Biên	6601	34A-769.18	Hải Dương			
4602	29K-097.39	Hà Nội	5602	27A-108.93	Điện Biên	6602	34A-770.08	Hải Dương			
4603	29K-103.89	Hà Nội	5603	27C-063.68	Điện Biên	6603	34A-770.88	Hải Dương			
4604	29K-105.38	Hà Nội	5604	27C-063.85	Điện Biên	6604	34A-772.96	Hải Dương			
4605	29K-108.66	Hà Nội	5605	27C-065.19	Điện Biên	6605	34A-774.06	Hải Dương			
4606	29K-108.88	Hà Nội	5606	28A-216.66	Hòa Bình	6606	34A-774.08	Hải Dương			
4607	29K-111.09	Hà Nội	5607	28A-217.69	Hòa Bình	6607	34A-774.33	Hải Dương			
4608	29K-115.69	Hà Nội	5608	28A-219.68	Hòa Bình	6608	34A-775.19	Hải Dương			
4609	29K-117.33	Hà Nội	5609	28A-221.88	Hòa Bình	6609	34A-777.67	Hải Dương			
4610	29K-125.58	Hà Nội	5610	28A-226.06	Hòa Bình	6610	34A-778.06	Hải Dương			
4611	29K-125.77	Hà Nội	5611	28A-226.36	Hòa Bình	6611	34A-778.95	Hải Dương			
4612	29K-132.16	Hà Nội	5612	28A-226.62	Hòa Bình	6612	34A-779.18	Hải Dương			
4613	29K-133.55	Hà Nội	5613	28A-228.65	Hòa Bình	6613	34A-788.83	Hải Dương			
4614	29K-138.33	Hà Nội	5614	28A-231.00	Hòa Bình	6614	34A-792.22	Hải Dương			
4615	29K-139.59	Hà Nội	5615	28A-231.22	Hòa Bình	6615	34A-793.35	Hải Dương			
4616	29K-142.36	Hà Nội	5616	28A-232.15	Hòa Bình	6616	34A-795.99	Hải Dương			
4617	29K-142.85	Hà Nội	5617	28C-101.01	Hòa Bình	6617	34A-797.15	Hải Dương			
4618	34A-743.68	Hải Dương	5618	28C-105.68	Hòa Bình	6618	34A-798.83	Hải Dương			
4619	34A-751.88	Hải Dương	5619	28C-108.36	Hòa Bình	6619	34A-799.29	Hải Dương			
4620	34A-761.66	Hải Dương	5620	29K-092.69	Hà Nội	6620	34A-799.36	Hải Dương			
4621	34A-761.98	Hải Dương	5621	29K-100.09	Hà Nội	6621	34A-800.06	Hải Dương			
4622	34A-766.28	Hải Dương	5622	29K-100.59	Hà Nội	6622	34A-800.95	Hải Dương			
4623	34A-769.44	Hải Dương	5623	29K-100.99	Hà Nội	6623	34A-801.18	Hải Dương			
4624	34A-769.98	Hải Dương	5624	29K-105.56	Hà Nội	6624	34A-801.25	Hải Dương			
4625	34A-772.15	Hải Dương	5625	29K-109.09	Hà Nội	6625	34A-801.65	Hải Dương			
4626	34A-772.33	Hải Dương	5626	29K-120.88	Hà Nội	6626	34C-388.18	Hải Dương			
4627	34A-772.83	Hải Dương	5627	29K-121.16	Hà Nội	6627	34C-391.66	Hải Dương			
4628	34A-773.06	Hải Dương	5628	29K-121.26	Hà Nội	6628	34C-393.58	Hải Dương			
4629	34A-778.08	Hải Dương	5629	29K-122.69	Hà Nội	6629	34C-395.18	Hải Dương			
4630	34A-778.15	Hải Dương	5630	29K-128.55	Hà Nội	6630	34C-395.26	Hải Dương			
4631	34A-778.55	Hải Dương	5631	29K-130.58	Hà Nội	6631	34C-395.35	Hải Dương			
4632	34A-778.69	Hải Dương	5632	29K-136.98	Hà Nội	6632	34C-395.56	Hải Dương			
4633	34A-782.68	Hải Dương	5633	34A-743.89	Hải Dương	6633	34C-396.19	Hải Dương			
4634	34A-785.58	Hải Dương	5634	34A-756.85	Hải Dương	6634	34C-396.69	Hải Dương			
4635	34A-785.87	Hải Dương	5635	34A-760.69	Hải Dương	6635	34C-398.08	Hải Dương			
4636	34A-786.18	Hải Dương	5636	34A-761.35	Hải Dương	6636	35A-372.68	Ninh Bình			
4637	34A-786.25	Hải Dương	5637	34A-764.19	Hải Dương	6637	35A-390.59	Ninh Bình			
4638	34A-786.68	Hải Dương	5638	34A-764.55	Hải Dương	6638	35A-390.88	Ninh Bình			
4639	34A-787.25	Hải Dương	5639	34A-766.89	Hải Dương	6639	35A-391.55	Ninh Bình			
4640	34A-787.56	Hải Dương	5640	34A-766.98	Hải Dương	6640	35A-392.11	Ninh Bình			
4641	34A-792.18	Hải Dương	5641	34A-768.00	Hải Dương	6641	35A-394.38	Ninh Bình			
4642	34A-797.33	Hải Dương	5642	34A-769.38	Hải Dương	6642	35A-396.83	Ninh Bình			
4643	34A-799.82	Hải Dương	5643	34A-774.88	Hải Dương	6643	35A-403.99	Ninh Bình			
4644	34A-801.68	Hải Dương	5644	34A-775.77	Hải Dương	6644	35A-405.95	Ninh Bình			
4645	34A-803.38	Hải Dương	5645	34A-776.99	Hải Dương	6645	35A-407.06	Ninh Bình			
4646	34C-389.39	Hải Dương	5646	34A-777.18	Hải Dương	6646	35A-407.95	Ninh Bình			
4647	34C-390.56	Hải Dương	5647	34A-778.25	Hải Dương	6647	35A-411.26	Ninh Bình			
4648	34C-390.88	Hải Dương	5648	34A-787.29	Hải Dương	6648	35A-412.06	Ninh Bình			
4649	34C-392.59	Hải Dương	5649	34A-787.35	Hải Dương	6649	35C-155.99	Ninh Bình			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4650	34C-392.98	Hải Dương	5650	34A-788.35	Hải Dương	6650	36C-450.89	Thanh Hóa			
4651	34C-393.11	Hải Dương	5651	34A-789.33	Hải Dương	6651	36C-456.39	Thanh Hóa			
4652	34C-393.15	Hải Dương	5652	34A-789.63	Hải Dương	6652	36C-457.26	Thanh Hóa			
4653	34C-393.85	Hải Dương	5653	34A-791.66	Hải Dương	6653	36C-457.83	Thanh Hóa			
4654	34C-396.98	Hải Dương	5654	34A-792.00	Hải Dương	6654	36C-459.09	Thanh Hóa			
4655	34C-398.15	Hải Dương	5655	34A-793.15	Hải Dương	6655	36C-460.16	Thanh Hóa			
4656	34C-399.00	Hải Dương	5656	34A-793.85	Hải Dương	6656	36C-460.85	Thanh Hóa			
4657	34D-033.36	Hải Dương	5657	34A-794.28	Hải Dương	6657	36K-007.66	Thanh Hóa			
4658	35A-374.79	Ninh Bình	5658	34A-796.55	Hải Dương	6658	36K-007.69	Thanh Hóa			
4659	35A-390.39	Ninh Bình	5659	34A-798.35	Hải Dương	6659	36K-020.69	Thanh Hóa			
4660	35A-392.86	Ninh Bình	5660	34C-388.11	Hải Dương	6660	36K-022.26	Thanh Hóa			
4661	35A-395.93	Ninh Bình	5661	34C-393.19	Hải Dương	6661	36K-029.33	Thanh Hóa			
4662	35A-396.00	Ninh Bình	5662	34C-398.26	Hải Dương	6662	36K-031.35	Thanh Hóa			
4663	35A-401.96	Ninh Bình	5663	35A-377.89	Ninh Bình	6663	36K-031.55	Thanh Hóa			
4664	35A-402.11	Ninh Bình	5664	35A-378.86	Ninh Bình	6664	36K-033.06	Thanh Hóa			
4665	35A-404.00	Ninh Bình	5665	35A-390.16	Ninh Bình	6665	36K-033.56	Thanh Hóa			
4666	35A-404.18	Ninh Bình	5666	35A-392.15	Ninh Bình	6666	36K-034.11	Thanh Hóa			
4667	35A-404.86	Ninh Bình	5667	35A-393.26	Ninh Bình	6667	36K-034.19	Thanh Hóa			
4668	35A-408.66	Ninh Bình	5668	35A-394.11	Ninh Bình	6668	36K-034.35	Thanh Hóa			
4669	35A-409.25	Ninh Bình	5669	35A-394.83	Ninh Bình	6669	36K-035.53	Thanh Hóa			
4670	35A-410.00	Ninh Bình	5670	35A-395.28	Ninh Bình	6670	36K-038.19	Thanh Hóa			
4671	35A-410.36	Ninh Bình	5671	35A-397.28	Ninh Bình	6671	36K-038.35	Thanh Hóa			
4672	35A-412.55	Ninh Bình	5672	35A-399.09	Ninh Bình	6672	36K-038.59	Thanh Hóa			
4673	35A-412.88	Ninh Bình	5673	35A-400.11	Ninh Bình	6673	36K-041.85	Thanh Hóa			
4674	35A-413.13	Ninh Bình	5674	35A-400.40	Ninh Bình	6674	36K-042.00	Thanh Hóa			
4675	35C-160.39	Ninh Bình	5675	35A-401.99	Ninh Bình	6675	37C-502.06	Nghệ An			
4676	35C-161.68	Ninh Bình	5676	35A-402.38	Ninh Bình	6676	37C-504.77	Nghệ An			
4677	35C-162.09	Ninh Bình	5677	35A-403.58	Ninh Bình	6677	37C-505.00	Nghệ An			
4678	36C-455.59	Thanh Hóa	5678	35A-407.00	Ninh Bình	6678	37C-506.35	Nghệ An			
4679	36C-458.44	Thanh Hóa	5679	35A-409.56	Ninh Bình	6679	37C-507.77	Nghệ An			
4680	36C-460.66	Thanh Hóa	5680	35A-409.85	Ninh Bình	6680	37C-507.86	Nghệ An			
4681	36C-461.26	Thanh Hóa	5681	35A-409.95	Ninh Bình	6681	37C-512.89	Nghệ An			
4682	36K-021.16	Thanh Hóa	5682	35A-410.68	Ninh Bình	6682	37C-514.19	Nghệ An			
4683	36K-028.69	Thanh Hóa	5683	35A-411.35	Ninh Bình	6683	37K-253.88	Nghệ An			
4684	36K-030.77	Thanh Hóa	5684	35A-411.65	Ninh Bình	6684	37K-258.66	Nghệ An			
4685	36K-032.86	Thanh Hóa	5685	35A-412.18	Ninh Bình	6685	37K-270.58	Nghệ An			
4686	36K-032.98	Thanh Hóa	5686	35A-413.29	Ninh Bình	6686	37K-273.36	Nghệ An			
4687	36K-034.69	Thanh Hóa	5687	35A-413.36	Ninh Bình	6687	37K-273.85	Nghệ An			
4688	36K-042.59	Thanh Hóa	5688	35C-159.69	Ninh Bình	6688	37K-274.85	Nghệ An			
4689	37C-490.00	Nghệ An	5689	36C-458.55	Thanh Hóa	6689	37K-275.39	Nghệ An			
4690	37C-493.99	Nghệ An	5690	36C-461.15	Thanh Hóa	6690	37K-276.85	Nghệ An			
4691	37C-500.68	Nghệ An	5691	36K-007.39	Thanh Hóa	6691	37K-277.16	Nghệ An			
4692	37C-505.16	Nghệ An	5692	36K-015.68	Thanh Hóa	6692	37K-279.22	Nghệ An			
4693	37C-505.25	Nghệ An	5693	36K-017.66	Thanh Hóa	6693	37K-281.79	Nghệ An			
4694	37C-507.58	Nghệ An	5694	36K-017.68	Thanh Hóa	6694	37K-286.33	Nghệ An			
4695	37C-510.69	Nghệ An	5695	36K-026.16	Thanh Hóa	6695	37K-288.08	Nghệ An			
4696	37C-511.44	Nghệ An	5696	36K-026.62	Thanh Hóa	6696	37K-288.09	Nghệ An			
4697	37C-512.06	Nghệ An	5697	36K-029.69	Thanh Hóa	6697	37K-289.06	Nghệ An			
4698	37C-512.38	Nghệ An	5698	36K-030.26	Thanh Hóa	6698	37K-293.28	Nghệ An			
4699	37C-514.06	Nghệ An	5699	36K-030.89	Thanh Hóa	6699	37K-296.56	Nghệ An			
4700	37C-514.09	Nghệ An	5700	36K-034.85	Thanh Hóa	6700	37K-297.58	Nghệ An			
4701	37K-265.66	Nghệ An	5701	36K-039.19	Thanh Hóa	6701	37K-300.33	Nghệ An			
4702	37K-274.59	Nghệ An	5702	36K-040.06	Thanh Hóa	6702	37K-301.08	Nghệ An			
4703	37K-275.95	Nghệ An	5703	36K-040.56	Thanh Hóa	6703	37K-301.79	Nghệ An			
4704	37K-276.95	Nghệ An	5704	36K-041.22	Thanh Hóa	6704	37K-311.16	Nghệ An			
4705	37K-277.18	Nghệ An	5705	36K-041.69	Thanh Hóa	6705	37K-311.18	Nghệ An			
4706	37K-277.33	Nghệ An	5706	37C-503.09	Nghệ An	6706	37K-312.26	Nghệ An			
4707	37K-278.72	Nghệ An	5707	37C-503.79	Nghệ An	6707	37K-312.33	Nghệ An			
4708	37K-279.92	Nghệ An	5708	37C-508.33	Nghệ An	6708	37K-314.09	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4709	37K-280.09	Nghệ An	5709	37C-509.11	Nghệ An	6709	37K-314.56	Nghệ An			
4710	37K-280.83	Nghệ An	5710	37C-511.06	Nghệ An	6710	37K-314.58	Nghệ An			
4711	37K-280.99	Nghệ An	5711	37C-511.25	Nghệ An	6711	37K-314.99	Nghệ An			
4712	37K-281.86	Nghệ An	5712	37C-512.28	Nghệ An	6712	37K-315.00	Nghệ An			
4713	37K-285.00	Nghệ An	5713	37C-513.16	Nghệ An	6713	37K-315.26	Nghệ An			
4714	37K-288.00	Nghệ An	5714	37C-513.19	Nghệ An	6714	37K-318.35	Nghệ An			
4715	37K-288.96	Nghệ An	5715	37C-513.29	Nghệ An	6715	37K-319.33	Nghệ An			
4716	37K-289.22	Nghệ An	5716	37C-514.29	Nghệ An	6716	37K-319.76	Nghệ An			
4717	37K-289.58	Nghệ An	5717	37K-270.59	Nghệ An	6717	37K-319.77	Nghệ An			
4718	37K-290.86	Nghệ An	5718	37K-272.68	Nghệ An	6718	37K-319.96	Nghệ An			
4719	37K-291.99	Nghệ An	5719	37K-273.77	Nghệ An	6719	37K-320.20	Nghệ An			
4720	37K-294.35	Nghệ An	5720	37K-275.19	Nghệ An	6720	38A-574.86	Hà Tĩnh			
4721	37K-296.25	Nghệ An	5721	37K-277.06	Nghệ An	6721	38A-575.59	Hà Tĩnh			
4722	37K-304.83	Nghệ An	5722	37K-277.26	Nghệ An	6722	38A-577.87	Hà Tĩnh			
4723	37K-306.39	Nghệ An	5723	37K-277.55	Nghệ An	6723	38A-578.25	Hà Tĩnh			
4724	37K-306.56	Nghệ An	5724	37K-278.28	Nghệ An	6724	38A-580.69	Hà Tĩnh			
4725	37K-306.83	Nghệ An	5725	37K-281.58	Nghệ An	6725	38A-580.95	Hà Tĩnh			
4726	37K-307.35	Nghệ An	5726	37K-285.95	Nghệ An	6726	38A-580.96	Hà Tĩnh			
4727	37K-309.55	Nghệ An	5727	37K-288.69	Nghệ An	6727	38A-582.77	Hà Tĩnh			
4728	37K-310.95	Nghệ An	5728	37K-288.83	Nghệ An	6728	38A-584.26	Hà Tĩnh			
4729	37K-311.12	Nghệ An	5729	37K-290.35	Nghệ An	6729	38A-584.85	Hà Tĩnh			
4730	37K-313.38	Nghệ An	5730	37K-290.55	Nghệ An	6730	38A-585.44	Hà Tĩnh			
4731	37K-314.38	Nghệ An	5731	37K-292.83	Nghệ An	6731	38A-588.83	Hà Tĩnh			
4732	37K-315.28	Nghệ An	5732	37K-294.29	Nghệ An	6732	38A-589.11	Hà Tĩnh			
4733	37K-315.79	Nghệ An	5733	37K-297.18	Nghệ An	6733	38A-589.95	Hà Tĩnh			
4734	37K-316.09	Nghệ An	5734	37K-298.63	Nghệ An	6734	38A-591.44	Hà Tĩnh			
4735	37K-316.63	Nghệ An	5735	37K-304.08	Nghệ An	6735	38A-591.89	Hà Tĩnh			
4736	37K-317.29	Nghệ An	5736	37K-306.09	Nghệ An	6736	38A-593.36	Hà Tĩnh			
4737	37K-318.98	Nghệ An	5737	37K-306.59	Nghệ An	6737	38A-594.55	Hà Tĩnh			
4738	37K-319.82	Nghệ An	5738	37K-308.22	Nghệ An	6738	38A-602.69	Hà Tĩnh			
4739	37K-319.90	Nghệ An	5739	37K-308.96	Nghệ An	6739	38C-213.44	Hà Tĩnh			
4740	37K-319.95	Nghệ An	5740	37K-310.59	Nghệ An	6740	38C-214.68	Hà Tĩnh			
4741	37K-321.18	Nghệ An	5741	37K-310.79	Nghệ An	6741	43A-802.02	Đà Nẵng			
4742	37K-322.59	Nghệ An	5742	37K-312.13	Nghệ An	6742	43A-809.88	Đà Nẵng			
4743	38A-572.39	Hà Tĩnh	5743	37K-312.28	Nghệ An	6743	43A-817.69	Đà Nẵng			
4744	38A-577.06	Hà Tĩnh	5744	37K-312.79	Nghệ An	6744	43A-817.71	Đà Nẵng			
4745	38A-578.22	Hà Tĩnh	5745	37K-313.06	Nghệ An	6745	43A-818.44	Đà Nẵng			
4746	38A-579.55	Hà Tĩnh	5746	37K-321.79	Nghệ An	6746	43A-819.08	Đà Nẵng			
4747	38A-580.19	Hà Tĩnh	5747	37K-322.06	Nghệ An	6747	43A-820.69	Đà Nẵng			
4748	38A-583.09	Hà Tĩnh	5748	37K-322.62	Nghệ An	6748	43A-822.19	Đà Nẵng			
4749	38A-583.66	Hà Tĩnh	5749	38A-564.39	Hà Tĩnh	6749	43A-822.59	Đà Nẵng			
4750	38A-584.15	Hà Tĩnh	5750	38A-575.26	Hà Tĩnh	6750	43A-827.56	Đà Nẵng			
4751	38A-584.44	Hà Tĩnh	5751	38A-578.08	Hà Tĩnh	6751	43A-835.85	Đà Nẵng			
4752	38A-587.36	Hà Tĩnh	5752	38A-582.36	Hà Tĩnh	6752	43A-836.92	Đà Nẵng			
4753	38A-589.79	Hà Tĩnh	5753	38A-583.22	Hà Tĩnh	6753	43A-837.66	Đà Nẵng			
4754	38A-592.15	Hà Tĩnh	5754	38A-586.19	Hà Tĩnh	6754	43A-840.38	Đà Nẵng			
4755	38A-592.89	Hà Tĩnh	5755	38A-586.22	Hà Tĩnh	6755	43A-841.22	Đà Nẵng			
4756	38A-599.28	Hà Tĩnh	5756	38A-588.82	Hà Tĩnh	6756	43A-844.11	Đà Nẵng			
4757	38A-603.36	Hà Tĩnh	5757	38A-591.35	Hà Tĩnh	6757	43A-845.39	Đà Nẵng			
4758	38C-210.77	Hà Tĩnh	5758	38A-596.55	Hà Tĩnh	6758	43A-847.11	Đà Nẵng			
4759	38C-211.61	Hà Tĩnh	5759	38A-597.44	Hà Tĩnh	6759	43A-848.06	Đà Nẵng			
4760	38C-212.09	Hà Tĩnh	5760	38A-598.36	Hà Tĩnh	6760	43A-850.06	Đà Nẵng			
4761	38C-212.59	Hà Tĩnh	5761	38A-601.25	Hà Tĩnh	6761	43A-851.28	Đà Nẵng			
4762	38C-213.36	Hà Tĩnh	5762	38C-210.85	Hà Tĩnh	6762	43A-851.88	Đà Nẵng			
4763	38C-214.09	Hà Tĩnh	5763	38C-212.44	Hà Tĩnh	6763	43A-852.18	Đà Nẵng			
4764	38C-214.39	Hà Tĩnh	5764	38C-215.21	Hà Tĩnh	6764	43A-852.86	Đà Nẵng			
4765	38C-215.38	Hà Tĩnh	5765	43A-813.66	Đà Nẵng	6765	47A-661.11	Đắk Lắk			
4766	43A-823.69	Đà Nẵng	5766	43A-815.88	Đà Nẵng	6766	47A-661.21	Đắk Lắk			
4767	43A-825.39	Đà Nẵng	5767	43A-817.18	Đà Nẵng	6767	51D-958.33	Hồ Chí Minh			

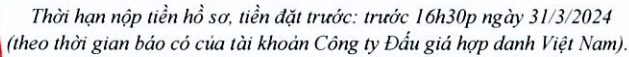
Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4768	43A-827.88	Đà Nẵng	5768	43A-817.38	Đà Nẵng	6768	51D-958.86	Hồ Chí Minh			
4769	43A-829.19	Đà Nẵng	5769	43A-822.18	Đà Nẵng	6769	51D-963.26	Hồ Chí Minh			
4770	43A-829.26	Đà Nẵng	5770	43A-822.79	Đà Nẵng	6770	51E-305.05	Hồ Chí Minh			
4771	43A-829.38	Đà Nẵng	5771	43A-823.55	Đà Nẵng	6771	69A-148.25	Cà Mau			
4772	43A-831.86	Đà Nẵng	5772	43A-825.66	Đà Nẵng	6772	69A-150.86	Cà Mau			
4773	43A-835.98	Đà Nẵng	5773	43A-829.06	Đà Nẵng	6773	69A-152.96	Cà Mau			
4774	43A-836.26	Đà Nẵng	5774	43A-833.06	Đà Nẵng	6774	69A-153.96	Cà Mau			
4775	43A-837.29	Đà Nẵng	5775	43A-835.95	Đà Nẵng	6775	69A-154.95	Cà Mau			
4776	43A-840.33	Đà Nẵng	5776	43A-838.77	Đà Nẵng	6776	69A-156.25	Cà Mau			
4777	43A-841.77	Đà Nẵng	5777	43A-841.29	Đà Nẵng	6777	69C-094.06	Cà Mau			
4778	43A-842.22	Đà Nẵng	5778	43A-841.58	Đà Nẵng	6778	69C-095.26	Cà Mau			
4779	43A-843.68	Đà Nẵng	5779	43A-845.98	Đà Nẵng	6779	73A-326.08	Quảng Bình			
4780	43A-846.18	Đà Nẵng	5780	43A-845.99	Đà Nẵng	6780	73A-329.55	Quảng Bình			
4781	43A-847.85	Đà Nẵng	5781	43A-846.11	Đà Nẵng	6781	73A-333.58	Quảng Bình			
4782	43A-850.33	Đà Nẵng	5782	43A-846.89	Đà Nẵng	6782	73A-334.25	Quảng Bình			
4783	43A-850.99	Đà Nẵng	5783	43A-847.18	Đà Nẵng	6783	73A-334.28	Quảng Bình			
4784	43C-287.77	Đà Nẵng	5784	43A-849.28	Đà Nẵng	6784	73C-172.69	Quảng Bình			
4785	43C-290.89	Đà Nẵng	5785	43A-851.19	Đà Nẵng	6785	74A-242.39	Quảng Trị			
4786	47A-661.39	Đắk Lắk	5786	43A-851.66	Đà Nẵng	6786	74A-243.43	Quảng Trị			
4787	51D-960.68	Hồ Chí Minh	5787	51D-961.88	Hồ Chí Minh	6787	74A-244.39	Quảng Trị			
4788	51D-963.79	Hồ Chí Minh	5788	51D-979.55	Hồ Chí Minh	6788	74A-245.25	Quảng Trị			
4789	51D-973.55	Hồ Chí Minh	5789	51E-309.68	Hồ Chí Minh	6789	74A-248.49	Quảng Trị			
4790	51D-975.69	Hồ Chí Minh	5790	51E-310.89	Hồ Chí Minh	6790	74A-248.55	Quảng Trị			
4791	68A-320.66	Kiên Giang	5791	69A-149.29	Cà Mau	6791	74A-250.77	Quảng Trị			
4792	69A-148.84	Cà Mau	5792	69A-150.26	Cà Mau	6792	74C-127.09	Quảng Trị			
4793	69A-151.59	Cà Mau	5793	69A-151.55	Cà Mau	6793	74C-129.08	Quảng Trị			
4794	73A-328.56	Quảng Bình	5794	69A-152.63	Cà Mau	6794	74C-129.36	Quảng Trị			
4795	73A-331.77	Quảng Bình	5795	69A-153.69	Cà Mau	6795	74C-130.99	Quảng Trị			
4796	73A-332.15	Quảng Bình	5796	69A-155.89	Cà Mau	6796	75A-348.38	Thừa Thiên Huế			
4797	73B-013.31	Quảng Bình	5797	69A-156.57	Cà Mau	6797	75A-349.28	Thừa Thiên Huế			
4798	73C-168.99	Quảng Bình	5798	69A-156.98	Cà Mau	6798	75A-349.96	Thừa Thiên Huế			
4799	73C-171.86	Quảng Bình	5799	69C-094.33	Cà Mau	6799	75A-350.95	Thừa Thiên Huế			
4800	73C-172.55	Quảng Bình	5800	69C-096.36	Cà Mau	6800	75A-352.96	Thừa Thiên Huế			
4801	74A-242.85	Quảng Trị	5801	73A-322.86	Quảng Bình	6801	75A-353.35	Thừa Thiên Huế			
4802	74A-244.55	Quảng Trị	5802	73A-326.09	Quảng Bình	6802	75A-353.58	Thừa Thiên Huế			
4803	74A-244.96	Quảng Trị	5803	73A-326.36	Quảng Bình	6803	75A-353.69	Thừa Thiên Huế			
4804	74A-246.59	Quảng Trị	5804	73A-326.98	Quảng Bình	6804	75A-356.36	Thừa Thiên Huế			
4805	74A-247.24	Quảng Trị	5805	73A-326.99	Quảng Bình	6805	75A-356.57	Thừa Thiên Huế			
4806	74A-251.25	Quảng Trị	5806	73A-333.44	Quảng Bình	6806	75A-360.38	Thừa Thiên Huế			
4807	74A-254.15	Quảng Trị	5807	73A-336.58	Quảng Bình	6807	75A-360.59	Thừa Thiên Huế			
4808	74A-254.95	Quảng Trị	5808	73C-167.68	Quảng Bình	6808	75A-361.86	Thừa Thiên Huế			
4809	74C-127.68	Quảng Trị	5809	73C-171.22	Quảng Bình	6809	75A-362.15	Thừa Thiên Huế			
4810	74C-131.13	Quảng Trị	5810	74A-246.46	Quảng Trị	6810	75A-364.29	Thừa Thiên Huế			
4811	75A-337.88	Thừa Thiên Huế	5811	74A-246.83	Quảng Trị	6811	75C-150.50	Thừa Thiên Huế			
4812	75A-342.86	Thừa Thiên Huế	5812	74A-247.58	Quảng Trị	6812	78A-190.28	Phú Yên			
4813	75A-348.66	Thừa Thiên Huế	5813	74A-248.18	Quảng Trị	6813	78A-192.22	Phú Yên			
4814	75A-352.55	Thừa Thiên Huế	5814	74A-248.86	Quảng Trị	6814	78A-192.59	Phú Yên			
4815	75A-352.66	Thừa Thiên Huế	5815	74A-248.95	Quảng Trị	6815	78A-193.35	Phú Yên			
4816	75A-354.29	Thừa Thiên Huế	5816	74A-251.59	Quảng Trị	6816	78C-742.69	Phú Yên			
4817	75A-354.35	Thừa Thiên Huế	5817	74A-254.16	Quảng Trị	6817	78C-743.11	Phú Yên			
4818	75A-356.58	Thừa Thiên Huế	5818	74A-254.26	Quảng Trị	6818	78C-743.19	Phú Yên			
4819	75A-358.56	Thừa Thiên Huế	5819	74C-129.77	Quảng Trị	6819	78C-743.25	Phú Yên			
4820	75A-359.65	Thừa Thiên Huế	5820	75A-348.36	Thừa Thiên Huế	6820	78C-743.79	Phú Yên			
4821	75A-359.85	Thừa Thiên Huế	5821	75A-352.11	Thừa Thiên Huế	6821	79A-500.88	Khánh Hòa			
4822	75A-359.92	Thừa Thiên Huế	5822	75A-352.38	Thừa Thiên Huế	6822	79A-503.82	Khánh Hòa			
4823	75A-360.61	Thừa Thiên Huế	5823	75A-353.77	Thừa Thiên Huế	6823	79A-505.06	Khánh Hòa			
4824	75A-361.69	Thừa Thiên Huế	5824	75A-355.89	Thừa Thiên Huế	6824	79A-507.18	Khánh Hòa			
4825	75A-363.15	Thừa Thiên Huế	5825	75A-357.11	Thừa Thiên Huế	6825	79A-507.35	Khánh Hòa			
4826	75A-364.65	Thừa Thiên Huế	5826	75A-357.96	Thừa Thiên Huế	6826	79A-512.16	Khánh Hòa			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4827	75C-149.38	Thừa Thiên Huế	5827	75A-358.69	Thừa Thiên Huế	6827	79A-514.79	Khánh Hòa			
4828	75C-150.28	Thừa Thiên Huế	5828	75A-360.18	Thừa Thiên Huế	6828	79A-517.51	Khánh Hòa			
4829	78A-188.82	Phú Yên	5829	75A-364.68	Thừa Thiên Huế	6829	79A-517.66	Khánh Hòa			
4830	78C-743.16	Phú Yên	5830	75C-149.18	Thừa Thiên Huế	6830	79A-518.39	Khánh Hòa			
4831	78C-743.99	Phú Yên	5831	76C-164.46	Quảng Ngãi	6831	79A-519.88	Khánh Hòa			
4832	79A-501.06	Khánh Hòa	5832	78A-188.95	Phú Yên	6832	79A-520.55	Khánh Hòa			
4833	79A-504.22	Khánh Hòa	5833	78A-193.88	Phú Yên	6833	79A-520.58	Khánh Hòa			
4834	79A-504.39	Khánh Hòa	5834	78A-193.98	Phú Yên	6834	79C-209.19	Khánh Hòa			
4835	79A-506.25	Khánh Hòa	5835	78C-742.66	Phú Yên	6835	85A-127.89	Ninh Thuận			
4836	79A-507.16	Khánh Hòa	5836	79A-497.79	Khánh Hòa	6836	85A-129.18	Ninh Thuận			
4837	79A-513.00	Khánh Hòa	5837	79A-501.68	Khánh Hòa	6837	85A-129.83	Ninh Thuận			
4838	79A-513.33	Khánh Hòa	5838	79A-503.16	Khánh Hòa	6838	85A-130.11	Ninh Thuận			
4839	79A-516.25	Khánh Hòa	5839	79A-505.77	Khánh Hòa	6839	86A-281.19	Bình Thuận			
4840	79A-517.95	Khánh Hòa	5840	79A-506.39	Khánh Hòa	6840	88A-649.79	Vĩnh Phúc			
4841	79A-520.69	Khánh Hòa	5841	79A-506.68	Khánh Hòa	6841	88A-650.68	Vĩnh Phúc			
4842	79C-209.39	Khánh Hòa	5842	79A-513.26	Khánh Hòa	6842	88A-651.66	Vĩnh Phúc			
4843	79C-209.58	Khánh Hòa	5843	79A-515.59	Khánh Hòa	6843	88A-660.39	Vĩnh Phúc			
4844	85A-130.68	Ninh Thuận	5844	79A-515.77	Khánh Hòa	6844	88A-661.69	Vĩnh Phúc			
4845	85A-131.28	Ninh Thuận	5845	79A-519.00	Khánh Hòa	6845	88A-666.12	Vĩnh Phúc			
4846	85C-080.06	Ninh Thuận	5846	79A-519.16	Khánh Hòa	6846	88A-667.38	Vĩnh Phúc			
4847	88A-651.79	Vĩnh Phúc	5847	79A-519.33	Khánh Hòa	6847	88A-668.77	Vĩnh Phúc			
4848	88A-662.55	Vĩnh Phúc	5848	79A-519.77	Khánh Hòa	6848	88A-672.22	Vĩnh Phúc			
4849	88A-663.85	Vĩnh Phúc	5849	79A-519.89	Khánh Hòa	6849	88A-672.56	Vĩnh Phúc			
4850	88A-664.68	Vĩnh Phúc	5850	79C-210.58	Khánh Hòa	6850	88A-673.33	Vĩnh Phúc			
4851	88A-665.05	Vĩnh Phúc	5851	79C-210.85	Khánh Hòa	6851	88A-674.08	Vĩnh Phúc			
4852	88A-665.38	Vĩnh Phúc	5852	85A-122.89	Ninh Thuận	6852	88A-674.55	Vĩnh Phúc			
4853	88A-670.69	Vĩnh Phúc	5853	85A-123.69	Ninh Thuận	6853	88A-677.33	Vĩnh Phúc			
4854	88A-671.35	Vĩnh Phúc	5854	85A-126.26	Ninh Thuận	6854	88A-677.36	Vĩnh Phúc			
4855	88A-671.72	Vĩnh Phúc	5855	85A-127.66	Ninh Thuận	6855	88A-677.39	Vĩnh Phúc			
4856	88A-673.18	Vĩnh Phúc	5856	85A-135.86	Ninh Thuận	6856	88A-677.96	Vĩnh Phúc			
4857	88A-673.67	Vĩnh Phúc	5857	85C-079.59	Ninh Thuận	6857	88A-679.66	Vĩnh Phúc			
4858	88A-675.33	Vĩnh Phúc	5858	86A-280.89	Bình Thuận	6858	88A-680.29	Vĩnh Phúc			
4859	88A-677.08	Vĩnh Phúc	5859	88A-660.77	Vĩnh Phúc	6859	88A-681.58	Vĩnh Phúc			
4860	88A-677.38	Vĩnh Phúc	5860	88A-661.55	Vĩnh Phúc	6860	88A-683.55	Vĩnh Phúc			
4861	88A-677.78	Vĩnh Phúc	5861	88A-664.22	Vĩnh Phúc	6861	88A-689.16	Vĩnh Phúc			
4862	88A-679.38	Vĩnh Phúc	5862	88A-665.35	Vĩnh Phúc	6862	88A-691.18	Vĩnh Phúc			
4863	88A-681.08	Vĩnh Phúc	5863	88A-670.44	Vĩnh Phúc	6863	88A-691.59	Vĩnh Phúc			
4864	88A-684.89	Vĩnh Phúc	5864	88A-671.44	Vĩnh Phúc	6864	88A-692.95	Vĩnh Phúc			
4865	88A-686.38	Vĩnh Phúc	5865	88A-673.29	Vĩnh Phúc	6865	88A-696.19	Vĩnh Phúc			
4866	88A-687.22	Vĩnh Phúc	5866	88A-673.89	Vĩnh Phúc	6866	88A-698.28	Vĩnh Phúc			
4867	88A-690.90	Vĩnh Phúc	5867	88A-675.28	Vĩnh Phúc	6867	88A-701.08	Vĩnh Phúc			
4868	88A-692.06	Vĩnh Phúc	5868	88A-676.89	Vĩnh Phúc	6868	88A-701.55	Vĩnh Phúc			
4869	88A-694.83	Vĩnh Phúc	5869	88A-678.44	Vĩnh Phúc	6869	88C-278.72	Vĩnh Phúc			
4870	88A-700.33	Vĩnh Phúc	5870	88A-679.09	Vĩnh Phúc	6870	89A-429.39	Hưng Yên			
4871	88A-701.86	Vĩnh Phúc	5871	88A-682.59	Vĩnh Phúc	6871	89A-438.22	Hưng Yên			
4872	88C-277.06	Vĩnh Phúc	5872	88A-684.99	Vĩnh Phúc	6872	89A-438.26	Hưng Yên			
4873	88C-277.55	Vĩnh Phúc	5873	88A-685.63	Vĩnh Phúc	6873	89A-439.56	Hưng Yên			
4874	88C-278.87	Vĩnh Phúc	5874	88A-686.11	Vĩnh Phúc	6874	89A-439.59	Hưng Yên			
4875	88C-279.15	Vĩnh Phúc	5875	88A-688.06	Vĩnh Phúc	6875	89A-440.88	Hưng Yên			
4876	89A-432.88	Hưng Yên	5876	88A-695.69	Vĩnh Phúc	6876	89A-441.08	Hưng Yên			
4877	89A-433.55	Hưng Yên	5877	88A-698.29	Vĩnh Phúc	6877	89A-446.58	Hưng Yên			
4878	89A-433.68	Hưng Yên	5878	88A-700.28	Vĩnh Phúc	6878	89A-447.68	Hưng Yên			
4879	89A-433.77	Hưng Yên	5879	88A-700.35	Vĩnh Phúc	6879	89A-448.59	Hưng Yên			
4880	89A-433.89	Hưng Yên	5880	88A-700.36	Vĩnh Phúc	6880	89A-451.95	Hưng Yên			
4881	89A-438.33	Hưng Yên	5881	88A-700.58	Vĩnh Phúc	6881	89A-451.96	Hưng Yên			
4882	89A-438.58	Hưng Yên	5882	88A-702.35	Vĩnh Phúc	6882	89A-453.54	Hưng Yên			
4883	89A-440.66	Hưng Yên	5883	88C-271.89	Vĩnh Phúc	6883	89A-454.98	Hưng Yên			
4884	89A-441.59	Hưng Yên	5884	88C-273.56	Vĩnh Phúc	6884	89A-456.18	Hưng Yên			
4885	89A-442.38	Hưng Yên	5885	88C-274.33	Vĩnh Phúc	6885	89A-457.56	Hưng Yên			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4886	89A-448.25	Hưng Yên	5886	88C-276.36	Vĩnh Phúc	6886	89A-460.35	Hưng Yên			
4887	89A-448.36	Hưng Yên	5887	88C-276.55	Vĩnh Phúc	6887	89A-461.69	Hưng Yên			
4888	89A-450.05	Hưng Yên	5888	88C-278.98	Vĩnh Phúc	6888	89A-463.38	Hưng Yên			
4889	89A-451.33	Hưng Yên	5889	88C-279.88	Vĩnh Phúc	6889	89C-312.66	Hưng Yên			
4890	89A-451.85	Hưng Yên	5890	89A-431.39	Hưng Yên	6890	89C-314.39	Hưng Yên			
4891	89A-452.38	Hưng Yên	5891	89A-441.86	Hưng Yên	6891	89C-316.06	Hưng Yên			
4892	89A-454.96	Hưng Yên	5892	89A-443.33	Hưng Yên	6892	89C-322.09	Hưng Yên			
4893	89A-456.00	Hưng Yên	5893	89A-443.34	Hưng Yên	6893	89C-322.16	Hưng Yên			
4894	89A-456.33	Hưng Yên	5894	89A-443.88	Hưng Yên	6894	89C-322.33	Hưng Yên			
4895	89A-458.09	Hưng Yên	5895	89A-447.99	Hưng Yên	6895	89C-322.39	Hưng Yên			
4896	89A-458.22	Hưng Yên	5896	89A-448.06	Hưng Yên	6896	89C-323.06	Hưng Yên			
4897	89A-458.99	Hưng Yên	5897	89A-448.89	Hưng Yên	6897	89C-324.79	Hưng Yên			
4898	89A-463.85	Hưng Yên	5898	89A-449.83	Hưng Yên	6898	90A-239.89	Hà Nam			
4899	89A-465.65	Hưng Yên	5899	89A-449.86	Hưng Yên	6899	90A-241.39	Hà Nam			
4900	89A-467.25	Hưng Yên	5900	89A-450.54	Hưng Yên	6900	90A-247.16	Hà Nam			
4901	89C-321.58	Hưng Yên	5901	89A-451.55	Hưng Yên	6901	90A-249.59	Hà Nam			
4902	89C-323.00	Hưng Yên	5902	89A-452.29	Hưng Yên	6902	90A-249.85	Hà Nam			
4903	89C-323.39	Hưng Yên	5903	89A-452.69	Hưng Yên	6903	90A-251.68	Hà Nam			
4904	89C-324.00	Hưng Yên	5904	89A-453.66	Hưng Yên	6904	90A-254.38	Hà Nam			
4905	90A-234.69	Hà Nam	5905	89A-454.18	Hưng Yên	6905	90A-255.19	Hà Nam			
4906	90A-243.22	Hà Nam	5906	89A-455.09	Hưng Yên	6906	90A-255.22	Hà Nam			
4907	90A-249.08	Hà Nam	5907	89A-456.06	Hưng Yên	6907	90A-256.15	Hà Nam			
4908	90A-251.06	Hà Nam	5908	89A-457.15	Hưng Yên	6908	90A-256.22	Hà Nam			
4909	90A-251.58	Hà Nam	5909	89A-457.18	Hưng Yên	6909	90A-256.77	Hà Nam			
4910	90A-254.09	Hà Nam	5910	89A-459.55	Hưng Yên	6910	90A-259.39	Hà Nam			
4911	90A-254.18	Hà Nam	5911	89A-463.55	Hưng Yên	6911	90C-139.36	Hà Nam			
4912	90A-257.44	Hà Nam	5912	89A-464.46	Hưng Yên	6912	90C-139.55	Hà Nam			
4913	90C-137.88	Hà Nam	5913	89A-465.09	Hưng Yên	6913	92A-371.39	Quảng Nam			
4914	92A-374.44	Quảng Nam	5914	89A-465.96	Hưng Yên	6914	92A-374.66	Quảng Nam			
4915	92A-374.89	Quảng Nam	5915	89A-467.38	Hưng Yên	6915	92A-376.44	Quảng Nam			
4916	92A-375.25	Quảng Nam	5916	89C-308.86	Hưng Yên	6916	92A-379.15	Quảng Nam			
4917	92A-376.98	Quảng Nam	5917	89C-315.66	Hưng Yên	6917	92A-381.77	Quảng Nam			
4918	92A-377.39	Quảng Nam	5918	89C-321.66	Hưng Yên	6918	92A-382.36	Quảng Nam			
4919	92A-379.73	Quảng Nam	5919	89C-324.23	Hưng Yên	6919	92A-384.88	Quảng Nam			
4920	92A-382.56	Quảng Nam	5920	90A-250.59	Hà Nam	6920	92A-385.65	Quảng Nam			
4921	92A-382.69	Quảng Nam	5921	90A-258.33	Hà Nam	6921	92A-385.99	Quảng Nam			
4922	92A-386.59	Quảng Nam	5922	90A-259.55	Hà Nam	6922	92A-387.59	Quảng Nam			
4923	92A-388.69	Quảng Nam	5923	90C-136.68	Hà Nam	6923	92A-387.68	Quảng Nam			
4924	92A-389.36	Quảng Nam	5924	90C-138.88	Hà Nam	6924	92A-388.98	Quảng Nam			
4925	92A-390.25	Quảng Nam	5925	92A-374.58	Quảng Nam	6925	92A-391.15	Quảng Nam			
4926	92A-391.00	Quảng Nam	5926	92A-374.96	Quảng Nam	6926	92A-391.44	Quảng Nam			
4927	92C-229.88	Quảng Nam	5927	92A-377.79	Quảng Nam	6927	97A-077.69	Bắc Kạn			
4928	97A-077.88	Bắc Kạn	5928	92A-380.38	Quảng Nam	6928	97A-082.28	Bắc Kạn			
4929	97A-077.89	Bắc Kạn	5929	92A-381.66	Quảng Nam	6929	98A-673.33	Bắc Giang			
4930	97A-080.56	Bắc Kạn	5930	92A-382.18	Quảng Nam	6930	98A-676.86	Bắc Giang			
4931	98A-672.79	Bắc Giang	5931	92A-383.96	Quảng Nam	6931	98A-681.39	Bắc Giang			
4932	98A-680.86	Bắc Giang	5932	92A-387.09	Quảng Nam	6932	98A-684.22	Bắc Giang			
4933	98A-684.39	Bắc Giang	5933	92A-388.00	Quảng Nam	6933	98A-686.19	Bắc Giang			
4934	98A-685.39	Bắc Giang	5934	92A-389.65	Quảng Nam	6934	98A-688.56	Bắc Giang			
4935	98A-691.55	Bắc Giang	5935	92A-392.33	Quảng Nam	6935	98A-690.85	Bắc Giang			
4936	98A-693.19	Bắc Giang	5936	97A-079.68	Bắc Kạn	6936	98A-697.69	Bắc Giang			
4937	98A-693.89	Bắc Giang	5937	97A-080.88	Bắc Kạn	6937	98A-701.29	Bắc Giang			
4938	98A-698.55	Bắc Giang	5938	97A-081.09	Bắc Kạn	6938	98A-702.19	Bắc Giang			
4939	98A-705.11	Bắc Giang	5939	98A-684.16	Bắc Giang	6939	98A-704.56	Bắc Giang			
4940	98A-705.56	Bắc Giang	5940	98A-685.33	Bắc Giang	6940	98A-705.25	Bắc Giang			
4941	98A-707.89	Bắc Giang	5941	98A-691.36	Bắc Giang	6941	98A-705.50	Bắc Giang			
4942	98A-708.88	Bắc Giang	5942	98A-697.18	Bắc Giang	6942	98A-707.86	Bắc Giang			
4943	98A-711.29	Bắc Giang	5943	98A-697.26	Bắc Giang	6943	98A-710.79	Bắc Giang			
4944	98A-711.33	Bắc Giang	5944	98A-699.56	Bắc Giang	6944	98A-710.98	Bắc Giang			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4945	98A-712.36	Bắc Giang	5945	98A-700.08	Bắc Giang	6945	98A-713.33	Bắc Giang			
4946	98A-712.77	Bắc Giang	5946	98A-700.39	Bắc Giang	6946	98A-715.71	Bắc Giang			
4947	98A-714.65	Bắc Giang	5947	98A-700.55	Bắc Giang	6947	98A-717.98	Bắc Giang			
4948	98A-719.17	Bắc Giang	5948	98A-704.16	Bắc Giang	6948	98A-719.98	Bắc Giang			
4949	98A-719.29	Bắc Giang	5949	98A-704.28	Bắc Giang	6949	98A-721.58	Bắc Giang			
4950	98A-721.15	Bắc Giang	5950	98A-709.44	Bắc Giang	6950	98A-723.59	Bắc Giang			
4951	98A-722.33	Bắc Giang	5951	98A-710.39	Bắc Giang	6951	98A-724.24	Bắc Giang			
4952	98A-725.83	Bắc Giang	5952	98A-710.58	Bắc Giang	6952	98A-724.89	Bắc Giang			
4953	98A-727.39	Bắc Giang	5953	98A-710.99	Bắc Giang	6953	98A-725.85	Bắc Giang			
4954	98A-729.56	Bắc Giang	5954	98A-712.08	Bắc Giang	6954	98A-726.06	Bắc Giang			
4955	98A-732.26	Bắc Giang	5955	98A-713.89	Bắc Giang	6955	98A-729.26	Bắc Giang			
4956	98A-732.29	Bắc Giang	5956	98A-714.36	Bắc Giang	6956	98A-729.66	Bắc Giang			
4957	98A-736.08	Bắc Giang	5957	98A-714.89	Bắc Giang	6957	98A-729.72	Bắc Giang			
4958	98A-736.58	Bắc Giang	5958	98A-715.11	Bắc Giang	6958	98A-731.13	Bắc Giang			
4959	98A-737.59	Bắc Giang	5959	98A-724.58	Bắc Giang	6959	98A-731.95	Bắc Giang			
4960	98C-328.55	Bắc Giang	5960	98A-725.52	Bắc Giang	6960	98A-733.29	Bắc Giang			
4961	98C-329.86	Bắc Giang	5961	98A-727.09	Bắc Giang	6961	98A-733.58	Bắc Giang			
4962	99A-694.88	Bắc Ninh	5962	98A-727.72	Bắc Giang	6962	98A-734.11	Bắc Giang			
4963	99A-704.04	Bắc Ninh	5963	98A-728.08	Bắc Giang	6963	98A-735.83	Bắc Giang			
4964	99A-714.88	Bắc Ninh	5964	98A-730.06	Bắc Giang	6964	98A-736.59	Bắc Giang			
4965	99A-717.89	Bắc Ninh	5965	98A-731.00	Bắc Giang	6965	98C-333.24	Bắc Giang			
4966	99A-721.59	Bắc Ninh	5966	98A-732.28	Bắc Giang	6966	98C-335.35	Bắc Giang			
4967	99A-722.08	Bắc Ninh	5967	98A-732.38	Bắc Giang	6967	99A-721.11	Bắc Ninh			
4968	99A-725.25	Bắc Ninh	5968	98A-733.26	Bắc Giang	6968	99A-722.00	Bắc Ninh			
4969	99A-729.19	Bắc Ninh	5969	98A-734.69	Bắc Giang	6969	99A-725.16	Bắc Ninh			
4970	99A-729.22	Bắc Ninh	5970	98A-735.29	Bắc Giang	6970	99A-728.77	Bắc Ninh			
4971	99A-729.92	Bắc Ninh	5971	98A-736.06	Bắc Giang	6971	99A-730.59	Bắc Ninh			
4972	99A-735.33	Bắc Ninh	5972	98A-736.28	Bắc Giang	6972	99A-730.85	Bắc Ninh			
4973	99A-737.37	Bắc Ninh	5973	99A-697.39	Bắc Ninh	6973	99A-731.86	Bắc Ninh			
4974	99A-737.56	Bắc Ninh	5974	99A-702.02	Bắc Ninh	6974	99A-734.16	Bắc Ninh			
4975	99A-740.18	Bắc Ninh	5975	99A-702.66	Bắc Ninh	6975	99A-738.96	Bắc Ninh			
4976	99A-744.26	Bắc Ninh	5976	99A-718.66	Bắc Ninh	6976	99A-739.28	Bắc Ninh			
4977	99A-746.25	Bắc Ninh	5977	99A-720.22	Bắc Ninh	6977	99A-739.85	Bắc Ninh			
4978	99A-748.36	Bắc Ninh	5978	99A-721.19	Bắc Ninh	6978	99A-740.55	Bắc Ninh			
4979	99A-749.74	Bắc Ninh	5979	99A-729.39	Bắc Ninh	6979	99A-743.25	Bắc Ninh			
4980	99A-751.85	Bắc Ninh	5980	99A-730.18	Bắc Ninh	6980	99A-744.65	Bắc Ninh			
4981	99A-751.99	Bắc Ninh	5981	99A-735.59	Bắc Ninh	6981	99A-745.39	Bắc Ninh			
4982	99A-754.89	Bắc Ninh	5982	99A-735.86	Bắc Ninh	6982	99A-746.39	Bắc Ninh			
4983	99A-755.33	Bắc Ninh	5983	99A-736.09	Bắc Ninh	6983	99A-749.95	Bắc Ninh			
4984	99A-755.68	Bắc Ninh	5984	99A-739.18	Bắc Ninh	6984	99A-751.08	Bắc Ninh			
4985	99A-756.77	Bắc Ninh	5985	99A-740.44	Bắc Ninh	6985	99A-751.86	Bắc Ninh			
4986	99A-756.85	Bắc Ninh	5986	99A-744.89	Bắc Ninh	6986	99A-752.11	Bắc Ninh			
4987	99A-757.65	Bắc Ninh	5987	99A-751.88	Bắc Ninh	6987	99A-753.36	Bắc Ninh			
4988	99A-758.15	Bắc Ninh	5988	99A-752.55	Bắc Ninh	6988	99A-756.06	Bắc Ninh			
4989	99A-760.25	Bắc Ninh	5989	99A-754.25	Bắc Ninh	6989	99A-757.86	Bắc Ninh			
4990	99A-760.59	Bắc Ninh	5990	99A-756.19	Bắc Ninh	6990	99A-757.88	Bắc Ninh			
4991	99A-761.29	Bắc Ninh	5991	99A-759.08	Bắc Ninh	6991	99A-758.00	Bắc Ninh			
4992	99A-761.65	Bắc Ninh	5992	99A-761.83	Bắc Ninh	6992	99A-759.29	Bắc Ninh			
4993	99A-766.44	Bắc Ninh	5993	99A-763.19	Bắc Ninh	6993	99A-759.77	Bắc Ninh			
4994	99A-766.55	Bắc Ninh	5994	99A-763.28	Bắc Ninh	6994	99A-760.58	Bắc Ninh			
4995	99C-302.33	Bắc Ninh	5995	99A-763.69	Bắc Ninh	6995	99A-761.16	Bắc Ninh			
4996	99C-303.08	Bắc Ninh	5996	99A-765.15	Bắc Ninh	6996	99C-300.69	Bắc Ninh			
4997	99C-305.28	Bắc Ninh	5997	99C-304.36	Bắc Ninh	6997	99C-303.77	Bắc Ninh			
4998	99C-306.28	Bắc Ninh	5998	99C-306.99	Bắc Ninh	6998	99C-307.55	Bắc Ninh			
4999	99C-307.36	Bắc Ninh	5999	99C-308.85	Bắc Ninh	6999	99C-308.33	Bắc Ninh			
5000	99C-307.77	Bắc Ninh	6000	99C-309.15	Bắc Ninh	7000	99C-308.44	Bắc Ninh			





Trang 1/17

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
57	30K-874.29	Hà Nội	1057	30K-876.59	Hà Nội	2057	30K-867.25	Hà Nội	3057	30K-875.00	Hà Nội
58	30K-875.36	Hà Nội	1058	30K-880.16	Hà Nội	2058	30K-867.96	Hà Nội	3058	30K-875.57	Hà Nội
59	30K-875.76	Hà Nội	1059	30K-883.25	Hà Nội	2059	30K-869.29	Hà Nội	3059	30K-876.38	Hà Nội
60	30K-877.15	Hà Nội	1060	30K-884.35	Hà Nội	2060	30K-870.89	Hà Nội	3060	30K-876.56	Hà Nội
61	30K-878.09	Hà Nội	1061	30K-884.85	Hà Nội	2061	30K-871.00	Hà Nội	3061	30K-887.36	Hà Nội
62	30K-878.96	Hà Nội	1062	30K-892.00	Hà Nội	2062	30K-872.25	Hà Nội	3062	30K-887.38	Hà Nội
63	30K-879.16	Hà Nội	1063	30K-893.83	Hà Nội	2063	30K-872.98	Hà Nội	3063	30K-890.88	Hà Nội
64	30K-882.65	Hà Nội	1064	30K-894.28	Hà Nội	2064	30K-873.89	Hà Nội	3064	30K-890.96	Hà Nội
65	30K-892.25	Hà Nội	1065	30K-896.28	Hà Nội	2065	30K-874.25	Hà Nội	3065	30K-893.55	Hà Nội
66	30K-892.65	Hà Nội	1066	30K-897.16	Hà Nội	2066	30K-874.66	Hà Nội	3066	30K-894.11	Hà Nội
67	30K-894.19	Hà Nội	1067	30K-897.22	Hà Nội	2067	30K-883.62	Hà Nội	3067	30K-903.83	Hà Nội
68	30K-894.58	Hà Nội	1068	30K-898.09	Hà Nội	2068	30K-884.66	Hà Nội	3068	30K-904.40	Hà Nội
69	30K-895.06	Hà Nội	1069	30K-898.56	Hà Nội	2069	30K-884.68	Hà Nội	3069	30K-907.18	Hà Nội
70	30K-903.55	Hà Nội	1070	30K-899.65	Hà Nội	2070	30K-887.69	Hà Nội	3070	30K-908.08	Hà Nội
71	30K-906.33	Hà Nội	1071	30K-902.44	Hà Nội	2071	30K-891.09	Hà Nội	3071	30K-908.15	Hà Nội
72	30K-907.00	Hà Nội	1072	30K-902.58	Hà Nội	2072	30K-892.69	Hà Nội	3072	30K-908.25	Hà Nội
73	30K-913.09	Hà Nội	1073	30K-903.00	Hà Nội	2073	30K-892.95	Hà Nội	3073	30K-908.36	Hà Nội
74	30K-915.16	Hà Nội	1074	30K-909.95	Hà Nội	2074	30K-894.22	Hà Nội	3074	30K-909.35	Hà Nội
75	30K-917.39	Hà Nội	1075	30K-911.12	Hà Nội	2075	30K-894.69	Hà Nội	3075	30K-912.65	Hà Nội
76	30K-918.08	Hà Nội	1076	30K-913.06	Hà Nội	2076	30K-896.18	Hà Nội	3076	30K-913.88	Hà Nội
77	30K-919.33	Hà Nội	1077	30K-914.41	Hà Nội	2077	30K-900.68	Hà Nội	3077	30K-914.44	Hà Nội
78	30K-922.56	Hà Nội	1078	30K-915.44	Hà Nội	2078	30K-902.15	Hà Nội	3078	30K-915.29	Hà Nội
79	30K-925.00	Hà Nội	1079	30K-915.88	Hà Nội	2079	30K-904.89	Hà Nội	3079	30K-916.33	Hà Nội
80	30K-927.09	Hà Nội	1080	30K-916.08	Hà Nội	2080	30K-907.19	Hà Nội	3080	30K-917.99	Hà Nội
81	30K-928.08	Hà Nội	1081	30K-923.22	Hà Nội	2081	30K-907.28	Hà Nội	3081	30K-918.56	Hà Nội
82	30K-928.79	Hà Nội	1082	30K-924.83	Hà Nội	2082	30K-907.85	Hà Nội	3082	30K-922.16	Hà Nội
83	30K-929.59	Hà Nội	1083	30K-925.79	Hà Nội	2083	30K-910.69	Hà Nội	3083	30K-925.09	Hà Nội
84	30K-929.66	Hà Nội	1084	30K-926.39	Hà Nội	2084	30K-911.44	Hà Nội	3084	30K-925.19	Hà Nội
85	30K-930.26	Hà Nội	1085	30K-928.93	Hà Nội	2085	30K-914.56	Hà Nội	3085	30K-926.18	Hà Nội
86	30K-930.36	Hà Nội	1086	30K-930.83	Hà Nội	2086	30K-914.83	Hà Nội	3086	30K-926.22	Hà Nội
87	30K-930.99	Hà Nội	1087	30K-930.88	Hà Nội	2087	30K-914.86	Hà Nội	3087	30K-928.16	Hà Nội
88	30K-933.63	Hà Nội	1088	30K-932.96	Hà Nội	2088	30K-914.96	Hà Nội	3088	30K-928.33	Hà Nội
89	30K-936.58	Hà Nội	1089	30K-934.06	Hà Nội	2089	30K-920.79	Hà Nội	3089	30K-929.25	Hà Nội
90	30K-936.93	Hà Nội	1090	30K-934.29	Hà Nội	2090	30K-924.79	Hà Nội	3090	30K-932.09	Hà Nội
91	30K-937.59	Hà Nội	1091	30K-934.89	Hà Nội	2091	30K-925.38	Hà Nội	3091	30K-932.25	Hà Nội
92	30K-938.58	Hà Nội	1092	30K-939.55	Hà Nội	2092	30K-930.31	Hà Nội	3092	30K-932.65	Hà Nội
93	30K-940.22	Hà Nội	1093	30K-940.65	Hà Nội	2093	30K-933.82	Hà Nội	3093	30K-933.22	Hà Nội
94	30K-940.89	Hà Nội	1094	30K-941.29	Hà Nội	2094	30K-934.44	Hà Nội	3094	30K-935.00	Hà Nội
95	30K-941.11	Hà Nội	1095	30K-941.89	Hà Nội	2095	30K-934.98	Hà Nội	3095	30K-935.44	Hà Nội
96	30K-942.99	Hà Nội	1096	30K-942.85	Hà Nội	2096	30K-935.18	Hà Nội	3096	30K-938.11	Hà Nội
97	30K-943.11	Hà Nội	1097	30K-943.86	Hà Nội	2097	30K-941.14	Hà Nội	3097	30K-938.19	Hà Nội
98	30K-943.65	Hà Nội	1098	30K-947.18	Hà Nội	2098	30K-941.39	Hà Nội	3098	30K-938.59	Hà Nội
99	30K-944.33	Hà Nội	1099	30K-947.74	Hà Nội	2099	30K-941.44	Hà Nội	3099	30K-941.68	Hà Nội
100	30K-945.06	Hà Nội	1100	30K-951.56	Hà Nội	2100	30K-941.69	Hà Nội	3100	30K-942.39	Hà Nội
101	30K-945.45	Hà Nội	1101	30K-953.53	Hà Nội	2101	30K-942.43	Hà Nội	3101	30K-942.59	Hà Nội
102	30K-948.28	Hà Nội	1102	30K-962.09	Hà Nội	2102	30K-942.69	Hà Nội	3102	30K-943.06	Hà Nội
103	30K-949.89	Hà Nội	1103	30K-962.11	Hà Nội	2103	30K-947.09	Hà Nội	3103	30K-945.86	Hà Nội
104	30K-950.33	Hà Nội	1104	30K-962.44	Hà Nội	2104	30K-948.06	Hà Nội	3104	30K-947.79	Hà Nội
105	30K-953.15	Hà Nội	1105	30K-963.95	Hà Nội	2105	30K-950.18	Hà Nội	3105	30K-949.22	Hà Nội
106	30K-957.11	Hà Nội	1106	30K-964.66	Hà Nội	2106	30K-959.44	Hà Nội	3106	30K-949.39	Hà Nội
107	30K-958.06	Hà Nội	1107	30K-965.25	Hà Nội	2107	30K-960.99	Hà Nội	3107	30K-952.06	Hà Nội
108	30K-958.98	Hà Nội	1108	30K-966.93	Hà Nội	2108	30K-961.88	Hà Nội	3108	30K-952.18	Hà Nội
109	30K-959.08	Hà Nội	1109	30K-970.16	Hà Nội	2109	30K-961.99	Hà Nội	3109	30K-954.85	Hà Nội
110	30K-962.33	Hà Nội	1110	30K-970.99	Hà Nội	2110	30K-963.06	Hà Nội	3110	30K-954.89	Hà Nội
111	30K-964.64	Hà Nội	1111	30K-973.65	Hà Nội	2111	30K-964.06	Hà Nội	3111	30K-955.16	Hà Nội
112	30K-966.19	Hà Nội	1112	30K-977.66	Hà Nội	2112	30K-964.22	Hà Nội	3112	30K-956.15	Hà Nội
113	30K-966.85	Hà Nội	1113	30K-981.29	Hà Nội	2113	30K-964.33	Hà Nội	3113	30K-956.38	Hà Nội
114	30K-970.88	Hà Nội	1114	30K-983.22	Hà Nội	2114	30K-964.77	Hà Nội	3114	30K-958.16	Hà Nội
115	30K-971.15	Hà Nội	1115	30K-985.65	Hà Nội	2115	30K-965.08	Hà Nội	3115	30K-960.26	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
116	30K-971.86	Hà Nội	1116	30K-992.77	Hà Nội	2116	30K-965.19	Hà Nội	3116	30K-960.68	Hà Nội
117	30K-978.28	Hà Nội	1117	30K-993.15	Hà Nội	2117	30K-966.35	Hà Nội	3117	30K-961.25	Hà Nội
118	30K-982.29	Hà Nội	1118	30K-995.06	Hà Nội	2118	30K-967.19	Hà Nội	3118	30K-963.35	Hà Nội
119	30K-984.69	Hà Nội	1119	30K-996.08	Hà Nội	2119	30K-967.25	Hà Nội	3119	30K-964.39	Hà Nội
120	30K-985.29	Hà Nội	1120	30K-997.16	Hà Nội	2120	30K-971.68	Hà Nội	3120	30K-966.06	Hà Nội
121	30K-990.68	Hà Nội	1121	30L-003.16	Hà Nội	2121	30K-973.22	Hà Nội	3121	30K-969.15	Hà Nội
122	30K-993.18	Hà Nội	1122	30L-003.22	Hà Nội	2122	30K-973.44	Hà Nội	3122	30K-972.16	Hà Nội
123	30K-993.26	Hà Nội	1123	30L-006.15	Hà Nội	2123	30K-974.99	Hà Nội	3123	30K-972.59	Hà Nội
124	30K-995.44	Hà Nội	1124	30L-006.96	Hà Nội	2124	30K-975.86	Hà Nội	3124	30K-975.69	Hà Nội
125	30K-999.67	Hà Nội	1125	30L-013.31	Hà Nội	2125	30K-976.83	Hà Nội	3125	30K-977.86	Hà Nội
126	30L-001.38	Hà Nội	1126	30L-014.88	Hà Nội	2126	30K-979.18	Hà Nội	3126	30K-981.95	Hà Nội
127	30L-001.69	Hà Nội	1127	30L-015.95	Hà Nội	2127	30K-982.19	Hà Nội	3127	30K-987.25	Hà Nội
128	30L-005.79	Hà Nội	1128	30L-016.25	Hà Nội	2128	30K-983.00	Hà Nội	3128	30K-989.19	Hà Nội
129	30L-007.44	Hà Nội	1129	30L-016.35	Hà Nội	2129	30K-983.11	Hà Nội	3129	30K-990.19	Hà Nội
130	30L-013.83	Hà Nội	1130	30L-020.06	Hà Nội	2130	30K-985.09	Hà Nội	3130	30K-990.91	Hà Nội
131	30L-014.44	Hà Nội	1131	30L-024.00	Hà Nội	2131	30K-985.25	Hà Nội	3131	30K-994.06	Hà Nội
132	30L-015.51	Hà Nội	1132	30L-024.36	Hà Nội	2132	30K-986.35	Hà Nội	3132	30K-994.88	Hà Nội
133	30L-016.33	Hà Nội	1133	30L-026.69	Hà Nội	2133	30K-992.15	Hà Nội	3133	30L-001.19	Hà Nội
134	30L-023.65	Hà Nội	1134	30L-026.96	Hà Nội	2134	30K-997.65	Hà Nội	3134	30L-003.86	Hà Nội
135	30L-024.56	Hà Nội	1135	30L-027.86	Hà Nội	2135	30L-001.08	Hà Nội	3135	30L-004.55	Hà Nội
136	30L-025.26	Hà Nội	1136	30L-028.33	Hà Nội	2136	30L-005.66	Hà Nội	3136	30L-012.95	Hà Nội
137	30L-026.63	Hà Nội	1137	30L-029.06	Hà Nội	2137	30L-007.38	Hà Nội	3137	30L-013.58	Hà Nội
138	30L-033.83	Hà Nội	1138	30L-030.25	Hà Nội	2138	30L-010.83	Hà Nội	3138	30L-014.65	Hà Nội
139	30L-041.95	Hà Nội	1139	30L-037.59	Hà Nội	2139	30L-013.11	Hà Nội	3139	30L-015.11	Hà Nội
140	30L-042.85	Hà Nội	1140	30L-043.95	Hà Nội	2140	30L-013.44	Hà Nội	3140	30L-016.11	Hà Nội
141	30L-047.15	Hà Nội	1141	30L-050.38	Hà Nội	2141	30L-017.16	Hà Nội	3141	30L-016.36	Hà Nội
142	30L-049.16	Hà Nội	1142	30L-050.59	Hà Nội	2142	30L-018.25	Hà Nội	3142	30L-016.69	Hà Nội
143	30L-051.06	Hà Nội	1143	30L-057.59	Hà Nội	2143	30L-023.66	Hà Nội	3143	30L-017.08	Hà Nội
144	30L-051.56	Hà Nội	1144	30L-058.09	Hà Nội	2144	30L-024.28	Hà Nội	3144	30L-017.11	Hà Nội
145	30L-052.86	Hà Nội	1145	30L-058.96	Hà Nội	2145	30L-028.26	Hà Nội	3145	30L-017.26	Hà Nội
146	30L-053.25	Hà Nội	1146	30L-059.35	Hà Nội	2146	30L-031.13	Hà Nội	3146	30L-017.35	Hà Nội
147	30L-058.25	Hà Nội	1147	30L-061.62	Hà Nội	2147	30L-034.16	Hà Nội	3147	30L-018.09	Hà Nội
148	30L-061.28	Hà Nội	1148	30L-063.98	Hà Nội	2148	30L-037.03	Hà Nội	3148	30L-018.38	Hà Nội
149	30L-062.77	Hà Nội	1149	30L-065.63	Hà Nội	2149	30L-038.11	Hà Nội	3149	30L-024.39	Hà Nội
150	30L-063.93	Hà Nội	1150	30L-066.95	Hà Nội	2150	30L-042.40	Hà Nội	3150	30L-025.16	Hà Nội
151	30L-064.33	Hà Nội	1151	30L-070.59	Hà Nội	2151	30L-044.15	Hà Nội	3151	30L-026.35	Hà Nội
152	30L-065.08	Hà Nội	1152	30L-072.15	Hà Nội	2152	30L-044.77	Hà Nội	3152	30L-027.06	Hà Nội
153	30L-066.00	Hà Nội	1153	30L-074.95	Hà Nội	2153	30L-044.99	Hà Nội	3153	30L-028.55	Hà Nội
154	30L-066.56	Hà Nội	1154	30L-084.00	Hà Nội	2154	30L-045.09	Hà Nội	3154	30L-029.83	Hà Nội
155	30L-076.39	Hà Nội	1155	30L-084.33	Hà Nội	2155	30L-045.59	Hà Nội	3155	30L-030.79	Hà Nội
156	30L-084.39	Hà Nội	1156	30L-085.29	Hà Nội	2156	30L-046.95	Hà Nội	3156	30L-032.03	Hà Nội
157	30L-088.95	Hà Nội	1157	30L-085.38	Hà Nội	2157	30L-047.65	Hà Nội	3157	30L-033.11	Hà Nội
158	30L-089.59	Hà Nội	1158	30L-085.68	Hà Nội	2158	30L-048.11	Hà Nội	3158	30L-033.85	Hà Nội
159	30L-090.66	Hà Nội	1159	30L-089.29	Hà Nội	2159	30L-049.66	Hà Nội	3159	30L-034.29	Hà Nội
160	30L-091.86	Hà Nội	1160	30L-090.19	Hà Nội	2160	30L-050.33	Hà Nội	3160	30L-037.26	Hà Nội
161	30L-092.98	Hà Nội	1161	30L-090.44	Hà Nội	2161	30L-050.68	Hà Nội	3161	30L-043.44	Hà Nội
162	30L-169.09	Hà Nội	1162	30L-091.88	Hà Nội	2162	30L-051.86	Hà Nội	3162	30L-045.69	Hà Nội
163	30L-171.38	Hà Nội	1163	30L-166.65	Hà Nội	2163	30L-058.56	Hà Nội	3163	30L-046.16	Hà Nội
164	51L-029.68	Hồ Chí Minh	1164	30L-168.63	Hà Nội	2164	30L-061.59	Hà Nội	3164	30L-047.47	Hà Nội
165	51L-038.86	Hồ Chí Minh	1165	30L-169.06	Hà Nội	2165	30L-062.56	Hà Nội	3165	30L-048.99	Hà Nội
166	51L-050.33	Hồ Chí Minh	1166	30L-170.36	Hà Nội	2166	30L-065.15	Hà Nội	3166	30L-049.00	Hà Nội
167	51L-058.38	Hồ Chí Minh	1167	30L-171.79	Hà Nội	2167	30L-065.82	Hà Nội	3167	30L-050.36	Hà Nội
168	51L-066.96	Hồ Chí Minh	1168	30L-172.06	Hà Nội	2168	30L-070.16	Hà Nội	3168	30L-052.88	Hà Nội
169	51L-070.18	Hồ Chí Minh	1169	30L-174.68	Hà Nội	2169	30L-071.85	Hà Nội	3169	30L-061.08	Hà Nội
170	51L-082.29	Hồ Chí Minh	1170	51L-036.63	Hồ Chí Minh	2170	30L-074.19	Hà Nội	3170	30L-061.15	Hà Nội
171	51L-083.06	Hồ Chí Minh	1171	51L-038.55	Hồ Chí Minh	2171	30L-074.59	Hà Nội	3171	30L-061.25	Hà Nội
172	51L-083.86	Hồ Chí Minh	1172	51L-048.68	Hồ Chí Minh	2172	30L-075.55	Hà Nội	3172	30L-061.33	Hà Nội
173	51L-084.18	Hồ Chí Minh	1173	51L-051.59	Hồ Chí Minh	2173	30L-075.83	Hà Nội	3173	30L-062.00	Hà Nội
174	51L-088.69	Hồ Chí Minh	1174	51L-051.68	Hồ Chí Minh	2174	30L-076.69	Hà Nội	3174	30L-071.06	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
175	51L-096.38	Hồ Chí Minh	1175	51L-057.09	Hồ Chí Minh	2175	30L-076.86	Hà Nội	3175	30L-074.70	Hà Nội
176	51L-099.35	Hồ Chí Minh	1176	51L-060.86	Hồ Chí Minh	2176	30L-077.08	Hà Nội	3176	30L-076.16	Hà Nội
177	51L-102.18	Hồ Chí Minh	1177	51L-060.89	Hồ Chí Minh	2177	30L-077.22	Hà Nội	3177	30L-078.86	Hà Nội
178	51L-107.36	Hồ Chí Minh	1178	51L-061.33	Hồ Chí Minh	2178	30L-079.55	Hà Nội	3178	30L-079.83	Hà Nội
179	51L-108.06	Hồ Chí Minh	1179	51L-066.18	Hồ Chí Minh	2179	30L-089.39	Hà Nội	3179	30L-088.69	Hà Nội
180	51L-112.19	Hồ Chí Minh	1180	51L-067.38	Hồ Chí Minh	2180	30L-090.33	Hà Nội	3180	30L-092.11	Hà Nội
181	51L-112.58	Hồ Chí Minh	1181	51L-071.19	Hồ Chí Minh	2181	30L-091.28	Hà Nội	3181	30L-167.59	Hà Nội
182	51L-113.19	Hồ Chí Minh	1182	51L-077.09	Hồ Chí Minh	2182	30L-091.69	Hà Nội	3182	30L-167.99	Hà Nội
183	51L-113.77	Hồ Chí Minh	1183	51L-077.11	Hồ Chí Minh	2183	30L-166.67	Hà Nội	3183	30L-169.28	Hà Nội
184	51L-119.26	Hồ Chí Minh	1184	51L-078.29	Hồ Chí Minh	2184	30L-168.56	Hà Nội	3184	30L-170.22	Hà Nội
185	51L-122.86	Hồ Chí Minh	1185	51L-084.99	Hồ Chí Minh	2185	30L-171.18	Hà Nội	3185	30L-174.55	Hà Nội
186	51L-125.33	Hồ Chí Minh	1186	51L-085.33	Hồ Chí Minh	2186	30L-171.98	Hà Nội	3186	51L-037.99	Hồ Chí Minh
187	51L-125.96	Hồ Chí Minh	1187	51L-087.59	Hồ Chí Minh	2187	51L-029.69	Hồ Chí Minh	3187	51L-040.06	Hồ Chí Minh
188	51L-127.00	Hồ Chí Minh	1188	51L-090.11	Hồ Chí Minh	2188	51L-031.88	Hồ Chí Minh	3188	51L-050.26	Hồ Chí Minh
189	51L-129.09	Hồ Chí Minh	1189	51L-093.38	Hồ Chí Minh	2189	51L-038.69	Hồ Chí Minh	3189	51L-050.38	Hồ Chí Minh
190	51L-133.86	Hồ Chí Minh	1190	51L-093.98	Hồ Chí Minh	2190	51L-051.58	Hồ Chí Minh	3190	51L-051.89	Hồ Chí Minh
191	51L-140.40	Hồ Chí Minh	1191	51L-095.77	Hồ Chí Minh	2191	51L-052.79	Hồ Chí Minh	3191	51L-053.39	Hồ Chí Minh
192	51L-141.14	Hồ Chí Minh	1192	51L-100.33	Hồ Chí Minh	2192	51L-069.18	Hồ Chí Minh	3192	51L-059.88	Hồ Chí Minh
193	51L-142.16	Hồ Chí Minh	1193	51L-101.00	Hồ Chí Minh	2193	51L-071.36	Hồ Chí Minh	3193	51L-069.26	Hồ Chí Minh
194	51L-142.95	Hồ Chí Minh	1194	51L-103.11	Hồ Chí Minh	2194	51L-071.55	Hồ Chí Minh	3194	51L-074.56	Hồ Chí Minh
195	51L-146.26	Hồ Chí Minh	1195	51L-105.16	Hồ Chí Minh	2195	51L-075.16	Hồ Chí Minh	3195	51L-079.29	Hồ Chí Minh
196	51L-147.66	Hồ Chí Minh	1196	51L-106.28	Hồ Chí Minh	2196	51L-077.08	Hồ Chí Minh	3196	51L-081.95	Hồ Chí Minh
197	51L-150.50	Hồ Chí Minh	1197	51L-107.09	Hồ Chí Minh	2197	51L-080.55	Hồ Chí Minh	3197	51L-082.39	Hồ Chí Minh
198	51L-151.95	Hồ Chí Minh	1198	51L-108.95	Hồ Chí Minh	2198	51L-082.85	Hồ Chí Minh	3198	51L-082.88	Hồ Chí Minh
199	51L-153.36	Hồ Chí Minh	1199	51L-109.25	Hồ Chí Minh	2199	51L-083.38	Hồ Chí Minh	3199	51L-083.59	Hồ Chí Minh
200	51L-153.51	Hồ Chí Minh	1200	51L-109.83	Hồ Chí Minh	2200	51L-085.16	Hồ Chí Minh	3200	51L-088.00	Hồ Chí Minh
201	51L-155.77	Hồ Chí Minh	1201	51L-111.09	Hồ Chí Minh	2201	51L-089.25	Hồ Chí Minh	3201	51L-092.35	Hồ Chí Minh
202	51L-156.36	Hồ Chí Minh	1202	51L-111.48	Hồ Chí Minh	2202	51L-089.33	Hồ Chí Minh	3202	51L-099.59	Hồ Chí Minh
203	51L-156.57	Hồ Chí Minh	1203	51L-113.08	Hồ Chí Minh	2203	51L-091.79	Hồ Chí Minh	3203	51L-103.59	Hồ Chí Minh
204	51L-157.56	Hồ Chí Minh	1204	51L-118.00	Hồ Chí Minh	2204	51L-093.36	Hồ Chí Minh	3204	51L-107.79	Hồ Chí Minh
205	51L-160.25	Hồ Chí Minh	1205	51L-118.39	Hồ Chí Minh	2205	51L-102.66	Hồ Chí Minh	3205	51L-110.88	Hồ Chí Minh
206	51L-160.83	Hồ Chí Minh	1206	51L-119.00	Hồ Chí Minh	2206	51L-107.11	Hồ Chí Minh	3206	51L-111.46	Hồ Chí Minh
207	51L-162.65	Hồ Chí Minh	1207	51L-119.86	Hồ Chí Minh	2207	51L-107.33	Hồ Chí Minh	3207	51L-112.18	Hồ Chí Minh
208	51L-164.58	Hồ Chí Minh	1208	51L-120.36	Hồ Chí Minh	2208	51L-108.99	Hồ Chí Minh	3208	51L-114.29	Hồ Chí Minh
209	51L-164.77	Hồ Chí Minh	1209	51L-122.00	Hồ Chí Minh	2209	51L-110.28	Hồ Chí Minh	3209	51L-115.06	Hồ Chí Minh
210	51L-165.16	Hồ Chí Minh	1210	51L-122.08	Hồ Chí Minh	2210	51L-111.78	Hồ Chí Minh	3210	51L-120.20	Hồ Chí Minh
211	51L-181.06	Hồ Chí Minh	1211	51L-122.36	Hồ Chí Minh	2211	51L-116.15	Hồ Chí Minh	3211	51L-120.28	Hồ Chí Minh
212	51L-182.83	Hồ Chí Minh	1212	51L-124.86	Hồ Chí Minh	2212	51L-118.66	Hồ Chí Minh	3212	51L-120.79	Hồ Chí Minh
213	51L-183.06	Hồ Chí Minh	1213	51L-126.00	Hồ Chí Minh	2213	51L-119.22	Hồ Chí Minh	3213	51L-123.98	Hồ Chí Minh
214	51L-184.65	Hồ Chí Minh	1214	51L-130.66	Hồ Chí Minh	2214	51L-119.35	Hồ Chí Minh	3214	51L-125.06	Hồ Chí Minh
215	51L-185.15	Hồ Chí Minh	1215	51L-130.98	Hồ Chí Minh	2215	51L-120.88	Hồ Chí Minh	3215	51L-125.66	Hồ Chí Minh
216	51L-185.39	Hồ Chí Minh	1216	51L-133.44	Hồ Chí Minh	2216	51L-123.85	Hồ Chí Minh	3216	51L-126.62	Hồ Chí Minh
217	51L-186.83	Hồ Chí Minh	1217	51L-133.58	Hồ Chí Minh	2217	51L-128.66	Hồ Chí Minh	3217	51L-130.30	Hồ Chí Minh
218	51L-188.26	Hồ Chí Minh	1218	51L-137.37	Hồ Chí Minh	2218	51L-134.38	Hồ Chí Minh	3218	51L-132.96	Hồ Chí Minh
219	51L-190.06	Hồ Chí Minh	1219	51L-137.89	Hồ Chí Minh	2219	51L-137.22	Hồ Chí Minh	3219	51L-134.44	Hồ Chí Minh
220	51L-192.08	Hồ Chí Minh	1220	51L-138.93	Hồ Chí Minh	2220	51L-139.29	Hồ Chí Minh	3220	51L-137.99	Hồ Chí Minh
221	51L-192.18	Hồ Chí Minh	1221	51L-139.82	Hồ Chí Minh	2221	51L-140.83	Hồ Chí Minh	3221	51L-138.69	Hồ Chí Minh
222	51L-192.95	Hồ Chí Minh	1222	51L-140.96	Hồ Chí Minh	2222	51L-140.95	Hồ Chí Minh	3222	51L-141.22	Hồ Chí Minh
223	51L-194.29	Hồ Chí Minh	1223	51L-143.06	Hồ Chí Minh	2223	51L-141.58	Hồ Chí Minh	3223	51L-145.95	Hồ Chí Minh
224	51L-195.65	Hồ Chí Minh	1224	51L-143.29	Hồ Chí Minh	2224	51L-142.83	Hồ Chí Minh	3224	51L-146.28	Hồ Chí Minh
225	51L-196.08	Hồ Chí Minh	1225	51L-145.25	Hồ Chí Minh	2225	51L-144.79	Hồ Chí Minh	3225	51L-146.56	Hồ Chí Minh
226	51L-196.22	Hồ Chí Minh	1226	51L-148.68	Hồ Chí Minh	2226	51L-147.56	Hồ Chí Minh	3226	51L-147.83	Hồ Chí Minh
227	51L-197.35	Hồ Chí Minh	1227	51L-149.83	Hồ Chí Minh	2227	51L-147.98	Hồ Chí Minh	3227	51L-148.55	Hồ Chí Minh
228	51L-198.65	Hồ Chí Minh	1228	51L-150.59	Hồ Chí Minh	2228	51L-149.09	Hồ Chí Minh	3228	51L-149.22	Hồ Chí Minh
229	51L-200.33	Hồ Chí Minh	1229	51L-154.09	Hồ Chí Minh	2229	51L-149.15	Hồ Chí Minh	3229	51L-150.05	Hồ Chí Minh
230	51L-200.98	Hồ Chí Minh	1230	51L-154.77	Hồ Chí Minh	2230	51L-150.88	Hồ Chí Minh	3230	51L-150.85	Hồ Chí Minh
231	51L-207.08	Hồ Chí Minh	1231	51L-154.83	Hồ Chí Minh	2231	51L-157.77	Hồ Chí Minh	3231	51L-155.11	Hồ Chí Minh
232	51L-209.68	Hồ Chí Minh	1232	51L-157.68	Hồ Chí Minh	2232	51L-159.77	Hồ Chí Minh	3232	51L-161.00	Hồ Chí Minh
233	51L-210.95	Hồ Chí Minh	1233	51L-157.75	Hồ Chí Minh	2233	51L-161.39	Hồ Chí Minh	3233	51L-163.88	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
234	51L-212.09	Hồ Chí Minh	1234	51L-158.00	Hồ Chí Minh	2234	51L-162.95	Hồ Chí Minh	3234	51L-164.55	Hồ Chí Minh
235	51L-212.88	Hồ Chí Minh	1235	51L-160.08	Hồ Chí Minh	2235	51L-163.18	Hồ Chí Minh	3235	51L-167.59	Hồ Chí Minh
236	51L-213.38	Hồ Chí Minh	1236	51L-162.26	Hồ Chí Minh	2236	51L-164.59	Hồ Chí Minh	3236	51L-169.09	Hồ Chí Minh
237	51L-213.59	Hồ Chí Minh	1237	51L-167.15	Hồ Chí Minh	2237	51L-166.09	Hồ Chí Minh	3237	51L-169.15	Hồ Chí Minh
238	51L-214.69	Hồ Chí Minh	1238	51L-169.98	Hồ Chí Minh	2238	51L-166.15	Hồ Chí Minh	3238	51L-169.95	Hồ Chí Minh
239	51L-215.83	Hồ Chí Minh	1239	51L-170.29	Hồ Chí Minh	2239	51L-171.38	Hồ Chí Minh	3239	51L-176.28	Hồ Chí Minh
240	51L-217.18	Hồ Chí Minh	1240	51L-170.88	Hồ Chí Minh	2240	51L-172.77	Hồ Chí Minh	3240	51L-177.66	Hồ Chí Minh
241	51L-217.99	Hồ Chí Minh	1241	51L-171.69	Hồ Chí Minh	2241	51L-175.71	Hồ Chí Minh	3241	51L-178.00	Hồ Chí Minh
242	51L-219.76	Hồ Chí Minh	1242	51L-177.59	Hồ Chí Minh	2242	51L-175.98	Hồ Chí Minh	3242	51L-179.08	Hồ Chí Minh
243	51L-227.99	Hồ Chí Minh	1243	51L-179.09	Hồ Chí Minh	2243	51L-178.28	Hồ Chí Minh	3243	51L-180.26	Hồ Chí Minh
244	51L-232.15	Hồ Chí Minh	1244	51L-179.29	Hồ Chí Minh	2244	51L-180.35	Hồ Chí Minh	3244	51L-183.59	Hồ Chí Minh
245	51L-233.86	Hồ Chí Minh	1245	51L-180.68	Hồ Chí Minh	2245	51L-183.56	Hồ Chí Minh	3245	51L-187.18	Hồ Chí Minh
246	51L-233.89	Hồ Chí Minh	1246	51L-180.89	Hồ Chí Minh	2246	51L-186.59	Hồ Chí Minh	3246	51L-190.69	Hồ Chí Minh
247	51L-234.18	Hồ Chí Minh	1247	51L-184.88	Hồ Chí Minh	2247	51L-187.29	Hồ Chí Minh	3247	51L-191.96	Hồ Chí Minh
248	51L-236.29	Hồ Chí Minh	1248	51L-185.16	Hồ Chí Minh	2248	51L-187.85	Hồ Chí Minh	3248	51L-193.56	Hồ Chí Minh
249	51L-237.08	Hồ Chí Minh	1249	51L-187.22	Hồ Chí Minh	2249	51L-190.95	Hồ Chí Minh	3249	51L-194.91	Hồ Chí Minh
250	51L-239.32	Hồ Chí Minh	1250	51L-190.08	Hồ Chí Minh	2250	51L-191.15	Hồ Chí Minh	3250	51L-199.16	Hồ Chí Minh
251	51L-296.98	Hồ Chí Minh	1251	51L-190.39	Hồ Chí Minh	2251	51L-196.65	Hồ Chí Minh	3251	51L-202.19	Hồ Chí Minh
252	51L-301.00	Hồ Chí Minh	1252	51L-190.98	Hồ Chí Minh	2252	51L-198.39	Hồ Chí Minh	3252	51L-203.77	Hồ Chí Minh
253	51L-301.29	Hồ Chí Minh	1253	51L-191.22	Hồ Chí Minh	2253	51L-199.15	Hồ Chí Minh	3253	51L-205.79	Hồ Chí Minh
254	51L-308.86	Hồ Chí Minh	1254	51L-192.83	Hồ Chí Minh	2254	51L-202.15	Hồ Chí Minh	3254	51L-208.35	Hồ Chí Minh
255	51L-309.15	Hồ Chí Minh	1255	51L-192.96	Hồ Chí Minh	2255	51L-202.55	Hồ Chí Minh	3255	51L-209.38	Hồ Chí Minh
256	51L-309.89	Hồ Chí Minh	1256	51L-194.16	Hồ Chí Minh	2256	51L-203.86	Hồ Chí Minh	3256	51L-210.21	Hồ Chí Minh
257	51L-315.26	Hồ Chí Minh	1257	51L-195.66	Hồ Chí Minh	2257	51L-204.06	Hồ Chí Minh	3257	51L-211.18	Hồ Chí Minh
258	51L-316.17	Hồ Chí Minh	1258	51L-198.08	Hồ Chí Minh	2258	51L-205.98	Hồ Chí Minh	3258	51L-213.96	Hồ Chí Minh
259	51L-323.68	Hồ Chí Minh	1259	51L-200.01	Hồ Chí Minh	2259	51L-206.15	Hồ Chí Minh	3259	51L-214.77	Hồ Chí Minh
260	51L-326.55	Hồ Chí Minh	1260	51L-200.09	Hồ Chí Minh	2260	51L-206.69	Hồ Chí Minh	3260	51L-217.26	Hồ Chí Minh
261	51L-326.95	Hồ Chí Minh	1261	51L-201.15	Hồ Chí Minh	2261	51L-207.59	Hồ Chí Minh	3261	51L-217.33	Hồ Chí Minh
262	51L-327.25	Hồ Chí Minh	1262	51L-204.89	Hồ Chí Minh	2262	51L-211.08	Hồ Chí Minh	3262	51L-218.12	Hồ Chí Minh
263	51L-329.11	Hồ Chí Minh	1263	51L-207.39	Hồ Chí Minh	2263	51L-211.36	Hồ Chí Minh	3263	51L-218.66	Hồ Chí Minh
264	51L-329.32	Hồ Chí Minh	1264	51L-210.59	Hồ Chí Minh	2264	51L-212.89	Hồ Chí Minh	3264	51L-219.83	Hồ Chí Minh
265	51L-330.36	Hồ Chí Minh	1265	51L-213.36	Hồ Chí Minh	2265	51L-213.98	Hồ Chí Minh	3265	51L-222.24	Hồ Chí Minh
266	51L-330.85	Hồ Chí Minh	1266	51L-215.18	Hồ Chí Minh	2266	51L-214.18	Hồ Chí Minh	3266	51L-225.63	Hồ Chí Minh
267	51L-332.56	Hồ Chí Minh	1267	51L-215.58	Hồ Chí Minh	2267	51L-217.15	Hồ Chí Minh	3267	51L-226.38	Hồ Chí Minh
268	51L-333.67	Hồ Chí Minh	1268	51L-219.27	Hồ Chí Minh	2268	51L-219.50	Hồ Chí Minh	3268	51L-231.89	Hồ Chí Minh
269	51L-334.98	Hồ Chí Minh	1269	51L-219.74	Hồ Chí Minh	2269	51L-219.62	Hồ Chí Minh	3269	51L-235.62	Hồ Chí Minh
270	51L-334.99	Hồ Chí Minh	1270	51L-220.09	Hồ Chí Minh	2270	51L-219.71	Hồ Chí Minh	3270	51L-302.35	Hồ Chí Minh
271	51L-339.95	Hồ Chí Minh	1271	51L-222.17	Hồ Chí Minh	2271	51L-225.98	Hồ Chí Minh	3271	51L-306.77	Hồ Chí Minh
272	51L-341.56	Hồ Chí Minh	1272	51L-223.63	Hồ Chí Minh	2272	51L-226.59	Hồ Chí Minh	3272	51L-306.85	Hồ Chí Minh
273	51L-344.29	Hồ Chí Minh	1273	51L-223.93	Hồ Chí Minh	2273	51L-227.95	Hồ Chí Minh	3273	51L-307.83	Hồ Chí Minh
274	51L-349.00	Hồ Chí Minh	1274	51L-225.25	Hồ Chí Minh	2274	51L-228.09	Hồ Chí Minh	3274	51L-309.65	Hồ Chí Minh
275	51L-350.58	Hồ Chí Minh	1275	51L-227.88	Hồ Chí Minh	2275	51L-229.25	Hồ Chí Minh	3275	51L-314.35	Hồ Chí Minh
276	51L-351.15	Hồ Chí Minh	1276	51L-230.26	Hồ Chí Minh	2276	51L-229.38	Hồ Chí Minh	3276	51L-315.29	Hồ Chí Minh
277	51L-354.98	Hồ Chí Minh	1277	51L-233.83	Hồ Chí Minh	2277	51L-231.68	Hồ Chí Minh	3277	51L-315.44	Hồ Chí Minh
278	51L-356.44	Hồ Chí Minh	1278	51L-236.39	Hồ Chí Minh	2278	51L-232.85	Hồ Chí Minh	3278	51L-316.06	Hồ Chí Minh
279	51L-357.06	Hồ Chí Minh	1279	51L-239.38	Hồ Chí Minh	2279	51L-233.44	Hồ Chí Minh	3279	51L-317.79	Hồ Chí Minh
280	51L-357.88	Hồ Chí Minh	1280	51L-297.98	Hồ Chí Minh	2280	51L-236.32	Hồ Chí Minh	3280	51L-321.35	Hồ Chí Minh
281	51L-359.86	Hồ Chí Minh	1281	51L-305.44	Hồ Chí Minh	2281	51L-236.55	Hồ Chí Minh	3281	51L-321.44	Hồ Chí Minh
282	51L-360.61	Hồ Chí Minh	1282	51L-306.44	Hồ Chí Minh	2282	51L-239.36	Hồ Chí Minh	3282	51L-321.99	Hồ Chí Minh
283	51L-361.18	Hồ Chí Minh	1283	51L-307.65	Hồ Chí Minh	2283	51L-297.39	Hồ Chí Minh	3283	51L-323.35	Hồ Chí Minh
284	51L-364.79	Hồ Chí Minh	1284	51L-308.80	Hồ Chí Minh	2284	51L-301.99	Hồ Chí Minh	3284	51L-324.95	Hồ Chí Minh
285	51L-364.86	Hồ Chí Minh	1285	51L-308.98	Hồ Chí Minh	2285	51L-303.00	Hồ Chí Minh	3285	51L-325.83	Hồ Chí Minh
286	51L-366.11	Hồ Chí Minh	1286	51L-311.83	Hồ Chí Minh	2286	51L-309.16	Hồ Chí Minh	3286	51L-325.99	Hồ Chí Minh
287	51L-366.44	Hồ Chí Minh	1287	51L-313.55	Hồ Chí Minh	2287	51L-310.11	Hồ Chí Minh	3287	51L-327.56	Hồ Chí Minh
288	51L-367.95	Hồ Chí Minh	1288	51L-314.86	Hồ Chí Minh	2288	51L-311.98	Hồ Chí Minh	3288	51L-329.23	Hồ Chí Minh
289	51L-369.11	Hồ Chí Minh	1289	51L-316.19	Hồ Chí Minh	2289	51L-312.69	Hồ Chí Minh	3289	51L-329.65	Hồ Chí Minh
290	51L-371.71	Hồ Chí Minh	1290	51L-318.00	Hồ Chí Minh	2290	51L-313.08	Hồ Chí Minh	3290	51L-332.35	Hồ Chí Minh
291	51L-372.00	Hồ Chí Minh	1291	51L-318.36	Hồ Chí Minh	2291	51L-317.15	Hồ Chí Minh	3291	51L-334.35	Hồ Chí Minh
292	51L-372.89	Hồ Chí Minh	1292	51L-319.60	Hồ Chí Minh	2292	51L-319.67	Hồ Chí Minh	3292	51L-334.95	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
293	51L-373.35	Hồ Chí Minh	1293	51L-323.86	Hồ Chí Minh	2293	51L-321.16	Hồ Chí Minh	3293	51L-341.89	Hồ Chí Minh
294	51L-373.69	Hồ Chí Minh	1294	51L-327.27	Hồ Chí Minh	2294	51L-327.98	Hồ Chí Minh	3294	51L-345.95	Hồ Chí Minh
295	51L-374.25	Hồ Chí Minh	1295	51L-330.88	Hồ Chí Minh	2295	51L-329.56	Hồ Chí Minh	3295	51L-346.83	Hồ Chí Minh
296	51L-374.96	Hồ Chí Minh	1296	51L-331.68	Hồ Chí Minh	2296	51L-330.25	Hồ Chí Minh	3296	51L-350.08	Hồ Chí Minh
297	51L-375.38	Hồ Chí Minh	1297	51L-335.08	Hồ Chí Minh	2297	51L-332.79	Hồ Chí Minh	3297	51L-350.89	Hồ Chí Minh
298	51L-375.69	Hồ Chí Minh	1298	51L-336.18	Hồ Chí Minh	2298	51L-333.16	Hồ Chí Minh	3298	51L-351.89	Hồ Chí Minh
299	51L-382.69	Hồ Chí Minh	1299	51L-336.58	Hồ Chí Minh	2299	51L-334.39	Hồ Chí Minh	3299	51L-353.19	Hồ Chí Minh
300	51L-392.36	Hồ Chí Minh	1300	51L-339.09	Hồ Chí Minh	2300	51L-337.89	Hồ Chí Minh	3300	51L-353.53	Hồ Chí Minh
301	11A-110.08	Cao Bằng	1301	51L-339.69	Hồ Chí Minh	2301	51L-338.98	Hồ Chí Minh	3301	51L-354.99	Hồ Chí Minh
302	11A-110.99	Cao Bằng	1302	51L-340.22	Hồ Chí Minh	2302	51L-341.35	Hồ Chí Minh	3302	51L-356.11	Hồ Chí Minh
303	11A-114.95	Cao Bằng	1303	51L-344.33	Hồ Chí Minh	2303	51L-342.08	Hồ Chí Minh	3303	51L-358.85	Hồ Chí Minh
304	11C-070.70	Cao Bằng	1304	51L-344.58	Hồ Chí Minh	2304	51L-344.39	Hồ Chí Minh	3304	51L-361.33	Hồ Chí Minh
305	12A-232.66	Lạng Sơn	1305	51L-347.99	Hồ Chí Minh	2305	51L-346.36	Hồ Chí Minh	3305	51L-362.09	Hồ Chí Minh
306	12A-233.08	Lạng Sơn	1306	51L-348.26	Hồ Chí Minh	2306	51L-350.00	Hồ Chí Minh	3306	51L-362.44	Hồ Chí Minh
307	12A-234.59	Lạng Sơn	1307	51L-348.44	Hồ Chí Minh	2307	51L-351.88	Hồ Chí Minh	3307	51L-366.59	Hồ Chí Minh
308	12A-236.11	Lạng Sơn	1308	51L-349.85	Hồ Chí Minh	2308	51L-352.35	Hồ Chí Minh	3308	51L-369.65	Hồ Chí Minh
309	12A-240.00	Lạng Sơn	1309	51L-349.99	Hồ Chí Minh	2309	51L-355.89	Hồ Chí Minh	3309	51L-370.73	Hồ Chí Minh
310	12A-240.89	Lạng Sơn	1310	51L-350.19	Hồ Chí Minh	2310	51L-358.96	Hồ Chí Minh	3310	51L-370.88	Hồ Chí Minh
311	12A-243.59	Lạng Sơn	1311	51L-350.25	Hồ Chí Minh	2311	51L-359.11	Hồ Chí Minh	3311	51L-371.89	Hồ Chí Minh
312	14A-837.68	Quảng Ninh	1312	51L-350.68	Hồ Chí Minh	2312	51L-366.65	Hồ Chí Minh	3312	51L-372.66	Hồ Chí Minh
313	14A-842.44	Quảng Ninh	1313	51L-355.25	Hồ Chí Minh	2313	51L-366.67	Hồ Chí Minh	3313	51L-373.08	Hồ Chí Minh
314	14A-848.33	Quảng Ninh	1314	51L-355.36	Hồ Chí Minh	2314	51L-368.22	Hồ Chí Minh	3314	51L-373.09	Hồ Chí Minh
315	14A-851.89	Quảng Ninh	1315	51L-361.06	Hồ Chí Minh	2315	51L-369.08	Hồ Chí Minh	3315	51L-373.29	Hồ Chí Minh
316	14A-852.93	Quảng Ninh	1316	51L-361.96	Hồ Chí Minh	2316	51L-375.11	Hồ Chí Minh	3316	51L-375.19	Hồ Chí Minh
317	14A-854.95	Quảng Ninh	1317	51L-367.66	Hồ Chí Minh	2317	51L-380.79	Hồ Chí Minh	3317	51L-379.25	Hồ Chí Minh
318	14A-860.00	Quảng Ninh	1318	51L-368.19	Hồ Chí Minh	2318	51L-381.26	Hồ Chí Minh	3318	51L-381.08	Hồ Chí Minh
319	14A-861.15	Quảng Ninh	1319	51L-371.58	Hồ Chí Minh	2319	51L-381.36	Hồ Chí Minh	3319	51L-382.33	Hồ Chí Minh
320	14A-867.67	Quảng Ninh	1320	51L-373.95	Hồ Chí Minh	2320	51L-382.96	Hồ Chí Minh	3320	51L-383.84	Hồ Chí Minh
321	14A-870.68	Quảng Ninh	1321	51L-378.68	Hồ Chí Minh	2321	51L-386.06	Hồ Chí Minh	3321	51L-384.00	Hồ Chí Minh
322	14A-870.71	Quảng Ninh	1322	51L-386.16	Hồ Chí Minh	2322	51L-392.56	Hồ Chí Minh	3322	11A-110.19	Cao Bằng
323	14A-871.88	Quảng Ninh	1323	51L-386.79	Hồ Chí Minh	2323	11A-109.69	Cao Bằng	3323	11A-110.56	Cao Bằng
324	14A-872.36	Quảng Ninh	1324	11A-108.88	Cao Bằng	2324	11A-111.09	Cao Bằng	3324	11A-113.11	Cao Bằng
325	14A-872.79	Quảng Ninh	1325	11A-112.99	Cao Bằng	2325	11A-114.41	Cao Bằng	3325	11A-114.18	Cao Bằng
326	14A-874.99	Quảng Ninh	1326	11A-115.58	Cao Bằng	2326	11A-116.00	Cao Bằng	3326	12A-235.28	Lạng Sơn
327	14A-876.11	Quảng Ninh	1327	11A-116.08	Cao Bằng	2327	11C-071.66	Cao Bằng	3327	12A-236.08	Lạng Sơn
328	14A-882.00	Quảng Ninh	1328	11C-070.77	Cao Bằng	2328	12A-222.58	Lạng Sơn	3328	12A-236.86	Lạng Sơn
329	14A-882.58	Quảng Ninh	1329	12A-224.88	Lạng Sơn	2329	12A-237.23	Lạng Sơn	3329	12A-237.77	Lạng Sơn
330	14A-884.18	Quảng Ninh	1330	12A-229.88	Lạng Sơn	2330	12A-238.85	Lạng Sơn	3330	12A-239.93	Lạng Sơn
331	14C-396.56	Quảng Ninh	1331	12A-232.19	Lạng Sơn	2331	12A-239.86	Lạng Sơn	3331	12A-240.08	Lạng Sơn
332	14C-397.89	Quảng Ninh	1332	12A-236.19	Lạng Sơn	2332	12A-240.58	Lạng Sơn	3332	12A-240.96	Lạng Sơn
333	14C-402.22	Quảng Ninh	1333	12A-238.56	Lạng Sơn	2333	12A-241.55	Lạng Sơn	3333	12A-241.83	Lạng Sơn
334	14C-404.25	Quảng Ninh	1334	12A-239.15	Lạng Sơn	2334	12A-241.65	Lạng Sơn	3334	12A-242.98	Lạng Sơn
335	14C-404.28	Quảng Ninh	1335	12A-240.38	Lạng Sơn	2335	12A-241.99	Lạng Sơn	3335	12A-243.77	Lạng Sơn
336	14C-407.56	Quảng Ninh	1336	12A-243.11	Lạng Sơn	2336	12A-242.38	Lạng Sơn	3336	14A-845.59	Quảng Ninh
337	19A-596.62	Phú Thọ	1337	12C-127.77	Lạng Sơn	2337	12C-131.85	Lạng Sơn	3337	14A-851.68	Quảng Ninh
338	19A-597.85	Phú Thọ	1338	12C-129.29	Lạng Sơn	2338	12C-132.95	Lạng Sơn	3338	14A-852.06	Quảng Ninh
339	19A-599.58	Phú Thọ	1339	14A-853.36	Quảng Ninh	2339	14A-842.11	Quảng Ninh	3339	14A-853.99	Quảng Ninh
340	19A-610.29	Phú Thọ	1340	14A-853.68	Quảng Ninh	2340	14A-856.16	Quảng Ninh	3340	14A-859.06	Quảng Ninh
341	19A-612.09	Phú Thọ	1341	14A-853.86	Quảng Ninh	2341	14A-857.35	Quảng Ninh	3341	14A-860.85	Quảng Ninh
342	19A-613.06	Phú Thọ	1342	14A-857.06	Quảng Ninh	2342	14A-859.56	Quảng Ninh	3342	14A-861.18	Quảng Ninh
343	19A-614.33	Phú Thọ	1343	14A-858.19	Quảng Ninh	2343	14A-863.85	Quảng Ninh	3343	14A-862.65	Quảng Ninh
344	19A-614.36	Phú Thọ	1344	14A-862.00	Quảng Ninh	2344	14A-866.35	Quảng Ninh	3344	14A-862.85	Quảng Ninh
345	19C-231.88	Phú Thọ	1345	14A-863.18	Quảng Ninh	2345	14A-867.85	Quảng Ninh	3345	14A-868.00	Quảng Ninh
346	19C-233.36	Phú Thọ	1346	14A-864.46	Quảng Ninh	2346	14A-872.22	Quảng Ninh	3346	14A-869.26	Quảng Ninh
347	20A-706.79	Thái Nguyên	1347	14A-869.59	Quảng Ninh	2347	14A-872.83	Quảng Ninh	3347	14A-872.08	Quảng Ninh
348	20A-713.39	Thái Nguyên	1348	14A-870.36	Quảng Ninh	2348	14A-874.69	Quảng Ninh	3348	14A-872.28	Quảng Ninh
349	20A-718.99	Thái Nguyên	1349	14A-871.26	Quảng Ninh	2349	14A-876.65	Quảng Ninh	3349	14A-872.39	Quảng Ninh
350	20A-728.77	Thái Nguyên	1350	14A-880.26	Quảng Ninh	2350	14A-877.29	Quảng Ninh	3350	14A-872.86	Quảng Ninh
351	20A-729.08	Thái Nguyên	1351	14A-880.36	Quảng Ninh	2351	14A-877.96	Quảng Ninh	3351	14A-873.18	Quảng Ninh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
352	20A-735.23	Thái Nguyên	1352	14A-880.39	Quảng Ninh	2352	14A-883.23	Quảng Ninh	3352	14A-874.87	Quảng Ninh
353	20A-740.55	Thái Nguyên	1353	14A-883.00	Quảng Ninh	2353	14C-397.36	Quảng Ninh	3353	14A-886.26	Quảng Ninh
354	20A-747.28	Thái Nguyên	1354	14A-884.98	Quảng Ninh	2354	14C-397.85	Quảng Ninh	3354	14A-888.13	Quảng Ninh
355	20A-747.77	Thái Nguyên	1355	14A-884.99	Quảng Ninh	2355	14C-399.29	Quảng Ninh	3355	14A-888.56	Quảng Ninh
356	20A-747.86	Thái Nguyên	1356	14A-885.38	Quảng Ninh	2356	14C-400.08	Quảng Ninh	3356	14A-889.06	Quảng Ninh
357	20A-748.49	Thái Nguyên	1357	14A-887.58	Quảng Ninh	2357	14C-401.16	Quảng Ninh	3357	14A-889.55	Quảng Ninh
358	20A-751.95	Thái Nguyên	1358	14A-889.22	Quảng Ninh	2358	14C-402.96	Quảng Ninh	3358	14C-389.69	Quảng Ninh
359	20A-752.65	Thái Nguyên	1359	14A-890.35	Quảng Ninh	2359	14C-403.11	Quảng Ninh	3359	14C-391.68	Quảng Ninh
360	20A-754.55	Thái Nguyên	1360	14C-400.85	Quảng Ninh	2360	14C-407.55	Quảng Ninh	3360	14C-394.79	Quảng Ninh
361	20A-757.35	Thái Nguyên	1361	14C-401.83	Quảng Ninh	2361	19A-600.36	Phú Thọ	3361	14C-397.38	Quảng Ninh
362	20A-760.18	Thái Nguyên	1362	14C-402.19	Quảng Ninh	2362	19A-614.18	Phú Thọ	3362	14C-397.65	Quảng Ninh
363	20A-761.09	Thái Nguyên	1363	14C-402.44	Quảng Ninh	2363	19A-614.22	Phú Thọ	3363	14C-399.08	Quảng Ninh
364	20A-762.39	Thái Nguyên	1364	14C-406.39	Quảng Ninh	2364	19C-232.89	Phú Thọ	3364	14C-400.96	Quảng Ninh
365	20A-763.99	Thái Nguyên	1365	14C-406.59	Quảng Ninh	2365	20A-710.69	Thái Nguyên	3365	14C-404.09	Quảng Ninh
366	20A-764.55	Thái Nguyên	1366	19A-583.68	Phú Thọ	2366	20A-714.89	Thái Nguyên	3366	14C-406.58	Quảng Ninh
367	20C-272.86	Thái Nguyên	1367	19A-597.16	Phú Thọ	2367	20A-717.68	Thái Nguyên	3367	17A-409.88	Thái Bình
368	20C-280.86	Thái Nguyên	1368	19A-600.62	Phú Thọ	2368	20A-719.33	Thái Nguyên	3368	19A-583.56	Phú Thọ
369	20C-283.36	Thái Nguyên	1369	19A-600.89	Phú Thọ	2369	20A-725.59	Thái Nguyên	3369	19A-584.16	Phú Thọ
370	20C-287.28	Thái Nguyên	1370	19A-610.96	Phú Thọ	2370	20A-726.33	Thái Nguyên	3370	19A-596.67	Phú Thọ
371	21A-183.69	Yên Bái	1371	19A-612.66	Phú Thọ	2371	20A-728.66	Thái Nguyên	3371	19A-597.89	Phú Thọ
372	21A-186.79	Yên Bái	1372	19A-613.14	Phú Thọ	2372	20A-729.66	Thái Nguyên	3372	19A-598.39	Phú Thọ
373	21A-187.16	Yên Bái	1373	19A-613.98	Phú Thọ	2373	20A-735.69	Thái Nguyên	3373	19A-600.59	Phú Thọ
374	21A-190.90	Yên Bái	1374	20A-704.88	Thái Nguyên	2374	20A-735.85	Thái Nguyên	3374	20A-706.69	Thái Nguyên
375	21A-192.19	Yên Bái	1375	20A-715.68	Thái Nguyên	2375	20A-736.89	Thái Nguyên	3375	20A-721.39	Thái Nguyên
376	21A-193.25	Yên Bái	1376	20A-719.38	Thái Nguyên	2376	20A-738.22	Thái Nguyên	3376	20A-725.99	Thái Nguyên
377	21A-193.79	Yên Bái	1377	20A-720.56	Thái Nguyên	2377	20A-738.26	Thái Nguyên	3377	20A-729.29	Thái Nguyên
378	21A-194.15	Yên Bái	1378	20A-721.99	Thái Nguyên	2378	20A-739.19	Thái Nguyên	3378	20A-729.36	Thái Nguyên
379	21A-194.33	Yên Bái	1379	20A-722.88	Thái Nguyên	2379	20A-739.55	Thái Nguyên	3379	20A-731.85	Thái Nguyên
380	21C-096.06	Yên Bái	1380	20A-726.86	Thái Nguyên	2380	20A-744.11	Thái Nguyên	3380	20A-732.23	Thái Nguyên
381	21D-003.30	Yên Bái	1381	20A-728.58	Thái Nguyên	2381	20A-744.95	Thái Nguyên	3381	20A-732.93	Thái Nguyên
382	22A-218.08	Tuyên Quang	1382	20A-729.96	Thái Nguyên	2382	20A-745.29	Thái Nguyên	3382	20A-733.68	Thái Nguyên
383	22A-218.86	Tuyên Quang	1383	20A-732.16	Thái Nguyên	2383	20A-745.44	Thái Nguyên	3383	20A-735.65	Thái Nguyên
384	22A-220.86	Tuyên Quang	1384	20A-736.39	Thái Nguyên	2384	20A-746.98	Thái Nguyên	3384	20A-736.77	Thái Nguyên
385	22A-220.99	Tuyên Quang	1385	20A-736.82	Thái Nguyên	2385	20A-747.88	Thái Nguyên	3385	20A-736.86	Thái Nguyên
386	22A-223.55	Tuyên Quang	1386	20A-736.83	Thái Nguyên	2386	20A-750.36	Thái Nguyên	3386	20A-737.57	Thái Nguyên
387	22A-224.86	Tuyên Quang	1387	20A-738.36	Thái Nguyên	2387	20A-751.58	Thái Nguyên	3387	20A-738.59	Thái Nguyên
388	22A-225.98	Tuyên Quang	1388	20A-740.56	Thái Nguyên	2388	20A-752.79	Thái Nguyên	3388	20A-738.89	Thái Nguyên
389	22A-227.29	Tuyên Quang	1389	20A-740.66	Thái Nguyên	2389	20A-753.53	Thái Nguyên	3389	20A-739.29	Thái Nguyên
390	22A-229.09	Tuyên Quang	1390	20A-742.22	Thái Nguyên	2390	20A-754.45	Thái Nguyên	3390	20A-741.68	Thái Nguyên
391	22A-229.68	Tuyên Quang	1391	20A-745.89	Thái Nguyên	2391	20A-754.54	Thái Nguyên	3391	20A-744.18	Thái Nguyên
392	22A-233.25	Tuyên Quang	1392	20A-748.59	Thái Nguyên	2392	20A-754.57	Thái Nguyên	3392	20A-744.85	Thái Nguyên
393	22A-234.08	Tuyên Quang	1393	20A-748.79	Thái Nguyên	2393	20A-754.88	Thái Nguyên	3393	20A-748.06	Thái Nguyên
394	22A-235.08	Tuyên Quang	1394	20A-748.85	Thái Nguyên	2394	20A-756.35	Thái Nguyên	3394	20A-750.85	Thái Nguyên
395	22C-098.89	Tuyên Quang	1395	20A-749.59	Thái Nguyên	2395	20A-756.39	Thái Nguyên	3395	20A-751.15	Thái Nguyên
396	22C-099.88	Tuyên Quang	1396	20A-750.29	Thái Nguyên	2396	20A-757.33	Thái Nguyên	3396	20A-751.39	Thái Nguyên
397	23A-136.77	Hà Giang	1397	20A-751.77	Thái Nguyên	2397	20A-760.89	Thái Nguyên	3397	20A-753.68	Thái Nguyên
398	23A-137.35	Hà Giang	1398	20A-758.68	Thái Nguyên	2398	20A-762.15	Thái Nguyên	3398	20A-753.69	Thái Nguyên
399	23A-137.44	Hà Giang	1399	20A-760.19	Thái Nguyên	2399	20A-762.76	Thái Nguyên	3399	20A-754.98	Thái Nguyên
400	23A-138.25	Hà Giang	1400	20A-760.76	Thái Nguyên	2400	20A-764.58	Thái Nguyên	3400	20A-755.19	Thái Nguyên
401	23A-140.85	Hà Giang	1401	20A-764.22	Thái Nguyên	2401	20C-269.89	Thái Nguyên	3401	20A-756.58	Thái Nguyên
402	23A-141.44	Hà Giang	1402	21A-180.88	Yên Bái	2402	20C-279.26	Thái Nguyên	3402	20A-757.11	Thái Nguyên
403	23A-143.44	Hà Giang	1403	21A-181.86	Yên Bái	2403	20C-281.09	Thái Nguyên	3403	20A-759.96	Thái Nguyên
404	23A-144.22	Hà Giang	1404	21A-183.62	Yên Bái	2404	20C-282.38	Thái Nguyên	3404	20A-761.55	Thái Nguyên
405	23A-145.28	Hà Giang	1405	21A-186.36	Yên Bái	2405	20C-282.59	Thái Nguyên	3405	20A-762.86	Thái Nguyên
406	23A-145.36	Hà Giang	1406	21A-186.96	Yên Bái	2406	20C-284.08	Thái Nguyên	3406	20A-763.44	Thái Nguyên
407	23A-145.66	Hà Giang	1407	21A-188.09	Yên Bái	2407	20C-285.36	Thái Nguyên	3407	20C-273.89	Thái Nguyên
408	23B-007.69	Hà Giang	1408	21A-188.59	Yên Bái	2408	20C-286.28	Thái Nguyên	3408	20C-285.95	Thái Nguyên
409	23C-081.35	Hà Giang	1409	21A-191.85	Yên Bái	2409	21A-183.36	Yên Bái	3409	20D-026.68	Thái Nguyên
410	23C-081.86	Hà Giang	1410	21A-194.56	Yên Bái	2410	21A-188.11	Yên Bái	3410	21A-182.85	Yên Bái

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
411	23C-081.89	Hà Giang	1411	21A-194.58	Yên Bái	2411	21A-190.00	Yên Bái	3411	21A-184.39	Yên Bái
412	24A-256.56	Lào Cai	1412	21A-194.86	Yên Bái	2412	21A-192.08	Yên Bái	3412	21A-186.95	Yên Bái
413	24A-264.46	Lào Cai	1413	21A-195.06	Yên Bái	2413	21A-192.18	Yên Bái	3413	21A-189.22	Yên Bái
414	24A-267.88	Lào Cai	1414	21C-096.26	Yên Bái	2414	21A-192.26	Yên Bái	3414	21A-189.92	Yên Bái
415	24A-269.35	Lào Cai	1415	21C-097.88	Yên Bái	2415	21A-193.44	Yên Bái	3415	21A-190.16	Yên Bái
416	24A-270.44	Lào Cai	1416	21C-099.26	Yên Bái	2416	21A-194.19	Yên Bái	3416	21A-191.44	Yên Bái
417	24A-273.29	Lào Cai	1417	21C-099.33	Yên Bái	2417	21C-096.38	Yên Bái	3417	21A-192.06	Yên Bái
418	24C-146.88	Lào Cai	1418	22A-215.15	Tuyên Quang	2418	22A-215.88	Tuyên Quang	3418	21A-192.35	Yên Bái
419	24C-150.18	Lào Cai	1419	22A-219.79	Tuyên Quang	2419	22A-220.02	Tuyên Quang	3419	21A-192.95	Yên Bái
420	24C-151.09	Lào Cai	1420	22A-222.83	Tuyên Quang	2420	22A-224.98	Tuyên Quang	3420	21A-193.36	Yên Bái
421	24C-152.39	Lào Cai	1421	22A-225.59	Tuyên Quang	2421	22A-225.33	Tuyên Quang	3421	21C-098.19	Yên Bái
422	26A-191.58	Sơn La	1422	22A-229.00	Tuyên Quang	2422	22A-227.68	Tuyên Quang	3422	22A-219.91	Tuyên Quang
423	26A-196.29	Sơn La	1423	22A-231.33	Tuyên Quang	2423	22A-227.96	Tuyên Quang	3423	22A-225.58	Tuyên Quang
424	26A-196.55	Sơn La	1424	22A-235.29	Tuyên Quang	2424	22A-229.16	Tuyên Quang	3424	22A-227.26	Tuyên Quang
425	26A-201.77	Sơn La	1425	22B-012.39	Tuyên Quang	2425	22A-232.33	Tuyên Quang	3425	22A-227.98	Tuyên Quang
426	26A-202.03	Sơn La	1426	22C-100.26	Tuyên Quang	2426	22A-232.88	Tuyên Quang	3426	22A-228.08	Tuyên Quang
427	26A-205.83	Sơn La	1427	23A-136.65	Hà Giang	2427	22A-234.89	Tuyên Quang	3427	22A-229.95	Tuyên Quang
428	26A-206.11	Sơn La	1428	23A-137.56	Hà Giang	2428	23A-137.26	Hà Giang	3428	22A-230.16	Tuyên Quang
429	27A-107.59	Điện Biên	1429	23A-139.29	Hà Giang	2429	23A-137.98	Hà Giang	3429	22A-230.86	Tuyên Quang
430	27A-109.22	Điện Biên	1430	23A-142.25	Hà Giang	2430	23A-138.69	Hà Giang	3430	22A-231.09	Tuyên Quang
431	27A-110.22	Điện Biên	1431	23A-144.00	Hà Giang	2431	23A-139.00	Hà Giang	3431	22A-231.89	Tuyên Quang
432	28A-213.39	Hòa Bình	1432	23C-080.15	Hà Giang	2432	23A-140.08	Hà Giang	3432	22A-232.69	Tuyên Quang
433	28A-221.99	Hòa Bình	1433	23C-080.86	Hà Giang	2433	23A-140.33	Hà Giang	3433	22A-233.11	Tuyên Quang
434	28A-226.69	Hòa Bình	1434	23C-081.08	Hà Giang	2434	23A-141.58	Hà Giang	3434	22C-100.55	Tuyên Quang
435	28A-228.58	Hòa Bình	1435	23C-081.33	Hà Giang	2435	23A-145.15	Hà Giang	3435	23A-136.83	Hà Giang
436	28A-229.29	Hòa Bình	1436	24A-257.99	Lào Cai	2436	23C-080.80	Hà Giang	3436	23A-136.95	Hà Giang
437	28A-230.39	Hòa Bình	1437	24A-260.29	Lào Cai	2437	23C-081.83	Hà Giang	3437	23A-138.00	Hà Giang
438	28A-230.85	Hòa Bình	1438	24A-262.55	Lào Cai	2438	24A-254.39	Lào Cai	3438	23A-142.96	Hà Giang
439	28A-231.95	Hòa Bình	1439	24A-263.35	Lào Cai	2439	24A-254.66	Lào Cai	3439	23A-143.43	Hà Giang
440	28A-232.66	Hòa Bình	1440	24A-265.62	Lào Cai	2440	24A-263.64	Lào Cai	3440	23A-144.35	Hà Giang
441	28A-232.95	Hòa Bình	1441	24A-266.65	Lào Cai	2441	24A-263.65	Lào Cai	3441	23A-146.16	Hà Giang
442	28B-013.89	Hòa Bình	1442	24A-267.44	Lào Cai	2442	24A-265.68	Lào Cai	3442	23C-080.09	Hà Giang
443	28C-106.16	Hòa Bình	1443	24A-267.98	Lào Cai	2443	24A-270.86	Lào Cai	3443	24A-261.56	Lào Cai
444	28C-107.99	Hòa Bình	1444	24A-268.09	Lào Cai	2444	24A-271.27	Lào Cai	3444	24A-264.39	Lào Cai
445	29D-575.79	Hà Nội	1445	24A-270.66	Lào Cai	2445	24A-271.56	Lào Cai	3445	24A-265.88	Lào Cai
446	29K-100.66	Hà Nội	1446	24A-272.85	Lào Cai	2446	24A-272.56	Lào Cai	3446	24A-272.22	Lào Cai
447	29K-112.18	Hà Nội	1447	24C-150.00	Lào Cai	2447	24A-272.73	Lào Cai	3447	24C-149.25	Lào Cai
448	29K-112.86	Hà Nội	1448	24C-151.08	Lào Cai	2448	24C-151.83	Lào Cai	3448	24C-149.85	Lào Cai
449	29K-116.68	Hà Nội	1449	24C-152.69	Lào Cai	2449	24C-152.26	Lào Cai	3449	24C-150.11	Lào Cai
450	29K-122.08	Hà Nội	1450	25A-071.26	Lai Châu	2450	24C-152.38	Lào Cai	3450	26A-187.77	Sơn La
451	29K-123.38	Hà Nội	1451	25A-073.39	Lai Châu	2451	24C-152.58	Lào Cai	3451	26A-191.06	Sơn La
452	29K-127.56	Hà Nội	1452	25A-073.96	Lai Châu	2452	24C-153.11	Lào Cai	3452	26A-192.18	Sơn La
453	29K-131.69	Hà Nội	1453	26A-185.89	Sơn La	2453	24C-153.53	Lào Cai	3453	26A-195.08	Sơn La
454	29K-138.69	Hà Nội	1454	26A-196.39	Sơn La	2454	25A-070.99	Lai Châu	3454	26A-195.18	Sơn La
455	29K-138.83	Hà Nội	1455	26A-197.89	Sơn La	2455	25A-071.77	Lai Châu	3455	26A-195.96	Sơn La
456	29K-141.89	Hà Nội	1456	26A-198.92	Sơn La	2456	25A-075.18	Lai Châu	3456	26A-197.98	Sơn La
457	47A-626.86	Đắk Lắk	1457	26A-199.35	Sơn La	2457	25C-052.55	Lai Châu	3457	26A-205.96	Sơn La
458	47A-632.66	Đắk Lắk	1458	26A-199.65	Sơn La	2458	26A-192.89	Sơn La	3458	27A-107.06	Điện Biên
459	47A-633.55	Đắk Lắk	1459	26A-200.89	Sơn La	2459	26A-196.62	Sơn La	3459	27A-108.35	Điện Biên
460	47A-635.89	Đắk Lắk	1460	26A-202.28	Sơn La	2460	26A-197.66	Sơn La	3460	27A-109.16	Điện Biên
461	47A-637.66	Đắk Lắk	1461	26A-204.25	Sơn La	2461	26A-197.77	Sơn La	3461	27A-110.38	Điện Biên
462	47A-645.89	Đắk Lắk	1462	26C-143.33	Sơn La	2462	26A-199.86	Sơn La	3462	27C-064.38	Điện Biên
463	47A-659.89	Đắk Lắk	1463	27A-107.70	Điện Biên	2463	26A-201.65	Sơn La	3463	27C-065.09	Điện Biên
464	47A-660.89	Đắk Lắk	1464	27A-108.25	Điện Biên	2464	26A-201.92	Sơn La	3464	27C-065.59	Điện Biên
465	47A-661.86	Đắk Lắk	1465	27A-108.79	Điện Biên	2465	26A-202.29	Sơn La	3465	28A-213.66	Hòa Bình
466	47A-665.26	Đắk Lắk	1466	27A-109.89	Điện Biên	2466	26A-204.15	Sơn La	3466	28A-219.67	Hòa Bình
467	47A-668.33	Đắk Lắk	1467	27A-110.25	Điện Biên	2467	26A-204.38	Sơn La	3467	28A-220.86	Hòa Bình
468	47A-669.18	Đắk Lắk	1468	27A-111.06	Điện Biên	2468	26A-204.40	Sơn La	3468	28A-220.88	Hòa Bình
469	47A-669.35	Đắk Lắk	1469	27C-065.66	Điện Biên	2469	26A-206.18	Sơn La	3469	28A-224.66	Hòa Bình

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
470	47A-670.08	Đắk Lắk	1470	28A-219.08	Hòa Bình	2470	26C-136.79	Sơn La	3470	28A-225.96	Hòa Bình
471	47A-670.85	Đắk Lắk	1471	28A-221.85	Hòa Bình	2471	26C-144.55	Sơn La	3471	28A-226.29	Hòa Bình
472	47A-673.44	Đắk Lắk	1472	28A-225.82	Hòa Bình	2472	27A-107.58	Điện Biên	3472	28A-226.83	Hòa Bình
473	47A-675.56	Đắk Lắk	1473	28A-227.33	Hòa Bình	2473	27C-063.55	Điện Biên	3473	28A-228.62	Hòa Bình
474	47A-680.00	Đắk Lắk	1474	28A-230.68	Hòa Bình	2474	27C-065.25	Điện Biên	3474	28A-229.58	Hòa Bình
475	47A-680.09	Đắk Lắk	1475	28A-231.09	Hòa Bình	2475	28A-222.08	Hòa Bình	3475	29K-100.11	Hà Nội
476	47A-681.79	Đắk Lắk	1476	28A-232.25	Hòa Bình	2476	28A-222.58	Hòa Bình	3476	29K-101.86	Hà Nội
477	47A-683.66	Đắk Lắk	1477	28A-232.68	Hòa Bình	2477	28A-225.25	Hòa Bình	3477	29K-107.77	Hà Nội
478	47A-685.79	Đắk Lắk	1478	28A-233.00	Hòa Bình	2478	28A-225.33	Hòa Bình	3478	29K-108.00	Hà Nội
479	47A-692.08	Đắk Lắk	1479	28C-101.88	Hòa Bình	2479	28A-225.36	Hòa Bình	3479	29K-111.29	Hà Nội
480	47A-693.16	Đắk Lắk	1480	28C-102.66	Hòa Bình	2480	28A-225.59	Hòa Bình	3480	29K-112.21	Hà Nội
481	47A-694.66	Đắk Lắk	1481	28C-106.99	Hòa Bình	2481	28A-226.77	Hòa Bình	3481	29K-113.77	Hà Nội
482	47A-697.86	Đắk Lắk	1482	28C-107.08	Hòa Bình	2482	28A-228.06	Hòa Bình	3482	29K-122.38	Hà Nội
483	47A-698.39	Đắk Lắk	1483	28C-107.77	Hòa Bình	2483	28A-230.28	Hòa Bình	3483	29K-126.33	Hà Nội
484	47A-699.92	Đắk Lắk	1484	29D-575.68	Hà Nội	2484	28A-232.77	Hòa Bình	3484	29K-127.85	Hà Nội
485	47A-699.98	Đắk Lắk	1485	29K-092.99	Hà Nội	2485	28C-104.39	Hòa Bình	3485	29K-128.19	Hà Nội
486	47A-703.56	Đắk Lắk	1486	29K-100.77	Hà Nội	2486	28C-107.70	Hòa Bình	3486	29K-128.22	Hà Nội
487	47A-705.07	Đắk Lắk	1487	29K-106.06	Hà Nội	2487	28C-107.88	Hòa Bình	3487	29K-139.77	Hà Nội
488	47A-705.26	Đắk Lắk	1488	29K-107.66	Hà Nội	2488	29D-576.56	Hà Nội	3488	29K-139.89	Hà Nội
489	47A-707.09	Đắk Lắk	1489	29K-109.56	Hà Nội	2489	29D-576.76	Hà Nội	3489	29K-141.59	Hà Nội
490	47C-325.86	Đắk Lắk	1490	29K-111.79	Hà Nội	2490	29K-085.99	Hà Nội	3490	47A-635.39	Đắk Lắk
491	47C-337.36	Đắk Lắk	1491	29K-112.99	Hà Nội	2491	29K-088.33	Hà Nội	3491	47A-660.79	Đắk Lắk
492	47C-338.95	Đắk Lắk	1492	29K-118.08	Hà Nội	2492	29K-097.86	Hà Nội	3492	47A-664.08	Đắk Lắk
493	47C-343.06	Đắk Lắk	1493	29K-118.09	Hà Nội	2493	29K-106.56	Hà Nội	3493	47A-665.75	Đắk Lắk
494	47C-347.08	Đắk Lắk	1494	29K-128.89	Hà Nội	2494	29K-113.26	Hà Nội	3494	47A-665.89	Đắk Lắk
495	47C-348.19	Đắk Lắk	1495	29K-133.89	Hà Nội	2495	29K-119.38	Hà Nội	3495	47A-668.65	Đắk Lắk
496	47C-348.33	Đắk Lắk	1496	29K-134.56	Hà Nội	2496	29K-120.85	Hà Nội	3496	47A-669.65	Đắk Lắk
497	47C-348.65	Đắk Lắk	1497	29K-135.95	Hà Nội	2497	29K-128.39	Hà Nội	3497	47A-671.44	Đắk Lắk
498	48A-208.16	Đắk Nông	1498	29K-136.88	Hà Nội	2498	29K-132.66	Hà Nội	3498	47A-671.55	Đắk Lắk
499	48A-209.25	Đắk Nông	1499	29K-138.56	Hà Nội	2499	29K-136.18	Hà Nội	3499	47A-672.96	Đắk Lắk
500	48A-211.33	Đắk Nông	1500	29K-139.33	Hà Nội	2500	29K-141.85	Hà Nội	3500	47A-673.66	Đắk Lắk
501	48A-211.68	Đắk Nông	1501	29K-142.86	Hà Nội	2501	47A-630.86	Đắk Lắk	3501	47A-674.29	Đắk Lắk
502	48A-212.77	Đắk Nông	1502	47A-653.68	Đắk Lắk	2502	47A-637.77	Đắk Lắk	3502	47A-683.39	Đắk Lắk
503	48A-213.39	Đắk Nông	1503	47A-665.93	Đắk Lắk	2503	47A-637.79	Đắk Lắk	3503	47A-684.88	Đắk Lắk
504	48A-213.89	Đắk Nông	1504	47A-666.17	Đắk Lắk	2504	47A-640.89	Đắk Lắk	3504	47A-686.09	Đắk Lắk
505	48A-216.06	Đắk Nông	1505	47A-666.25	Đắk Lắk	2505	47A-650.69	Đắk Lắk	3505	47A-689.93	Đắk Lắk
506	48A-218.35	Đắk Nông	1506	47A-667.19	Đắk Lắk	2506	47A-661.15	Đắk Lắk	3506	47A-691.33	Đắk Lắk
507	48C-099.59	Đắk Nông	1507	47A-667.26	Đắk Lắk	2507	47A-661.85	Đắk Lắk	3507	47A-693.36	Đắk Lắk
508	48C-101.29	Đắk Nông	1508	47A-668.38	Đắk Lắk	2508	47A-662.32	Đắk Lắk	3508	47A-693.59	Đắk Lắk
509	49A-630.00	Lâm Đồng	1509	47A-670.11	Đắk Lắk	2509	47A-665.69	Đắk Lắk	3509	47A-696.79	Đắk Lắk
510	49A-639.56	Lâm Đồng	1510	47A-670.15	Đắk Lắk	2510	47A-665.85	Đắk Lắk	3510	47A-696.86	Đắk Lắk
511	49A-640.22	Lâm Đồng	1511	47A-671.25	Đắk Lắk	2511	47A-666.04	Đắk Lắk	3511	47A-701.02	Đắk Lắk
512	49A-640.35	Lâm Đồng	1512	47A-674.00	Đắk Lắk	2512	47A-667.18	Đắk Lắk	3512	47A-704.09	Đắk Lắk
513	49A-641.36	Lâm Đồng	1513	47A-674.33	Đắk Lắk	2513	47A-670.68	Đắk Lắk	3513	47A-707.55	Đắk Lắk
514	49A-641.99	Lâm Đồng	1514	47A-675.19	Đắk Lắk	2514	47A-671.11	Đắk Lắk	3514	47A-708.58	Đắk Lắk
515	49A-642.08	Lâm Đồng	1515	47A-675.79	Đắk Lắk	2515	47A-672.98	Đắk Lắk	3515	47A-709.18	Đắk Lắk
516	49A-642.55	Lâm Đồng	1516	47A-677.38	Đắk Lắk	2516	47A-673.39	Đắk Lắk	3516	47A-709.70	Đắk Lắk
517	49A-642.86	Lâm Đồng	1517	47A-678.55	Đắk Lắk	2517	47A-673.95	Đắk Lắk	3517	47A-709.89	Đắk Lắk
518	49A-645.15	Lâm Đồng	1518	47A-680.96	Đắk Lắk	2518	47A-675.00	Đắk Lắk	3518	47C-326.62	Đắk Lắk
519	49A-646.00	Lâm Đồng	1519	47A-681.99	Đắk Lắk	2519	47A-677.00	Đắk Lắk	3519	47C-335.69	Đắk Lắk
520	49A-646.08	Lâm Đồng	1520	47A-682.36	Đắk Lắk	2520	47A-677.33	Đắk Lắk	3520	47C-335.96	Đắk Lắk
521	49A-646.09	Lâm Đồng	1521	47A-682.82	Đắk Lắk	2521	47A-677.44	Đắk Lắk	3521	47C-339.06	Đắk Lắk
522	49A-646.79	Lâm Đồng	1522	47A-685.18	Đắk Lắk	2522	47A-678.00	Đắk Lắk	3522	47C-340.85	Đắk Lắk
523	49A-647.36	Lâm Đồng	1523	47A-685.93	Đắk Lắk	2523	47A-678.15	Đắk Lắk	3523	47C-342.18	Đắk Lắk
524	49A-647.95	Lâm Đồng	1524	47A-686.16	Đắk Lắk	2524	47A-681.11	Đắk Lắk	3524	47C-343.36	Đắk Lắk
525	49A-648.22	Lâm Đồng	1525	47A-688.19	Đắk Lắk	2525	47A-681.89	Đắk Lắk	3525	47C-345.19	Đắk Lắk
526	49A-648.99	Lâm Đồng	1526	47A-690.11	Đắk Lắk	2526	47A-682.06	Đắk Lắk	3526	47C-346.29	Đắk Lắk
527	49A-649.83	Lâm Đồng	1527	47A-690.33	Đắk Lắk	2527	47A-683.63	Đắk Lắk	3527	47C-348.34	Đắk Lắk
528	49A-650.44	Lâm Đồng	1528	47A-690.89	Đắk Lắk	2528	47A-686.85	Đắk Lắk	3528	48A-206.68	Đắk Nông

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
529	49A-655.29	Lâm Đồng	1529	47A-690.90	Đắk Lắk	2529	47A-687.65	Đắk Lắk	3529	48A-208.06	Đắk Nông
530	49A-655.52	Lâm Đồng	1530	47A-691.98	Đắk Lắk	2530	47A-687.95	Đắk Lắk	3530	48A-208.11	Đắk Nông
531	49A-656.98	Lâm Đồng	1531	47A-692.33	Đắk Lắk	2531	47A-691.06	Đắk Lắk	3531	48A-209.16	Đắk Nông
532	49A-657.00	Lâm Đồng	1532	47A-692.89	Đắk Lắk	2532	47A-691.56	Đắk Lắk	3532	48A-209.69	Đắk Nông
533	49A-658.00	Lâm Đồng	1533	47A-697.15	Đắk Lắk	2533	47A-693.11	Đắk Lắk	3533	48A-211.39	Đắk Nông
534	49A-660.98	Lâm Đồng	1534	47A-697.65	Đắk Lắk	2534	47A-694.18	Đắk Lắk	3534	48A-212.16	Đắk Nông
535	49A-661.16	Lâm Đồng	1535	47A-699.59	Đắk Lắk	2535	47A-694.69	Đắk Lắk	3535	48A-213.21	Đắk Nông
536	49A-666.15	Lâm Đồng	1536	47A-700.08	Đắk Lắk	2536	47A-695.00	Đắk Lắk	3536	48A-215.12	Đắk Nông
537	49A-666.23	Lâm Đồng	1537	47A-700.70	Đắk Lắk	2537	47A-697.26	Đắk Lắk	3537	48A-215.55	Đắk Nông
538	49A-667.22	Lâm Đồng	1538	47A-701.09	Đắk Lắk	2538	47A-697.39	Đắk Lắk	3538	48A-218.65	Đắk Nông
539	49A-668.11	Lâm Đồng	1539	47A-701.65	Đắk Lắk	2539	47A-702.03	Đắk Lắk	3539	48A-218.99	Đắk Nông
540	49A-670.39	Lâm Đồng	1540	47A-702.19	Đắk Lắk	2540	47A-705.15	Đắk Lắk	3540	48A-219.85	Đắk Nông
541	49A-670.44	Lâm Đồng	1541	47A-704.40	Đắk Lắk	2541	47A-706.83	Đắk Lắk	3541	48A-220.21	Đắk Nông
542	49A-671.15	Lâm Đồng	1542	47A-704.59	Đắk Lắk	2542	47A-708.06	Đắk Lắk	3542	48C-097.25	Đắk Nông
543	49A-671.26	Lâm Đồng	1543	47A-705.58	Đắk Lắk	2543	47A-708.83	Đắk Lắk	3543	48C-098.95	Đắk Nông
544	49C-344.19	Lâm Đồng	1544	47A-708.36	Đắk Lắk	2544	47C-327.27	Đắk Lắk	3544	48C-100.08	Đắk Nông
545	49C-344.83	Lâm Đồng	1545	47C-325.89	Đắk Lắk	2545	47C-329.79	Đắk Lắk	3545	49A-631.79	Lâm Đồng
546	49C-344.99	Lâm Đồng	1546	47C-333.56	Đắk Lắk	2546	47C-333.30	Đắk Lắk	3546	49A-634.34	Lâm Đồng
547	49C-345.38	Lâm Đồng	1547	47C-340.19	Đắk Lắk	2547	47C-337.95	Đắk Lắk	3547	49A-641.89	Lâm Đồng
548	49C-347.35	Lâm Đồng	1548	47C-340.38	Đắk Lắk	2548	47C-341.25	Đắk Lắk	3548	49A-642.06	Lâm Đồng
549	49C-347.38	Lâm Đồng	1549	47C-341.86	Đắk Lắk	2549	47C-342.11	Đắk Lắk	3549	49A-643.66	Lâm Đồng
550	49C-347.79	Lâm Đồng	1550	47C-343.00	Đắk Lắk	2550	47C-342.42	Đắk Lắk	3550	49A-649.08	Lâm Đồng
551	49C-348.56	Lâm Đồng	1551	47C-344.11	Đắk Lắk	2551	47C-343.19	Đắk Lắk	3551	49A-649.11	Lâm Đồng
552	49C-349.08	Lâm Đồng	1552	47C-347.43	Đắk Lắk	2552	47C-343.88	Đắk Lắk	3552	49A-652.56	Lâm Đồng
553	49C-349.11	Lâm Đồng	1553	47C-347.95	Đắk Lắk	2553	47C-344.29	Đắk Lắk	3553	49A-654.66	Lâm Đồng
554	49C-350.15	Lâm Đồng	1554	47C-349.18	Đắk Lắk	2554	47C-345.83	Đắk Lắk	3554	49A-655.22	Lâm Đồng
555	49C-351.95	Lâm Đồng	1555	48A-208.56	Đắk Nông	2555	47C-347.83	Đắk Lắk	3555	49A-655.39	Lâm Đồng
556	51D-956.56	Hồ Chí Minh	1556	48A-209.59	Đắk Nông	2556	47C-349.26	Đắk Lắk	3556	49A-658.28	Lâm Đồng
557	60C-690.09	Đồng Nai	1557	48A-210.86	Đắk Nông	2557	48A-210.25	Đắk Nông	3557	49A-660.28	Lâm Đồng
558	60C-707.89	Đồng Nai	1558	48A-215.96	Đắk Nông	2558	48A-210.99	Đắk Nông	3558	49A-660.38	Lâm Đồng
559	60C-708.59	Đồng Nai	1559	48A-216.17	Đắk Nông	2559	48A-212.06	Đắk Nông	3559	49A-661.19	Lâm Đồng
560	60C-710.88	Đồng Nai	1560	48A-219.08	Đắk Nông	2560	48A-212.26	Đắk Nông	3560	49A-661.99	Lâm Đồng
561	60C-711.08	Đồng Nai	1561	48A-219.95	Đắk Nông	2561	48A-213.96	Đắk Nông	3561	49A-662.69	Lâm Đồng
562	60C-711.39	Đồng Nai	1562	48C-095.79	Đắk Nông	2562	48A-217.39	Đắk Nông	3562	49A-664.77	Lâm Đồng
563	60C-712.09	Đồng Nai	1563	48C-096.88	Đắk Nông	2563	48A-217.56	Đắk Nông	3563	49A-665.11	Lâm Đồng
564	60C-713.11	Đồng Nai	1564	48C-098.22	Đắk Nông	2564	48A-217.99	Đắk Nông	3564	49A-665.44	Lâm Đồng
565	60C-714.26	Đồng Nai	1565	48C-100.96	Đắk Nông	2565	48A-219.22	Đắk Nông	3565	49A-665.58	Lâm Đồng
566	60K-433.22	Đồng Nai	1566	49A-639.59	Lâm Đồng	2566	48C-095.55	Đắk Nông	3566	49A-668.06	Lâm Đồng
567	60K-436.79	Đồng Nai	1567	49A-640.55	Lâm Đồng	2567	48C-096.99	Đắk Nông	3567	49A-668.25	Lâm Đồng
568	60K-455.09	Đồng Nai	1568	49A-642.64	Lâm Đồng	2568	48C-100.36	Đắk Nông	3568	49A-668.96	Lâm Đồng
569	60K-455.99	Đồng Nai	1569	49A-642.66	Lâm Đồng	2569	48C-100.88	Đắk Nông	3569	49A-671.77	Lâm Đồng
570	60K-456.36	Đồng Nai	1570	49A-643.29	Lâm Đồng	2570	49A-628.79	Lâm Đồng	3570	49A-672.18	Lâm Đồng
571	60K-459.15	Đồng Nai	1571	49A-643.85	Lâm Đồng	2571	49A-634.79	Lâm Đồng	3571	49C-343.95	Lâm Đồng
572	60K-462.33	Đồng Nai	1572	49A-644.98	Lâm Đồng	2572	49A-636.55	Lâm Đồng	3572	49C-346.25	Lâm Đồng
573	60K-463.39	Đồng Nai	1573	49A-646.56	Lâm Đồng	2573	49A-637.79	Lâm Đồng	3573	49C-350.19	Lâm Đồng
574	60K-463.66	Đồng Nai	1574	49A-649.94	Lâm Đồng	2574	49A-638.22	Lâm Đồng	3574	49C-351.36	Lâm Đồng
575	60K-464.22	Đồng Nai	1575	49A-650.05	Lâm Đồng	2575	49A-639.11	Lâm Đồng	3575	49C-351.39	Lâm Đồng
576	60K-466.65	Đồng Nai	1576	49A-651.19	Lâm Đồng	2576	49A-641.88	Lâm Đồng	3576	60C-705.66	Đồng Nai
577	60K-467.08	Đồng Nai	1577	49A-651.38	Lâm Đồng	2577	49A-643.08	Lâm Đồng	3577	60C-709.69	Đồng Nai
578	60K-467.79	Đồng Nai	1578	49A-652.85	Lâm Đồng	2578	49A-645.28	Lâm Đồng	3578	60C-711.96	Đồng Nai
579	60K-468.38	Đồng Nai	1579	49A-656.06	Lâm Đồng	2579	49A-645.45	Lâm Đồng	3579	60C-712.83	Đồng Nai
580	60K-468.55	Đồng Nai	1580	49A-656.79	Lâm Đồng	2580	49A-646.64	Lâm Đồng	3580	60K-423.33	Đồng Nai
581	60K-468.89	Đồng Nai	1581	49A-657.35	Lâm Đồng	2581	49A-646.98	Lâm Đồng	3581	60K-431.39	Đồng Nai
582	60K-470.85	Đồng Nai	1582	49A-658.58	Lâm Đồng	2582	49A-647.83	Lâm Đồng	3582	60K-434.34	Đồng Nai
583	60K-475.76	Đồng Nai	1583	49A-659.58	Lâm Đồng	2583	49A-648.11	Lâm Đồng	3583	60K-437.39	Đồng Nai
584	60K-476.25	Đồng Nai	1584	49A-662.16	Lâm Đồng	2584	49A-648.56	Lâm Đồng	3584	60K-442.18	Đồng Nai
585	60K-476.29	Đồng Nai	1585	49A-666.01	Lâm Đồng	2585	49A-651.18	Lâm Đồng	3585	60K-445.88	Đồng Nai
586	60K-478.87	Đồng Nai	1586	49A-666.11	Lâm Đồng	2586	49A-651.65	Lâm Đồng	3586	60K-452.66	Đồng Nai
587	60K-479.19	Đồng Nai	1587	49A-670.86	Lâm Đồng	2587	49A-653.55	Lâm Đồng	3587	60K-462.18	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
588	60K-479.65	Đồng Nai	1588	49A-671.29	Lâm Đồng	2588	49A-654.39	Lâm Đồng	3588	60K-462.44	Đồng Nai
589	60K-481.96	Đồng Nai	1589	49A-671.83	Lâm Đồng	2589	49A-655.83	Lâm Đồng	3589	60K-462.66	Đồng Nai
590	60K-482.58	Đồng Nai	1590	49A-672.08	Lâm Đồng	2590	49A-656.55	Lâm Đồng	3590	60K-462.86	Đồng Nai
591	60K-482.98	Đồng Nai	1591	49C-340.69	Lâm Đồng	2591	49A-657.56	Lâm Đồng	3591	60K-465.18	Đồng Nai
592	60K-483.39	Đồng Nai	1592	49C-343.26	Lâm Đồng	2592	49A-659.79	Lâm Đồng	3592	60K-465.36	Đồng Nai
593	60K-484.26	Đồng Nai	1593	49C-343.44	Lâm Đồng	2593	49A-661.08	Lâm Đồng	3593	60K-465.58	Đồng Nai
594	60K-486.08	Đồng Nai	1594	49C-344.16	Lâm Đồng	2594	49A-661.62	Lâm Đồng	3594	60K-467.00	Đồng Nai
595	60K-486.48	Đồng Nai	1595	49C-349.36	Lâm Đồng	2595	49A-661.66	Lâm Đồng	3595	60K-468.09	Đồng Nai
596	60K-486.65	Đồng Nai	1596	49C-350.59	Lâm Đồng	2596	49A-662.79	Lâm Đồng	3596	60K-472.19	Đồng Nai
597	60K-487.83	Đồng Nai	1597	49C-350.85	Lâm Đồng	2597	49A-671.56	Lâm Đồng	3597	60K-473.00	Đồng Nai
598	60K-487.89	Đồng Nai	1598	51D-951.58	Hồ Chí Minh	2598	49A-672.65	Lâm Đồng	3598	60K-473.29	Đồng Nai
599	60K-488.69	Đồng Nai	1599	51D-954.56	Hồ Chí Minh	2599	49C-342.39	Lâm Đồng	3599	60K-476.69	Đồng Nai
600	60K-492.38	Đồng Nai	1600	60C-704.26	Đồng Nai	2600	49C-344.55	Lâm Đồng	3600	60K-477.29	Đồng Nai
601	61C-557.99	Bình Dương	1601	60C-707.79	Đồng Nai	2601	49C-346.38	Lâm Đồng	3601	60K-477.59	Đồng Nai
602	61C-560.38	Bình Dương	1602	60C-709.56	Đồng Nai	2602	49C-348.58	Lâm Đồng	3602	60K-479.11	Đồng Nai
603	61C-565.38	Bình Dương	1603	60C-711.66	Đồng Nai	2603	49C-348.79	Lâm Đồng	3603	60K-479.83	Đồng Nai
604	61C-566.55	Bình Dương	1604	60C-711.83	Đồng Nai	2604	49C-349.85	Lâm Đồng	3604	60K-481.09	Đồng Nai
605	61C-567.58	Bình Dương	1605	60K-430.03	Đồng Nai	2605	49C-350.25	Lâm Đồng	3605	60K-483.11	Đồng Nai
606	61C-568.56	Bình Dương	1606	60K-430.66	Đồng Nai	2606	49C-350.44	Lâm Đồng	3606	60K-484.16	Đồng Nai
607	61C-570.18	Bình Dương	1607	60K-433.11	Đồng Nai	2607	51D-956.26	Hồ Chí Minh	3607	60K-485.19	Đồng Nai
608	61C-570.99	Bình Dương	1608	60K-436.66	Đồng Nai	2608	60C-697.97	Đồng Nai	3608	60K-488.25	Đồng Nai
609	61C-571.85	Bình Dương	1609	60K-441.66	Đồng Nai	2609	60C-700.66	Đồng Nai	3609	60K-491.36	Đồng Nai
610	61K-327.68	Bình Dương	1610	60K-451.26	Đồng Nai	2610	60C-700.79	Đồng Nai	3610	60K-491.88	Đồng Nai
611	61K-337.69	Bình Dương	1611	60K-452.08	Đồng Nai	2611	60C-704.16	Đồng Nai	3611	60K-494.39	Đồng Nai
612	61K-341.86	Bình Dương	1612	60K-462.59	Đồng Nai	2612	60C-707.55	Đồng Nai	3612	61C-557.86	Bình Dương
613	61K-342.88	Bình Dương	1613	60K-470.18	Đồng Nai	2613	60C-711.15	Đồng Nai	3613	61C-558.79	Bình Dương
614	61K-345.45	Bình Dương	1614	60K-470.71	Đồng Nai	2614	60C-711.35	Đồng Nai	3614	61C-562.26	Bình Dương
615	61K-350.77	Bình Dương	1615	60K-471.11	Đồng Nai	2615	60K-431.66	Đồng Nai	3615	61C-565.22	Bình Dương
616	61K-351.15	Bình Dương	1616	60K-472.73	Đồng Nai	2616	60K-432.79	Đồng Nai	3616	61C-565.39	Bình Dương
617	61K-352.52	Bình Dương	1617	60K-474.15	Đồng Nai	2617	60K-437.88	Đồng Nai	3617	61C-570.19	Bình Dương
618	61K-357.92	Bình Dương	1618	60K-474.96	Đồng Nai	2618	60K-444.48	Đồng Nai	3618	61C-571.71	Bình Dương
619	61K-358.99	Bình Dương	1619	60K-475.56	Đồng Nai	2619	60K-444.89	Đồng Nai	3619	61C-572.66	Bình Dương
620	61K-363.95	Bình Dương	1620	60K-475.69	Đồng Nai	2620	60K-445.68	Đồng Nai	3620	61K-337.73	Bình Dương
621	61K-364.77	Bình Dương	1621	60K-475.86	Đồng Nai	2621	60K-458.26	Đồng Nai	3621	61K-356.19	Bình Dương
622	61K-365.00	Bình Dương	1622	60K-477.95	Đồng Nai	2622	60K-461.06	Đồng Nai	3622	61K-358.35	Bình Dương
623	61K-367.33	Bình Dương	1623	60K-478.19	Đồng Nai	2623	60K-469.39	Đồng Nai	3623	61K-358.83	Bình Dương
624	61K-367.79	Bình Dương	1624	60K-484.33	Đồng Nai	2624	60K-470.28	Đồng Nai	3624	61K-361.25	Bình Dương
625	61K-372.88	Bình Dương	1625	60K-490.56	Đồng Nai	2625	60K-471.22	Đồng Nai	3625	61K-361.26	Bình Dương
626	61K-374.96	Bình Dương	1626	60K-492.25	Đồng Nai	2626	60K-471.69	Đồng Nai	3626	61K-362.56	Bình Dương
627	61K-378.28	Bình Dương	1627	60K-493.25	Đồng Nai	2627	60K-473.06	Đồng Nai	3627	61K-362.69	Bình Dương
628	61K-379.28	Bình Dương	1628	60K-494.11	Đồng Nai	2628	60K-476.16	Đồng Nai	3628	61K-362.85	Bình Dương
629	61K-379.85	Bình Dương	1629	60K-495.77	Đồng Nai	2629	60K-477.09	Đồng Nai	3629	61K-369.39	Bình Dương
630	61K-381.15	Bình Dương	1630	61C-562.36	Bình Dương	2630	60K-480.16	Đồng Nai	3630	61K-369.77	Bình Dương
631	61K-384.98	Bình Dương	1631	61C-562.69	Bình Dương	2631	60K-480.56	Đồng Nai	3631	61K-371.59	Bình Dương
632	61K-387.28	Bình Dương	1632	61C-564.77	Bình Dương	2632	60K-482.18	Đồng Nai	3632	61K-373.11	Bình Dương
633	61K-391.00	Bình Dương	1633	61C-565.69	Bình Dương	2633	60K-486.29	Đồng Nai	3633	61K-374.36	Bình Dương
634	61K-392.38	Bình Dương	1634	61C-566.79	Bình Dương	2634	60K-487.69	Đồng Nai	3634	61K-375.06	Bình Dương
635	61K-397.69	Bình Dương	1635	61C-567.69	Bình Dương	2635	60K-490.09	Đồng Nai	3635	61K-375.89	Bình Dương
636	62A-383.68	Long An	1636	61K-316.99	Bình Dương	2636	60K-492.56	Đồng Nai	3636	61K-377.28	Bình Dương
637	62A-384.88	Long An	1637	61K-321.39	Bình Dương	2637	60K-492.79	Đồng Nai	3637	61K-377.39	Bình Dương
638	62A-385.66	Long An	1638	61K-321.69	Bình Dương	2638	60K-492.86	Đồng Nai	3638	61K-378.06	Bình Dương
639	62A-390.68	Long An	1639	61K-335.39	Bình Dương	2639	60K-494.22	Đồng Nai	3639	61K-378.18	Bình Dương
640	62A-390.88	Long An	1640	61K-336.79	Bình Dương	2640	60K-494.36	Đồng Nai	3640	61K-380.66	Bình Dương
641	62A-394.99	Long An	1641	61K-336.89	Bình Dương	2641	60K-495.33	Đồng Nai	3641	61K-385.11	Bình Dương
642	62A-396.59	Long An	1642	61K-352.25	Bình Dương	2642	60K-496.18	Đồng Nai	3642	61K-385.95	Bình Dương
643	62A-400.66	Long An	1643	61K-354.18	Bình Dương	2643	60K-496.26	Đồng Nai	3643	61K-386.11	Bình Dương
644	62A-401.01	Long An	1644	61K-355.83	Bình Dương	2644	61C-555.99	Bình Dương	3644	61K-390.00	Bình Dương
645	62A-403.26	Long An	1645	61K-356.63	Bình Dương	2645	61C-563.06	Bình Dương	3645	61K-391.93	Bình Dương
646	62A-404.65	Long An	1646	61K-356.89	Bình Dương	2646	61C-572.36	Bình Dương	3646	61K-394.85	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
647	62A-406.06	Long An	1647	61K-357.88	Bình Dương	2647	61K-317.88	Bình Dương	3647	61K-397.44	Bình Dương
648	62A-407.15	Long An	1648	61K-358.26	Bình Dương	2648	61K-326.89	Bình Dương	3648	62A-384.86	Long An
649	62A-407.35	Long An	1649	61K-360.38	Bình Dương	2649	61K-330.66	Bình Dương	3649	62A-396.82	Long An
650	62A-408.06	Long An	1650	61K-361.66	Bình Dương	2650	61K-332.99	Bình Dương	3650	62A-398.77	Long An
651	62A-408.08	Long An	1651	61K-364.26	Bình Dương	2651	61K-351.56	Bình Dương	3651	62A-399.06	Long An
652	62A-410.26	Long An	1652	61K-366.26	Bình Dương	2652	61K-357.22	Bình Dương	3652	62A-400.25	Long An
653	62A-412.96	Long An	1653	61K-366.35	Bình Dương	2653	61K-357.68	Bình Dương	3653	62A-401.09	Long An
654	62A-413.44	Long An	1654	61K-369.15	Bình Dương	2654	61K-357.98	Bình Dương	3654	62A-401.15	Long An
655	62A-414.29	Long An	1655	61K-371.39	Bình Dương	2655	61K-358.18	Bình Dương	3655	62A-402.25	Long An
656	62A-418.08	Long An	1656	61K-372.15	Bình Dương	2656	61K-360.60	Bình Dương	3656	62A-403.22	Long An
657	62A-419.15	Long An	1657	61K-373.16	Bình Dương	2657	61K-362.08	Bình Dương	3657	62A-403.66	Long An
658	62A-419.66	Long An	1658	61K-376.55	Bình Dương	2658	61K-363.89	Bình Dương	3658	62A-404.25	Long An
659	62A-420.00	Long An	1659	61K-376.98	Bình Dương	2659	61K-367.19	Bình Dương	3659	62A-404.85	Long An
660	62A-420.06	Long An	1660	61K-378.87	Bình Dương	2660	61K-367.55	Bình Dương	3660	62A-404.89	Long An
661	62A-420.68	Long An	1661	61K-381.77	Bình Dương	2661	61K-367.76	Bình Dương	3661	62A-406.58	Long An
662	62A-421.26	Long An	1662	61K-381.96	Bình Dương	2662	61K-368.33	Bình Dương	3662	62A-408.40	Long An
663	62A-421.42	Long An	1663	61K-384.22	Bình Dương	2663	61K-370.55	Bình Dương	3663	62A-413.13	Long An
664	62C-189.39	Long An	1664	61K-384.44	Bình Dương	2664	61K-370.79	Bình Dương	3664	62A-415.56	Long An
665	62C-190.33	Long An	1665	61K-387.09	Bình Dương	2665	61K-370.86	Bình Dương	3665	62A-417.29	Long An
666	62C-190.66	Long An	1666	61K-391.69	Bình Dương	2666	61K-371.71	Bình Dương	3666	62A-419.36	Long An
667	62C-191.25	Long An	1667	61K-391.98	Bình Dương	2667	61K-374.86	Bình Dương	3667	62A-420.59	Long An
668	62C-192.99	Long An	1668	61K-392.79	Bình Dương	2668	61K-378.55	Bình Dương	3668	62C-188.66	Long An
669	63A-268.66	Tiền Giang	1669	61K-393.25	Bình Dương	2669	61K-380.00	Bình Dương	3669	62C-189.25	Long An
670	63A-276.16	Tiền Giang	1670	61K-395.44	Bình Dương	2670	61K-380.77	Bình Dương	3670	62C-190.06	Long An
671	63A-277.86	Tiền Giang	1671	61K-395.86	Bình Dương	2671	61K-381.11	Bình Dương	3671	62C-190.58	Long An
672	63A-282.38	Tiền Giang	1672	61K-397.59	Bình Dương	2672	61K-382.89	Bình Dương	3672	62C-193.06	Long An
673	63A-282.58	Tiền Giang	1673	62A-391.89	Long An	2673	61K-383.15	Bình Dương	3673	63A-277.78	Tiền Giang
674	63A-282.83	Tiền Giang	1674	62A-395.88	Long An	2674	61K-388.36	Bình Dương	3674	63A-278.22	Tiền Giang
675	63A-283.58	Tiền Giang	1675	62A-399.08	Long An	2675	61K-390.22	Bình Dương	3675	63A-278.95	Tiền Giang
676	63A-284.08	Tiền Giang	1676	62A-402.35	Long An	2676	61K-392.89	Bình Dương	3676	63A-284.39	Tiền Giang
677	63A-284.88	Tiền Giang	1677	62A-402.40	Long An	2677	61K-395.22	Bình Dương	3677	63A-284.55	Tiền Giang
678	63A-284.96	Tiền Giang	1678	62A-404.35	Long An	2678	61K-396.19	Bình Dương	3678	63A-288.33	Tiền Giang
679	63A-287.79	Tiền Giang	1679	62A-404.69	Long An	2679	61K-396.86	Bình Dương	3679	63A-291.33	Tiền Giang
680	63A-288.55	Tiền Giang	1680	62A-405.58	Long An	2680	62A-381.39	Long An	3680	63A-291.85	Tiền Giang
681	63A-291.66	Tiền Giang	1681	62A-406.36	Long An	2681	62A-394.79	Long An	3681	63A-292.22	Tiền Giang
682	63A-291.96	Tiền Giang	1682	62A-406.98	Long An	2682	62A-396.08	Long An	3682	63A-294.55	Tiền Giang
683	63A-292.58	Tiền Giang	1683	62A-407.95	Long An	2683	62A-398.44	Long An	3683	63A-294.77	Tiền Giang
684	63C-205.44	Tiền Giang	1684	62A-409.58	Long An	2684	62A-404.44	Long An	3684	63A-294.85	Tiền Giang
685	63C-207.88	Tiền Giang	1685	62A-409.86	Long An	2685	62A-405.28	Long An	3685	63C-202.29	Tiền Giang
686	63C-208.16	Tiền Giang	1686	62A-410.29	Long An	2686	62A-405.95	Long An	3686	63C-207.16	Tiền Giang
687	63C-208.69	Tiền Giang	1687	62A-410.39	Long An	2687	62A-406.15	Long An	3687	63C-207.66	Tiền Giang
688	63C-209.25	Tiền Giang	1688	62A-411.66	Long An	2688	62A-407.77	Long An	3688	63C-208.22	Tiền Giang
689	64A-174.09	Vĩnh Long	1689	62A-411.86	Long An	2689	62A-409.26	Long An	3689	64A-174.79	Vĩnh Long
690	64A-174.36	Vĩnh Long	1690	62A-412.98	Long An	2690	62A-410.85	Long An	3690	64A-175.95	Vĩnh Long
691	64A-175.26	Vĩnh Long	1691	62A-414.22	Long An	2691	62A-412.77	Long An	3691	64A-176.76	Vĩnh Long
692	64A-175.29	Vĩnh Long	1692	62A-414.65	Long An	2692	62A-412.89	Long An	3692	64A-177.16	Vĩnh Long
693	64A-175.55	Vĩnh Long	1693	62A-414.69	Long An	2693	62A-413.14	Long An	3693	64A-177.85	Vĩnh Long
694	64A-178.55	Vĩnh Long	1694	62A-418.96	Long An	2694	62A-415.28	Long An	3694	64A-177.89	Vĩnh Long
695	64A-180.06	Vĩnh Long	1695	62A-421.24	Long An	2695	62A-416.33	Long An	3695	64A-178.38	Vĩnh Long
696	64A-180.15	Vĩnh Long	1696	62C-190.22	Long An	2696	62A-417.09	Long An	3696	64A-180.44	Vĩnh Long
697	64A-182.28	Vĩnh Long	1697	62C-192.88	Long An	2697	62A-418.65	Long An	3697	64A-180.86	Vĩnh Long
698	64A-183.33	Vĩnh Long	1698	62C-193.18	Long An	2698	62A-420.86	Long An	3698	64A-181.06	Vĩnh Long
699	64A-184.08	Vĩnh Long	1699	62C-193.39	Long An	2699	62C-189.16	Long An	3699	64A-182.00	Vĩnh Long
700	64C-110.69	Vĩnh Long	1700	62C-195.15	Long An	2700	62C-194.36	Long An	3700	64A-182.83	Vĩnh Long
701	64C-112.26	Vĩnh Long	1701	63A-274.86	Tiền Giang	2701	62C-194.88	Long An	3701	64A-183.38	Vĩnh Long
702	65A-421.38	Cần Thơ	1702	63A-277.83	Tiền Giang	2702	63A-273.68	Tiền Giang	3702	64A-183.68	Vĩnh Long
703	65A-429.36	Cần Thơ	1703	63A-279.97	Tiền Giang	2703	63A-280.19	Tiền Giang	3703	64C-111.15	Vĩnh Long
704	65A-432.32	Cần Thơ	1704	63A-280.00	Tiền Giang	2704	63A-280.56	Tiền Giang	3704	64C-112.56	Vĩnh Long
705	66A-247.47	Đồng Tháp	1705	63A-281.35	Tiền Giang	2705	63A-281.09	Tiền Giang	3705	64C-112.66	Vĩnh Long

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
706	66A-248.89	Đồng Tháp	1706	63A-283.15	Tiền Giang	2706	63A-283.26	Tiền Giang	3706	64C-113.13	Vĩnh Long
707	66A-248.96	Đồng Tháp	1707	63A-283.65	Tiền Giang	2707	63A-287.85	Tiền Giang	3707	64C-113.19	Vĩnh Long
708	66A-248.99	Đồng Tháp	1708	63A-289.68	Tiền Giang	2708	63A-291.55	Tiền Giang	3708	64C-114.39	Vĩnh Long
709	66A-250.00	Đồng Tháp	1709	63A-290.98	Tiền Giang	2709	63A-291.58	Tiền Giang	3709	65A-411.44	Cần Thơ
710	66A-250.08	Đồng Tháp	1710	63A-291.11	Tiền Giang	2710	63A-291.68	Tiền Giang	3710	65A-414.66	Cần Thơ
711	66A-250.22	Đồng Tháp	1711	63A-291.26	Tiền Giang	2711	63A-291.95	Tiền Giang	3711	65A-415.11	Cần Thơ
712	66A-251.18	Đồng Tháp	1712	63A-293.77	Tiền Giang	2712	63A-293.65	Tiền Giang	3712	65A-416.59	Cần Thơ
713	66A-253.09	Đồng Tháp	1713	63A-294.59	Tiền Giang	2713	63A-294.89	Tiền Giang	3713	65A-422.09	Cần Thơ
714	66A-256.52	Đồng Tháp	1714	63C-202.16	Tiền Giang	2714	63B-029.55	Tiền Giang	3714	65A-425.56	Cần Thơ
715	66A-256.55	Đồng Tháp	1715	63C-205.88	Tiền Giang	2715	63C-202.55	Tiền Giang	3715	65A-425.77	Cần Thơ
716	66A-257.83	Đồng Tháp	1716	63C-209.22	Tiền Giang	2716	64A-175.66	Vĩnh Long	3716	65A-427.85	Cần Thơ
717	66A-261.58	Đồng Tháp	1717	63D-008.38	Tiền Giang	2717	64A-176.86	Vĩnh Long	3717	65C-210.68	Cần Thơ
718	66A-261.85	Đồng Tháp	1718	64A-175.58	Vĩnh Long	2718	64A-177.39	Vĩnh Long	3718	66A-245.66	Đồng Tháp
719	66A-264.46	Đồng Tháp	1719	64A-177.55	Vĩnh Long	2719	64A-180.29	Vĩnh Long	3719	66A-249.08	Đồng Tháp
720	66C-165.26	Đồng Tháp	1720	64A-180.83	Vĩnh Long	2720	64A-182.15	Vĩnh Long	3720	66A-250.15	Đồng Tháp
721	66C-165.96	Đồng Tháp	1721	64A-183.81	Vĩnh Long	2721	64A-183.66	Vĩnh Long	3721	66A-250.83	Đồng Tháp
722	66C-166.58	Đồng Tháp	1722	64C-111.47	Vĩnh Long	2722	64A-184.18	Vĩnh Long	3722	66A-252.69	Đồng Tháp
723	66C-168.58	Đồng Tháp	1723	64C-111.55	Vĩnh Long	2723	64A-184.28	Vĩnh Long	3723	66A-255.26	Đồng Tháp
724	66C-168.77	Đồng Tháp	1724	64C-114.29	Vĩnh Long	2724	64B-013.16	Vĩnh Long	3724	66A-255.65	Đồng Tháp
725	66C-169.33	Đồng Tháp	1725	65A-420.66	Cần Thơ	2725	64C-111.14	Vĩnh Long	3725	66A-260.60	Đồng Tháp
726	67A-282.85	An Giang	1726	65A-422.85	Cần Thơ	2726	64C-113.00	Vĩnh Long	3726	66A-262.39	Đồng Tháp
727	67A-283.88	An Giang	1727	65A-425.26	Cần Thơ	2727	65A-419.08	Cần Thơ	3727	66A-262.77	Đồng Tháp
728	67A-286.55	An Giang	1728	65A-426.39	Cần Thơ	2728	65A-425.99	Cần Thơ	3728	66A-264.65	Đồng Tháp
729	67A-286.66	An Giang	1729	65C-209.79	Cần Thơ	2729	65A-426.62	Cần Thơ	3729	66C-164.69	Đồng Tháp
730	67A-288.38	An Giang	1730	66A-248.18	Đồng Tháp	2730	65A-427.36	Cần Thơ	3730	66C-165.15	Đồng Tháp
731	67A-290.00	An Giang	1731	66A-249.36	Đồng Tháp	2731	65A-430.89	Cần Thơ	3731	66C-167.19	Đồng Tháp
732	67A-293.25	An Giang	1732	66A-250.39	Đồng Tháp	2732	65A-434.39	Cần Thơ	3732	66C-169.77	Đồng Tháp
733	67A-293.69	An Giang	1733	66A-251.00	Đồng Tháp	2733	65C-208.99	Cần Thơ	3733	67A-280.68	An Giang
734	67A-295.18	An Giang	1734	66A-251.35	Đồng Tháp	2734	65C-211.58	Cần Thơ	3734	67A-284.56	An Giang
735	67A-296.58	An Giang	1735	66A-251.44	Đồng Tháp	2735	66A-247.99	Đồng Tháp	3735	67A-287.85	An Giang
736	67A-298.28	An Giang	1736	66A-254.16	Đồng Tháp	2736	66A-248.22	Đồng Tháp	3736	67A-287.88	An Giang
737	67A-298.29	An Giang	1737	66A-254.22	Đồng Tháp	2737	66A-249.33	Đồng Tháp	3737	67A-290.35	An Giang
738	67A-298.39	An Giang	1738	66A-256.09	Đồng Tháp	2738	66A-250.26	Đồng Tháp	3738	67A-292.33	An Giang
739	67A-300.99	An Giang	1739	66A-260.38	Đồng Tháp	2739	66A-252.95	Đồng Tháp	3739	67A-293.28	An Giang
740	67C-168.86	An Giang	1740	66A-260.99	Đồng Tháp	2740	66A-255.88	Đồng Tháp	3740	67A-294.29	An Giang
741	67C-169.79	An Giang	1741	66A-264.22	Đồng Tháp	2741	66A-257.99	Đồng Tháp	3741	67A-294.86	An Giang
742	67C-173.35	An Giang	1742	66A-265.38	Đồng Tháp	2742	66A-260.44	Đồng Tháp	3742	67A-295.92	An Giang
743	67C-173.39	An Giang	1743	66C-161.89	Đồng Tháp	2743	66A-262.58	Đồng Tháp	3743	67A-297.56	An Giang
744	67C-174.09	An Giang	1744	66C-165.55	Đồng Tháp	2744	66A-264.77	Đồng Tháp	3744	67A-299.22	An Giang
745	67C-174.66	An Giang	1745	66C-166.89	Đồng Tháp	2745	66A-264.98	Đồng Tháp	3745	67A-300.25	An Giang
746	68A-310.69	Kiên Giang	1746	66C-168.98	Đồng Tháp	2746	66A-265.68	Đồng Tháp	3746	67A-300.26	An Giang
747	68A-311.59	Kiên Giang	1747	66C-169.06	Đồng Tháp	2747	66A-265.69	Đồng Tháp	3747	67C-172.58	An Giang
748	68A-312.89	Kiên Giang	1748	66D-008.56	Đồng Tháp	2748	66C-161.88	Đồng Tháp	3748	67C-172.66	An Giang
749	68A-315.89	Kiên Giang	1749	67A-281.55	An Giang	2749	66C-165.86	Đồng Tháp	3749	67C-174.77	An Giang
750	68A-318.16	Kiên Giang	1750	67A-283.55	An Giang	2750	67A-284.58	An Giang	3750	68A-311.55	Kiên Giang
751	68A-318.33	Kiên Giang	1751	67A-284.16	An Giang	2751	67A-287.29	An Giang	3751	68A-314.08	Kiên Giang
752	68A-319.55	Kiên Giang	1752	67A-284.28	An Giang	2752	67A-289.83	An Giang	3752	68A-317.89	Kiên Giang
753	68A-320.04	Kiên Giang	1753	67A-289.56	An Giang	2753	67A-291.38	An Giang	3753	68A-319.65	Kiên Giang
754	68A-323.29	Kiên Giang	1754	67A-292.15	An Giang	2754	67A-291.98	An Giang	3754	68A-320.02	Kiên Giang
755	68A-323.79	Kiên Giang	1755	67A-301.11	An Giang	2755	67A-292.38	An Giang	3755	68A-321.69	Kiên Giang
756	68A-326.56	Kiên Giang	1756	67A-301.28	An Giang	2756	67A-294.65	An Giang	3756	68A-326.44	Kiên Giang
757	68A-328.55	Kiên Giang	1757	67C-169.38	An Giang	2757	67A-295.19	An Giang	3757	68A-326.77	Kiên Giang
758	68A-329.33	Kiên Giang	1758	67C-174.79	An Giang	2758	67A-296.44	An Giang	3758	68A-327.44	Kiên Giang
759	68C-164.69	Kiên Giang	1759	68A-309.66	Kiên Giang	2759	67A-298.00	An Giang	3759	68A-328.56	Kiên Giang
760	68C-165.18	Kiên Giang	1760	68A-311.88	Kiên Giang	2760	67A-300.09	An Giang	3760	68A-329.69	Kiên Giang
761	69A-147.47	Cà Mau	1761	68A-312.59	Kiên Giang	2761	67A-300.86	An Giang	3761	68C-163.55	Kiên Giang
762	69A-148.00	Cà Mau	1762	68A-317.86	Kiên Giang	2762	67C-172.99	An Giang	3762	68C-164.16	Kiên Giang
763	69A-152.26	Cà Mau	1763	68A-319.09	Kiên Giang	2763	67C-174.08	An Giang	3763	68C-166.11	Kiên Giang
764	69A-153.54	Cà Mau	1764	68A-319.18	Kiên Giang	2764	67C-174.16	An Giang	3764	68C-166.36	Kiên Giang

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
765	69A-154.22	Cà Mau	1765	68A-321.29	Kiên Giang	2765	68A-312.26	Kiên Giang	3765	69A-149.55	Cà Mau
766	69C-096.29	Cà Mau	1766	68A-324.06	Kiên Giang	2766	68A-316.06	Kiên Giang	3766	69A-150.11	Cà Mau
767	70A-495.33	Tây Ninh	1767	68A-324.11	Kiên Giang	2767	68A-324.16	Kiên Giang	3767	69A-150.25	Cà Mau
768	70A-497.58	Tây Ninh	1768	68A-325.77	Kiên Giang	2768	68A-324.86	Kiên Giang	3768	69A-152.83	Cà Mau
769	70A-504.09	Tây Ninh	1769	68A-330.18	Kiên Giang	2769	68A-325.86	Kiên Giang	3769	69A-154.45	Cà Mau
770	70A-505.50	Tây Ninh	1770	68C-163.19	Kiên Giang	2770	68A-327.28	Kiên Giang	3770	69C-094.08	Cà Mau
771	70A-507.09	Tây Ninh	1771	68C-163.99	Kiên Giang	2771	68A-328.77	Kiên Giang	3771	69C-094.69	Cà Mau
772	70A-507.28	Tây Ninh	1772	68C-165.69	Kiên Giang	2772	68C-162.39	Kiên Giang	3772	69C-096.28	Cà Mau
773	70A-510.82	Tây Ninh	1773	69A-147.99	Cà Mau	2773	68C-162.85	Kiên Giang	3773	70A-491.39	Tây Ninh
774	70A-511.96	Tây Ninh	1774	69A-148.22	Cà Mau	2774	68C-164.06	Kiên Giang	3774	70A-495.89	Tây Ninh
775	70A-512.21	Tây Ninh	1775	69A-149.79	Cà Mau	2775	69A-146.99	Cà Mau	3775	70A-500.66	Tây Ninh
776	70A-512.59	Tây Ninh	1776	69A-155.99	Cà Mau	2776	69A-148.33	Cà Mau	3776	70A-502.06	Tây Ninh
777	70A-513.38	Tây Ninh	1777	69C-093.39	Cà Mau	2777	69A-150.89	Cà Mau	3777	70A-505.08	Tây Ninh
778	70A-513.88	Tây Ninh	1778	69C-096.58	Cà Mau	2778	69A-151.11	Cà Mau	3778	70A-507.50	Tây Ninh
779	70A-514.33	Tây Ninh	1779	70A-488.66	Tây Ninh	2779	69A-151.38	Cà Mau	3779	70A-509.55	Tây Ninh
780	70A-519.66	Tây Ninh	1780	70A-493.38	Tây Ninh	2780	69A-153.15	Cà Mau	3780	70A-510.66	Tây Ninh
781	70A-519.70	Tây Ninh	1781	70A-499.18	Tây Ninh	2781	69A-153.22	Cà Mau	3781	70A-512.15	Tây Ninh
782	70A-521.99	Tây Ninh	1782	70A-500.56	Tây Ninh	2782	69A-155.68	Cà Mau	3782	70A-513.28	Tây Ninh
783	70C-192.89	Tây Ninh	1783	70A-505.16	Tây Ninh	2783	69A-155.83	Cà Mau	3783	70A-513.98	Tây Ninh
784	70C-197.22	Tây Ninh	1784	70A-507.19	Tây Ninh	2784	69A-156.58	Cà Mau	3784	70A-514.55	Tây Ninh
785	71A-185.29	Bến Tre	1785	70A-507.58	Tây Ninh	2785	69A-156.79	Cà Mau	3785	70A-515.88	Tây Ninh
786	71A-187.00	Bến Tre	1786	70A-510.39	Tây Ninh	2786	69C-094.39	Cà Mau	3786	70A-516.59	Tây Ninh
787	71A-187.26	Bến Tre	1787	70A-516.18	Tây Ninh	2787	69C-094.66	Cà Mau	3787	70A-518.29	Tây Ninh
788	71A-187.56	Bến Tre	1788	70A-517.16	Tây Ninh	2788	69C-095.58	Cà Mau	3788	70A-519.90	Tây Ninh
789	71A-188.22	Bến Tre	1789	70A-517.18	Tây Ninh	2789	70A-492.89	Tây Ninh	3789	70A-519.98	Tây Ninh
790	71A-188.38	Bến Tre	1790	70A-517.68	Tây Ninh	2790	70A-496.68	Tây Ninh	3790	70A-521.86	Tây Ninh
791	71A-191.18	Bến Tre	1791	70A-520.58	Tây Ninh	2791	70A-496.86	Tây Ninh	3791	70C-195.88	Tây Ninh
792	71A-192.00	Bến Tre	1792	70C-197.18	Tây Ninh	2792	70A-497.79	Tây Ninh	3792	71A-182.18	Bến Tre
793	71C-119.79	Bến Tre	1793	71A-182.66	Bến Tre	2793	70A-497.99	Tây Ninh	3793	71A-184.86	Bến Tre
794	71C-122.55	Bến Tre	1794	71A-184.68	Bến Tre	2794	70A-506.26	Tây Ninh	3794	71A-185.35	Bến Tre
795	71C-122.88	Bến Tre	1795	71A-185.59	Bến Tre	2795	70A-506.33	Tây Ninh	3795	71A-186.56	Bến Tre
796	72A-748.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	1796	71A-185.96	Bến Tre	2796	70A-507.99	Tây Ninh	3796	71A-188.55	Bến Tre
797	72A-750.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	1797	71A-186.15	Bến Tre	2797	70A-509.88	Tây Ninh	3797	71A-192.58	Bến Tre
798	72A-752.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	1798	71A-187.16	Bến Tre	2798	70A-510.98	Tây Ninh	3798	72A-751.15	Bà Rịa - Vũng Tàu
799	72A-753.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	1799	71A-188.18	Bến Tre	2799	70A-511.95	Tây Ninh	3799	72A-751.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
800	72A-759.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	1800	71A-188.35	Bến Tre	2800	70A-512.86	Tây Ninh	3800	72A-751.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
801	72A-763.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	1801	71A-190.18	Bến Tre	2801	70A-513.66	Tây Ninh	3801	72A-753.15	Bà Rịa - Vũng Tàu
802	72A-769.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	1802	71A-190.83	Bến Tre	2802	70A-513.79	Tây Ninh	3802	72A-753.56	Bà Rịa - Vũng Tàu
803	72A-772.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	1803	71C-122.59	Bến Tre	2803	70A-515.06	Tây Ninh	3803	72A-759.75	Bà Rịa - Vũng Tàu
804	72A-773.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	1804	72A-748.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	2804	70A-516.55	Tây Ninh	3804	72A-764.15	Bà Rịa - Vũng Tàu
805	72A-773.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	1805	72A-748.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2805	70A-516.88	Tây Ninh	3805	72A-764.39	Bà Rịa - Vũng Tàu
806	72A-774.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	1806	72A-752.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2806	70A-517.38	Tây Ninh	3806	72A-764.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
807	72A-776.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	1807	72A-752.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	2807	70A-518.93	Tây Ninh	3807	72A-764.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
808	72A-776.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	1808	72A-754.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	2808	70A-518.98	Tây Ninh	3808	72A-766.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
809	72A-778.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	1809	72A-755.63	Bà Rịa - Vũng Tàu	2809	70A-519.09	Tây Ninh	3809	72A-768.38	Bà Rịa - Vũng Tàu
810	72A-783.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	1810	72A-759.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	2810	70A-520.18	Tây Ninh	3810	72A-769.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
811	72A-784.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	1811	72A-759.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2811	70A-522.36	Tây Ninh	3811	72A-773.96	Bà Rịa - Vũng Tàu
812	72C-221.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	1812	72A-760.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	2812	70C-191.89	Tây Ninh	3812	72A-783.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
813	72C-221.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	1813	72A-761.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	2813	70C-196.55	Tây Ninh	3813	72A-783.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
814	72C-224.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	1814	72A-762.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	2814	71A-181.55	Bến Tre	3814	72C-223.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
815	76A-285.68	Quảng Ngãi	1815	72A-763.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2815	71A-188.79	Bến Tre	3815	72C-226.56	Bà Rịa - Vũng Tàu
816	76A-286.65	Quảng Ngãi	1816	72A-764.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2816	71A-189.19	Bến Tre	3816	76A-289.08	Quảng Ngãi
817	76A-288.06	Quảng Ngãi	1817	72A-765.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2817	71A-190.15	Bến Tre	3817	76A-291.33	Quảng Ngãi
818	76A-288.77	Quảng Ngãi	1818	72A-767.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	2818	71A-191.39	Bến Tre	3818	76A-293.83	Quảng Ngãi
819	76A-289.16	Quảng Ngãi	1819	72A-768.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	2819	71A-192.22	Bến Tre	3819	76A-294.36	Quảng Ngãi
820	76A-289.29	Quảng Ngãi	1820	72A-770.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	2820	71A-192.25	Bến Tre	3820	76A-295.11	Quảng Ngãi
821	76A-289.85	Quảng Ngãi	1821	72A-771.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	2821	71C-123.15	Bến Tre	3821	76A-296.16	Quảng Ngãi
822	76A-294.19	Quảng Ngãi	1822	72A-771.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2822	72A-749.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	3822	76A-296.98	Quảng Ngãi
823	76A-294.65	Quảng Ngãi	1823	72A-772.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	2823	72A-751.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3823	76A-297.56	Quảng Ngãi

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
824	76A-295.26	Quảng Ngãi	1824	72A-776.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	2824	72A-754.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	3824	76A-297.69	Quảng Ngãi
825	76A-295.36	Quảng Ngãi	1825	72A-779.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2825	72A-755.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	3825	76A-298.08	Quảng Ngãi
826	76A-296.35	Quảng Ngãi	1826	72C-222.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	2826	72A-756.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3826	76A-299.00	Quảng Ngãi
827	76A-297.95	Quảng Ngãi	1827	72C-224.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	2827	72A-758.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3827	76C-162.39	Quảng Ngãi
828	76A-298.55	Quảng Ngãi	1828	72C-224.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2828	72A-760.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	3828	76C-164.79	Quảng Ngãi
829	76A-300.88	Quảng Ngãi	1829	72C-225.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	2829	72A-760.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	3829	76C-166.11	Quảng Ngãi
830	76C-161.88	Quảng Ngãi	1830	76A-286.88	Quảng Ngãi	2830	72A-762.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	3830	77A-304.68	Bình Định
831	76C-162.26	Quảng Ngãi	1831	76A-287.69	Quảng Ngãi	2831	72A-765.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	3831	77A-306.19	Bình Định
832	76C-166.22	Quảng Ngãi	1832	76A-295.79	Quảng Ngãi	2832	72A-766.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	3832	77A-306.26	Bình Định
833	76C-169.69	Quảng Ngãi	1833	76A-295.92	Quảng Ngãi	2833	72A-768.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	3833	77A-306.30	Bình Định
834	77A-303.29	Bình Định	1834	76A-298.00	Quảng Ngãi	2834	72A-769.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	3834	77A-306.33	Bình Định
835	77A-303.88	Bình Định	1835	76A-299.08	Quảng Ngãi	2835	72A-771.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	3835	77A-306.56	Bình Định
836	77A-303.96	Bình Định	1836	76C-162.89	Quảng Ngãi	2836	72A-772.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	3836	77A-306.98	Bình Định
837	77A-305.15	Bình Định	1837	76C-166.44	Quảng Ngãi	2837	72A-774.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	3837	77A-308.96	Bình Định
838	77A-308.77	Bình Định	1838	76C-170.59	Quảng Ngãi	2838	72A-775.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	3838	77A-309.44	Bình Định
839	77A-309.29	Bình Định	1839	76C-171.65	Quảng Ngãi	2839	72A-776.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	3839	77A-311.44	Bình Định
840	77A-311.88	Bình Định	1840	76C-171.85	Quảng Ngãi	2840	72A-777.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	3840	77A-311.69	Bình Định
841	77A-312.09	Bình Định	1841	76C-172.22	Quảng Ngãi	2841	72A-782.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	3841	77A-316.13	Bình Định
842	77A-315.28	Bình Định	1842	77A-299.68	Bình Định	2842	72C-222.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	3842	77C-242.56	Bình Định
843	77A-315.29	Bình Định	1843	77A-302.18	Bình Định	2843	72C-223.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	3843	77C-244.09	Bình Định
844	77A-316.09	Bình Định	1844	77A-302.55	Bình Định	2844	76A-290.39	Quảng Ngãi	3844	77C-244.36	Bình Định
845	77C-238.69	Bình Định	1845	77A-304.83	Bình Định	2845	76A-294.09	Quảng Ngãi	3845	77C-245.96	Bình Định
846	77C-242.06	Bình Định	1846	77A-308.29	Bình Định	2846	76A-294.56	Quảng Ngãi	3846	77C-245.99	Bình Định
847	77C-243.39	Bình Định	1847	77A-309.55	Bình Định	2847	76A-296.38	Quảng Ngãi	3847	77C-246.24	Bình Định
848	78A-186.25	Phú Yên	1848	77A-311.06	Bình Định	2848	76C-169.99	Quảng Ngãi	3848	78A-186.08	Phú Yên
849	78A-186.98	Phú Yên	1849	77A-311.33	Bình Định	2849	77A-300.65	Bình Định	3849	78A-186.56	Phú Yên
850	78A-187.15	Phú Yên	1850	77A-312.39	Bình Định	2850	77A-301.01	Bình Định	3850	78A-188.00	Phú Yên
851	79A-507.99	Khánh Hòa	1851	77A-312.96	Bình Định	2851	77A-301.96	Bình Định	3851	78A-188.11	Phú Yên
852	79A-509.06	Khánh Hòa	1852	77A-313.08	Bình Định	2852	77A-301.98	Bình Định	3852	78A-188.22	Phú Yên
853	79A-510.86	Khánh Hòa	1853	77A-314.38	Bình Định	2853	77A-303.33	Bình Định	3853	78A-194.94	Phú Yên
854	79A-511.12	Khánh Hòa	1854	77A-316.16	Bình Định	2854	77A-304.15	Bình Định	3854	78C-742.16	Phú Yên
855	79A-521.44	Khánh Hòa	1855	77A-317.00	Bình Định	2855	77A-306.65	Bình Định	3855	79A-509.65	Khánh Hòa
856	79A-522.59	Khánh Hòa	1856	77C-238.39	Bình Định	2856	77A-309.58	Bình Định	3856	79A-510.16	Khánh Hòa
857	79A-524.98	Khánh Hòa	1857	78A-184.58	Phú Yên	2857	77A-310.13	Bình Định	3857	79A-510.35	Khánh Hòa
858	81A-376.79	Gia Lai	1858	78A-185.25	Phú Yên	2858	77A-311.15	Bình Định	3858	79A-521.56	Khánh Hòa
859	81A-380.56	Gia Lai	1859	78A-186.39	Phú Yên	2859	77A-313.96	Bình Định	3859	79A-525.26	Khánh Hòa
860	81A-381.88	Gia Lai	1860	78C-742.19	Phú Yên	2860	77A-314.15	Bình Định	3860	81A-382.82	Gia Lai
861	81A-382.08	Gia Lai	1861	79A-508.68	Khánh Hòa	2861	77A-315.59	Bình Định	3861	81A-383.58	Gia Lai
862	81A-383.69	Gia Lai	1862	79A-509.85	Khánh Hòa	2862	77A-317.31	Bình Định	3862	81A-383.79	Gia Lai
863	81A-385.86	Gia Lai	1863	79A-511.58	Khánh Hòa	2863	77C-243.66	Bình Định	3863	81A-385.19	Gia Lai
864	81A-388.18	Gia Lai	1864	79A-522.06	Khánh Hòa	2864	77C-243.96	Bình Định	3864	81A-387.15	Gia Lai
865	81A-388.55	Gia Lai	1865	79A-523.15	Khánh Hòa	2865	78A-185.44	Phú Yên	3865	81A-388.83	Gia Lai
866	81A-388.97	Gia Lai	1866	79A-523.56	Khánh Hòa	2866	78A-186.29	Phú Yên	3866	81A-389.36	Gia Lai
867	81A-393.00	Gia Lai	1867	81A-380.22	Gia Lai	2867	78A-187.08	Phú Yên	3867	81A-390.25	Gia Lai
868	81A-393.25	Gia Lai	1868	81A-385.56	Gia Lai	2868	78A-187.55	Phú Yên	3868	81A-390.77	Gia Lai
869	81A-393.89	Gia Lai	1869	81A-389.95	Gia Lai	2869	78A-194.96	Phú Yên	3869	81A-391.56	Gia Lai
870	81A-393.96	Gia Lai	1870	81A-392.29	Gia Lai	2870	78A-195.85	Phú Yên	3870	81A-392.26	Gia Lai
871	81A-394.85	Gia Lai	1871	81A-392.62	Gia Lai	2871	79A-508.32	Khánh Hòa	3871	81A-392.96	Gia Lai
872	81A-398.26	Gia Lai	1872	81A-393.11	Gia Lai	2872	79A-509.86	Khánh Hòa	3872	81A-395.44	Gia Lai
873	81A-400.35	Gia Lai	1873	81A-395.95	Gia Lai	2873	81A-379.66	Gia Lai	3873	81A-398.39	Gia Lai
874	81A-401.65	Gia Lai	1874	81A-398.18	Gia Lai	2874	81A-382.39	Gia Lai	3874	81A-398.62	Gia Lai
875	81C-251.68	Gia Lai	1875	81A-399.08	Gia Lai	2875	81A-382.79	Gia Lai	3875	81A-398.65	Gia Lai
876	81C-252.79	Gia Lai	1876	81A-400.26	Gia Lai	2876	81A-384.18	Gia Lai	3876	81A-399.28	Gia Lai
877	81C-255.16	Gia Lai	1877	81A-402.55	Gia Lai	2877	81A-386.39	Gia Lai	3877	81A-399.66	Gia Lai
878	81C-255.98	Gia Lai	1878	81C-252.68	Gia Lai	2878	81A-387.85	Gia Lai	3878	81A-400.15	Gia Lai
879	81C-258.06	Gia Lai	1879	81C-255.29	Gia Lai	2879	81A-389.88	Gia Lai	3879	81A-400.65	Gia Lai
880	81C-260.83	Gia Lai	1880	81C-255.33	Gia Lai	2880	81A-391.36	Gia Lai	3880	81A-402.38	Gia Lai
881	81D-009.89	Gia Lai	1881	81C-255.36	Gia Lai	2881	81A-396.25	Gia Lai	3881	81C-258.59	Gia Lai
882	82A-139.22	Kon Tum	1882	81C-255.89	Gia Lai	2882	81A-398.56	Gia Lai	3882	81C-259.85	Gia Lai

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
883	82A-140.44	Kon Tum	1883	81C-257.26	Gia Lai	2883	81A-400.40	Gia Lai	3883	82A-128.89	Kon Tum
884	82A-141.18	Kon Tum	1884	81C-259.22	Gia Lai	2884	81A-401.56	Gia Lai	3884	82A-130.86	Kon Tum
885	82A-142.89	Kon Tum	1885	81C-260.25	Gia Lai	2885	81C-246.66	Gia Lai	3885	82A-130.88	Kon Tum
886	82A-144.95	Kon Tum	1886	81C-260.86	Gia Lai	2886	81C-251.39	Gia Lai	3886	82A-132.22	Kon Tum
887	82C-079.99	Kon Tum	1887	82A-127.69	Kon Tum	2887	81C-255.99	Gia Lai	3887	82A-134.79	Kon Tum
888	82C-083.86	Kon Tum	1888	82A-134.89	Kon Tum	2888	81C-256.38	Gia Lai	3888	82A-137.69	Kon Tum
889	82D-005.99	Kon Tum	1889	82A-142.22	Kon Tum	2889	81C-259.00	Gia Lai	3889	82A-139.88	Kon Tum
890	83A-167.66	Sóc Trăng	1890	82A-142.35	Kon Tum	2890	81C-260.08	Gia Lai	3890	82A-139.93	Kon Tum
891	83A-167.88	Sóc Trăng	1891	82A-142.55	Kon Tum	2891	82A-132.86	Kon Tum	3891	82A-140.00	Kon Tum
892	83A-168.98	Sóc Trăng	1892	82A-142.85	Kon Tum	2892	82A-136.68	Kon Tum	3892	82A-141.79	Kon Tum
893	83A-171.29	Sóc Trăng	1893	82C-079.88	Kon Tum	2893	82A-139.36	Kon Tum	3893	82A-142.96	Kon Tum
894	83A-172.26	Sóc Trăng	1894	82C-080.68	Kon Tum	2894	82A-140.59	Kon Tum	3894	82A-144.09	Kon Tum
895	83A-172.68	Sóc Trăng	1895	82C-085.89	Kon Tum	2895	82A-141.41	Kon Tum	3895	82A-145.38	Kon Tum
896	83A-174.38	Sóc Trăng	1896	82C-088.59	Kon Tum	2896	82A-142.65	Kon Tum	3896	83A-168.85	Sóc Trăng
897	83A-175.89	Sóc Trăng	1897	82C-089.59	Kon Tum	2897	82A-144.25	Kon Tum	3897	83A-172.58	Sóc Trăng
898	83C-122.69	Sóc Trăng	1898	83A-169.83	Sóc Trăng	2898	82C-082.68	Kon Tum	3898	83A-173.85	Sóc Trăng
899	84A-126.33	Trà Vinh	1899	83A-170.39	Sóc Trăng	2899	82C-084.79	Kon Tum	3899	83A-174.99	Sóc Trăng
900	84A-127.58	Trà Vinh	1900	83A-171.09	Sóc Trăng	2900	82C-085.55	Kon Tum	3900	83A-175.22	Sóc Trăng
901	84A-128.36	Trà Vinh	1901	83A-171.99	Sóc Trăng	2901	82C-086.69	Kon Tum	3901	83A-175.83	Sóc Trăng
902	84A-128.38	Trà Vinh	1902	83A-172.85	Sóc Trăng	2902	82C-088.38	Kon Tum	3902	83A-176.63	Sóc Trăng
903	84A-128.56	Trà Vinh	1903	83A-176.29	Sóc Trăng	2903	82C-089.77	Kon Tum	3903	83C-122.06	Sóc Trăng
904	84A-128.83	Trà Vinh	1904	83C-122.66	Sóc Trăng	2904	82D-006.99	Kon Tum	3904	83C-122.26	Sóc Trăng
905	84A-131.09	Trà Vinh	1905	84A-124.24	Trà Vinh	2905	83A-170.55	Sóc Trăng	3905	83C-122.33	Sóc Trăng
906	84C-112.88	Trà Vinh	1906	84A-126.56	Trà Vinh	2906	83A-174.56	Sóc Trăng	3906	83C-123.33	Sóc Trăng
907	84C-116.61	Trà Vinh	1907	84A-128.00	Trà Vinh	2907	83A-176.28	Sóc Trăng	3907	83C-123.69	Sóc Trăng
908	84C-116.79	Trà Vinh	1908	84A-132.55	Trà Vinh	2908	83A-176.88	Sóc Trăng	3908	83C-124.98	Sóc Trăng
909	84C-117.00	Trà Vinh	1909	84A-132.86	Trà Vinh	2909	83C-122.35	Sóc Trăng	3909	83C-125.35	Sóc Trăng
910	84C-118.36	Trà Vinh	1910	84A-133.11	Trà Vinh	2910	84A-125.86	Trà Vinh	3910	83C-125.36	Sóc Trăng
911	84D-001.68	Trà Vinh	1911	84A-133.82	Trà Vinh	2911	84A-127.25	Trà Vinh	3911	83D-004.68	Sóc Trăng
912	85A-132.19	Ninh Thuận	1912	84C-116.77	Trà Vinh	2912	84A-128.15	Trà Vinh	3912	84A-121.86	Trà Vinh
913	85A-133.13	Ninh Thuận	1913	84C-117.16	Trà Vinh	2913	84A-129.66	Trà Vinh	3913	84A-122.55	Trà Vinh
914	85A-133.18	Ninh Thuận	1914	84C-117.69	Trà Vinh	2914	84A-130.09	Trà Vinh	3914	84A-126.08	Trà Vinh
915	85A-133.55	Ninh Thuận	1915	84C-118.18	Trà Vinh	2915	84A-130.35	Trà Vinh	3915	84A-126.25	Trà Vinh
916	85A-133.77	Ninh Thuận	1916	85A-131.83	Ninh Thuận	2916	84A-132.77	Trà Vinh	3916	84A-129.95	Trà Vinh
917	86A-282.65	Bình Thuận	1917	85A-133.79	Ninh Thuận	2917	84A-132.79	Trà Vinh	3917	84A-131.16	Trà Vinh
918	86A-283.22	Bình Thuận	1918	85A-134.43	Ninh Thuận	2918	84A-133.15	Trà Vinh	3918	84A-132.96	Trà Vinh
919	86A-283.28	Bình Thuận	1919	86A-281.89	Bình Thuận	2919	85A-132.25	Ninh Thuận	3919	84A-133.55	Trà Vinh
920	86A-284.08	Bình Thuận	1920	86A-283.88	Bình Thuận	2920	85A-132.39	Ninh Thuận	3920	84A-133.98	Trà Vinh
921	86A-286.96	Bình Thuận	1921	86A-284.84	Bình Thuận	2921	85A-133.34	Ninh Thuận	3921	84C-116.36	Trà Vinh
922	86A-293.11	Bình Thuận	1922	86A-286.33	Bình Thuận	2922	85A-135.16	Ninh Thuận	3922	84C-117.35	Trà Vinh
923	86A-294.18	Bình Thuận	1923	86A-288.00	Bình Thuận	2923	86A-286.85	Bình Thuận	3923	84C-117.68	Trà Vinh
924	86A-296.11	Bình Thuận	1924	86A-288.81	Bình Thuận	2924	86A-289.66	Bình Thuận	3924	85A-131.38	Ninh Thuận
925	86C-191.44	Bình Thuận	1925	86A-288.95	Bình Thuận	2925	86A-291.06	Bình Thuận	3925	85A-135.77	Ninh Thuận
926	86C-193.16	Bình Thuận	1926	86A-289.88	Bình Thuận	2926	86A-291.91	Bình Thuận	3926	86A-281.88	Bình Thuận
927	89C-310.79	Hưng Yên	1927	86A-292.36	Bình Thuận	2927	86A-292.35	Bình Thuận	3927	86A-282.96	Bình Thuận
928	89C-312.12	Hưng Yên	1928	86A-292.86	Bình Thuận	2928	86A-296.58	Bình Thuận	3928	86A-283.38	Bình Thuận
929	89C-312.22	Hưng Yên	1929	86A-296.29	Bình Thuận	2929	86C-189.39	Bình Thuận	3929	86A-285.28	Bình Thuận
930	92A-395.95	Quảng Nam	1930	86A-296.36	Bình Thuận	2930	86C-190.68	Bình Thuận	3930	86A-288.58	Bình Thuận
931	92C-234.83	Quảng Nam	1931	86C-190.00	Bình Thuận	2931	86C-191.88	Bình Thuận	3931	86A-288.59	Bình Thuận
932	92C-235.32	Quảng Nam	1932	86C-191.00	Bình Thuận	2932	86C-192.08	Bình Thuận	3932	86A-289.11	Bình Thuận
933	92C-236.89	Quảng Nam	1933	86C-191.79	Bình Thuận	2933	86C-193.36	Bình Thuận	3933	86A-294.28	Bình Thuận
934	92C-238.32	Quảng Nam	1934	86C-193.58	Bình Thuận	2934	86C-194.15	Bình Thuận	3934	86A-296.00	Bình Thuận
935	92C-238.36	Quảng Nam	1935	86C-195.18	Bình Thuận	2935	89C-311.79	Hưng Yên	3935	86C-192.68	Bình Thuận
936	93A-439.56	Bình Phước	1936	89C-310.88	Hưng Yên	2936	92A-395.99	Quảng Nam	3936	86C-194.56	Bình Thuận
937	93A-440.66	Bình Phước	1937	89C-311.55	Hưng Yên	2937	92B-031.33	Quảng Nam	3937	86C-195.79	Bình Thuận
938	93A-444.27	Bình Phước	1938	89C-312.68	Hưng Yên	2938	92C-231.86	Quảng Nam	3938	86C-196.09	Bình Thuận
939	93A-445.99	Bình Phước	1939	92A-394.35	Quảng Nam	2939	92C-232.89	Quảng Nam	3939	86C-196.36	Bình Thuận
940	93A-446.28	Bình Phước	1940	92A-394.69	Quảng Nam	2940	92C-233.56	Quảng Nam	3940	92C-232.22	Quảng Nam
941	93A-449.00	Bình Phước	1941	92B-031.25	Quảng Nam	2941	92C-234.19	Quảng Nam	3941	92C-233.98	Quảng Nam

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
942	93A-449.83	Bình Phước	942	92C-233.69	Quảng Nam	2942	92C-235.09	Quảng Nam	3942	92C-234.06	Quảng Nam
943	93A-450.58	Bình Phước	943	92C-234.25	Quảng Nam	2943	92C-235.86	Quảng Nam	3943	92C-234.39	Quảng Nam
944	93A-451.44	Bình Phước	944	92C-234.89	Quảng Nam	2944	92C-236.15	Quảng Nam	3944	92C-235.11	Quảng Nam
945	93A-454.28	Bình Phước	945	92C-235.68	Quảng Nam	2945	92C-237.58	Quảng Nam	3945	92C-236.18	Quảng Nam
946	93A-455.29	Bình Phước	946	92C-238.06	Quảng Nam	2946	92C-238.65	Quảng Nam	3946	92C-238.95	Quảng Nam
947	93A-455.65	Bình Phước	947	92C-238.66	Quảng Nam	2947	92C-239.18	Quảng Nam	3947	93A-440.25	Bình Phước
948	93A-458.19	Bình Phước	948	93A-438.19	Bình Phước	2948	93A-438.08	Bình Phước	3948	93A-441.00	Bình Phước
949	93A-459.68	Bình Phước	949	93A-439.98	Bình Phước	2949	93A-438.82	Bình Phước	3949	93A-445.08	Bình Phước
950	93C-180.19	Bình Phước	950	93A-441.77	Bình Phước	2950	93A-438.85	Bình Phước	3950	93A-446.35	Bình Phước
951	93C-181.68	Bình Phước	951	93A-443.33	Bình Phước	2951	93A-439.09	Bình Phước	3951	93A-447.11	Bình Phước
952	93C-181.88	Bình Phước	952	93A-447.29	Bình Phước	2952	93A-440.39	Bình Phước	3952	93A-450.15	Bình Phước
953	93C-182.59	Bình Phước	953	93A-451.11	Bình Phước	2953	93A-442.22	Bình Phước	3953	93A-451.59	Bình Phước
954	93C-184.00	Bình Phước	954	93A-451.33	Bình Phước	2954	93A-444.36	Bình Phước	3954	93A-457.16	Bình Phước
955	94A-099.68	Bạc Liêu	955	93A-456.65	Bình Phước	2955	93A-447.22	Bình Phước	3955	93A-457.66	Bình Phước
956	94A-101.11	Bạc Liêu	956	93A-457.75	Bình Phước	2956	93A-447.58	Bình Phước	3956	93A-459.85	Bình Phước
957	94A-102.28	Bạc Liêu	957	93A-457.95	Bình Phước	2957	93A-448.58	Bình Phước	3957	93A-460.08	Bình Phước
958	94C-075.99	Bạc Liêu	958	93A-458.26	Bình Phước	2958	93A-449.68	Bình Phước	3958	93C-179.44	Bình Phước
959	95A-113.85	Hậu Giang	959	93A-458.69	Bình Phước	2959	93A-450.22	Bình Phước	3959	93C-181.00	Bình Phước
960	95A-115.99	Hậu Giang	960	93A-460.36	Bình Phước	2960	93A-451.58	Bình Phước	3960	93C-181.89	Bình Phước
961	95A-117.19	Hậu Giang	961	93C-181.96	Bình Phước	2961	93A-453.65	Bình Phước	3961	93C-182.39	Bình Phước
962	95A-117.66	Hậu Giang	962	93D-003.99	Bình Phước	2962	93A-456.22	Bình Phước	3962	93C-183.36	Bình Phước
963	95A-118.59	Hậu Giang	963	94A-100.39	Bạc Liêu	2963	93A-459.79	Bình Phước	3963	94A-097.66	Bạc Liêu
964	95A-119.38	Hậu Giang	964	94A-101.09	Bạc Liêu	2964	93C-181.28	Bình Phước	3964	94A-097.78	Bạc Liêu
965	95C-078.35	Hậu Giang	965	94C-075.86	Bạc Liêu	2965	94A-100.95	Bạc Liêu	3965	94A-098.55	Bạc Liêu
966	97A-082.08	Bắc Kạn	966	95A-118.77	Hậu Giang	2966	94C-075.57	Bạc Liêu	3966	94A-100.56	Bạc Liêu
967	97C-037.16	Bắc Kạn	967	95C-078.08	Hậu Giang	2967	95A-113.58	Hậu Giang	3967	95A-112.16	Hậu Giang
968	97C-038.36	Bắc Kạn	968	95C-080.77	Hậu Giang	2968	95A-115.09	Hậu Giang	3968	95A-116.65	Hậu Giang
969	97C-038.66	Bắc Kạn	969	97A-079.22	Bắc Kạn	2969	95A-116.39	Hậu Giang	3969	95A-119.95	Hậu Giang
970	98A-670.39	Bắc Giang	970	97A-080.79	Bắc Kạn	2970	95A-116.77	Hậu Giang	3970	97A-078.99	Bắc Kạn
971	98A-674.86	Bắc Giang	971	97A-080.99	Bắc Kạn	2971	95A-117.39	Hậu Giang	3971	97A-080.19	Bắc Kạn
972	98A-684.48	Bắc Giang	972	97A-083.00	Bắc Kạn	2972	95A-117.58	Hậu Giang	3972	97A-080.36	Bắc Kạn
973	98A-685.22	Bắc Giang	973	97C-038.22	Bắc Kạn	2973	95A-118.39	Hậu Giang	3973	97A-082.19	Bắc Kạn
974	98A-686.77	Bắc Giang	974	98A-679.39	Bắc Giang	2974	95A-119.58	Hậu Giang	3974	97A-083.06	Bắc Kạn
975	98A-689.22	Bắc Giang	975	98A-684.59	Bắc Giang	2975	95A-120.00	Hậu Giang	3975	97C-037.68	Bắc Kạn
976	98A-699.18	Bắc Giang	976	98A-686.33	Bắc Giang	2976	95C-080.89	Hậu Giang	3976	97C-038.29	Bắc Kạn
977	98A-700.36	Bắc Giang	977	98A-689.58	Bắc Giang	2977	97A-081.22	Bắc Kạn	3977	98A-685.58	Bắc Giang
978	98A-702.44	Bắc Giang	978	98A-690.79	Bắc Giang	2978	97A-082.66	Bắc Kạn	3978	98A-685.59	Bắc Giang
979	98A-702.98	Bắc Giang	979	98A-692.16	Bắc Giang	2979	98A-684.44	Bắc Giang	3979	98A-687.88	Bắc Giang
980	98A-703.79	Bắc Giang	980	98A-693.22	Bắc Giang	2980	98A-684.58	Bắc Giang	3980	98A-696.06	Bắc Giang
981	98A-705.22	Bắc Giang	981	98A-695.38	Bắc Giang	2981	98A-684.69	Bắc Giang	3981	98A-698.09	Bắc Giang
982	98A-707.11	Bắc Giang	982	98A-701.56	Bắc Giang	2982	98A-685.88	Bắc Giang	3982	98A-700.77	Bắc Giang
983	98A-707.36	Bắc Giang	983	98A-704.83	Bắc Giang	2983	98A-688.09	Bắc Giang	3983	98A-701.06	Bắc Giang
984	98A-708.11	Bắc Giang	984	98A-706.00	Bắc Giang	2984	98A-689.08	Bắc Giang	3984	98A-701.68	Bắc Giang
985	98A-708.99	Bắc Giang	985	98A-707.39	Bắc Giang	2985	98A-690.90	Bắc Giang	3985	98A-702.36	Bắc Giang
986	98A-709.26	Bắc Giang	986	98A-708.85	Bắc Giang	2986	98A-691.16	Bắc Giang	3986	98A-703.96	Bắc Giang
987	98A-709.79	Bắc Giang	987	98A-708.98	Bắc Giang	2987	98A-701.19	Bắc Giang	3987	98A-706.26	Bắc Giang
988	98A-711.39	Bắc Giang	988	98A-709.90	Bắc Giang	2988	98A-701.58	Bắc Giang	3988	98A-711.55	Bắc Giang
989	98A-711.56	Bắc Giang	989	98A-714.96	Bắc Giang	2989	98A-705.16	Bắc Giang	3989	98A-712.83	Bắc Giang
990	98A-711.95	Bắc Giang	990	98A-716.71	Bắc Giang	2990	98A-708.00	Bắc Giang	3990	98A-713.65	Bắc Giang
991	98A-716.38	Bắc Giang	991	98A-717.88	Bắc Giang	2991	98A-709.59	Bắc Giang	3991	98A-715.00	Bắc Giang
992	98A-717.15	Bắc Giang	992	98A-718.89	Bắc Giang	2992	98A-710.18	Bắc Giang	3992	98A-715.85	Bắc Giang
993	98A-718.19	Bắc Giang	993	98A-719.16	Bắc Giang	2993	98A-711.12	Bắc Giang	3993	98A-717.89	Bắc Giang
994	98A-719.11	Bắc Giang	994	98A-720.29	Bắc Giang	2994	98A-713.14	Bắc Giang	3994	98A-719.35	Bắc Giang
995	98A-722.39	Bắc Giang	995	98A-721.69	Bắc Giang	2995	98A-714.29	Bắc Giang	3995	98A-720.69	Bắc Giang
996	98A-723.72	Bắc Giang	996	98A-722.08	Bắc Giang	2996	98A-715.99	Bắc Giang	3996	98A-721.18	Bắc Giang
997	98A-723.95	Bắc Giang	997	98A-722.66	Bắc Giang	2997	98A-717.39	Bắc Giang	3997	98A-721.72	Bắc Giang
998	98A-725.11	Bắc Giang	998	98A-722.79	Bắc Giang	2998	98A-723.19	Bắc Giang	3998	98A-725.06	Bắc Giang
999	98A-725.26	Bắc Giang	999	98A-725.86	Bắc Giang	2999	98A-726.96	Bắc Giang	3999	98A-727.28	Bắc Giang
1000	98A-725.77	Bắc Giang	2000	98A-726.85	Bắc Giang	3000	98A-727.44	Bắc Giang	4000	98A-727.29	Bắc Giang

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4001	51L-345.67	Hồ Chí Minh	5001	19A-566.88	Phú Thọ	6001	30K-427.27	Hà Nội			
4002	30K-429.89	Hà Nội	5002	30K-440.89	Hà Nội	6002	30K-441.39	Hà Nội			
4003	30K-464.79	Hà Nội	5003	30K-446.89	Hà Nội	6003	30K-442.66	Hà Nội			
4004	30K-480.89	Hà Nội	5004	30K-447.39	Hà Nội	6004	30K-445.89	Hà Nội			
4005	30K-542.86	Hà Nội	5005	30K-449.49	Hà Nội	6005	30K-474.39	Hà Nội			
4006	30K-554.39	Hà Nội	5006	30K-452.68	Hà Nội	6006	30K-520.79	Hà Nội			
4007	30K-573.39	Hà Nội	5007	30K-452.99	Hà Nội	6007	30K-544.68	Hà Nội			
4008	30K-574.88	Hà Nội	5008	30K-473.88	Hà Nội	6008	30K-580.00	Hà Nội			
4009	30K-594.89	Hà Nội	5009	30K-485.68	Hà Nội	6009	30K-601.99	Hà Nội			
4010	30K-673.66	Hà Nội	5010	30K-493.88	Hà Nội	6010	30K-673.79	Hà Nội			
4011	30K-675.85	Hà Nội	5011	30K-531.86	Hà Nội	6011	30K-680.16	Hà Nội			
4012	30K-677.18	Hà Nội	5012	30K-532.22	Hà Nội	6012	30K-682.39	Hà Nội			
4013	30K-677.58	Hà Nội	5013	30K-548.48	Hà Nội	6013	30K-688.19	Hà Nội			
4014	30K-682.38	Hà Nội	5014	30K-594.69	Hà Nội	6014	30K-692.56	Hà Nội			
4015	30K-691.85	Hà Nội	5015	30K-604.39	Hà Nội	6015	30K-697.68	Hà Nội			
4016	30K-697.22	Hà Nội	5016	30K-678.36	Hà Nội	6016	30K-698.82	Hà Nội			
4017	30K-699.77	Hà Nội	5017	30K-679.58	Hà Nội	6017	30K-699.25	Hà Nội			
4018	30K-711.89	Hà Nội	5018	30K-693.19	Hà Nội	6018	30K-699.29	Hà Nội			
4019	30K-726.68	Hà Nội	5019	30K-705.39	Hà Nội	6019	30K-703.68	Hà Nội			
4020	30K-726.99	Hà Nội	5020	30K-713.66	Hà Nội	6020	30K-706.88	Hà Nội			
4021	30K-736.63	Hà Nội	5021	30K-722.66	Hà Nội	6021	30K-708.39	Hà Nội			
4022	30K-739.93	Hà Nội	5022	30K-736.79	Hà Nội	6022	30K-732.23	Hà Nội			
4023	30K-752.39	Hà Nội	5023	30K-737.69	Hà Nội	6023	30K-733.89	Hà Nội			
4024	30K-752.99	Hà Nội	5024	30K-742.88	Hà Nội	6024	30K-742.24	Hà Nội			
4025	30K-783.89	Hà Nội	5025	30K-755.69	Hà Nội	6025	30K-746.69	Hà Nội			
4026	30K-792.15	Hà Nội	5026	30K-762.66	Hà Nội	6026	30K-756.89	Hà Nội			
4027	30K-798.25	Hà Nội	5027	30K-771.88	Hà Nội	6027	30K-762.86	Hà Nội			
4028	30K-804.99	Hà Nội	5028	30K-782.86	Hà Nội	6028	30K-772.86	Hà Nội			
4029	30K-806.29	Hà Nội	5029	30K-785.86	Hà Nội	6029	30K-774.89	Hà Nội			
4030	30K-806.55	Hà Nội	5030	30K-791.16	Hà Nội	6030	30K-787.66	Hà Nội			
4031	30K-807.39	Hà Nội	5031	30K-793.28	Hà Nội	6031	30K-791.59	Hà Nội			
4032	30K-812.96	Hà Nội	5032	30K-793.65	Hà Nội	6032	30K-793.58	Hà Nội			
4033	30K-814.28	Hà Nội	5033	30K-796.95	Hà Nội	6033	30K-802.19	Hà Nội			
4034	30K-816.15	Hà Nội	5034	30K-798.77	Hà Nội	6034	30K-803.18	Hà Nội			
4035	30K-816.44	Hà Nội	5035	30K-804.58	Hà Nội	6035	30K-805.89	Hà Nội			
4036	30K-817.68	Hà Nội	5036	30K-805.28	Hà Nội	6036	30K-806.56	Hà Nội			
4037	30K-826.55	Hà Nội	5037	30K-810.88	Hà Nội	6037	30K-824.96	Hà Nội			
4038	30K-829.00	Hà Nội	5038	30K-813.09	Hà Nội	6038	30K-824.98	Hà Nội			
4039	30K-829.77	Hà Nội	5039	30K-821.26	Hà Nội	6039	30K-825.39	Hà Nội			
4040	30K-830.09	Hà Nội	5040	30K-824.38	Hà Nội	6040	30K-827.59	Hà Nội			
4041	30K-830.44	Hà Nội	5041	30K-827.38	Hà Nội	6041	30K-829.68	Hà Nội			
4042	30K-832.63	Hà Nội	5042	30K-828.33	Hà Nội	6042	30K-831.15	Hà Nội			
4043	30K-832.85	Hà Nội	5043	30K-828.59	Hà Nội	6043	30K-839.56	Hà Nội			
4044	30K-832.92	Hà Nội	5044	30K-833.96	Hà Nội	6044	30K-840.33	Hà Nội			
4045	30K-842.15	Hà Nội	5045	30K-834.15	Hà Nội	6045	30K-843.58	Hà Nội			
4046	30K-842.83	Hà Nội	5046	30K-834.39	Hà Nội	6046	30K-847.39	Hà Nội			
4047	30K-842.95	Hà Nội	5047	30K-839.95	Hà Nội	6047	30K-850.58	Hà Nội			
4048	30K-846.59	Hà Nội	5048	30K-840.99	Hà Nội	6048	30K-853.08	Hà Nội			
4049	30K-847.99	Hà Nội	5049	30K-841.15	Hà Nội	6049	30K-853.96	Hà Nội			
4050	30K-849.39	Hà Nội	5050	30K-851.29	Hà Nội	6050	30K-854.19	Hà Nội			
4051	30K-850.56	Hà Nội	5051	30K-852.11	Hà Nội	6051	30K-855.96	Hà Nội			
4052	30K-851.06	Hà Nội	5052	30K-852.63	Hà Nội	6052	30K-856.11	Hà Nội			
4053	30K-854.77	Hà Nội	5053	30K-853.25	Hà Nội	6053	30K-857.18	Hà Nội			
4054	30K-855.08	Hà Nội	5054	30K-855.25	Hà Nội	6054	30K-857.65	Hà Nội			
4055	30K-858.08	Hà Nội	5055	30K-856.19	Hà Nội	6055	30K-859.00	Hà Nội			
4056	30K-859.15	Hà Nội	5056	30K-860.48	Hà Nội	6056	30K-862.55	Hà Nội			
4057	30K-860.08	Hà Nội	5057	30K-860.62	Hà Nội	6057	30K-863.52	Hà Nội			
4058	30K-860.66	Hà Nội	5058	30K-861.61	Hà Nội	6058	30K-864.25	Hà Nội			
4059	30K-861.28	Hà Nội	5059	30K-864.89	Hà Nội	6059	30K-864.29	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4060	30K-861.38	Hà Nội	5060	30K-866.19	Hà Nội	6060	30K-867.56	Hà Nội			
4061	30K-866.01	Hà Nội	5061	30K-872.35	Hà Nội	6061	30K-867.66	Hà Nội			
4062	30K-866.93	Hà Nội	5062	30K-874.89	Hà Nội	6062	30K-871.85	Hà Nội			
4063	30K-867.35	Hà Nội	5063	30K-875.22	Hà Nội	6063	30K-871.98	Hà Nội			
4064	30K-868.44	Hà Nội	5064	30K-876.78	Hà Nội	6064	30K-872.55	Hà Nội			
4065	30K-873.00	Hà Nội	5065	30K-877.26	Hà Nội	6065	30K-874.00	Hà Nội			
4066	30K-874.28	Hà Nội	5066	30K-877.87	Hà Nội	6066	30K-876.55	Hà Nội			
4067	30K-875.06	Hà Nội	5067	30K-877.95	Hà Nội	6067	30K-877.65	Hà Nội			
4068	30K-879.65	Hà Nội	5068	30K-882.96	Hà Nội	6068	30K-883.00	Hà Nội			
4069	30K-880.22	Hà Nội	5069	30K-883.19	Hà Nội	6069	30K-887.08	Hà Nội			
4070	30K-881.44	Hà Nội	5070	30K-884.25	Hà Nội	6070	30K-887.29	Hà Nội			
4071	30K-882.69	Hà Nội	5071	30K-897.65	Hà Nội	6071	30K-887.66	Hà Nội			
4072	30K-884.33	Hà Nội	5072	30K-900.22	Hà Nội	6072	30K-889.22	Hà Nội			
4073	30K-887.65	Hà Nội	5073	30K-900.36	Hà Nội	6073	30K-890.11	Hà Nội			
4074	30K-888.46	Hà Nội	5074	30K-901.25	Hà Nội	6074	30K-890.95	Hà Nội			
4075	30K-890.26	Hà Nội	5075	30K-901.36	Hà Nội	6075	30K-894.00	Hà Nội			
4076	30K-897.85	Hà Nội	5076	30K-906.95	Hà Nội	6076	30K-894.36	Hà Nội			
4077	30K-901.11	Hà Nội	5077	30K-920.25	Hà Nội	6077	30K-895.28	Hà Nội			
4078	30K-902.39	Hà Nội	5078	30K-920.88	Hà Nội	6078	30K-897.00	Hà Nội			
4079	30K-905.77	Hà Nội	5079	30K-922.11	Hà Nội	6079	30K-898.77	Hà Nội			
4080	30K-906.09	Hà Nội	5080	30K-926.63	Hà Nội	6080	30K-906.60	Hà Nội			
4081	30K-911.39	Hà Nội	5081	30K-927.16	Hà Nội	6081	30K-906.69	Hà Nội			
4082	30K-912.28	Hà Nội	5082	30K-927.19	Hà Nội	6082	30K-907.88	Hà Nội			
4083	30K-916.83	Hà Nội	5083	30K-928.69	Hà Nội	6083	30K-907.90	Hà Nội			
4084	30K-917.22	Hà Nội	5084	30K-928.77	Hà Nội	6084	30K-910.08	Hà Nội			
4085	30K-921.39	Hà Nội	5085	30K-929.26	Hà Nội	6085	30K-910.68	Hà Nội			
4086	30K-923.29	Hà Nội	5086	30K-930.66	Hà Nội	6086	30K-914.19	Hà Nội			
4087	30K-925.66	Hà Nội	5087	30K-930.86	Hà Nội	6087	30K-915.56	Hà Nội			
4088	30K-930.28	Hà Nội	5088	30K-931.77	Hà Nội	6088	30K-921.29	Hà Nội			
4089	30K-930.68	Hà Nội	5089	30K-935.25	Hà Nội	6089	30K-923.24	Hà Nội			
4090	30K-931.79	Hà Nội	5090	30K-940.38	Hà Nội	6090	30K-930.09	Hà Nội			
4091	30K-932.11	Hà Nội	5091	30K-941.59	Hà Nội	6091	30K-933.56	Hà Nội			
4092	30K-933.62	Hà Nội	5092	30K-942.38	Hà Nội	6092	30K-934.59	Hà Nội			
4093	30K-934.00	Hà Nội	5093	30K-942.98	Hà Nội	6093	30K-936.15	Hà Nội			
4094	30K-935.77	Hà Nội	5094	30K-943.85	Hà Nội	6094	30K-937.06	Hà Nội			
4095	30K-936.08	Hà Nội	5095	30K-945.66	Hà Nội	6095	30K-937.36	Hà Nội			
4096	30K-937.08	Hà Nội	5096	30K-948.65	Hà Nội	6096	30K-940.35	Hà Nội			
4097	30K-944.86	Hà Nội	5097	30K-949.77	Hà Nội	6097	30K-940.58	Hà Nội			
4098	30K-945.59	Hà Nội	5098	30K-951.06	Hà Nội	6098	30K-943.15	Hà Nội			
4099	30K-946.69	Hà Nội	5099	30K-951.38	Hà Nội	6099	30K-952.29	Hà Nội			
4100	30K-947.69	Hà Nội	5100	30K-954.54	Hà Nội	6100	30K-952.85	Hà Nội			
4101	30K-947.88	Hà Nội	5101	30K-956.11	Hà Nội	6101	30K-953.00	Hà Nội			
4102	30K-949.69	Hà Nội	5102	30K-956.25	Hà Nội	6102	30K-953.18	Hà Nội			
4103	30K-952.15	Hà Nội	5103	30K-958.22	Hà Nội	6103	30K-953.54	Hà Nội			
4104	30K-955.19	Hà Nội	5104	30K-960.38	Hà Nội	6104	30K-954.86	Hà Nội			
4105	30K-956.19	Hà Nội	5105	30K-963.15	Hà Nội	6105	30K-955.36	Hà Nội			
4106	30K-960.83	Hà Nội	5106	30K-963.38	Hà Nội	6106	30K-962.58	Hà Nội			
4107	30K-968.25	Hà Nội	5107	30K-964.00	Hà Nội	6107	30K-965.38	Hà Nội			
4108	30K-969.09	Hà Nội	5108	30K-967.88	Hà Nội	6108	30K-966.15	Hà Nội			
4109	30K-972.83	Hà Nội	5109	30K-967.96	Hà Nội	6109	30K-970.44	Hà Nội			
4110	30K-978.26	Hà Nội	5110	30K-973.66	Hà Nội	6110	30K-971.72	Hà Nội			
4111	30K-979.95	Hà Nội	5111	30K-974.68	Hà Nội	6111	30K-971.98	Hà Nội			
4112	30K-982.95	Hà Nội	5112	30K-975.26	Hà Nội	6112	30K-977.22	Hà Nội			
4113	30K-986.29	Hà Nội	5113	30K-986.11	Hà Nội	6113	30K-978.18	Hà Nội			
4114	30K-986.39	Hà Nội	5114	30K-988.59	Hà Nội	6114	30K-980.15	Hà Nội			
4115	30K-987.39	Hà Nội	5115	30K-990.55	Hà Nội	6115	30K-981.96	Hà Nội			
4116	30K-988.06	Hà Nội	5116	30K-997.25	Hà Nội	6116	30K-984.95	Hà Nội			
4117	30K-989.26	Hà Nội	5117	30K-998.29	Hà Nội	6117	30K-987.56	Hà Nội			
4118	30K-993.55	Hà Nội	5118	30K-999.17	Hà Nội	6118	30K-988.15	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4119	30K-994.22	Hà Nội	5119	30L-001.83	Hà Nội	6119	30K-990.26	Hà Nội			
4120	30K-997.56	Hà Nội	5120	30L-002.59	Hà Nội	6120	30K-992.06	Hà Nội			
4121	30K-998.25	Hà Nội	5121	30L-013.19	Hà Nội	6121	30K-992.35	Hà Nội			
4122	30K-999.46	Hà Nội	5122	30L-014.06	Hà Nội	6122	30K-993.25	Hà Nội			
4123	30L-001.96	Hà Nội	5123	30L-017.01	Hà Nội	6123	30K-995.28	Hà Nội			
4124	30L-007.79	Hà Nội	5124	30L-018.35	Hà Nội	6124	30K-995.39	Hà Nội			
4125	30L-014.18	Hà Nội	5125	30L-024.59	Hà Nội	6125	30K-996.11	Hà Nội			
4126	30L-017.29	Hà Nội	5126	30L-025.35	Hà Nội	6126	30K-998.19	Hà Nội			
4127	30L-019.40	Hà Nội	5127	30L-027.25	Hà Nội	6127	30L-003.68	Hà Nội			
4128	30L-026.19	Hà Nội	5128	30L-034.06	Hà Nội	6128	30L-004.25	Hà Nội			
4129	30L-026.92	Hà Nội	5129	30L-035.83	Hà Nội	6129	30L-004.96	Hà Nội			
4130	30L-030.28	Hà Nội	5130	30L-037.15	Hà Nội	6130	30L-011.83	Hà Nội			
4131	30L-032.08	Hà Nội	5131	30L-043.77	Hà Nội	6131	30L-019.03	Hà Nội			
4132	30L-033.25	Hà Nội	5132	30L-047.40	Hà Nội	6132	30L-023.26	Hà Nội			
4133	30L-037.37	Hà Nội	5133	30L-048.66	Hà Nội	6133	30L-025.44	Hà Nội			
4134	30L-041.89	Hà Nội	5134	30L-049.15	Hà Nội	6134	30L-026.15	Hà Nội			
4135	30L-042.99	Hà Nội	5135	30L-049.28	Hà Nội	6135	30L-028.25	Hà Nội			
4136	30L-043.36	Hà Nội	5136	30L-049.59	Hà Nội	6136	30L-029.95	Hà Nội			
4137	30L-043.85	Hà Nội	5137	30L-052.69	Hà Nội	6137	30L-029.96	Hà Nội			
4138	30L-044.86	Hà Nội	5138	30L-053.33	Hà Nội	6138	30L-036.09	Hà Nội			
4139	30L-045.95	Hà Nội	5139	30L-057.69	Hà Nội	6139	30L-041.25	Hà Nội			
4140	30L-047.98	Hà Nội	5140	30L-059.18	Hà Nội	6140	30L-042.59	Hà Nội			
4141	30L-048.28	Hà Nội	5141	30L-060.26	Hà Nội	6141	30L-042.88	Hà Nội			
4142	30L-052.15	Hà Nội	5142	30L-060.82	Hà Nội	6142	30L-043.66	Hà Nội			
4143	30L-053.08	Hà Nội	5143	30L-063.79	Hà Nội	6143	30L-044.39	Hà Nội			
4144	30L-053.79	Hà Nội	5144	30L-064.86	Hà Nội	6144	30L-046.47	Hà Nội			
4145	30L-058.06	Hà Nội	5145	30L-065.95	Hà Nội	6145	30L-046.96	Hà Nội			
4146	30L-058.65	Hà Nội	5146	30L-072.72	Hà Nội	6146	30L-047.11	Hà Nội			
4147	30L-059.62	Hà Nội	5147	30L-074.18	Hà Nội	6147	30L-047.25	Hà Nội			
4148	30L-063.95	Hà Nội	5148	30L-077.78	Hà Nội	6148	30L-047.44	Hà Nội			
4149	30L-066.65	Hà Nội	5149	30L-082.99	Hà Nội	6149	30L-047.58	Hà Nội			
4150	30L-070.11	Hà Nội	5150	30L-085.08	Hà Nội	6150	30L-048.55	Hà Nội			
4151	30L-071.19	Hà Nội	5151	30L-086.56	Hà Nội	6151	30L-049.40	Hà Nội			
4152	30L-071.39	Hà Nội	5152	30L-087.95	Hà Nội	6152	30L-050.56	Hà Nội			
4153	30L-072.39	Hà Nội	5153	30L-090.77	Hà Nội	6153	30L-050.95	Hà Nội			
4154	30L-072.44	Hà Nội	5154	30L-097.66	Hà Nội	6154	30L-053.05	Hà Nội			
4155	30L-074.36	Hà Nội	5155	30L-168.95	Hà Nội	6155	30L-057.44	Hà Nội			
4156	30L-075.11	Hà Nội	5156	30L-170.70	Hà Nội	6156	30L-061.55	Hà Nội			
4157	30L-077.55	Hà Nội	5157	30L-173.25	Hà Nội	6157	30L-063.62	Hà Nội			
4158	30L-079.15	Hà Nội	5158	51L-037.59	Hồ Chí Minh	6158	30L-064.58	Hà Nội			
4159	30L-085.80	Hà Nội	5159	51L-039.26	Hồ Chí Minh	6159	30L-070.77	Hà Nội			
4160	30L-087.28	Hà Nội	5160	51L-050.56	Hồ Chí Minh	6160	30L-070.86	Hà Nội			
4161	30L-088.06	Hà Nội	5161	51L-050.77	Hồ Chí Minh	6161	30L-071.25	Hà Nội			
4162	30L-090.16	Hà Nội	5162	51L-053.86	Hồ Chí Minh	6162	30L-071.44	Hà Nội			
4163	30L-090.98	Hà Nội	5163	51L-056.33	Hồ Chí Minh	6163	30L-071.71	Hà Nội			
4164	30L-166.56	Hà Nội	5164	51L-056.68	Hồ Chí Minh	6164	30L-072.08	Hà Nội			
4165	30L-169.56	Hà Nội	5165	51L-060.18	Hồ Chí Minh	6165	30L-072.19	Hà Nội			
4166	30L-172.29	Hà Nội	5166	51L-061.89	Hồ Chí Minh	6166	30L-072.27	Hà Nội			
4167	30L-173.65	Hà Nội	5167	51L-063.18	Hồ Chí Minh	6167	30L-073.56	Hà Nội			
4168	30L-174.39	Hà Nội	5168	51L-070.68	Hồ Chí Minh	6168	30L-073.89	Hà Nội			
4169	51L-032.86	Hồ Chí Minh	5169	51L-076.76	Hồ Chí Minh	6169	30L-073.99	Hà Nội			
4170	51L-033.06	Hồ Chí Minh	5170	51L-076.77	Hồ Chí Minh	6170	30L-075.68	Hà Nội			
4171	51L-033.69	Hồ Chí Minh	5171	51L-081.26	Hồ Chí Minh	6171	30L-084.69	Hà Nội			
4172	51L-036.38	Hồ Chí Minh	5172	51L-084.19	Hồ Chí Minh	6172	30L-085.00	Hà Nội			
4173	51L-050.59	Hồ Chí Minh	5173	51L-093.88	Hồ Chí Minh	6173	30L-086.16	Hà Nội			
4174	51L-052.38	Hồ Chí Minh	5174	51L-095.22	Hồ Chí Minh	6174	30L-086.69	Hà Nội			
4175	51L-053.55	Hồ Chí Minh	5175	51L-095.58	Hồ Chí Minh	6175	30L-089.09	Hà Nội			
4176	51L-060.22	Hồ Chí Minh	5176	51L-097.97	Hồ Chí Minh	6176	30L-089.56	Hà Nội			
4177	51L-062.09	Hồ Chí Minh	5177	51L-100.44	Hồ Chí Minh	6177	30L-091.08	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4178	51L-069.08	Hồ Chí Minh	5178	51L-102.56	Hồ Chí Minh	6178	30L-167.11	Hà Nội			
4179	51L-070.09	Hồ Chí Minh	5179	51L-104.38	Hồ Chí Minh	6179	30L-171.58	Hà Nội			
4180	51L-072.27	Hồ Chí Minh	5180	51L-105.95	Hồ Chí Minh	6180	51L-030.16	Hồ Chí Minh			
4181	51L-076.86	Hồ Chí Minh	5181	51L-110.18	Hồ Chí Minh	6181	51L-039.08	Hồ Chí Minh			
4182	51L-078.22	Hồ Chí Minh	5182	51L-110.35	Hồ Chí Minh	6182	51L-051.55	Hồ Chí Minh			
4183	51L-082.55	Hồ Chí Minh	5183	51L-114.88	Hồ Chí Minh	6183	51L-055.69	Hồ Chí Minh			
4184	51L-082.65	Hồ Chí Minh	5184	51L-116.08	Hồ Chí Minh	6184	51L-057.85	Hồ Chí Minh			
4185	51L-083.85	Hồ Chí Minh	5185	51L-124.19	Hồ Chí Minh	6185	51L-063.22	Hồ Chí Minh			
4186	51L-087.29	Hồ Chí Minh	5186	51L-127.18	Hồ Chí Minh	6186	51L-065.69	Hồ Chí Minh			
4187	51L-087.89	Hồ Chí Minh	5187	51L-130.33	Hồ Chí Minh	6187	51L-065.79	Hồ Chí Minh			
4188	51L-088.22	Hồ Chí Minh	5188	51L-131.98	Hồ Chí Minh	6188	51L-066.08	Hồ Chí Minh			
4189	51L-093.89	Hồ Chí Minh	5189	51L-135.25	Hồ Chí Minh	6189	51L-068.98	Hồ Chí Minh			
4190	51L-094.89	Hồ Chí Minh	5190	51L-136.33	Hồ Chí Minh	6190	51L-070.58	Hồ Chí Minh			
4191	51L-096.39	Hồ Chí Minh	5191	51L-138.44	Hồ Chí Minh	6191	51L-077.06	Hồ Chí Minh			
4192	51L-099.22	Hồ Chí Minh	5192	51L-143.25	Hồ Chí Minh	6192	51L-079.22	Hồ Chí Minh			
4193	51L-102.09	Hồ Chí Minh	5193	51L-143.59	Hồ Chí Minh	6193	51L-079.35	Hồ Chí Minh			
4194	51L-103.09	Hồ Chí Minh	5194	51L-143.85	Hồ Chí Minh	6194	51L-081.96	Hồ Chí Minh			
4195	51L-104.00	Hồ Chí Minh	5195	51L-147.25	Hồ Chí Minh	6195	51L-085.06	Hồ Chí Minh			
4196	51L-105.00	Hồ Chí Minh	5196	51L-147.33	Hồ Chí Minh	6196	51L-093.19	Hồ Chí Minh			
4197	51L-109.22	Hồ Chí Minh	5197	51L-148.83	Hồ Chí Minh	6197	51L-095.18	Hồ Chí Minh			
4198	51L-112.33	Hồ Chí Minh	5198	51L-149.85	Hồ Chí Minh	6198	51L-097.26	Hồ Chí Minh			
4199	51L-113.29	Hồ Chí Minh	5199	51L-150.33	Hồ Chí Minh	6199	51L-098.56	Hồ Chí Minh			
4200	51L-114.41	Hồ Chí Minh	5200	51L-151.23	Hồ Chí Minh	6200	51L-103.56	Hồ Chí Minh			
4201	51L-116.19	Hồ Chí Minh	5201	51L-152.36	Hồ Chí Minh	6201	51L-104.58	Hồ Chí Minh			
4202	51L-117.69	Hồ Chí Minh	5202	51L-157.18	Hồ Chí Minh	6202	51L-105.06	Hồ Chí Minh			
4203	51L-119.08	Hồ Chí Minh	5203	51L-160.28	Hồ Chí Minh	6203	51L-106.33	Hồ Chí Minh			
4204	51L-124.28	Hồ Chí Minh	5204	51L-160.99	Hồ Chí Minh	6204	51L-106.77	Hồ Chí Minh			
4205	51L-129.06	Hồ Chí Minh	5205	51L-161.29	Hồ Chí Minh	6205	51L-107.95	Hồ Chí Minh			
4206	51L-129.33	Hồ Chí Minh	5206	51L-162.63	Hồ Chí Minh	6206	51L-109.79	Hồ Chí Minh			
4207	51L-130.35	Hồ Chí Minh	5207	51L-164.68	Hồ Chí Minh	6207	51L-110.06	Hồ Chí Minh			
4208	51L-132.95	Hồ Chí Minh	5208	51L-164.99	Hồ Chí Minh	6208	51L-110.69	Hồ Chí Minh			
4209	51L-133.93	Hồ Chí Minh	5209	51L-170.06	Hồ Chí Minh	6209	51L-111.08	Hồ Chí Minh			
4210	51L-135.58	Hồ Chí Minh	5210	51L-171.17	Hồ Chí Minh	6210	51L-115.18	Hồ Chí Minh			
4211	51L-136.06	Hồ Chí Minh	5211	51L-174.39	Hồ Chí Minh	6211	51L-117.38	Hồ Chí Minh			
4212	51L-138.56	Hồ Chí Minh	5212	51L-176.89	Hồ Chí Minh	6212	51L-118.15	Hồ Chí Minh			
4213	51L-138.92	Hồ Chí Minh	5213	51L-181.38	Hồ Chí Minh	6213	51L-119.39	Hồ Chí Minh			
4214	51L-139.18	Hồ Chí Minh	5214	51L-187.65	Hồ Chí Minh	6214	51L-120.18	Hồ Chí Minh			
4215	51L-141.08	Hồ Chí Minh	5215	51L-187.99	Hồ Chí Minh	6215	51L-121.06	Hồ Chí Minh			
4216	51L-144.15	Hồ Chí Minh	5216	51L-189.96	Hồ Chí Minh	6216	51L-122.33	Hồ Chí Minh			
4217	51L-144.99	Hồ Chí Minh	5217	51L-195.15	Hồ Chí Minh	6217	51L-122.56	Hồ Chí Minh			
4218	51L-146.33	Hồ Chí Minh	5218	51L-196.36	Hồ Chí Minh	6218	51L-124.06	Hồ Chí Minh			
4219	51L-146.38	Hồ Chí Minh	5219	51L-211.26	Hồ Chí Minh	6219	51L-124.22	Hồ Chí Minh			
4220	51L-147.00	Hồ Chí Minh	5220	51L-213.28	Hồ Chí Minh	6220	51L-125.36	Hồ Chí Minh			
4221	51L-152.69	Hồ Chí Minh	5221	51L-214.58	Hồ Chí Minh	6221	51L-127.68	Hồ Chí Minh			
4222	51L-152.83	Hồ Chí Minh	5222	51L-216.62	Hồ Chí Minh	6222	51L-128.44	Hồ Chí Minh			
4223	51L-153.44	Hồ Chí Minh	5223	51L-218.96	Hồ Chí Minh	6223	51L-128.79	Hồ Chí Minh			
4224	51L-157.83	Hồ Chí Minh	5224	51L-219.23	Hồ Chí Minh	6224	51L-131.79	Hồ Chí Minh			
4225	51L-159.95	Hồ Chí Minh	5225	51L-223.11	Hồ Chí Minh	6225	51L-132.16	Hồ Chí Minh			
4226	51L-160.58	Hồ Chí Minh	5226	51L-223.32	Hồ Chí Minh	6226	51L-132.44	Hồ Chí Minh			
4227	51L-161.98	Hồ Chí Minh	5227	51L-224.19	Hồ Chí Minh	6227	51L-133.15	Hồ Chí Minh			
4228	51L-162.96	Hồ Chí Minh	5228	51L-227.86	Hồ Chí Minh	6228	51L-135.68	Hồ Chí Minh			
4229	51L-163.11	Hồ Chí Minh	5229	51L-228.26	Hồ Chí Minh	6229	51L-139.83	Hồ Chí Minh			
4230	51L-163.25	Hồ Chí Minh	5230	51L-229.39	Hồ Chí Minh	6230	51L-142.06	Hồ Chí Minh			
4231	51L-163.29	Hồ Chí Minh	5231	51L-229.55	Hồ Chí Minh	6231	51L-142.38	Hồ Chí Minh			
4232	51L-164.00	Hồ Chí Minh	5232	51L-229.77	Hồ Chí Minh	6232	51L-143.66	Hồ Chí Minh			
4233	51L-164.15	Hồ Chí Minh	5233	51L-229.93	Hồ Chí Minh	6233	51L-144.65	Hồ Chí Minh			
4234	51L-168.66	Hồ Chí Minh	5234	51L-231.31	Hồ Chí Minh	6234	51L-146.86	Hồ Chí Minh			
4235	51L-170.70	Hồ Chí Minh	5235	51L-231.35	Hồ Chí Minh	6235	51L-153.38	Hồ Chí Minh			
4236	51L-171.22	Hồ Chí Minh	5236	51L-232.23	Hồ Chí Minh	6236	51L-153.53	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4237	51L-171.68	Hồ Chí Minh	5237	51L-238.98	Hồ Chí Minh	6237	51L-155.36	Hồ Chí Minh			
4238	51L-176.65	Hồ Chí Minh	5238	51L-297.58	Hồ Chí Minh	6238	51L-156.22	Hồ Chí Minh			
4239	51L-178.08	Hồ Chí Minh	5239	51L-298.15	Hồ Chí Minh	6239	51L-156.86	Hồ Chí Minh			
4240	51L-178.89	Hồ Chí Minh	5240	51L-298.39	Hồ Chí Minh	6240	51L-157.59	Hồ Chí Minh			
4241	51L-179.15	Hồ Chí Minh	5241	51L-299.25	Hồ Chí Minh	6241	51L-157.99	Hồ Chí Minh			
4242	51L-179.26	Hồ Chí Minh	5242	51L-299.55	Hồ Chí Minh	6242	51L-159.89	Hồ Chí Minh			
4243	51L-180.15	Hồ Chí Minh	5243	51L-300.01	Hồ Chí Minh	6243	51L-165.25	Hồ Chí Minh			
4244	51L-180.22	Hồ Chí Minh	5244	51L-302.20	Hồ Chí Minh	6244	51L-165.95	Hồ Chí Minh			
4245	51L-183.00	Hồ Chí Minh	5245	51L-302.79	Hồ Chí Minh	6245	51L-166.36	Hồ Chí Minh			
4246	51L-189.08	Hồ Chí Minh	5246	51L-308.82	Hồ Chí Minh	6246	51L-166.58	Hồ Chí Minh			
4247	51L-190.58	Hồ Chí Minh	5247	51L-309.26	Hồ Chí Minh	6247	51L-166.89	Hồ Chí Minh			
4248	51L-203.30	Hồ Chí Minh	5248	51L-310.13	Hồ Chí Minh	6248	51L-168.19	Hồ Chí Minh			
4249	51L-203.58	Hồ Chí Minh	5249	51L-311.65	Hồ Chí Minh	6249	51L-171.36	Hồ Chí Minh			
4250	51L-208.55	Hồ Chí Minh	5250	51L-312.79	Hồ Chí Minh	6250	51L-176.55	Hồ Chí Minh			
4251	51L-208.66	Hồ Chí Minh	5251	51L-314.00	Hồ Chí Minh	6251	51L-178.58	Hồ Chí Minh			
4252	51L-212.28	Hồ Chí Minh	5252	51L-314.88	Hồ Chí Minh	6252	51L-182.55	Hồ Chí Minh			
4253	51L-214.00	Hồ Chí Minh	5253	51L-317.59	Hồ Chí Minh	6253	51L-182.89	Hồ Chí Minh			
4254	51L-214.86	Hồ Chí Minh	5254	51L-318.96	Hồ Chí Minh	6254	51L-183.44	Hồ Chí Minh			
4255	51L-214.95	Hồ Chí Minh	5255	51L-319.39	Hồ Chí Minh	6255	51L-183.84	Hồ Chí Minh			
4256	51L-215.39	Hồ Chí Minh	5256	51L-326.99	Hồ Chí Minh	6256	51L-185.77	Hồ Chí Minh			
4257	51L-218.56	Hồ Chí Minh	5257	51L-328.09	Hồ Chí Minh	6257	51L-186.28	Hồ Chí Minh			
4258	51L-221.36	Hồ Chí Minh	5258	51L-333.27	Hồ Chí Minh	6258	51L-189.19	Hồ Chí Minh			
4259	51L-221.38	Hồ Chí Minh	5259	51L-336.37	Hồ Chí Minh	6259	51L-189.59	Hồ Chí Minh			
4260	51L-223.44	Hồ Chí Minh	5260	51L-342.55	Hồ Chí Minh	6260	51L-190.59	Hồ Chí Minh			
4261	51L-225.96	Hồ Chí Minh	5261	51L-352.33	Hồ Chí Minh	6261	51L-194.28	Hồ Chí Minh			
4262	51L-227.83	Hồ Chí Minh	5262	51L-353.59	Hồ Chí Minh	6262	51L-201.89	Hồ Chí Minh			
4263	51L-230.15	Hồ Chí Minh	5263	51L-356.06	Hồ Chí Minh	6263	51L-205.44	Hồ Chí Minh			
4264	51L-232.29	Hồ Chí Minh	5264	51L-356.96	Hồ Chí Minh	6264	51L-205.99	Hồ Chí Minh			
4265	51L-233.16	Hồ Chí Minh	5265	51L-358.16	Hồ Chí Minh	6265	51L-206.59	Hồ Chí Minh			
4266	51L-233.28	Hồ Chí Minh	5266	51L-360.18	Hồ Chí Minh	6266	51L-208.86	Hồ Chí Minh			
4267	51L-234.36	Hồ Chí Minh	5267	51L-361.66	Hồ Chí Minh	6267	51L-209.28	Hồ Chí Minh			
4268	51L-236.85	Hồ Chí Minh	5268	51L-361.85	Hồ Chí Minh	6268	51L-209.39	Hồ Chí Minh			
4269	51L-238.33	Hồ Chí Minh	5269	51L-365.95	Hồ Chí Minh	6269	51L-215.26	Hồ Chí Minh			
4270	51L-239.09	Hồ Chí Minh	5270	51L-368.08	Hồ Chí Minh	6270	51L-218.33	Hồ Chí Minh			
4271	51L-299.06	Hồ Chí Minh	5271	51L-368.35	Hồ Chí Minh	6271	51L-219.14	Hồ Chí Minh			
4272	51L-299.56	Hồ Chí Minh	5272	51L-371.88	Hồ Chí Minh	6272	51L-219.43	Hồ Chí Minh			
4273	51L-300.16	Hồ Chí Minh	5273	51L-374.83	Hồ Chí Minh	6273	51L-219.95	Hồ Chí Minh			
4274	51L-300.18	Hồ Chí Minh	5274	51L-376.16	Hồ Chí Minh	6274	51L-221.06	Hồ Chí Minh			
4275	51L-304.68	Hồ Chí Minh	5275	51L-382.15	Hồ Chí Minh	6275	51L-223.29	Hồ Chí Minh			
4276	51L-304.77	Hồ Chí Minh	5276	51L-385.29	Hồ Chí Minh	6276	51L-224.28	Hồ Chí Minh			
4277	51L-306.63	Hồ Chí Minh	5277	51L-391.86	Hồ Chí Minh	6277	51L-224.39	Hồ Chí Minh			
4278	51L-306.93	Hồ Chí Minh	5278	11A-110.85	Cao Bằng	6278	51L-228.58	Hồ Chí Minh			
4279	51L-309.06	Hồ Chí Minh	5279	11A-112.58	Cao Bằng	6279	51L-229.18	Hồ Chí Minh			
4280	51L-311.66	Hồ Chí Minh	5280	11A-114.19	Cao Bằng	6280	51L-229.65	Hồ Chí Minh			
4281	51L-314.28	Hồ Chí Minh	5281	11A-114.38	Cao Bằng	6281	51L-297.59	Hồ Chí Minh			
4282	51L-314.39	Hồ Chí Minh	5282	11A-114.89	Cao Bằng	6282	51L-299.19	Hồ Chí Minh			
4283	51L-314.77	Hồ Chí Minh	5283	11A-115.86	Cao Bằng	6283	51L-302.15	Hồ Chí Minh			
4284	51L-315.39	Hồ Chí Minh	5284	12A-222.33	Lạng Sơn	6284	51L-302.56	Hồ Chí Minh			
4285	51L-318.44	Hồ Chí Minh	5285	12A-225.88	Lạng Sơn	6285	51L-302.88	Hồ Chí Minh			
4286	51L-319.07	Hồ Chí Minh	5286	12A-229.92	Lạng Sơn	6286	51L-304.05	Hồ Chí Minh			
4287	51L-319.45	Hồ Chí Minh	5287	12A-237.38	Lạng Sơn	6287	51L-304.59	Hồ Chí Minh			
4288	51L-321.09	Hồ Chí Minh	5288	12A-237.66	Lạng Sơn	6288	51L-308.22	Hồ Chí Minh			
4289	51L-323.11	Hồ Chí Minh	5289	12A-238.19	Lạng Sơn	6289	51L-308.58	Hồ Chí Minh			
4290	51L-325.33	Hồ Chí Minh	5290	12A-241.15	Lạng Sơn	6290	51L-313.69	Hồ Chí Minh			
4291	51L-326.44	Hồ Chí Minh	5291	12A-242.28	Lạng Sơn	6291	51L-317.89	Hồ Chí Minh			
4292	51L-328.33	Hồ Chí Minh	5292	12A-242.83	Lạng Sơn	6292	51L-319.17	Hồ Chí Minh			
4293	51L-332.69	Hồ Chí Minh	5293	12C-124.44	Lạng Sơn	6293	51L-319.31	Hồ Chí Minh			
4294	51L-334.85	Hồ Chí Minh	5294	12C-125.25	Lạng Sơn	6294	51L-323.15	Hồ Chí Minh			
4295	51L-336.19	Hồ Chí Minh	5295	12C-126.66	Lạng Sơn	6295	51L-324.77	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4296	51L-336.35	Hồ Chí Minh	5296	14A-835.39	Quảng Ninh	6296	51L-325.86	Hồ Chí Minh			
4297	51L-337.58	Hồ Chí Minh	5297	14A-843.39	Quảng Ninh	6297	51L-326.96	Hồ Chí Minh			
4298	51L-340.85	Hồ Chí Minh	5298	14A-851.36	Quảng Ninh	6298	51L-327.26	Hồ Chí Minh			
4299	51L-346.25	Hồ Chí Minh	5299	14A-852.79	Quảng Ninh	6299	51L-328.35	Hồ Chí Minh			
4300	51L-347.43	Hồ Chí Minh	5300	14A-853.55	Quảng Ninh	6300	51L-329.22	Hồ Chí Minh			
4301	51L-347.44	Hồ Chí Minh	5301	14A-856.98	Quảng Ninh	6301	51L-329.88	Hồ Chí Minh			
4302	51L-347.66	Hồ Chí Minh	5302	14A-860.28	Quảng Ninh	6302	51L-332.25	Hồ Chí Minh			
4303	51L-349.08	Hồ Chí Minh	5303	14A-861.19	Quảng Ninh	6303	51L-332.29	Hồ Chí Minh			
4304	51L-352.00	Hồ Chí Minh	5304	14A-864.77	Quảng Ninh	6304	51L-335.16	Hồ Chí Minh			
4305	51L-354.39	Hồ Chí Minh	5305	14A-864.79	Quảng Ninh	6305	51L-335.19	Hồ Chí Minh			
4306	51L-355.33	Hồ Chí Minh	5306	14A-866.56	Quảng Ninh	6306	51L-335.29	Hồ Chí Minh			
4307	51L-359.88	Hồ Chí Minh	5307	14A-870.66	Quảng Ninh	6307	51L-340.55	Hồ Chí Minh			
4308	51L-360.25	Hồ Chí Minh	5308	14A-875.38	Quảng Ninh	6308	51L-340.59	Hồ Chí Minh			
4309	51L-364.88	Hồ Chí Minh	5309	14A-878.09	Quảng Ninh	6309	51L-342.18	Hồ Chí Minh			
4310	51L-365.22	Hồ Chí Minh	5310	14A-878.85	Quảng Ninh	6310	51L-344.28	Hồ Chí Minh			
4311	51L-365.63	Hồ Chí Minh	5311	14A-879.86	Quảng Ninh	6311	51L-347.77	Hồ Chí Minh			
4312	51L-367.22	Hồ Chí Minh	5312	14A-880.58	Quảng Ninh	6312	51L-349.33	Hồ Chí Minh			
4313	51L-367.88	Hồ Chí Minh	5313	14A-888.46	Quảng Ninh	6313	51L-350.85	Hồ Chí Minh			
4314	51L-368.65	Hồ Chí Minh	5314	14A-889.82	Quảng Ninh	6314	51L-351.53	Hồ Chí Minh			
4315	51L-373.22	Hồ Chí Minh	5315	14C-388.69	Quảng Ninh	6315	51L-353.22	Hồ Chí Minh			
4316	51L-373.58	Hồ Chí Minh	5316	14C-395.39	Quảng Ninh	6316	51L-354.18	Hồ Chí Minh			
4317	51L-375.16	Hồ Chí Minh	5317	14C-397.56	Quảng Ninh	6317	51L-355.09	Hồ Chí Minh			
4318	51L-375.86	Hồ Chí Minh	5318	14C-399.26	Quảng Ninh	6318	51L-356.98	Hồ Chí Minh			
4319	51L-381.28	Hồ Chí Minh	5319	14C-399.77	Quảng Ninh	6319	51L-358.38	Hồ Chí Minh			
4320	51L-383.96	Hồ Chí Minh	5320	14C-401.02	Quảng Ninh	6320	51L-359.15	Hồ Chí Minh			
4321	51L-384.59	Hồ Chí Minh	5321	14C-403.59	Quảng Ninh	6321	51L-359.83	Hồ Chí Minh			
4322	51L-385.89	Hồ Chí Minh	5322	14C-406.36	Quảng Ninh	6322	51L-360.59	Hồ Chí Minh			
4323	51L-386.28	Hồ Chí Minh	5323	14C-406.60	Quảng Ninh	6323	51L-362.16	Hồ Chí Minh			
4324	11A-108.79	Cao Bằng	5324	19A-587.39	Phú Thọ	6324	51L-362.35	Hồ Chí Minh			
4325	11A-110.36	Cao Bằng	5325	19A-596.56	Phú Thọ	6325	51L-367.83	Hồ Chí Minh			
4326	11A-112.33	Cao Bằng	5326	19A-598.09	Phú Thọ	6326	51L-370.18	Hồ Chí Minh			
4327	11A-112.83	Cao Bằng	5327	19A-599.38	Phú Thọ	6327	51L-372.28	Hồ Chí Minh			
4328	11A-113.66	Cao Bằng	5328	19A-601.18	Phú Thọ	6328	51L-372.58	Hồ Chí Minh			
4329	11A-115.19	Cao Bằng	5329	19A-601.28	Phú Thọ	6329	51L-374.28	Hồ Chí Minh			
4330	12A-221.11	Lạng Sơn	5330	19A-601.33	Phú Thọ	6330	51L-374.68	Hồ Chí Minh			
4331	12A-223.89	Lạng Sơn	5331	19A-610.08	Phú Thọ	6331	51L-376.09	Hồ Chí Minh			
4332	12A-232.86	Lạng Sơn	5332	19A-611.95	Phú Thọ	6332	51L-378.44	Hồ Chí Minh			
4333	12A-235.44	Lạng Sơn	5333	19A-613.85	Phú Thọ	6333	51L-394.98	Hồ Chí Minh			
4334	12A-237.25	Lạng Sơn	5334	19A-614.28	Phú Thọ	6334	51L-395.18	Hồ Chí Minh			
4335	12A-237.33	Lạng Sơn	5335	20A-706.06	Thái Nguyên	6335	11A-110.10	Cao Bằng			
4336	12A-238.15	Lạng Sơn	5336	20A-719.08	Thái Nguyên	6336	11A-111.96	Cao Bằng			
4337	12A-239.28	Lạng Sơn	5337	20A-728.85	Thái Nguyên	6337	11A-112.12	Cao Bằng			
4338	12A-240.86	Lạng Sơn	5338	20A-733.59	Thái Nguyên	6338	11C-071.36	Cao Bằng			
4339	12A-242.59	Lạng Sơn	5339	20A-737.56	Thái Nguyên	6339	12A-222.56	Lạng Sơn			
4340	12A-242.65	Lạng Sơn	5340	20A-738.39	Thái Nguyên	6340	12A-222.77	Lạng Sơn			
4341	14A-853.58	Quảng Ninh	5341	20A-740.36	Thái Nguyên	6341	12A-222.89	Lạng Sơn			
4342	14A-856.22	Quảng Ninh	5342	20A-741.86	Thái Nguyên	6342	12A-234.18	Lạng Sơn			
4343	14A-857.68	Quảng Ninh	5343	20A-742.66	Thái Nguyên	6343	12A-239.18	Lạng Sơn			
4344	14A-860.98	Quảng Ninh	5344	20A-743.15	Thái Nguyên	6344	12A-241.22	Lạng Sơn			
4345	14A-863.35	Quảng Ninh	5345	20A-743.18	Thái Nguyên	6345	12A-241.59	Lạng Sơn			
4346	14A-864.55	Quảng Ninh	5346	20A-744.35	Thái Nguyên	6346	12A-242.96	Lạng Sơn			
4347	14A-869.70	Quảng Ninh	5347	20A-745.95	Thái Nguyên	6347	12C-131.59	Lạng Sơn			
4348	14A-872.68	Quảng Ninh	5348	20A-746.35	Thái Nguyên	6348	14A-852.62	Quảng Ninh			
4349	14A-874.79	Quảng Ninh	5349	20A-747.89	Thái Nguyên	6349	14A-856.35	Quảng Ninh			
4350	14A-879.18	Quảng Ninh	5350	20A-748.55	Thái Nguyên	6350	14A-861.85	Quảng Ninh			
4351	14A-879.22	Quảng Ninh	5351	20A-748.95	Thái Nguyên	6351	14A-862.18	Quảng Ninh			
4352	14A-879.56	Quảng Ninh	5352	20A-749.11	Thái Nguyên	6352	14A-868.56	Quảng Ninh			
4353	14A-880.09	Quảng Ninh	5353	20A-749.49	Thái Nguyên	6353	14A-871.38	Quảng Ninh			
4354	14A-884.11	Quảng Ninh	5354	20A-750.39	Thái Nguyên	6354	14A-871.69	Quảng Ninh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4355	14A-889.25	Quảng Ninh	5355	20A-750.77	Thái Nguyên	6355	14A-874.18	Quảng Ninh			
4356	14C-396.55	Quảng Ninh	5356	20A-751.55	Thái Nguyên	6356	14A-874.55	Quảng Ninh			
4357	14C-397.33	Quảng Ninh	5357	20A-752.15	Thái Nguyên	6357	14A-877.66	Quảng Ninh			
4358	14C-400.28	Quảng Ninh	5358	20A-752.38	Thái Nguyên	6358	14A-877.98	Quảng Ninh			
4359	14C-401.66	Quảng Ninh	5359	20A-756.33	Thái Nguyên	6359	14A-881.35	Quảng Ninh			
4360	14C-404.18	Quảng Ninh	5360	20A-758.09	Thái Nguyên	6360	14A-885.06	Quảng Ninh			
4361	14C-406.88	Quảng Ninh	5361	20A-760.69	Thái Nguyên	6361	14A-886.55	Quảng Ninh			
4362	14C-407.08	Quảng Ninh	5362	20A-760.83	Thái Nguyên	6362	14A-886.59	Quảng Ninh			
4363	19A-585.59	Phủ Thọ	5363	20A-762.09	Thái Nguyên	6363	14A-889.26	Quảng Ninh			
4364	19A-586.69	Phủ Thọ	5364	20A-762.26	Thái Nguyên	6364	14A-890.55	Quảng Ninh			
4365	19A-596.65	Phủ Thọ	5365	20A-762.29	Thái Nguyên	6365	14C-398.77	Quảng Ninh			
4366	19A-596.93	Phủ Thọ	5366	20A-762.96	Thái Nguyên	6366	14C-402.04	Quảng Ninh			
4367	19A-600.08	Phủ Thọ	5367	20B-031.88	Thái Nguyên	6367	14C-403.19	Quảng Ninh			
4368	19A-610.66	Phủ Thọ	5368	20C-271.39	Thái Nguyên	6368	14C-405.15	Quảng Ninh			
4369	19A-613.18	Phủ Thọ	5369	20C-285.38	Thái Nguyên	6369	14C-405.18	Quảng Ninh			
4370	20A-704.89	Thái Nguyên	5370	20D-026.26	Thái Nguyên	6370	14C-406.22	Quảng Ninh			
4371	20A-704.99	Thái Nguyên	5371	21A-179.86	Yên Bái	6371	14C-407.28	Quảng Ninh			
4372	20A-707.86	Thái Nguyên	5372	21A-184.79	Yên Bái	6372	14C-407.36	Quảng Ninh			
4373	20A-715.86	Thái Nguyên	5373	21A-185.96	Yên Bái	6373	19A-599.26	Phủ Thọ			
4374	20A-721.56	Thái Nguyên	5374	21A-192.29	Yên Bái	6374	19A-610.58	Phủ Thọ			
4375	20A-722.86	Thái Nguyên	5375	21A-192.83	Yên Bái	6375	19A-611.61	Phủ Thọ			
4376	20A-725.39	Thái Nguyên	5376	21A-193.28	Yên Bái	6376	20A-707.79	Thái Nguyên			
4377	20A-729.85	Thái Nguyên	5377	21A-194.65	Yên Bái	6377	20A-709.68	Thái Nguyên			
4378	20A-730.08	Thái Nguyên	5378	21B-009.69	Yên Bái	6378	20A-723.77	Thái Nguyên			
4379	20A-730.19	Thái Nguyên	5379	21C-098.15	Yên Bái	6379	20A-727.88	Thái Nguyên			
4380	20A-738.58	Thái Nguyên	5380	22A-210.86	Tuyên Quang	6380	20A-730.89	Thái Nguyên			
4381	20A-739.59	Thái Nguyên	5381	22A-213.99	Tuyên Quang	6381	20A-731.09	Thái Nguyên			
4382	20A-742.19	Thái Nguyên	5382	22A-221.66	Tuyên Quang	6382	20A-732.86	Thái Nguyên			
4383	20A-742.93	Thái Nguyên	5383	22A-222.96	Tuyên Quang	6383	20A-733.63	Thái Nguyên			
4384	20A-745.08	Thái Nguyên	5384	22A-223.65	Tuyên Quang	6384	20A-734.96	Thái Nguyên			
4385	20A-746.36	Thái Nguyên	5385	22A-223.99	Tuyên Quang	6385	20A-735.86	Thái Nguyên			
4386	20A-754.56	Thái Nguyên	5386	22A-225.89	Tuyên Quang	6386	20A-736.35	Thái Nguyên			
4387	20A-755.36	Thái Nguyên	5387	22A-226.59	Tuyên Quang	6387	20A-740.04	Thái Nguyên			
4388	20A-755.38	Thái Nguyên	5388	22A-226.86	Tuyên Quang	6388	20A-743.89	Thái Nguyên			
4389	20A-756.16	Thái Nguyên	5389	22A-228.06	Tuyên Quang	6389	20A-750.08	Thái Nguyên			
4390	20A-757.38	Thái Nguyên	5390	22A-228.98	Tuyên Quang	6390	20A-757.86	Thái Nguyên			
4391	20A-757.98	Thái Nguyên	5391	22A-229.94	Tuyên Quang	6391	20A-759.44	Thái Nguyên			
4392	20A-758.56	Thái Nguyên	5392	22A-231.15	Tuyên Quang	6392	20C-272.39	Thái Nguyên			
4393	20A-761.35	Thái Nguyên	5393	22A-231.56	Tuyên Quang	6393	20C-275.68	Thái Nguyên			
4394	20A-761.65	Thái Nguyên	5394	22A-232.66	Tuyên Quang	6394	20C-276.99	Thái Nguyên			
4395	20A-762.38	Thái Nguyên	5395	22A-235.25	Tuyên Quang	6395	20C-281.81	Thái Nguyên			
4396	20A-763.55	Thái Nguyên	5396	22A-235.66	Tuyên Quang	6396	20C-283.16	Thái Nguyên			
4397	20A-763.66	Thái Nguyên	5397	22C-098.79	Tuyên Quang	6397	20C-286.39	Thái Nguyên			
4398	20A-764.35	Thái Nguyên	5398	23A-135.66	Hà Giang	6398	21A-180.39	Yên Bái			
4399	20A-764.69	Thái Nguyên	5399	23A-139.19	Hà Giang	6399	21A-186.11	Yên Bái			
4400	20C-277.68	Thái Nguyên	5400	23A-142.00	Hà Giang	6400	21A-187.08	Yên Bái			
4401	20C-279.88	Thái Nguyên	5401	23A-143.09	Hà Giang	6401	21A-187.79	Yên Bái			
4402	20C-280.19	Thái Nguyên	5402	23A-143.55	Hà Giang	6402	21A-187.83	Yên Bái			
4403	20C-281.69	Thái Nguyên	5403	23C-079.35	Hà Giang	6403	21A-188.39	Yên Bái			
4404	20C-281.99	Thái Nguyên	5404	23C-081.95	Hà Giang	6404	21A-191.09	Yên Bái			
4405	20C-285.58	Thái Nguyên	5405	24A-257.68	Lào Cai	6405	21A-191.36	Yên Bái			
4406	21A-183.83	Yên Bái	5406	24A-260.56	Lào Cai	6406	21A-191.79	Yên Bái			
4407	21A-185.15	Yên Bái	5407	24A-262.25	Lào Cai	6407	21C-097.99	Yên Bái			
4408	21A-186.55	Yên Bái	5408	24A-263.25	Lào Cai	6408	21C-098.55	Yên Bái			
4409	21A-186.99	Yên Bái	5409	24A-267.29	Lào Cai	6409	21C-098.66	Yên Bái			
4410	21A-193.08	Yên Bái	5410	24A-267.85	Lào Cai	6410	21C-099.36	Yên Bái			
4411	21A-193.11	Yên Bái	5411	24A-268.11	Lào Cai	6411	22A-211.68	Tuyên Quang			
4412	21A-193.29	Yên Bái	5412	24A-268.35	Lào Cai	6412	22A-216.16	Tuyên Quang			
4413	21A-193.38	Yên Bái	5413	24A-268.36	Lào Cai	6413	22A-216.66	Tuyên Quang			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4414	21C-098.28	Yên Bái	5414	24A-269.19	Lào Cai	6414	22A-219.56	Tuyên Quang			
4415	21C-098.39	Yên Bái	5415	24A-270.70	Lào Cai	6415	22A-219.88	Tuyên Quang			
4416	21C-098.56	Yên Bái	5416	24A-270.85	Lào Cai	6416	22A-223.11	Tuyên Quang			
4417	22A-215.68	Tuyên Quang	5417	24A-274.06	Lào Cai	6417	22A-223.26	Tuyên Quang			
4418	22A-224.24	Tuyên Quang	5418	24C-147.88	Lào Cai	6418	22A-223.86	Tuyên Quang			
4419	22A-224.69	Tuyên Quang	5419	24C-152.15	Lào Cai	6419	22A-230.79	Tuyên Quang			
4420	22A-234.44	Tuyên Quang	5420	24C-152.36	Lào Cai	6420	22A-231.16	Tuyên Quang			
4421	22C-099.77	Tuyên Quang	5421	25A-071.17	Lai Châu	6421	22A-231.18	Tuyên Quang			
4422	23A-138.15	Hà Giang	5422	26A-194.08	Sơn La	6422	22A-231.98	Tuyên Quang			
4423	23A-138.33	Hà Giang	5423	26A-195.65	Sơn La	6423	22A-232.59	Tuyên Quang			
4424	23A-138.59	Hà Giang	5424	26A-196.38	Sơn La	6424	22A-232.96	Tuyên Quang			
4425	23A-139.35	Hà Giang	5425	26A-199.25	Sơn La	6425	22A-233.86	Tuyên Quang			
4426	23A-141.08	Hà Giang	5426	26A-199.56	Sơn La	6426	22B-012.34	Tuyên Quang			
4427	23A-146.00	Hà Giang	5427	26A-199.94	Sơn La	6427	23A-135.69	Hà Giang			
4428	23C-079.69	Hà Giang	5428	26A-202.00	Sơn La	6428	23A-139.28	Hà Giang			
4429	23C-080.38	Hà Giang	5429	26A-202.08	Sơn La	6429	23A-139.38	Hà Giang			
4430	24A-262.56	Lào Cai	5430	26A-202.86	Sơn La	6430	23A-140.04	Hà Giang			
4431	24A-265.16	Lào Cai	5431	26A-203.30	Sơn La	6431	23A-144.08	Hà Giang			
4432	24A-267.79	Lào Cai	5432	26A-204.96	Sơn La	6432	23A-144.55	Hà Giang			
4433	24A-268.39	Lào Cai	5433	26A-205.68	Sơn La	6433	23A-144.83	Hà Giang			
4434	24A-270.83	Lào Cai	5434	26A-206.58	Sơn La	6434	23A-145.45	Hà Giang			
4435	24A-271.15	Lào Cai	5435	26C-139.68	Sơn La	6435	23A-146.08	Hà Giang			
4436	24A-272.11	Lào Cai	5436	26C-145.68	Sơn La	6436	23C-080.35	Hà Giang			
4437	24A-273.27	Lào Cai	5437	27A-105.18	Điện Biên	6437	23C-081.18	Hà Giang			
4438	24C-149.79	Lào Cai	5438	27A-106.26	Điện Biên	6438	23D-004.08	Hà Giang			
4439	24C-150.33	Lào Cai	5439	27A-106.60	Điện Biên	6439	24A-259.68	Lào Cai			
4440	24C-150.38	Lào Cai	5440	27C-064.68	Điện Biên	6440	24A-266.25	Lào Cai			
4441	24C-151.86	Lào Cai	5441	28A-222.21	Hòa Bình	6441	24A-269.22	Lào Cai			
4442	24C-152.09	Lào Cai	5442	28A-222.26	Hòa Bình	6442	24A-271.22	Lào Cai			
4443	24C-152.11	Lào Cai	5443	28A-222.32	Hòa Bình	6443	24A-273.36	Lào Cai			
4444	25A-074.59	Lai Châu	5444	28A-224.35	Hòa Bình	6444	24C-149.77	Lào Cai			
4445	25C-050.86	Lai Châu	5445	28A-224.69	Hòa Bình	6445	24C-150.69	Lào Cai			
4446	26A-186.99	Sơn La	5446	28A-224.89	Hòa Bình	6446	24C-150.88	Lào Cai			
4447	26A-191.85	Sơn La	5447	28A-226.99	Hòa Bình	6447	24D-005.99	Lào Cai			
4448	26A-195.88	Sơn La	5448	28A-227.18	Hòa Bình	6448	25A-070.66	Lai Châu			
4449	26A-196.95	Sơn La	5449	28A-228.66	Hòa Bình	6449	25A-074.68	Lai Châu			
4450	26A-197.69	Sơn La	5450	28A-229.06	Hòa Bình	6450	25C-052.79	Lai Châu			
4451	26A-198.19	Sơn La	5451	28A-230.03	Hòa Bình	6451	26A-190.39	Sơn La			
4452	26A-199.08	Sơn La	5452	28C-108.16	Hòa Bình	6452	26A-197.68	Sơn La			
4453	26A-200.66	Sơn La	5453	29K-089.66	Hà Nội	6453	26A-200.33	Sơn La			
4454	26A-202.96	Sơn La	5454	29K-092.66	Hà Nội	6454	26A-201.69	Sơn La			
4455	26A-206.62	Sơn La	5455	29K-095.68	Hà Nội	6455	26A-202.68	Sơn La			
4456	26C-139.89	Sơn La	5456	29K-106.44	Hà Nội	6456	26A-206.36	Sơn La			
4457	27A-107.77	Điện Biên	5457	29K-109.59	Hà Nội	6457	26A-206.56	Sơn La			
4458	27A-108.80	Điện Biên	5458	29K-112.39	Hà Nội	6458	26C-140.66	Sơn La			
4459	27A-109.19	Điện Biên	5459	29K-115.59	Hà Nội	6459	26C-145.79	Sơn La			
4460	27A-109.96	Điện Biên	5460	29K-117.79	Hà Nội	6460	27A-106.16	Điện Biên			
4461	27A-110.10	Điện Biên	5461	29K-119.36	Hà Nội	6461	27A-106.39	Điện Biên			
4462	27C-061.89	Điện Biên	5462	29K-121.79	Hà Nội	6462	27A-106.77	Điện Biên			
4463	28A-213.69	Hòa Bình	5463	29K-127.99	Hà Nội	6463	27A-107.86	Điện Biên			
4464	28A-221.89	Hòa Bình	5464	29K-137.98	Hà Nội	6464	27A-109.92	Điện Biên			
4465	28A-222.96	Hòa Bình	5465	29K-138.26	Hà Nội	6465	27C-061.68	Điện Biên			
4466	28A-224.56	Hòa Bình	5466	29K-139.09	Hà Nội	6466	28A-215.39	Hòa Bình			
4467	28A-225.88	Hòa Bình	5467	47A-640.68	Đắk Lắk	6467	28A-216.55	Hòa Bình			
4468	28A-225.99	Hòa Bình	5468	47A-640.86	Đắk Lắk	6468	28A-216.69	Hòa Bình			
4469	28A-226.25	Hòa Bình	5469	47A-656.99	Đắk Lắk	6469	28A-217.36	Hòa Bình			
4470	28A-226.79	Hòa Bình	5470	47A-662.06	Đắk Lắk	6470	28A-222.69	Hòa Bình			
4471	28A-227.09	Hòa Bình	5471	47A-666.36	Đắk Lắk	6471	28A-224.36	Hòa Bình			
4472	28A-228.19	Hòa Bình	5472	47A-668.18	Đắk Lắk	6472	28A-225.85	Hòa Bình			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4473	28A-231.86	Hòa Bình	5473	47A-669.33	Đắk Lắk	6473	28A-229.44	Hòa Bình			
4474	29K-086.99	Hà Nội	5474	47A-669.36	Đắk Lắk	6474	28A-231.66	Hòa Bình			
4475	29K-088.55	Hà Nội	5475	47A-670.56	Đắk Lắk	6475	28C-102.99	Hòa Bình			
4476	29K-091.89	Hà Nội	5476	47A-670.96	Đắk Lắk	6476	29K-088.44	Hà Nội			
4477	29K-100.38	Hà Nội	5477	47A-671.39	Đắk Lắk	6477	29K-106.58	Hà Nội			
4478	29K-101.88	Hà Nội	5478	47A-673.79	Đắk Lắk	6478	29K-106.77	Hà Nội			
4479	29K-105.55	Hà Nội	5479	47A-674.08	Đắk Lắk	6479	29K-111.26	Hà Nội			
4480	29K-110.89	Hà Nội	5480	47A-675.68	Đắk Lắk	6480	29K-112.56	Hà Nội			
4481	29K-112.69	Hà Nội	5481	47A-677.25	Đắk Lắk	6481	29K-115.86	Hà Nội			
4482	29K-115.79	Hà Nội	5482	47A-678.56	Đắk Lắk	6482	29K-125.66	Hà Nội			
4483	29K-120.68	Hà Nội	5483	47A-679.76	Đắk Lắk	6483	29K-128.26	Hà Nội			
4484	29K-126.39	Hà Nội	5484	47A-680.85	Đắk Lắk	6484	29K-131.89	Hà Nội			
4485	29K-127.59	Hà Nội	5485	47A-681.98	Đắk Lắk	6485	29K-132.59	Hà Nội			
4486	29K-129.77	Hà Nội	5486	47A-682.33	Đắk Lắk	6486	29K-132.98	Hà Nội			
4487	29K-131.85	Hà Nội	5487	47A-684.68	Đắk Lắk	6487	29K-135.59	Hà Nội			
4488	29K-136.28	Hà Nội	5488	47A-685.11	Đắk Lắk	6488	29K-136.22	Hà Nội			
4489	29K-138.16	Hà Nội	5489	47A-685.39	Đắk Lắk	6489	29K-141.11	Hà Nội			
4490	29K-139.29	Hà Nội	5490	47A-685.98	Đắk Lắk	6490	29K-142.22	Hà Nội			
4491	29K-139.36	Hà Nội	5491	47A-686.15	Đắk Lắk	6491	29K-142.89	Hà Nội			
4492	29K-142.77	Hà Nội	5492	47A-686.36	Đắk Lắk	6492	29K-143.36	Hà Nội			
4493	47A-627.27	Đắk Lắk	5493	47A-686.65	Đắk Lắk	6493	47A-631.89	Đắk Lắk			
4494	47A-632.69	Đắk Lắk	5494	47A-688.35	Đắk Lắk	6494	47A-633.39	Đắk Lắk			
4495	47A-634.66	Đắk Lắk	5495	47A-688.36	Đắk Lắk	6495	47A-662.86	Đắk Lắk			
4496	47A-640.66	Đắk Lắk	5496	47A-691.55	Đắk Lắk	6496	47A-662.98	Đắk Lắk			
4497	47A-643.39	Đắk Lắk	5497	47A-691.59	Đắk Lắk	6497	47A-663.11	Đắk Lắk			
4498	47A-651.39	Đắk Lắk	5498	47A-696.89	Đắk Lắk	6498	47A-663.59	Đắk Lắk			
4499	47A-661.69	Đắk Lắk	5499	47A-697.19	Đắk Lắk	6499	47A-667.25	Đắk Lắk			
4500	47A-664.28	Đắk Lắk	5500	47A-697.66	Đắk Lắk	6500	47A-669.95	Đắk Lắk			
4501	47A-665.88	Đắk Lắk	5501	47A-702.44	Đắk Lắk	6501	47A-671.83	Đắk Lắk			
4502	47A-670.69	Đắk Lắk	5502	47A-706.68	Đắk Lắk	6502	47A-672.77	Đắk Lắk			
4503	47A-673.19	Đắk Lắk	5503	47A-707.00	Đắk Lắk	6503	47A-673.09	Đắk Lắk			
4504	47A-675.67	Đắk Lắk	5504	47C-335.16	Đắk Lắk	6504	47A-674.68	Đắk Lắk			
4505	47A-675.95	Đắk Lắk	5505	47C-336.63	Đắk Lắk	6505	47A-676.06	Đắk Lắk			
4506	47A-677.36	Đắk Lắk	5506	47C-337.99	Đắk Lắk	6506	47A-678.26	Đắk Lắk			
4507	47A-679.98	Đắk Lắk	5507	47C-339.55	Đắk Lắk	6507	47A-679.00	Đắk Lắk			
4508	47A-680.26	Đắk Lắk	5508	47C-339.58	Đắk Lắk	6508	47A-683.33	Đắk Lắk			
4509	47A-681.35	Đắk Lắk	5509	47C-347.68	Đắk Lắk	6509	47A-686.58	Đắk Lắk			
4510	47A-683.84	Đắk Lắk	5510	48A-211.44	Đắk Nông	6510	47A-686.77	Đắk Lắk			
4511	47A-684.38	Đắk Lắk	5511	48A-212.58	Đắk Nông	6511	47A-689.35	Đắk Lắk			
4512	47A-687.26	Đắk Lắk	5512	48A-213.83	Đắk Nông	6512	47A-690.26	Đắk Lắk			
4513	47A-688.09	Đắk Lắk	5513	48A-214.00	Đắk Nông	6513	47A-691.89	Đắk Lắk			
4514	47A-689.19	Đắk Lắk	5514	48A-214.19	Đắk Nông	6514	47A-691.99	Đắk Lắk			
4515	47A-689.25	Đắk Lắk	5515	48A-214.36	Đắk Nông	6515	47A-693.98	Đắk Lắk			
4516	47A-689.69	Đắk Lắk	5516	48A-214.44	Đắk Nông	6516	47A-695.36	Đắk Lắk			
4517	47A-690.00	Đắk Lắk	5517	48A-216.83	Đắk Nông	6517	47A-696.29	Đắk Lắk			
4518	47A-690.58	Đắk Lắk	5518	48A-216.85	Đắk Nông	6518	47A-698.69	Đắk Lắk			
4519	47A-690.66	Đắk Lắk	5519	48A-219.88	Đắk Nông	6519	47A-705.08	Đắk Lắk			
4520	47A-691.22	Đắk Lắk	5520	48C-097.16	Đắk Nông	6520	47A-705.19	Đắk Lắk			
4521	47A-695.79	Đắk Lắk	5521	48C-099.85	Đắk Nông	6521	47A-706.38	Đắk Lắk			
4522	47A-696.58	Đắk Lắk	5522	48C-100.98	Đắk Nông	6522	47A-708.68	Đắk Lắk			
4523	47A-697.69	Đắk Lắk	5523	48C-101.16	Đắk Nông	6523	47C-329.68	Đắk Lắk			
4524	47A-698.55	Đắk Lắk	5524	48D-002.26	Đắk Nông	6524	47C-335.58	Đắk Lắk			
4525	47A-699.19	Đắk Lắk	5525	49A-629.29	Lâm Đồng	6525	47C-336.28	Đắk Lắk			
4526	47A-701.25	Đắk Lắk	5526	49A-632.86	Lâm Đồng	6526	47C-336.55	Đắk Lắk			
4527	47A-702.25	Đắk Lắk	5527	49A-633.77	Lâm Đồng	6527	47C-337.26	Đắk Lắk			
4528	47A-702.65	Đắk Lắk	5528	49A-636.33	Lâm Đồng	6528	47C-338.83	Đắk Lắk			
4529	47A-704.08	Đắk Lắk	5529	49A-636.58	Lâm Đồng	6529	47C-339.00	Đắk Lắk			
4530	47A-705.29	Đắk Lắk	5530	49A-643.89	Lâm Đồng	6530	47C-339.96	Đắk Lắk			
4531	47A-706.28	Đắk Lắk	5531	49A-644.22	Lâm Đồng	6531	47C-340.41	Đắk Lắk			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4532	47A-707.08	Đắk Lắk	5532	49A-646.55	Lâm Đồng	6532	47C-344.00	Đắk Lắk			
4533	47C-328.39	Đắk Lắk	5533	49A-647.77	Lâm Đồng	6533	47C-345.89	Đắk Lắk			
4534	47C-338.28	Đắk Lắk	5534	49A-648.48	Lâm Đồng	6534	47C-347.35	Đắk Lắk			
4535	47C-338.79	Đắk Lắk	5535	49A-648.96	Lâm Đồng	6535	47C-348.38	Đắk Lắk			
4536	47C-339.86	Đắk Lắk	5536	49A-650.06	Lâm Đồng	6536	48A-207.88	Đắk Nông			
4537	47C-340.29	Đắk Lắk	5537	49A-653.53	Lâm Đồng	6537	48A-208.79	Đắk Nông			
4538	47C-341.56	Đắk Lắk	5538	49A-654.08	Lâm Đồng	6538	48A-210.98	Đắk Nông			
4539	47C-342.09	Đắk Lắk	5539	49A-654.35	Lâm Đồng	6539	48A-211.66	Đắk Nông			
4540	47C-343.66	Đắk Lắk	5540	49A-654.58	Lâm Đồng	6540	48A-212.55	Đắk Nông			
4541	47C-344.35	Đắk Lắk	5541	49A-655.11	Lâm Đồng	6541	48A-212.96	Đắk Nông			
4542	47C-346.44	Đắk Lắk	5542	49A-655.79	Lâm Đồng	6542	48A-215.11	Đắk Nông			
4543	47C-346.55	Đắk Lắk	5543	49A-656.16	Lâm Đồng	6543	48A-215.28	Đắk Nông			
4544	47C-348.68	Đắk Lắk	5544	49A-664.46	Lâm Đồng	6544	48A-216.95	Đắk Nông			
4545	48A-209.00	Đắk Nông	5545	49A-664.68	Lâm Đồng	6545	48A-217.19	Đắk Nông			
4546	48A-209.68	Đắk Nông	5546	49A-670.00	Lâm Đồng	6546	48A-217.21	Đắk Nông			
4547	48A-211.25	Đắk Nông	5547	49A-670.89	Lâm Đồng	6547	48A-218.28	Đắk Nông			
4548	48A-213.08	Đắk Nông	5548	49A-671.55	Lâm Đồng	6548	48A-219.58	Đắk Nông			
4549	48A-215.68	Đắk Nông	5549	49A-672.27	Lâm Đồng	6549	48A-219.77	Đắk Nông			
4550	48A-219.25	Đắk Nông	5550	49A-672.55	Lâm Đồng	6550	48A-220.20	Đắk Nông			
4551	48C-097.15	Đắk Nông	5551	49C-341.38	Lâm Đồng	6551	48C-099.66	Đắk Nông			
4552	48C-099.18	Đắk Nông	5552	49C-342.88	Lâm Đồng	6552	48C-100.06	Đắk Nông			
4553	48C-100.83	Đắk Nông	5553	49C-344.58	Lâm Đồng	6553	49A-637.22	Lâm Đồng			
4554	48C-101.02	Đắk Nông	5554	49C-345.58	Lâm Đồng	6554	49A-638.25	Lâm Đồng			
4555	49A-638.95	Lâm Đồng	5555	49C-347.89	Lâm Đồng	6555	49A-638.77	Lâm Đồng			
4556	49A-641.58	Lâm Đồng	5556	49C-349.79	Lâm Đồng	6556	49A-641.65	Lâm Đồng			
4557	49A-642.89	Lâm Đồng	5557	49C-350.58	Lâm Đồng	6557	49A-641.95	Lâm Đồng			
4558	49A-643.39	Lâm Đồng	5558	51D-956.06	Hồ Chí Minh	6558	49A-642.18	Lâm Đồng			
4559	49A-644.96	Lâm Đồng	5559	60C-690.00	Đồng Nai	6559	49A-643.64	Lâm Đồng			
4560	49A-645.44	Lâm Đồng	5560	60C-703.56	Đồng Nai	6560	49A-646.66	Lâm Đồng			
4561	49A-645.85	Lâm Đồng	5561	60C-708.89	Đồng Nai	6561	49A-648.09	Lâm Đồng			
4562	49A-647.26	Lâm Đồng	5562	60C-709.98	Đồng Nai	6562	49A-652.59	Lâm Đồng			
4563	49A-647.65	Lâm Đồng	5563	60C-711.33	Đồng Nai	6563	49A-652.96	Lâm Đồng			
4564	49A-648.46	Lâm Đồng	5564	60C-712.58	Đồng Nai	6564	49A-653.54	Lâm Đồng			
4565	49A-649.16	Lâm Đồng	5565	60C-713.06	Đồng Nai	6565	49A-653.89	Lâm Đồng			
4566	49A-649.98	Lâm Đồng	5566	60C-713.59	Đồng Nai	6566	49A-657.33	Lâm Đồng			
4567	49A-650.26	Lâm Đồng	5567	60K-430.00	Đồng Nai	6567	49A-661.11	Lâm Đồng			
4568	49A-655.28	Lâm Đồng	5568	60K-442.68	Đồng Nai	6568	49A-663.28	Lâm Đồng			
4569	49A-655.38	Lâm Đồng	5569	60K-443.19	Đồng Nai	6569	49A-664.69	Lâm Đồng			
4570	49A-656.69	Lâm Đồng	5570	60K-443.68	Đồng Nai	6570	49A-665.68	Lâm Đồng			
4571	49A-657.89	Lâm Đồng	5571	60K-444.46	Đồng Nai	6571	49A-667.18	Lâm Đồng			
4572	49A-659.15	Lâm Đồng	5572	60K-445.45	Đồng Nai	6572	49A-669.39	Lâm Đồng			
4573	49A-659.86	Lâm Đồng	5573	60K-453.88	Đồng Nai	6573	49A-670.25	Lâm Đồng			
4574	49A-659.95	Lâm Đồng	5574	60K-455.68	Đồng Nai	6574	49A-672.36	Lâm Đồng			
4575	49A-660.86	Lâm Đồng	5575	60K-457.15	Đồng Nai	6575	49C-346.58	Lâm Đồng			
4576	49A-664.16	Lâm Đồng	5576	60K-457.18	Đồng Nai	6576	49C-347.39	Lâm Đồng			
4577	49A-664.29	Lâm Đồng	5577	60K-457.28	Đồng Nai	6577	51D-956.55	Hồ Chí Minh			
4578	49A-664.99	Lâm Đồng	5578	60K-457.96	Đồng Nai	6578	60C-706.38	Đồng Nai			
4579	49A-665.82	Lâm Đồng	5579	60K-460.44	Đồng Nai	6579	60C-710.29	Đồng Nai			
4580	49A-666.08	Lâm Đồng	5580	60K-462.62	Đồng Nai	6580	60K-422.39	Đồng Nai			
4581	49A-668.09	Lâm Đồng	5581	60K-465.83	Đồng Nai	6581	60K-428.88	Đồng Nai			
4582	49A-670.56	Lâm Đồng	5582	60K-466.46	Đồng Nai	6582	60K-432.88	Đồng Nai			
4583	49A-670.69	Lâm Đồng	5583	60K-471.29	Đồng Nai	6583	60K-435.86	Đồng Nai			
4584	49A-670.88	Lâm Đồng	5584	60K-471.55	Đồng Nai	6584	60K-435.88	Đồng Nai			
4585	49A-670.99	Lâm Đồng	5585	60K-471.77	Đồng Nai	6585	60K-439.68	Đồng Nai			
4586	49A-672.83	Lâm Đồng	5586	60K-472.16	Đồng Nai	6586	60K-441.89	Đồng Nai			
4587	49C-343.89	Lâm Đồng	5587	60K-472.22	Đồng Nai	6587	60K-442.38	Đồng Nai			
4588	49C-348.18	Lâm Đồng	5588	60K-473.83	Đồng Nai	6588	60K-442.58	Đồng Nai			
4589	49C-350.66	Lâm Đồng	5589	60K-474.28	Đồng Nai	6589	60K-453.19	Đồng Nai			
4590	49C-351.79	Lâm Đồng	5590	60K-475.79	Đồng Nai	6590	60K-456.38	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4591	49C-352.09	Lâm Đồng	5591	60K-476.95	Đồng Nai	6591	60K-459.66	Đồng Nai			
4592	51D-956.09	Hồ Chí Minh	5592	60K-478.25	Đồng Nai	6592	60K-459.86	Đồng Nai			
4593	60C-700.00	Đồng Nai	5593	60K-478.38	Đồng Nai	6593	60K-460.19	Đồng Nai			
4594	60C-705.38	Đồng Nai	5594	60K-486.39	Đồng Nai	6594	60K-460.77	Đồng Nai			
4595	60C-706.86	Đồng Nai	5595	60K-487.44	Đồng Nai	6595	60K-461.08	Đồng Nai			
4596	60C-706.99	Đồng Nai	5596	60K-488.77	Đồng Nai	6596	60K-461.56	Đồng Nai			
4597	60C-709.90	Đồng Nai	5597	60K-490.35	Đồng Nai	6597	60K-461.62	Đồng Nai			
4598	60C-710.38	Đồng Nai	5598	60K-490.68	Đồng Nai	6598	60K-461.66	Đồng Nai			
4599	60C-710.66	Đồng Nai	5599	60K-491.95	Đồng Nai	6599	60K-462.35	Đồng Nai			
4600	60C-711.44	Đồng Nai	5600	60K-493.06	Đồng Nai	6600	60K-463.11	Đồng Nai			
4601	60C-712.89	Đồng Nai	5601	61C-559.88	Bình Dương	6601	60K-463.99	Đồng Nai			
4602	60C-713.26	Đồng Nai	5602	61C-560.89	Bình Dương	6602	60K-465.85	Đồng Nai			
4603	60K-428.28	Đồng Nai	5603	61C-562.79	Bình Dương	6603	60K-466.25	Đồng Nai			
4604	60K-441.55	Đồng Nai	5604	61C-562.89	Bình Dương	6604	60K-468.25	Đồng Nai			
4605	60K-444.55	Đồng Nai	5605	61C-563.36	Bình Dương	6605	60K-469.15	Đồng Nai			
4606	60K-451.08	Đồng Nai	5606	61C-563.68	Bình Dương	6606	60K-470.19	Đồng Nai			
4607	60K-458.77	Đồng Nai	5607	61C-568.26	Bình Dương	6607	60K-472.26	Đồng Nai			
4608	60K-459.26	Đồng Nai	5608	61C-569.09	Bình Dương	6608	60K-472.77	Đồng Nai			
4609	60K-460.06	Đồng Nai	5609	61K-312.79	Bình Dương	6609	60K-475.09	Đồng Nai			
4610	60K-461.58	Đồng Nai	5610	61K-315.89	Bình Dương	6610	60K-475.66	Đồng Nai			
4611	60K-462.46	Đồng Nai	5611	61K-317.39	Bình Dương	6611	60K-476.68	Đồng Nai			
4612	60K-464.06	Đồng Nai	5612	61K-331.86	Bình Dương	6612	60K-477.15	Đồng Nai			
4613	60K-465.66	Đồng Nai	5613	61K-332.86	Bình Dương	6613	60K-477.85	Đồng Nai			
4614	60K-466.68	Đồng Nai	5614	61K-332.89	Bình Dương	6614	60K-478.95	Đồng Nai			
4615	60K-468.26	Đồng Nai	5615	61K-335.89	Bình Dương	6615	60K-479.08	Đồng Nai			
4616	60K-470.83	Đồng Nai	5616	61K-342.86	Bình Dương	6616	60K-479.55	Đồng Nai			
4617	60K-472.06	Đồng Nai	5617	61K-356.33	Bình Dương	6617	60K-479.86	Đồng Nai			
4618	60K-472.79	Đồng Nai	5618	61K-358.06	Bình Dương	6618	60K-484.06	Đồng Nai			
4619	60K-473.36	Đồng Nai	5619	61K-361.62	Bình Dương	6619	60K-490.69	Đồng Nai			
4620	60K-473.79	Đồng Nai	5620	61K-364.22	Bình Dương	6620	60K-494.25	Đồng Nai			
4621	60K-473.88	Đồng Nai	5621	61K-365.15	Bình Dương	6621	60K-494.85	Đồng Nai			
4622	60K-474.26	Đồng Nai	5622	61K-369.83	Bình Dương	6622	61B-040.86	Bình Dương			
4623	60K-474.38	Đồng Nai	5623	61K-372.08	Bình Dương	6623	61C-557.88	Bình Dương			
4624	60K-475.65	Đồng Nai	5624	61K-372.98	Bình Dương	6624	61C-561.99	Bình Dương			
4625	60K-475.89	Đồng Nai	5625	61K-373.36	Bình Dương	6625	61C-564.56	Bình Dương			
4626	60K-479.68	Đồng Nai	5626	61K-377.85	Bình Dương	6626	61K-316.39	Bình Dương			
4627	60K-480.58	Đồng Nai	5627	61K-379.95	Bình Dương	6627	61K-321.68	Bình Dương			
4628	60K-480.99	Đồng Nai	5628	61K-385.96	Bình Dương	6628	61K-331.69	Bình Dương			
4629	60K-481.28	Đồng Nai	5629	61K-386.99	Bình Dương	6629	61K-333.86	Bình Dương			
4630	60K-483.83	Đồng Nai	5630	61K-387.98	Bình Dương	6630	61K-340.79	Bình Dương			
4631	60K-485.08	Đồng Nai	5631	61K-388.77	Bình Dương	6631	61K-351.68	Bình Dương			
4632	60K-485.25	Đồng Nai	5632	61K-392.08	Bình Dương	6632	61K-352.56	Bình Dương			
4633	60K-486.28	Đồng Nai	5633	61K-394.18	Bình Dương	6633	61K-353.55	Bình Dương			
4634	60K-487.19	Đồng Nai	5634	61K-395.68	Bình Dương	6634	61K-356.68	Bình Dương			
4635	60K-489.96	Đồng Nai	5635	61K-396.16	Bình Dương	6635	61K-357.95	Bình Dương			
4636	60K-490.95	Đồng Nai	5636	62A-381.89	Long An	6636	61K-359.25	Bình Dương			
4637	60K-491.28	Đồng Nai	5637	62A-387.88	Long An	6637	61K-364.08	Bình Dương			
4638	60K-491.44	Đồng Nai	5638	62A-392.69	Long An	6638	61K-365.44	Bình Dương			
4639	60K-493.08	Đồng Nai	5639	62A-396.88	Long An	6639	61K-366.38	Bình Dương			
4640	60K-493.29	Đồng Nai	5640	62A-397.44	Long An	6640	61K-366.79	Bình Dương			
4641	60K-494.56	Đồng Nai	5641	62A-400.85	Long An	6641	61K-372.56	Bình Dương			
4642	60K-495.11	Đồng Nai	5642	62A-401.96	Long An	6642	61K-373.74	Bình Dương			
4643	60K-496.08	Đồng Nai	5643	62A-402.86	Long An	6643	61K-373.99	Bình Dương			
4644	61B-040.69	Bình Dương	5644	62A-403.15	Long An	6644	61K-376.56	Bình Dương			
4645	61C-554.44	Bình Dương	5645	62A-403.83	Long An	6645	61K-376.68	Bình Dương			
4646	61C-555.51	Bình Dương	5646	62A-404.88	Long An	6646	61K-379.08	Bình Dương			
4647	61C-560.56	Bình Dương	5647	62A-404.95	Long An	6647	61K-381.35	Bình Dương			
4648	61C-564.26	Bình Dương	5648	62A-406.69	Long An	6648	61K-382.38	Bình Dương			
4649	61C-565.86	Bình Dương	5649	62A-415.66	Long An	6649	61K-385.88	Bình Dương			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4650	61K-570.86	Bình Dương	5650	62A-418.29	Long An	6650	61K-386.22	Bình Dương			
4651	61K-314.88	Bình Dương	5651	62A-419.38	Long An	6651	61K-387.35	Bình Dương			
4652	61K-322.39	Bình Dương	5652	62B-027.77	Long An	6652	61K-387.83	Bình Dương			
4653	61K-324.68	Bình Dương	5653	62C-191.95	Long An	6653	61K-389.15	Bình Dương			
4654	61K-350.88	Bình Dương	5654	62C-192.28	Long An	6654	61K-391.88	Bình Dương			
4655	61K-354.38	Bình Dương	5655	62C-192.92	Long An	6655	61K-392.86	Bình Dương			
4656	61K-357.66	Bình Dương	5656	63A-276.35	Tiền Giang	6656	61K-393.55	Bình Dương			
4657	61K-357.85	Bình Dương	5657	63A-276.56	Tiền Giang	6657	61K-395.18	Bình Dương			
4658	61K-359.52	Bình Dương	5658	63A-279.11	Tiền Giang	6658	62A-383.69	Long An			
4659	61K-359.58	Bình Dương	5659	63A-279.83	Tiền Giang	6659	62A-390.79	Long An			
4660	61K-360.77	Bình Dương	5660	63A-281.11	Tiền Giang	6660	62A-393.69	Long An			
4661	61K-361.28	Bình Dương	5661	63A-285.36	Tiền Giang	6661	62A-395.89	Long An			
4662	61K-361.33	Bình Dương	5662	63A-285.89	Tiền Giang	6662	62A-396.63	Long An			
4663	61K-362.19	Bình Dương	5663	63A-288.36	Tiền Giang	6663	62A-397.59	Long An			
4664	61K-365.35	Bình Dương	5664	63A-290.35	Tiền Giang	6664	62A-397.85	Long An			
4665	61K-366.11	Bình Dương	5665	63A-291.88	Tiền Giang	6665	62A-400.65	Long An			
4666	61K-367.66	Bình Dương	5666	63A-293.35	Tiền Giang	6666	62A-402.18	Long An			
4667	61K-368.85	Bình Dương	5667	63A-294.66	Tiền Giang	6667	62A-402.29	Long An			
4668	61K-373.58	Bình Dương	5668	63C-203.11	Tiền Giang	6668	62A-404.59	Long An			
4669	61K-374.11	Bình Dương	5669	63C-203.19	Tiền Giang	6669	62A-404.99	Long An			
4670	61K-375.57	Bình Dương	5670	63C-205.28	Tiền Giang	6670	62A-406.59	Long An			
4671	61K-375.69	Bình Dương	5671	63C-205.95	Tiền Giang	6671	62A-406.89	Long An			
4672	61K-376.06	Bình Dương	5672	63C-205.99	Tiền Giang	6672	62A-406.96	Long An			
4673	61K-376.29	Bình Dương	5673	63C-207.15	Tiền Giang	6673	62A-407.09	Long An			
4674	61K-376.66	Bình Dương	5674	63C-208.38	Tiền Giang	6674	62A-407.22	Long An			
4675	61K-377.36	Bình Dương	5675	63C-209.19	Tiền Giang	6675	62A-407.59	Long An			
4676	61K-377.69	Bình Dương	5676	64A-174.59	Vĩnh Long	6676	62A-408.04	Long An			
4677	61K-379.55	Bình Dương	5677	64A-177.26	Vĩnh Long	6677	62A-408.36	Long An			
4678	61K-381.58	Bình Dương	5678	64A-178.25	Vĩnh Long	6678	62A-410.77	Long An			
4679	61K-383.19	Bình Dương	5679	64A-178.69	Vĩnh Long	6679	62A-412.68	Long An			
4680	61K-384.35	Bình Dương	5680	64A-179.71	Vĩnh Long	6680	62A-413.77	Long An			
4681	61K-385.89	Bình Dương	5681	64A-182.96	Vĩnh Long	6681	62A-415.88	Long An			
4682	61K-388.25	Bình Dương	5682	64A-183.84	Vĩnh Long	6682	62A-416.22	Long An			
4683	61K-388.26	Bình Dương	5683	64A-183.85	Vĩnh Long	6683	62A-416.26	Long An			
4684	61K-389.77	Bình Dương	5684	64C-111.13	Vĩnh Long	6684	62A-416.59	Long An			
4685	61K-390.15	Bình Dương	5685	64C-111.36	Vĩnh Long	6685	62C-192.19	Long An			
4686	61K-392.06	Bình Dương	5686	64C-112.89	Vĩnh Long	6686	62C-195.55	Long An			
4687	61K-393.28	Bình Dương	5687	64C-113.08	Vĩnh Long	6687	62D-011.06	Long An			
4688	61K-393.83	Bình Dương	5688	64C-113.79	Vĩnh Long	6688	63A-269.86	Tiền Giang			
4689	61K-395.38	Bình Dương	5689	64C-114.11	Vĩnh Long	6689	63A-270.89	Tiền Giang			
4690	61K-396.18	Bình Dương	5690	65A-414.44	Cần Thơ	6690	63A-274.66	Tiền Giang			
4691	61K-397.29	Bình Dương	5691	65A-415.79	Cần Thơ	6691	63A-276.55	Tiền Giang			
4692	62A-381.68	Long An	5692	65A-416.58	Cần Thơ	6692	63A-281.88	Tiền Giang			
4693	62A-398.85	Long An	5693	65A-417.08	Cần Thơ	6693	63A-282.68	Tiền Giang			
4694	62A-399.35	Long An	5694	65A-417.39	Cần Thơ	6694	63A-284.25	Tiền Giang			
4695	62A-402.26	Long An	5695	65A-421.59	Cần Thơ	6695	63A-284.83	Tiền Giang			
4696	62A-403.38	Long An	5696	65A-422.86	Cần Thơ	6696	63A-287.95	Tiền Giang			
4697	62A-404.29	Long An	5697	65A-423.38	Cần Thơ	6697	63A-292.89	Tiền Giang			
4698	62A-405.77	Long An	5698	65A-423.58	Cần Thơ	6698	63C-203.15	Tiền Giang			
4699	62A-408.35	Long An	5699	65A-429.19	Cần Thơ	6699	63C-204.38	Tiền Giang			
4700	62A-409.16	Long An	5700	66A-246.99	Đồng Tháp	6700	63C-205.22	Tiền Giang			
4701	62A-409.77	Long An	5701	66A-250.68	Đồng Tháp	6701	63C-206.79	Tiền Giang			
4702	62A-409.99	Long An	5702	66A-251.29	Đồng Tháp	6702	63C-208.66	Tiền Giang			
4703	62A-414.58	Long An	5703	66A-251.99	Đồng Tháp	6703	64A-174.26	Vĩnh Long			
4704	62A-415.36	Long An	5704	66A-252.06	Đồng Tháp	6704	64A-174.69	Vĩnh Long			
4705	62A-416.68	Long An	5705	66A-252.22	Đồng Tháp	6705	64A-175.11	Vĩnh Long			
4706	62A-417.96	Long An	5706	66A-253.65	Đồng Tháp	6706	64A-175.69	Vĩnh Long			
4707	62A-418.16	Long An	5707	66A-254.69	Đồng Tháp	6707	64A-176.35	Vĩnh Long			
4708	62A-418.85	Long An	5708	66A-256.08	Đồng Tháp	6708	64A-179.36	Vĩnh Long			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4709	62C-193.85	Long An	5709	66A-259.65	Đồng Tháp	6709	64A-179.95	Vĩnh Long			
4710	63A-269.66	Tiền Giang	5710	66A-260.68	Đồng Tháp	6710	64C-111.86	Vĩnh Long			
4711	63A-270.66	Tiền Giang	5711	66A-260.77	Đồng Tháp	6711	64C-112.77	Vĩnh Long			
4712	63A-277.25	Tiền Giang	5712	66A-264.96	Đồng Tháp	6712	64C-113.39	Vĩnh Long			
4713	63A-278.38	Tiền Giang	5713	66A-265.29	Đồng Tháp	6713	64C-114.69	Vĩnh Long			
4714	63A-280.08	Tiền Giang	5714	66C-162.66	Đồng Tháp	6714	65A-415.22	Cần Thơ			
4715	63A-280.89	Tiền Giang	5715	66C-165.35	Đồng Tháp	6715	65A-423.69	Cần Thơ			
4716	63A-281.08	Tiền Giang	5716	66C-166.18	Đồng Tháp	6716	65A-426.68	Cần Thơ			
4717	63A-281.38	Tiền Giang	5717	66C-167.55	Đồng Tháp	6717	66A-248.19	Đồng Tháp			
4718	63A-283.18	Tiền Giang	5718	66C-168.99	Đồng Tháp	6718	66A-248.25	Đồng Tháp			
4719	63A-284.66	Tiền Giang	5719	67A-283.33	An Giang	6719	66A-248.59	Đồng Tháp			
4720	63A-285.79	Tiền Giang	5720	67A-283.85	An Giang	6720	66A-249.86	Đồng Tháp			
4721	63A-286.82	Tiền Giang	5721	67A-284.95	An Giang	6721	66A-252.33	Đồng Tháp			
4722	63A-288.06	Tiền Giang	5722	67A-285.06	An Giang	6722	66A-252.65	Đồng Tháp			
4723	63A-290.69	Tiền Giang	5723	67A-285.69	An Giang	6723	66A-258.15	Đồng Tháp			
4724	63A-291.19	Tiền Giang	5724	67A-287.58	An Giang	6724	66A-258.93	Đồng Tháp			
4725	63A-291.86	Tiền Giang	5725	67A-288.58	An Giang	6725	66A-261.88	Đồng Tháp			
4726	63A-293.26	Tiền Giang	5726	67A-289.58	An Giang	6726	66A-263.19	Đồng Tháp			
4727	63C-202.09	Tiền Giang	5727	67A-289.95	An Giang	6727	66A-264.38	Đồng Tháp			
4728	63C-202.33	Tiền Giang	5728	67A-290.69	An Giang	6728	66C-164.64	Đồng Tháp			
4729	63C-206.02	Tiền Giang	5729	67A-291.18	An Giang	6729	66C-164.83	Đồng Tháp			
4730	63C-208.98	Tiền Giang	5730	67A-291.69	An Giang	6730	66C-165.28	Đồng Tháp			
4731	64A-169.86	Vĩnh Long	5731	67A-293.18	An Giang	6731	67A-286.25	An Giang			
4732	64A-169.89	Vĩnh Long	5732	67A-293.94	An Giang	6732	67A-290.11	An Giang			
4733	64A-176.36	Vĩnh Long	5733	67A-294.33	An Giang	6733	67A-294.35	An Giang			
4734	64A-177.58	Vĩnh Long	5734	67A-294.83	An Giang	6734	67A-294.89	An Giang			
4735	64C-110.68	Vĩnh Long	5735	67A-300.11	An Giang	6735	67A-295.98	An Giang			
4736	64C-113.95	Vĩnh Long	5736	67A-301.18	An Giang	6736	67A-296.29	An Giang			
4737	65A-414.79	Cần Thơ	5737	67C-171.68	An Giang	6737	67C-170.68	An Giang			
4738	65A-425.33	Cần Thơ	5738	67C-171.85	An Giang	6738	67C-171.55	An Giang			
4739	65A-427.38	Cần Thơ	5739	67C-171.89	An Giang	6739	67C-171.77	An Giang			
4740	65A-433.69	Cần Thơ	5740	67C-174.18	An Giang	6740	68A-311.09	Kiên Giang			
4741	65A-434.36	Cần Thơ	5741	67C-174.26	An Giang	6741	68A-312.68	Kiên Giang			
4742	66A-249.29	Đồng Tháp	5742	68A-313.56	Kiên Giang	6742	68A-317.77	Kiên Giang			
4743	66A-249.88	Đồng Tháp	5743	68A-316.16	Kiên Giang	6743	68A-320.14	Kiên Giang			
4744	66A-250.88	Đồng Tháp	5744	68A-317.09	Kiên Giang	6744	68A-322.83	Kiên Giang			
4745	66A-251.16	Đồng Tháp	5745	68A-319.15	Kiên Giang	6745	68A-322.93	Kiên Giang			
4746	66A-251.85	Đồng Tháp	5746	68A-320.36	Kiên Giang	6746	68A-324.42	Kiên Giang			
4747	66A-252.25	Đồng Tháp	5747	68A-320.89	Kiên Giang	6747	68A-324.56	Kiên Giang			
4748	66A-254.66	Đồng Tháp	5748	68A-321.31	Kiên Giang	6748	68A-325.44	Kiên Giang			
4749	66A-255.06	Đồng Tháp	5749	68A-322.26	Kiên Giang	6749	68A-325.55	Kiên Giang			
4750	66A-255.38	Đồng Tháp	5750	68A-322.28	Kiên Giang	6750	68A-327.35	Kiên Giang			
4751	66A-256.86	Đồng Tháp	5751	68A-326.18	Kiên Giang	6751	68A-328.35	Kiên Giang			
4752	66A-257.44	Đồng Tháp	5752	68A-328.83	Kiên Giang	6752	68A-328.86	Kiên Giang			
4753	66A-259.56	Đồng Tháp	5753	68A-328.98	Kiên Giang	6753	68A-329.36	Kiên Giang			
4754	66A-259.88	Đồng Tháp	5754	68C-163.08	Kiên Giang	6754	68C-162.68	Kiên Giang			
4755	66A-265.26	Đồng Tháp	5755	68C-166.68	Kiên Giang	6755	68C-164.89	Kiên Giang			
4756	66C-161.99	Đồng Tháp	5756	69A-142.79	Cà Mau	6756	68C-165.86	Kiên Giang			
4757	66C-165.82	Đồng Tháp	5757	69A-148.35	Cà Mau	6757	69A-149.08	Cà Mau			
4758	66C-166.65	Đồng Tháp	5758	69A-151.33	Cà Mau	6758	69A-150.00	Cà Mau			
4759	66C-169.96	Đồng Tháp	5759	69A-153.55	Cà Mau	6759	69A-150.56	Cà Mau			
4760	67A-280.39	An Giang	5760	69C-093.90	Cà Mau	6760	69A-151.58	Cà Mau			
4761	67A-281.39	An Giang	5761	69C-094.15	Cà Mau	6761	69A-154.51	Cà Mau			
4762	67A-283.18	An Giang	5762	69C-095.35	Cà Mau	6762	69C-093.86	Cà Mau			
4763	67A-285.19	An Giang	5763	69C-095.95	Cà Mau	6763	69C-094.19	Cà Mau			
4764	67A-294.94	An Giang	5764	69D-002.06	Cà Mau	6764	69C-095.38	Cà Mau			
4765	67A-296.26	An Giang	5765	70A-490.89	Tây Ninh	6765	69C-095.66	Cà Mau			
4766	67A-296.35	An Giang	5766	70A-496.99	Tây Ninh	6766	70A-491.66	Tây Ninh			
4767	67A-298.22	An Giang	5767	70A-501.16	Tây Ninh	6767	70A-501.79	Tây Ninh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4768	67A-298.33	An Giang	5768	70A-501.19	Tây Ninh	6768	70A-505.26	Tây Ninh			
4769	67A-299.65	An Giang	5769	70A-502.26	Tây Ninh	6769	70A-505.89	Tây Ninh			
4770	67C-172.73	An Giang	5770	70A-503.69	Tây Ninh	6770	70A-508.98	Tây Ninh			
4771	67C-173.44	An Giang	5771	70A-509.18	Tây Ninh	6771	70A-511.79	Tây Ninh			
4772	68A-313.99	Kiên Giang	5772	70A-515.29	Tây Ninh	6772	70A-514.68	Tây Ninh			
4773	68A-318.83	Kiên Giang	5773	70A-515.96	Tây Ninh	6773	70A-515.62	Tây Ninh			
4774	68A-320.08	Kiên Giang	5774	70A-517.19	Tây Ninh	6774	70A-515.69	Tây Ninh			
4775	68A-320.18	Kiên Giang	5775	70A-518.88	Tây Ninh	6775	70A-518.96	Tây Ninh			
4776	68A-324.77	Kiên Giang	5776	70A-519.63	Tây Ninh	6776	70A-519.61	Tây Ninh			
4777	68A-325.52	Kiên Giang	5777	70A-522.35	Tây Ninh	6777	70A-519.69	Tây Ninh			
4778	68A-327.06	Kiên Giang	5778	70C-197.38	Tây Ninh	6778	70A-519.79	Tây Ninh			
4779	68A-329.16	Kiên Giang	5779	71A-182.86	Bến Tre	6779	70A-520.08	Tây Ninh			
4780	68A-329.26	Kiên Giang	5780	71A-184.84	Bến Tre	6780	70A-522.58	Tây Ninh			
4781	68A-330.08	Kiên Giang	5781	71A-189.55	Bến Tre	6781	70C-190.00	Tây Ninh			
4782	68C-162.38	Kiên Giang	5782	71A-191.28	Bến Tre	6782	70C-193.86	Tây Ninh			
4783	69A-150.98	Cà Mau	5783	71A-193.22	Bến Tre	6783	70C-196.58	Tây Ninh			
4784	69A-151.66	Cà Mau	5784	71C-123.19	Bến Tre	6784	71A-182.38	Bến Tre			
4785	69A-154.44	Cà Mau	5785	72A-749.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	6785	71A-182.58	Bến Tre			
4786	69A-154.83	Cà Mau	5786	72A-752.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	6786	71A-184.44	Bến Tre			
4787	70A-487.69	Tây Ninh	5787	72A-752.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	6787	71A-185.26	Bến Tre			
4788	70A-501.06	Tây Ninh	5788	72A-752.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	6788	71A-186.26	Bến Tre			
4789	70A-501.99	Tây Ninh	5789	72A-753.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	6789	71A-190.85	Bến Tre			
4790	70A-503.99	Tây Ninh	5790	72A-754.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	6790	71A-193.00	Bến Tre			
4791	70A-506.39	Tây Ninh	5791	72A-754.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	6791	71C-123.33	Bến Tre			
4792	70A-507.56	Tây Ninh	5792	72A-755.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	6792	72A-752.16	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4793	70A-510.68	Tây Ninh	5793	72A-755.62	Bà Rịa - Vũng Tàu	6793	72A-752.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4794	70A-511.68	Tây Ninh	5794	72A-756.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	6794	72A-755.06	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4795	70A-512.93	Tây Ninh	5795	72A-759.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	6795	72A-755.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4796	70A-513.09	Tây Ninh	5796	72A-761.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	6796	72A-758.16	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4797	70A-513.69	Tây Ninh	5797	72A-762.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	6797	72A-758.69	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4798	70A-517.09	Tây Ninh	5798	72A-763.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	6798	72A-761.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4799	70A-517.69	Tây Ninh	5799	72A-765.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	6799	72A-764.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4800	70A-518.38	Tây Ninh	5800	72A-766.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	6800	72A-765.16	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4801	70A-520.16	Tây Ninh	5801	72A-770.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	6801	72A-766.98	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4802	70C-189.89	Tây Ninh	5802	72A-774.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	6802	72A-767.35	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4803	70C-193.68	Tây Ninh	5803	72A-774.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	6803	72A-769.88	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4804	70C-194.79	Tây Ninh	5804	72A-775.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	6804	72A-772.11	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4805	71A-185.95	Bến Tre	5805	72A-776.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	6805	72A-773.44	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4806	71A-189.29	Bến Tre	5806	72A-777.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	6806	72A-774.19	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4807	71A-192.39	Bến Tre	5807	72A-778.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	6807	72A-779.96	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4808	71A-192.88	Bến Tre	5808	72A-780.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	6808	72A-780.16	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4809	71C-123.44	Bến Tre	5809	72A-781.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	6809	72A-782.28	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4810	72A-748.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	5810	72A-781.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	6810	72A-782.36	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4811	72A-750.05	Bà Rịa - Vũng Tàu	5811	72A-783.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	6811	72A-782.55	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4812	72A-750.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	5812	72C-221.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	6812	72A-783.58	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4813	72A-752.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	5813	72C-222.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	6813	72A-783.84	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4814	72A-753.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	5814	72C-223.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	6814	72A-784.38	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4815	72A-754.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	5815	72C-225.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	6815	72C-221.16	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4816	72A-754.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	5816	76A-286.85	Quảng Ngãi	6816	72C-221.68	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4817	72A-754.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	5817	76A-287.78	Quảng Ngãi	6817	72C-222.26	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4818	72A-755.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	5818	76A-288.26	Quảng Ngãi	6818	72C-223.11	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4819	72A-756.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	5819	76A-288.36	Quảng Ngãi	6819	72C-226.88	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4820	72A-760.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	5820	76A-290.28	Quảng Ngãi	6820	76A-288.58	Quảng Ngãi			
4821	72A-760.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	5821	76A-291.06	Quảng Ngãi	6821	76A-290.79	Quảng Ngãi			
4822	72A-761.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	5822	76A-294.08	Quảng Ngãi	6822	76A-290.88	Quảng Ngãi			
4823	72A-763.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	5823	76A-295.38	Quảng Ngãi	6823	76A-291.35	Quảng Ngãi			
4824	72A-764.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	5824	76A-295.98	Quảng Ngãi	6824	76A-292.85	Quảng Ngãi			
4825	72A-767.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	5825	76A-297.28	Quảng Ngãi	6825	76A-293.08	Quảng Ngãi			
4826	72A-769.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	5826	76A-298.33	Quảng Ngãi	6826	76A-293.56	Quảng Ngãi			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4827	72A-769.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	5827	76A-299.69	Quảng Ngãi	6827	76A-295.85	Quảng Ngãi			
4828	72A-772.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	5828	76C-167.76	Quảng Ngãi	6828	76C-171.39	Quảng Ngãi			
4829	72A-773.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	5829	76C-167.79	Quảng Ngãi	6829	76C-172.27	Quảng Ngãi			
4830	72A-773.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	5830	77A-302.28	Bình Định	6830	77A-300.92	Bình Định			
4831	72A-774.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	5831	77A-303.08	Bình Định	6831	77A-302.16	Bình Định			
4832	72A-775.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	5832	77A-303.58	Bình Định	6832	77A-307.09	Bình Định			
4833	72A-779.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	5833	77A-304.36	Bình Định	6833	77A-312.95	Bình Định			
4834	72A-781.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	5834	77A-306.29	Bình Định	6834	77A-313.68	Bình Định			
4835	72A-782.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	5835	77A-307.38	Bình Định	6835	77A-316.68	Bình Định			
4836	72A-782.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	5836	77A-307.96	Bình Định	6836	77A-316.99	Bình Định			
4837	72A-784.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	5837	77A-311.31	Bình Định	6837	77C-239.39	Bình Định			
4838	72C-223.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	5838	77A-312.21	Bình Định	6838	77C-241.55	Bình Định			
4839	72D-006.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	5839	77A-312.35	Bình Định	6839	77C-242.36	Bình Định			
4840	76A-288.79	Quảng Ngãi	5840	77A-314.99	Bình Định	6840	77C-246.35	Bình Định			
4841	76A-289.82	Quảng Ngãi	5841	77A-316.26	Bình Định	6841	78A-183.66	Phú Yên			
4842	76A-290.19	Quảng Ngãi	5842	77A-317.83	Bình Định	6842	78A-186.38	Phú Yên			
4843	76A-290.69	Quảng Ngãi	5843	77C-239.66	Bình Định	6843	78A-187.36	Phú Yên			
4844	76A-292.15	Quảng Ngãi	5844	77C-241.89	Bình Định	6844	78A-196.35	Phú Yên			
4845	76A-292.28	Quảng Ngãi	5845	77C-243.86	Bình Định	6845	78A-197.22	Phú Yên			
4846	76A-293.15	Quảng Ngãi	5846	77C-244.16	Bình Định	6846	78C-741.35	Phú Yên			
4847	76A-293.39	Quảng Ngãi	5847	77C-244.18	Bình Định	6847	79A-509.35	Khánh Hòa			
4848	76A-293.55	Quảng Ngãi	5848	77C-244.68	Bình Định	6848	79A-510.88	Khánh Hòa			
4849	76A-298.69	Quảng Ngãi	5849	77C-246.19	Bình Định	6849	79A-521.35	Khánh Hòa			
4850	76A-299.65	Quảng Ngãi	5850	78A-184.09	Phú Yên	6850	79A-525.58	Khánh Hòa			
4851	76A-300.29	Quảng Ngãi	5851	78A-184.59	Phú Yên	6851	81A-379.86	Gia Lai			
4852	76C-162.79	Quảng Ngãi	5852	78A-185.28	Phú Yên	6852	81A-382.36	Gia Lai			
4853	76C-165.79	Quảng Ngãi	5853	78A-185.33	Phú Yên	6853	81A-385.99	Gia Lai			
4854	76C-167.69	Quảng Ngãi	5854	78A-186.59	Phú Yên	6854	81A-387.26	Gia Lai			
4855	77A-302.00	Bình Định	5855	78A-194.09	Phú Yên	6855	81A-388.09	Gia Lai			
4856	77A-304.18	Bình Định	5856	78A-194.44	Phú Yên	6856	81A-388.29	Gia Lai			
4857	77A-305.18	Bình Định	5857	78A-194.91	Phú Yên	6857	81A-388.92	Gia Lai			
4858	77A-305.50	Bình Định	5858	79A-511.18	Khánh Hòa	6858	81A-393.22	Gia Lai			
4859	77A-306.35	Bình Định	5859	79A-521.83	Khánh Hòa	6859	81A-394.86	Gia Lai			
4860	77A-308.18	Bình Định	5860	79A-522.36	Khánh Hòa	6860	81A-395.22	Gia Lai			
4861	77A-310.83	Bình Định	5861	79A-523.77	Khánh Hòa	6861	81A-395.26	Gia Lai			
4862	77A-312.13	Bình Định	5862	79A-525.16	Khánh Hòa	6862	81A-396.09	Gia Lai			
4863	77A-312.55	Bình Định	5863	79A-525.18	Khánh Hòa	6863	81A-397.58	Gia Lai			
4864	77A-312.58	Bình Định	5864	79A-525.19	Khánh Hòa	6864	81A-398.33	Gia Lai			
4865	77A-313.66	Bình Định	5865	81A-383.75	Gia Lai	6865	81A-398.93	Gia Lai			
4866	77A-314.22	Bình Định	5866	81A-384.85	Gia Lai	6866	81A-400.39	Gia Lai			
4867	77C-241.79	Bình Định	5867	81A-385.39	Gia Lai	6867	81A-400.44	Gia Lai			
4868	77C-243.79	Bình Định	5868	81A-385.92	Gia Lai	6868	81A-402.28	Gia Lai			
4869	77C-243.85	Bình Định	5869	81A-387.98	Gia Lai	6869	81C-243.66	Gia Lai			
4870	77C-244.66	Bình Định	5870	81A-389.58	Gia Lai	6870	81C-248.66	Gia Lai			
4871	77C-246.00	Bình Định	5871	81A-390.62	Gia Lai	6871	81C-251.86	Gia Lai			
4872	77D-003.19	Bình Định	5872	81A-393.85	Gia Lai	6872	81C-256.96	Gia Lai			
4873	78A-186.09	Phú Yên	5873	81A-396.22	Gia Lai	6873	81C-257.06	Gia Lai			
4874	78A-188.44	Phú Yên	5874	81A-397.96	Gia Lai	6874	81C-259.59	Gia Lai			
4875	78A-194.49	Phú Yên	5875	81A-397.98	Gia Lai	6875	81C-259.69	Gia Lai			
4876	78A-195.35	Phú Yên	5876	81A-399.00	Gia Lai	6876	82A-127.27	Kon Tum			
4877	78A-195.96	Phú Yên	5877	81A-399.26	Gia Lai	6877	82A-131.69	Kon Tum			
4878	78A-196.66	Phú Yên	5878	81A-399.89	Gia Lai	6878	82A-137.86	Kon Tum			
4879	78A-197.16	Phú Yên	5879	81A-400.59	Gia Lai	6879	82A-138.66	Kon Tum			
4880	78B-015.15	Phú Yên	5880	81A-401.89	Gia Lai	6880	82A-142.29	Kon Tum			
4881	79A-507.95	Khánh Hòa	5881	81A-402.11	Gia Lai	6881	82A-143.26	Kon Tum			
4882	79A-508.65	Khánh Hòa	5882	81A-402.15	Gia Lai	6882	82A-145.29	Kon Tum			
4883	79A-509.00	Khánh Hòa	5883	81A-402.69	Gia Lai	6883	82B-012.34	Kon Tum			
4884	79A-509.15	Khánh Hòa	5884	81C-253.33	Gia Lai	6884	82C-077.88	Kon Tum			
4885	79A-510.38	Khánh Hòa	5885	81C-254.09	Gia Lai	6885	82C-087.68	Kon Tum			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4886	79A-522.18	Khánh Hòa	5886	81C-259.18	Gia Lai	6886	82C-089.09	Kon Tum			
4887	79A-522.65	Khánh Hòa	5887	81C-259.26	Gia Lai	6887	82D-004.66	Kon Tum			
4888	79A-524.44	Khánh Hòa	5888	82A-127.39	Kon Tum	6888	83A-168.29	Sóc Trăng			
4889	81A-378.39	Gia Lai	5889	82A-140.77	Kon Tum	6889	83A-168.63	Sóc Trăng			
4890	81A-385.77	Gia Lai	5890	82A-141.65	Kon Tum	6890	83A-169.58	Sóc Trăng			
4891	81A-388.00	Gia Lai	5891	82A-143.96	Kon Tum	6891	83A-171.44	Sóc Trăng			
4892	81A-389.06	Gia Lai	5892	82A-145.44	Kon Tum	6892	83A-171.56	Sóc Trăng			
4893	81A-389.28	Gia Lai	5893	82C-080.39	Kon Tum	6893	83A-172.66	Sóc Trăng			
4894	81A-389.68	Gia Lai	5894	82C-080.99	Kon Tum	6894	83A-174.86	Sóc Trăng			
4895	81A-389.98	Gia Lai	5895	82C-089.66	Kon Tum	6895	83A-176.09	Sóc Trăng			
4896	81A-393.38	Gia Lai	5896	83A-168.28	Sóc Trăng	6896	83C-122.79	Sóc Trăng			
4897	81A-394.39	Gia Lai	5897	83A-168.62	Sóc Trăng	6897	83C-124.11	Sóc Trăng			
4898	81A-398.06	Gia Lai	5898	83A-170.86	Sóc Trăng	6898	83D-004.58	Sóc Trăng			
4899	81A-399.96	Gia Lai	5899	83A-173.58	Sóc Trăng	6899	84A-123.68	Trà Vinh			
4900	81A-401.85	Gia Lai	5900	83A-173.95	Sóc Trăng	6900	84A-134.38	Trà Vinh			
4901	81C-255.15	Gia Lai	5901	83A-174.59	Sóc Trăng	6901	84C-116.58	Trà Vinh			
4902	81C-256.86	Gia Lai	5902	83A-175.36	Sóc Trăng	6902	84C-116.69	Trà Vinh			
4903	81C-257.09	Gia Lai	5903	84A-121.88	Trà Vinh	6903	84C-118.11	Trà Vinh			
4904	81C-260.58	Gia Lai	5904	84A-127.55	Trà Vinh	6904	84C-118.22	Trà Vinh			
4905	82A-127.79	Kon Tum	5905	84A-128.26	Trà Vinh	6905	85A-131.35	Ninh Thuận			
4906	82A-135.86	Kon Tum	5906	84A-128.79	Trà Vinh	6906	85A-132.15	Ninh Thuận			
4907	82A-139.77	Kon Tum	5907	84A-129.22	Trà Vinh	6907	85A-133.08	Ninh Thuận			
4908	82A-140.09	Kon Tum	5908	84A-130.29	Trà Vinh	6908	85A-134.34	Ninh Thuận			
4909	82A-141.16	Kon Tum	5909	84C-116.35	Trà Vinh	6909	85A-134.39	Ninh Thuận			
4910	82A-141.89	Kon Tum	5910	85A-132.06	Ninh Thuận	6910	85A-135.11	Ninh Thuận			
4911	82A-143.11	Kon Tum	5911	85A-132.68	Ninh Thuận	6911	85A-135.69	Ninh Thuận			
4912	82A-144.29	Kon Tum	5912	85A-133.59	Ninh Thuận	6912	86A-281.68	Bình Thuận			
4913	82A-144.55	Kon Tum	5913	85A-134.33	Ninh Thuận	6913	86A-282.09	Bình Thuận			
4914	82A-145.11	Kon Tum	5914	86A-283.29	Bình Thuận	6914	86A-285.16	Bình Thuận			
4915	82A-145.22	Kon Tum	5915	86A-283.82	Bình Thuận	6915	86A-287.35	Bình Thuận			
4916	82A-145.68	Kon Tum	5916	86A-284.16	Bình Thuận	6916	86A-287.39	Bình Thuận			
4917	82C-085.66	Kon Tum	5917	86A-284.88	Bình Thuận	6917	86A-289.83	Bình Thuận			
4918	82D-002.88	Kon Tum	5918	86A-285.99	Bình Thuận	6918	86A-290.00	Bình Thuận			
4919	82D-004.44	Kon Tum	5919	86A-286.98	Bình Thuận	6919	86A-290.66	Bình Thuận			
4920	83A-173.17	Sóc Trăng	5920	86A-288.79	Bình Thuận	6920	86A-290.90	Bình Thuận			
4921	84A-121.99	Trà Vinh	5921	86A-288.98	Bình Thuận	6921	86A-293.59	Bình Thuận			
4922	84A-127.39	Trà Vinh	5922	86A-289.35	Bình Thuận	6922	86A-294.77	Bình Thuận			
4923	84A-128.21	Trà Vinh	5923	86A-289.38	Bình Thuận	6923	86A-295.25	Bình Thuận			
4924	84A-132.31	Trà Vinh	5924	86A-291.66	Bình Thuận	6924	86C-192.09	Bình Thuận			
4925	84A-134.19	Trà Vinh	5925	86A-293.65	Bình Thuận	6925	86C-195.88	Bình Thuận			
4926	84C-114.44	Trà Vinh	5926	86A-293.83	Bình Thuận	6926	92A-394.36	Quảng Nam			
4927	84C-117.29	Trà Vinh	5927	86A-294.95	Bình Thuận	6927	92A-395.28	Quảng Nam			
4928	84C-118.19	Trà Vinh	5928	86C-190.89	Bình Thuận	6928	92B-031.44	Quảng Nam			
4929	84C-118.89	Trà Vinh	5929	86C-194.26	Bình Thuận	6929	92C-233.89	Quảng Nam			
4930	85A-131.89	Ninh Thuận	5930	86D-002.66	Bình Thuận	6930	92C-234.11	Quảng Nam			
4931	86A-283.98	Bình Thuận	5931	89C-312.79	Hưng Yên	6931	92C-234.26	Quảng Nam			
4932	86A-284.33	Bình Thuận	5932	89C-312.88	Hưng Yên	6932	92C-234.99	Quảng Nam			
4933	86A-284.38	Bình Thuận	5933	92A-393.06	Quảng Nam	6933	92C-235.25	Quảng Nam			
4934	86A-284.89	Bình Thuận	5934	92A-395.69	Quảng Nam	6934	92C-235.28	Quảng Nam			
4935	86A-285.85	Bình Thuận	5935	92C-234.59	Quảng Nam	6935	92C-235.65	Quảng Nam			
4936	86A-286.09	Bình Thuận	5936	92C-237.15	Quảng Nam	6936	92C-235.79	Quảng Nam			
4937	86A-290.86	Bình Thuận	5937	92C-237.77	Quảng Nam	6937	92C-236.22	Quảng Nam			
4938	86A-291.89	Bình Thuận	5938	92C-237.89	Quảng Nam	6938	92C-237.26	Quảng Nam			
4939	86A-295.09	Bình Thuận	5939	92C-237.99	Quảng Nam	6939	92C-237.36	Quảng Nam			
4940	86C-191.69	Bình Thuận	5940	92C-239.15	Quảng Nam	6940	92C-238.85	Quảng Nam			
4941	86C-192.98	Bình Thuận	5941	93A-439.83	Bình Phước	6941	93A-438.22	Bình Phước			
4942	86C-193.55	Bình Thuận	5942	93A-442.77	Bình Phước	6942	93A-439.11	Bình Phước			
4943	86C-194.83	Bình Thuận	5943	93A-443.18	Bình Phước	6943	93A-440.95	Bình Phước			
4944	89C-311.11	Hưng Yên	5944	93A-444.99	Bình Phước	6944	93A-441.22	Bình Phước			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4945	92A-393.19	Quảng Nam	5945	93A-446.44	Bình Phước	6945	93A-441.38	Bình Phước			
4946	92A-394.49	Quảng Nam	5946	93A-448.16	Bình Phước	6946	93A-443.00	Bình Phước			
4947	92C-229.89	Quảng Nam	5947	93A-448.25	Bình Phước	6947	93A-443.15	Bình Phước			
4948	92C-233.22	Quảng Nam	5948	93A-448.83	Bình Phước	6948	93A-444.28	Bình Phước			
4949	92C-234.85	Quảng Nam	5949	93A-452.19	Bình Phước	6949	93A-444.46	Bình Phước			
4950	92C-236.00	Quảng Nam	5950	93A-452.53	Bình Phước	6950	93A-444.56	Bình Phước			
4951	92C-239.35	Quảng Nam	5951	93A-453.99	Bình Phước	6951	93A-445.00	Bình Phước			
4952	93A-438.58	Bình Phước	5952	93A-454.09	Bình Phước	6952	93A-445.56	Bình Phước			
4953	93A-439.68	Bình Phước	5953	93C-181.65	Bình Phước	6953	93A-449.56	Bình Phước			
4954	93A-440.77	Bình Phước	5954	93C-181.77	Bình Phước	6954	93A-450.18	Bình Phước			
4955	93A-443.58	Bình Phước	5955	93C-181.86	Bình Phước	6955	93A-453.00	Bình Phước			
4956	93A-444.11	Bình Phước	5956	93C-183.08	Bình Phước	6956	93A-453.79	Bình Phước			
4957	93A-444.26	Bình Phước	5957	94A-096.79	Bạc Liêu	6957	93A-456.96	Bình Phước			
4958	93A-447.35	Bình Phước	5958	94A-101.77	Bạc Liêu	6958	93A-459.88	Bình Phước			
4959	93A-448.11	Bình Phước	5959	95A-113.00	Hậu Giang	6959	93C-179.33	Bình Phước			
4960	93A-450.38	Bình Phước	5960	95A-113.19	Hậu Giang	6960	93C-180.59	Bình Phước			
4961	93A-452.26	Bình Phước	5961	95A-113.56	Hậu Giang	6961	93C-180.88	Bình Phước			
4962	93A-454.96	Bình Phước	5962	95A-114.79	Hậu Giang	6962	93C-183.15	Bình Phước			
4963	93A-456.29	Bình Phước	5963	95A-114.98	Hậu Giang	6963	94A-097.55	Bạc Liêu			
4964	93A-458.16	Bình Phước	5964	95A-116.29	Hậu Giang	6964	94A-099.16	Bạc Liêu			
4965	93A-458.66	Bình Phước	5965	95A-116.69	Hậu Giang	6965	94A-099.36	Bạc Liêu			
4966	93A-460.11	Bình Phước	5966	95A-117.09	Hậu Giang	6966	94A-100.89	Bạc Liêu			
4967	94A-099.09	Bạc Liêu	5967	95A-117.85	Hậu Giang	6967	94A-101.22	Bạc Liêu			
4968	94A-099.85	Bạc Liêu	5968	95A-118.95	Hậu Giang	6968	94A-102.10	Bạc Liêu			
4969	94A-101.56	Bạc Liêu	5969	95A-119.69	Hậu Giang	6969	95A-113.33	Hậu Giang			
4970	94A-101.96	Bạc Liêu	5970	95C-078.39	Hậu Giang	6970	95A-116.15	Hậu Giang			
4971	94A-102.08	Bạc Liêu	5971	95C-078.56	Hậu Giang	6971	95A-117.55	Hậu Giang			
4972	95A-113.39	Hậu Giang	5972	95C-079.77	Hậu Giang	6972	95A-117.98	Hậu Giang			
4973	95A-113.98	Hậu Giang	5973	95C-080.33	Hậu Giang	6973	95A-118.09	Hậu Giang			
4974	95A-114.14	Hậu Giang	5974	97A-077.19	Bắc Kạn	6974	95A-118.35	Hậu Giang			
4975	95A-116.25	Hậu Giang	5975	97A-078.16	Bắc Kạn	6975	95A-119.33	Hậu Giang			
4976	95A-116.66	Hậu Giang	5976	97A-079.19	Bắc Kạn	6976	95B-009.85	Hậu Giang			
4977	95C-079.89	Hậu Giang	5977	97A-079.85	Bắc Kạn	6977	97A-078.22	Bắc Kạn			
4978	95C-080.83	Hậu Giang	5978	97A-082.58	Bắc Kạn	6978	97A-080.58	Bắc Kạn			
4979	97A-076.39	Bắc Kạn	5979	98A-680.08	Bắc Giang	6979	97A-081.59	Bắc Kạn			
4980	97A-079.77	Bắc Kạn	5980	98A-684.36	Bắc Giang	6980	97C-039.08	Bắc Kạn			
4981	97A-081.82	Bắc Kạn	5981	98A-685.11	Bắc Giang	6981	98A-672.39	Bắc Giang			
4982	97C-038.89	Bắc Kạn	5982	98A-686.36	Bắc Giang	6982	98A-685.16	Bắc Giang			
4983	98A-671.11	Bắc Giang	5983	98A-692.79	Bắc Giang	6983	98A-686.58	Bắc Giang			
4984	98A-671.88	Bắc Giang	5984	98A-697.68	Bắc Giang	6984	98A-690.26	Bắc Giang			
4985	98A-691.22	Bắc Giang	5985	98A-701.38	Bắc Giang	6985	98A-691.86	Bắc Giang			
4986	98A-696.58	Bắc Giang	5986	98A-704.59	Bắc Giang	6986	98A-693.79	Bắc Giang			
4987	98A-700.79	Bắc Giang	5987	98A-706.98	Bắc Giang	6987	98A-695.19	Bắc Giang			
4988	98A-703.15	Bắc Giang	5988	98A-708.28	Bắc Giang	6988	98A-695.79	Bắc Giang			
4989	98A-707.18	Bắc Giang	5989	98A-709.70	Bắc Giang	6989	98A-700.15	Bắc Giang			
4990	98A-707.35	Bắc Giang	5990	98A-710.09	Bắc Giang	6990	98A-701.01	Bắc Giang			
4991	98A-710.65	Bắc Giang	5991	98A-711.89	Bắc Giang	6991	98A-706.39	Bắc Giang			
4992	98A-710.86	Bắc Giang	5992	98A-712.06	Bắc Giang	6992	98A-709.15	Bắc Giang			
4993	98A-711.09	Bắc Giang	5993	98A-713.69	Bắc Giang	6993	98A-709.19	Bắc Giang			
4994	98A-712.35	Bắc Giang	5994	98A-717.35	Bắc Giang	6994	98A-711.83	Bắc Giang			
4995	98A-715.08	Bắc Giang	5995	98A-719.44	Bắc Giang	6995	98A-716.35	Bắc Giang			
4996	98A-719.68	Bắc Giang	5996	98A-720.36	Bắc Giang	6996	98A-716.88	Bắc Giang			
4997	98A-723.11	Bắc Giang	5997	98A-723.89	Bắc Giang	6997	98A-717.66	Bắc Giang			
4998	98A-724.19	Bắc Giang	5998	98A-724.83	Bắc Giang	6998	98A-717.77	Bắc Giang			
4999	98A-726.27	Bắc Giang	5999	98A-725.58	Bắc Giang	6999	98A-721.83	Bắc Giang			
5000	98A-726.72	Bắc Giang	6000	98A-726.98	Bắc Giang	7000	98A-726.39	Bắc Giang			



DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIÊN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 04/4/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: trước 16h30p ngày 01/4/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
1	30K-400.39	Hà Nội	1001	30K-400.11	Hà Nội	2001	14A-888.88	Quảng Ninh	3001	30L-088.99	Hà Nội
2	30K-401.99	Hà Nội	1002	30K-401.39	Hà Nội	2002	30K-401.79	Hà Nội	3002	30K-405.39	Hà Nội
3	30K-403.66	Hà Nội	1003	30K-402.02	Hà Nội	2003	30K-403.79	Hà Nội	3003	30K-411.33	Hà Nội
4	30K-404.89	Hà Nội	1004	30K-402.39	Hà Nội	2004	30K-406.39	Hà Nội	3004	30K-418.39	Hà Nội
5	30K-407.88	Hà Nội	1005	30K-403.03	Hà Nội	2005	30K-410.88	Hà Nội	3005	30K-430.68	Hà Nội
6	30K-408.99	Hà Nội	1006	30K-406.06	Hà Nội	2006	30K-420.99	Hà Nội	3006	30K-430.88	Hà Nội
7	30K-409.66	Hà Nội	1007	30K-407.66	Hà Nội	2007	30K-422.77	Hà Nội	3007	30K-439.66	Hà Nội
8	30K-419.19	Hà Nội	1008	30K-408.66	Hà Nội	2008	30K-424.24	Hà Nội	3008	30K-443.39	Hà Nội
9	30K-419.88	Hà Nội	1009	30K-410.99	Hà Nội	2009	30K-424.89	Hà Nội	3009	30K-444.39	Hà Nội
10	30K-423.39	Hà Nội	1010	30K-411.44	Hà Nội	2010	30K-425.89	Hà Nội	3010	30K-447.68	Hà Nội
11	30K-424.79	Hà Nội	1011	30K-413.13	Hà Nội	2011	30K-427.68	Hà Nội	3011	30K-454.66	Hà Nội
12	30K-429.39	Hà Nội	1012	30K-414.99	Hà Nội	2012	30K-428.89	Hà Nội	3012	30K-465.89	Hà Nội
13	30K-432.89	Hà Nội	1013	30K-416.68	Hà Nội	2013	30K-434.34	Hà Nội	3013	30K-471.88	Hà Nội
14	30K-437.39	Hà Nội	1014	30K-421.66	Hà Nội	2014	30K-434.39	Hà Nội	3014	30K-473.39	Hà Nội
15	30K-438.89	Hà Nội	1015	30K-424.39	Hà Nội	2015	30K-438.99	Hà Nội	3015	30K-475.89	Hà Nội
16	30K-441.88	Hà Nội	1016	30K-425.79	Hà Nội	2016	30K-443.68	Hà Nội	3016	30K-483.39	Hà Nội
17	30K-446.79	Hà Nội	1017	30K-426.39	Hà Nội	2017	30K-445.45	Hà Nội	3017	30K-490.68	Hà Nội
18	30K-449.39	Hà Nội	1018	30K-433.68	Hà Nội	2018	30K-445.68	Hà Nội	3018	30K-502.88	Hà Nội
19	30K-449.66	Hà Nội	1019	30K-437.99	Hà Nội	2019	30K-447.47	Hà Nội	3019	30K-503.69	Hà Nội
20	30K-449.68	Hà Nội	1020	30K-444.49	Hà Nội	2020	30K-453.66	Hà Nội	3020	30K-504.66	Hà Nội
21	30K-453.79	Hà Nội	1021	30K-444.67	Hà Nội	2021	30K-453.89	Hà Nội	3021	30K-504.99	Hà Nội
22	30K-462.88	Hà Nội	1022	30K-444.78	Hà Nội	2022	30K-454.39	Hà Nội	3022	30K-510.89	Hà Nội
23	30K-465.79	Hà Nội	1023	30K-448.79	Hà Nội	2023	30K-460.66	Hà Nội	3023	30K-532.39	Hà Nội
24	30K-471.79	Hà Nội	1024	30K-453.88	Hà Nội	2024	30K-463.89	Hà Nội	3024	30K-540.89	Hà Nội
25	30K-476.39	Hà Nội	1025	30K-457.99	Hà Nội	2025	30K-465.39	Hà Nội	3025	30K-541.99	Hà Nội
26	30K-478.78	Hà Nội	1026	30K-460.88	Hà Nội	2026	30K-465.99	Hà Nội	3026	30K-543.89	Hà Nội
27	30K-482.39	Hà Nội	1027	30K-462.89	Hà Nội	2027	30K-473.79	Hà Nội	3027	30K-564.69	Hà Nội
28	30K-487.39	Hà Nội	1028	30K-464.66	Hà Nội	2028	30K-479.39	Hà Nội	3028	30K-601.79	Hà Nội
29	30K-491.68	Hà Nội	1029	30K-470.39	Hà Nội	2029	30K-490.79	Hà Nội	3029	30K-605.69	Hà Nội
30	30K-494.68	Hà Nội	1030	30K-470.99	Hà Nội	2030	30K-495.89	Hà Nội	3030	30K-607.69	Hà Nội
31	30K-495.79	Hà Nội	1031	30K-472.39	Hà Nội	2031	30K-500.79	Hà Nội	3031	30K-614.89	Hà Nội
32	30K-501.69	Hà Nội	1032	30K-474.89	Hà Nội	2032	30K-501.89	Hà Nội	3032	30K-617.86	Hà Nội
33	30K-531.89	Hà Nội	1033	30K-477.39	Hà Nội	2033	30K-502.66	Hà Nội	3033	30K-734.86	Hà Nội
34	30K-544.39	Hà Nội	1034	30K-479.66	Hà Nội	2034	30K-509.69	Hà Nội	3034	30K-739.86	Hà Nội
35	30K-544.66	Hà Nội	1035	30K-481.39	Hà Nội	2035	30K-524.86	Hà Nội	3035	30K-763.33	Hà Nội
36	30K-547.68	Hà Nội	1036	30K-484.66	Hà Nội	2036	30K-530.88	Hà Nội	3036	30L-019.41	Hà Nội
37	30K-547.88	Hà Nội	1037	30K-492.68	Hà Nội	2037	30K-534.66	Hà Nội	3037	30L-054.95	Hà Nội
38	30K-548.39	Hà Nội	1038	30K-510.99	Hà Nội	2038	30K-534.99	Hà Nội	3038	30L-067.60	Hà Nội
39	30K-549.69	Hà Nội	1039	30K-521.69	Hà Nội	2039	30K-538.69	Hà Nội	3039	30L-080.44	Hà Nội
40	30K-571.11	Hà Nội	1040	30K-521.79	Hà Nội	2040	30K-540.66	Hà Nội	3040	30L-081.08	Hà Nội
41	30K-571.39	Hà Nội	1041	30K-525.39	Hà Nội	2041	30K-541.66	Hà Nội	3041	30L-081.80	Hà Nội
42	30K-580.99	Hà Nội	1042	30K-542.39	Hà Nội	2042	30K-541.88	Hà Nội	3042	30L-081.86	Hà Nội
43	30K-597.66	Hà Nội	1043	30K-550.89	Hà Nội	2043	30K-541.89	Hà Nội	3043	30L-093.88	Hà Nội
44	30K-724.79	Hà Nội	1044	30K-560.89	Hà Nội	2044	30K-547.69	Hà Nội	3044	30L-094.29	Hà Nội
45	30K-755.22	Hà Nội	1045	30K-570.69	Hà Nội	2045	30K-553.69	Hà Nội	3045	30L-095.90	Hà Nội
46	30K-776.99	Hà Nội	1046	30K-570.89	Hà Nội	2046	30K-554.69	Hà Nội	3046	30L-097.95	Hà Nội
47	30L-019.25	Hà Nội	1047	30K-571.69	Hà Nội	2047	30K-557.86	Hà Nội	3047	30L-098.68	Hà Nội
48	30L-056.96	Hà Nội	1048	30K-571.99	Hà Nội	2048	30K-594.88	Hà Nội	3048	30L-100.33	Hà Nội
49	30L-057.15	Hà Nội	1049	30K-576.69	Hà Nội	2049	30K-601.39	Hà Nội	3049	30L-101.38	Hà Nội
50	30L-057.28	Hà Nội	1050	30K-597.68	Hà Nội	2050	30K-614.39	Hà Nội	3050	30L-103.55	Hà Nội
51	30L-057.36	Hà Nội	1051	30K-601.89	Hà Nội	2051	30K-703.89	Hà Nội	3051	30L-103.96	Hà Nội
52	30L-063.38	Hà Nội	1052	30K-614.14	Hà Nội	2052	30K-710.69	Hà Nội	3052	30L-104.29	Hà Nội
53	30L-069.85	Hà Nội	1053	30K-704.39	Hà Nội	2053	30K-711.39	Hà Nội	3053	30L-108.65	Hà Nội
54	30L-081.19	Hà Nội	1054	30K-742.79	Hà Nội	2054	30K-732.69	Hà Nội	3054	30L-109.28	Hà Nội
55	30L-082.58	Hà Nội	1055	30K-770.00	Hà Nội	2055	30K-761.16	Hà Nội	3055	30L-110.08	Hà Nội
56	30L-093.85	Hà Nội	1056	30L-019.44	Hà Nội	2056	30K-762.88	Hà Nội	3056	30L-110.33	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
57	30L-096.00	Hà Nội	1057	30L-054.59	Hà Nội	2057	30K-764.69	Hà Nội	3057	30L-112.59	Hà Nội
58	30L-098.44	Hà Nội	1058	30L-054.98	Hà Nội	2058	30K-778.66	Hà Nội	3058	30L-115.95	Hà Nội
59	30L-102.36	Hà Nội	1059	30L-056.09	Hà Nội	2059	30L-019.32	Hà Nội	3059	30L-117.68	Hà Nội
60	30L-108.08	Hà Nội	1060	30L-056.59	Hà Nội	2060	30L-055.05	Hà Nội	3060	30L-118.15	Hà Nội
61	30L-108.99	Hà Nội	1061	30L-057.29	Hà Nội	2061	30L-056.25	Hà Nội	3061	51K-745.99	Hồ Chí Minh
62	30L-109.66	Hà Nội	1062	30L-067.68	Hà Nội	2062	30L-063.29	Hà Nội	3062	51K-747.88	Hồ Chí Minh
63	30L-110.00	Hà Nội	1063	30L-067.79	Hà Nội	2063	30L-069.16	Hà Nội	3063	51K-751.99	Hồ Chí Minh
64	30L-110.29	Hà Nội	1064	30L-069.55	Hà Nội	2064	30L-082.16	Hà Nội	3064	51K-763.66	Hồ Chí Minh
65	30L-112.13	Hà Nội	1065	30L-081.18	Hà Nội	2065	30L-093.56	Hà Nội	3065	51K-765.66	Hồ Chí Minh
66	30L-115.51	Hà Nội	1066	30L-081.65	Hà Nội	2066	30L-095.22	Hà Nội	3066	51K-769.88	Hồ Chí Minh
67	30L-117.33	Hà Nội	1067	30L-081.79	Hà Nội	2067	30L-095.65	Hà Nội	3067	51K-775.66	Hồ Chí Minh
68	30L-120.11	Hà Nội	1068	30L-082.35	Hà Nội	2068	30L-098.09	Hà Nội	3068	51K-781.39	Hồ Chí Minh
69	51K-749.89	Hồ Chí Minh	1069	30L-093.77	Hà Nội	2069	30L-098.16	Hà Nội	3069	51K-782.89	Hồ Chí Minh
70	51K-752.88	Hồ Chí Minh	1070	30L-096.28	Hà Nội	2070	30L-102.19	Hà Nội	3070	51K-784.66	Hồ Chí Minh
71	51K-754.66	Hồ Chí Minh	1071	30L-099.56	Hà Nội	2071	30L-102.26	Hà Nội	3071	51K-800.66	Hồ Chí Minh
72	51K-759.39	Hồ Chí Minh	1072	30L-099.58	Hà Nội	2072	30L-102.55	Hà Nội	3072	51K-801.89	Hồ Chí Minh
73	51K-761.88	Hồ Chí Minh	1073	30L-101.06	Hà Nội	2073	30L-103.30	Hà Nội	3073	51K-802.89	Hồ Chí Minh
74	51K-765.68	Hồ Chí Minh	1074	30L-104.25	Hà Nội	2074	30L-103.66	Hà Nội	3074	51K-810.66	Hồ Chí Minh
75	51K-770.66	Hồ Chí Minh	1075	30L-110.55	Hà Nội	2075	30L-105.65	Hà Nội	3075	51K-812.89	Hồ Chí Minh
76	51K-800.22	Hồ Chí Minh	1076	30L-112.55	Hà Nội	2076	30L-106.26	Hà Nội	3076	51K-813.13	Hồ Chí Minh
77	51K-802.39	Hồ Chí Minh	1077	30L-113.19	Hà Nội	2077	30L-106.69	Hà Nội	3077	51K-815.66	Hồ Chí Minh
78	51K-803.89	Hồ Chí Minh	1078	30L-116.15	Hà Nội	2078	30L-107.15	Hà Nội	3078	51K-820.68	Hồ Chí Minh
79	51K-806.79	Hồ Chí Minh	1079	30L-118.25	Hà Nội	2079	30L-109.09	Hà Nội	3079	51K-824.39	Hồ Chí Minh
80	51K-814.39	Hồ Chí Minh	1080	51K-742.39	Hồ Chí Minh	2080	30L-110.65	Hà Nội	3080	51K-827.79	Hồ Chí Minh
81	51K-814.79	Hồ Chí Minh	1081	51K-745.66	Hồ Chí Minh	2081	30L-111.37	Hà Nội	3081	51K-835.86	Hồ Chí Minh
82	51K-820.66	Hồ Chí Minh	1082	51K-747.68	Hồ Chí Minh	2082	30L-114.19	Hà Nội	3082	51K-837.69	Hồ Chí Minh
83	51K-823.66	Hồ Chí Minh	1083	51K-752.66	Hồ Chí Minh	2083	30L-114.83	Hà Nội	3083	51K-841.39	Hồ Chí Minh
84	51K-825.99	Hồ Chí Minh	1084	51K-760.88	Hồ Chí Minh	2084	30L-115.08	Hà Nội	3084	51K-844.99	Hồ Chí Minh
85	51K-841.69	Hồ Chí Minh	1085	51K-762.89	Hồ Chí Minh	2085	30L-119.18	Hà Nội	3085	51K-847.66	Hồ Chí Minh
86	51K-842.69	Hồ Chí Minh	1086	51K-765.79	Hồ Chí Minh	2086	30L-120.28	Hà Nội	3086	51K-851.89	Hồ Chí Minh
87	51K-842.86	Hồ Chí Minh	1087	51K-767.39	Hồ Chí Minh	2087	51K-744.89	Hồ Chí Minh	3087	51K-859.69	Hồ Chí Minh
88	51K-845.89	Hồ Chí Minh	1088	51K-775.68	Hồ Chí Minh	2088	51K-747.89	Hồ Chí Minh	3088	51K-860.69	Hồ Chí Minh
89	51K-847.68	Hồ Chí Minh	1089	51K-791.39	Hồ Chí Minh	2089	51K-750.88	Hồ Chí Minh	3089	51K-870.00	Hồ Chí Minh
90	51K-847.86	Hồ Chí Minh	1090	51K-791.66	Hồ Chí Minh	2090	51K-750.99	Hồ Chí Minh	3090	51K-870.89	Hồ Chí Minh
91	51K-850.66	Hồ Chí Minh	1091	51K-794.99	Hồ Chí Minh	2091	51K-762.39	Hồ Chí Minh	3091	51K-870.99	Hồ Chí Minh
92	51K-852.39	Hồ Chí Minh	1092	51K-795.66	Hồ Chí Minh	2092	51K-762.79	Hồ Chí Minh	3092	51K-872.66	Hồ Chí Minh
93	51K-853.66	Hồ Chí Minh	1093	51K-801.66	Hồ Chí Minh	2093	51K-764.39	Hồ Chí Minh	3093	51K-872.69	Hồ Chí Minh
94	51K-856.39	Hồ Chí Minh	1094	51K-813.89	Hồ Chí Minh	2094	51K-772.89	Hồ Chí Minh	3094	51K-872.86	Hồ Chí Minh
95	51K-859.68	Hồ Chí Minh	1095	51K-817.66	Hồ Chí Minh	2095	51K-774.89	Hồ Chí Minh	3095	51K-872.89	Hồ Chí Minh
96	51K-864.69	Hồ Chí Minh	1096	51K-827.68	Hồ Chí Minh	2096	51K-787.39	Hồ Chí Minh	3096	51K-874.99	Hồ Chí Minh
97	51K-874.44	Hồ Chí Minh	1097	51K-830.99	Hồ Chí Minh	2097	51K-791.68	Hồ Chí Minh	3097	51K-892.66	Hồ Chí Minh
98	51K-874.79	Hồ Chí Minh	1098	51K-831.99	Hồ Chí Minh	2098	51K-796.89	Hồ Chí Minh	3098	51K-893.86	Hồ Chí Minh
99	51K-876.39	Hồ Chí Minh	1099	51K-834.68	Hồ Chí Minh	2099	51K-804.66	Hồ Chí Minh	3099	51K-894.86	Hồ Chí Minh
100	51K-884.69	Hồ Chí Minh	1100	51K-840.86	Hồ Chí Minh	2100	51K-806.39	Hồ Chí Minh	3100	51K-896.39	Hồ Chí Minh
101	51K-890.68	Hồ Chí Minh	1101	51K-847.47	Hồ Chí Minh	2101	51K-824.24	Hồ Chí Minh	3101	51K-902.39	Hồ Chí Minh
102	51K-904.04	Hồ Chí Minh	1102	51K-847.88	Hồ Chí Minh	2102	51K-827.27	Hồ Chí Minh	3102	51K-903.39	Hồ Chí Minh
103	51K-905.66	Hồ Chí Minh	1103	51K-848.39	Hồ Chí Minh	2103	51K-832.39	Hồ Chí Minh	3103	51K-914.99	Hồ Chí Minh
104	51K-910.39	Hồ Chí Minh	1104	51K-858.39	Hồ Chí Minh	2104	51K-834.34	Hồ Chí Minh	3104	51K-920.68	Hồ Chí Minh
105	51K-911.44	Hồ Chí Minh	1105	51K-861.39	Hồ Chí Minh	2105	51K-834.66	Hồ Chí Minh	3105	51K-921.39	Hồ Chí Minh
106	51K-914.89	Hồ Chí Minh	1106	51K-864.39	Hồ Chí Minh	2106	51K-835.69	Hồ Chí Minh	3106	51K-924.86	Hồ Chí Minh
107	51K-915.86	Hồ Chí Minh	1107	51K-864.79	Hồ Chí Minh	2107	51K-842.39	Hồ Chí Minh	3107	51K-925.39	Hồ Chí Minh
108	51K-916.89	Hồ Chí Minh	1108	51K-865.39	Hồ Chí Minh	2108	51K-846.86	Hồ Chí Minh	3108	51K-930.79	Hồ Chí Minh
109	51K-917.66	Hồ Chí Minh	1109	51K-871.86	Hồ Chí Minh	2109	51K-849.66	Hồ Chí Minh	3109	51K-931.88	Hồ Chí Minh
110	51K-917.68	Hồ Chí Minh	1110	51K-873.33	Hồ Chí Minh	2110	51K-853.39	Hồ Chí Minh	3110	51K-934.44	Hồ Chí Minh
111	51K-921.99	Hồ Chí Minh	1111	51K-877.66	Hồ Chí Minh	2111	51K-854.89	Hồ Chí Minh	3111	51K-935.86	Hồ Chí Minh
112	51K-922.89	Hồ Chí Minh	1112	51K-884.89	Hồ Chí Minh	2112	51K-860.89	Hồ Chí Minh	3112	51K-937.66	Hồ Chí Minh
113	51K-927.88	Hồ Chí Minh	1113	51K-892.99	Hồ Chí Minh	2113	51K-867.39	Hồ Chí Minh	3113	51K-942.39	Hồ Chí Minh
114	51K-928.89	Hồ Chí Minh	1114	51K-894.39	Hồ Chí Minh	2114	51K-874.66	Hồ Chí Minh	3114	51K-944.86	Hồ Chí Minh
115	51K-931.89	Hồ Chí Minh	1115	51K-894.44	Hồ Chí Minh	2115	51K-881.39	Hồ Chí Minh	3115	51K-946.39	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
116	51K-940.66	Hồ Chí Minh	1116	51K-897.68	Hồ Chí Minh	2116	51K-882.39	Hồ Chí Minh	3116	51K-951.79	Hồ Chí Minh
117	51K-941.39	Hồ Chí Minh	1117	51K-907.86	Hồ Chí Minh	2117	51K-884.68	Hồ Chí Minh	3117	51K-952.68	Hồ Chí Minh
118	51K-943.39	Hồ Chí Minh	1118	51K-907.99	Hồ Chí Minh	2118	51K-890.66	Hồ Chí Minh	3118	51K-954.39	Hồ Chí Minh
119	51K-945.86	Hồ Chí Minh	1119	51K-910.69	Hồ Chí Minh	2119	51K-890.79	Hồ Chí Minh	3119	51K-955.68	Hồ Chí Minh
120	51K-947.77	Hồ Chí Minh	1120	51K-910.86	Hồ Chí Minh	2120	51K-892.69	Hồ Chí Minh	3120	51K-956.68	Hồ Chí Minh
121	51K-948.89	Hồ Chí Minh	1121	51K-912.66	Hồ Chí Minh	2121	51K-897.39	Hồ Chí Minh	3121	51K-957.66	Hồ Chí Minh
122	51K-949.39	Hồ Chí Minh	1122	51K-912.69	Hồ Chí Minh	2122	51K-900.66	Hồ Chí Minh	3122	51K-960.39	Hồ Chí Minh
123	51K-950.89	Hồ Chí Minh	1123	51K-914.86	Hồ Chí Minh	2123	51K-901.69	Hồ Chí Minh	3123	51K-962.68	Hồ Chí Minh
124	51K-952.89	Hồ Chí Minh	1124	51K-915.66	Hồ Chí Minh	2124	51K-903.66	Hồ Chí Minh	3124	51K-964.66	Hồ Chí Minh
125	51K-957.88	Hồ Chí Minh	1125	51K-915.99	Hồ Chí Minh	2125	51K-904.66	Hồ Chí Minh	3125	51K-967.39	Hồ Chí Minh
126	51K-962.89	Hồ Chí Minh	1126	51K-916.88	Hồ Chí Minh	2126	51K-904.79	Hồ Chí Minh	3126	51K-970.99	Hồ Chí Minh
127	51K-965.66	Hồ Chí Minh	1127	51K-925.99	Hồ Chí Minh	2127	51K-905.69	Hồ Chí Minh	3127	51K-972.89	Hồ Chí Minh
128	51K-965.89	Hồ Chí Minh	1128	51K-927.99	Hồ Chí Minh	2128	51K-909.66	Hồ Chí Minh	3128	51K-978.69	Hồ Chí Minh
129	51K-971.69	Hồ Chí Minh	1129	51K-932.89	Hồ Chí Minh	2129	51K-910.68	Hồ Chí Minh	3129	51L-239.82	Hồ Chí Minh
130	51L-239.93	Hồ Chí Minh	1130	51K-942.69	Hồ Chí Minh	2130	51K-911.33	Hồ Chí Minh	3130	51L-240.58	Hồ Chí Minh
131	51L-240.99	Hồ Chí Minh	1131	51K-943.79	Hồ Chí Minh	2131	51K-915.39	Hồ Chí Minh	3131	51L-243.28	Hồ Chí Minh
132	51L-241.08	Hồ Chí Minh	1132	51K-943.99	Hồ Chí Minh	2132	51K-917.39	Hồ Chí Minh	3132	51L-245.66	Hồ Chí Minh
133	51L-243.68	Hồ Chí Minh	1133	51K-946.79	Hồ Chí Minh	2133	51K-921.79	Hồ Chí Minh	3133	51L-248.28	Hồ Chí Minh
134	51L-245.29	Hồ Chí Minh	1134	51K-952.99	Hồ Chí Minh	2134	51K-934.34	Hồ Chí Minh	3134	51L-249.42	Hồ Chí Minh
135	51L-246.28	Hồ Chí Minh	1135	51K-953.39	Hồ Chí Minh	2135	51K-935.89	Hồ Chí Minh	3135	51L-249.86	Hồ Chí Minh
136	51L-250.66	Hồ Chí Minh	1136	51K-954.68	Hồ Chí Minh	2136	51K-938.69	Hồ Chí Minh	3136	51L-250.33	Hồ Chí Minh
137	51L-251.33	Hồ Chí Minh	1137	51K-954.86	Hồ Chí Minh	2137	51K-940.39	Hồ Chí Minh	3137	51L-251.59	Hồ Chí Minh
138	51L-251.56	Hồ Chí Minh	1138	51K-965.86	Hồ Chí Minh	2138	51K-949.68	Hồ Chí Minh	3138	51L-252.18	Hồ Chí Minh
139	51L-251.65	Hồ Chí Minh	1139	51K-967.86	Hồ Chí Minh	2139	51K-950.66	Hồ Chí Minh	3139	51L-252.33	Hồ Chí Minh
140	51L-253.22	Hồ Chí Minh	1140	51K-971.39	Hồ Chí Minh	2140	51K-953.79	Hồ Chí Minh	3140	51L-256.38	Hồ Chí Minh
141	51L-253.44	Hồ Chí Minh	1141	51K-973.89	Hồ Chí Minh	2141	51K-956.39	Hồ Chí Minh	3141	51L-258.15	Hồ Chí Minh
142	51L-261.39	Hồ Chí Minh	1142	51K-974.69	Hồ Chí Minh	2142	51K-964.99	Hồ Chí Minh	3142	51L-258.19	Hồ Chí Minh
143	51L-266.06	Hồ Chí Minh	1143	51L-240.16	Hồ Chí Minh	2143	51K-970.39	Hồ Chí Minh	3143	51L-259.06	Hồ Chí Minh
144	51L-266.39	Hồ Chí Minh	1144	51L-242.89	Hồ Chí Minh	2144	51K-970.86	Hồ Chí Minh	3144	51L-261.38	Hồ Chí Minh
145	51L-267.35	Hồ Chí Minh	1145	51L-244.28	Hồ Chí Minh	2145	51K-971.99	Hồ Chí Minh	3145	51L-262.09	Hồ Chí Minh
146	51L-268.62	Hồ Chí Minh	1146	51L-244.88	Hồ Chí Minh	2146	51L-240.41	Hồ Chí Minh	3146	51L-264.09	Hồ Chí Minh
147	51L-273.35	Hồ Chí Minh	1147	51L-245.58	Hồ Chí Minh	2147	51L-240.55	Hồ Chí Minh	3147	51L-264.68	Hồ Chí Minh
148	51L-274.26	Hồ Chí Minh	1148	51L-246.86	Hồ Chí Minh	2148	51L-241.26	Hồ Chí Minh	3148	51L-266.19	Hồ Chí Minh
149	51L-275.09	Hồ Chí Minh	1149	51L-249.96	Hồ Chí Minh	2149	51L-244.06	Hồ Chí Minh	3149	51L-266.83	Hồ Chí Minh
150	51L-279.88	Hồ Chí Minh	1150	51L-253.68	Hồ Chí Minh	2150	51L-244.45	Hồ Chí Minh	3150	51L-267.39	Hồ Chí Minh
151	51L-280.11	Hồ Chí Minh	1151	51L-253.77	Hồ Chí Minh	2151	51L-245.38	Hồ Chí Minh	3151	51L-267.76	Hồ Chí Minh
152	51L-280.89	Hồ Chí Minh	1152	51L-258.22	Hồ Chí Minh	2152	51L-251.15	Hồ Chí Minh	3152	51L-268.38	Hồ Chí Minh
153	51L-281.00	Hồ Chí Minh	1153	51L-259.65	Hồ Chí Minh	2153	51L-256.08	Hồ Chí Minh	3153	51L-269.35	Hồ Chí Minh
154	51L-282.00	Hồ Chí Minh	1154	51L-260.26	Hồ Chí Minh	2154	51L-261.77	Hồ Chí Minh	3154	51L-270.55	Hồ Chí Minh
155	51L-282.95	Hồ Chí Minh	1155	51L-260.61	Hồ Chí Minh	2155	51L-263.15	Hồ Chí Minh	3155	51L-273.83	Hồ Chí Minh
156	51L-283.09	Hồ Chí Minh	1156	51L-263.35	Hồ Chí Minh	2156	51L-263.85	Hồ Chí Minh	3156	51L-273.85	Hồ Chí Minh
157	51L-285.15	Hồ Chí Minh	1157	51L-263.65	Hồ Chí Minh	2157	51L-265.98	Hồ Chí Minh	3157	51L-275.00	Hồ Chí Minh
158	51L-287.56	Hồ Chí Minh	1158	51L-266.93	Hồ Chí Minh	2158	51L-270.65	Hồ Chí Minh	3158	51L-275.58	Hồ Chí Minh
159	51L-288.29	Hồ Chí Minh	1159	51L-268.59	Hồ Chí Minh	2159	51L-272.59	Hồ Chí Minh	3159	51L-277.66	Hồ Chí Minh
160	51L-290.28	Hồ Chí Minh	1160	51L-269.82	Hồ Chí Minh	2160	51L-276.55	Hồ Chí Minh	3160	51L-278.09	Hồ Chí Minh
161	51L-290.77	Hồ Chí Minh	1161	51L-271.36	Hồ Chí Minh	2161	51L-279.86	Hồ Chí Minh	3161	51L-279.00	Hồ Chí Minh
162	51L-292.33	Hồ Chí Minh	1162	51L-273.55	Hồ Chí Minh	2162	51L-283.59	Hồ Chí Minh	3162	51L-281.89	Hồ Chí Minh
163	51L-293.11	Hồ Chí Minh	1163	51L-274.33	Hồ Chí Minh	2163	51L-284.33	Hồ Chí Minh	3163	51L-282.99	Hồ Chí Minh
164	51L-293.88	Hồ Chí Minh	1164	51L-274.69	Hồ Chí Minh	2164	51L-289.22	Hồ Chí Minh	3164	51L-284.59	Hồ Chí Minh
165	51L-295.39	Hồ Chí Minh	1165	51L-276.08	Hồ Chí Minh	2165	51L-290.39	Hồ Chí Minh	3165	51L-286.95	Hồ Chí Minh
166	51L-319.38	Hồ Chí Minh	1166	51L-280.33	Hồ Chí Minh	2166	51L-290.86	Hồ Chí Minh	3166	51L-288.08	Hồ Chí Minh
167	51L-353.55	Hồ Chí Minh	1167	51L-283.99	Hồ Chí Minh	2167	51L-291.11	Hồ Chí Minh	3167	51L-295.69	Hồ Chí Minh
168	51L-354.29	Hồ Chí Minh	1168	51L-284.95	Hồ Chí Minh	2168	51L-292.09	Hồ Chí Minh	3168	51L-319.33	Hồ Chí Minh
169	51L-358.53	Hồ Chí Minh	1169	51L-287.26	Hồ Chí Minh	2169	51L-306.18	Hồ Chí Minh	3169	51L-319.76	Hồ Chí Minh
170	51L-361.98	Hồ Chí Minh	1170	51L-293.83	Hồ Chí Minh	2170	51L-319.51	Hồ Chí Minh	3170	51L-353.68	Hồ Chí Minh
171	51L-362.66	Hồ Chí Minh	1171	51L-294.59	Hồ Chí Minh	2171	51L-319.95	Hồ Chí Minh	3171	51L-354.15	Hồ Chí Minh
172	51L-363.86	Hồ Chí Minh	1172	51L-295.89	Hồ Chí Minh	2172	51L-352.89	Hồ Chí Minh	3172	51L-356.69	Hồ Chí Minh
173	51L-366.06	Hồ Chí Minh	1173	51L-295.98	Hồ Chí Minh	2173	51L-353.56	Hồ Chí Minh	3173	51L-356.88	Hồ Chí Minh
174	51L-367.38	Hồ Chí Minh	1174	51L-305.86	Hồ Chí Minh	2174	51L-354.66	Hồ Chí Minh	3174	51L-357.33	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
175	51L-369.35	Hồ Chí Minh	1175	51L-319.58	Hồ Chí Minh	2175	51L-354.95	Hồ Chí Minh	3175	51L-359.09	Hồ Chí Minh
176	51L-370.77	Hồ Chí Minh	1176	51L-354.44	Hồ Chí Minh	2176	51L-359.22	Hồ Chí Minh	3176	51L-359.19	Hồ Chí Minh
177	51L-374.11	Hồ Chí Minh	1177	51L-356.89	Hồ Chí Minh	2177	51L-362.39	Hồ Chí Minh	3177	51L-359.96	Hồ Chí Minh
178	51L-374.19	Hồ Chí Minh	1178	51L-357.16	Hồ Chí Minh	2178	51L-363.06	Hồ Chí Minh	3178	51L-362.79	Hồ Chí Minh
179	51L-375.06	Hồ Chí Minh	1179	51L-358.09	Hồ Chí Minh	2179	51L-363.19	Hồ Chí Minh	3179	51L-363.22	Hồ Chí Minh
180	51L-376.67	Hồ Chí Minh	1180	51L-359.28	Hồ Chí Minh	2180	51L-371.37	Hồ Chí Minh	3180	51L-365.65	Hồ Chí Minh
181	51L-376.83	Hồ Chí Minh	1181	51L-360.15	Hồ Chí Minh	2181	51L-377.98	Hồ Chí Minh	3181	51L-372.22	Hồ Chí Minh
182	51L-378.00	Hồ Chí Minh	1182	51L-360.68	Hồ Chí Minh	2182	51L-378.85	Hồ Chí Minh	3182	51L-376.36	Hồ Chí Minh
183	51L-378.22	Hồ Chí Minh	1183	51L-361.28	Hồ Chí Minh	2183	51L-383.11	Hồ Chí Minh	3183	51L-380.56	Hồ Chí Minh
184	51L-382.29	Hồ Chí Minh	1184	51L-362.11	Hồ Chí Minh	2184	51L-384.83	Hồ Chí Minh	3184	51L-381.15	Hồ Chí Minh
185	51L-383.26	Hồ Chí Minh	1185	51L-363.16	Hồ Chí Minh	2185	51L-388.63	Hồ Chí Minh	3185	51L-381.44	Hồ Chí Minh
186	51L-383.28	Hồ Chí Minh	1186	51L-365.06	Hồ Chí Minh	2186	51L-389.06	Hồ Chí Minh	3186	51L-381.96	Hồ Chí Minh
187	51L-387.65	Hồ Chí Minh	1187	51L-365.11	Hồ Chí Minh	2187	51L-391.55	Hồ Chí Minh	3187	51L-382.55	Hồ Chí Minh
188	51L-392.86	Hồ Chí Minh	1188	51L-365.36	Hồ Chí Minh	2188	15C-460.99	Hải Phòng	3188	51L-384.36	Hồ Chí Minh
189	51L-394.65	Hồ Chí Minh	1189	51L-366.33	Hồ Chí Minh	2189	15C-462.33	Hải Phòng	3189	51L-387.79	Hồ Chí Minh
190	51L-395.09	Hồ Chí Minh	1190	51L-367.39	Hồ Chí Minh	2190	15K-200.66	Hải Phòng	3190	51L-390.68	Hồ Chí Minh
191	15C-444.55	Hải Phòng	1191	51L-368.58	Hồ Chí Minh	2191	15K-213.13	Hải Phòng	3191	51L-391.96	Hồ Chí Minh
192	15K-201.86	Hải Phòng	1192	51L-369.86	Hồ Chí Minh	2192	15K-218.39	Hải Phòng	3192	51L-394.26	Hồ Chí Minh
193	15K-214.88	Hải Phòng	1193	51L-373.74	Hồ Chí Minh	2193	15K-224.56	Hải Phòng	3193	15K-197.77	Hải Phòng
194	15K-220.38	Hải Phòng	1194	51L-374.39	Hồ Chí Minh	2194	15K-227.06	Hải Phòng	3194	15K-208.08	Hải Phòng
195	15K-220.44	Hải Phòng	1195	51L-377.69	Hồ Chí Minh	2195	15K-227.39	Hải Phòng	3195	15K-212.12	Hải Phòng
196	15K-223.19	Hải Phòng	1196	51L-380.25	Hồ Chí Minh	2196	15K-228.58	Hải Phòng	3196	15K-213.33	Hải Phòng
197	15K-225.66	Hải Phòng	1197	51L-382.95	Hồ Chí Minh	2197	15K-236.26	Hải Phòng	3197	15K-219.08	Hải Phòng
198	15K-233.58	Hải Phòng	1198	51L-384.19	Hồ Chí Minh	2198	15K-236.85	Hải Phòng	3198	15K-220.85	Hải Phòng
199	15K-238.95	Hải Phòng	1199	51L-385.19	Hồ Chí Minh	2199	15K-239.29	Hải Phòng	3199	15K-229.77	Hải Phòng
200	15K-243.29	Hải Phòng	1200	51L-386.55	Hồ Chí Minh	2200	15K-240.88	Hải Phòng	3200	15K-236.55	Hải Phòng
201	15K-244.16	Hải Phòng	1201	51L-388.09	Hồ Chí Minh	2201	15K-241.22	Hải Phòng	3201	15K-237.66	Hải Phòng
202	15K-244.99	Hải Phòng	1202	51L-388.85	Hồ Chí Minh	2202	15K-250.38	Hải Phòng	3202	15K-237.73	Hải Phòng
203	15K-245.86	Hải Phòng	1203	51L-389.28	Hồ Chí Minh	2203	15K-253.19	Hải Phòng	3203	15K-239.28	Hải Phòng
204	15K-246.09	Hải Phòng	1204	51L-389.77	Hồ Chí Minh	2204	15K-258.25	Hải Phòng	3204	15K-243.33	Hải Phòng
205	15K-246.99	Hải Phòng	1205	51L-389.95	Hồ Chí Minh	2205	15K-258.77	Hải Phòng	3205	15K-247.24	Hải Phòng
206	15K-247.85	Hải Phòng	1206	15C-456.65	Hải Phòng	2206	15K-264.28	Hải Phòng	3206	15K-247.95	Hải Phòng
207	15K-253.66	Hải Phòng	1207	15C-462.86	Hải Phòng	2207	15K-269.28	Hải Phòng	3207	15K-248.98	Hải Phòng
208	15K-254.95	Hải Phòng	1208	15K-205.68	Hải Phòng	2208	15K-270.72	Hải Phòng	3208	15K-250.06	Hải Phòng
209	15K-259.25	Hải Phòng	1209	15K-217.66	Hải Phòng	2209	15K-270.95	Hải Phòng	3209	15K-251.08	Hải Phòng
210	15K-265.33	Hải Phòng	1210	15K-218.56	Hải Phòng	2210	17A-400.66	Thái Bình	3210	15K-254.00	Hải Phòng
211	15K-265.35	Hải Phòng	1211	15K-221.79	Hải Phòng	2211	17A-400.89	Thái Bình	3211	15K-254.79	Hải Phòng
212	15K-265.86	Hải Phòng	1212	15K-222.20	Hải Phòng	2212	17A-410.66	Thái Bình	3212	15K-259.56	Hải Phòng
213	15K-266.65	Hải Phòng	1213	15K-226.56	Hải Phòng	2213	17A-412.86	Thái Bình	3213	15K-259.65	Hải Phòng
214	15K-267.99	Hải Phòng	1214	15K-228.19	Hải Phòng	2214	17A-413.56	Thái Bình	3214	15K-259.77	Hải Phòng
215	15K-271.36	Hải Phòng	1215	15K-228.22	Hải Phòng	2215	17A-414.08	Thái Bình	3215	15K-264.99	Hải Phòng
216	17A-402.02	Thái Bình	1216	15K-228.39	Hải Phòng	2216	17A-415.33	Thái Bình	3216	15K-265.11	Hải Phòng
217	17A-413.88	Thái Bình	1217	15K-237.86	Hải Phòng	2217	17A-416.89	Thái Bình	3217	15K-267.79	Hải Phòng
218	17A-414.44	Thái Bình	1218	15K-239.26	Hải Phòng	2218	17A-423.23	Thái Bình	3218	17A-397.66	Thái Bình
219	17A-416.59	Thái Bình	1219	15K-239.56	Hải Phòng	2219	17A-423.26	Thái Bình	3219	17A-406.06	Thái Bình
220	17A-418.95	Thái Bình	1220	15K-240.86	Hải Phòng	2220	17A-423.36	Thái Bình	3220	17A-414.38	Thái Bình
221	17A-421.36	Thái Bình	1221	15K-244.11	Hải Phòng	2221	17A-423.83	Thái Bình	3221	17A-416.18	Thái Bình
222	17A-424.77	Thái Bình	1222	15K-245.38	Hải Phòng	2222	17A-425.39	Thái Bình	3222	17A-417.28	Thái Bình
223	17A-426.88	Thái Bình	1223	15K-248.24	Hải Phòng	2223	17A-425.52	Thái Bình	3223	17A-419.00	Thái Bình
224	17A-429.22	Thái Bình	1224	15K-248.44	Hải Phòng	2224	17A-426.69	Thái Bình	3224	17A-420.36	Thái Bình
225	17A-429.69	Thái Bình	1225	15K-250.96	Hải Phòng	2225	17A-428.44	Thái Bình	3225	17A-421.33	Thái Bình
226	17A-430.85	Thái Bình	1226	15K-253.18	Hải Phòng	2226	17A-428.83	Thái Bình	3226	17A-423.16	Thái Bình
227	17A-437.85	Thái Bình	1227	15K-253.83	Hải Phòng	2227	17A-430.38	Thái Bình	3227	17A-424.18	Thái Bình
228	17A-437.99	Thái Bình	1228	15K-254.35	Hải Phòng	2228	17A-430.55	Thái Bình	3228	17A-427.22	Thái Bình
229	17A-438.82	Thái Bình	1229	15K-255.98	Hải Phòng	2229	17A-431.44	Thái Bình	3229	17A-430.06	Thái Bình
230	17A-440.68	Thái Bình	1230	15K-256.29	Hải Phòng	2230	17A-435.28	Thái Bình	3230	17A-430.58	Thái Bình
231	17C-201.18	Thái Bình	1231	15K-264.11	Hải Phòng	2231	17A-435.85	Thái Bình	3231	17A-434.35	Thái Bình
232	17C-201.85	Thái Bình	1232	15K-267.62	Hải Phòng	2232	17C-195.39	Thái Bình	3232	17A-434.95	Thái Bình
233	17C-202.06	Thái Bình	1233	15K-267.83	Hải Phòng	2233	17C-196.59	Thái Bình	3233	17A-435.25	Thái Bình

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
234	18A-402.89	Nam Định	1234	17A-406.79	Thái Bình	2234	17C-199.90	Thái Bình	3234	17A-436.38	Thái Bình
235	18A-405.39	Nam Định	1235	17A-414.68	Thái Bình	2235	17C-202.11	Thái Bình	3235	17A-436.99	Thái Bình
236	18A-409.06	Nam Định	1236	17A-415.29	Thái Bình	2236	18A-400.00	Nam Định	3236	17A-437.66	Thái Bình
237	18A-412.16	Nam Định	1237	17A-417.06	Thái Bình	2237	18A-402.00	Nam Định	3237	17A-438.69	Thái Bình
238	18A-412.85	Nam Định	1238	17A-418.09	Thái Bình	2238	18A-402.88	Nam Định	3238	17A-438.83	Thái Bình
239	18A-414.29	Nam Định	1239	17A-418.41	Thái Bình	2239	18A-406.09	Nam Định	3239	17A-440.58	Thái Bình
240	18A-415.56	Nam Định	1240	17A-419.39	Thái Bình	2240	18A-407.70	Nam Định	3240	17C-199.93	Thái Bình
241	18A-416.56	Nam Định	1241	17A-419.65	Thái Bình	2241	18A-408.22	Nam Định	3241	18A-400.77	Nam Định
242	18A-418.79	Nam Định	1242	17A-419.88	Thái Bình	2242	18A-408.80	Nam Định	3242	18A-404.04	Nam Định
243	18A-419.59	Nam Định	1243	17A-421.16	Thái Bình	2243	18A-411.41	Nam Định	3243	18A-405.66	Nam Định
244	18A-420.65	Nam Định	1244	17A-421.77	Thái Bình	2244	18A-412.15	Nam Định	3244	18A-406.33	Nam Định
245	18A-421.09	Nam Định	1245	17A-422.77	Thái Bình	2245	18A-414.26	Nam Định	3245	18A-406.88	Nam Định
246	18A-421.16	Nam Định	1246	17A-423.00	Thái Bình	2246	18A-415.19	Nam Định	3246	18A-407.06	Nam Định
247	18A-424.86	Nam Định	1247	17A-423.42	Thái Bình	2247	18A-415.77	Nam Định	3247	18A-408.63	Nam Định
248	18A-425.25	Nam Định	1248	17A-423.85	Thái Bình	2248	18A-416.98	Nam Định	3248	18A-412.98	Nam Định
249	18A-425.79	Nam Định	1249	17A-424.83	Thái Bình	2249	18A-417.06	Nam Định	3249	18A-415.09	Nam Định
250	18A-426.89	Nam Định	1250	17A-428.18	Thái Bình	2250	18A-418.14	Nam Định	3250	18A-415.98	Nam Định
251	18A-426.95	Nam Định	1251	17A-431.19	Thái Bình	2251	18A-418.77	Nam Định	3251	18A-416.28	Nam Định
252	18A-427.56	Nam Định	1252	17A-433.55	Thái Bình	2252	18A-419.09	Nam Định	3252	18A-416.65	Nam Định
253	18A-428.38	Nam Định	1253	17A-433.88	Thái Bình	2253	18A-423.36	Nam Định	3253	18A-418.65	Nam Định
254	18A-429.24	Nam Định	1254	17A-437.56	Thái Bình	2254	18A-425.65	Nam Định	3254	18A-421.21	Nam Định
255	18A-429.28	Nam Định	1255	17A-438.95	Thái Bình	2255	18A-425.83	Nam Định	3255	18A-422.66	Nam Định
256	18A-430.38	Nam Định	1256	17A-439.35	Thái Bình	2256	18A-428.08	Nam Định	3256	18A-423.23	Nam Định
257	18A-431.28	Nam Định	1257	17A-440.04	Thái Bình	2257	18A-428.55	Nam Định	3257	18A-423.59	Nam Định
258	18C-155.38	Nam Định	1258	17C-197.99	Thái Bình	2258	18A-428.66	Nam Định	3258	18A-423.65	Nam Định
259	18C-157.33	Nam Định	1259	17C-199.85	Thái Bình	2259	18A-429.18	Nam Định	3259	18A-424.59	Nam Định
260	19A-577.39	Phú Thọ	1260	17C-200.79	Thái Bình	2260	18A-431.89	Nam Định	3260	18A-428.28	Nam Định
261	19A-578.09	Phú Thọ	1261	18A-405.16	Nam Định	2261	18C-155.33	Nam Định	3261	18A-429.59	Nam Định
262	19A-580.85	Phú Thọ	1262	18A-405.99	Nam Định	2262	18C-156.55	Nam Định	3262	18A-432.28	Nam Định
263	19A-601.88	Phú Thọ	1263	18A-408.06	Nam Định	2263	18C-158.00	Nam Định	3263	18C-152.88	Nam Định
264	19A-601.98	Phú Thọ	1264	18A-409.83	Nam Định	2264	19A-581.58	Phú Thọ	3264	18C-154.77	Nam Định
265	19A-603.25	Phú Thọ	1265	18A-410.16	Nam Định	2265	19A-582.22	Phú Thọ	3265	19A-575.75	Phú Thọ
266	19A-604.59	Phú Thọ	1266	18A-410.88	Nam Định	2266	19A-589.56	Phú Thọ	3266	19A-582.08	Phú Thọ
267	19A-604.66	Phú Thọ	1267	18A-411.33	Nam Định	2267	19A-590.26	Phú Thọ	3267	19A-582.58	Phú Thọ
268	19A-607.28	Phú Thọ	1268	18A-412.19	Nam Định	2268	19A-593.89	Phú Thọ	3268	19A-589.19	Phú Thọ
269	19A-608.22	Phú Thọ	1269	18A-412.99	Nam Định	2269	19A-594.88	Phú Thọ	3269	19A-592.89	Phú Thọ
270	19A-615.08	Phú Thọ	1270	18A-413.13	Nam Định	2270	19A-602.11	Phú Thọ	3270	19A-602.55	Phú Thọ
271	19A-617.61	Phú Thọ	1271	18A-414.08	Nam Định	2271	19A-602.20	Phú Thọ	3271	19A-606.35	Phú Thọ
272	19A-617.65	Phú Thọ	1272	18A-416.68	Nam Định	2272	19A-604.55	Phú Thọ	3272	19A-607.85	Phú Thọ
273	19A-618.79	Phú Thọ	1273	18A-417.18	Nam Định	2273	19A-605.56	Phú Thọ	3273	19A-608.95	Phú Thọ
274	19A-618.83	Phú Thọ	1274	18A-417.69	Nam Định	2274	19A-607.08	Phú Thọ	3274	19A-614.59	Phú Thọ
275	19A-618.99	Phú Thọ	1275	18A-421.96	Nam Định	2275	19A-608.56	Phú Thọ	3275	19A-619.39	Phú Thọ
276	19A-620.21	Phú Thọ	1276	18A-422.99	Nam Định	2276	19A-608.69	Phú Thọ	3276	34A-741.86	Hải Dương
277	19A-620.95	Phú Thọ	1277	18A-423.39	Nam Định	2277	19A-609.38	Phú Thọ	3277	34A-755.86	Hải Dương
278	19A-621.09	Phú Thọ	1278	18A-424.36	Nam Định	2278	19A-614.68	Phú Thọ	3278	34A-757.35	Hải Dương
279	19C-235.86	Phú Thọ	1279	18A-425.38	Nam Định	2279	19A-617.79	Phú Thọ	3279	34A-760.85	Hải Dương
280	34A-741.79	Hải Dương	1280	18A-426.59	Nam Định	2280	19A-619.22	Phú Thọ	3280	34A-761.38	Hải Dương
281	34A-742.68	Hải Dương	1281	18A-427.68	Nam Định	2281	19A-619.33	Phú Thọ	3281	34A-761.44	Hải Dương
282	34A-756.55	Hải Dương	1282	18A-428.98	Nam Định	2282	19A-619.61	Phú Thọ	3282	34A-761.79	Hải Dương
283	34A-757.16	Hải Dương	1283	18A-429.08	Nam Định	2283	19A-619.80	Phú Thọ	3283	34A-761.96	Hải Dương
284	34A-757.55	Hải Dương	1284	18A-429.19	Nam Định	2284	34A-741.99	Hải Dương	3284	34A-763.18	Hải Dương
285	34A-760.08	Hải Dương	1285	18A-429.44	Nam Định	2285	34A-745.55	Hải Dương	3285	34A-764.44	Hải Dương
286	34A-760.18	Hải Dương	1286	18A-430.65	Nam Định	2286	34A-755.28	Hải Dương	3286	34A-764.88	Hải Dương
287	34A-764.35	Hải Dương	1287	18A-432.95	Nam Định	2287	34A-755.79	Hải Dương	3287	34A-767.18	Hải Dương
288	34A-767.08	Hải Dương	1288	18A-433.19	Nam Định	2288	34A-758.99	Hải Dương	3288	34A-767.25	Hải Dương
289	34A-768.76	Hải Dương	1289	18C-151.86	Nam Định	2289	34A-759.00	Hải Dương	3289	34A-767.96	Hải Dương
290	34A-769.11	Hải Dương	1290	18C-156.99	Nam Định	2290	34A-764.29	Hải Dương	3290	34A-769.29	Hải Dương
291	34A-770.18	Hải Dương	1291	18C-158.85	Nam Định	2291	34A-765.55	Hải Dương	3291	34A-770.22	Hải Dương
292	34A-770.65	Hải Dương	1292	19A-576.86	Phú Thọ	2292	34A-765.83	Hải Dương	3292	34A-770.77	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
293	34A-771.19	Hải Dương	1293	19A-582.85	Phủ Thọ	2293	34A-767.79	Hải Dương	3293	34A-770.95	Hải Dương
294	34A-771.39	Hải Dương	1294	19A-589.66	Phủ Thọ	2294	34A-768.08	Hải Dương	3294	34A-770.96	Hải Dương
295	34A-772.11	Hải Dương	1295	19A-590.39	Phủ Thọ	2295	34A-770.56	Hải Dương	3295	34A-771.29	Hải Dương
296	34A-775.66	Hải Dương	1296	19A-592.16	Phủ Thọ	2296	34A-772.25	Hải Dương	3296	34A-771.89	Hải Dương
297	34A-775.95	Hải Dương	1297	19A-592.19	Phủ Thọ	2297	34A-772.99	Hải Dương	3297	34A-775.98	Hải Dương
298	34A-777.02	Hải Dương	1298	19A-603.56	Phủ Thọ	2298	34A-774.15	Hải Dương	3298	34A-776.15	Hải Dương
299	34A-777.72	Hải Dương	1299	19A-604.35	Phủ Thọ	2299	34A-774.59	Hải Dương	3299	34A-780.55	Hải Dương
300	34A-778.33	Hải Dương	1300	19A-604.98	Phủ Thọ	2300	34A-775.22	Hải Dương	3300	34A-780.83	Hải Dương
301	34A-781.44	Hải Dương	1301	19A-605.36	Phủ Thọ	2301	34A-775.86	Hải Dương	3301	34A-781.86	Hải Dương
302	34A-787.06	Hải Dương	1302	19A-607.56	Phủ Thọ	2302	34A-776.89	Hải Dương	3302	34A-782.39	Hải Dương
303	34A-787.09	Hải Dương	1303	19A-608.18	Phủ Thọ	2303	34A-777.98	Hải Dương	3303	34A-782.66	Hải Dương
304	34A-791.33	Hải Dương	1304	19A-616.09	Phủ Thọ	2304	34A-778.29	Hải Dương	3304	34A-784.68	Hải Dương
305	34A-791.89	Hải Dương	1305	19A-616.36	Phủ Thọ	2305	34A-780.96	Hải Dương	3305	34A-789.92	Hải Dương
306	34A-793.39	Hải Dương	1306	19A-619.36	Phủ Thọ	2306	34A-781.28	Hải Dương	3306	34A-795.19	Hải Dương
307	34A-794.39	Hải Dương	1307	34A-748.66	Hải Dương	2307	34A-783.85	Hải Dương	3307	34A-797.85	Hải Dương
308	34A-797.44	Hải Dương	1308	34A-755.33	Hải Dương	2308	34A-784.58	Hải Dương	3308	34A-798.86	Hải Dương
309	34A-798.00	Hải Dương	1309	34A-755.56	Hải Dương	2309	34A-784.86	Hải Dương	3309	34A-801.11	Hải Dương
310	34A-801.35	Hải Dương	1310	34A-756.22	Hải Dương	2310	34A-786.08	Hải Dương	3310	34A-802.19	Hải Dương
311	34A-802.69	Hải Dương	1311	34A-758.00	Hải Dương	2311	34A-787.59	Hải Dương	3311	34C-388.96	Hải Dương
312	34A-802.95	Hải Dương	1312	34A-758.44	Hải Dương	2312	34A-789.28	Hải Dương	3312	34C-392.38	Hải Dương
313	34C-387.69	Hải Dương	1313	34A-760.95	Hải Dương	2313	34A-790.90	Hải Dương	3313	35A-379.66	Ninh Bình
314	34C-389.33	Hải Dương	1314	34A-761.18	Hải Dương	2314	34A-791.36	Hải Dương	3314	35A-388.39	Ninh Bình
315	34C-393.26	Hải Dương	1315	34A-762.33	Hải Dương	2315	34A-795.56	Hải Dương	3315	35A-390.09	Ninh Bình
316	34C-393.98	Hải Dương	1316	34A-763.88	Hải Dương	2316	34A-795.77	Hải Dương	3316	35A-390.79	Ninh Bình
317	34C-396.15	Hải Dương	1317	34A-764.33	Hải Dương	2317	34A-799.92	Hải Dương	3317	35A-391.18	Ninh Bình
318	34C-398.95	Hải Dương	1318	34A-764.96	Hải Dương	2318	34A-800.33	Hải Dương	3318	35A-391.58	Ninh Bình
319	35A-372.79	Ninh Bình	1319	34A-765.44	Hải Dương	2319	34C-387.39	Hải Dương	3319	35A-392.06	Ninh Bình
320	35A-374.88	Ninh Bình	1320	34A-765.88	Hải Dương	2320	34C-388.68	Hải Dương	3320	35A-392.09	Ninh Bình
321	35A-378.69	Ninh Bình	1321	34A-768.79	Hải Dương	2321	34C-389.28	Hải Dương	3321	35A-393.19	Ninh Bình
322	35A-390.33	Ninh Bình	1322	34A-768.83	Hải Dương	2322	34C-390.22	Hải Dương	3322	35A-393.44	Ninh Bình
323	35A-391.79	Ninh Bình	1323	34A-769.16	Hải Dương	2323	34C-390.68	Hải Dương	3323	35A-394.49	Ninh Bình
324	35A-392.38	Ninh Bình	1324	34A-771.83	Hải Dương	2324	34C-390.90	Hải Dương	3324	35A-395.22	Ninh Bình
325	35A-392.59	Ninh Bình	1325	34A-772.95	Hải Dương	2325	34C-391.35	Hải Dương	3325	35A-400.85	Ninh Bình
326	35A-392.95	Ninh Bình	1326	34A-773.33	Hải Dương	2326	34C-393.09	Hải Dương	3326	35A-402.85	Ninh Bình
327	35A-394.36	Ninh Bình	1327	34A-774.79	Hải Dương	2327	34C-395.16	Hải Dương	3327	35A-404.59	Ninh Bình
328	35A-394.88	Ninh Bình	1328	34A-775.44	Hải Dương	2328	34C-395.22	Hải Dương	3328	35A-405.28	Ninh Bình
329	35A-396.06	Ninh Bình	1329	34A-777.28	Hải Dương	2329	34C-395.39	Hải Dương	3329	35A-405.44	Ninh Bình
330	35A-398.77	Ninh Bình	1330	34A-777.86	Hải Dương	2330	34C-397.22	Hải Dương	3330	35A-406.06	Ninh Bình
331	35A-400.22	Ninh Bình	1331	34A-778.28	Hải Dương	2331	34C-398.96	Hải Dương	3331	35A-406.18	Ninh Bình
332	35A-400.26	Ninh Bình	1332	34A-779.15	Hải Dương	2332	35A-396.33	Ninh Bình	3332	35A-406.95	Ninh Bình
333	35A-401.68	Ninh Bình	1333	34A-779.77	Hải Dương	2333	35A-398.66	Ninh Bình	3333	35A-408.44	Ninh Bình
334	35A-402.98	Ninh Bình	1334	34A-783.08	Hải Dương	2334	35A-401.65	Ninh Bình	3334	35A-410.14	Ninh Bình
335	35A-403.35	Ninh Bình	1335	34A-783.29	Hải Dương	2335	35A-402.08	Ninh Bình	3335	35A-410.33	Ninh Bình
336	35A-405.39	Ninh Bình	1336	34A-783.86	Hải Dương	2336	35A-403.09	Ninh Bình	3336	35A-412.66	Ninh Bình
337	35A-407.83	Ninh Bình	1337	34A-786.79	Hải Dương	2337	35A-405.25	Ninh Bình	3337	35C-161.09	Ninh Bình
338	35A-407.86	Ninh Bình	1338	34A-790.58	Hải Dương	2338	35A-406.04	Ninh Bình	3338	36C-456.22	Thanh Hóa
339	35A-408.68	Ninh Bình	1339	34A-790.77	Hải Dương	2339	35A-407.09	Ninh Bình	3339	36C-456.99	Thanh Hóa
340	35A-412.29	Ninh Bình	1340	34A-790.83	Hải Dương	2340	35A-412.15	Ninh Bình	3340	36C-458.18	Thanh Hóa
341	36C-447.69	Thanh Hóa	1341	34A-792.83	Hải Dương	2341	35C-159.39	Ninh Bình	3341	36C-459.66	Thanh Hóa
342	36C-455.89	Thanh Hóa	1342	34A-794.15	Hải Dương	2342	35C-160.89	Ninh Bình	3342	36C-460.55	Thanh Hóa
343	36C-456.58	Thanh Hóa	1343	34A-794.88	Hải Dương	2343	35C-161.36	Ninh Bình	3343	36C-460.99	Thanh Hóa
344	36C-458.19	Thanh Hóa	1344	34A-799.06	Hải Dương	2344	36C-452.86	Thanh Hóa	3344	36K-011.22	Thanh Hóa
345	36C-458.86	Thanh Hóa	1345	34A-799.22	Hải Dương	2345	36C-455.39	Thanh Hóa	3345	36K-012.39	Thanh Hóa
346	36C-459.77	Thanh Hóa	1346	34A-801.38	Hải Dương	2346	36C-456.16	Thanh Hóa	3346	36K-015.99	Thanh Hóa
347	36C-459.88	Thanh Hóa	1347	34A-803.30	Hải Dương	2347	36C-457.59	Thanh Hóa	3347	36K-021.38	Thanh Hóa
348	36C-460.44	Thanh Hóa	1348	34A-804.08	Hải Dương	2348	36C-458.25	Thanh Hóa	3348	36K-027.26	Thanh Hóa
349	36D-023.26	Thanh Hóa	1349	34C-391.33	Hải Dương	2349	36C-460.59	Thanh Hóa	3349	36K-030.59	Thanh Hóa
350	36K-013.88	Thanh Hóa	1350	34C-394.56	Hải Dương	2350	36K-009.39	Thanh Hóa	3350	36K-031.69	Thanh Hóa
351	36K-014.89	Thanh Hóa	1351	34C-394.98	Hải Dương	2351	36K-009.86	Thanh Hóa	3351	36K-033.16	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
352	36K-019.06	Thanh Hóa	1352	34C-396.59	Hải Dương	2352	36K-013.33	Thanh Hóa	3352	36K-035.44	Thanh Hóa
353	36K-022.38	Thanh Hóa	1353	35A-387.68	Ninh Bình	2353	36K-019.36	Thanh Hóa	3353	36K-041.04	Thanh Hóa
354	36K-025.59	Thanh Hóa	1354	35A-389.66	Ninh Bình	2354	36K-019.59	Thanh Hóa	3354	36K-041.18	Thanh Hóa
355	36K-031.19	Thanh Hóa	1355	35A-391.19	Ninh Bình	2355	36K-021.86	Thanh Hóa	3355	36K-041.19	Thanh Hóa
356	36K-032.66	Thanh Hóa	1356	35A-391.77	Ninh Bình	2356	36K-023.99	Thanh Hóa	3356	36K-041.44	Thanh Hóa
357	36K-034.88	Thanh Hóa	1357	35A-393.25	Ninh Bình	2357	36K-030.09	Thanh Hóa	3357	36K-042.43	Thanh Hóa
358	36K-035.33	Thanh Hóa	1358	35A-394.68	Ninh Bình	2358	36K-030.88	Thanh Hóa	3358	37C-505.26	Nghệ An
359	36K-035.86	Thanh Hóa	1359	35A-394.96	Ninh Bình	2359	36K-031.16	Thanh Hóa	3359	37C-506.79	Nghệ An
360	36K-036.26	Thanh Hóa	1360	35A-397.96	Ninh Bình	2360	36K-031.36	Thanh Hóa	3360	37C-506.98	Nghệ An
361	36K-036.96	Thanh Hóa	1361	35A-400.35	Ninh Bình	2361	36K-033.19	Thanh Hóa	3361	37C-509.56	Nghệ An
362	36K-038.29	Thanh Hóa	1362	35A-401.02	Ninh Bình	2362	36K-033.83	Thanh Hóa	3362	37C-509.95	Nghệ An
363	36K-038.95	Thanh Hóa	1363	35A-401.15	Ninh Bình	2363	36K-034.38	Thanh Hóa	3363	37C-510.33	Nghệ An
364	36K-039.26	Thanh Hóa	1364	35A-402.03	Ninh Bình	2364	36K-034.79	Thanh Hóa	3364	37C-510.66	Nghệ An
365	36K-041.00	Thanh Hóa	1365	35A-402.09	Ninh Bình	2365	36K-038.93	Thanh Hóa	3365	37C-511.29	Nghệ An
366	36K-041.38	Thanh Hóa	1366	35A-402.26	Ninh Bình	2366	36K-041.40	Thanh Hóa	3366	37C-511.51	Nghệ An
367	37C-500.79	Nghệ An	1367	35A-406.88	Ninh Bình	2367	37C-501.99	Nghệ An	3367	37C-513.11	Nghệ An
368	37C-504.98	Nghệ An	1368	35A-407.58	Ninh Bình	2368	37C-503.18	Nghệ An	3368	37K-250.88	Nghệ An
369	37C-505.18	Nghệ An	1369	35A-407.77	Ninh Bình	2369	37C-504.96	Nghệ An	3369	37K-263.39	Nghệ An
370	37C-506.09	Nghệ An	1370	35A-409.22	Ninh Bình	2370	37C-506.83	Nghệ An	3370	37K-266.33	Nghệ An
371	37C-508.95	Nghệ An	1371	35A-411.12	Ninh Bình	2371	37C-506.96	Nghệ An	3371	37K-269.86	Nghệ An
372	37C-509.98	Nghệ An	1372	35C-159.79	Ninh Bình	2372	37C-507.79	Nghệ An	3372	37K-272.89	Nghệ An
373	37C-511.95	Nghệ An	1373	36C-457.16	Thanh Hóa	2373	37C-510.55	Nghệ An	3373	37K-275.06	Nghệ An
374	37C-513.06	Nghệ An	1374	36C-457.85	Thanh Hóa	2374	37C-512.16	Nghệ An	3374	37K-276.55	Nghệ An
375	37D-038.39	Nghệ An	1375	36C-459.18	Thanh Hóa	2375	37K-264.88	Nghệ An	3375	37K-277.56	Nghệ An
376	37D-039.68	Nghệ An	1376	36K-012.12	Thanh Hóa	2376	37K-271.86	Nghệ An	3376	37K-277.85	Nghệ An
377	37K-260.66	Nghệ An	1377	36K-013.79	Thanh Hóa	2377	37K-273.39	Nghệ An	3377	37K-278.77	Nghệ An
378	37K-267.86	Nghệ An	1378	36K-017.99	Thanh Hóa	2378	37K-276.88	Nghệ An	3378	37K-280.22	Nghệ An
379	37K-273.25	Nghệ An	1379	36K-026.78	Thanh Hóa	2379	37K-276.99	Nghệ An	3379	37K-282.98	Nghệ An
380	37K-273.96	Nghệ An	1380	36K-027.08	Thanh Hóa	2380	37K-277.39	Nghệ An	3380	37K-283.16	Nghệ An
381	37K-275.23	Nghệ An	1381	36K-029.19	Thanh Hóa	2381	37K-280.36	Nghệ An	3381	37K-283.18	Nghệ An
382	37K-278.59	Nghệ An	1382	36K-030.39	Thanh Hóa	2382	37K-282.29	Nghệ An	3382	37K-283.56	Nghệ An
383	37K-279.83	Nghệ An	1383	36K-031.03	Thanh Hóa	2383	37K-286.58	Nghệ An	3383	37K-284.86	Nghệ An
384	37K-279.86	Nghệ An	1384	36K-031.25	Thanh Hóa	2384	37K-287.28	Nghệ An	3384	37K-287.98	Nghệ An
385	37K-280.68	Nghệ An	1385	36K-034.09	Thanh Hóa	2385	37K-287.39	Nghệ An	3385	37K-288.63	Nghệ An
386	37K-283.06	Nghệ An	1386	36K-037.36	Thanh Hóa	2386	37K-289.35	Nghệ An	3386	37K-289.44	Nghệ An
387	37K-283.79	Nghệ An	1387	36K-041.66	Thanh Hóa	2387	37K-290.66	Nghệ An	3387	37K-290.96	Nghệ An
388	37K-284.18	Nghệ An	1388	37C-501.19	Nghệ An	2388	37K-291.69	Nghệ An	3388	37K-292.15	Nghệ An
389	37K-284.69	Nghệ An	1389	37C-504.06	Nghệ An	2389	37K-291.79	Nghệ An	3389	37K-293.88	Nghệ An
390	37K-285.29	Nghệ An	1390	37C-505.15	Nghệ An	2390	37K-291.92	Nghệ An	3390	37K-295.35	Nghệ An
391	37K-286.69	Nghệ An	1391	37C-505.36	Nghệ An	2391	37K-296.58	Nghệ An	3391	37K-297.55	Nghệ An
392	37K-288.81	Nghệ An	1392	37C-505.89	Nghệ An	2392	37K-296.95	Nghệ An	3392	37K-297.86	Nghệ An
393	37K-290.38	Nghệ An	1393	37C-507.39	Nghệ An	2393	37K-297.11	Nghệ An	3393	37K-300.26	Nghệ An
394	37K-291.00	Nghệ An	1394	37C-511.86	Nghệ An	2394	37K-300.77	Nghệ An	3394	37K-300.66	Nghệ An
395	37K-297.65	Nghệ An	1395	37C-511.88	Nghệ An	2395	37K-304.39	Nghệ An	3395	37K-302.26	Nghệ An
396	37K-298.96	Nghệ An	1396	37C-512.18	Nghệ An	2396	37K-307.29	Nghệ An	3396	37K-302.88	Nghệ An
397	37K-301.35	Nghệ An	1397	37C-513.00	Nghệ An	2397	37K-307.77	Nghệ An	3397	37K-303.55	Nghệ An
398	37K-301.85	Nghệ An	1398	37C-513.66	Nghệ An	2398	37K-309.25	Nghệ An	3398	37K-304.38	Nghệ An
399	37K-303.95	Nghệ An	1399	37C-514.25	Nghệ An	2399	37K-309.33	Nghệ An	3399	37K-305.03	Nghệ An
400	37K-305.39	Nghệ An	1400	37K-277.09	Nghệ An	2400	37K-310.56	Nghệ An	3400	37K-306.15	Nghệ An
401	37K-306.03	Nghệ An	1401	37K-279.56	Nghệ An	2401	37K-311.22	Nghệ An	3401	37K-307.58	Nghệ An
402	37K-306.85	Nghệ An	1402	37K-280.86	Nghệ An	2402	37K-311.56	Nghệ An	3402	37K-307.95	Nghệ An
403	37K-308.80	Nghệ An	1403	37K-281.19	Nghệ An	2403	37K-311.96	Nghệ An	3403	37K-309.29	Nghệ An
404	37K-310.38	Nghệ An	1404	37K-281.66	Nghệ An	2404	37K-314.85	Nghệ An	3404	37K-309.35	Nghệ An
405	37K-313.13	Nghệ An	1405	37K-281.69	Nghệ An	2405	37K-315.95	Nghệ An	3405	37K-310.69	Nghệ An
406	37K-315.13	Nghệ An	1406	37K-282.06	Nghệ An	2406	37K-316.13	Nghệ An	3406	37K-311.31	Nghệ An
407	37K-316.38	Nghệ An	1407	37K-283.25	Nghệ An	2407	37K-316.59	Nghệ An	3407	37K-314.68	Nghệ An
408	37K-319.38	Nghệ An	1408	37K-290.92	Nghệ An	2408	37K-316.96	Nghệ An	3408	37K-316.55	Nghệ An
409	37K-320.29	Nghệ An	1409	37K-291.95	Nghệ An	2409	37K-318.69	Nghệ An	3409	37K-316.83	Nghệ An
410	37K-320.68	Nghệ An	1410	37K-296.77	Nghệ An	2410	37K-319.36	Nghệ An	3410	37K-318.55	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
411	37K-321.11	Nghệ An	1411	37K-298.44	Nghệ An	2411	37K-323.06	Nghệ An	3411	37K-320.11	Nghệ An
412	37K-323.36	Nghệ An	1412	37K-298.79	Nghệ An	2412	38A-575.06	Hà Tĩnh	3412	38A-563.39	Hà Tĩnh
413	38A-573.99	Hà Tĩnh	1413	37K-299.44	Nghệ An	2413	38A-576.33	Hà Tĩnh	3413	38A-563.79	Hà Tĩnh
414	38A-577.36	Hà Tĩnh	1414	37K-300.15	Nghệ An	2414	38A-576.58	Hà Tĩnh	3414	38A-573.88	Hà Tĩnh
415	38A-577.78	Hà Tĩnh	1415	37K-300.35	Nghệ An	2415	38A-577.15	Hà Tĩnh	3415	38A-576.44	Hà Tĩnh
416	38A-579.95	Hà Tĩnh	1416	37K-303.22	Nghệ An	2416	38A-578.77	Hà Tĩnh	3416	38A-577.22	Hà Tĩnh
417	38A-581.25	Hà Tĩnh	1417	37K-305.56	Nghệ An	2417	38A-582.98	Hà Tĩnh	3417	38A-577.86	Hà Tĩnh
418	38A-581.69	Hà Tĩnh	1418	37K-307.83	Nghệ An	2418	38A-583.98	Hà Tĩnh	3418	38A-580.58	Hà Tĩnh
419	38A-584.86	Hà Tĩnh	1419	37K-308.58	Nghệ An	2419	38A-585.39	Hà Tĩnh	3419	38A-583.99	Hà Tĩnh
420	38A-589.28	Hà Tĩnh	1420	37K-310.11	Nghệ An	2420	38A-588.15	Hà Tĩnh	3420	38A-584.35	Hà Tĩnh
421	38A-591.08	Hà Tĩnh	1421	37K-312.99	Nghệ An	2421	38A-589.56	Hà Tĩnh	3421	38A-585.26	Hà Tĩnh
422	38A-591.15	Hà Tĩnh	1422	37K-313.29	Nghệ An	2422	38A-589.58	Hà Tĩnh	3422	38A-586.11	Hà Tĩnh
423	38A-591.25	Hà Tĩnh	1423	37K-317.25	Nghệ An	2423	38A-589.77	Hà Tĩnh	3423	38A-588.35	Hà Tĩnh
424	38A-592.59	Hà Tĩnh	1424	37K-317.38	Nghệ An	2424	38A-590.11	Hà Tĩnh	3424	38A-590.06	Hà Tĩnh
425	38A-594.18	Hà Tĩnh	1425	37K-317.56	Nghệ An	2425	38A-591.09	Hà Tĩnh	3425	38A-594.09	Hà Tĩnh
426	38A-594.56	Hà Tĩnh	1426	37K-318.28	Nghệ An	2426	38A-591.22	Hà Tĩnh	3426	38A-597.36	Hà Tĩnh
427	38A-597.98	Hà Tĩnh	1427	37K-320.85	Nghệ An	2427	38A-594.36	Hà Tĩnh	3427	38A-597.56	Hà Tĩnh
428	38A-598.16	Hà Tĩnh	1428	37K-322.11	Nghệ An	2428	38A-595.26	Hà Tĩnh	3428	38A-599.11	Hà Tĩnh
429	38A-599.19	Hà Tĩnh	1429	38A-570.66	Hà Tĩnh	2429	38A-595.88	Hà Tĩnh	3429	38A-602.03	Hà Tĩnh
430	38A-600.26	Hà Tĩnh	1430	38A-575.85	Hà Tĩnh	2430	38A-600.11	Hà Tĩnh	3430	38A-602.88	Hà Tĩnh
431	38A-601.18	Hà Tĩnh	1431	38A-577.57	Hà Tĩnh	2431	38A-601.26	Hà Tĩnh	3431	38C-209.56	Hà Tĩnh
432	38C-212.06	Hà Tĩnh	1432	38A-579.83	Hà Tĩnh	2432	38A-601.98	Hà Tĩnh	3432	38C-211.06	Hà Tĩnh
433	38C-212.11	Hà Tĩnh	1433	38A-581.00	Hà Tĩnh	2433	38A-602.89	Hà Tĩnh	3433	38C-211.31	Hà Tĩnh
434	38C-213.25	Hà Tĩnh	1434	38A-584.58	Hà Tĩnh	2434	38C-209.99	Hà Tĩnh	3434	38C-212.98	Hà Tĩnh
435	43A-804.44	Đà Nẵng	1435	38A-584.66	Hà Tĩnh	2435	38C-211.09	Hà Tĩnh	3435	38C-212.99	Hà Tĩnh
436	43A-812.88	Đà Nẵng	1436	38A-586.09	Hà Tĩnh	2436	38C-213.16	Hà Tĩnh	3436	38C-214.41	Hà Tĩnh
437	43A-813.86	Đà Nẵng	1437	38A-586.83	Hà Tĩnh	2437	38C-214.00	Hà Tĩnh	3437	38C-215.44	Hà Tĩnh
438	43A-820.58	Đà Nẵng	1438	38A-589.00	Hà Tĩnh	2438	38C-215.25	Hà Tĩnh	3438	38C-215.83	Hà Tĩnh
439	43A-820.99	Đà Nẵng	1439	38A-592.28	Hà Tĩnh	2439	43A-801.39	Đà Nẵng	3439	43A-812.66	Đà Nẵng
440	43A-826.59	Đà Nẵng	1440	38A-593.65	Hà Tĩnh	2440	43A-802.66	Đà Nẵng	3440	43A-826.89	Đà Nẵng
441	43A-828.99	Đà Nẵng	1441	38A-600.09	Hà Tĩnh	2441	43A-806.39	Đà Nẵng	3441	43A-827.55	Đà Nẵng
442	43A-837.69	Đà Nẵng	1442	38A-600.60	Hà Tĩnh	2442	43A-806.88	Đà Nẵng	3442	43A-831.79	Đà Nẵng
443	43A-840.06	Đà Nẵng	1443	38C-211.85	Hà Tĩnh	2443	43A-816.59	Đà Nẵng	3443	43A-832.59	Đà Nẵng
444	43A-842.83	Đà Nẵng	1444	38C-213.11	Hà Tĩnh	2444	43A-817.58	Đà Nẵng	3444	43A-836.16	Đà Nẵng
445	43A-844.08	Đà Nẵng	1445	38C-214.59	Hà Tĩnh	2445	43A-826.99	Đà Nẵng	3445	43A-838.95	Đà Nẵng
446	43A-844.79	Đà Nẵng	1446	43A-817.66	Đà Nẵng	2446	43A-836.89	Đà Nẵng	3446	43A-841.88	Đà Nẵng
447	43A-846.09	Đà Nẵng	1447	43A-819.85	Đà Nẵng	2447	43A-838.33	Đà Nẵng	3447	43A-843.26	Đà Nẵng
448	43A-846.35	Đà Nẵng	1448	43A-819.88	Đà Nẵng	2448	43A-842.33	Đà Nẵng	3448	43A-846.16	Đà Nẵng
449	43A-847.66	Đà Nẵng	1449	43A-828.58	Đà Nẵng	2449	43A-843.19	Đà Nẵng	3449	43A-846.22	Đà Nẵng
450	43A-848.08	Đà Nẵng	1450	43A-829.39	Đà Nẵng	2450	43A-844.69	Đà Nẵng	3450	43A-846.98	Đà Nẵng
451	43A-850.59	Đà Nẵng	1451	43A-837.16	Đà Nẵng	2451	43A-847.59	Đà Nẵng	3451	43A-848.15	Đà Nẵng
452	43A-852.69	Đà Nẵng	1452	43A-839.11	Đà Nẵng	2452	43A-849.11	Đà Nẵng	3452	43A-848.29	Đà Nẵng
453	43C-289.69	Đà Nẵng	1453	43A-842.86	Đà Nẵng	2453	43A-849.58	Đà Nẵng	3453	43A-852.29	Đà Nẵng
454	43C-292.38	Đà Nẵng	1454	43A-842.99	Đà Nẵng	2454	43A-850.18	Đà Nẵng	3454	43A-852.44	Đà Nẵng
455	47A-633.89	Đắk Lắk	1455	43A-844.89	Đà Nẵng	2455	43A-850.26	Đà Nẵng	3455	43C-289.88	Đà Nẵng
456	47A-634.39	Đắk Lắk	1456	43A-848.35	Đà Nẵng	2456	43A-850.44	Đà Nẵng	3456	43C-291.39	Đà Nẵng
457	47A-651.66	Đắk Lắk	1457	43A-848.65	Đà Nẵng	2457	43A-850.56	Đà Nẵng	3457	47A-625.79	Đắk Lắk
458	47A-652.52	Đắk Lắk	1458	43A-849.09	Đà Nẵng	2458	43C-289.79	Đà Nẵng	3458	47A-658.99	Đắk Lắk
459	47A-653.35	Đắk Lắk	1459	43A-850.11	Đà Nẵng	2459	43C-291.38	Đà Nẵng	3459	47A-662.09	Đắk Lắk
460	47A-659.88	Đắk Lắk	1460	43A-850.15	Đà Nẵng	2460	47A-638.66	Đắk Lắk	3460	47A-663.16	Đắk Lắk
461	47A-662.55	Đắk Lắk	1461	43A-850.88	Đà Nẵng	2461	47A-659.66	Đắk Lắk	3461	47A-664.77	Đắk Lắk
462	47A-664.64	Đắk Lắk	1462	43A-851.69	Đà Nẵng	2462	47A-664.79	Đắk Lắk	3462	47A-665.59	Đắk Lắk
463	47A-665.38	Đắk Lắk	1463	47A-628.39	Đắk Lắk	2463	47A-670.28	Đắk Lắk	3463	47A-666.11	Đắk Lắk
464	47A-665.83	Đắk Lắk	1464	47A-631.99	Đắk Lắk	2464	47A-670.71	Đắk Lắk	3464	47A-667.28	Đắk Lắk
465	47A-667.06	Đắk Lắk	1465	47A-632.88	Đắk Lắk	2465	47A-673.37	Đắk Lắk	3465	47A-667.58	Đắk Lắk
466	47A-667.36	Đắk Lắk	1466	47A-638.39	Đắk Lắk	2466	47A-679.59	Đắk Lắk	3466	47A-676.68	Đắk Lắk
467	47A-671.35	Đắk Lắk	1467	47A-645.68	Đắk Lắk	2467	47A-680.19	Đắk Lắk	3467	47A-678.19	Đắk Lắk
468	47A-671.59	Đắk Lắk	1468	47A-652.88	Đắk Lắk	2468	47A-681.82	Đắk Lắk	3468	47A-681.26	Đắk Lắk
469	47A-672.19	Đắk Lắk	1469	47A-659.69	Đắk Lắk	2469	47A-682.38	Đắk Lắk	3469	47A-684.96	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
470	47A-672.44	Đắk Lắk	1470	47A-663.96	Đắk Lắk	2470	47A-682.55	Đắk Lắk	3470	47A-685.55	Đắk Lắk
471	47A-672.67	Đắk Lắk	1471	47A-665.39	Đắk Lắk	2471	47A-682.56	Đắk Lắk	3471	47A-688.85	Đắk Lắk
472	47A-673.26	Đắk Lắk	1472	47A-665.55	Đắk Lắk	2472	47A-683.08	Đắk Lắk	3472	47A-690.09	Đắk Lắk
473	47A-673.68	Đắk Lắk	1473	47A-668.36	Đắk Lắk	2473	47A-687.06	Đắk Lắk	3473	47A-693.00	Đắk Lắk
474	47A-674.38	Đắk Lắk	1474	47A-670.33	Đắk Lắk	2474	47A-687.15	Đắk Lắk	3474	47A-694.44	Đắk Lắk
475	47A-677.86	Đắk Lắk	1475	47A-670.65	Đắk Lắk	2475	47A-687.35	Đắk Lắk	3475	47A-694.99	Đắk Lắk
476	47A-684.59	Đắk Lắk	1476	47A-672.68	Đắk Lắk	2476	47A-687.55	Đắk Lắk	3476	47A-696.95	Đắk Lắk
477	47A-685.96	Đắk Lắk	1477	47A-672.83	Đắk Lắk	2477	47A-691.15	Đắk Lắk	3477	47A-697.59	Đắk Lắk
478	47A-686.39	Đắk Lắk	1478	47A-673.16	Đắk Lắk	2478	47A-692.59	Đắk Lắk	3478	47A-697.97	Đắk Lắk
479	47A-688.26	Đắk Lắk	1479	47A-675.86	Đắk Lắk	2479	47A-693.94	Đắk Lắk	3479	47A-700.85	Đắk Lắk
480	47A-690.88	Đắk Lắk	1480	47A-682.89	Đắk Lắk	2480	47A-695.77	Đắk Lắk	3480	47A-701.08	Đắk Lắk
481	47A-691.66	Đắk Lắk	1481	47A-683.56	Đắk Lắk	2481	47A-697.99	Đắk Lắk	3481	47A-703.25	Đắk Lắk
482	47A-693.86	Đắk Lắk	1482	47A-685.25	Đắk Lắk	2482	47A-700.18	Đắk Lắk	3482	47A-703.30	Đắk Lắk
483	47A-694.26	Đắk Lắk	1483	47A-685.88	Đắk Lắk	2483	47A-706.39	Đắk Lắk	3483	47A-706.15	Đắk Lắk
484	47A-696.16	Đắk Lắk	1484	47A-686.44	Đắk Lắk	2484	47A-706.98	Đắk Lắk	3484	47A-707.15	Đắk Lắk
485	47A-696.26	Đắk Lắk	1485	47A-689.96	Đắk Lắk	2485	47A-707.18	Đắk Lắk	3485	47A-708.19	Đắk Lắk
486	47A-696.88	Đắk Lắk	1486	47A-691.58	Đắk Lắk	2486	47A-707.33	Đắk Lắk	3486	47A-709.88	Đắk Lắk
487	47A-698.65	Đắk Lắk	1487	47A-692.19	Đắk Lắk	2487	47A-709.36	Đắk Lắk	3487	47C-337.59	Đắk Lắk
488	47A-702.79	Đắk Lắk	1488	47A-694.58	Đắk Lắk	2488	47C-338.58	Đắk Lắk	3488	47C-339.95	Đắk Lắk
489	47A-704.39	Đắk Lắk	1489	47A-695.83	Đắk Lắk	2489	47C-342.77	Đắk Lắk	3489	47C-340.26	Đắk Lắk
490	47A-709.77	Đắk Lắk	1490	47A-699.22	Đắk Lắk	2490	47C-345.09	Đắk Lắk	3490	47C-342.39	Đắk Lắk
491	47C-336.15	Đắk Lắk	1491	47A-700.15	Đắk Lắk	2491	47C-347.39	Đắk Lắk	3491	47C-343.99	Đắk Lắk
492	47C-337.66	Đắk Lắk	1492	47A-702.20	Đắk Lắk	2492	47C-348.83	Đắk Lắk	3492	47C-344.79	Đắk Lắk
493	47C-339.93	Đắk Lắk	1493	47A-702.88	Đắk Lắk	2493	47C-348.86	Đắk Lắk	3493	47C-346.66	Đắk Lắk
494	47C-341.85	Đắk Lắk	1494	47A-703.11	Đắk Lắk	2494	48A-209.56	Đắk Nông	3494	48A-208.29	Đắk Nông
495	47C-342.34	Đắk Lắk	1495	47A-704.56	Đắk Lắk	2495	48A-209.85	Đắk Nông	3495	48A-208.35	Đắk Nông
496	47C-343.89	Đắk Lắk	1496	47A-704.65	Đắk Lắk	2496	48A-210.85	Đắk Nông	3496	48A-210.35	Đắk Nông
497	47C-346.16	Đắk Lắk	1497	47A-706.58	Đắk Lắk	2497	48A-211.06	Đắk Nông	3497	48A-210.83	Đắk Nông
498	47C-347.59	Đắk Lắk	1498	47C-332.79	Đắk Lắk	2498	48A-211.69	Đắk Nông	3498	48A-212.85	Đắk Nông
499	48A-205.89	Đắk Nông	1499	47C-336.26	Đắk Lắk	2499	48A-211.98	Đắk Nông	3499	48A-213.68	Đắk Nông
500	48A-210.28	Đắk Nông	1500	47C-336.33	Đắk Lắk	2500	48A-215.89	Đắk Nông	3500	48A-214.08	Đắk Nông
501	48A-210.77	Đắk Nông	1501	47C-340.43	Đắk Lắk	2501	48A-216.08	Đắk Nông	3501	48A-214.26	Đắk Nông
502	48A-216.12	Đắk Nông	1502	47C-340.56	Đắk Lắk	2502	48A-217.25	Đắk Nông	3502	48A-219.00	Đắk Nông
503	48A-217.16	Đắk Nông	1503	47C-340.59	Đắk Lắk	2503	48A-218.06	Đắk Nông	3503	48C-099.33	Đắk Nông
504	48A-218.25	Đắk Nông	1504	47C-342.28	Đắk Lắk	2504	48A-219.11	Đắk Nông	3504	48C-099.79	Đắk Nông
505	48C-098.33	Đắk Nông	1505	47C-342.56	Đắk Lắk	2505	48A-219.69	Đắk Nông	3505	49A-631.39	Lâm Đồng
506	48C-099.38	Đắk Nông	1506	47C-343.15	Đắk Lắk	2506	48C-096.39	Đắk Nông	3506	49A-638.36	Lâm Đồng
507	48C-099.83	Đắk Nông	1507	47C-344.96	Đắk Lắk	2507	48C-097.09	Đắk Nông	3507	49A-638.63	Lâm Đồng
508	49A-634.44	Lâm Đồng	1508	47C-345.08	Đắk Lắk	2508	49A-628.88	Lâm Đồng	3508	49A-639.22	Lâm Đồng
509	49A-638.08	Lâm Đồng	1509	47C-345.15	Đắk Lắk	2509	49A-629.79	Lâm Đồng	3509	49A-641.26	Lâm Đồng
510	49A-640.68	Lâm Đồng	1510	47C-346.22	Đắk Lắk	2510	49A-633.55	Lâm Đồng	3510	49A-641.41	Lâm Đồng
511	49A-640.79	Lâm Đồng	1511	47C-346.39	Đắk Lắk	2511	49A-633.68	Lâm Đồng	3511	49A-642.00	Lâm Đồng
512	49A-641.16	Lâm Đồng	1512	47C-348.00	Đắk Lắk	2512	49A-633.89	Lâm Đồng	3512	49A-642.26	Lâm Đồng
513	49A-643.11	Lâm Đồng	1513	47C-348.26	Đắk Lắk	2513	49A-635.35	Lâm Đồng	3513	49A-643.18	Lâm Đồng
514	49A-645.39	Lâm Đồng	1514	48A-205.86	Đắk Nông	2514	49A-636.08	Lâm Đồng	3514	49A-645.38	Lâm Đồng
515	49A-647.86	Lâm Đồng	1515	48A-211.16	Đắk Nông	2515	49A-636.59	Lâm Đồng	3515	49A-647.46	Lâm Đồng
516	49A-648.65	Lâm Đồng	1516	48A-214.15	Đắk Nông	2516	49A-637.59	Lâm Đồng	3516	49A-649.44	Lâm Đồng
517	49A-652.00	Lâm Đồng	1517	48A-214.77	Đắk Nông	2517	49A-637.69	Lâm Đồng	3517	49A-651.51	Lâm Đồng
518	49A-652.29	Lâm Đồng	1518	48A-215.79	Đắk Nông	2518	49A-638.33	Lâm Đồng	3518	49A-654.65	Lâm Đồng
519	49A-652.44	Lâm Đồng	1519	48A-219.66	Đắk Nông	2519	49A-650.65	Lâm Đồng	3519	49A-654.86	Lâm Đồng
520	49A-653.68	Lâm Đồng	1520	48C-095.89	Đắk Nông	2520	49A-651.15	Lâm Đồng	3520	49A-658.35	Lâm Đồng
521	49A-654.99	Lâm Đồng	1521	48C-099.19	Đắk Nông	2521	49A-652.52	Lâm Đồng	3521	49A-659.26	Lâm Đồng
522	49A-655.36	Lâm Đồng	1522	48C-099.96	Đắk Nông	2522	49A-658.29	Lâm Đồng	3522	49A-660.56	Lâm Đồng
523	49A-655.95	Lâm Đồng	1523	48C-100.79	Đắk Nông	2523	49A-658.56	Lâm Đồng	3523	49A-661.59	Lâm Đồng
524	49A-656.83	Lâm Đồng	1524	48C-101.09	Đắk Nông	2524	49A-658.88	Lâm Đồng	3524	49A-663.68	Lâm Đồng
525	49A-657.11	Lâm Đồng	1525	48C-101.15	Đắk Nông	2525	49A-660.68	Lâm Đồng	3525	49A-664.15	Lâm Đồng
526	49A-659.08	Lâm Đồng	1526	48D-002.22	Đắk Nông	2526	49A-662.63	Lâm Đồng	3526	49A-664.59	Lâm Đồng
527	49A-661.39	Lâm Đồng	1527	49A-630.86	Lâm Đồng	2527	49A-663.18	Lâm Đồng	3527	49A-665.86	Lâm Đồng
528	49A-663.11	Lâm Đồng	1528	49A-632.79	Lâm Đồng	2528	49A-666.76	Lâm Đồng	3528	49A-667.39	Lâm Đồng

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
529	49A-663.58	Lâm Đồng	1529	49A-635.66	Lâm Đồng	2529	49A-668.92	Lâm Đồng	3529	49A-672.89	Lâm Đồng
530	49A-665.92	Lâm Đồng	1530	49A-636.89	Lâm Đồng	2530	49A-669.15	Lâm Đồng	3530	49C-342.36	Lâm Đồng
531	49A-666.55	Lâm Đồng	1531	49A-639.38	Lâm Đồng	2531	49A-669.18	Lâm Đồng	3531	49C-343.98	Lâm Đồng
532	49A-667.33	Lâm Đồng	1532	49A-640.16	Lâm Đồng	2532	49A-669.36	Lâm Đồng	3532	49C-346.22	Lâm Đồng
533	49A-668.36	Lâm Đồng	1533	49A-640.77	Lâm Đồng	2533	49C-342.69	Lâm Đồng	3533	49C-346.59	Lâm Đồng
534	49A-669.26	Lâm Đồng	1534	49A-642.09	Lâm Đồng	2534	49C-344.08	Lâm Đồng	3534	49C-346.98	Lâm Đồng
535	49A-672.68	Lâm Đồng	1535	49A-642.25	Lâm Đồng	2535	49C-346.11	Lâm Đồng	3535	49C-348.06	Lâm Đồng
536	49C-337.37	Lâm Đồng	1536	49A-646.65	Lâm Đồng	2536	49C-346.55	Lâm Đồng	3536	49C-349.29	Lâm Đồng
537	49C-344.11	Lâm Đồng	1537	49A-649.25	Lâm Đồng	2537	49C-347.65	Lâm Đồng	3537	49C-349.65	Lâm Đồng
538	49C-345.06	Lâm Đồng	1538	49A-655.44	Lâm Đồng	2538	49C-349.15	Lâm Đồng	3538	49C-350.06	Lâm Đồng
539	49C-345.15	Lâm Đồng	1539	49A-660.19	Lâm Đồng	2539	49C-350.11	Lâm Đồng	3539	49C-350.68	Lâm Đồng
540	49C-345.79	Lâm Đồng	1540	49A-661.38	Lâm Đồng	2540	49C-350.28	Lâm Đồng	3540	51D-910.89	Hồ Chí Minh
541	49C-351.33	Lâm Đồng	1541	49A-662.00	Lâm Đồng	2541	49C-350.35	Lâm Đồng	3541	51D-912.88	Hồ Chí Minh
542	51D-910.79	Hồ Chí Minh	1542	49A-662.35	Lâm Đồng	2542	51B-702.89	Hồ Chí Minh	3542	51D-913.66	Hồ Chí Minh
543	51D-911.39	Hồ Chí Minh	1543	49A-663.85	Lâm Đồng	2543	51B-703.68	Hồ Chí Minh	3543	51D-915.99	Hồ Chí Minh
544	51D-914.89	Hồ Chí Minh	1544	49A-664.26	Lâm Đồng	2544	51B-704.04	Hồ Chí Minh	3544	51D-916.88	Hồ Chí Minh
545	51D-915.79	Hồ Chí Minh	1545	49A-667.55	Lâm Đồng	2545	51D-916.89	Hồ Chí Minh	3545	51D-918.39	Hồ Chí Minh
546	51D-916.66	Hồ Chí Minh	1546	49A-669.58	Lâm Đồng	2546	51D-917.68	Hồ Chí Minh	3546	51D-922.99	Hồ Chí Minh
547	51D-917.99	Hồ Chí Minh	1547	49A-670.06	Lâm Đồng	2547	51D-921.66	Hồ Chí Minh	3547	51D-925.89	Hồ Chí Minh
548	51D-920.89	Hồ Chí Minh	1548	49A-671.11	Lâm Đồng	2548	51D-922.39	Hồ Chí Minh	3548	51D-927.66	Hồ Chí Minh
549	51D-921.39	Hồ Chí Minh	1549	49A-671.58	Lâm Đồng	2549	51D-923.99	Hồ Chí Minh	3549	51D-930.86	Hồ Chí Minh
550	51D-924.86	Hồ Chí Minh	1550	49C-342.09	Lâm Đồng	2550	51D-925.39	Hồ Chí Minh	3550	51D-930.99	Hồ Chí Minh
551	51D-925.55	Hồ Chí Minh	1551	49C-350.53	Lâm Đồng	2551	51D-927.79	Hồ Chí Minh	3551	51D-932.22	Hồ Chí Minh
552	51D-925.99	Hồ Chí Minh	1552	49C-351.56	Lâm Đồng	2552	51D-927.86	Hồ Chí Minh	3552	51D-943.66	Hồ Chí Minh
553	51D-926.39	Hồ Chí Minh	1553	51B-703.66	Hồ Chí Minh	2553	51D-930.00	Hồ Chí Minh	3553	51D-963.99	Hồ Chí Minh
554	51D-926.88	Hồ Chí Minh	1554	51B-703.88	Hồ Chí Minh	2554	51D-931.88	Hồ Chí Minh	3554	51D-965.33	Hồ Chí Minh
555	51D-927.77	Hồ Chí Minh	1555	51B-704.39	Hồ Chí Minh	2555	51D-931.89	Hồ Chí Minh	3555	51D-972.55	Hồ Chí Minh
556	51D-928.66	Hồ Chí Minh	1556	51D-910.68	Hồ Chí Minh	2556	51D-934.88	Hồ Chí Minh	3556	51D-975.38	Hồ Chí Minh
557	51D-932.68	Hồ Chí Minh	1557	51D-911.68	Hồ Chí Minh	2557	51D-937.88	Hồ Chí Minh	3557	51D-981.06	Hồ Chí Minh
558	51D-932.89	Hồ Chí Minh	1558	51D-911.88	Hồ Chí Minh	2558	51D-939.88	Hồ Chí Minh	3558	51D-982.25	Hồ Chí Minh
559	51D-932.99	Hồ Chí Minh	1559	51D-914.79	Hồ Chí Minh	2559	51D-943.33	Hồ Chí Minh	3559	51E-211.44	Hồ Chí Minh
560	51D-933.89	Hồ Chí Minh	1560	51D-914.99	Hồ Chí Minh	2560	51D-955.19	Hồ Chí Minh	3560	60C-701.68	Đồng Nai
561	51D-935.66	Hồ Chí Minh	1561	51D-921.79	Hồ Chí Minh	2561	51D-955.69	Hồ Chí Minh	3561	60C-704.09	Đồng Nai
562	51D-935.88	Hồ Chí Minh	1562	51D-921.89	Hồ Chí Minh	2562	51D-961.89	Hồ Chí Minh	3562	60C-706.18	Đồng Nai
563	51D-936.69	Hồ Chí Minh	1563	51D-923.33	Hồ Chí Minh	2563	51D-963.08	Hồ Chí Minh	3563	60C-708.08	Đồng Nai
564	51D-937.69	Hồ Chí Minh	1564	51D-923.69	Hồ Chí Minh	2564	51D-976.67	Hồ Chí Minh	3564	60C-709.77	Đồng Nai
565	51D-941.99	Hồ Chí Minh	1565	51D-924.79	Hồ Chí Minh	2565	51D-978.85	Hồ Chí Minh	3565	60K-422.44	Đồng Nai
566	51D-958.99	Hồ Chí Minh	1566	51D-930.68	Hồ Chí Minh	2566	51D-982.68	Hồ Chí Minh	3566	60K-436.88	Đồng Nai
567	51D-960.39	Hồ Chí Minh	1567	51D-935.86	Hồ Chí Minh	2567	51E-210.10	Hồ Chí Minh	3567	60K-438.83	Đồng Nai
568	51D-965.66	Hồ Chí Minh	1568	51D-935.89	Hồ Chí Minh	2568	51E-213.13	Hồ Chí Minh	3568	60K-442.11	Đồng Nai
569	51E-302.22	Hồ Chí Minh	1569	51D-936.68	Hồ Chí Minh	2569	51E-305.55	Hồ Chí Minh	3569	60K-444.69	Đồng Nai
570	60C-708.58	Đồng Nai	1570	51D-936.79	Hồ Chí Minh	2570	51E-310.85	Hồ Chí Minh	3570	60K-459.36	Đồng Nai
571	60C-709.19	Đồng Nai	1571	51D-938.68	Hồ Chí Minh	2571	60C-702.66	Đồng Nai	3571	60K-460.29	Đồng Nai
572	60C-713.08	Đồng Nai	1572	51D-938.99	Hồ Chí Minh	2572	60C-702.79	Đồng Nai	3572	60K-461.26	Đồng Nai
573	60K-425.25	Đồng Nai	1573	51D-940.86	Hồ Chí Minh	2573	60C-709.09	Đồng Nai	3573	60K-462.55	Đồng Nai
574	60K-433.00	Đồng Nai	1574	51D-941.66	Hồ Chí Minh	2574	60C-709.58	Đồng Nai	3574	60K-464.56	Đồng Nai
575	60K-457.95	Đồng Nai	1575	51D-942.68	Hồ Chí Minh	2575	60C-712.26	Đồng Nai	3575	60K-466.09	Đồng Nai
576	60K-458.44	Đồng Nai	1576	51D-956.33	Hồ Chí Minh	2576	60C-713.56	Đồng Nai	3576	60K-467.15	Đồng Nai
577	60K-460.39	Đồng Nai	1577	51D-958.56	Hồ Chí Minh	2577	60C-713.88	Đồng Nai	3577	60K-472.58	Đồng Nai
578	60K-461.69	Đồng Nai	1578	51D-962.56	Hồ Chí Minh	2578	60C-714.33	Đồng Nai	3578	60K-474.59	Đồng Nai
579	60K-461.99	Đồng Nai	1579	51D-968.58	Hồ Chí Minh	2579	60K-428.79	Đồng Nai	3579	60K-474.65	Đồng Nai
580	60K-462.64	Đồng Nai	1580	51D-969.59	Hồ Chí Minh	2580	60K-432.32	Đồng Nai	3580	60K-481.35	Đồng Nai
581	60K-471.44	Đồng Nai	1581	51D-977.58	Hồ Chí Minh	2581	60K-436.86	Đồng Nai	3581	60K-484.44	Đồng Nai
582	60K-474.98	Đồng Nai	1582	60C-703.19	Đồng Nai	2582	60K-442.08	Đồng Nai	3582	60K-485.22	Đồng Nai
583	60K-476.18	Đồng Nai	1583	60C-711.16	Đồng Nai	2583	60K-443.38	Đồng Nai	3583	60K-486.09	Đồng Nai
584	60K-477.26	Đồng Nai	1584	60C-712.56	Đồng Nai	2584	60K-443.59	Đồng Nai	3584	60K-487.25	Đồng Nai
585	60K-481.68	Đồng Nai	1585	60C-713.99	Đồng Nai	2585	60K-456.55	Đồng Nai	3585	60K-487.26	Đồng Nai
586	60K-482.35	Đồng Nai	1586	60C-714.66	Đồng Nai	2586	60K-460.22	Đồng Nai	3586	60K-492.29	Đồng Nai
587	60K-482.66	Đồng Nai	1587	60K-421.79	Đồng Nai	2587	60K-460.56	Đồng Nai	3587	60K-494.09	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
588	60K-482.89	Đồng Nai	1588	60K-422.88	Đồng Nai	2588	60K-460.88	Đồng Nai	3588	60K-495.09	Đồng Nai
589	60K-486.58	Đồng Nai	1589	60K-427.79	Đồng Nai	2589	60K-462.96	Đồng Nai	3589	60K-495.83	Đồng Nai
590	60K-486.89	Đồng Nai	1590	60K-435.53	Đồng Nai	2590	60K-463.44	Đồng Nai	3590	61C-555.86	Bình Dương
591	60K-487.15	Đồng Nai	1591	60K-437.66	Đồng Nai	2591	60K-464.46	Đồng Nai	3591	61C-560.26	Bình Dương
592	60K-487.56	Đồng Nai	1592	60K-440.86	Đồng Nai	2592	60K-466.67	Đồng Nai	3592	61C-560.68	Bình Dương
593	60K-488.18	Đồng Nai	1593	60K-450.89	Đồng Nai	2593	60K-467.59	Đồng Nai	3593	61C-561.16	Bình Dương
594	60K-488.36	Đồng Nai	1594	60K-452.55	Đồng Nai	2594	60K-467.96	Đồng Nai	3594	61C-563.99	Bình Dương
595	60K-488.68	Đồng Nai	1595	60K-457.26	Đồng Nai	2595	60K-468.83	Đồng Nai	3595	61C-565.19	Bình Dương
596	60K-491.69	Đồng Nai	1596	60K-458.16	Đồng Nai	2596	60K-470.38	Đồng Nai	3596	61C-568.38	Bình Dương
597	60K-492.83	Đồng Nai	1597	60K-460.25	Đồng Nai	2597	60K-473.22	Đồng Nai	3597	61K-308.86	Bình Dương
598	60K-492.93	Đồng Nai	1598	60K-461.68	Đồng Nai	2598	60K-473.44	Đồng Nai	3598	61K-311.66	Bình Dương
599	60K-493.55	Đồng Nai	1599	60K-463.25	Đồng Nai	2599	60K-474.56	Đồng Nai	3599	61K-325.86	Bình Dương
600	60K-494.59	Đồng Nai	1600	60K-463.68	Đồng Nai	2600	60K-474.95	Đồng Nai	3600	61K-352.08	Bình Dương
601	60K-494.65	Đồng Nai	1601	60K-463.69	Đồng Nai	2601	60K-478.65	Đồng Nai	3601	61K-358.77	Bình Dương
602	60K-494.77	Đồng Nai	1602	60K-464.99	Đồng Nai	2602	60K-480.33	Đồng Nai	3602	61K-361.11	Bình Dương
603	60K-495.38	Đồng Nai	1603	60K-466.92	Đồng Nai	2603	60K-481.84	Đồng Nai	3603	61K-362.23	Bình Dương
604	61C-563.26	Bình Dương	1604	60K-470.00	Đồng Nai	2604	60K-482.06	Đồng Nai	3604	61K-365.85	Bình Dương
605	61C-564.64	Bình Dương	1605	60K-470.69	Đồng Nai	2605	60K-482.95	Đồng Nai	3605	61K-366.69	Bình Dương
606	61C-567.38	Bình Dương	1606	60K-471.89	Đồng Nai	2606	60K-484.85	Đồng Nai	3606	61K-368.00	Bình Dương
607	61C-570.59	Bình Dương	1607	60K-473.09	Đồng Nai	2607	60K-486.25	Đồng Nai	3607	61K-368.06	Bình Dương
608	61C-571.59	Bình Dương	1608	60K-473.25	Đồng Nai	2608	60K-489.28	Đồng Nai	3608	61K-368.26	Bình Dương
609	61K-335.69	Bình Dương	1609	60K-473.99	Đồng Nai	2609	60K-491.96	Đồng Nai	3609	61K-368.62	Bình Dương
610	61K-352.66	Bình Dương	1610	60K-474.08	Đồng Nai	2610	60K-493.99	Đồng Nai	3610	61K-369.85	Bình Dương
611	61K-354.66	Bình Dương	1611	60K-474.75	Đồng Nai	2611	60K-494.79	Đồng Nai	3611	61K-370.58	Bình Dương
612	61K-354.77	Bình Dương	1612	60K-475.28	Đồng Nai	2612	60K-494.96	Đồng Nai	3612	61K-370.89	Bình Dương
613	61K-357.06	Bình Dương	1613	60K-476.26	Đồng Nai	2613	60K-495.19	Đồng Nai	3613	61K-372.29	Bình Dương
614	61K-358.22	Bình Dương	1614	60K-477.66	Đồng Nai	2614	60K-495.95	Đồng Nai	3614	61K-374.83	Bình Dương
615	61K-362.12	Bình Dương	1615	60K-479.00	Đồng Nai	2615	61C-562.66	Bình Dương	3615	61K-376.26	Bình Dương
616	61K-362.26	Bình Dương	1616	60K-485.48	Đồng Nai	2616	61C-563.69	Bình Dương	3616	61K-382.69	Bình Dương
617	61K-365.25	Bình Dương	1617	60K-485.69	Đồng Nai	2617	61C-572.19	Bình Dương	3617	61K-384.33	Bình Dương
618	61K-365.33	Bình Dương	1618	60K-487.08	Đồng Nai	2618	61K-308.08	Bình Dương	3618	61K-384.79	Bình Dương
619	61K-366.00	Bình Dương	1619	60K-492.36	Đồng Nai	2619	61K-311.89	Bình Dương	3619	61K-385.28	Bình Dương
620	61K-369.95	Bình Dương	1620	61C-555.79	Bình Dương	2620	61K-318.69	Bình Dương	3620	61K-385.44	Bình Dương
621	61K-371.89	Bình Dương	1621	61C-566.68	Bình Dương	2621	61K-321.88	Bình Dương	3621	61K-385.59	Bình Dương
622	61K-372.09	Bình Dương	1622	61C-566.85	Bình Dương	2622	61K-324.89	Bình Dương	3622	61K-385.69	Bình Dương
623	61K-373.22	Bình Dương	1623	61C-569.22	Bình Dương	2623	61K-332.22	Bình Dương	3623	61K-387.44	Bình Dương
624	61K-373.35	Bình Dương	1624	61C-569.36	Bình Dương	2624	61K-336.86	Bình Dương	3624	61K-388.55	Bình Dương
625	61K-374.33	Bình Dương	1625	61K-309.39	Bình Dương	2625	61K-340.86	Bình Dương	3625	61K-389.65	Bình Dương
626	61K-374.55	Bình Dương	1626	61K-311.69	Bình Dương	2626	61K-342.66	Bình Dương	3626	61K-392.25	Bình Dương
627	61K-375.58	Bình Dương	1627	61K-312.66	Bình Dương	2627	61K-345.89	Bình Dương	3627	61K-392.92	Bình Dương
628	61K-377.44	Bình Dương	1628	61K-322.68	Bình Dương	2628	61K-350.08	Bình Dương	3628	61K-396.62	Bình Dương
629	61K-377.83	Bình Dương	1629	61K-331.89	Bình Dương	2629	61K-352.38	Bình Dương	3629	61K-397.83	Bình Dương
630	61K-379.19	Bình Dương	1630	61K-350.06	Bình Dương	2630	61K-353.89	Bình Dương	3630	62A-383.39	Long An
631	61K-382.06	Bình Dương	1631	61K-353.88	Bình Dương	2631	61K-355.28	Bình Dương	3631	62A-394.89	Long An
632	61K-384.26	Bình Dương	1632	61K-355.18	Bình Dương	2632	61K-355.65	Bình Dương	3632	62A-397.86	Long An
633	61K-386.33	Bình Dương	1633	61K-357.77	Bình Dương	2633	61K-355.92	Bình Dương	3633	62A-401.22	Long An
634	61K-386.83	Bình Dương	1634	61K-359.35	Bình Dương	2634	61K-356.25	Bình Dương	3634	62A-403.88	Long An
635	61K-387.08	Bình Dương	1635	61K-362.25	Bình Dương	2635	61K-356.62	Bình Dương	3635	62A-404.36	Long An
636	61K-390.28	Bình Dương	1636	61K-363.22	Bình Dương	2636	61K-361.82	Bình Dương	3636	62A-406.56	Long An
637	61K-390.86	Bình Dương	1637	61K-367.69	Bình Dương	2637	61K-362.95	Bình Dương	3637	62A-407.07	Long An
638	61K-392.35	Bình Dương	1638	61K-371.00	Bình Dương	2638	61K-363.86	Bình Dương	3638	62A-407.18	Long An
639	61K-392.93	Bình Dương	1639	61K-371.19	Bình Dương	2639	61K-364.64	Bình Dương	3639	62A-409.35	Long An
640	61K-393.22	Bình Dương	1640	61K-371.44	Bình Dương	2640	61K-364.85	Bình Dương	3640	62A-411.16	Long An
641	61K-395.66	Bình Dương	1641	61K-373.29	Bình Dương	2641	61K-366.55	Bình Dương	3641	62A-411.36	Long An
642	61K-396.28	Bình Dương	1642	61K-373.83	Bình Dương	2642	61K-368.92	Bình Dương	3642	62A-412.33	Long An
643	61K-396.35	Bình Dương	1643	61K-374.25	Bình Dương	2643	61K-369.38	Bình Dương	3643	62A-413.88	Long An
644	61K-396.59	Bình Dương	1644	61K-375.79	Bình Dương	2644	61K-372.85	Bình Dương	3644	62A-416.39	Long An
645	62A-387.77	Long An	1645	61K-376.79	Bình Dương	2645	61K-373.55	Bình Dương	3645	62A-416.61	Long An
646	62A-397.77	Long An	1646	61K-377.95	Bình Dương	2646	61K-373.98	Bình Dương	3646	64C-112.44	Vĩnh Long

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
647	62A-401.18	Long An	1647	61K-378.69	Bình Dương	2647	61K-376.11	Bình Dương	3647	66A-258.06	Đồng Tháp
648	62A-402.08	Long An	1648	61K-381.55	Bình Dương	2648	61K-376.15	Bình Dương	3648	66A-258.25	Đồng Tháp
649	62A-404.77	Long An	1649	61K-383.84	Bình Dương	2649	61K-376.16	Bình Dương	3649	66C-169.11	Đồng Tháp
650	62A-405.65	Long An	1650	61K-390.35	Bình Dương	2650	61K-378.26	Bình Dương	3650	66C-169.28	Đồng Tháp
651	62A-406.19	Long An	1651	61K-390.93	Bình Dương	2651	61K-379.77	Bình Dương	3651	70A-495.56	Tây Ninh
652	62A-409.28	Long An	1652	61K-392.98	Bình Dương	2652	61K-380.68	Bình Dương	3652	70A-499.08	Tây Ninh
653	62A-411.88	Long An	1653	61K-393.16	Bình Dương	2653	61K-382.58	Bình Dương	3653	70A-502.99	Tây Ninh
654	62A-412.39	Long An	1654	61K-395.08	Bình Dương	2654	61K-383.79	Bình Dương	3654	70A-504.69	Tây Ninh
655	62A-413.08	Long An	1655	61K-397.39	Bình Dương	2655	61K-384.85	Bình Dương	3655	70A-505.85	Tây Ninh
656	62A-413.09	Long An	1656	62A-386.66	Long An	2656	61K-385.36	Bình Dương	3656	70A-510.99	Tây Ninh
657	62A-416.17	Long An	1657	62A-397.06	Long An	2657	61K-386.26	Bình Dương	3657	70A-514.22	Tây Ninh
658	70A-495.58	Tây Ninh	1658	62A-399.22	Long An	2658	61K-396.36	Bình Dương	3658	70A-515.66	Tây Ninh
659	70A-496.18	Tây Ninh	1659	62A-399.65	Long An	2659	62A-381.66	Long An	3659	70A-516.22	Tây Ninh
660	70A-496.88	Tây Ninh	1660	62A-403.35	Long An	2660	62A-397.19	Long An	3660	70A-517.22	Tây Ninh
661	70A-499.56	Tây Ninh	1661	62A-403.56	Long An	2661	62A-399.19	Long An	3661	70A-522.25	Tây Ninh
662	70A-503.88	Tây Ninh	1662	62A-403.59	Long An	2662	62A-399.93	Long An	3662	70C-191.69	Tây Ninh
663	70A-506.88	Tây Ninh	1663	62A-405.16	Long An	2663	62A-400.55	Long An	3663	70C-195.09	Tây Ninh
664	70A-506.99	Tây Ninh	1664	62A-406.85	Long An	2664	62A-400.89	Long An	3664	72A-751.18	Bà Rịa - Vũng Tàu
665	70A-507.77	Tây Ninh	1665	62A-407.69	Long An	2665	62A-400.95	Long An	3665	72A-751.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
666	70A-508.09	Tây Ninh	1666	62A-408.15	Long An	2666	62A-402.68	Long An	3666	72A-753.57	Bà Rịa - Vũng Tàu
667	70A-509.38	Tây Ninh	1667	62A-414.09	Long An	2667	62A-404.86	Long An	3667	72A-753.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
668	70A-511.15	Tây Ninh	1668	66C-170.00	Đồng Tháp	2668	62A-407.36	Long An	3668	72A-754.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
669	70A-512.36	Tây Ninh	1669	70A-497.89	Tây Ninh	2669	62A-407.96	Long An	3669	72A-754.79	Bà Rịa - Vũng Tàu
670	70A-512.79	Tây Ninh	1670	70A-499.66	Tây Ninh	2670	62A-408.25	Long An	3670	72A-755.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
671	70A-512.83	Tây Ninh	1671	70A-509.29	Tây Ninh	2671	62A-408.38	Long An	3671	72A-756.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
672	70A-513.85	Tây Ninh	1672	70A-509.79	Tây Ninh	2672	62A-411.25	Long An	3672	72A-759.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
673	70A-515.19	Tây Ninh	1673	70A-510.05	Tây Ninh	2673	62A-412.09	Long An	3673	72A-760.38	Bà Rịa - Vũng Tàu
674	70A-518.66	Tây Ninh	1674	70A-514.18	Tây Ninh	2674	66A-258.00	Đồng Tháp	3674	72A-762.63	Bà Rịa - Vũng Tàu
675	70A-519.85	Tây Ninh	1675	70A-517.33	Tây Ninh	2675	66A-258.11	Đồng Tháp	3675	72A-765.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
676	70A-520.02	Tây Ninh	1676	70A-518.86	Tây Ninh	2676	66C-169.16	Đồng Tháp	3676	72A-765.59	Bà Rịa - Vũng Tàu
677	70A-520.88	Tây Ninh	1677	70A-519.96	Tây Ninh	2677	66C-170.16	Đồng Tháp	3677	72A-767.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
678	70A-521.56	Tây Ninh	1678	72A-753.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	2678	70A-490.39	Tây Ninh	3678	72A-768.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
679	70C-193.39	Tây Ninh	1679	72A-753.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	2679	70A-499.22	Tây Ninh	3679	72A-773.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
680	72A-749.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	1680	72A-753.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2680	70A-503.68	Tây Ninh	3680	72A-773.77	Bà Rịa - Vũng Tàu
681	72A-750.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	1681	72A-755.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	2681	70A-507.38	Tây Ninh	3681	72A-774.26	Bà Rịa - Vũng Tàu
682	72A-753.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	1682	72A-760.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	2682	70A-511.38	Tây Ninh	3682	72A-775.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
683	72A-753.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	1683	72A-761.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	2683	70A-513.13	Tây Ninh	3683	72A-775.96	Bà Rịa - Vũng Tàu
684	72A-758.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	1684	72A-762.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	2684	70A-514.88	Tây Ninh	3684	72A-777.38	Bà Rịa - Vũng Tàu
685	72A-759.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	1685	72A-766.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2685	70A-519.25	Tây Ninh	3685	72A-780.25	Bà Rịa - Vũng Tàu
686	72A-764.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	1686	72A-767.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	2686	70A-520.00	Tây Ninh	3686	72A-780.28	Bà Rịa - Vũng Tàu
687	72A-765.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	1687	72A-767.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2687	70A-521.85	Tây Ninh	3687	72A-782.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
688	72A-768.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	1688	72A-768.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	2688	70C-196.22	Tây Ninh	3688	72A-783.29	Bà Rịa - Vũng Tàu
689	72A-769.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	1689	72A-768.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2689	72A-753.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	3689	72C-222.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
690	72A-771.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	1690	72A-768.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	2690	72A-755.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	3690	72C-225.36	Bà Rịa - Vũng Tàu
691	72A-771.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	1691	72A-769.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	2691	72A-757.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	3691	72C-225.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
692	72A-772.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	1692	72A-770.07	Bà Rịa - Vũng Tàu	2692	72A-757.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	3692	72C-226.22	Bà Rịa - Vũng Tàu
693	72A-772.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	1693	72A-770.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	2693	72A-762.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	3693	73A-325.25	Quảng Bình
694	72A-772.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	1694	72A-770.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2694	72A-763.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	3694	73A-330.66	Quảng Bình
695	72A-774.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	1695	72A-771.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	2695	72A-763.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	3695	73A-332.16	Quảng Bình
696	72A-774.65	Bà Rịa - Vũng Tàu	1696	72A-772.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	2696	72A-764.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	3696	73A-335.77	Quảng Bình
697	72A-775.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	1697	72A-774.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2697	72A-768.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	3697	73C-168.89	Quảng Bình
698	72A-777.34	Bà Rịa - Vũng Tàu	1698	72A-776.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	2698	72A-770.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	3698	73C-172.77	Quảng Bình
699	72A-778.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	1699	72A-777.48	Bà Rịa - Vũng Tàu	2699	72A-770.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	3699	74A-243.58	Quảng Trị
700	72A-779.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	1700	72A-777.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	2700	72A-774.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	3700	74A-244.16	Quảng Trị
701	72A-779.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	1701	72A-777.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	2701	72A-776.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	3701	74A-250.86	Quảng Trị
702	72A-779.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	1702	72A-777.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	2702	72A-778.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	3702	74A-250.89	Quảng Trị
703	72A-780.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	1703	72A-779.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	2703	72A-780.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	3703	74A-252.08	Quảng Trị
704	72A-781.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	1704	72A-780.08	Bà Rịa - Vũng Tàu	2704	72A-781.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	3704	74A-252.44	Quảng Trị
705	72A-781.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	1705	72A-783.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	2705	72A-781.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	3705	74A-252.96	Quảng Trị

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
706	72A-781.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	1706	72A-784.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2706	72C-223.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	3706	74A-253.36	Quảng Trị
707	72A-782.38	Bà Rịa - Vũng Tàu	1707	72C-223.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	2707	72C-224.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	3707	74A-254.00	Quảng Trị
708	72A-784.29	Bà Rịa - Vũng Tàu	1708	72C-224.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	2708	73A-322.99	Quảng Bình	3708	74A-254.56	Quảng Trị
709	72C-223.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	1709	72C-225.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	2709	73A-325.38	Quảng Bình	3709	74C-127.89	Quảng Trị
710	72C-225.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	1710	72C-225.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	2710	73A-328.89	Quảng Bình	3710	74C-131.06	Quảng Trị
711	73A-327.56	Quảng Bình	1711	73A-326.92	Quảng Bình	2711	73A-331.44	Quảng Bình	3711	74D-008.08	Quảng Trị
712	73A-328.06	Quảng Bình	1712	73A-327.98	Quảng Bình	2712	73A-332.59	Quảng Bình	3712	75A-350.36	Thừa Thiên Huế
713	73A-329.66	Quảng Bình	1713	73A-328.36	Quảng Bình	2713	73A-333.24	Quảng Bình	3713	75A-350.96	Thừa Thiên Huế
714	73A-329.85	Quảng Bình	1714	73A-335.89	Quảng Bình	2714	73A-336.00	Quảng Bình	3714	75A-353.22	Thừa Thiên Huế
715	73A-330.18	Quảng Bình	1715	73C-172.88	Quảng Bình	2715	74A-246.06	Quảng Trị	3715	75A-356.35	Thừa Thiên Huế
716	73A-330.79	Quảng Bình	1716	73C-173.44	Quảng Bình	2716	74A-247.55	Quảng Trị	3716	75A-357.09	Thừa Thiên Huế
717	73A-332.96	Quảng Bình	1717	73C-174.00	Quảng Bình	2717	74A-250.35	Quảng Trị	3717	75A-359.16	Thừa Thiên Huế
718	73C-168.39	Quảng Bình	1718	74A-243.99	Quảng Trị	2718	74A-251.26	Quảng Trị	3718	75A-359.18	Thừa Thiên Huế
719	73C-171.69	Quảng Bình	1719	74A-244.33	Quảng Trị	2719	74A-252.33	Quảng Trị	3719	75A-360.65	Thừa Thiên Huế
720	73C-172.06	Quảng Bình	1720	74A-246.09	Quảng Trị	2720	74A-254.18	Quảng Trị	3720	75A-360.88	Thừa Thiên Huế
721	73C-172.29	Quảng Bình	1721	74A-246.86	Quảng Trị	2721	74C-127.08	Quảng Trị	3721	75A-362.29	Thừa Thiên Huế
722	73C-173.37	Quảng Bình	1722	74A-247.95	Quảng Trị	2722	74C-128.83	Quảng Trị	3722	75A-364.06	Thừa Thiên Huế
723	73C-173.39	Quảng Bình	1723	74A-248.25	Quảng Trị	2723	75A-349.68	Thừa Thiên Huế	3723	75A-364.25	Thừa Thiên Huế
724	74A-244.85	Quảng Trị	1724	74A-249.42	Quảng Trị	2724	75A-351.22	Thừa Thiên Huế	3724	75C-150.68	Thừa Thiên Huế
725	74A-252.38	Quảng Trị	1725	74A-253.09	Quảng Trị	2725	75A-355.22	Thừa Thiên Huế	3725	76A-289.58	Quảng Ngãi
726	74A-253.54	Quảng Trị	1726	74A-254.11	Quảng Trị	2726	75A-358.95	Thừa Thiên Huế	3726	76A-291.96	Quảng Ngãi
727	74A-254.79	Quảng Trị	1727	74A-254.98	Quảng Trị	2727	75A-361.38	Thừa Thiên Huế	3727	76A-292.95	Quảng Ngãi
728	74A-254.99	Quảng Trị	1728	74C-126.99	Quảng Trị	2728	75A-361.55	Thừa Thiên Huế	3728	76A-292.98	Quảng Ngãi
729	74C-128.28	Quảng Trị	1729	75A-349.39	Thừa Thiên Huế	2729	75A-364.11	Thừa Thiên Huế	3729	76A-293.96	Quảng Ngãi
730	74C-128.56	Quảng Trị	1730	75A-351.35	Thừa Thiên Huế	2730	75A-364.69	Thừa Thiên Huế	3730	76A-294.33	Quảng Ngãi
731	74C-129.21	Quảng Trị	1731	75A-351.51	Thừa Thiên Huế	2731	75C-147.38	Thừa Thiên Huế	3731	76A-294.99	Quảng Ngãi
732	74C-130.28	Quảng Trị	1732	75A-351.77	Thừa Thiên Huế	2732	75C-150.16	Thừa Thiên Huế	3732	76A-295.62	Quảng Ngãi
733	74C-131.25	Quảng Trị	1733	75A-354.59	Thừa Thiên Huế	2733	76A-286.29	Quảng Ngãi	3733	76A-297.25	Quảng Ngãi
734	75A-337.69	Thừa Thiên Huế	1734	75A-357.99	Thừa Thiên Huế	2734	76A-289.55	Quảng Ngãi	3734	76A-299.06	Quảng Ngãi
735	75A-350.22	Thừa Thiên Huế	1735	75A-359.00	Thừa Thiên Huế	2735	76A-290.11	Quảng Ngãi	3735	76A-300.59	Quảng Ngãi
736	75A-352.89	Thừa Thiên Huế	1736	75A-361.65	Thừa Thiên Huế	2736	76A-290.35	Quảng Ngãi	3736	76C-160.99	Quảng Ngãi
737	75A-353.18	Thừa Thiên Huế	1737	75A-361.83	Thừa Thiên Huế	2737	76A-292.99	Quảng Ngãi	3737	76C-168.69	Quảng Ngãi
738	75A-354.54	Thừa Thiên Huế	1738	75A-362.93	Thừa Thiên Huế	2738	76A-293.38	Quảng Ngãi	3738	76C-168.86	Quảng Ngãi
739	75A-354.77	Thừa Thiên Huế	1739	75A-363.96	Thừa Thiên Huế	2739	76A-295.96	Quảng Ngãi	3739	77A-299.69	Bình Định
740	75A-356.77	Thừa Thiên Huế	1740	75A-364.26	Thừa Thiên Huế	2740	76C-161.99	Quảng Ngãi	3740	77A-301.03	Bình Định
741	75A-357.26	Thừa Thiên Huế	1741	75C-148.22	Thừa Thiên Huế	2741	76C-162.88	Quảng Ngãi	3741	77A-301.06	Bình Định
742	75A-357.39	Thừa Thiên Huế	1742	76A-287.95	Quảng Ngãi	2742	76C-168.99	Quảng Ngãi	3742	77A-301.28	Bình Định
743	75A-357.57	Thừa Thiên Huế	1743	76A-290.16	Quảng Ngãi	2743	76C-170.07	Quảng Ngãi	3743	77A-303.28	Bình Định
744	75A-357.85	Thừa Thiên Huế	1744	76A-292.39	Quảng Ngãi	2744	76C-170.95	Quảng Ngãi	3744	77A-306.22	Bình Định
745	75A-359.06	Thừa Thiên Huế	1745	76A-295.86	Quảng Ngãi	2745	77A-300.22	Bình Định	3745	77A-308.28	Bình Định
746	75A-361.00	Thừa Thiên Huế	1746	76A-296.77	Quảng Ngãi	2746	77A-301.77	Bình Định	3746	77A-311.09	Bình Định
747	75A-361.96	Thừa Thiên Huế	1747	76A-298.66	Quảng Ngãi	2747	77A-304.65	Bình Định	3747	77A-311.13	Bình Định
748	75A-362.22	Thừa Thiên Huế	1748	76A-298.83	Quảng Ngãi	2748	77A-306.39	Bình Định	3748	77A-311.26	Bình Định
749	75C-148.89	Thừa Thiên Huế	1749	76C-160.79	Quảng Ngãi	2749	77A-308.95	Bình Định	3749	77A-311.29	Bình Định
750	75C-149.88	Thừa Thiên Huế	1750	76C-166.86	Quảng Ngãi	2750	77A-309.88	Bình Định	3750	77A-314.39	Bình Định
751	76A-286.39	Quảng Ngãi	1751	77A-300.86	Bình Định	2751	77A-310.18	Bình Định	3751	77A-317.86	Bình Định
752	76A-290.00	Quảng Ngãi	1752	77A-301.36	Bình Định	2752	77A-310.79	Bình Định	3752	77C-242.28	Bình Định
753	76A-291.28	Quảng Ngãi	1753	77A-305.99	Bình Định	2753	77A-311.56	Bình Định	3753	78A-184.66	Phú Yên
754	76A-292.66	Quảng Ngãi	1754	77A-306.25	Bình Định	2754	77A-312.66	Bình Định	3754	78A-185.15	Phú Yên
755	76A-294.83	Quảng Ngãi	1755	77A-308.59	Bình Định	2755	77A-314.31	Bình Định	3755	78A-188.29	Phú Yên
756	76A-295.06	Quảng Ngãi	1756	77A-310.68	Bình Định	2756	77A-314.69	Bình Định	3756	78A-188.69	Phú Yên
757	76A-297.65	Quảng Ngãi	1757	77C-238.38	Bình Định	2757	77A-317.71	Bình Định	3757	78A-189.96	Phú Yên
758	76A-298.09	Quảng Ngãi	1758	77C-242.39	Bình Định	2758	77A-317.77	Bình Định	3758	78A-191.00	Phú Yên
759	76A-300.58	Quảng Ngãi	1759	77D-003.22	Bình Định	2759	77C-240.69	Bình Định	3759	78A-192.35	Phú Yên
760	76C-167.66	Quảng Ngãi	1760	78A-184.48	Phú Yên	2760	77C-244.99	Bình Định	3760	78A-192.91	Phú Yên
761	77A-302.11	Bình Định	1761	78A-184.56	Phú Yên	2761	77C-246.08	Bình Định	3761	78C-743.74	Phú Yên
762	77A-310.36	Bình Định	1762	78A-187.98	Phú Yên	2762	78A-185.16	Phú Yên	3762	78C-743.77	Phú Yên
763	77A-311.66	Bình Định	1763	78A-188.33	Phú Yên	2763	78A-185.77	Phú Yên	3763	79A-500.18	Khánh Hòa
764	77A-315.33	Bình Định	1764	78A-188.58	Phú Yên	2764	78A-185.79	Phú Yên	3764	79A-502.38	Khánh Hòa

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
765	77A-315.55	Bình Định	1765	78A-190.16	Phú Yên	2765	78A-186.96	Phú Yên	3765	79A-506.38	Khánh Hòa
766	77A-317.06	Bình Định	1766	78A-190.83	Phú Yên	2766	78A-187.87	Phú Yên	3766	79A-507.93	Khánh Hòa
767	77A-317.25	Bình Định	1767	78A-195.86	Phú Yên	2767	78A-187.96	Phú Yên	3767	79A-507.96	Khánh Hòa
768	77C-238.86	Bình Định	1768	78A-196.00	Phú Yên	2768	78A-191.11	Phú Yên	3768	79A-508.22	Khánh Hòa
769	77C-244.55	Bình Định	1769	78A-196.65	Phú Yên	2769	78A-192.99	Phú Yên	3769	79A-508.80	Khánh Hòa
770	77C-245.45	Bình Định	1770	78C-741.19	Phú Yên	2770	78A-193.15	Phú Yên	3770	79A-508.86	Khánh Hòa
771	78A-185.06	Phú Yên	1771	79A-502.35	Khánh Hòa	2771	78A-193.85	Phú Yên	3771	79A-510.99	Khánh Hòa
772	78A-186.95	Phú Yên	1772	79A-504.98	Khánh Hòa	2772	78A-194.25	Phú Yên	3772	79A-513.36	Khánh Hòa
773	78A-189.55	Phú Yên	1773	79A-507.11	Khánh Hòa	2773	78A-194.83	Phú Yên	3773	79A-518.28	Khánh Hòa
774	78A-189.58	Phú Yên	1774	79A-509.98	Khánh Hòa	2774	78A-195.11	Phú Yên	3774	79A-524.08	Khánh Hòa
775	78A-190.29	Phú Yên	1775	79A-511.06	Khánh Hòa	2775	78A-196.77	Phú Yên	3775	81A-379.69	Gia Lai
776	78A-190.65	Phú Yên	1776	79A-513.77	Khánh Hòa	2776	78C-741.99	Phú Yên	3776	81A-381.08	Gia Lai
777	78A-191.86	Phú Yên	1777	79A-514.88	Khánh Hòa	2777	79A-500.86	Khánh Hòa	3777	81A-381.22	Gia Lai
778	78A-192.00	Phú Yên	1778	79A-515.09	Khánh Hòa	2778	79A-502.28	Khánh Hòa	3778	81A-381.55	Gia Lai
779	78A-192.89	Phú Yên	1779	79A-515.29	Khánh Hòa	2779	79A-502.98	Khánh Hòa	3779	81A-382.89	Gia Lai
780	78A-196.83	Phú Yên	1780	79A-515.56	Khánh Hòa	2780	79A-502.99	Khánh Hòa	3780	81A-385.18	Gia Lai
781	78C-742.08	Phú Yên	1781	79A-516.38	Khánh Hòa	2781	79A-503.77	Khánh Hòa	3781	81A-385.68	Gia Lai
782	79A-502.06	Khánh Hòa	1782	79A-516.61	Khánh Hòa	2782	79A-504.69	Khánh Hòa	3782	81A-386.18	Gia Lai
783	79A-502.95	Khánh Hòa	1783	79A-517.16	Khánh Hòa	2783	79A-504.88	Khánh Hòa	3783	81A-389.26	Gia Lai
784	79A-503.08	Khánh Hòa	1784	79A-520.65	Khánh Hòa	2784	79A-506.18	Khánh Hòa	3784	81A-389.66	Gia Lai
785	79A-503.22	Khánh Hòa	1785	79A-521.12	Khánh Hòa	2785	79A-506.19	Khánh Hòa	3785	81A-389.79	Gia Lai
786	79A-503.25	Khánh Hòa	1786	79A-522.89	Khánh Hòa	2786	79A-508.69	Khánh Hòa	3786	81A-390.68	Gia Lai
787	79A-503.85	Khánh Hòa	1787	79A-524.19	Khánh Hòa	2787	79A-510.33	Khánh Hòa	3787	81A-391.16	Gia Lai
788	79A-504.44	Khánh Hòa	1788	81A-378.66	Gia Lai	2788	79A-511.83	Khánh Hòa	3788	81A-394.94	Gia Lai
789	79A-504.95	Khánh Hòa	1789	81A-380.16	Gia Lai	2789	79A-513.39	Khánh Hòa	3789	81A-397.39	Gia Lai
790	79A-505.88	Khánh Hòa	1790	81A-381.69	Gia Lai	2790	79A-518.55	Khánh Hòa	3790	81A-398.35	Gia Lai
791	79A-506.44	Khánh Hòa	1791	81A-382.28	Gia Lai	2791	79A-518.65	Khánh Hòa	3791	81C-245.68	Gia Lai
792	79A-512.38	Khánh Hòa	1792	81A-383.55	Gia Lai	2792	79A-520.56	Khánh Hòa	3792	81C-254.55	Gia Lai
793	79A-512.39	Khánh Hòa	1793	81A-384.19	Gia Lai	2793	79A-520.68	Khánh Hòa	3793	81C-254.68	Gia Lai
794	79A-513.19	Khánh Hòa	1794	81A-385.79	Gia Lai	2794	79A-522.86	Khánh Hòa	3794	81C-256.58	Gia Lai
795	79A-516.00	Khánh Hòa	1795	81A-388.69	Gia Lai	2795	79A-524.36	Khánh Hòa	3795	81C-260.35	Gia Lai
796	79A-518.79	Khánh Hòa	1796	81A-393.39	Gia Lai	2796	79A-525.29	Khánh Hòa	3796	82A-129.39	Kon Tum
797	79A-519.86	Khánh Hòa	1797	81A-395.19	Gia Lai	2797	79C-211.38	Khánh Hòa	3797	82A-139.11	Kon Tum
798	79A-520.22	Khánh Hòa	1798	81A-395.83	Gia Lai	2798	81A-383.08	Gia Lai	3798	82A-142.19	Kon Tum
799	79A-524.18	Khánh Hòa	1799	81A-395.89	Gia Lai	2799	81A-384.59	Gia Lai	3799	82A-144.41	Kon Tum
800	79A-524.22	Khánh Hòa	1800	81A-397.19	Gia Lai	2800	81A-385.83	Gia Lai	3800	82A-145.58	Kon Tum
801	79A-524.69	Khánh Hòa	1801	81A-400.06	Gia Lai	2801	81A-390.22	Gia Lai	3801	82B-012.22	Kon Tum
802	79C-208.08	Khánh Hòa	1802	81A-401.38	Gia Lai	2802	81A-390.29	Gia Lai	3802	82C-083.89	Kon Tum
803	79C-211.09	Khánh Hòa	1803	81C-254.66	Gia Lai	2803	81A-390.44	Gia Lai	3803	82C-083.99	Kon Tum
804	81A-382.86	Gia Lai	1804	81C-255.66	Gia Lai	2804	81A-391.85	Gia Lai	3804	82C-089.79	Kon Tum
805	81A-386.16	Gia Lai	1805	81C-255.68	Gia Lai	2805	81A-392.39	Gia Lai	3805	85A-131.66	Ninh Thuận
806	81A-387.29	Gia Lai	1806	81C-257.83	Gia Lai	2806	81A-392.55	Gia Lai	3806	85A-131.68	Ninh Thuận
807	81A-387.96	Gia Lai	1807	81C-259.35	Gia Lai	2807	81A-393.59	Gia Lai	3807	85A-132.00	Ninh Thuận
808	81A-388.96	Gia Lai	1808	82A-137.68	Kon Tum	2808	81A-393.65	Gia Lai	3808	85A-132.56	Ninh Thuận
809	81A-392.06	Gia Lai	1809	82A-139.98	Kon Tum	2809	81A-393.77	Gia Lai	3809	85A-133.09	Ninh Thuận
810	81A-395.25	Gia Lai	1810	82A-140.18	Kon Tum	2810	81A-395.00	Gia Lai	3810	85A-133.36	Ninh Thuận
811	81A-396.18	Gia Lai	1811	82A-141.98	Kon Tum	2811	81A-395.93	Gia Lai	3811	85A-134.89	Ninh Thuận
812	81A-399.63	Gia Lai	1812	82A-142.09	Kon Tum	2812	81A-396.89	Gia Lai	3812	85A-135.19	Ninh Thuận
813	81A-400.95	Gia Lai	1813	82A-144.45	Kon Tum	2813	81A-397.38	Gia Lai	3813	85A-135.98	Ninh Thuận
814	81A-402.18	Gia Lai	1814	82B-012.12	Kon Tum	2814	81A-399.25	Gia Lai	3814	85C-078.19	Ninh Thuận
815	81C-255.95	Gia Lai	1815	82C-089.44	Kon Tum	2815	81A-399.69	Gia Lai	3815	85C-079.15	Ninh Thuận
816	81C-260.61	Gia Lai	1816	82C-089.68	Kon Tum	2816	81A-400.58	Gia Lai	3816	85C-079.55	Ninh Thuận
817	82A-133.44	Kon Tum	1817	82D-005.79	Kon Tum	2817	81C-250.69	Gia Lai	3817	85C-080.19	Ninh Thuận
818	82A-135.88	Kon Tum	1818	85A-130.88	Ninh Thuận	2818	81C-257.58	Gia Lai	3818	86A-281.08	Bình Thuận
819	82A-136.86	Kon Tum	1819	85A-133.68	Ninh Thuận	2819	81C-259.83	Gia Lai	3819	86A-283.00	Bình Thuận
820	82A-140.98	Kon Tum	1820	85A-133.96	Ninh Thuận	2820	81D-009.69	Gia Lai	3820	86A-283.63	Bình Thuận
821	82C-077.66	Kon Tum	1821	85C-080.18	Ninh Thuận	2821	82A-127.68	Kon Tum	3821	86A-286.28	Bình Thuận
822	82C-084.66	Kon Tum	1822	86A-282.19	Bình Thuận	2822	82A-128.68	Kon Tum	3822	86A-289.82	Bình Thuận
823	82C-084.99	Kon Tum	1823	86A-283.08	Bình Thuận	2823	82A-132.66	Kon Tum	3823	86A-290.19	Bình Thuận

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
824	82C-088.18	Kon Tum	1824	86A-287.68	Bình Thuận	2824	82A-137.88	Kon Tum	3824	86A-293.44	Bình Thuận
825	84C-117.56	Trà Vinh	1825	86A-288.19	Bình Thuận	2825	82A-140.08	Kon Tum	3825	86A-296.06	Bình Thuận
826	85A-129.89	Ninh Thuận	1826	86A-288.39	Bình Thuận	2826	82A-141.15	Kon Tum	3826	86C-188.99	Bình Thuận
827	85A-129.98	Ninh Thuận	1827	86A-291.28	Bình Thuận	2827	82A-144.56	Kon Tum	3827	86C-191.16	Bình Thuận
828	85A-131.19	Ninh Thuận	1828	86A-291.33	Bình Thuận	2828	82C-078.78	Kon Tum	3828	86C-191.55	Bình Thuận
829	85A-132.95	Ninh Thuận	1829	86A-293.09	Bình Thuận	2829	82C-078.89	Kon Tum	3829	86C-192.39	Bình Thuận
830	85A-134.31	Ninh Thuận	1830	86A-293.89	Bình Thuận	2830	82C-080.00	Kon Tum	3830	86C-193.15	Bình Thuận
831	85A-135.18	Ninh Thuận	1831	86A-294.39	Bình Thuận	2831	82C-088.79	Kon Tum	3831	86C-195.39	Bình Thuận
832	85A-135.28	Ninh Thuận	1832	86A-295.58	Bình Thuận	2832	85A-125.55	Ninh Thuận	3832	88A-650.39	Vĩnh Phúc
833	85B-010.69	Ninh Thuận	1833	86A-295.77	Bình Thuận	2833	85A-128.89	Ninh Thuận	3833	88A-658.66	Vĩnh Phúc
834	85C-078.86	Ninh Thuận	1834	86C-193.96	Bình Thuận	2834	85A-129.00	Ninh Thuận	3834	88A-659.86	Vĩnh Phúc
835	85C-079.06	Ninh Thuận	1835	88A-654.69	Vĩnh Phúc	2835	85A-129.36	Ninh Thuận	3835	88A-660.09	Vĩnh Phúc
836	86A-282.35	Bình Thuận	1836	88A-655.89	Vĩnh Phúc	2836	85A-130.22	Ninh Thuận	3836	88A-660.19	Vĩnh Phúc
837	86A-283.93	Bình Thuận	1837	88A-662.77	Vĩnh Phúc	2837	85A-130.58	Ninh Thuận	3837	88A-660.59	Vĩnh Phúc
838	86A-284.28	Bình Thuận	1838	88A-663.59	Vĩnh Phúc	2838	85A-133.25	Ninh Thuận	3838	88A-662.56	Vĩnh Phúc
839	86A-284.29	Bình Thuận	1839	88A-663.82	Vĩnh Phúc	2839	85A-133.38	Ninh Thuận	3839	88A-666.18	Vĩnh Phúc
840	86A-286.36	Bình Thuận	1840	88A-664.55	Vĩnh Phúc	2840	85A-133.98	Ninh Thuận	3840	88A-666.35	Vĩnh Phúc
841	86A-287.26	Bình Thuận	1841	88A-665.98	Vĩnh Phúc	2841	85A-135.85	Ninh Thuận	3841	88A-667.26	Vĩnh Phúc
842	86A-290.29	Bình Thuận	1842	88A-666.04	Vĩnh Phúc	2842	85C-078.16	Ninh Thuận	3842	88A-670.28	Vĩnh Phúc
843	86A-291.16	Bình Thuận	1843	88A-666.09	Vĩnh Phúc	2843	85C-078.38	Ninh Thuận	3843	88A-674.88	Vĩnh Phúc
844	86A-291.88	Bình Thuận	1844	88A-667.44	Vĩnh Phúc	2844	85C-079.36	Ninh Thuận	3844	88A-675.29	Vĩnh Phúc
845	86A-293.85	Bình Thuận	1845	88A-671.95	Vĩnh Phúc	2845	85D-003.03	Ninh Thuận	3845	88A-675.59	Vĩnh Phúc
846	86A-295.88	Bình Thuận	1846	88A-672.18	Vĩnh Phúc	2846	86A-280.56	Bình Thuận	3846	88A-676.33	Vĩnh Phúc
847	86A-296.15	Bình Thuận	1847	88A-675.88	Vĩnh Phúc	2847	86A-280.60	Bình Thuận	3847	88A-678.22	Vĩnh Phúc
848	86C-192.15	Bình Thuận	1848	88A-679.44	Vĩnh Phúc	2848	86A-282.88	Bình Thuận	3848	88A-678.59	Vĩnh Phúc
849	88A-660.33	Vĩnh Phúc	1849	88A-679.98	Vĩnh Phúc	2849	86A-283.56	Bình Thuận	3849	88A-680.28	Vĩnh Phúc
850	88A-661.18	Vĩnh Phúc	1850	88A-680.26	Vĩnh Phúc	2850	86A-286.11	Bình Thuận	3850	88A-680.83	Vĩnh Phúc
851	88A-666.13	Vĩnh Phúc	1851	88A-680.36	Vĩnh Phúc	2851	86A-288.63	Bình Thuận	3851	88A-681.89	Vĩnh Phúc
852	88A-668.09	Vĩnh Phúc	1852	88A-680.44	Vĩnh Phúc	2852	86A-293.00	Bình Thuận	3852	88A-683.19	Vĩnh Phúc
853	88A-674.75	Vĩnh Phúc	1853	88A-681.19	Vĩnh Phúc	2853	86A-294.25	Bình Thuận	3853	88A-683.26	Vĩnh Phúc
854	88A-675.69	Vĩnh Phúc	1854	88A-681.81	Vĩnh Phúc	2854	86C-191.18	Bình Thuận	3854	88A-686.63	Vĩnh Phúc
855	88A-676.77	Vĩnh Phúc	1855	88A-682.89	Vĩnh Phúc	2855	86C-192.93	Bình Thuận	3855	88A-687.39	Vĩnh Phúc
856	88A-676.95	Vĩnh Phúc	1856	88A-684.22	Vĩnh Phúc	2856	86C-193.06	Bình Thuận	3856	88A-687.66	Vĩnh Phúc
857	88A-677.66	Vĩnh Phúc	1857	88A-687.15	Vĩnh Phúc	2857	86C-193.79	Bình Thuận	3857	88A-689.85	Vĩnh Phúc
858	88A-680.69	Vĩnh Phúc	1858	88A-690.16	Vĩnh Phúc	2858	88A-649.39	Vĩnh Phúc	3858	88A-691.16	Vĩnh Phúc
859	88A-682.18	Vĩnh Phúc	1859	88A-690.33	Vĩnh Phúc	2859	88A-651.39	Vĩnh Phúc	3859	88A-694.06	Vĩnh Phúc
860	88A-682.35	Vĩnh Phúc	1860	88A-691.58	Vĩnh Phúc	2860	88A-652.86	Vĩnh Phúc	3860	88A-695.99	Vĩnh Phúc
861	88A-682.96	Vĩnh Phúc	1861	88A-693.86	Vĩnh Phúc	2861	88A-653.86	Vĩnh Phúc	3861	88A-697.38	Vĩnh Phúc
862	88A-683.65	Vĩnh Phúc	1862	88A-695.29	Vĩnh Phúc	2862	88A-663.38	Vĩnh Phúc	3862	88A-698.15	Vĩnh Phúc
863	88A-684.00	Vĩnh Phúc	1863	88A-701.69	Vĩnh Phúc	2863	88A-667.22	Vĩnh Phúc	3863	88A-699.29	Vĩnh Phúc
864	88A-685.35	Vĩnh Phúc	1864	88A-702.55	Vĩnh Phúc	2864	88A-671.08	Vĩnh Phúc	3864	88A-699.77	Vĩnh Phúc
865	88A-686.08	Vĩnh Phúc	1865	88C-270.16	Vĩnh Phúc	2865	88A-672.33	Vĩnh Phúc	3865	88A-701.38	Vĩnh Phúc
866	88A-686.85	Vĩnh Phúc	1866	88C-273.73	Vĩnh Phúc	2866	88A-672.67	Vĩnh Phúc	3866	88A-701.88	Vĩnh Phúc
867	88A-689.09	Vĩnh Phúc	1867	88C-274.98	Vĩnh Phúc	2867	88A-673.65	Vĩnh Phúc	3867	88A-702.25	Vĩnh Phúc
868	88A-693.08	Vĩnh Phúc	1868	88C-276.35	Vĩnh Phúc	2868	88A-677.00	Vĩnh Phúc	3868	88C-272.79	Vĩnh Phúc
869	88A-693.16	Vĩnh Phúc	1869	88C-278.36	Vĩnh Phúc	2869	88A-683.09	Vĩnh Phúc	3869	88C-274.56	Vĩnh Phúc
870	88A-695.09	Vĩnh Phúc	1870	89A-443.66	Hưng Yên	2870	88A-684.15	Vĩnh Phúc	3870	88C-277.26	Vĩnh Phúc
871	88A-695.44	Vĩnh Phúc	1871	89A-446.16	Hưng Yên	2871	88A-684.85	Vĩnh Phúc	3871	88C-277.85	Vĩnh Phúc
872	88A-697.83	Vĩnh Phúc	1872	89A-448.98	Hưng Yên	2872	88A-687.98	Vĩnh Phúc	3872	88C-278.96	Vĩnh Phúc
873	88A-701.02	Vĩnh Phúc	1873	89A-449.26	Hưng Yên	2873	88A-688.77	Vĩnh Phúc	3873	89A-429.79	Hưng Yên
874	88A-701.19	Vĩnh Phúc	1874	89A-450.33	Hưng Yên	2874	88A-688.92	Vĩnh Phúc	3874	89A-430.88	Hưng Yên
875	88A-701.39	Vĩnh Phúc	1875	89A-454.29	Hưng Yên	2875	88A-689.39	Vĩnh Phúc	3875	89A-436.68	Hưng Yên
876	88C-271.71	Vĩnh Phúc	1876	89A-456.58	Hưng Yên	2876	88A-691.19	Vĩnh Phúc	3876	89A-439.36	Hưng Yên
877	88C-277.65	Vĩnh Phúc	1877	89A-461.83	Hưng Yên	2877	88A-693.11	Vĩnh Phúc	3877	89A-441.33	Hưng Yên
878	88C-278.25	Vĩnh Phúc	1878	89A-463.28	Hưng Yên	2878	88A-693.58	Vĩnh Phúc	3878	89A-445.39	Hưng Yên
879	88C-278.28	Vĩnh Phúc	1879	89C-314.68	Hưng Yên	2879	88A-695.11	Vĩnh Phúc	3879	89A-445.69	Hưng Yên
880	88C-278.39	Vĩnh Phúc	1880	89C-316.99	Hưng Yên	2880	88A-697.95	Vĩnh Phúc	3880	89A-445.89	Hưng Yên
881	88C-278.89	Vĩnh Phúc	1881	89C-321.38	Hưng Yên	2881	88A-699.33	Vĩnh Phúc	3881	89A-446.39	Hưng Yên
882	88C-279.92	Vĩnh Phúc	1882	89C-323.98	Hưng Yên	2882	88A-701.95	Vĩnh Phúc	3882	89A-447.26	Hưng Yên

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
883	89A-442.39	Hung Yên	1883	89C-324.55	Hung Yên	2883	88A-702.11	Vinh Phúc	3883	89A-447.59	Hung Yên
884	89A-443.38	Hung Yên	1884	89D-018.81	Hung Yên	2884	88A-702.29	Vinh Phúc	3884	89A-448.15	Hung Yên
885	89A-448.33	Hung Yên	1885	90A-237.66	Hà Nam	2885	88C-269.79	Vinh Phúc	3885	89A-449.16	Hung Yên
886	89A-449.19	Hung Yên	1886	90A-244.99	Hà Nam	2886	88C-274.08	Vinh Phúc	3886	89A-449.98	Hung Yên
887	89A-449.22	Hung Yên	1887	90A-247.36	Hà Nam	2887	88C-274.86	Vinh Phúc	3887	89A-452.26	Hung Yên
888	89A-449.33	Hung Yên	1888	90A-248.56	Hà Nam	2888	88C-275.99	Vinh Phúc	3888	89A-453.33	Hung Yên
889	89A-450.36	Hung Yên	1889	90A-250.15	Hà Nam	2889	88C-276.98	Vinh Phúc	3889	89A-453.55	Hung Yên
890	89A-453.89	Hung Yên	1890	90A-256.26	Hà Nam	2890	88C-278.69	Vinh Phúc	3890	89A-461.59	Hung Yên
891	89A-455.00	Hung Yên	1891	90A-258.09	Hà Nam	2891	88C-279.56	Vinh Phúc	3891	89A-461.77	Hung Yên
892	89A-457.98	Hung Yên	1892	90A-258.69	Hà Nam	2892	89A-439.58	Hung Yên	3892	89A-464.95	Hung Yên
893	89A-459.00	Hung Yên	1893	90C-137.73	Hà Nam	2893	89A-440.68	Hung Yên	3893	89A-465.11	Hung Yên
894	89A-459.77	Hung Yên	1894	92A-374.28	Quảng Nam	2894	89A-442.06	Hung Yên	3894	89A-465.16	Hung Yên
895	89A-460.59	Hung Yên	1895	92A-374.79	Quảng Nam	2895	89A-442.26	Hung Yên	3895	89A-465.44	Hung Yên
896	89A-461.29	Hung Yên	1896	92A-376.16	Quảng Nam	2896	89A-448.19	Hung Yên	3896	89A-465.88	Hung Yên
897	89A-461.96	Hung Yên	1897	92A-380.83	Quảng Nam	2897	89A-449.69	Hung Yên	3897	89A-466.15	Hung Yên
898	89A-462.99	Hung Yên	1898	92A-382.96	Quảng Nam	2898	89A-451.18	Hung Yên	3898	89A-466.85	Hung Yên
899	89A-463.66	Hung Yên	1899	92A-384.56	Quảng Nam	2899	89A-451.19	Hung Yên	3899	89C-308.89	Hung Yên
900	89A-465.38	Hung Yên	1900	92A-384.95	Quảng Nam	2900	89A-451.88	Hung Yên	3900	89C-319.55	Hung Yên
901	89A-466.59	Hung Yên	1901	92A-385.98	Quảng Nam	2901	89A-454.54	Hung Yên	3901	89C-319.93	Hung Yên
902	89C-316.69	Hung Yên	1902	92A-386.26	Quảng Nam	2902	89A-455.96	Hung Yên	3902	89C-322.15	Hung Yên
903	89C-318.86	Hung Yên	1903	92A-386.87	Quảng Nam	2903	89A-456.26	Hung Yên	3903	89C-322.35	Hung Yên
904	89C-319.68	Hung Yên	1904	92A-386.95	Quảng Nam	2904	89A-459.39	Hung Yên	3904	89C-322.59	Hung Yên
905	89C-321.77	Hung Yên	1905	92A-387.22	Quảng Nam	2905	89A-459.88	Hung Yên	3905	89C-324.26	Hung Yên
906	89C-322.26	Hung Yên	1906	92A-387.33	Quảng Nam	2906	89A-462.69	Hung Yên	3906	90A-252.19	Hà Nam
907	89C-323.25	Hung Yên	1907	92A-388.85	Quảng Nam	2907	89A-463.59	Hung Yên	3907	90A-253.16	Hà Nam
908	89C-324.95	Hung Yên	1908	92A-389.86	Quảng Nam	2908	89A-463.98	Hung Yên	3908	90A-253.33	Hà Nam
909	90A-250.05	Hà Nam	1909	92A-390.36	Quảng Nam	2909	89A-465.85	Hung Yên	3909	90A-253.99	Hà Nam
910	90A-252.55	Hà Nam	1910	92A-390.77	Quảng Nam	2910	89C-315.99	Hung Yên	3910	90A-254.92	Hà Nam
911	90A-252.98	Hà Nam	1911	92A-390.91	Quảng Nam	2911	89C-319.86	Hung Yên	3911	90A-256.33	Hà Nam
912	90A-254.16	Hà Nam	1912	92A-391.26	Quảng Nam	2912	89C-321.26	Hung Yên	3912	92A-377.22	Quảng Nam
913	90A-255.16	Hà Nam	1913	92A-393.85	Quảng Nam	2913	89C-324.19	Hung Yên	3913	92A-378.08	Quảng Nam
914	90A-256.08	Hà Nam	1914	92A-395.36	Quảng Nam	2914	89C-325.25	Hung Yên	3914	92A-378.11	Quảng Nam
915	90A-258.06	Hà Nam	1915	92A-395.39	Quảng Nam	2915	89D-018.86	Hung Yên	3915	92A-379.58	Quảng Nam
916	90A-258.19	Hà Nam	1916	92A-395.79	Quảng Nam	2916	90A-233.77	Hà Nam	3916	92A-379.63	Quảng Nam
917	90A-259.69	Hà Nam	1917	92C-234.36	Quảng Nam	2917	90A-235.35	Hà Nam	3917	92A-382.29	Quảng Nam
918	90C-137.79	Hà Nam	1918	92C-235.06	Quảng Nam	2918	90A-238.66	Hà Nam	3918	92A-382.33	Quảng Nam
919	92A-374.68	Quảng Nam	1919	92C-235.22	Quảng Nam	2919	90A-245.68	Hà Nam	3919	92A-382.86	Quảng Nam
920	92A-375.16	Quảng Nam	1920	92C-236.32	Quảng Nam	2920	90A-249.19	Hà Nam	3920	92A-383.29	Quảng Nam
921	92A-377.33	Quảng Nam	1921	92C-236.56	Quảng Nam	2921	90A-252.77	Hà Nam	3921	92A-383.84	Quảng Nam
922	92A-378.69	Quảng Nam	1922	92C-237.37	Quảng Nam	2922	90A-252.88	Hà Nam	3922	92A-386.44	Quảng Nam
923	92A-381.56	Quảng Nam	1923	93A-439.93	Bình Phước	2923	90A-253.25	Hà Nam	3923	92A-387.89	Quảng Nam
924	92A-381.69	Quảng Nam	1924	93A-444.42	Bình Phước	2924	90A-254.06	Hà Nam	3924	92A-391.39	Quảng Nam
925	92A-382.38	Quảng Nam	1925	93A-444.98	Bình Phước	2925	90D-006.38	Hà Nam	3925	92A-392.55	Quảng Nam
926	92A-382.44	Quảng Nam	1926	93A-445.06	Bình Phước	2926	92A-374.26	Quảng Nam	3926	92A-395.19	Quảng Nam
927	92A-384.25	Quảng Nam	1927	93A-446.95	Bình Phước	2927	92A-374.59	Quảng Nam	3927	92B-031.13	Quảng Nam
928	92A-389.16	Quảng Nam	1928	93A-450.77	Bình Phước	2928	92A-375.88	Quảng Nam	3928	92C-233.58	Quảng Nam
929	92A-389.96	Quảng Nam	1929	93A-451.18	Bình Phước	2929	92A-377.78	Quảng Nam	3929	92C-235.56	Quảng Nam
930	92A-391.38	Quảng Nam	1930	93A-452.06	Bình Phước	2930	92A-379.00	Quảng Nam	3930	92C-238.18	Quảng Nam
931	92A-394.22	Quảng Nam	1931	93A-452.83	Bình Phước	2931	92A-381.59	Quảng Nam	3931	92C-238.83	Quảng Nam
932	92A-395.33	Quảng Nam	1932	93A-453.26	Bình Phước	2932	92A-386.09	Quảng Nam	3932	92C-239.26	Quảng Nam
933	92C-233.32	Quảng Nam	1933	93A-456.28	Bình Phước	2933	92A-387.79	Quảng Nam	3933	92C-239.32	Quảng Nam
934	92C-234.55	Quảng Nam	1934	93A-456.85	Bình Phước	2934	92A-387.96	Quảng Nam	3934	93A-438.18	Bình Phước
935	92C-239.38	Quảng Nam	1935	93A-457.99	Bình Phước	2935	92A-394.77	Quảng Nam	3935	93A-439.58	Bình Phước
936	93A-442.42	Bình Phước	1936	93A-458.58	Bình Phước	2936	92A-394.85	Quảng Nam	3936	93A-440.06	Bình Phước
937	93A-443.29	Bình Phước	1937	93A-459.56	Bình Phước	2937	92C-233.29	Quảng Nam	3937	93A-440.79	Bình Phước
938	93A-444.69	Bình Phước	1938	93A-459.89	Bình Phước	2938	92C-236.28	Quảng Nam	3938	93A-441.35	Bình Phước
939	93A-445.38	Bình Phước	1939	93A-460.19	Bình Phước	2939	92C-237.83	Quảng Nam	3939	93A-441.79	Bình Phước
940	93A-447.83	Bình Phước	1940	93C-180.86	Bình Phước	2940	92C-239.33	Quảng Nam	3940	93A-443.85	Bình Phước
941	93A-450.28	Bình Phước	1941	93C-181.44	Bình Phước	2941	93A-438.55	Bình Phước	3941	93A-444.22	Bình Phước

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
942	93A-450.96	Bình Phước	942	93C-182.77	Bình Phước	2942	93A-439.08	Bình Phước	3942	93A-444.77	Bình Phước
943	93A-454.55	Bình Phước	943	93C-183.18	Bình Phước	2943	93A-440.19	Bình Phước	3943	93A-445.35	Bình Phước
944	93A-455.35	Bình Phước	944	93C-183.66	Bình Phước	2944	93A-440.86	Bình Phước	3944	93A-447.79	Bình Phước
945	93A-457.58	Bình Phước	945	93C-183.89	Bình Phước	2945	93A-444.96	Bình Phước	3945	93A-450.00	Bình Phước
946	93A-457.77	Bình Phước	946	98A-730.25	Bắc Giang	2946	93A-447.68	Bình Phước	3946	93A-451.66	Bình Phước
947	93A-458.09	Bình Phước	947	98A-730.38	Bắc Giang	2947	93A-449.89	Bình Phước	3947	93A-452.56	Bình Phước
948	93A-459.00	Bình Phước	948	98A-733.95	Bắc Giang	2948	93A-450.98	Bình Phước	3948	93A-453.33	Bình Phước
949	93C-179.18	Bình Phước	949	98A-735.35	Bắc Giang	2949	93A-454.11	Bình Phước	3949	93A-456.58	Bình Phước
950	93C-179.35	Bình Phước	950	98A-735.37	Bắc Giang	2950	93A-457.79	Bình Phước	3950	93A-459.38	Bình Phước
951	93C-179.56	Bình Phước	951	98A-737.69	Bắc Giang	2951	93A-458.22	Bình Phước	3951	93A-459.66	Bình Phước
952	98A-729.59	Bắc Giang	952	98A-738.15	Bắc Giang	2952	93A-459.19	Bình Phước	3952	93A-459.77	Bình Phước
953	98A-730.31	Bắc Giang	953	98C-326.36	Bắc Giang	2953	93C-180.36	Bình Phước	3953	93C-180.18	Bình Phước
954	98A-730.68	Bắc Giang	954	98C-326.38	Bắc Giang	2954	93C-180.98	Bình Phước	3954	93C-183.00	Bình Phước
955	98A-731.08	Bắc Giang	955	98C-333.23	Bắc Giang	2955	93C-182.16	Bình Phước	3955	93C-183.56	Bình Phước
956	98A-732.23	Bắc Giang	956	98C-333.95	Bắc Giang	2956	93C-184.06	Bình Phước	3956	98A-735.28	Bắc Giang
957	98A-733.56	Bắc Giang	957	98C-334.34	Bắc Giang	2957	98A-730.33	Bắc Giang	3957	98A-736.00	Bắc Giang
958	98A-735.55	Bắc Giang	958	98C-334.36	Bắc Giang	2958	98A-730.85	Bắc Giang	3958	98A-737.19	Bắc Giang
959	98A-735.98	Bắc Giang	959	99A-687.77	Bắc Ninh	2959	98A-733.83	Bắc Giang	3959	98C-323.32	Bắc Giang
960	98A-736.16	Bắc Giang	960	99A-694.66	Bắc Ninh	2960	98A-734.85	Bắc Giang	3960	98C-326.69	Bắc Giang
961	98A-737.26	Bắc Giang	961	99A-715.88	Bắc Ninh	2961	98A-735.06	Bắc Giang	3961	98C-327.77	Bắc Giang
962	98A-737.33	Bắc Giang	962	99A-719.91	Bắc Ninh	2962	98C-332.56	Bắc Giang	3962	98C-330.33	Bắc Giang
963	98A-738.16	Bắc Giang	963	99A-725.66	Bắc Ninh	2963	99A-700.66	Bắc Ninh	3963	98C-331.85	Bắc Giang
964	98A-738.18	Bắc Giang	964	99A-729.95	Bắc Ninh	2964	99A-700.79	Bắc Ninh	3964	98C-332.86	Bắc Giang
965	98C-324.44	Bắc Giang	965	99A-730.26	Bắc Ninh	2965	99A-700.88	Bắc Ninh	3965	98C-335.16	Bắc Giang
966	98C-326.66	Bắc Giang	966	99A-730.96	Bắc Ninh	2966	99A-707.77	Bắc Ninh	3966	99A-692.66	Bắc Ninh
967	98C-331.79	Bắc Giang	967	99A-732.73	Bắc Ninh	2967	99A-711.79	Bắc Ninh	3967	99A-706.39	Bắc Ninh
968	98C-332.88	Bắc Giang	968	99A-732.95	Bắc Ninh	2968	99A-714.66	Bắc Ninh	3968	99A-712.79	Bắc Ninh
969	99A-694.44	Bắc Ninh	969	99A-733.09	Bắc Ninh	2969	99A-723.38	Bắc Ninh	3969	99A-719.88	Bắc Ninh
970	99A-697.66	Bắc Ninh	970	99A-733.16	Bắc Ninh	2970	99A-726.36	Bắc Ninh	3970	99A-720.00	Bắc Ninh
971	99A-720.08	Bắc Ninh	971	99A-733.28	Bắc Ninh	2971	99A-728.08	Bắc Ninh	3971	99A-723.69	Bắc Ninh
972	99A-720.66	Bắc Ninh	972	99A-734.38	Bắc Ninh	2972	99A-728.38	Bắc Ninh	3972	99A-725.22	Bắc Ninh
973	99A-722.59	Bắc Ninh	973	99A-736.29	Bắc Ninh	2973	99A-732.83	Bắc Ninh	3973	99A-733.25	Bắc Ninh
974	99A-727.66	Bắc Ninh	974	99A-739.38	Bắc Ninh	2974	99A-740.98	Bắc Ninh	3974	99A-735.99	Bắc Ninh
975	99A-730.79	Bắc Ninh	975	99A-740.38	Bắc Ninh	2975	99A-742.36	Bắc Ninh	3975	99A-736.96	Bắc Ninh
976	99A-733.06	Bắc Ninh	976	99A-741.15	Bắc Ninh	2976	99A-743.68	Bắc Ninh	3976	99A-737.25	Bắc Ninh
977	99A-734.39	Bắc Ninh	977	99A-741.58	Bắc Ninh	2977	99A-745.06	Bắc Ninh	3977	99A-741.16	Bắc Ninh
978	99A-735.67	Bắc Ninh	978	99A-741.95	Bắc Ninh	2978	99A-747.55	Bắc Ninh	3978	99A-742.06	Bắc Ninh
979	99A-739.68	Bắc Ninh	979	99A-745.88	Bắc Ninh	2979	99A-754.83	Bắc Ninh	3979	99A-743.36	Bắc Ninh
980	99A-741.28	Bắc Ninh	980	99A-746.18	Bắc Ninh	2980	99A-755.85	Bắc Ninh	3980	99A-744.59	Bắc Ninh
981	99A-743.43	Bắc Ninh	981	99A-748.00	Bắc Ninh	2981	99A-756.99	Bắc Ninh	3981	99A-744.79	Bắc Ninh
982	99A-743.58	Bắc Ninh	982	99A-748.09	Bắc Ninh	2982	99A-758.59	Bắc Ninh	3982	99A-745.89	Bắc Ninh
983	99A-743.95	Bắc Ninh	983	99A-748.85	Bắc Ninh	2983	99A-759.69	Bắc Ninh	3983	99A-746.99	Bắc Ninh
984	99A-745.36	Bắc Ninh	984	99A-749.35	Bắc Ninh	2984	99A-760.00	Bắc Ninh	3984	99A-747.08	Bắc Ninh
985	99A-746.00	Bắc Ninh	985	99A-749.59	Bắc Ninh	2985	99A-760.15	Bắc Ninh	3985	99A-747.58	Bắc Ninh
986	99A-746.29	Bắc Ninh	986	99A-749.94	Bắc Ninh	2986	99A-760.69	Bắc Ninh	3986	99A-747.89	Bắc Ninh
987	99A-750.22	Bắc Ninh	987	99A-750.38	Bắc Ninh	2987	99A-760.99	Bắc Ninh	3987	99A-748.15	Bắc Ninh
988	99A-752.36	Bắc Ninh	988	99A-753.44	Bắc Ninh	2988	99A-761.19	Bắc Ninh	3988	99A-748.47	Bắc Ninh
989	99A-756.33	Bắc Ninh	989	99A-755.35	Bắc Ninh	2989	99A-762.26	Bắc Ninh	3989	99A-749.86	Bắc Ninh
990	99A-758.26	Bắc Ninh	990	99A-755.36	Bắc Ninh	2990	99A-762.99	Bắc Ninh	3990	99A-750.75	Bắc Ninh
991	99A-758.38	Bắc Ninh	991	99A-760.29	Bắc Ninh	2991	99A-764.96	Bắc Ninh	3991	99A-752.25	Bắc Ninh
992	99A-760.55	Bắc Ninh	992	99A-760.96	Bắc Ninh	2992	99A-765.88	Bắc Ninh	3992	99A-759.22	Bắc Ninh
993	99A-760.76	Bắc Ninh	993	99A-761.00	Bắc Ninh	2993	99A-766.22	Bắc Ninh	3993	99A-759.95	Bắc Ninh
994	99A-761.56	Bắc Ninh	994	99A-767.08	Bắc Ninh	2994	99A-766.28	Bắc Ninh	3994	99A-761.62	Bắc Ninh
995	99A-763.06	Bắc Ninh	995	99C-303.19	Bắc Ninh	2995	99C-302.86	Bắc Ninh	3995	99A-762.69	Bắc Ninh
996	99A-764.95	Bắc Ninh	996	99C-303.30	Bắc Ninh	2996	99C-303.39	Bắc Ninh	3996	99A-767.15	Bắc Ninh
997	99A-765.00	Bắc Ninh	997	99C-305.18	Bắc Ninh	2997	99C-303.95	Bắc Ninh	3997	99A-767.29	Bắc Ninh
998	99A-766.59	Bắc Ninh	998	99C-306.30	Bắc Ninh	2998	99C-304.77	Bắc Ninh	3998	99C-307.00	Bắc Ninh
999	99C-302.58	Bắc Ninh	999	99C-306.95	Bắc Ninh	2999	99C-306.44	Bắc Ninh	3999	99C-308.38	Bắc Ninh
1000	99C-307.70	Bắc Ninh	2000	99C-307.58	Bắc Ninh	3000	99C-307.96	Bắc Ninh	4000	99C-308.89	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4001	30K-555.35	Hà Nội	5001	38A-556.78	Hà Tĩnh	6001	30K-404.88	Hà Nội			
4002	30K-409.88	Hà Nội	5002	30K-401.66	Hà Nội	6002	30K-404.99	Hà Nội			
4003	30K-410.89	Hà Nội	5003	30K-402.89	Hà Nội	6003	30K-417.17	Hà Nội			
4004	30K-417.89	Hà Nội	5004	30K-405.68	Hà Nội	6004	30K-428.99	Hà Nội			
4005	30K-419.39	Hà Nội	5005	30K-411.22	Hà Nội	6005	30K-429.79	Hà Nội			
4006	30K-421.88	Hà Nội	5006	30K-411.89	Hà Nội	6006	30K-430.79	Hà Nội			
4007	30K-422.55	Hà Nội	5007	30K-412.99	Hà Nội	6007	30K-430.99	Hà Nội			
4008	30K-422.89	Hà Nội	5008	30K-413.88	Hà Nội	6008	30K-435.79	Hà Nội			
4009	30K-437.88	Hà Nội	5009	30K-417.88	Hà Nội	6009	30K-437.66	Hà Nội			
4010	30K-440.66	Hà Nội	5010	30K-417.99	Hà Nội	6010	30K-438.66	Hà Nội			
4011	30K-442.39	Hà Nội	5011	30K-423.88	Hà Nội	6011	30K-441.66	Hà Nội			
4012	30K-442.68	Hà Nội	5012	30K-426.79	Hà Nội	6012	30K-442.99	Hà Nội			
4013	30K-443.89	Hà Nội	5013	30K-433.79	Hà Nội	6013	30K-450.66	Hà Nội			
4014	30K-445.39	Hà Nội	5014	30K-434.79	Hà Nội	6014	30K-450.99	Hà Nội			
4015	30K-448.39	Hà Nội	5015	30K-437.68	Hà Nội	6015	30K-452.66	Hà Nội			
4016	30K-448.66	Hà Nội	5016	30K-441.68	Hà Nội	6016	30K-460.39	Hà Nội			
4017	30K-448.99	Hà Nội	5017	30K-444.77	Hà Nội	6017	30K-472.66	Hà Nội			
4018	30K-454.79	Hà Nội	5018	30K-451.79	Hà Nội	6018	30K-473.68	Hà Nội			
4019	30K-459.39	Hà Nội	5019	30K-458.39	Hà Nội	6019	30K-484.39	Hà Nội			
4020	30K-459.66	Hà Nội	5020	30K-460.68	Hà Nội	6020	30K-484.99	Hà Nội			
4021	30K-461.66	Hà Nội	5021	30K-471.68	Hà Nội	6021	30K-492.39	Hà Nội			
4022	30K-461.88	Hà Nội	5022	30K-476.88	Hà Nội	6022	30K-496.39	Hà Nội			
4023	30K-464.88	Hà Nội	5023	30K-483.99	Hà Nội	6023	30K-498.39	Hà Nội			
4024	30K-467.79	Hà Nội	5024	30K-489.68	Hà Nội	6024	30K-500.11	Hà Nội			
4025	30K-468.39	Hà Nội	5025	30K-493.39	Hà Nội	6025	30K-500.44	Hà Nội			
4026	30K-470.88	Hà Nội	5026	30K-494.39	Hà Nội	6026	30K-503.03	Hà Nội			
4027	30K-485.39	Hà Nội	5027	30K-496.68	Hà Nội	6027	30K-503.86	Hà Nội			
4028	30K-497.68	Hà Nội	5028	30K-497.66	Hà Nội	6028	30K-511.44	Hà Nội			
4029	30K-502.39	Hà Nội	5029	30K-507.69	Hà Nội	6029	30K-514.88	Hà Nội			
4030	30K-502.69	Hà Nội	5030	30K-517.69	Hà Nội	6030	30K-517.86	Hà Nội			
4031	30K-503.88	Hà Nội	5031	30K-524.24	Hà Nội	6031	30K-524.99	Hà Nội			
4032	30K-522.77	Hà Nội	5032	30K-547.86	Hà Nội	6032	30K-530.68	Hà Nội			
4033	30K-531.39	Hà Nội	5033	30K-557.39	Hà Nội	6033	30K-543.79	Hà Nội			
4034	30K-540.88	Hà Nội	5034	30K-560.00	Hà Nội	6034	30K-543.99	Hà Nội			
4035	30K-547.47	Hà Nội	5035	30K-564.66	Hà Nội	6035	30K-549.68	Hà Nội			
4036	30K-570.88	Hà Nội	5036	30K-564.86	Hà Nội	6036	30K-590.00	Hà Nội			
4037	30K-572.69	Hà Nội	5037	30K-570.79	Hà Nội	6037	30K-597.69	Hà Nội			
4038	30K-601.69	Hà Nội	5038	30K-572.66	Hà Nội	6038	30K-604.44	Hà Nội			
4039	30K-608.39	Hà Nội	5039	30K-572.89	Hà Nội	6039	30K-607.66	Hà Nội			
4040	30K-614.66	Hà Nội	5040	30K-574.86	Hà Nội	6040	30K-614.68	Hà Nội			
4041	30K-703.99	Hà Nội	5041	30K-584.89	Hà Nội	6041	30K-620.00	Hà Nội			
4042	30K-705.88	Hà Nội	5042	30K-603.39	Hà Nội	6042	30K-702.86	Hà Nội			
4043	30K-725.89	Hà Nội	5043	30K-605.39	Hà Nội	6043	30K-726.86	Hà Nội			
4044	30K-731.89	Hà Nội	5044	30K-702.88	Hà Nội	6044	30K-753.99	Hà Nội			
4045	30K-732.32	Hà Nội	5045	30K-727.72	Hà Nội	6045	30K-756.65	Hà Nội			
4046	30K-733.69	Hà Nội	5046	30K-727.88	Hà Nội	6046	30K-769.89	Hà Nội			
4047	30K-784.84	Hà Nội	5047	30K-741.39	Hà Nội	6047	30L-019.20	Hà Nội			
4048	30L-053.86	Hà Nội	5048	30K-741.86	Hà Nội	6048	30L-019.31	Hà Nội			
4049	30L-056.77	Hà Nội	5049	30L-019.53	Hà Nội	6049	30L-019.51	Hà Nội			
4050	30L-057.25	Hà Nội	5050	30L-069.93	Hà Nội	6050	30L-057.19	Hà Nội			
4051	30L-079.96	Hà Nội	5051	30L-081.36	Hà Nội	6051	30L-057.39	Hà Nội			
4052	30L-080.86	Hà Nội	5052	30L-082.59	Hà Nội	6052	30L-068.35	Hà Nội			
4053	30L-095.69	Hà Nội	5053	30L-094.35	Hà Nội	6053	30L-068.82	Hà Nội			
4054	30L-095.96	Hà Nội	5054	30L-095.08	Hà Nội	6054	30L-069.36	Hà Nội			
4055	30L-096.88	Hà Nội	5055	30L-096.77	Hà Nội	6055	30L-081.69	Hà Nội			
4056	30L-099.15	Hà Nội	5056	30L-098.38	Hà Nội	6056	30L-082.19	Hà Nội			
4057	30L-102.77	Hà Nội	5057	30L-098.86	Hà Nội	6057	30L-096.44	Hà Nội			
4058	30L-103.28	Hà Nội	5058	30L-100.83	Hà Nội	6058	30L-100.77	Hà Nội			
4059	30L-104.09	Hà Nội	5059	30L-112.69	Hà Nội	6059	30L-101.02	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4060	30L-105.29	Hà Nội	5060	30L-113.14	Hà Nội	6060	30L-103.79	Hà Nội			
4061	30L-106.28	Hà Nội	5061	30L-114.11	Hà Nội	6061	30L-104.04	Hà Nội			
4062	30L-108.77	Hà Nội	5062	30L-116.22	Hà Nội	6062	30L-105.85	Hà Nội			
4063	30L-109.16	Hà Nội	5063	30L-116.29	Hà Nội	6063	30L-107.16	Hà Nội			
4064	30L-110.36	Hà Nội	5064	30L-116.98	Hà Nội	6064	30L-107.96	Hà Nội			
4065	30L-111.69	Hà Nội	5065	30L-117.96	Hà Nội	6065	30L-109.00	Hà Nội			
4066	30L-114.14	Hà Nội	5066	51K-748.48	Hồ Chí Minh	6066	30L-110.25	Hà Nội			
4067	30L-114.56	Hà Nội	5067	51K-754.68	Hồ Chí Minh	6067	30L-111.65	Hà Nội			
4068	30L-116.28	Hà Nội	5068	51K-754.88	Hồ Chí Minh	6068	30L-114.22	Hà Nội			
4069	30L-117.35	Hà Nội	5069	51K-755.39	Hồ Chí Minh	6069	30L-114.26	Hà Nội			
4070	30L-119.59	Hà Nội	5070	51K-756.89	Hồ Chí Minh	6070	30L-117.06	Hà Nội			
4071	30L-120.08	Hà Nội	5071	51K-761.79	Hồ Chí Minh	6071	30L-117.15	Hà Nội			
4072	51K-742.99	Hồ Chí Minh	5072	51K-761.89	Hồ Chí Minh	6072	30L-119.28	Hà Nội			
4073	51K-745.89	Hồ Chí Minh	5073	51K-763.89	Hồ Chí Minh	6073	51K-742.66	Hồ Chí Minh			
4074	51K-749.79	Hồ Chí Minh	5074	51K-771.88	Hồ Chí Minh	6074	51K-743.89	Hồ Chí Minh			
4075	51K-752.39	Hồ Chí Minh	5075	51K-774.39	Hồ Chí Minh	6075	51K-744.79	Hồ Chí Minh			
4076	51K-753.66	Hồ Chí Minh	5076	51K-776.99	Hồ Chí Minh	6076	51K-754.39	Hồ Chí Minh			
4077	51K-754.89	Hồ Chí Minh	5077	51K-781.99	Hồ Chí Minh	6077	51K-756.99	Hồ Chí Minh			
4078	51K-754.99	Hồ Chí Minh	5078	51K-782.99	Hồ Chí Minh	6078	51K-765.99	Hồ Chí Minh			
4079	51K-759.66	Hồ Chí Minh	5079	51K-783.39	Hồ Chí Minh	6079	51K-773.68	Hồ Chí Minh			
4080	51K-761.39	Hồ Chí Minh	5080	51K-785.79	Hồ Chí Minh	6080	51K-773.79	Hồ Chí Minh			
4081	51K-771.39	Hồ Chí Minh	5081	51K-796.39	Hồ Chí Minh	6081	51K-774.99	Hồ Chí Minh			
4082	51K-772.39	Hồ Chí Minh	5082	51K-798.39	Hồ Chí Minh	6082	51K-775.39	Hồ Chí Minh			
4083	51K-774.68	Hồ Chí Minh	5083	51K-801.39	Hồ Chí Minh	6083	51K-780.99	Hồ Chí Minh			
4084	51K-791.89	Hồ Chí Minh	5084	51K-805.05	Hồ Chí Minh	6084	51K-784.79	Hồ Chí Minh			
4085	51K-792.89	Hồ Chí Minh	5085	51K-811.77	Hồ Chí Minh	6085	51K-784.88	Hồ Chí Minh			
4086	51K-794.66	Hồ Chí Minh	5086	51K-817.39	Hồ Chí Minh	6086	51K-784.99	Hồ Chí Minh			
4087	51K-795.88	Hồ Chí Minh	5087	51K-821.66	Hồ Chí Minh	6087	51K-800.89	Hồ Chí Minh			
4088	51K-805.66	Hồ Chí Minh	5088	51K-825.89	Hồ Chí Minh	6088	51K-804.39	Hồ Chí Minh			
4089	51K-811.44	Hồ Chí Minh	5089	51K-827.66	Hồ Chí Minh	6089	51K-804.99	Hồ Chí Minh			
4090	51K-811.89	Hồ Chí Minh	5090	51K-830.39	Hồ Chí Minh	6090	51K-811.33	Hồ Chí Minh			
4091	51K-821.88	Hồ Chí Minh	5091	51K-840.66	Hồ Chí Minh	6091	51K-824.79	Hồ Chí Minh			
4092	51K-826.39	Hồ Chí Minh	5092	51K-842.66	Hồ Chí Minh	6092	51K-826.89	Hồ Chí Minh			
4093	51K-834.99	Hồ Chí Minh	5093	51K-842.68	Hồ Chí Minh	6093	51K-841.11	Hồ Chí Minh			
4094	51K-840.69	Hồ Chí Minh	5094	51K-843.39	Hồ Chí Minh	6094	51K-849.79	Hồ Chí Minh			
4095	51K-844.79	Hồ Chí Minh	5095	51K-844.86	Hồ Chí Minh	6095	51K-858.66	Hồ Chí Minh			
4096	51K-845.66	Hồ Chí Minh	5096	51K-851.11	Hồ Chí Minh	6096	51K-873.39	Hồ Chí Minh			
4097	51K-845.79	Hồ Chí Minh	5097	51K-852.68	Hồ Chí Minh	6097	51K-873.66	Hồ Chí Minh			
4098	51K-846.68	Hồ Chí Minh	5098	51K-853.69	Hồ Chí Minh	6098	51K-892.39	Hồ Chí Minh			
4099	51K-847.69	Hồ Chí Minh	5099	51K-857.99	Hồ Chí Minh	6099	51K-894.88	Hồ Chí Minh			
4100	51K-852.66	Hồ Chí Minh	5100	51K-861.89	Hồ Chí Minh	6100	51K-902.79	Hồ Chí Minh			
4101	51K-854.69	Hồ Chí Minh	5101	51K-867.88	Hồ Chí Minh	6101	51K-913.86	Hồ Chí Minh			
4102	51K-860.39	Hồ Chí Minh	5102	51K-871.11	Hồ Chí Minh	6102	51K-913.88	Hồ Chí Minh			
4103	51K-860.99	Hồ Chí Minh	5103	51K-871.69	Hồ Chí Minh	6103	51K-915.15	Hồ Chí Minh			
4104	51K-864.66	Hồ Chí Minh	5104	51K-875.89	Hồ Chí Minh	6104	51K-915.69	Hồ Chí Minh			
4105	51K-864.86	Hồ Chí Minh	5105	51K-892.68	Hồ Chí Minh	6105	51K-917.86	Hồ Chí Minh			
4106	51K-865.69	Hồ Chí Minh	5106	51K-895.66	Hồ Chí Minh	6106	51K-917.88	Hồ Chí Minh			
4107	51K-867.69	Hồ Chí Minh	5107	51K-895.69	Hồ Chí Minh	6107	51K-921.69	Hồ Chí Minh			
4108	51K-871.39	Hồ Chí Minh	5108	51K-901.11	Hồ Chí Minh	6108	51K-921.89	Hồ Chí Minh			
4109	51K-877.86	Hồ Chí Minh	5109	51K-903.89	Hồ Chí Minh	6109	51K-928.69	Hồ Chí Minh			
4110	51K-882.69	Hồ Chí Minh	5110	51K-904.86	Hồ Chí Minh	6110	51K-932.79	Hồ Chí Minh			
4111	51K-891.39	Hồ Chí Minh	5111	51K-910.66	Hồ Chí Minh	6111	51K-932.86	Hồ Chí Minh			
4112	51K-902.66	Hồ Chí Minh	5112	51K-910.88	Hồ Chí Minh	6112	51K-940.68	Hồ Chí Minh			
4113	51K-905.86	Hồ Chí Minh	5113	51K-913.39	Hồ Chí Minh	6113	51K-940.69	Hồ Chí Minh			
4114	51K-906.69	Hồ Chí Minh	5114	51K-917.17	Hồ Chí Minh	6114	51K-941.99	Hồ Chí Minh			
4115	51K-906.99	Hồ Chí Minh	5115	51K-920.88	Hồ Chí Minh	6115	51K-944.66	Hồ Chí Minh			
4116	51K-908.69	Hồ Chí Minh	5116	51K-921.11	Hồ Chí Minh	6116	51K-946.88	Hồ Chí Minh			
4117	51K-908.89	Hồ Chí Minh	5117	51K-923.66	Hồ Chí Minh	6117	51K-960.79	Hồ Chí Minh			
4118	51K-920.89	Hồ Chí Minh	5118	51K-926.39	Hồ Chí Minh	6118	51K-963.86	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4119	51K-927.66	Hồ Chí Minh	5119	51K-934.79	Hồ Chí Minh	6119	51K-971.89	Hồ Chí Minh			
4120	51K-928.66	Hồ Chí Minh	5120	51K-941.89	Hồ Chí Minh	6120	51K-973.33	Hồ Chí Minh			
4121	51K-934.66	Hồ Chí Minh	5121	51K-949.86	Hồ Chí Minh	6121	51K-976.39	Hồ Chí Minh			
4122	51K-941.11	Hồ Chí Minh	5122	51K-953.69	Hồ Chí Minh	6122	51L-239.95	Hồ Chí Minh			
4123	51K-941.66	Hồ Chí Minh	5123	51K-953.89	Hồ Chí Minh	6123	51L-242.43	Hồ Chí Minh			
4124	51K-941.88	Hồ Chí Minh	5124	51K-962.69	Hồ Chí Minh	6124	51L-243.35	Hồ Chí Minh			
4125	51K-946.68	Hồ Chí Minh	5125	51K-972.66	Hồ Chí Minh	6125	51L-245.46	Hồ Chí Minh			
4126	51K-947.66	Hồ Chí Minh	5126	51K-975.39	Hồ Chí Minh	6126	51L-246.35	Hồ Chí Minh			
4127	51K-948.48	Hồ Chí Minh	5127	51K-975.66	Hồ Chí Minh	6127	51L-249.11	Hồ Chí Minh			
4128	51K-951.88	Hồ Chí Minh	5128	51L-245.16	Hồ Chí Minh	6128	51L-250.68	Hồ Chí Minh			
4129	51K-956.88	Hồ Chí Minh	5129	51L-247.65	Hồ Chí Minh	6129	51L-252.29	Hồ Chí Minh			
4130	51K-959.66	Hồ Chí Minh	5130	51L-251.19	Hồ Chí Minh	6130	51L-257.15	Hồ Chí Minh			
4131	51K-960.99	Hồ Chí Minh	5131	51L-255.33	Hồ Chí Minh	6131	51L-257.29	Hồ Chí Minh			
4132	51K-961.66	Hồ Chí Minh	5132	51L-256.11	Hồ Chí Minh	6132	51L-261.15	Hồ Chí Minh			
4133	51K-963.39	Hồ Chí Minh	5133	51L-256.19	Hồ Chí Minh	6133	51L-262.39	Hồ Chí Minh			
4134	51K-973.68	Hồ Chí Minh	5134	51L-257.44	Hồ Chí Minh	6134	51L-263.22	Hồ Chí Minh			
4135	51K-977.69	Hồ Chí Minh	5135	51L-259.11	Hồ Chí Minh	6135	51L-267.16	Hồ Chí Minh			
4136	51L-241.89	Hồ Chí Minh	5136	51L-261.11	Hồ Chí Minh	6136	51L-267.62	Hồ Chí Minh			
4137	51L-243.98	Hồ Chí Minh	5137	51L-261.69	Hồ Chí Minh	6137	51L-267.83	Hồ Chí Minh			
4138	51L-244.15	Hồ Chí Minh	5138	51L-263.08	Hồ Chí Minh	6138	51L-269.85	Hồ Chí Minh			
4139	51L-244.89	Hồ Chí Minh	5139	51L-263.96	Hồ Chí Minh	6139	51L-270.58	Hồ Chí Minh			
4140	51L-249.65	Hồ Chí Minh	5140	51L-264.15	Hồ Chí Minh	6140	51L-271.26	Hồ Chí Minh			
4141	51L-250.95	Hồ Chí Minh	5141	51L-265.38	Hồ Chí Minh	6141	51L-273.99	Hồ Chí Minh			
4142	51L-250.99	Hồ Chí Minh	5142	51L-267.55	Hồ Chí Minh	6142	51L-274.99	Hồ Chí Minh			
4143	51L-251.95	Hồ Chí Minh	5143	51L-270.95	Hồ Chí Minh	6143	51L-275.06	Hồ Chí Minh			
4144	51L-252.58	Hồ Chí Minh	5144	51L-272.16	Hồ Chí Minh	6144	51L-275.57	Hồ Chí Minh			
4145	51L-255.09	Hồ Chí Minh	5145	51L-273.28	Hồ Chí Minh	6145	51L-279.25	Hồ Chí Minh			
4146	51L-256.06	Hồ Chí Minh	5146	51L-276.56	Hồ Chí Minh	6146	51L-280.28	Hồ Chí Minh			
4147	51L-259.85	Hồ Chí Minh	5147	51L-276.65	Hồ Chí Minh	6147	51L-286.26	Hồ Chí Minh			
4148	51L-260.25	Hồ Chí Minh	5148	51L-276.66	Hồ Chí Minh	6148	51L-287.08	Hồ Chí Minh			
4149	51L-262.35	Hồ Chí Minh	5149	51L-277.27	Hồ Chí Minh	6149	51L-289.36	Hồ Chí Minh			
4150	51L-264.08	Hồ Chí Minh	5150	51L-283.25	Hồ Chí Minh	6150	51L-289.55	Hồ Chí Minh			
4151	51L-266.55	Hồ Chí Minh	5151	51L-286.15	Hồ Chí Minh	6151	51L-289.69	Hồ Chí Minh			
4152	51L-267.95	Hồ Chí Minh	5152	51L-287.39	Hồ Chí Minh	6152	51L-290.36	Hồ Chí Minh			
4153	51L-272.09	Hồ Chí Minh	5153	51L-289.65	Hồ Chí Minh	6153	51L-291.18	Hồ Chí Minh			
4154	51L-273.06	Hồ Chí Minh	5154	51L-295.36	Hồ Chí Minh	6154	51L-294.06	Hồ Chí Minh			
4155	51L-274.66	Hồ Chí Minh	5155	51L-296.26	Hồ Chí Minh	6155	51L-296.06	Hồ Chí Minh			
4156	51L-276.25	Hồ Chí Minh	5156	51L-319.74	Hồ Chí Minh	6156	51L-319.47	Hồ Chí Minh			
4157	51L-277.38	Hồ Chí Minh	5157	51L-320.08	Hồ Chí Minh	6157	51L-356.08	Hồ Chí Minh			
4158	51L-281.36	Hồ Chí Minh	5158	51L-355.86	Hồ Chí Minh	6158	51L-360.19	Hồ Chí Minh			
4159	51L-281.39	Hồ Chí Minh	5159	51L-357.26	Hồ Chí Minh	6159	51L-361.38	Hồ Chí Minh			
4160	51L-281.86	Hồ Chí Minh	5160	51L-358.19	Hồ Chí Minh	6160	51L-362.08	Hồ Chí Minh			
4161	51L-284.06	Hồ Chí Minh	5161	51L-363.59	Hồ Chí Minh	6161	51L-363.39	Hồ Chí Minh			
4162	51L-287.38	Hồ Chí Minh	5162	51L-370.95	Hồ Chí Minh	6162	51L-363.44	Hồ Chí Minh			
4163	51L-287.98	Hồ Chí Minh	5163	51L-371.06	Hồ Chí Minh	6163	51L-367.00	Hồ Chí Minh			
4164	51L-288.16	Hồ Chí Minh	5164	51L-373.86	Hồ Chí Minh	6164	51L-368.55	Hồ Chí Minh			
4165	51L-288.69	Hồ Chí Minh	5165	51L-374.59	Hồ Chí Minh	6165	51L-372.83	Hồ Chí Minh			
4166	51L-292.19	Hồ Chí Minh	5166	51L-374.66	Hồ Chí Minh	6166	51L-376.58	Hồ Chí Minh			
4167	51L-295.25	Hồ Chí Minh	5167	51L-376.96	Hồ Chí Minh	6167	51L-377.22	Hồ Chí Minh			
4168	51L-296.08	Hồ Chí Minh	5168	51L-377.55	Hồ Chí Minh	6168	51L-378.15	Hồ Chí Minh			
4169	51L-296.18	Hồ Chí Minh	5169	51L-377.56	Hồ Chí Minh	6169	51L-386.87	Hồ Chí Minh			
4170	51L-319.70	Hồ Chí Minh	5170	51L-378.37	Hồ Chí Minh	6170	51L-388.55	Hồ Chí Minh			
4171	51L-319.89	Hồ Chí Minh	5171	51L-380.98	Hồ Chí Minh	6171	51L-390.35	Hồ Chí Minh			
4172	51L-352.55	Hồ Chí Minh	5172	51L-381.22	Hồ Chí Minh	6172	51L-390.85	Hồ Chí Minh			
4173	51L-352.95	Hồ Chí Minh	5173	51L-383.00	Hồ Chí Minh	6173	51L-392.22	Hồ Chí Minh			
4174	51L-353.15	Hồ Chí Minh	5174	51L-383.16	Hồ Chí Minh	6174	51L-392.29	Hồ Chí Minh			
4175	51L-355.83	Hồ Chí Minh	5175	51L-386.29	Hồ Chí Minh	6175	51L-393.29	Hồ Chí Minh			
4176	51L-356.22	Hồ Chí Minh	5176	51L-387.28	Hồ Chí Minh	6176	51L-393.58	Hồ Chí Minh			
4177	51L-357.29	Hồ Chí Minh	5177	51L-388.98	Hồ Chí Minh	6177	51L-394.33	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4178	51L-357.79	Hồ Chí Minh	5178	51L-389.69	Hồ Chí Minh	6178	51L-395.16	Hồ Chí Minh			
4179	51L-360.26	Hồ Chí Minh	5179	51L-390.89	Hồ Chí Minh	6179	15C-455.11	Hải Phòng			
4180	51L-361.19	Hồ Chí Minh	5180	51L-394.89	Hồ Chí Minh	6180	15C-455.77	Hải Phòng			
4181	51L-362.68	Hồ Chí Minh	5181	15C-450.50	Hải Phòng	6181	15C-461.68	Hải Phòng			
4182	51L-375.96	Hồ Chí Minh	5182	15C-458.79	Hải Phòng	6182	15K-201.11	Hải Phòng			
4183	51L-376.28	Hồ Chí Minh	5183	15K-218.69	Hải Phòng	6183	15K-204.44	Hải Phòng			
4184	51L-379.83	Hồ Chí Minh	5184	15K-220.77	Hải Phòng	6184	15K-205.79	Hải Phòng			
4185	51L-385.68	Hồ Chí Minh	5185	15K-225.33	Hải Phòng	6185	15K-208.66	Hải Phòng			
4186	51L-392.16	Hồ Chí Minh	5186	15K-226.38	Hải Phòng	6186	15K-209.66	Hải Phòng			
4187	51L-392.89	Hồ Chí Minh	5187	15K-228.18	Hải Phòng	6187	15K-211.33	Hải Phòng			
4188	51L-393.94	Hồ Chí Minh	5188	15K-228.56	Hải Phòng	6188	15K-218.09	Hải Phòng			
4189	51L-394.11	Hồ Chí Minh	5189	15K-229.06	Hải Phòng	6189	15K-220.55	Hải Phòng			
4190	15C-456.79	Hải Phòng	5190	15K-233.55	Hải Phòng	6190	15K-220.56	Hải Phòng			
4191	15K-213.68	Hải Phòng	5191	15K-241.11	Hải Phòng	6191	15K-220.68	Hải Phòng			
4192	15K-215.88	Hải Phòng	5192	15K-241.68	Hải Phòng	6192	15K-225.85	Hải Phòng			
4193	15K-222.27	Hải Phòng	5193	15K-244.06	Hải Phòng	6193	15K-227.27	Hải Phòng			
4194	15K-223.22	Hải Phòng	5194	15K-244.86	Hải Phòng	6194	15K-232.86	Hải Phòng			
4195	15K-231.26	Hải Phòng	5195	15K-245.55	Hải Phòng	6195	15K-233.06	Hải Phòng			
4196	15K-231.99	Hải Phòng	5196	15K-246.38	Hải Phòng	6196	15K-237.38	Hải Phòng			
4197	15K-235.16	Hải Phòng	5197	15K-246.64	Hải Phòng	6197	15K-237.39	Hải Phòng			
4198	15K-238.18	Hải Phòng	5198	15K-248.06	Hải Phòng	6198	15K-242.79	Hải Phòng			
4199	15K-239.19	Hải Phòng	5199	15K-248.16	Hải Phòng	6199	15K-244.39	Hải Phòng			
4200	15K-239.96	Hải Phòng	5200	15K-253.35	Hải Phòng	6200	15K-245.85	Hải Phòng			
4201	15K-241.38	Hải Phòng	5201	15K-257.28	Hải Phòng	6201	15K-246.26	Hải Phòng			
4202	15K-247.56	Hải Phòng	5202	15K-259.33	Hải Phòng	6202	15K-246.96	Hải Phòng			
4203	15K-252.28	Hải Phòng	5203	15K-260.56	Hải Phòng	6203	15K-248.15	Hải Phòng			
4204	15K-252.35	Hải Phòng	5204	15K-261.36	Hải Phòng	6204	15K-251.65	Hải Phòng			
4205	15K-254.86	Hải Phòng	5205	15K-262.08	Hải Phòng	6205	15K-252.79	Hải Phòng			
4206	15K-257.58	Hải Phòng	5206	15K-262.35	Hải Phòng	6206	15K-255.22	Hải Phòng			
4207	15K-261.96	Hải Phòng	5207	15K-265.59	Hải Phòng	6207	15K-255.29	Hải Phòng			
4208	15K-264.15	Hải Phòng	5208	15K-266.25	Hải Phòng	6208	15K-255.36	Hải Phòng			
4209	15K-264.38	Hải Phòng	5209	15K-267.67	Hải Phòng	6209	15K-259.44	Hải Phòng			
4210	15K-265.85	Hải Phòng	5210	15K-269.26	Hải Phòng	6210	15K-259.55	Hải Phòng			
4211	15K-269.16	Hải Phòng	5211	15K-270.36	Hải Phòng	6211	15K-260.83	Hải Phòng			
4212	15K-269.29	Hải Phòng	5212	17A-400.22	Thái Bình	6212	15K-263.28	Hải Phòng			
4213	17A-401.68	Thái Bình	5213	17A-400.33	Thái Bình	6213	15K-263.98	Hải Phòng			
4214	17A-405.68	Thái Bình	5214	17A-401.11	Thái Bình	6214	15K-267.15	Hải Phòng			
4215	17A-412.19	Thái Bình	5215	17A-405.66	Thái Bình	6215	15K-270.59	Hải Phòng			
4216	17A-414.09	Thái Bình	5216	17A-414.66	Thái Bình	6216	15K-271.09	Hải Phòng			
4217	17A-415.89	Thái Bình	5217	17A-415.99	Thái Bình	6217	15K-271.29	Hải Phòng			
4218	17A-418.15	Thái Bình	5218	17A-422.99	Thái Bình	6218	17A-400.44	Thái Bình			
4219	17A-418.36	Thái Bình	5219	17A-424.68	Thái Bình	6219	17A-402.39	Thái Bình			
4220	17A-418.38	Thái Bình	5220	17A-425.28	Thái Bình	6220	17A-413.68	Thái Bình			
4221	17A-419.44	Thái Bình	5221	17A-425.69	Thái Bình	6221	17A-415.08	Thái Bình			
4222	17A-423.35	Thái Bình	5222	17A-425.79	Thái Bình	6222	17A-415.58	Thái Bình			
4223	17A-423.95	Thái Bình	5223	17A-426.85	Thái Bình	6223	17A-416.56	Thái Bình			
4224	17A-424.79	Thái Bình	5224	17A-427.29	Thái Bình	6224	17A-417.15	Thái Bình			
4225	17A-425.00	Thái Bình	5225	17A-428.00	Thái Bình	6225	17A-417.95	Thái Bình			
4226	17A-425.68	Thái Bình	5226	17A-428.06	Thái Bình	6226	17A-419.14	Thái Bình			
4227	17A-429.36	Thái Bình	5227	17A-435.44	Thái Bình	6227	17A-420.19	Thái Bình			
4228	17A-431.29	Thái Bình	5228	17A-439.44	Thái Bình	6228	17A-420.98	Thái Bình			
4229	17A-431.55	Thái Bình	5229	17A-440.88	Thái Bình	6229	17A-427.83	Thái Bình			
4230	17A-436.16	Thái Bình	5230	17A-440.96	Thái Bình	6230	17A-428.59	Thái Bình			
4231	17A-436.55	Thái Bình	5231	17A-441.00	Thái Bình	6231	17A-430.77	Thái Bình			
4232	17A-436.88	Thái Bình	5232	17C-197.85	Thái Bình	6232	17A-430.95	Thái Bình			
4233	17A-439.19	Thái Bình	5233	17C-199.18	Thái Bình	6233	17A-431.68	Thái Bình			
4234	17C-199.88	Thái Bình	5234	17C-200.02	Thái Bình	6234	17A-432.36	Thái Bình			
4235	17C-200.85	Thái Bình	5235	17C-200.95	Thái Bình	6235	17A-432.38	Thái Bình			
4236	18A-404.66	Nam Định	5236	17C-201.88	Thái Bình	6236	17A-433.79	Thái Bình			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4237	18A-409.55	Nam Định	5237	17C-202.09	Thái Bình	6237	17A-434.58	Thái Bình			
4238	18A-410.35	Nam Định	5238	17C-202.22	Thái Bình	6238	17A-434.77	Thái Bình			
4239	18A-410.85	Nam Định	5239	18A-405.56	Nam Định	6239	17A-434.85	Thái Bình			
4240	18A-413.95	Nam Định	5240	18A-407.19	Nam Định	6240	17A-434.98	Thái Bình			
4241	18A-414.33	Nam Định	5241	18A-408.38	Nam Định	6241	17A-435.19	Thái Bình			
4242	18A-416.66	Nam Định	5242	18A-411.99	Nam Định	6242	17A-441.14	Thái Bình			
4243	18A-416.86	Nam Định	5243	18A-416.36	Nam Định	6243	17C-192.88	Thái Bình			
4244	18A-416.95	Nam Định	5244	18A-416.39	Nam Định	6244	17C-193.89	Thái Bình			
4245	18A-420.08	Nam Định	5245	18A-417.41	Nam Định	6245	17C-196.88	Thái Bình			
4246	18A-420.21	Nam Định	5246	18A-419.33	Nam Định	6246	17C-196.89	Thái Bình			
4247	18A-420.29	Nam Định	5247	18A-423.18	Nam Định	6247	17C-199.56	Thái Bình			
4248	18A-420.44	Nam Định	5248	18A-427.79	Nam Định	6248	17C-200.18	Thái Bình			
4249	18A-421.26	Nam Định	5249	18A-428.18	Nam Định	6249	18A-403.38	Nam Định			
4250	18A-422.25	Nam Định	5250	18A-430.83	Nam Định	6250	18A-411.09	Nam Định			
4251	18A-422.42	Nam Định	5251	18A-431.31	Nam Định	6251	18A-414.18	Nam Định			
4252	18A-423.26	Nam Định	5252	18A-431.95	Nam Định	6252	18A-414.35	Nam Định			
4253	18A-423.79	Nam Định	5253	18A-433.95	Nam Định	6253	18A-415.28	Nam Định			
4254	18A-426.69	Nam Định	5254	18A-434.69	Nam Định	6254	18A-415.35	Nam Định			
4255	18A-427.65	Nam Định	5255	18C-154.66	Nam Định	6255	18A-420.15	Nam Định			
4256	18A-430.18	Nam Định	5256	19A-567.67	Phú Thọ	6256	18A-420.56	Nam Định			
4257	18A-430.56	Nam Định	5257	19A-577.36	Phú Thọ	6257	18A-423.44	Nam Định			
4258	18A-433.15	Nam Định	5258	19A-581.89	Phú Thọ	6258	18A-424.28	Nam Định			
4259	18A-433.68	Nam Định	5259	19A-582.88	Phú Thọ	6259	18A-426.36	Nam Định			
4260	18A-434.58	Nam Định	5260	19A-588.09	Phú Thọ	6260	18A-426.44	Nam Định			
4261	18C-154.89	Nam Định	5261	19A-588.19	Phú Thọ	6261	18A-428.68	Nam Định			
4262	18C-157.57	Nam Định	5262	19A-591.69	Phú Thọ	6262	18A-429.79	Nam Định			
4263	19A-575.57	Phú Thọ	5263	19A-594.99	Phú Thọ	6263	18A-429.98	Nam Định			
4264	19A-581.22	Phú Thọ	5264	19A-595.66	Phú Thọ	6264	18A-431.35	Nam Định			
4265	19A-581.99	Phú Thọ	5265	19A-601.44	Phú Thọ	6265	18A-434.83	Nam Định			
4266	19A-588.06	Phú Thọ	5266	19A-601.86	Phú Thọ	6266	18A-435.15	Nam Định			
4267	19A-590.85	Phú Thọ	5267	19A-602.08	Phú Thọ	6267	18C-155.95	Nam Định			
4268	19A-591.59	Phú Thọ	5268	19A-603.22	Phú Thọ	6268	18C-157.19	Nam Định			
4269	19A-592.29	Phú Thọ	5269	19A-603.86	Phú Thọ	6269	18C-158.35	Nam Định			
4270	19A-595.09	Phú Thọ	5270	19A-605.15	Phú Thọ	6270	19A-579.33	Phú Thọ			
4271	19A-602.28	Phú Thọ	5271	19A-607.35	Phú Thọ	6271	19A-581.79	Phú Thọ			
4272	19A-603.06	Phú Thọ	5272	19A-607.36	Phú Thọ	6272	19A-582.89	Phú Thọ			
4273	19A-604.15	Phú Thọ	5273	19A-607.58	Phú Thọ	6273	19A-588.56	Phú Thọ			
4274	19A-608.68	Phú Thọ	5274	19A-609.29	Phú Thọ	6274	19A-590.59	Phú Thọ			
4275	19A-609.56	Phú Thọ	5275	19A-614.83	Phú Thọ	6275	19A-590.77	Phú Thọ			
4276	19A-614.61	Phú Thọ	5276	19A-615.88	Phú Thọ	6276	19A-593.19	Phú Thọ			
4277	19A-618.06	Phú Thọ	5277	19A-615.95	Phú Thọ	6277	19A-594.68	Phú Thọ			
4278	19A-618.55	Phú Thọ	5278	19A-616.61	Phú Thọ	6278	19A-595.08	Phú Thọ			
4279	19A-620.19	Phú Thọ	5279	19A-617.26	Phú Thọ	6279	19A-602.98	Phú Thọ			
4280	19A-620.28	Phú Thọ	5280	19A-617.29	Phú Thọ	6280	19A-604.04	Phú Thọ			
4281	19C-233.79	Phú Thọ	5281	19A-619.98	Phú Thọ	6281	19A-605.00	Phú Thọ			
4282	19C-236.38	Phú Thọ	5282	19C-237.26	Phú Thọ	6282	19A-605.55	Phú Thọ			
4283	19C-236.39	Phú Thọ	5283	34A-740.66	Hải Dương	6283	19A-608.26	Phú Thọ			
4284	34A-737.79	Hải Dương	5284	34A-740.86	Hải Dương	6284	19A-608.65	Phú Thọ			
4285	34A-742.69	Hải Dương	5285	34A-755.62	Hải Dương	6285	19A-608.66	Phú Thọ			
4286	34A-755.95	Hải Dương	5286	34A-756.16	Hải Dương	6286	19A-609.88	Phú Thọ			
4287	34A-756.19	Hải Dương	5287	34A-757.96	Hải Dương	6287	19A-614.55	Phú Thọ			
4288	34A-757.22	Hải Dương	5288	34A-759.96	Hải Dương	6288	19A-615.11	Phú Thọ			
4289	34A-759.66	Hải Dương	5289	34A-760.88	Hải Dương	6289	19A-618.69	Phú Thọ			
4290	34A-764.38	Hải Dương	5290	34A-761.16	Hải Dương	6290	19A-618.81	Phú Thọ			
4291	34A-766.19	Hải Dương	5291	34A-763.36	Hải Dương	6291	19A-619.44	Phú Thọ			
4292	34A-767.16	Hải Dương	5292	34A-764.98	Hải Dương	6292	19A-620.08	Phú Thọ			
4293	34A-767.67	Hải Dương	5293	34A-766.06	Hải Dương	6293	19C-237.16	Phú Thọ			
4294	34A-768.86	Hải Dương	5294	34A-770.69	Hải Dương	6294	34A-753.68	Hải Dương			
4295	34A-774.44	Hải Dương	5295	34A-771.26	Hải Dương	6295	34A-755.52	Hải Dương			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4296	34A-774.95	Hải Dương	5296	34A-771.38	Hải Dương	6296	34A-756.59	Hải Dương			
4297	34A-775.29	Hải Dương	5297	34A-773.35	Hải Dương	6297	34A-756.96	Hải Dương			
4298	34A-776.59	Hải Dương	5298	34A-774.83	Hải Dương	6298	34A-758.96	Hải Dương			
4299	34A-777.69	Hải Dương	5299	34A-774.98	Hải Dương	6299	34A-763.96	Hải Dương			
4300	34A-778.18	Hải Dương	5300	34A-775.55	Hải Dương	6300	34A-764.16	Hải Dương			
4301	34A-782.77	Hải Dương	5301	34A-775.56	Hải Dương	6301	34A-765.18	Hải Dương			
4302	34A-783.83	Hải Dương	5302	34A-777.66	Hải Dương	6302	34A-765.33	Hải Dương			
4303	34A-784.55	Hải Dương	5303	34A-780.29	Hải Dương	6303	34A-765.36	Hải Dương			
4304	34A-786.77	Hải Dương	5304	34A-783.44	Hải Dương	6304	34A-765.89	Hải Dương			
4305	34A-786.93	Hải Dương	5305	34A-786.56	Hải Dương	6305	34A-767.88	Hải Dương			
4306	34A-787.86	Hải Dương	5306	34A-789.16	Hải Dương	6306	34A-768.55	Hải Dương			
4307	34A-787.89	Hải Dương	5307	34A-792.44	Hải Dương	6307	34A-769.28	Hải Dương			
4308	34A-788.16	Hải Dương	5308	34A-795.29	Hải Dương	6308	34A-770.55	Hải Dương			
4309	34A-789.15	Hải Dương	5309	34A-796.97	Hải Dương	6309	34A-771.06	Hải Dương			
4310	34A-790.96	Hải Dương	5310	34A-797.29	Hải Dương	6310	34A-771.25	Hải Dương			
4311	34A-791.55	Hải Dương	5311	34A-798.44	Hải Dương	6311	34A-771.59	Hải Dương			
4312	34A-795.16	Hải Dương	5312	34A-799.88	Hải Dương	6312	34A-772.00	Hải Dương			
4313	34A-796.18	Hải Dương	5313	34A-800.08	Hải Dương	6313	34A-772.77	Hải Dương			
4314	34A-796.22	Hải Dương	5314	34A-800.39	Hải Dương	6314	34A-779.65	Hải Dương			
4315	34A-797.39	Hải Dương	5315	34A-801.00	Hải Dương	6315	34A-782.29	Hải Dương			
4316	34A-798.18	Hải Dương	5316	34A-803.59	Hải Dương	6316	34A-783.35	Hải Dương			
4317	34A-798.69	Hải Dương	5317	34C-388.69	Hải Dương	6317	34A-784.00	Hải Dương			
4318	34A-798.97	Hải Dương	5318	34C-390.99	Hải Dương	6318	34A-784.33	Hải Dương			
4319	34A-799.39	Hải Dương	5319	34C-391.06	Hải Dương	6319	34A-785.19	Hải Dương			
4320	34A-800.77	Hải Dương	5320	34C-391.39	Hải Dương	6320	34A-786.22	Hải Dương			
4321	34C-388.16	Hải Dương	5321	34C-392.69	Hải Dương	6321	34A-786.58	Hải Dương			
4322	34C-388.77	Hải Dương	5322	34C-393.44	Hải Dương	6322	34A-787.00	Hải Dương			
4323	34C-388.86	Hải Dương	5323	34C-394.25	Hải Dương	6323	34A-787.96	Hải Dương			
4324	34C-389.85	Hải Dương	5324	34C-398.83	Hải Dương	6324	34A-791.15	Hải Dương			
4325	34C-392.08	Hải Dương	5325	34C-399.08	Hải Dương	6325	34A-791.28	Hải Dương			
4326	34C-394.44	Hải Dương	5326	35A-381.69	Ninh Bình	6326	34A-792.39	Hải Dương			
4327	34C-394.65	Hải Dương	5327	35A-383.39	Ninh Bình	6327	34A-793.83	Hải Dương			
4328	34C-394.69	Hải Dương	5328	35A-390.26	Ninh Bình	6328	34A-794.66	Hải Dương			
4329	34C-395.99	Hải Dương	5329	35A-394.77	Ninh Bình	6329	34A-797.95	Hải Dương			
4330	34C-396.33	Hải Dương	5330	35A-396.85	Ninh Bình	6330	34A-804.09	Hải Dương			
4331	34C-397.79	Hải Dương	5331	35A-397.18	Ninh Bình	6331	34C-388.56	Hải Dương			
4332	34C-399.16	Hải Dương	5332	35A-399.62	Ninh Bình	6332	34C-389.16	Hải Dương			
4333	35A-377.66	Ninh Bình	5333	35A-401.36	Ninh Bình	6333	34C-389.36	Hải Dương			
4334	35A-387.69	Ninh Bình	5334	35A-401.66	Ninh Bình	6334	34C-390.58	Hải Dương			
4335	35A-390.18	Ninh Bình	5335	35A-402.88	Ninh Bình	6335	34C-394.08	Hải Dương			
4336	35A-391.16	Ninh Bình	5336	35A-403.30	Ninh Bình	6336	34C-396.28	Hải Dương			
4337	35A-392.08	Ninh Bình	5337	35A-403.38	Ninh Bình	6337	34C-398.68	Hải Dương			
4338	35A-392.44	Ninh Bình	5338	35A-403.89	Ninh Bình	6338	34C-399.25	Hải Dương			
4339	35A-395.08	Ninh Bình	5339	35A-407.40	Ninh Bình	6339	35A-376.68	Ninh Bình			
4340	35A-395.15	Ninh Bình	5340	35A-408.65	Ninh Bình	6340	35A-376.86	Ninh Bình			
4341	35A-395.83	Ninh Bình	5341	35A-409.04	Ninh Bình	6341	35A-392.66	Ninh Bình			
4342	35A-396.59	Ninh Bình	5342	35A-409.98	Ninh Bình	6342	35A-392.96	Ninh Bình			
4343	35A-397.06	Ninh Bình	5343	35A-410.09	Ninh Bình	6343	35A-393.82	Ninh Bình			
4344	35A-398.79	Ninh Bình	5344	35A-410.11	Ninh Bình	6344	35A-395.69	Ninh Bình			
4345	35A-398.96	Ninh Bình	5345	35A-410.85	Ninh Bình	6345	35A-396.56	Ninh Bình			
4346	35A-400.77	Ninh Bình	5346	35A-410.96	Ninh Bình	6346	35A-396.65	Ninh Bình			
4347	35A-402.18	Ninh Bình	5347	35A-412.28	Ninh Bình	6347	35A-397.59	Ninh Bình			
4348	35A-402.55	Ninh Bình	5348	35C-157.57	Ninh Bình	6348	35A-398.09	Ninh Bình			
4349	35A-404.35	Ninh Bình	5349	35C-158.86	Ninh Bình	6349	35A-398.38	Ninh Bình			
4350	35A-404.39	Ninh Bình	5350	35C-160.59	Ninh Bình	6350	35A-400.16	Ninh Bình			
4351	35A-407.04	Ninh Bình	5351	36C-457.66	Thanh Hóa	6351	35A-401.19	Ninh Bình			
4352	35A-407.38	Ninh Bình	5352	36C-458.08	Thanh Hóa	6352	35A-402.39	Ninh Bình			
4353	35A-409.35	Ninh Bình	5353	36C-458.28	Thanh Hóa	6353	35A-402.95	Ninh Bình			
4354	35A-410.77	Ninh Bình	5354	36C-458.33	Thanh Hóa	6354	35A-407.19	Ninh Bình			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4355	35A-412.98	Ninh Bình	5355	36C-460.83	Thanh Hóa	6355	35A-411.00	Ninh Bình			
4356	35C-158.89	Ninh Bình	5356	36K-010.99	Thanh Hóa	6356	35A-411.55	Ninh Bình			
4357	36C-450.68	Thanh Hóa	5357	36K-025.52	Thanh Hóa	6357	35C-160.99	Ninh Bình			
4358	36C-457.09	Thanh Hóa	5358	36K-025.56	Thanh Hóa	6358	35C-161.56	Ninh Bình			
4359	36C-458.15	Thanh Hóa	5359	36K-027.56	Thanh Hóa	6359	35C-161.77	Ninh Bình			
4360	36C-458.99	Thanh Hóa	5360	36K-033.30	Thanh Hóa	6360	35C-162.11	Ninh Bình			
4361	36C-459.55	Thanh Hóa	5361	36K-034.29	Thanh Hóa	6361	36C-460.69	Thanh Hóa			
4362	36C-460.38	Thanh Hóa	5362	36K-034.30	Thanh Hóa	6362	36C-461.28	Thanh Hóa			
4363	36C-461.38	Thanh Hóa	5363	36K-035.85	Thanh Hóa	6363	36K-025.25	Thanh Hóa			
4364	36K-019.09	Thanh Hóa	5364	36K-035.99	Thanh Hóa	6364	36K-025.33	Thanh Hóa			
4365	36K-029.28	Thanh Hóa	5365	36K-037.22	Thanh Hóa	6365	36K-026.19	Thanh Hóa			
4366	36K-030.98	Thanh Hóa	5366	36K-039.98	Thanh Hóa	6366	36K-029.58	Thanh Hóa			
4367	36K-032.32	Thanh Hóa	5367	37C-507.98	Nghệ An	6367	36K-033.11	Thanh Hóa			
4368	36K-033.09	Thanh Hóa	5368	37C-507.99	Nghệ An	6368	36K-034.55	Thanh Hóa			
4369	36K-034.99	Thanh Hóa	5369	37C-509.29	Nghệ An	6369	36K-036.19	Thanh Hóa			
4370	36K-035.35	Thanh Hóa	5370	37C-510.00	Nghệ An	6370	36K-040.86	Thanh Hóa			
4371	36K-037.56	Thanh Hóa	5371	37C-510.99	Nghệ An	6371	37C-489.89	Nghệ An			
4372	36K-037.59	Thanh Hóa	5372	37C-511.26	Nghệ An	6372	37C-502.33	Nghệ An			
4373	36K-037.95	Thanh Hóa	5373	37C-511.77	Nghệ An	6373	37C-502.56	Nghệ An			
4374	36K-038.96	Thanh Hóa	5374	37C-513.55	Nghệ An	6374	37C-504.38	Nghệ An			
4375	36K-039.38	Thanh Hóa	5375	37K-250.00	Nghệ An	6375	37C-506.58	Nghệ An			
4376	37B-040.40	Nghệ An	5376	37K-251.39	Nghệ An	6376	37C-507.95	Nghệ An			
4377	37C-502.19	Nghệ An	5377	37K-259.68	Nghệ An	6377	37C-509.44	Nghệ An			
4378	37C-506.39	Nghệ An	5378	37K-269.68	Nghệ An	6378	37C-509.86	Nghệ An			
4379	37C-507.38	Nghệ An	5379	37K-270.56	Nghệ An	6379	37C-510.51	Nghệ An			
4380	37C-513.36	Nghệ An	5380	37K-273.52	Nghệ An	6380	37C-511.15	Nghệ An			
4381	37K-252.22	Nghệ An	5381	37K-279.39	Nghệ An	6381	37C-513.83	Nghệ An			
4382	37K-255.39	Nghệ An	5382	37K-280.95	Nghệ An	6382	37C-514.26	Nghệ An			
4383	37K-257.66	Nghệ An	5383	37K-282.15	Nghệ An	6383	37D-036.99	Nghệ An			
4384	37K-265.89	Nghệ An	5384	37K-283.58	Nghệ An	6384	37K-265.65	Nghệ An			
4385	37K-277.35	Nghệ An	5385	37K-284.38	Nghệ An	6385	37K-274.26	Nghệ An			
4386	37K-279.16	Nghệ An	5386	37K-285.65	Nghệ An	6386	37K-275.11	Nghệ An			
4387	37K-280.08	Nghệ An	5387	37K-286.77	Nghệ An	6387	37K-278.39	Nghệ An			
4388	37K-281.39	Nghệ An	5388	37K-290.09	Nghệ An	6388	37K-278.98	Nghệ An			
4389	37K-282.18	Nghệ An	5389	37K-291.33	Nghệ An	6389	37K-282.16	Nghệ An			
4390	37K-284.33	Nghệ An	5390	37K-291.44	Nghệ An	6390	37K-288.65	Nghệ An			
4391	37K-285.93	Nghệ An	5391	37K-291.77	Nghệ An	6391	37K-290.15	Nghệ An			
4392	37K-289.00	Nghệ An	5392	37K-297.19	Nghệ An	6392	37K-292.18	Nghệ An			
4393	37K-291.83	Nghệ An	5393	37K-302.09	Nghệ An	6393	37K-294.08	Nghệ An			
4394	37K-293.19	Nghệ An	5394	37K-304.66	Nghệ An	6394	37K-294.68	Nghệ An			
4395	37K-293.22	Nghệ An	5395	37K-306.11	Nghệ An	6395	37K-295.18	Nghệ An			
4396	37K-294.58	Nghệ An	5396	37K-306.22	Nghệ An	6396	37K-296.19	Nghệ An			
4397	37K-294.88	Nghệ An	5397	37K-308.55	Nghệ An	6397	37K-296.38	Nghệ An			
4398	37K-295.25	Nghệ An	5398	37K-309.96	Nghệ An	6398	37K-300.16	Nghệ An			
4399	37K-298.82	Nghệ An	5399	37K-312.39	Nghệ An	6399	37K-300.58	Nghệ An			
4400	37K-300.65	Nghệ An	5400	37K-312.58	Nghệ An	6400	37K-302.15	Nghệ An			
4401	37K-303.68	Nghệ An	5401	37K-314.31	Nghệ An	6401	37K-302.89	Nghệ An			
4402	37K-303.79	Nghệ An	5402	37K-314.88	Nghệ An	6402	37K-304.44	Nghệ An			
4403	37K-304.36	Nghệ An	5403	37K-316.79	Nghệ An	6403	37K-305.00	Nghệ An			
4404	37K-305.83	Nghệ An	5404	37K-317.96	Nghệ An	6404	37K-305.63	Nghệ An			
4405	37K-306.06	Nghệ An	5405	37K-323.35	Nghệ An	6405	37K-308.44	Nghệ An			
4406	37K-307.59	Nghệ An	5406	37K-323.38	Nghệ An	6406	37K-310.01	Nghệ An			
4407	37K-308.29	Nghệ An	5407	38A-564.86	Hà Tĩnh	6407	37K-310.83	Nghệ An			
4408	37K-309.77	Nghệ An	5408	38A-575.82	Hà Tĩnh	6408	37K-311.06	Nghệ An			
4409	37K-310.35	Nghệ An	5409	38A-578.36	Hà Tĩnh	6409	37K-312.68	Nghệ An			
4410	37K-314.13	Nghệ An	5410	38A-578.57	Hà Tĩnh	6410	37K-312.98	Nghệ An			
4411	37K-314.28	Nghệ An	5411	38A-579.96	Hà Tĩnh	6411	37K-313.99	Nghệ An			
4412	37K-316.44	Nghệ An	5412	38A-580.06	Hà Tĩnh	6412	37K-315.44	Nghệ An			
4413	37K-317.16	Nghệ An	5413	38A-580.88	Hà Tĩnh	6413	37K-316.33	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4414	37K-318.22	Nghệ An	5414	38A-583.85	Hà Tĩnh	6414	37K-316.89	Nghệ An			
4415	37K-318.85	Nghệ An	5415	38A-587.26	Hà Tĩnh	6415	37K-317.69	Nghệ An			
4416	37K-320.86	Nghệ An	5416	38A-587.28	Hà Tĩnh	6416	37K-319.93	Nghệ An			
4417	37K-320.95	Nghệ An	5417	38A-588.18	Hà Tĩnh	6417	38A-565.39	Hà Tĩnh			
4418	37K-321.44	Nghệ An	5418	38A-588.28	Hà Tĩnh	6418	38A-570.69	Hà Tĩnh			
4419	37K-322.69	Nghệ An	5419	38A-589.06	Hà Tĩnh	6419	38A-578.65	Hà Tĩnh			
4420	37K-323.08	Nghệ An	5420	38A-589.15	Hà Tĩnh	6420	38A-580.35	Hà Tĩnh			
4421	38A-564.44	Hà Tĩnh	5421	38A-591.28	Hà Tĩnh	6421	38A-580.39	Hà Tĩnh			
4422	38A-575.58	Hà Tĩnh	5422	38A-592.36	Hà Tĩnh	6422	38A-581.18	Hà Tĩnh			
4423	38A-578.16	Hà Tĩnh	5423	38A-592.56	Hà Tĩnh	6423	38A-581.38	Hà Tĩnh			
4424	38A-579.00	Hà Tĩnh	5424	38A-592.98	Hà Tĩnh	6424	38A-581.55	Hà Tĩnh			
4425	38A-579.25	Hà Tĩnh	5425	38A-594.28	Hà Tĩnh	6425	38A-582.25	Hà Tĩnh			
4426	38A-581.06	Hà Tĩnh	5426	38A-594.44	Hà Tĩnh	6426	38A-587.56	Hà Tĩnh			
4427	38A-582.65	Hà Tĩnh	5427	38A-596.97	Hà Tĩnh	6427	38A-588.81	Hà Tĩnh			
4428	38A-583.00	Hà Tĩnh	5428	38A-601.16	Hà Tĩnh	6428	38A-592.25	Hà Tĩnh			
4429	38A-586.93	Hà Tĩnh	5429	38C-204.04	Hà Tĩnh	6429	38A-595.39	Hà Tĩnh			
4430	38A-587.85	Hà Tĩnh	5430	38C-209.09	Hà Tĩnh	6430	38A-596.06	Hà Tĩnh			
4431	38A-590.18	Hà Tĩnh	5431	38C-212.33	Hà Tĩnh	6431	38A-597.65	Hà Tĩnh			
4432	38A-590.90	Hà Tĩnh	5432	38C-214.12	Hà Tĩnh	6432	38A-599.33	Hà Tĩnh			
4433	38A-591.00	Hà Tĩnh	5433	38C-214.25	Hà Tĩnh	6433	38A-600.36	Hà Tĩnh			
4434	38A-591.16	Hà Tĩnh	5434	43A-815.51	Đà Nẵng	6434	38A-601.56	Hà Tĩnh			
4435	38A-593.06	Hà Tĩnh	5435	43A-816.39	Đà Nẵng	6435	38C-209.86	Hà Tĩnh			
4436	38A-593.59	Hà Tĩnh	5436	43A-816.44	Đà Nẵng	6436	38C-209.88	Hà Tĩnh			
4437	38A-594.38	Hà Tĩnh	5437	43A-818.89	Đà Nẵng	6437	38C-211.38	Hà Tĩnh			
4438	38A-594.58	Hà Tĩnh	5438	43A-819.91	Đà Nẵng	6438	38C-213.35	Hà Tĩnh			
4439	38A-596.18	Hà Tĩnh	5439	43A-825.25	Đà Nẵng	6439	43A-803.39	Đà Nẵng			
4440	38A-598.79	Hà Tĩnh	5440	43A-825.36	Đà Nẵng	6440	43A-807.77	Đà Nẵng			
4441	38A-600.65	Hà Tĩnh	5441	43A-837.77	Đà Nẵng	6441	43A-809.68	Đà Nẵng			
4442	38A-601.68	Hà Tĩnh	5442	43A-838.55	Đà Nẵng	6442	43A-814.66	Đà Nẵng			
4443	38C-211.44	Hà Tĩnh	5443	43A-839.66	Đà Nẵng	6443	43A-817.33	Đà Nẵng			
4444	38C-211.98	Hà Tĩnh	5444	43A-841.66	Đà Nẵng	6444	43A-817.78	Đà Nẵng			
4445	38C-212.85	Hà Tĩnh	5445	43A-845.54	Đà Nẵng	6445	43A-818.08	Đà Nẵng			
4446	38C-214.77	Hà Tĩnh	5446	43A-845.59	Đà Nẵng	6446	43A-819.69	Đà Nẵng			
4447	38C-214.95	Hà Tĩnh	5447	43A-848.99	Đà Nẵng	6447	43A-832.32	Đà Nẵng			
4448	43A-807.39	Đà Nẵng	5448	43A-849.18	Đà Nẵng	6448	43A-835.16	Đà Nẵng			
4449	43A-822.86	Đà Nẵng	5449	43A-851.79	Đà Nẵng	6449	43A-836.77	Đà Nẵng			
4450	43A-826.09	Đà Nẵng	5450	43A-851.83	Đà Nẵng	6450	43A-837.19	Đà Nẵng			
4451	43A-828.19	Đà Nẵng	5451	43C-289.06	Đà Nẵng	6451	43A-841.35	Đà Nẵng			
4452	43A-830.19	Đà Nẵng	5452	43C-291.08	Đà Nẵng	6452	43A-842.79	Đà Nẵng			
4453	43A-838.08	Đà Nẵng	5453	47A-658.89	Đắk Lắk	6453	43A-845.08	Đà Nẵng			
4454	43A-840.85	Đà Nẵng	5454	47A-661.55	Đắk Lắk	6454	43A-846.38	Đà Nẵng			
4455	43A-840.98	Đà Nẵng	5455	47A-668.62	Đắk Lắk	6455	43A-847.29	Đà Nẵng			
4456	43A-846.29	Đà Nẵng	5456	47A-672.66	Đắk Lắk	6456	43A-847.95	Đà Nẵng			
4457	43A-846.95	Đà Nẵng	5457	47A-672.85	Đắk Lắk	6457	43A-848.48	Đà Nẵng			
4458	43A-850.79	Đà Nẵng	5458	47A-679.58	Đắk Lắk	6458	43A-848.55	Đà Nẵng			
4459	47A-629.89	Đắk Lắk	5459	47A-680.77	Đắk Lắk	6459	43A-848.83	Đà Nẵng			
4460	47A-634.44	Đắk Lắk	5460	47A-680.89	Đắk Lắk	6460	43A-849.65	Đà Nẵng			
4461	47A-637.68	Đắk Lắk	5461	47A-682.00	Đắk Lắk	6461	43A-850.95	Đà Nẵng			
4462	47A-650.68	Đắk Lắk	5462	47A-687.59	Đắk Lắk	6462	43A-851.99	Đà Nẵng			
4463	47A-660.60	Đắk Lắk	5463	47A-687.96	Đắk Lắk	6463	43A-852.65	Đà Nẵng			
4464	47A-664.68	Đắk Lắk	5464	47A-688.55	Đắk Lắk	6464	43C-289.59	Đà Nẵng			
4465	47A-666.34	Đắk Lắk	5465	47A-691.16	Đắk Lắk	6465	43C-291.33	Đà Nẵng			
4466	47A-666.47	Đắk Lắk	5466	47A-691.38	Đắk Lắk	6466	47A-625.39	Đắk Lắk			
4467	47A-666.58	Đắk Lắk	5467	47A-691.68	Đắk Lắk	6467	47A-664.15	Đắk Lắk			
4468	47A-667.95	Đắk Lắk	5468	47A-692.58	Đắk Lắk	6468	47A-664.96	Đắk Lắk			
4469	47A-671.77	Đắk Lắk	5469	47A-692.86	Đắk Lắk	6469	47A-666.07	Đắk Lắk			
4470	47A-672.89	Đắk Lắk	5470	47A-693.85	Đắk Lắk	6470	47A-666.93	Đắk Lắk			
4471	47A-674.58	Đắk Lắk	5471	47A-694.16	Đắk Lắk	6471	47A-668.15	Đắk Lắk			
4472	47A-675.44	Đắk Lắk	5472	47A-697.29	Đắk Lắk	6472	47A-669.08	Đắk Lắk			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4473	47A-678.67	Đắk Lắk	5473	47A-700.86	Đắk Lắk	6473	47A-669.38	Đắk Lắk			
4474	47A-678.69	Đắk Lắk	5474	47A-702.99	Đắk Lắk	6474	47A-673.08	Đắk Lắk			
4475	47A-680.25	Đắk Lắk	5475	47A-703.09	Đắk Lắk	6475	47A-673.86	Đắk Lắk			
4476	47A-680.59	Đắk Lắk	5476	47A-703.77	Đắk Lắk	6476	47A-674.83	Đắk Lắk			
4477	47A-683.15	Đắk Lắk	5477	47A-705.44	Đắk Lắk	6477	47A-676.33	Đắk Lắk			
4478	47A-691.91	Đắk Lắk	5478	47A-707.86	Đắk Lắk	6478	47A-676.58	Đắk Lắk			
4479	47A-701.35	Đắk Lắk	5479	47A-709.90	Đắk Lắk	6479	47A-677.06	Đắk Lắk			
4480	47A-704.06	Đắk Lắk	5480	47C-337.35	Đắk Lắk	6480	47A-682.15	Đắk Lắk			
4481	47A-707.16	Đắk Lắk	5481	47C-340.22	Đắk Lắk	6481	47A-682.77	Đắk Lắk			
4482	47A-709.79	Đắk Lắk	5482	47C-341.69	Đắk Lắk	6482	47A-682.85	Đắk Lắk			
4483	47C-327.66	Đắk Lắk	5483	47C-343.98	Đắk Lắk	6483	47A-683.99	Đắk Lắk			
4484	47C-329.29	Đắk Lắk	5484	47C-344.28	Đắk Lắk	6484	47A-685.08	Đắk Lắk			
4485	47C-336.22	Đắk Lắk	5485	47C-346.18	Đắk Lắk	6485	47A-686.38	Đắk Lắk			
4486	47C-337.69	Đắk Lắk	5486	47C-347.28	Đắk Lắk	6486	47A-688.63	Đắk Lắk			
4487	47C-338.98	Đắk Lắk	5487	47C-348.15	Đắk Lắk	6487	47A-689.59	Đắk Lắk			
4488	47C-339.59	Đắk Lắk	5488	47C-348.16	Đắk Lắk	6488	47A-691.39	Đắk Lắk			
4489	47C-343.18	Đắk Lắk	5489	47C-349.28	Đắk Lắk	6489	47A-691.65	Đắk Lắk			
4490	47C-343.83	Đắk Lắk	5490	48A-208.62	Đắk Nông	6490	47A-691.86	Đắk Lắk			
4491	47C-344.36	Đắk Lắk	5491	48A-208.69	Đắk Nông	6491	47A-692.79	Đắk Lắk			
4492	47C-345.45	Đắk Lắk	5492	48A-209.66	Đắk Nông	6492	47A-695.59	Đắk Lắk			
4493	47C-346.64	Đắk Lắk	5493	48A-211.12	Đắk Nông	6493	47A-698.79	Đắk Lắk			
4494	47C-347.25	Đắk Lắk	5494	48A-212.09	Đắk Nông	6494	47A-699.85	Đắk Lắk			
4495	47C-348.55	Đắk Lắk	5495	48A-212.95	Đắk Nông	6495	47A-700.66	Đắk Lắk			
4496	48A-208.25	Đắk Nông	5496	48A-215.39	Đắk Nông	6496	47A-704.04	Đắk Lắk			
4497	48A-209.58	Đắk Nông	5497	48A-215.69	Đắk Nông	6497	47A-704.18	Đắk Lắk			
4498	48A-210.56	Đắk Nông	5498	48A-216.39	Đắk Nông	6498	47A-706.08	Đắk Lắk			
4499	48A-211.09	Đắk Nông	5499	48A-217.28	Đắk Nông	6499	47A-707.28	Đắk Lắk			
4500	48A-211.15	Đắk Nông	5500	48C-096.79	Đắk Nông	6500	47A-708.22	Đắk Lắk			
4501	48A-213.11	Đắk Nông	5501	48C-100.56	Đắk Nông	6501	47C-323.33	Đắk Lắk			
4502	48A-214.95	Đắk Nông	5502	49A-635.68	Lâm Đồng	6502	47C-336.09	Đắk Lắk			
4503	48A-218.56	Đắk Nông	5503	49A-640.85	Lâm Đồng	6503	47C-336.66	Đắk Lắk			
4504	48A-219.06	Đắk Nông	5504	49A-641.44	Lâm Đồng	6504	47C-339.19	Đắk Lắk			
4505	48A-219.12	Đắk Nông	5505	49A-642.69	Lâm Đồng	6505	47C-340.28	Đắk Lắk			
4506	48C-097.18	Đắk Nông	5506	49A-643.00	Lâm Đồng	6506	47C-342.59	Đắk Lắk			
4507	48C-097.96	Đắk Nông	5507	49A-643.25	Lâm Đồng	6507	47C-343.69	Đắk Lắk			
4508	48C-098.39	Đắk Nông	5508	49A-644.69	Lâm Đồng	6508	47C-346.43	Đắk Lắk			
4509	48C-099.09	Đắk Nông	5509	49A-650.33	Lâm Đồng	6509	47C-348.25	Đắk Lắk			
4510	48C-099.86	Đắk Nông	5510	49A-651.59	Lâm Đồng	6510	47C-348.36	Đắk Lắk			
4511	48C-099.98	Đắk Nông	5511	49A-651.89	Lâm Đồng	6511	48A-210.08	Đắk Nông			
4512	49A-633.44	Lâm Đồng	5512	49A-653.44	Lâm Đồng	6512	48A-212.38	Đắk Nông			
4513	49A-638.93	Lâm Đồng	5513	49A-655.33	Lâm Đồng	6513	48A-213.28	Đắk Nông			
4514	49A-639.15	Lâm Đồng	5514	49A-657.38	Lâm Đồng	6514	48A-216.69	Đắk Nông			
4515	49A-639.25	Lâm Đồng	5515	49A-657.85	Lâm Đồng	6515	48C-098.25	Đắk Nông			
4516	49A-642.29	Lâm Đồng	5516	49A-658.44	Lâm Đồng	6516	49A-631.66	Lâm Đồng			
4517	49A-644.08	Lâm Đồng	5517	49A-659.83	Lâm Đồng	6517	49A-634.39	Lâm Đồng			
4518	49A-648.36	Lâm Đồng	5518	49A-660.08	Lâm Đồng	6518	49A-637.19	Lâm Đồng			
4519	49A-649.15	Lâm Đồng	5519	49A-664.00	Lâm Đồng	6519	49A-639.85	Lâm Đồng			
4520	49A-650.22	Lâm Đồng	5520	49A-667.56	Lâm Đồng	6520	49A-642.38	Lâm Đồng			
4521	49A-651.25	Lâm Đồng	5521	49A-669.82	Lâm Đồng	6521	49A-645.55	Lâm Đồng			
4522	49A-651.44	Lâm Đồng	5522	49A-670.76	Lâm Đồng	6522	49A-647.44	Lâm Đồng			
4523	49A-655.56	Lâm Đồng	5523	49A-671.35	Lâm Đồng	6523	49A-653.69	Lâm Đồng			
4524	49A-659.22	Lâm Đồng	5524	49A-672.72	Lâm Đồng	6524	49A-655.18	Lâm Đồng			
4525	49A-665.36	Lâm Đồng	5525	49A-672.86	Lâm Đồng	6525	49A-656.88	Lâm Đồng			
4526	49A-665.69	Lâm Đồng	5526	49C-342.56	Lâm Đồng	6526	49A-661.44	Lâm Đồng			
4527	49A-666.83	Lâm Đồng	5527	49C-342.59	Lâm Đồng	6527	49A-661.56	Lâm Đồng			
4528	49A-668.33	Lâm Đồng	5528	49C-343.08	Lâm Đồng	6528	49A-663.16	Lâm Đồng			
4529	49A-669.56	Lâm Đồng	5529	49C-343.28	Lâm Đồng	6529	49A-666.37	Lâm Đồng			
4530	49A-669.62	Lâm Đồng	5530	49C-343.58	Lâm Đồng	6530	49A-670.98	Lâm Đồng			
4531	49A-671.28	Lâm Đồng	5531	49C-344.29	Lâm Đồng	6531	49A-671.19	Lâm Đồng			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
4532	49A-671.59	Lâm Đồng	5532	49C-344.33	Lâm Đồng	6532	49A-671.39	Lâm Đồng			
4533	49C-341.19	Lâm Đồng	5533	49C-345.28	Lâm Đồng	6533	49C-346.19	Lâm Đồng			
4534	49C-344.00	Lâm Đồng	5534	49C-347.48	Lâm Đồng	6534	49C-346.36	Lâm Đồng			
4535	49C-344.22	Lâm Đồng	5535	49C-349.86	Lâm Đồng	6535	49C-347.98	Lâm Đồng			
4536	49C-344.28	Lâm Đồng	5536	49C-351.89	Lâm Đồng	6536	49C-348.83	Lâm Đồng			
4537	49C-347.55	Lâm Đồng	5537	49C-352.08	Lâm Đồng	6537	49C-349.19	Lâm Đồng			
4538	49C-351.00	Lâm Đồng	5538	51B-702.99	Hồ Chí Minh	6538	49C-349.49	Lâm Đồng			
4539	49C-351.69	Lâm Đồng	5539	51D-914.88	Hồ Chí Minh	6539	49C-349.94	Lâm Đồng			
4540	51D-912.89	Hồ Chí Minh	5540	51D-920.66	Hồ Chí Minh	6540	51B-703.39	Hồ Chí Minh			
4541	51D-913.89	Hồ Chí Minh	5541	51D-922.33	Hồ Chí Minh	6541	51B-703.89	Hồ Chí Minh			
4542	51D-914.14	Hồ Chí Minh	5542	51D-923.68	Hồ Chí Minh	6542	51D-911.44	Hồ Chí Minh			
4543	51D-918.99	Hồ Chí Minh	5543	51D-924.69	Hồ Chí Minh	6543	51D-911.89	Hồ Chí Minh			
4544	51D-919.88	Hồ Chí Minh	5544	51D-926.79	Hồ Chí Minh	6544	51D-914.66	Hồ Chí Minh			
4545	51D-920.79	Hồ Chí Minh	5545	51D-927.69	Hồ Chí Minh	6545	51D-917.39	Hồ Chí Minh			
4546	51D-923.86	Hồ Chí Minh	5546	51D-930.88	Hồ Chí Minh	6546	51D-919.66	Hồ Chí Minh			
4547	51D-924.99	Hồ Chí Minh	5547	51D-931.11	Hồ Chí Minh	6547	51D-920.39	Hồ Chí Minh			
4548	51D-930.66	Hồ Chí Minh	5548	51D-934.66	Hồ Chí Minh	6548	51D-922.44	Hồ Chí Minh			
4549	51D-931.66	Hồ Chí Minh	5549	51D-936.39	Hồ Chí Minh	6549	51D-922.69	Hồ Chí Minh			
4550	51D-933.69	Hồ Chí Minh	5550	51D-940.89	Hồ Chí Minh	6550	51D-923.79	Hồ Chí Minh			
4551	51D-934.86	Hồ Chí Minh	5551	51D-943.39	Hồ Chí Minh	6551	51D-925.68	Hồ Chí Minh			
4552	51D-936.66	Hồ Chí Minh	5552	51D-943.99	Hồ Chí Minh	6552	51D-925.69	Hồ Chí Minh			
4553	51D-937.39	Hồ Chí Minh	5553	51D-951.11	Hồ Chí Minh	6553	51D-926.69	Hồ Chí Minh			
4554	51D-938.86	Hồ Chí Minh	5554	51D-965.18	Hồ Chí Minh	6554	51D-927.39	Hồ Chí Minh			
4555	51D-938.89	Hồ Chí Minh	5555	51D-980.58	Hồ Chí Minh	6555	51D-928.68	Hồ Chí Minh			
4556	51D-940.66	Hồ Chí Minh	5556	51D-980.88	Hồ Chí Minh	6556	51D-936.89	Hồ Chí Minh			
4557	51D-940.99	Hồ Chí Minh	5557	60C-709.16	Đồng Nai	6557	51D-937.77	Hồ Chí Minh			
4558	51D-942.22	Hồ Chí Minh	5558	60C-710.19	Đồng Nai	6558	51D-938.69	Hồ Chí Minh			
4559	51D-955.26	Hồ Chí Minh	5559	60C-710.89	Đồng Nai	6559	51D-941.11	Hồ Chí Minh			
4560	51D-960.33	Hồ Chí Minh	5560	60C-712.35	Đồng Nai	6560	51D-941.69	Hồ Chí Minh			
4561	51D-966.89	Hồ Chí Minh	5561	60K-423.23	Đồng Nai	6561	51D-942.79	Hồ Chí Minh			
4562	51D-968.79	Hồ Chí Minh	5562	60K-426.39	Đồng Nai	6562	51D-943.68	Hồ Chí Minh			
4563	51E-310.56	Hồ Chí Minh	5563	60K-429.92	Đồng Nai	6563	51D-957.58	Hồ Chí Minh			
4564	60C-693.39	Đồng Nai	5564	60K-431.86	Đồng Nai	6564	51D-960.88	Hồ Chí Minh			
4565	60C-707.68	Đồng Nai	5565	60K-432.23	Đồng Nai	6565	51D-961.19	Hồ Chí Minh			
4566	60C-707.99	Đồng Nai	5566	60K-434.88	Đồng Nai	6566	51D-963.19	Hồ Chí Minh			
4567	60C-710.44	Đồng Nai	5567	60K-442.69	Đồng Nai	6567	51D-967.56	Hồ Chí Minh			
4568	60C-710.96	Đồng Nai	5568	60K-451.38	Đồng Nai	6568	51D-968.86	Hồ Chí Minh			
4569	60C-711.85	Đồng Nai	5569	60K-458.36	Đồng Nai	6569	51D-969.79	Hồ Chí Minh			
4570	60C-713.18	Đồng Nai	5570	60K-459.08	Đồng Nai	6570	51E-210.00	Hồ Chí Minh			
4571	60C-713.58	Đồng Nai	5571	60K-459.44	Đồng Nai	6571	60C-706.66	Đồng Nai			
4572	60K-423.68	Đồng Nai	5572	60K-459.54	Đồng Nai	6572	60C-709.96	Đồng Nai			
4573	60K-432.39	Đồng Nai	5573	60K-461.65	Đồng Nai	6573	60C-712.19	Đồng Nai			
4574	60K-441.86	Đồng Nai	5574	60K-461.98	Đồng Nai	6574	60C-712.28	Đồng Nai			
4575	60K-453.36	Đồng Nai	5575	60K-463.79	Đồng Nai	6575	60K-435.55	Đồng Nai			
4576	60K-455.38	Đồng Nai	5576	60K-466.83	Đồng Nai	6576	60K-435.66	Đồng Nai			
4577	60K-456.99	Đồng Nai	5577	60K-467.18	Đồng Nai	6577	60K-437.73	Đồng Nai			
4578	60K-459.96	Đồng Nai	5578	60K-473.86	Đồng Nai	6578	60K-440.77	Đồng Nai			
4579	60K-463.29	Đồng Nai	5579	60K-474.22	Đồng Nai	6579	60K-452.85	Đồng Nai			
4580	60K-465.06	Đồng Nai	5580	60K-478.39	Đồng Nai	6580	60K-458.58	Đồng Nai			
4581	60K-466.15	Đồng Nai	5581	60K-478.89	Đồng Nai	6581	60K-460.26	Đồng Nai			
4582	60K-466.44	Đồng Nai	5582	60K-480.38	Đồng Nai	6582	60K-460.65	Đồng Nai			
4583	60K-467.46	Đồng Nai	5583	60K-481.83	Đồng Nai	6583	60K-462.00	Đồng Nai			
4584	60K-468.08	Đồng Nai	5584	60K-484.11	Đồng Nai	6584	60K-462.22	Đồng Nai			
4585	60K-470.26	Đồng Nai	5585	60K-487.18	Đồng Nai	6585	60K-462.69	Đồng Nai			
4586	60K-470.89	Đồng Nai	5586	60K-488.35	Đồng Nai	6586	60K-462.88	Đồng Nai			
4587	60K-471.38	Đồng Nai	5587	60K-489.16	Đồng Nai	6587	60K-464.98	Đồng Nai			
4588	60K-472.11	Đồng Nai	5588	60K-491.00	Đồng Nai	6588	60K-465.28	Đồng Nai			
4589	60K-472.98	Đồng Nai	5589	60K-492.88	Đồng Nai	6589	60K-465.99	Đồng Nai			
4590	60K-473.37	Đồng Nai	5590	60K-493.68	Đồng Nai	6590	60K-468.15	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4591	60K-473.59	Đồng Nai	5591	61C-557.89	Bình Dương	6591	60K-470.95	Đồng Nai			
4592	60K-474.00	Đồng Nai	5592	61C-565.85	Bình Dương	6592	60K-471.33	Đồng Nai			
4593	60K-474.85	Đồng Nai	5593	61C-571.58	Bình Dương	6593	60K-471.74	Đồng Nai			
4594	60K-475.35	Đồng Nai	5594	61K-309.86	Bình Dương	6594	60K-472.89	Đồng Nai			
4595	60K-478.22	Đồng Nai	5595	61K-313.33	Bình Dương	6595	60K-475.74	Đồng Nai			
4596	60K-479.66	Đồng Nai	5596	61K-316.89	Bình Dương	6596	60K-475.95	Đồng Nai			
4597	60K-479.74	Đồng Nai	5597	61K-336.63	Bình Dương	6597	60K-477.68	Đồng Nai			
4598	60K-480.39	Đồng Nai	5598	61K-340.89	Bình Dương	6598	60K-478.16	Đồng Nai			
4599	60K-480.86	Đồng Nai	5599	61K-352.19	Bình Dương	6599	60K-480.11	Đồng Nai			
4600	60K-480.88	Đồng Nai	5600	61K-352.77	Bình Dương	6600	60K-482.65	Đồng Nai			
4601	60K-481.58	Đồng Nai	5601	61K-352.96	Bình Dương	6601	60K-485.15	Đồng Nai			
4602	60K-485.11	Đồng Nai	5602	61K-353.96	Bình Dương	6602	60K-489.19	Đồng Nai			
4603	60K-485.44	Đồng Nai	5603	61K-357.26	Bình Dương	6603	60K-490.83	Đồng Nai			
4604	60K-485.83	Đồng Nai	5604	61K-357.59	Bình Dương	6604	60K-490.99	Đồng Nai			
4605	60K-487.98	Đồng Nai	5605	61K-357.93	Bình Dương	6605	60K-494.18	Đồng Nai			
4606	60K-488.29	Đồng Nai	5606	61K-358.55	Bình Dương	6606	61B-040.68	Bình Dương			
4607	60K-489.33	Đồng Nai	5607	61K-358.89	Bình Dương	6607	61C-555.53	Bình Dương			
4608	60K-489.69	Đồng Nai	5608	61K-361.95	Bình Dương	6608	61C-565.18	Bình Dương			
4609	60K-490.33	Đồng Nai	5609	61K-362.63	Bình Dương	6609	61C-568.58	Bình Dương			
4610	60K-493.33	Đồng Nai	5610	61K-363.03	Bình Dương	6610	61C-569.08	Bình Dương			
4611	60K-494.99	Đồng Nai	5611	61K-364.95	Bình Dương	6611	61C-572.29	Bình Dương			
4612	60K-495.69	Đồng Nai	5612	61K-374.99	Bình Dương	6612	61D-018.56	Bình Dương			
4613	61C-561.18	Bình Dương	5613	61K-375.22	Bình Dương	6613	61K-315.88	Bình Dương			
4614	61C-566.39	Bình Dương	5614	61K-376.99	Bình Dương	6614	61K-321.99	Bình Dương			
4615	61C-568.22	Bình Dương	5615	61K-378.66	Bình Dương	6615	61K-350.79	Bình Dương			
4616	61C-568.59	Bình Dương	5616	61K-381.16	Bình Dương	6616	61K-350.99	Bình Dương			
4617	61C-568.88	Bình Dương	5617	61K-381.66	Bình Dương	6617	61K-352.06	Bình Dương			
4618	61K-328.39	Bình Dương	5618	61K-385.85	Bình Dương	6618	61K-352.22	Bình Dương			
4619	61K-330.88	Bình Dương	5619	61K-388.69	Bình Dương	6619	61K-356.39	Bình Dương			
4620	61K-333.58	Bình Dương	5620	61K-389.83	Bình Dương	6620	61K-358.95	Bình Dương			
4621	61K-336.39	Bình Dương	5621	61K-391.38	Bình Dương	6621	61K-359.19	Bình Dương			
4622	61K-337.39	Bình Dương	5622	61K-392.29	Bình Dương	6622	61K-359.89	Bình Dương			
4623	61K-350.18	Bình Dương	5623	61K-394.39	Bình Dương	6623	61K-360.19	Bình Dương			
4624	61K-354.09	Bình Dương	5624	61K-396.77	Bình Dương	6624	61K-362.06	Bình Dương			
4625	61K-354.36	Bình Dương	5625	62A-381.99	Long An	6625	61K-365.86	Bình Dương			
4626	61K-354.39	Bình Dương	5626	62A-387.79	Long An	6626	61K-365.89	Bình Dương			
4627	61K-354.79	Bình Dương	5627	62A-397.69	Long An	6627	61K-369.25	Bình Dương			
4628	61K-355.62	Bình Dương	5628	62A-398.55	Long An	6628	61K-371.25	Bình Dương			
4629	61K-359.95	Bình Dương	5629	62A-398.58	Long An	6629	61K-371.55	Bình Dương			
4630	61K-361.36	Bình Dương	5630	62A-399.11	Long An	6630	61K-371.79	Bình Dương			
4631	61K-362.22	Bình Dương	5631	62A-399.25	Long An	6631	61K-373.66	Bình Dương			
4632	61K-364.19	Bình Dương	5632	62A-402.19	Long An	6632	61K-373.85	Bình Dương			
4633	61K-366.89	Bình Dương	5633	62A-403.06	Long An	6633	61K-374.19	Bình Dương			
4634	61K-372.16	Bình Dương	5634	62A-404.04	Long An	6634	61K-375.75	Bình Dương			
4635	61K-373.65	Bình Dương	5635	62A-405.33	Long An	6635	61K-376.67	Bình Dương			
4636	61K-374.47	Bình Dương	5636	62A-407.56	Long An	6636	61K-377.38	Bình Dương			
4637	61K-377.15	Bình Dương	5637	62A-407.79	Long An	6637	61K-378.44	Bình Dương			
4638	61K-379.15	Bình Dương	5638	62A-408.98	Long An	6638	61K-378.89	Bình Dương			
4639	61K-380.33	Bình Dương	5639	62A-409.40	Long An	6639	61K-379.29	Bình Dương			
4640	61K-381.26	Bình Dương	5640	62A-409.65	Long An	6640	61K-383.68	Bình Dương			
4641	61K-382.00	Bình Dương	5641	62A-412.28	Long An	6641	61K-384.55	Bình Dương			
4642	61K-383.95	Bình Dương	5642	62A-413.06	Long An	6642	61K-387.39	Bình Dương			
4643	61K-384.16	Bình Dương	5643	62A-414.55	Long An	6643	61K-387.55	Bình Dương			
4644	61K-384.88	Bình Dương	5644	62A-414.88	Long An	6644	61K-387.65	Bình Dương			
4645	61K-385.66	Bình Dương	5645	62A-416.56	Long An	6645	61K-388.44	Bình Dương			
4646	61K-389.85	Bình Dương	5646	62A-417.26	Long An	6646	61K-389.11	Bình Dương			
4647	61K-391.22	Bình Dương	5647	66A-258.35	Đồng Tháp	6647	61K-390.38	Bình Dương			
4648	61K-393.65	Bình Dương	5648	66C-169.15	Đồng Tháp	6648	61K-394.38	Bình Dương			
4649	61K-395.36	Bình Dương	5649	70A-487.77	Tây Ninh	6649	61K-395.58	Bình Dương			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4650	61K-396.55	Bình Dương	5650	70A-487.99	Tây Ninh	6650	62A-397.09	Long An			
4651	62A-381.88	Long An	5651	70A-493.99	Tây Ninh	6651	62A-402.55	Long An			
4652	62A-385.86	Long An	5652	70A-495.09	Tây Ninh	6652	62A-405.09	Long An			
4653	62A-386.39	Long An	5653	70A-495.86	Tây Ninh	6653	62A-405.26	Long An			
4654	62A-398.65	Long An	5654	70A-499.33	Tây Ninh	6654	62A-405.35	Long An			
4655	62A-399.26	Long An	5655	70A-500.16	Tây Ninh	6655	62A-405.39	Long An			
4656	62A-399.66	Long An	5656	70A-503.36	Tây Ninh	6656	62A-406.00	Long An			
4657	62A-399.95	Long An	5657	70A-505.36	Tây Ninh	6657	62A-407.28	Long An			
4658	62A-400.40	Long An	5658	70A-505.39	Tây Ninh	6658	62A-410.36	Long An			
4659	62A-404.08	Long An	5659	70A-507.00	Tây Ninh	6659	62A-411.33	Long An			
4660	62A-404.39	Long An	5660	70A-508.56	Tây Ninh	6660	62A-412.18	Long An			
4661	62A-407.11	Long An	5661	70A-512.22	Tây Ninh	6661	62A-414.41	Long An			
4662	62A-408.44	Long An	5662	70A-514.36	Tây Ninh	6662	62A-415.11	Long An			
4663	62A-411.59	Long An	5663	70A-514.56	Tây Ninh	6663	62A-416.00	Long An			
4664	62A-414.15	Long An	5664	70A-515.75	Tây Ninh	6664	66C-169.00	Đồng Tháp			
4665	62A-416.29	Long An	5665	70A-519.08	Tây Ninh	6665	70A-494.56	Tây Ninh			
4666	66A-258.26	Đồng Tháp	5666	70A-519.16	Tây Ninh	6666	70A-497.59	Tây Ninh			
4667	66A-258.85	Đồng Tháp	5667	70A-521.68	Tây Ninh	6667	70A-501.22	Tây Ninh			
4668	66C-170.11	Đồng Tháp	5668	70A-522.44	Tây Ninh	6668	70A-507.70	Tây Ninh			
4669	70A-494.86	Tây Ninh	5669	70C-192.88	Tây Ninh	6669	70A-508.38	Tây Ninh			
4670	70A-494.99	Tây Ninh	5670	72A-748.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	6670	70A-509.05	Tây Ninh			
4671	70A-503.09	Tây Ninh	5671	72A-750.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	6671	70A-509.36	Tây Ninh			
4672	70A-506.79	Tây Ninh	5672	72A-750.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	6672	70A-509.58	Tây Ninh			
4673	70A-509.98	Tây Ninh	5673	72A-751.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	6673	70A-511.16	Tây Ninh			
4674	70A-510.33	Tây Ninh	5674	72A-751.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	6674	70A-516.33	Tây Ninh			
4675	70A-512.16	Tây Ninh	5675	72A-751.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	6675	70A-516.83	Tây Ninh			
4676	70A-512.55	Tây Ninh	5676	72A-753.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	6676	70A-516.95	Tây Ninh			
4677	70A-512.82	Tây Ninh	5677	72A-754.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	6677	70A-517.86	Tây Ninh			
4678	70A-514.39	Tây Ninh	5678	72A-755.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	6678	70A-518.28	Tây Ninh			
4679	70A-515.36	Tây Ninh	5679	72A-757.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	6679	70A-519.82	Tây Ninh			
4680	70A-515.59	Tây Ninh	5680	72A-761.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	6680	70A-520.10	Tây Ninh			
4681	70A-516.16	Tây Ninh	5681	72A-762.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	6681	70A-520.77	Tây Ninh			
4682	70A-516.85	Tây Ninh	5682	72A-763.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	6682	70A-522.55	Tây Ninh			
4683	70A-517.39	Tây Ninh	5683	72A-763.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	6683	70C-197.26	Tây Ninh			
4684	70A-517.77	Tây Ninh	5684	72A-764.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	6684	72A-748.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4685	70A-519.93	Tây Ninh	5685	72A-764.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	6685	72A-751.08	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4686	70C-196.66	Tây Ninh	5686	72A-765.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	6686	72A-751.26	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4687	70C-197.08	Tây Ninh	5687	72A-767.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	6687	72A-752.96	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4688	70C-197.69	Tây Ninh	5688	72A-768.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	6688	72A-754.36	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4689	72A-748.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	5689	72A-768.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	6689	72A-755.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4690	72A-749.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	5690	72A-770.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	6690	72A-756.85	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4691	72A-750.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	5691	72A-771.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	6691	72A-757.96	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4692	72A-751.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	5692	72A-771.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	6692	72A-760.18	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4693	72A-751.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	5693	72A-771.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	6693	72A-760.19	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4694	72A-752.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	5694	72A-774.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	6694	72A-760.96	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4695	72A-754.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	5695	72A-777.01	Bà Rịa - Vũng Tàu	6695	72A-761.38	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4696	72A-757.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	5696	72A-777.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	6696	72A-762.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4697	72A-757.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	5697	72A-777.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	6697	72A-764.58	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4698	72A-759.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	5698	72A-779.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	6698	72A-768.76	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4699	72A-760.76	Bà Rịa - Vũng Tàu	5699	72A-781.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	6699	72A-769.58	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4700	72A-760.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	5700	72A-782.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	6700	72A-771.98	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4701	72A-763.15	Bà Rịa - Vũng Tàu	5701	72A-783.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	6701	72A-773.65	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4702	72A-763.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	5702	72C-223.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	6702	72A-780.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4703	72A-764.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	5703	72D-006.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	6703	72A-780.68	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4704	72A-765.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	5704	73A-323.55	Quảng Bình	6704	72A-781.44	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4705	72A-767.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	5705	73A-325.35	Quảng Bình	6705	72A-783.26	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4706	72A-767.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	5706	73A-326.56	Quảng Bình	6706	72C-224.09	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4707	72A-768.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	5707	73A-327.00	Quảng Bình	6707	72C-224.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
4708	72A-769.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	5708	73A-327.15	Quảng Bình	6708	73A-325.28	Quảng Bình			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4709	72A-770.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	5709	73A-327.26	Quảng Bình	6709	73A-329.86	Quảng Bình			
4710	72A-771.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	5710	73A-327.88	Quảng Bình	6710	73A-330.15	Quảng Bình			
4711	72A-775.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	5711	73A-328.29	Quảng Bình	6711	73A-332.11	Quảng Bình			
4712	72A-776.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	5712	73A-329.96	Quảng Bình	6712	73A-334.33	Quảng Bình			
4713	72A-778.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	5713	73A-330.55	Quảng Bình	6713	73A-334.68	Quảng Bình			
4714	72A-782.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	5714	73A-331.06	Quảng Bình	6714	73C-169.86	Quảng Bình			
4715	72A-782.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	5715	73A-331.85	Quảng Bình	6715	73C-170.59	Quảng Bình			
4716	72B-041.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	5716	73A-335.26	Quảng Bình	6716	73C-172.99	Quảng Bình			
4717	72C-223.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	5717	73A-336.83	Quảng Bình	6717	73C-174.06	Quảng Bình			
4718	73A-322.39	Quảng Bình	5718	73C-171.79	Quảng Bình	6718	74A-242.44	Quảng Trị			
4719	73A-326.58	Quảng Bình	5719	74A-244.69	Quảng Trị	6719	74A-242.83	Quảng Trị			
4720	73A-327.66	Quảng Bình	5720	74A-247.09	Quảng Trị	6720	74A-244.36	Quảng Trị			
4721	73A-330.29	Quảng Bình	5721	74A-247.89	Quảng Trị	6721	74A-246.64	Quảng Trị			
4722	73A-331.16	Quảng Bình	5722	74A-249.33	Quảng Trị	6722	74A-249.59	Quảng Trị			
4723	73A-333.15	Quảng Bình	5723	74A-249.55	Quảng Trị	6723	74A-250.52	Quảng Trị			
4724	73C-171.89	Quảng Bình	5724	74A-249.68	Quảng Trị	6724	74A-253.18	Quảng Trị			
4725	73C-172.18	Quảng Bình	5725	74A-249.85	Quảng Trị	6725	74C-128.00	Quảng Trị			
4726	73C-173.73	Quảng Bình	5726	74A-250.44	Quảng Trị	6726	74C-130.25	Quảng Trị			
4727	74A-243.35	Quảng Trị	5727	74A-252.83	Quảng Trị	6727	75A-349.58	Thừa Thiên Huế			
4728	74A-243.83	Quảng Trị	5728	74A-255.00	Quảng Trị	6728	75A-350.50	Thừa Thiên Huế			
4729	74A-245.69	Quảng Trị	5729	74A-255.18	Quảng Trị	6729	75A-351.83	Thừa Thiên Huế			
4730	74A-247.28	Quảng Trị	5730	74B-013.56	Quảng Trị	6730	75A-352.29	Thừa Thiên Huế			
4731	74A-250.85	Quảng Trị	5731	74C-127.98	Quảng Trị	6731	75A-353.15	Thừa Thiên Huế			
4732	74A-253.86	Quảng Trị	5732	74C-129.56	Quảng Trị	6732	75A-354.39	Thừa Thiên Huế			
4733	74A-254.09	Quảng Trị	5733	75A-348.96	Thừa Thiên Huế	6733	75A-359.98	Thừa Thiên Huế			
4734	74A-255.28	Quảng Trị	5734	75A-349.77	Thừa Thiên Huế	6734	75A-360.26	Thừa Thiên Huế			
4735	74C-131.08	Quảng Trị	5735	75A-351.96	Thừa Thiên Huế	6735	75A-361.35	Thừa Thiên Huế			
4736	75A-336.69	Thừa Thiên Huế	5736	75A-354.36	Thừa Thiên Huế	6736	75A-362.19	Thừa Thiên Huế			
4737	75A-341.69	Thừa Thiên Huế	5737	75A-354.38	Thừa Thiên Huế	6737	75A-363.59	Thừa Thiên Huế			
4738	75A-348.06	Thừa Thiên Huế	5738	75A-360.56	Thừa Thiên Huế	6738	75C-150.56	Thừa Thiên Huế			
4739	75A-349.22	Thừa Thiên Huế	5739	75A-363.09	Thừa Thiên Huế	6739	76A-288.35	Quảng Ngãi			
4740	75A-351.29	Thừa Thiên Huế	5740	75A-364.16	Thừa Thiên Huế	6740	76A-289.59	Quảng Ngãi			
4741	75A-354.15	Thừa Thiên Huế	5741	75A-364.22	Thừa Thiên Huế	6741	76A-290.59	Quảng Ngãi			
4742	75A-354.58	Thừa Thiên Huế	5742	75A-364.66	Thừa Thiên Huế	6742	76A-291.26	Quảng Ngãi			
4743	75A-361.28	Thừa Thiên Huế	5743	75C-148.33	Thừa Thiên Huế	6743	76A-292.68	Quảng Ngãi			
4744	75A-362.89	Thừa Thiên Huế	5744	75C-149.86	Thừa Thiên Huế	6744	76A-293.16	Quảng Ngãi			
4745	75C-148.36	Thừa Thiên Huế	5745	76A-286.77	Quảng Ngãi	6745	76A-296.96	Quảng Ngãi			
4746	76A-286.58	Quảng Ngãi	5746	76A-287.55	Quảng Ngãi	6746	76C-162.66	Quảng Ngãi			
4747	76A-287.44	Quảng Ngãi	5747	76A-291.29	Quảng Ngãi	6747	76C-167.67	Quảng Ngãi			
4748	76A-289.09	Quảng Ngãi	5748	76A-294.98	Quảng Ngãi	6748	76C-167.77	Quảng Ngãi			
4749	76A-289.96	Quảng Ngãi	5749	76A-296.06	Quảng Ngãi	6749	76C-170.85	Quảng Ngãi			
4750	76A-290.38	Quảng Ngãi	5750	76A-299.25	Quảng Ngãi	6750	76C-172.06	Quảng Ngãi			
4751	76A-290.89	Quảng Ngãi	5751	76A-301.01	Quảng Ngãi	6751	77A-300.80	Bình Định			
4752	76A-292.00	Quảng Ngãi	5752	76B-023.58	Quảng Ngãi	6752	77A-304.25	Bình Định			
4753	76A-292.96	Quảng Ngãi	5753	76C-167.88	Quảng Ngãi	6753	77A-304.59	Bình Định			
4754	76A-295.29	Quảng Ngãi	5754	76C-171.11	Quảng Ngãi	6754	77A-305.86	Bình Định			
4755	76A-301.02	Quảng Ngãi	5755	77A-302.85	Bình Định	6755	77A-306.11	Bình Định			
4756	76C-171.44	Quảng Ngãi	5756	77A-307.19	Bình Định	6756	77A-306.18	Bình Định			
4757	76C-171.56	Quảng Ngãi	5757	77A-307.26	Bình Định	6757	77A-307.68	Bình Định			
4758	77A-301.89	Bình Định	5758	77A-309.86	Bình Định	6758	77A-312.22	Bình Định			
4759	77A-303.19	Bình Định	5759	77A-310.95	Bình Định	6759	77A-313.98	Bình Định			
4760	77A-306.85	Bình Định	5760	77A-311.36	Bình Định	6760	77A-315.99	Bình Định			
4761	77A-307.88	Bình Định	5761	77A-313.33	Bình Định	6761	77C-240.99	Bình Định			
4762	77A-308.56	Bình Định	5762	77A-313.69	Bình Định	6762	77C-241.59	Bình Định			
4763	77A-308.65	Bình Định	5763	77A-314.33	Bình Định	6763	77C-243.59	Bình Định			
4764	77A-311.25	Bình Định	5764	77A-314.79	Bình Định	6764	77C-245.58	Bình Định			
4765	77A-311.65	Bình Định	5765	77A-315.13	Bình Định	6765	78A-186.65	Phú Yên			
4766	77A-311.68	Bình Định	5766	77A-315.25	Bình Định	6766	78A-187.25	Phú Yên			
4767	77A-311.95	Bình Định	5767	77A-315.35	Bình Định	6767	78A-188.08	Phú Yên			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4768	77A-314.28	Bình Định	5768	77C-244.59	Bình Định	6768	78A-190.09	Phú Yên			
4769	77A-315.79	Bình Định	5769	77C-245.24	Bình Định	6769	78A-190.66	Phú Yên			
4770	77A-316.19	Bình Định	5770	78A-185.26	Phú Yên	6770	78A-192.55	Phú Yên			
4771	77A-316.35	Bình Định	5771	78A-186.00	Phú Yên	6771	78A-192.68	Phú Yên			
4772	77A-316.61	Bình Định	5772	78A-187.77	Phú Yên	6772	78A-195.65	Phú Yên			
4773	77C-243.15	Bình Định	5773	78A-190.11	Phú Yên	6773	78C-742.95	Phú Yên			
4774	77C-243.33	Bình Định	5774	78A-191.68	Phú Yên	6774	78C-743.39	Phú Yên			
4775	77C-243.38	Bình Định	5775	78A-193.16	Phú Yên	6775	78C-743.65	Phú Yên			
4776	77C-244.39	Bình Định	5776	78A-194.08	Phú Yên	6776	79A-501.10	Khánh Hòa			
4777	78A-186.44	Phú Yên	5777	78A-196.91	Phú Yên	6777	79A-501.26	Khánh Hòa			
4778	78A-187.22	Phú Yên	5778	78A-197.09	Phú Yên	6778	79A-502.29	Khánh Hòa			
4779	78A-187.95	Phú Yên	5779	78A-197.19	Phú Yên	6779	79A-503.58	Khánh Hòa			
4780	78A-188.25	Phú Yên	5780	79A-500.06	Khánh Hòa	6780	79A-505.33	Khánh Hòa			
4781	78A-190.99	Phú Yên	5781	79A-505.44	Khánh Hòa	6781	79A-506.35	Khánh Hòa			
4782	78A-193.33	Phú Yên	5782	79A-507.29	Khánh Hòa	6782	79A-508.18	Khánh Hòa			
4783	78A-195.06	Phú Yên	5783	79A-508.82	Khánh Hòa	6783	79A-508.39	Khánh Hòa			
4784	78A-196.19	Phú Yên	5784	79A-512.18	Khánh Hòa	6784	79A-508.50	Khánh Hòa			
4785	78A-196.29	Phú Yên	5785	79A-512.28	Khánh Hòa	6785	79A-508.85	Khánh Hòa			
4786	78C-741.96	Phú Yên	5786	79A-515.86	Khánh Hòa	6786	79A-511.59	Khánh Hòa			
4787	79A-504.58	Khánh Hòa	5787	79A-518.15	Khánh Hòa	6787	79A-513.69	Khánh Hòa			
4788	79A-507.33	Khánh Hòa	5788	79A-523.33	Khánh Hòa	6788	79A-514.56	Khánh Hòa			
4789	79A-507.44	Khánh Hòa	5789	79A-524.25	Khánh Hòa	6789	79A-515.88	Khánh Hòa			
4790	79A-509.58	Khánh Hòa	5790	79C-208.19	Khánh Hòa	6790	79A-516.28	Khánh Hòa			
4791	79A-510.65	Khánh Hòa	5791	79C-211.59	Khánh Hòa	6791	79A-518.22	Khánh Hòa			
4792	79A-511.77	Khánh Hòa	5792	81A-384.26	Gia Lai	6792	79A-518.81	Khánh Hòa			
4793	79A-511.85	Khánh Hòa	5793	81A-385.59	Gia Lai	6793	79A-520.98	Khánh Hòa			
4794	79A-513.99	Khánh Hòa	5794	81A-386.92	Gia Lai	6794	79A-522.26	Khánh Hòa			
4795	79A-517.28	Khánh Hòa	5795	81A-387.69	Gia Lai	6795	79A-523.95	Khánh Hòa			
4796	79A-519.51	Khánh Hòa	5796	81A-388.11	Gia Lai	6796	79C-210.08	Khánh Hòa			
4797	79A-521.18	Khánh Hòa	5797	81A-390.88	Gia Lai	6797	79C-210.77	Khánh Hòa			
4798	79A-521.26	Khánh Hòa	5798	81A-391.89	Gia Lai	6798	79C-210.99	Khánh Hòa			
4799	79A-524.95	Khánh Hòa	5799	81A-393.28	Gia Lai	6799	79C-212.00	Khánh Hòa			
4800	79C-210.16	Khánh Hòa	5800	81A-394.93	Gia Lai	6800	79C-212.29	Khánh Hòa			
4801	79C-211.36	Khánh Hòa	5801	81A-396.33	Gia Lai	6801	81A-377.39	Gia Lai			
4802	79C-212.19	Khánh Hòa	5802	81A-396.36	Gia Lai	6802	81A-380.09	Gia Lai			
4803	81A-381.11	Gia Lai	5803	81A-396.69	Gia Lai	6803	81A-381.16	Gia Lai			
4804	81A-381.38	Gia Lai	5804	81A-397.18	Gia Lai	6804	81A-381.89	Gia Lai			
4805	81A-381.56	Gia Lai	5805	81A-397.44	Gia Lai	6805	81A-384.22	Gia Lai			
4806	81A-381.85	Gia Lai	5806	81A-397.66	Gia Lai	6806	81A-386.77	Gia Lai			
4807	81A-383.99	Gia Lai	5807	81A-399.16	Gia Lai	6807	81A-387.16	Gia Lai			
4808	81A-385.65	Gia Lai	5808	81A-400.04	Gia Lai	6808	81A-391.11	Gia Lai			
4809	81A-386.69	Gia Lai	5809	81A-400.88	Gia Lai	6809	81A-391.55	Gia Lai			
4810	81A-387.78	Gia Lai	5810	81A-401.26	Gia Lai	6810	81A-391.86	Gia Lai			
4811	81A-389.69	Gia Lai	5811	81A-402.68	Gia Lai	6811	81A-392.58	Gia Lai			
4812	81A-390.58	Gia Lai	5812	81C-252.26	Gia Lai	6812	81A-393.26	Gia Lai			
4813	81A-390.86	Gia Lai	5813	81C-252.33	Gia Lai	6813	81A-394.68	Gia Lai			
4814	81A-392.19	Gia Lai	5814	81C-254.77	Gia Lai	6814	81A-396.59	Gia Lai			
4815	81A-394.09	Gia Lai	5815	81C-256.19	Gia Lai	6815	81A-400.83	Gia Lai			
4816	81A-394.58	Gia Lai	5816	81C-256.68	Gia Lai	6816	81A-402.56	Gia Lai			
4817	81A-397.89	Gia Lai	5817	81C-257.68	Gia Lai	6817	81C-252.38	Gia Lai			
4818	81A-399.09	Gia Lai	5818	81C-258.09	Gia Lai	6818	81C-256.39	Gia Lai			
4819	81A-401.22	Gia Lai	5819	81C-259.38	Gia Lai	6819	81C-257.85	Gia Lai			
4820	81A-401.44	Gia Lai	5820	82A-127.88	Kon Tum	6820	81C-258.33	Gia Lai			
4821	81C-245.79	Gia Lai	5821	82A-139.18	Kon Tum	6821	81C-261.00	Gia Lai			
4822	81C-254.18	Gia Lai	5822	82A-141.86	Kon Tum	6822	82A-132.79	Kon Tum			
4823	81C-255.06	Gia Lai	5823	82A-145.18	Kon Tum	6823	82A-133.88	Kon Tum			
4824	81C-256.98	Gia Lai	5824	82A-145.25	Kon Tum	6824	82A-133.99	Kon Tum			
4825	81C-258.36	Gia Lai	5825	82C-076.89	Kon Tum	6825	82A-134.99	Kon Tum			
4826	81C-259.39	Gia Lai	5826	82C-077.69	Kon Tum	6826	82A-139.09	Kon Tum			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4827	81C-260.22	Gia Lai	5827	84C-118.08	Trà Vinh	6827	82A-139.28	Kon Tum			
4828	81C-260.99	Gia Lai	5828	85A-131.56	Ninh Thuận	6828	82A-139.58	Kon Tum			
4829	82A-133.77	Kon Tum	5829	85A-131.59	Ninh Thuận	6829	82A-142.66	Kon Tum			
4830	82A-134.88	Kon Tum	5830	85A-133.00	Ninh Thuận	6830	82A-143.88	Kon Tum			
4831	82A-140.28	Kon Tum	5831	85C-079.08	Ninh Thuận	6831	82A-145.08	Kon Tum			
4832	82A-140.41	Kon Tum	5832	86A-280.63	Bình Thuận	6832	82C-080.86	Kon Tum			
4833	82A-142.00	Kon Tum	5833	86A-280.85	Bình Thuận	6833	84C-117.28	Trà Vinh			
4834	82A-142.16	Kon Tum	5834	86A-282.33	Bình Thuận	6834	85A-129.59	Ninh Thuận			
4835	82A-144.18	Kon Tum	5835	86A-283.25	Bình Thuận	6835	85A-133.22	Ninh Thuận			
4836	82A-145.06	Kon Tum	5836	86A-283.35	Bình Thuận	6836	85A-134.38	Ninh Thuận			
4837	82C-077.68	Kon Tum	5837	86A-283.85	Bình Thuận	6837	85A-135.38	Ninh Thuận			
4838	82C-079.69	Kon Tum	5838	86A-283.95	Bình Thuận	6838	85C-078.55	Ninh Thuận			
4839	82C-081.99	Kon Tum	5839	86A-284.79	Bình Thuận	6839	86A-281.15	Bình Thuận			
4840	82C-083.88	Kon Tum	5840	86A-285.59	Bình Thuận	6840	86A-281.55	Bình Thuận			
4841	82C-087.39	Kon Tum	5841	86A-285.77	Bình Thuận	6841	86A-282.39	Bình Thuận			
4842	82C-088.06	Kon Tum	5842	86A-285.83	Bình Thuận	6842	86A-284.59	Bình Thuận			
4843	82C-089.06	Kon Tum	5843	86A-288.09	Bình Thuận	6843	86A-286.56	Bình Thuận			
4844	82C-089.56	Kon Tum	5844	86A-288.83	Bình Thuận	6844	86A-287.36	Bình Thuận			
4845	82D-004.39	Kon Tum	5845	86A-289.15	Bình Thuận	6845	86A-287.86	Bình Thuận			
4846	85A-125.79	Ninh Thuận	5846	86A-296.25	Bình Thuận	6846	86A-290.15	Bình Thuận			
4847	85A-128.68	Ninh Thuận	5847	86C-192.56	Bình Thuận	6847	86A-291.15	Bình Thuận			
4848	85A-129.11	Ninh Thuận	5848	86C-193.38	Bình Thuận	6848	86A-291.55	Bình Thuận			
4849	85A-130.00	Ninh Thuận	5849	86C-193.89	Bình Thuận	6849	86A-292.68	Bình Thuận			
4850	85A-130.39	Ninh Thuận	5850	86C-194.16	Bình Thuận	6850	86A-292.99	Bình Thuận			
4851	85A-131.08	Ninh Thuận	5851	86C-194.29	Bình Thuận	6851	86C-191.15	Bình Thuận			
4852	85A-132.88	Ninh Thuận	5852	88A-652.89	Vĩnh Phúc	6852	86C-192.36	Bình Thuận			
4853	85A-134.06	Ninh Thuận	5853	88A-664.56	Vĩnh Phúc	6853	86C-192.86	Bình Thuận			
4854	85A-134.26	Ninh Thuận	5854	88A-665.39	Vĩnh Phúc	6854	86C-193.66	Bình Thuận			
4855	85A-135.06	Ninh Thuận	5855	88A-666.06	Vĩnh Phúc	6855	86C-194.85	Bình Thuận			
4856	85C-078.44	Ninh Thuận	5856	88A-671.71	Vĩnh Phúc	6856	86C-196.58	Bình Thuận			
4857	86A-281.59	Bình Thuận	5857	88A-672.88	Vĩnh Phúc	6857	88A-657.77	Vĩnh Phúc			
4858	86A-282.16	Bình Thuận	5858	88A-674.85	Vĩnh Phúc	6858	88A-662.58	Vĩnh Phúc			
4859	86A-282.26	Bình Thuận	5859	88A-676.55	Vĩnh Phúc	6859	88A-664.16	Vĩnh Phúc			
4860	86A-290.77	Bình Thuận	5860	88A-678.36	Vĩnh Phúc	6860	88A-665.44	Vĩnh Phúc			
4861	86A-292.59	Bình Thuận	5861	88A-681.15	Vĩnh Phúc	6861	88A-665.89	Vĩnh Phúc			
4862	86C-193.39	Bình Thuận	5862	88A-682.06	Vĩnh Phúc	6862	88A-669.33	Vĩnh Phúc			
4863	86C-193.63	Bình Thuận	5863	88A-684.35	Vĩnh Phúc	6863	88A-669.63	Vĩnh Phúc			
4864	86C-193.91	Bình Thuận	5864	88A-687.87	Vĩnh Phúc	6864	88A-669.85	Vĩnh Phúc			
4865	86C-196.25	Bình Thuận	5865	88A-690.00	Vĩnh Phúc	6865	88A-669.98	Vĩnh Phúc			
4866	88A-652.68	Vĩnh Phúc	5866	88A-691.22	Vĩnh Phúc	6866	88A-670.06	Vĩnh Phúc			
4867	88A-652.69	Vĩnh Phúc	5867	88A-693.55	Vĩnh Phúc	6867	88A-671.17	Vĩnh Phúc			
4868	88A-656.39	Vĩnh Phúc	5868	88A-694.56	Vĩnh Phúc	6868	88A-672.76	Vĩnh Phúc			
4869	88A-663.58	Vĩnh Phúc	5869	88A-694.94	Vĩnh Phúc	6869	88A-673.39	Vĩnh Phúc			
4870	88A-667.29	Vĩnh Phúc	5870	88A-697.65	Vĩnh Phúc	6870	88A-673.73	Vĩnh Phúc			
4871	88A-670.77	Vĩnh Phúc	5871	88A-699.19	Vĩnh Phúc	6871	88A-675.35	Vĩnh Phúc			
4872	88A-673.25	Vĩnh Phúc	5872	88A-701.96	Vĩnh Phúc	6872	88A-675.86	Vĩnh Phúc			
4873	88A-674.22	Vĩnh Phúc	5873	88C-275.09	Vĩnh Phúc	6873	88A-678.38	Vĩnh Phúc			
4874	88A-679.36	Vĩnh Phúc	5874	88C-276.85	Vĩnh Phúc	6874	88A-680.39	Vĩnh Phúc			
4875	88A-685.77	Vĩnh Phúc	5875	88C-278.83	Vĩnh Phúc	6875	88A-681.44	Vĩnh Phúc			
4876	88A-685.93	Vĩnh Phúc	5876	89A-429.69	Hưng Yên	6876	88A-685.36	Vĩnh Phúc			
4877	88A-689.59	Vĩnh Phúc	5877	89A-442.69	Hưng Yên	6877	88A-691.28	Vĩnh Phúc			
4878	88A-691.98	Vĩnh Phúc	5878	89A-444.28	Hưng Yên	6878	88A-692.69	Vĩnh Phúc			
4879	88A-693.35	Vĩnh Phúc	5879	89A-446.86	Hưng Yên	6879	88A-695.28	Vĩnh Phúc			
4880	88A-701.00	Vĩnh Phúc	5880	89A-452.68	Hưng Yên	6880	88A-695.95	Vĩnh Phúc			
4881	88A-701.09	Vĩnh Phúc	5881	89A-452.86	Hưng Yên	6881	88A-696.38	Vĩnh Phúc			
4882	88A-702.56	Vĩnh Phúc	5882	89A-456.36	Hưng Yên	6882	88A-697.22	Vĩnh Phúc			
4883	88C-275.33	Vĩnh Phúc	5883	89A-456.54	Hưng Yên	6883	88A-700.56	Vĩnh Phúc			
4884	88C-277.27	Vĩnh Phúc	5884	89A-457.26	Hưng Yên	6884	88A-701.58	Vĩnh Phúc			
4885	88C-277.35	Vĩnh Phúc	5885	89A-458.33	Hưng Yên	6885	88C-269.58	Vĩnh Phúc			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4886	88C-278.29	Vĩnh Phúc	5886	89A-460.44	Hung Yên	6886	88C-279.36	Vĩnh Phúc			
4887	88C-279.06	Vĩnh Phúc	5887	89A-460.65	Hung Yên	6887	89A-428.69	Hung Yên			
4888	88C-279.95	Vĩnh Phúc	5888	89A-462.15	Hung Yên	6888	89A-432.69	Hung Yên			
4889	89A-431.89	Hung Yên	5889	89C-309.69	Hung Yên	6889	89A-439.09	Hung Yên			
4890	89A-447.37	Hung Yên	5890	89C-320.88	Hung Yên	6890	89A-444.65	Hung Yên			
4891	89A-448.85	Hung Yên	5891	89C-321.55	Hung Yên	6891	89A-445.45	Hung Yên			
4892	89A-448.95	Hung Yên	5892	89C-322.79	Hung Yên	6892	89A-450.83	Hung Yên			
4893	89A-450.58	Hung Yên	5893	89C-323.22	Hung Yên	6893	89A-450.98	Hung Yên			
4894	89A-450.88	Hung Yên	5894	89C-324.69	Hung Yên	6894	89A-451.54	Hung Yên			
4895	89A-451.15	Hung Yên	5895	89C-324.96	Hung Yên	6895	89A-452.79	Hung Yên			
4896	89A-452.95	Hung Yên	5896	90A-237.88	Hà Nam	6896	89A-463.16	Hung Yên			
4897	89A-453.69	Hung Yên	5897	90A-241.99	Hà Nam	6897	89A-466.89	Hung Yên			
4898	89A-454.00	Hung Yên	5898	90A-242.26	Hà Nam	6898	89C-314.86	Hung Yên			
4899	89A-454.86	Hung Yên	5899	90A-247.09	Hà Nam	6899	89C-315.86	Hung Yên			
4900	89A-458.18	Hung Yên	5900	90A-249.09	Hà Nam	6900	89C-316.22	Hung Yên			
4901	89A-461.44	Hung Yên	5901	90A-253.88	Hà Nam	6901	89C-323.55	Hung Yên			
4902	89A-462.96	Hung Yên	5902	90A-254.45	Hà Nam	6902	89C-323.79	Hung Yên			
4903	89A-464.66	Hung Yên	5903	90A-256.06	Hà Nam	6903	89C-324.11	Hung Yên			
4904	89A-465.59	Hung Yên	5904	90A-256.44	Hà Nam	6904	90A-233.44	Hà Nam			
4905	89A-466.44	Hung Yên	5905	90A-257.15	Hà Nam	6905	90A-242.24	Hà Nam			
4906	89C-309.39	Hung Yên	5906	90A-257.25	Hà Nam	6906	90A-249.96	Hà Nam			
4907	89C-316.38	Hung Yên	5907	90A-259.00	Hà Nam	6907	90A-252.35	Hà Nam			
4908	89C-320.89	Hung Yên	5908	90C-138.19	Hà Nam	6908	90A-252.69	Hà Nam			
4909	89C-322.83	Hung Yên	5909	90C-140.99	Hà Nam	6909	90A-254.44	Hà Nam			
4910	89C-323.19	Hung Yên	5910	92A-374.74	Quảng Nam	6910	90A-256.28	Hà Nam			
4911	90A-250.55	Hà Nam	5911	92A-374.86	Quảng Nam	6911	90A-258.39	Hà Nam			
4912	90A-251.09	Hà Nam	5912	92A-375.98	Quảng Nam	6912	90C-138.89	Hà Nam			
4913	90A-254.39	Hà Nam	5913	92A-376.79	Quảng Nam	6913	90C-138.99	Hà Nam			
4914	90A-256.11	Hà Nam	5914	92A-377.69	Quảng Nam	6914	92A-373.69	Quảng Nam			
4915	90A-256.25	Hà Nam	5915	92A-380.08	Quảng Nam	6915	92A-375.19	Quảng Nam			
4916	90A-258.08	Hà Nam	5916	92A-380.22	Quảng Nam	6916	92A-376.99	Quảng Nam			
4917	90C-135.39	Hà Nam	5917	92A-380.36	Quảng Nam	6917	92A-377.16	Quảng Nam			
4918	92A-372.22	Quảng Nam	5918	92A-380.77	Quảng Nam	6918	92A-380.65	Quảng Nam			
4919	92A-372.39	Quảng Nam	5919	92A-382.82	Quảng Nam	6919	92A-382.66	Quảng Nam			
4920	92A-375.08	Quảng Nam	5920	92A-384.59	Quảng Nam	6920	92A-385.59	Quảng Nam			
4921	92A-376.09	Quảng Nam	5921	92A-385.33	Quảng Nam	6921	92A-386.65	Quảng Nam			
4922	92A-380.81	Quảng Nam	5922	92A-386.69	Quảng Nam	6922	92A-388.95	Quảng Nam			
4923	92A-384.68	Quảng Nam	5923	92A-386.98	Quảng Nam	6923	92A-389.22	Quảng Nam			
4924	92A-385.16	Quảng Nam	5924	92A-388.55	Quảng Nam	6924	92A-390.09	Quảng Nam			
4925	92A-386.39	Quảng Nam	5925	92A-390.16	Quảng Nam	6925	92A-391.59	Quảng Nam			
4926	92A-387.16	Quảng Nam	5926	92A-392.58	Quảng Nam	6926	92A-391.95	Quảng Nam			
4927	92A-388.58	Quảng Nam	5927	92A-392.79	Quảng Nam	6927	92A-392.28	Quảng Nam			
4928	92A-389.33	Quảng Nam	5928	92A-393.44	Quảng Nam	6928	92A-392.69	Quảng Nam			
4929	92A-392.44	Quảng Nam	5929	92A-393.56	Quảng Nam	6929	92A-393.88	Quảng Nam			
4930	92A-393.36	Quảng Nam	5930	92A-395.22	Quảng Nam	6930	92A-393.95	Quảng Nam			
4931	92A-393.99	Quảng Nam	5931	92C-234.18	Quảng Nam	6931	92C-234.98	Quảng Nam			
4932	92A-394.65	Quảng Nam	5932	92C-235.18	Quảng Nam	6932	92C-238.79	Quảng Nam			
4933	92C-233.44	Quảng Nam	5933	92C-237.59	Quảng Nam	6933	92C-238.96	Quảng Nam			
4934	92C-235.15	Quảng Nam	5934	92C-238.77	Quảng Nam	6934	93A-439.44	Bình Phước			
4935	92C-235.85	Quảng Nam	5935	92D-004.44	Quảng Nam	6935	93A-439.96	Bình Phước			
4936	92C-236.39	Quảng Nam	5936	92D-004.58	Quảng Nam	6936	93A-441.26	Bình Phước			
4937	92C-237.65	Quảng Nam	5937	93A-442.65	Bình Phước	6937	93A-442.35	Bình Phước			
4938	93A-438.33	Bình Phước	5938	93A-442.79	Bình Phước	6938	93A-442.85	Bình Phước			
4939	93A-442.95	Bình Phước	5939	93A-444.05	Bình Phước	6939	93A-444.78	Bình Phước			
4940	93A-444.65	Bình Phước	5940	93A-444.33	Bình Phước	6940	93A-444.86	Bình Phước			
4941	93A-447.15	Bình Phước	5941	93A-445.15	Bình Phước	6941	93A-445.44	Bình Phước			
4942	93A-449.95	Bình Phước	5942	93A-445.18	Bình Phước	6942	93A-447.06	Bình Phước			
4943	93A-450.39	Bình Phước	5943	93A-445.83	Bình Phước	6943	93A-450.88	Bình Phước			
4944	93A-452.55	Bình Phước	5944	93A-448.19	Bình Phước	6944	93A-452.85	Bình Phước			

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4945	93A-452.79	Bình Phước	5945	93A-448.77	Bình Phước	6945	93A-453.18	Bình Phước			
4946	93A-452.86	Bình Phước	5946	93A-450.69	Bình Phước	6946	93A-454.15	Bình Phước			
4947	93A-452.88	Bình Phước	5947	93A-452.98	Bình Phước	6947	93A-454.56	Bình Phước			
4948	93A-453.66	Bình Phước	5948	93A-453.15	Bình Phước	6948	93A-455.85	Bình Phước			
4949	93A-456.39	Bình Phước	5949	93A-453.36	Bình Phước	6949	93A-456.59	Bình Phước			
4950	93A-456.55	Bình Phước	5950	93A-457.35	Bình Phước	6950	93A-458.35	Bình Phước			
4951	93A-456.95	Bình Phước	5951	93A-458.15	Bình Phước	6951	93C-179.25	Bình Phước			
4952	93A-458.29	Bình Phước	5952	93A-458.39	Bình Phước	6952	93C-181.58	Bình Phước			
4953	93A-460.26	Bình Phước	5953	93A-459.08	Bình Phước	6953	98A-729.29	Bắc Giang			
4954	93C-180.80	Bình Phước	5954	93A-459.18	Bình Phước	6954	98A-730.15	Bắc Giang			
4955	93C-181.35	Bình Phước	5955	93B-018.19	Bình Phước	6955	98A-736.69	Bắc Giang			
4956	93C-183.96	Bình Phước	5956	93C-180.00	Bình Phước	6956	98C-330.19	Bắc Giang			
4957	93D-003.89	Bình Phước	5957	98A-729.65	Bắc Giang	6957	98C-333.28	Bắc Giang			
4958	98A-730.59	Bắc Giang	5958	98A-732.79	Bắc Giang	6958	98C-333.35	Bắc Giang			
4959	98A-731.39	Bắc Giang	5959	98A-733.65	Bắc Giang	6959	98C-334.26	Bắc Giang			
4960	98A-732.73	Bắc Giang	5960	98A-734.55	Bắc Giang	6960	99A-700.86	Bắc Ninh			
4961	98A-732.85	Bắc Giang	5961	98A-735.00	Bắc Giang	6961	99A-702.86	Bắc Ninh			
4962	98A-732.86	Bắc Giang	5962	98A-736.33	Bắc Giang	6962	99A-709.09	Bắc Ninh			
4963	98A-732.89	Bắc Giang	5963	98A-736.44	Bắc Giang	6963	99A-711.39	Bắc Ninh			
4964	98A-736.56	Bắc Giang	5964	98C-327.33	Bắc Giang	6964	99A-714.69	Bắc Ninh			
4965	98A-736.73	Bắc Giang	5965	98C-333.44	Bắc Giang	6965	99A-720.11	Bắc Ninh			
4966	98A-737.36	Bắc Giang	5966	99A-716.16	Bắc Ninh	6966	99A-720.39	Bắc Ninh			
4967	98C-327.19	Bắc Giang	5967	99A-717.66	Bắc Ninh	6967	99A-720.86	Bắc Ninh			
4968	99A-702.20	Bắc Ninh	5968	99A-721.55	Bắc Ninh	6968	99A-725.38	Bắc Ninh			
4969	99A-702.68	Bắc Ninh	5969	99A-723.26	Bắc Ninh	6969	99A-726.86	Bắc Ninh			
4970	99A-707.86	Bắc Ninh	5970	99A-726.18	Bắc Ninh	6970	99A-727.99	Bắc Ninh			
4971	99A-712.21	Bắc Ninh	5971	99A-729.88	Bắc Ninh	6971	99A-728.26	Bắc Ninh			
4972	99A-714.79	Bắc Ninh	5972	99A-730.39	Bắc Ninh	6972	99A-729.86	Bắc Ninh			
4973	99A-720.56	Bắc Ninh	5973	99A-733.69	Bắc Ninh	6973	99A-732.16	Bắc Ninh			
4974	99A-725.68	Bắc Ninh	5974	99A-734.35	Bắc Ninh	6974	99A-733.65	Bắc Ninh			
4975	99A-725.85	Bắc Ninh	5975	99A-735.39	Bắc Ninh	6975	99A-734.28	Bắc Ninh			
4976	99A-733.35	Bắc Ninh	5976	99A-736.62	Bắc Ninh	6976	99A-735.25	Bắc Ninh			
4977	99A-736.06	Bắc Ninh	5977	99A-736.86	Bắc Ninh	6977	99A-735.36	Bắc Ninh			
4978	99A-736.58	Bắc Ninh	5978	99A-737.28	Bắc Ninh	6978	99A-738.44	Bắc Ninh			
4979	99A-737.66	Bắc Ninh	5979	99A-738.08	Bắc Ninh	6979	99A-738.56	Bắc Ninh			
4980	99A-737.88	Bắc Ninh	5980	99A-741.44	Bắc Ninh	6980	99A-740.00	Bắc Ninh			
4981	99A-738.33	Bắc Ninh	5981	99A-742.55	Bắc Ninh	6981	99A-741.29	Bắc Ninh			
4982	99A-743.33	Bắc Ninh	5982	99A-742.65	Bắc Ninh	6982	99A-745.16	Bắc Ninh			
4983	99A-743.47	Bắc Ninh	5983	99A-743.29	Bắc Ninh	6983	99A-746.09	Bắc Ninh			
4984	99A-744.08	Bắc Ninh	5984	99A-743.74	Bắc Ninh	6984	99A-748.22	Bắc Ninh			
4985	99A-745.46	Bắc Ninh	5985	99A-747.86	Bắc Ninh	6985	99A-750.08	Bắc Ninh			
4986	99A-745.74	Bắc Ninh	5986	99A-747.99	Bắc Ninh	6986	99A-752.09	Bắc Ninh			
4987	99A-748.18	Bắc Ninh	5987	99A-750.11	Bắc Ninh	6987	99A-753.83	Bắc Ninh			
4988	99A-758.11	Bắc Ninh	5988	99A-750.55	Bắc Ninh	6988	99A-757.26	Bắc Ninh			
4989	99A-760.83	Bắc Ninh	5989	99A-751.55	Bắc Ninh	6989	99A-759.98	Bắc Ninh			
4990	99A-761.96	Bắc Ninh	5990	99A-754.08	Bắc Ninh	6990	99A-760.85	Bắc Ninh			
4991	99A-762.79	Bắc Ninh	5991	99A-754.59	Bắc Ninh	6991	99A-761.79	Bắc Ninh			
4992	99A-764.88	Bắc Ninh	5992	99A-756.16	Bắc Ninh	6992	99A-762.63	Bắc Ninh			
4993	99A-765.06	Bắc Ninh	5993	99A-756.69	Bắc Ninh	6993	99A-763.22	Bắc Ninh			
4994	99A-765.44	Bắc Ninh	5994	99A-757.55	Bắc Ninh	6994	99A-764.65	Bắc Ninh			
4995	99A-766.58	Bắc Ninh	5995	99A-758.79	Bắc Ninh	6995	99A-765.96	Bắc Ninh			
4996	99C-302.68	Bắc Ninh	5996	99C-300.00	Bắc Ninh	6996	99C-302.36	Bắc Ninh			
4997	99C-303.33	Bắc Ninh	5997	99C-302.98	Bắc Ninh	6997	99C-303.85	Bắc Ninh			
4998	99C-303.65	Bắc Ninh	5998	99C-303.28	Bắc Ninh	6998	99C-305.50	Bắc Ninh			
4999	99C-308.15	Bắc Ninh	5999	99C-305.96	Bắc Ninh	6999	99C-308.66	Bắc Ninh			
5000	99C-309.35	Bắc Ninh	6000	99C-309.03	Bắc Ninh	7000	99C-308.77	Bắc Ninh			